

X.A. Mikhailốp

Báo chí hiện đại nước ngoài:

NHỮNG QUY TẮC VÀ NGHỊCH LÝ



NHÀ XUẤT BẢN THÔNG TẤN

X.A. Mikhailốp

Báo chí hiện đại nước ngoài: NHỮNG QUY TẮC VÀ NGHỊCH LÝ

(Sách tham khảo nghiệp vụ)
Người dịch: Đào Tấn Anh

NHÀ XUẤT BẢN THÔNG TẤN
HÀ NỘI - 2004

LỜI NHÀ XUẤT BẢN

Tháng 6-2003, nhân dịp Ngày Báo chí Cách mạng Việt Nam, Nhà xuất bản Thông Tấn đã ấn hành Bộ sách tham khảo nghiệp vụ báo chí gồm 14 cuốn, đáp ứng một phần nhu cầu tìm hiểu, học hỏi của báo giới trong nước và độc giả nói chung.

Sau hơn một năm kể từ ngày Bộ sách ra mắt bạn đọc, Nhà xuất bản đã nhận được nhiều ý kiến đóng góp quý báu. Trong lần biên soạn, xuất bản này, chúng tôi mong muốn gửi tới bạn đọc những hiểu biết thêm về cơ sở lý luận của báo chí, các tri thức, kỹ năng, hình thức và thể loại báo chí đã và đang được sử dụng ở trong nước và trên thế giới, hy vọng giúp ích phần nào cho các nhà báo, sinh viên báo chí, và những ai quan tâm đến nghề báo.

Cuốn Báo chí hiện đại nước ngoài: Những quy tắc và nghịch lý trong bộ sách xuất bản lần này của tác giả người Nga X.A.Mikhailốp (NXB Mikhailốp - Xanh Pêtéc-bua ấn hành năm 2002), giới thiệu với độc giả một số nét cơ bản về đặc điểm, tình hình, khuynh hướng phát triển hiện nay của báo chí thế giới.

Sách gồm 4 chương, đề cập vị trí, vai trò của báo chí trong xã hội; những xu hướng phát triển của báo chí trong bối cảnh toàn cầu hóa không

gian thông tin; báo chí và kinh tế; sự tập trung hóa và độc quyền hóa của hoạt động báo chí ở một số quốc gia; báo chí và hệ thống luật pháp của các quốc gia và sự tự điều chỉnh của báo chí; báo chí và kỹ thuật truyền thông; những đặc điểm dân tộc trong sự phát triển báo chí của các khu vực khác nhau trên thế giới, v.v..

Với cách trình bày dễ tiếp nhận, cuốn sách cung cấp cho những người hoạt động trên lĩnh vực truyền thông đại chúng và đông đảo các độc giả có mối quan tâm tìm hiểu, nghiên cứu về lĩnh vực này, nhiều thông tin, tư liệu và kiến thức phong phú, rất đáng quan tâm.

Tuy nhiên, trong quá trình chuyển ngữ, người dịch đã gặp một khó khăn: tên người và tên các cơ quan báo chí trong nguyên bản các thứ tiếng khác (như: tiếng Anh, Pháp, Đức, Trung Quốc, Ả-rập...) đã được phiên âm qua tiếng Nga, cho nên có thể sẽ không còn đúng hoàn toàn với nguyên bản. Vì vậy, Nhà xuất bản rất mong bạn đọc gần xa thông cảm và lượng thứ.

Chúng tôi xin trân trọng giới thiệu cuốn sách và mong nhận được ý kiến góp ý của độc giả giúp chất lượng sách được tiếp tục hoàn thiện hơn trong lần tái bản sau.

NHÀ XUẤT BẢN THÔNG TẤN

CHƯƠNG I

BÁO CHÍ VÀ XÃ HỘI

Báo chí không thể tồn tại bên ngoài xã hội, vì sứ mạng của báo chí trước hết là thỏa mãn các nhu cầu của xã hội. Xã hội hiện đại không thể tồn tại mà không có báo chí, vì xã hội quan tâm đến việc phổ biến những thông tin có ý nghĩa xã hội quan trọng trên quy mô đại chúng. Đó là sự phụ thuộc và ảnh hưởng lẫn nhau giữa các phương tiện thông tin đại chúng và xã hội mang ý nghĩa nhiều mặt và đa dạng.

Các nhà báo và công chúng hưởng thụ thông tin đều tuân theo những luận thuyết và quan điểm cụ thể về báo chí. Những luận thuyết và quan điểm ấy quyết định mục tiêu, nhiệm vụ, các hình thức và phương pháp hoạt động của các phương tiện thông tin đại chúng. Xét cho cùng, sản phẩm thông tin mang những nét cụ thể và tiêu biểu, thỏa mãn hoặc không thỏa mãn những đòi hỏi của học thuyết hoặc quan điểm nào đó.

Báo chí phải phục vụ ai? Bằng cách nào báo chí hoàn thành các nhiệm vụ của mình? Nhà báo được hưởng những quyền gì và có những bổn phận nào để hoàn thành nghĩa vụ xã hội của mình một cách có hiệu quả? Trong xã hội hiện đại, thông tin phải đi theo những con đường nào? Các nhà lý luận về báo chí hiện đại vẫn cố gắng giải đáp những câu hỏi ấy và nhiều câu hỏi khác có ý nghĩa thực tiễn quan trọng.

Trong nhiều trường hợp, các giới cầm quyền của một nước nào đó sử dụng các phương tiện thông tin đại chúng để đạt cho được những lợi ích chính trị của mình. Kết quả là, những vấn đề như quyền con người, trật tự trao đổi thông tin quốc tế, các sinh hoạt chính trị nội bộ có liên quan đến các phương tiện thông tin đại chúng và những vấn đề khác đã trở thành chủ đề của cuộc đấu tranh gay gắt ở cấp độ quốc tế. Các nhu cầu của xã hội về thông tin được các phương tiện thông tin đại chúng thỏa mãn ở mức độ và với khối lượng đặc trưng phù hợp với từng quốc gia riêng trong những điều kiện lịch sử cụ thể.

1. CÓ NHIỀU LÝ THUYẾT TRÊN 23 TRANG GIẤY

Nhiều học thuyết và quan điểm báo chí hiện đại của nước ngoài trông giống như một bức tranh ghép đa dạng. Mỗi quan hệ của những học thuyết và những quan điểm ấy với những chủ

thuyết có tính chất chung hơn về tổ chức chính trị - xã hội của cộng đồng, và đến lượt mình, sự khác nhau của những chủ thuyết ấy với nhiều học thuyết triết học khác là điều hiển nhiên. Đương nhiên, đối với báo chí ở tất cả các quốc gia, người ta có thể tìm thấy những nét chung, căn bản nhất. Nhưng cũng không thể quên những sắc thái riêng của mỗi dân tộc. Đó là những đặc điểm gắn với lịch sử, văn hóa, kinh tế và những hoạt động chính trị - xã hội.

Cách tiếp cận đáng chú ý nhất và có kết quả là phân tích các hiện tượng của báo chí nước ngoài có liên quan đến các diễn biến chính trị, từ đó thấy rõ hơn ảnh hưởng của các phương tiện thông tin đại chúng đến đời sống con người.

Ở Nga, những vấn đề về quan hệ giữa báo chí và chính trị được nghiên cứu nhiều nhất từ những năm 1960. Phần lớn sách báo đều đề cập tính quy luật và tất yếu trong việc phát triển tích cực chính trị của công dân. Báo chí được xem là một trong những công cụ quản lý xã hội. Trong những năm 1980, nổi lên một vấn đề hết sức gay gắt, đó là sự cần thiết phải hoàn thiện hơn nữa các quan hệ xã hội. Người ta bắt đầu nghiên cứu mức độ ảnh hưởng của các phương tiện thông tin đại chúng đối với quá trình chuẩn bị và thông qua những quyết định chính trị cũng như quá trình thực hiện những quyết định ấy trên thực tế.

Ngay từ thời kỳ Chiến tranh thế giới thứ hai diễn ra dữ dội nhất, năm 1942, theo đề nghị của Henri Luyxơ - chủ nhân của tạp chí *Time* và một số ấn phẩm khác tạo thành một Công ty liên hợp báo chí lớn nhất ở Mỹ - người ta đã thành lập Ủy ban về các vấn đề tự do báo chí, đứng đầu là R.M.Hatsinxơ, Giám đốc Đại học Tổng hợp Chicagô. H.Luyxơ đã chi 200 nghìn đôla để tài trợ cho hoạt động của Ủy ban này. Sau một thời gian hoạt động, Ủy ban này đã đưa ra những trường hợp vi phạm tự do báo chí ở Mỹ. Bản báo cáo của Ủy ban đã được công bố vào năm 1947 dưới nhan đề *"Báo chí tự do và có trách nhiệm. Đây là bản báo cáo chung về thông tin đại chúng: các báo, tạp chí, đài phát thanh, điện ảnh, và các cuốn sách"*. Trên cơ sở những kết luận của Ủy ban này, dựa vào chuẩn mực đạo đức của nhà báo và thực tiễn báo chí, W.E.Hôkinh đã đưa ra những quan điểm lý luận về trách nhiệm xã hội, đưa vấn đề đạo đức nghề nghiệp lên hàng đầu.

Những kết luận do Ủy ban của Hatsinxơ đưa ra đã trở thành cơ sở để tiến hành phân tích chi tiết hoạt động của báo chí trong xã hội hiện đại. Các nhà lý luận và sử gia nổi tiếng của Mỹ, giảng dạy tại Trường Đại học Tổng hợp ở Illinois là Phrết Xibécơ, Têôđô Pêtecơxơ cùng người lãnh đạo dự án là giáo sư W.Sram của Trường đại học Tổng hợp Xtenphoocơ đã soạn thảo và

xuất bản cuốn sách *Bốn lý thuyết về báo chí*. Trong một thời gian dài, người ta coi cuốn sách này là một tác phẩm kinh điển.

Trong mỗi luận thuyết nêu trong cuốn sách - vấn đề trách nhiệm của báo chí đã được các tác giả phân tích căn cứ theo khuôn khổ cơ cấu xã hội - chính trị mà các phương tiện thông tin đại chúng đã hoạt động. Luận thuyết *theo chế độ cực quyền* thì quy định trách nhiệm của báo chí trước nhà vua, quốc trưởng, cũng có nghĩa là trách nhiệm trước nhà nước mà những nhân vật ấy là hiện thân. Còn luận thuyết *về tự do báo chí* dựa trên sự tự do bày tỏ ý chí hay như cách gọi của các tác giả, đó là thuyết tự do bác bỏ sự phụ thuộc ấy, bác bỏ luận thuyết coi báo chí là công cụ của nhà nước và khẳng định báo chí không chịu sự kiểm soát của nhà nước. Hơn thế nữa, thuyết này còn quy định quyền kiểm soát chính phủ của báo chí, đóng vai trò “quyền lực thứ tư”, không phụ thuộc vào ba nhánh cơ cấu nhà nước còn lại. Luận thuyết *trách nhiệm xã hội* của báo chí thì phát triển theo hướng tự do chủ nghĩa ở những điều kiện mới của sự tập trung và độc quyền báo chí, đưa ra những ý tưởng về sự tự quản của các chủ sở hữu các phương tiện thông tin đại chúng. Sự tự quản ấy cho phép tính đến những lợi ích của xã hội dựa trên sự đồng thuận tự nguyện, nhượng bộ và tự hạn chế một cách căn bản các quyền của mình

trong mối quan hệ giữa giới chủ sở hữu, các nhà xuất bản đối với các nhà báo và cộng đồng.

Luận thuyết của Liên Xô (cũ) thì xem báo chí là *công cụ và vũ khí* của Đảng Cộng sản và Nhà nước Xôviết.

Trong lời nói đầu viết cho bản tiếng Nga của cuốn sách kể trên, Ia.N.Daxurxki đã nêu 5 cách tiếp cận đối với sự phê phán báo chí và cách đặt vấn đề trách nhiệm:

- Trách nhiệm trước xã hội, trước công dân;
- Trách nhiệm trước nhà nước. Trách nhiệm này quy định mức độ kiểm soát khác nhau của nhà nước;
- Trách nhiệm trước nhà xuất bản, trước người chủ sở hữu, - quyền của người chủ lãnh đạo các phương tiện thông tin đại chúng, căn cứ vào các lợi ích kinh tế, chính trị hoặc những lợi ích khác;
- Trách nhiệm trước nghề nghiệp và các đồng nghiệp, mở ra con đường tự điều chỉnh của các phương tiện thông tin đại chúng thông qua các nhà báo;
- Trách nhiệm trước công chúng - bạn đọc, người xem, người nghe.

Thế giới rất đa dạng, báo chí phản ánh sự đa dạng ấy. Như các tác giả của cuốn sách *Bốn lý thuyết về báo chí* đã nêu rõ, những sự khác biệt ấy đã phân nào “phản ánh khả năng tài chính của một quốc gia trong việc trả tiền cho báo chí

của mình, trình độ những thành tựu kỹ thuật và những nguồn lực có thể dành cho những mục tiêu thông tin đại chúng, và cũng phản ánh cả trình độ tương đối trong lĩnh vực tổ chức đô thị". Trình độ tổ chức đô thị khiến cho việc phổ cập các phương tiện thông tin đại chúng, đồng thời trở nên dễ dàng và cần thiết hơn. Ở một mức độ nào đó, những khác biệt về báo chí ở những nước khác nhau chỉ đơn giản là sự phản ánh những gì người ta làm ở những địa điểm khác nhau và những điều mà người ta muốn đọc, muốn tìm, xuất phát từ kinh nghiệm của bản thân.

Tuy nhiên, cũng có một nguyên nhân cơ bản, quan trọng hơn dẫn đến những sự khác biệt ấy. Đó là báo chí luôn luôn mang hình thức và sắc thái của cơ cấu xã hội - chính trị mà nó hoạt động. Đặc biệt, báo chí phản ánh hệ thống kiểm soát xã hội. Hệ thống ấy điều chỉnh các mối quan hệ giữa người với người và giữa những quy định xã hội. Theo ý kiến của chúng tôi, việc nhận thức rõ những khía cạnh ấy của xã hội là cơ sở nhận thức một cách có hệ thống về vấn đề báo chí.

Dĩ nhiên, tất cả mọi cách tiếp cận để phân tích về hoạt động của báo chí không chỉ quy tụ vào bốn luận thuyết ấy. Trong khoa học ở nước ngoài tồn tại cả một loạt các học thuyết và luận thuyết về sự tác động qua lại giữa báo chí, các thiết chế chính trị và các quá trình chính trị. Dưới hình thức tổng hợp, những học thuyết ấy

có thể được đại diện bởi những khuynh hướng cơ bản dưới đây.

Trước hết, đó là nhóm những luận thuyết nêu bật chức năng hàng đầu của báo chí là chức năng quản lý, điều khiển.

Một trong số những nhân vật có uy tín được thừa nhận của khuynh hướng này là W. Lípman. Cuốn sách *Dư luận xã hội* của ông đã trở thành cuốn sách gối đầu giường đối với các nhà nghiên cứu và những người hoạt động thực tiễn của báo chí. Ở một mức độ nào đó, H.Silơ, Ghéchác Glaixơbéc, T.Xôrenxen và một số nhân vật khác cũng nêu bật chức năng điều khiển của báo chí.

Nhóm nghiên cứu khác (như E.Mâyơ và những người khác) thì đặt chức năng thông tin của báo chí lên hàng đầu. Theo ý kiến của họ, nhiệm vụ của các phương tiện thông tin đại chúng là thực hiện những quan hệ theo chiều thẳng đứng (từ người quản lý đến người bị quản lý, và ngược lại) cũng như những quan hệ theo chiều ngang (ở các cấp độ quản lý khác nhau và trong những khía cạnh xã hội của cộng đồng). Báo chí đóng vai trò ngôn ngữ giao tiếp đại chúng.

Khuynh hướng thứ ba là luận thuyết về "quyền lực thứ tư". Trên thực tế thì tất cả những người nghiên cứu về phương tiện thông tin đại chúng đều sử dụng luận thuyết này để minh họa hiệu lực bài vở của báo chí. Các nhà khoa học như W.Rôxtâu, Đ.Ben, E.Bagơxtam cho rằng

hoạt động báo chí có thể ảnh hưởng đến tất cả các nhánh quyền lực trong xã hội: lập pháp, hành pháp và tư pháp. Về mặt này, đáng chú ý là luận thuyết “chế độ dân chủ” do G.Mecmê đưa ra. Ở đây, báo chí được xem là một hiện tượng sử dụng các quá trình dân chủ nhằm thiết lập nền chuyên chế của mình. Luận thuyết “chế độ thông tin” cũng gần gũi với luận thuyết trên và do F.A.đơ Viriê đưa ra.

Dĩ nhiên, không thể bỏ qua quan điểm được phổ biến rộng rãi của các nhà mácxít: trong xã hội có giai cấp, báo chí là vũ khí đấu tranh giai cấp, là người tuyên truyền cổ động và tổ chức tập thể.

Khuyñh hướng thứ năm thì tập hợp những luận thuyết coi báo chí là một hiện tượng độc lập trong các quá trình phát triển xã hội và chính trị. Người ta đặc biệt chú ý đến những nghiên cứu xã hội học cụ thể (P.Ladác Phendơ, P.Hôđê) và những nghiên cứu ấy mang tính chất ứng dụng rõ rệt. W.Sram, G.Mêrilơ, G.Tanstelơ và những nhân vật khác đã nêu bật cái gọi là “cách tiếp cận của nhà báo” trong việc phân tích các hiện tượng xã hội. Ví dụ, Tanstelơ đưa ra luận thuyết “phi điều tiết báo chí”. Luận thuyết này giải thích nhiều quá trình đứng trên quan điểm các quan hệ thị trường gia tăng trong các phương tiện thông tin đại chúng ở những nước khác nhau.

Những khuyñh hướng nghiên cứu nói trên ít

khi được bắt gặp ở dạng thuần khiết. Nó làm phong phú và bổ sung cho nhau tùy thuộc vào lập trường của tác giả hoặc những điều kiện lịch sử cụ thể. Những luận thuyết hiện đại về dân chủ (thuyết dân túy, thuyết đại chúng, thuyết siêu đa, v.v..), thường là những biến thể của thuyết đa nguyên. Những học thuyết này đã được các nhà khoa học Nga và nước ngoài nghiên cứu đầy đủ và vẫn là đối tượng để họ chăm chú theo dõi.

Điều đó là bắt nguồn từ các quá trình dân chủ hóa đời sống chính trị - xã hội ở nhiều nước trên thế giới. Để đảm bảo cho nhân dân có được quyền lực thực sự thì cần thực hiện đồng bộ các nguyên tắc dân chủ. Trong số những nguyên tắc ấy, nguyên tắc tự do báo chí có một ý nghĩa không nhỏ. Vì trong xã hội hiện thực những giai cấp, những nhóm và những tầng lớp dân cư quan tâm đến việc giành lấy hoặc duy trì chính quyền thường ở vào những điều kiện không giống nhau cho nên mức độ kiểm soát các phương tiện thông tin đại chúng có một ý nghĩa hàng đầu.

Các phương tiện thông tin đại chúng thực hiện các chức năng thông tin và giáo dục, kiểm soát và giám sát hoạt động của nhà nước, hình thành không gian chính trị. Các tác giả khác nhau có cách nhìn khác nhau đối với việc xác định các ưu tiên hoạt động của các phương tiện thông tin đại chúng, nhưng trên thực tế, tất cả họ

đều nhất trí thừa nhận tầm quan trọng của các chức năng ấy của báo chí đối với nền dân chủ.

Các cơ cấu quyền lực thì chú ý một cách thường xuyên và có ý thức đến các phương tiện thông tin đại chúng. Trong cuốn sách của W. Lípman, xuất bản năm 1922 có tựa đề *Dư luận xã hội* đã nêu vấn đề về thái độ của các phương tiện thông tin đại chúng đối với thực tại. Trong khi đề ra luận thuyết của mình, tác giả đã dựa trên những quan điểm của các đại biểu chủ nghĩa thực dụng triết học của V.Giêmxơ và Đ.Đuy. Qua cuốn sách của W. Lípman người ta thấy rằng, nhờ có thông tin và sự quan tâm của mọi người đến các sự kiện ở trong nước và ở nước ngoài, người ta có thể xâm nhập vào thế giới nội tâm của con người, tạo ra vật cản trên con đường của những gì “làm cho họ lầm lẫn”.

Như vậy là đã mở đầu quá trình nghiên cứu khoa học và áp dụng trên thực tế những khả năng điều khiển của báo chí. Người nghiên cứu tích cực nhất về những khả năng ấy của các cơ quan thông tin đại chúng là nhà khoa học Mỹ nổi tiếng H.Silơ mà những tác phẩm của ông đã nhiều lần được dịch ra tiếng Nga. Trong tác phẩm *Những nhân tố điều khiển ý thức*, tác giả đã xem xét một cách triệt để những khía cạnh cơ bản trong sự tác động của các phương tiện thông tin đại chúng đến ý thức quần chúng, đến sự hình thành ý kiến xã hội và sự quản lý xã hội

bằng bộ máy thông tin - tuyên truyền.

Cách nhìn ấy cho phép chỉ ra một cách toàn diện hệ thống các phương tiện thông tin đại chúng, tách tổ hợp thông tin - tuyên truyền ra khỏi những thiết chế kinh tế - xã hội khác; phân tích cặn kẽ các bộ phận cấu thành cũng như vai trò của chúng trong điều khiển ý thức và quản lý hành vi của con người.

Sơ nêu bật 5 câu chuyện huyền thoại chủ yếu mà nhờ chúng có thể điều khiển được ý thức. Đó là:

- ♦ Huyền thoại về chủ nghĩa cá nhân và sự lựa chọn của cá nhân;
- ♦ Huyền thoại về thái độ trung lập;
- ♦ Huyền thoại về bản chất không thay đổi của con người;
- ♦ Huyền thoại về sự không tồn tại của các xung đột xã hội;
- ♦ Huyền thoại về tính chất đa nguyên của các phương tiện thông tin đại chúng.

Về vấn đề này, đáng chú ý là cuốn sách của nhà nghiên cứu người Đức Ghéchác Glaixơbéc có nhan đề *Về sự tập trung báo chí và sự điều khiển ý kiến xã hội*. Tác giả đã có lý khi nêu ra rằng, "Sự tập trung báo chí có tác dụng cải thiện và đơn giản hóa các điều kiện để thực hiện việc điều khiển ý thức, cho phép tiến hành công việc ấy một cách có định hướng hơn, đầy đủ hơn và hữu hiệu hơn".

Một số nhà nghiên cứu bác bỏ luận thuyết về chức năng điều khiển và nêu bật chức năng thông tin trong hoạt động của báo chí. Điều thường thấy nhiều nhất là họ nêu lên vai trò của các phương tiện thông tin đại chúng trong các mối quan hệ từ trên xuống và ngược lại, cũng như những quan hệ theo chiều ngang. Điều này đặc biệt rõ đối với những ấn phẩm chuyên biệt trong khuôn khổ “chủ thuyết về quan hệ con người trong công nghiệp” mà E.Mâyơ là một trong số những người sáng lập ra chủ thuyết ấy. Trong khuôn khổ từng doanh nghiệp riêng lẻ - mà ông quan tâm đến - Mâyơ đã không tin vào khả năng thiết lập sự hài hòa mà không cần những biện pháp đặc biệt, mang tính chất tâm lý. Trong một số trường hợp Mâyơ đã dựa vào những quan điểm của Căyxơ và của phái tân Căyxơ. Cũng như Căyxơ, Mâyơ không hề chú ý đến cơ cấu giai cấp của xã hội. Luận thuyết của Căyxơ trong một thời gian dài đã chiếm địa vị thống trị trong khoa học chính trị kinh tế học Mỹ, còn học thuyết của Mâyơ đã từng là cơ sở tư tưởng cho cơ chế quản lý ở cấp độ các doanh nghiệp.

Mâyơ đã phê phán các nhà kinh tế học thế kỷ XIX rằng họ đã không đánh giá hết vai trò của các nhóm không chính thức, và ông nêu rõ: “Ricacđô có thể biết gì về đời sống trong các nhóm và về ảnh hưởng của các nhóm đến hành

vi con người, một khi ông ấy đóng kín cửa ngói trong phòng giao dịch của mình và vùi đầu vào những suy nghĩ trừu tượng?”.

Những môn đồ của Mâyơ đặc biệt chú ý đến các phương tiện thông tin đại chúng, trước hết đến *báo chí công xướng*. Dựa trên tiền đề là hình thức thông tin ký hiệu - bằng lời nói và hình ảnh - là cơ sở để các ý thức xã hội hình thành và hoạt động, họ đã có tham vọng tìm kiếm những phương cách ngày càng hiệu quả hơn trong việc thực hiện các quá trình thông tin.

Sự phát triển của lý luận về thông tin và sự hoàn thiện hơn nữa các phương pháp lý luận ấy đã cho phép áp dụng một số kết luận của nó vào việc nghiên cứu các quá trình xã hội. Đặc biệt, cách tiếp nhận thông tin lý luận đã tạo cơ hội để có được những hiểu biết mới về xã hội, phát hiện ra biểu hiện đặc thù của thông tin, của sự kiểm soát và mối liên hệ ngược chiều trong các hệ thống xã hội.

Trường hợp biểu hiện riêng của xu hướng chung là sự áp dụng lý luận thông tin vào nghiên cứu tâm lý. Đối với một số nước thì vấn đề nóng bỏng là xu thế tâm lý hóa ngày càng mạnh hơn trong cổ động và tuyên truyền.

Luận điểm của W.Lípman cho rằng mọi người có phản ứng khác nhau trước cùng một thông tin, đã buộc các nhà tâm lý học xã hội đặc biệt chú ý đến việc tìm ra những con đường sử dụng hiện

tượng ấy trong thực tiễn thông tin đại chúng.

Nhà nghiên cứu người Mỹ M.Đêphlơ đã đề xuất “học thuyết về những khác biệt cá thể”. Học thuyết này xuất phát từ quan điểm cho rằng mọi thông tin đều gây ra một loạt ấn tượng và ý kiến. Do đó, đã xuất hiện một nhiệm vụ thuần túy thực tiễn là đưa dòng thác ấn tượng và ý kiến ấy vào một hệ thống có thể nâng cao hiệu quả tác động đến công chúng. Sau này, đứng trên lập trường ấy, nhà tâm lý học xã hội Mỹ Hanrôn Látxuên đã tiếp cận các vấn đề tác động thông tin. Người ta có thể coi ông này là một trong số những người sáng lập ra học thuyết hiện đại về thông tin đại chúng.

Đương thời, luận thuyết của Látxuên đã nhằm chống lại “xã hội học tri thức” là thuyết đã từng được phổ biến rộng rãi ở các nước Tây Âu. Các đại biểu của thuyết này đã tìm hiểu xem tại sao cùng một lời nói ở cửa miệng những con người có địa vị xã hội khác nhau, lại mang ý nghĩa hoàn toàn khác nhau. P.X.Gurêvich đã giải thích như sau về những câu nói của người đại diện “xã hội học tri thức” nổi tiếng là C.Manhem: “Ông C.Menhem giải thích rằng, vào đầu thế kỷ XIX các nhân vật bảo thủ kiểu cũ nói đến tự do thì họ hiểu đó là quyền của từng tầng lớp xã hội sống theo những đặc quyền của mình (“các quyền tự do”). Đại biểu của trào lưu lãng mạn - bảo thủ thì hiểu tự do là quyền của cá nhân được

sống theo quan niệm của mình. Còn người theo chủ nghĩa tự do, khi giải thích về vấn đề này, đã hiểu đó là sự thoát ra khỏi những đặc quyền mà nhân vật bảo thủ đã từng coi trọng". C.Menhem và những người theo ông lại cho rằng không phải những mâu thuẫn vật chất trong xã hội, mà là sự phản ánh tư tưởng về những mâu thuẫn ấy, sự đối kháng giữa các tư tưởng, giữa các lối suy nghĩ và các quan điểm, chính là nguyên nhân đích thực dẫn đến xung đột xã hội.

Vì bối cảnh lịch sử - xã hội ở Mỹ đã hình thành hoàn toàn khác với châu Âu, cho nên ở Mỹ đã xuất hiện một cộng đồng phức tạp gồm những nhóm dân tộc và tôn giáo, còn ý thức xã hội thì được đặc trưng bởi chủ nghĩa đa nguyên văn hóa - tư tưởng. Do đó, tại Mỹ, vấn đề mang tính chất đặc biệt gay gắt là việc nhất thể hóa những tổ chức tinh thần của các nhóm trong tinh thần nước Mỹ. Vì vậy mà ngay từ đầu, luận thuyết của H.Látxuê-nơ và hệ thống do ông dựng lên về thông tin đại chúng đã xuất phát từ quan điểm cho rằng việc nghiên cứu vai trò xã hội của tư tưởng gia hoặc của chính tư tưởng do tư tưởng gia ấy đề xuất thì không đem lại bức tranh đầy đủ về các quá trình thông tin - đại chúng đang diễn ra trong xã hội. Cần bổ sung việc xem xét tính chế định xã hội của tri thức và của vai trò nhà tư tưởng, chọi lại bằng sự phân tích về ý thức được hình thành một cách tự phát và đối

chơi lại những chủ thuyết tư tưởng đã hình thành chính thức. Vì vậy, H.Látxuên cho rằng, điều đặc biệt quan trọng là cần xem xét cái gọi là ý thức “hiện thực”, “thực tế”, “đại chúng”, “chan hòa”. Đó chính là sự khác biệt của thuyết thông tin đại chúng so với “xã hội học tri thức” của châu Âu. Như R.Mecton đã nói rõ, “nếu người châu Âu phân tích ý thức hệ của các phong trào chính trị, thì người Mỹ nghiên cứu ý kiến của cử tri và của những người không tham gia bỏ phiếu”.

Thật vậy, H.Látxuên đã đề ra cho mình mục tiêu khám phá sự lưu thông của các luồng thông tin đại chúng dưới hình thức những mất xích tuần tự của một cơ cấu chung. Ông đã nhìn thấy ở thông tin một quá trình có những chức năng xã hội, một cấu trúc bên trong và một định hướng chung, và ông đã cố gắng đưa ra một sự mô tả chính thể về các hiện tượng thông tin đại chúng. Látxuên xem các luồng thông tin là những mô hình về tất cả các quá trình xã hội. Theo cách lý giải ấy thì tổng hợp các quan hệ xã hội phức tạp được đơn giản hóa thành một hệ thống các dòng chảy thông tin đại chúng. Látxuên cho rằng, những mâu thuẫn xã hội xuất hiện là do thông tin phổ biến không đồng đều. Vì vậy, nguyên tắc “giáo dục đồng đẳng” phải giúp cho những người nắm vững các nghề khác nhau, trình độ kiến thức nghề nghiệp và kỹ thuật khác nhau, để họ nhận thức rõ và đi đến

sự thỏa thuận về những vấn đề liên quan đến toàn thế giới, bởi vì “mục đích của xã hội dân chủ là giáo dục như nhau cho chuyên gia, cho nhà lãnh đạo và cho công dân”.

Giáo sư Đ.P.Gavra, phụ trách bộ môn lý luận thông tin của Trường Đại học Tổng hợp quốc gia Xanh Pêtéc-bua đã đưa ra một ý tưởng đáng chú ý. Tại cuộc hội thảo khoa học - thực tế thường kỳ và có tên gọi “Thế kỷ thông tin” được tiến hành ngày 20-12-2000, vị giáo sư này đã đọc bản báo cáo “Hiệu quả của các nguồn thông tin”. Báo cáo chỉ rõ, sự quan tâm đến việc nghiên cứu các nguồn thông tin không phải là điều mới lạ. Những vấn đề cơ bản mà chúng ta đưa ra khi bắt tay xem xét những nguồn thông tin ấy, có thể được lý giải đại thể như sau: “Các nguồn thông tin ảnh hưởng như thế nào đến công chúng? Những đặc trưng nào của các nguồn thông tin làm cho những tác động có tính chất thuyết phục của chúng trở nên hữu hiệu hơn?”.

Lịch sử của thông tin đại chúng đã chứng kiến không ít những cố gắng đưa ra lời giải đáp cho những câu hỏi ấy. Chẳng hạn, Arix-tốt, khi xem xét bài phát biểu trước công chúng, đã tập trung chú ý không phải là nội dung của bài phát biểu ấy, mà vào những đặc trưng của diễn giả và “tư cách” của diễn giả ấy. Arix-tốt cho rằng, một người cung cấp thông tin hữu hiệu - nếu ta dùng ngôn ngữ hiện đại - phải có sự nhạy cảm về sự

cảm nhận của công chúng, một ý chí mạnh mẽ và những phẩm chất đạo đức xứng đáng. Theo ý kiến của Makiavêli, người cung cấp thông tin là người có uy tín trong lĩnh vực hoạt động của mình, có năng lực che giấu (ngụy trang) ý đồ thuyết phục (và thuyết phục lại) công chúng của mình, một người có uy tín xã hội cao. Không gì có thể làm yên lòng đám đông bị phấn kích bằng sự khâm phục của đám đông ấy khi đứng trước một đảng trưởng phu đầy uy tín và khả kính. Vì vậy, người đứng đầu quân đội hoặc người đứng đầu tòa thị chính của một thành phố đang chuẩn bị nổ ra một cuộc bạo loạn thì, muốn nắm được quyền lực và có được sự nể trọng, phải xuất hiện trước đám đông với tất cả vẻ hấp dẫn và phẩm giá có thể có, với tất cả những đặc điểm, cá tính bên ngoài địa vị của mình. Người nào đã từng tỏ ra là người tốt trong một thời gian và giờ đây, vì những mục đích của mình, muốn trở thành người xấu thì nên làm việc ấy một cách từ từ và theo kiểu chứng tỏ rằng người ấy bị đẩy đến sự thay đổi ấy hoàn toàn chỉ vì hoàn cảnh bất buộc. Thực ra, trong lịch sử chưa bao giờ có một nhà lập pháp sáng giá nào lại không sử dụng sức mạnh của uy tín thần thánh vì nếu không thế (nghĩa là đằng sau đạo luật đưa ra không có một con người có uy tín) thì các đạo luật đã không được nhân dân công nhận. Đối với Goebbels, Bộ trưởng Thông tin của bọn

tính - sự thật, hấp dẫn và quyền lực. Những đặc tính khác như sự năng động, khả năng giao tiếp, tính độc đoán, đều chỉ là những khía cạnh thuần túy báo chí trong hoạt động của các phương tiện thông tin đại chúng, ngôn ngữ và văn phong của bài vở cũng ảnh hưởng đến hiệu quả của nguồn thông tin, nhưng người ta quen xem chúng là những tham số thứ yếu.

Tính sự thật, một mặt, là thước đo uy tín của nguồn thông tin, nghĩa là năng lực trả lời “đúng đắn” của nguồn thông tin; mặt khác, chứng tỏ nguồn thông tin ấy không mang định kiến, tức là không có ý định điều khiển công chúng vì những lợi ích riêng của mình. Sự cảm nhận uy tín của nguồn thông tin phụ thuộc vào những nhân tố như trình độ đào tạo, kinh nghiệm, năng lực, trí tuệ, những thành tựu chuyên môn và quy chế xã hội. Để nguồn thông tin được xem là đáng tin cậy thì nó không chỉ cung cấp thông tin chính xác và khách quan, mà còn phải gây được ấn tượng rằng nó không có ý định thuyết phục người tiếp nhận tin vào điều mà chính nó có lợi, nó không có ý định điều khiển những người tiếp nhận thông tin.

Hấp dẫn - đó là những nguồn thông tin phù hợp với người tiếp nhận về phương diện nhân khẩu học và (hoặc) về ý thức hệ. Những nguồn thông tin ấy cũng phải dễ chịu và quen thuộc. Nhân tố then chốt khiến cho nguồn thông tin

nhận được cảm tình của công chúng là cơ sở tâm lý. Người ta ưa thích những nguồn thông tin ban thưởng cho mọi người những cảm xúc tích cực. Trong văn cảnh nói ở đây, sự ban thưởng ấy là sự giảm nhẹ mức độ lo ngại, tháo gỡ sự căng thẳng, giảm bớt cảm giác về sự cô đơn và nguy hiểm. Thành tố khác của sự ban thưởng là thành tố tích cực, nó được thực hiện bằng cách đảm bảo cho người tiếp nhận thông tin có được cảm giác về sự hậu thuẫn xã hội và sự tán đồng của những người khác.

Quyền lực, đó là những nguồn thông tin có thể ban thưởng hoặc trừng phạt những người tiếp nhận nó. Những nguồn thông tin ấy mong muốn công chúng chịu sự tác động của nó và nó có khả năng kiểm soát được quá trình ấy.

Đúng sự thật và tính đáng tin cậy của nguồn thông tin dẫn đến sự liên kết thống nhất các ý kiến mới, đảm bảo tính hấp dẫn và sự lắng nghe của quần chúng trước tác động của nguồn thông tin có quyền lực.

Đánh giá đúng mức chức năng thông tin và điều khiển của báo chí, nhiều nhà nghiên cứu xem các phương tiện thông tin đại chúng là "quyền lực thứ tư". Bên cạnh quyền lập pháp, quyền hành pháp và quyền tư pháp quyết định vận mệnh của các quốc gia và các dân tộc, báo chí chỉ có thể trở thành quyền lực thứ tư trong một xã hội dân chủ đích thực, trong đó nhân

dân không chỉ tham gia vào quá trình chính trị, mà còn có thể ảnh hưởng tích cực đến thông tin được phổ biến. Nhà nghiên cứu báo chí người Pháp Giảng Lui Servan Sraile trong cuốn sách *Quyền lực thông tin* của mình đã đặc biệt nhấn mạnh rằng việc xây dựng cơ sở kỹ thuật của các phương tiện thông tin đại chúng và “sự sụp đổ của các vương quốc cực quyền và các đế chế đã làm xuất hiện ở mọi nơi - nếu không phải nhờ vũ lực - cái mới là tự do tự thể hiện. Như vậy, rốt cuộc đã chín muồi toàn bộ tổng thể những điều kiện vật chất và chính trị cho sự bùng nổ thông tin và diễn ra một cuộc cách mạng trong lối suy nghĩ và hành động của con người”.

Nhà nghiên cứu người Thụy Điển Êrich Bagléctam cũng đã chỉ rõ: “báo chí nghiêm túc nghiên cứu các vấn đề quyền lực và thực tiễn vận dụng quyền lực, mà bản thân nó lại là thứ quyền lực cân bằng và kiểm soát”

Quốc hội nắm quyền lực cao nhất trong một quốc gia, chính phủ đứng thứ hai, thứ ba là tòa án độc lập và các diễn đàn nhân dân. Ở một số nước, những diễn đàn này bảo vệ quyền lợi của công luận chống lại sự lộng hành của các nhà cầm quyền.

Báo chí và các nhà báo độc lập - với hệ thống các quy định, nguyên tắc đạo đức của mình - là quyền lực thứ tư.

Vận dụng tất cả các quyền và quyền tự do mà

nền dân chủ ban tặng, bản thân báo chí xác lập chuyên chính của mình. G.Mécme đã đánh giá như vậy về quyền lực vận năng của báo chí và năng lực của nó trong việc điều khiển dư luận xã hội. Ông đã áp dụng thuật ngữ “dân quyền”. Theo ý kiến của F.A. đơ Viriê, sự kiểm soát các quá trình thông tin tạo ra “quyền lực thông tin”. Ông này đặc biệt nêu rõ rằng “trong điều kiện tồn tại quyền lực thông tin thì nhân dân vẫn có chủ quyền nhưng vai trò của nhân dân đã thay đổi; trong chiến dịch vận động bầu cử, không phải lá phiếu của nhân dân, mà là ý kiến của nhân dân mới có trọng lượng. Trong xã hội hình thành “những tam giác”: “Chính phủ - thông tin đại chúng - công luận”, “tri thức - thông tin đại chúng - học sinh”, v.v..

Những khả năng vô tận của báo chí thường hay được minh họa bằng những sự kiện kiểu “Oatoghết”, khi mà nhờ lập trường của phương tiện thông tin đại chúng ở Hoa Kỳ, sự từ chức của Tổng thống R.Níchxon mới có thể diễn ra. Nhưng cũng có thể có cả phản luận cứ: tờ *The Washington Post* đã lật tẩy Rônan Rigân về những hành vi không đẹp mắt, cũng như vậy, nhưng vụ “Rigânghê” đã không thành.

Đáng chú ý là luận thuyết về “xã hội thông tin” do Ô. Tôphlơ đưa ra. A. Branxcombơ đã nhận định như sau về xã hội ấy: “Đó là xã hội mà trong đó đa số công dân tham gia vào quá

trình tạo ra, thu thập, bảo quản hoặc phân phối thông tin, chứ không phải tham gia vào nền nông nghiệp hoặc vào hoạt động sản xuất”.

Hiểu rõ báo chí là công cụ hùng mạnh của cuộc đấu tranh xã hội và đấu tranh giai cấp, các nhà mácxít nghiên cứu về các phương tiện thông tin đại chúng còn mở rộng các chức năng của những phương tiện ấy, đưa vào đó cả chức năng giáo dục, phổ biến các kiến thức khoa học, phát triển văn hóa, hình thành thế giới quan, quản lý xã hội. Những luận điểm quen thuộc về tính đảng công khai trong báo chí, cho rằng báo chí chẳng những là người tuyên truyền và cổ động tập thể, mà còn là người tổ chức tập thể, - những luận điểm ấy cho phép phân tích sâu sắc mối liên hệ giữa báo chí, các thiết chế chính trị và các quá trình chính trị.

Ở các nước phát triển phương Tây, người ta rất quan tâm đến việc nghiên cứu các chức năng xã hội cụ thể của báo chí. Ý nghĩa ứng dụng của những công trình nghiên cứu ấy hết sức to lớn, vì chúng đem lại một lối thoát thực tiễn, không hoài nghi gì nữa. Đặc biệt là trong việc nghiên cứu cái gọi là những tờ báo có chất lượng nhằm phục vụ đảng cấp cao có chức năng đưa ra các quyết định.

Theo ý kiến của W.Sram, lý luận gia người Mỹ về báo chí thì các tờ báo “có chất lượng” thu hút sự chú ý của “các độc giả có thể lực nhờ vào

chiều rộng và chiều sâu của thông tin và các báo ấy có xu hướng giữ lập trường độc lập và thậm chí lập trường phê phán đối với chính phủ. Không một chính quyền trung ương nào kiểm soát sự phê phán của những tờ báo ấy. Những tờ báo ấy, nói đúng ra, đóng vai trò những người giám sát và phê phán các chính phủ nước mình nhiều hơn là đóng vai trò đại diện cho các chính phủ ấy”.

Một chuyên gia lớn trong lĩnh vực “báo chí có chất lượng”, đồng thời là tác giả cuốn sách *Báo chí của đẳng cấp cao*, ông G.Mêrilơ đặc biệt chú ý đến nội dung của các ấn phẩm có chất lượng, coi đó là một trong những đặc tính chủ yếu của những ấn phẩm ấy. Mêrilơ xem những ấn phẩm ấy là “những ấn phẩm quan tâm nhiều nhất đến tương lai, đến những hậu quả ngày mai của các sự kiện ngày hôm nay. Những ấn phẩm ấy có khả năng thấy trước và tiên đoán nhờ có tinh thần quan tâm và khả năng được thông tin tốt”.

Những nghiên cứu xã hội học - cụ thể về báo chí cho phép người ta nâng cao hiệu quả của những bài vở đăng trên báo chí, tìm ra những khâu quan trọng nhất trong chuỗi mắt xích hình thành nên công luận và quản lý công luận. Như các nhà nghiên cứu đã nêu rõ, xét về tổng thể thì quá trình hình thành và thay đổi các quan điểm chính trị của cá nhân, quá trình xã hội hóa

chính trị diễn ra dưới hai hình thức trực tiếp và gián tiếp. Hình thức trực tiếp bao gồm những khía cạnh như bất chước, giáo dục chính trị, đặc biệt là kinh nghiệm chính trị (dưới tác động của các phương tiện thông tin đại chúng). Những hình thức gián tiếp của xã hội hóa chính trị bao gồm sự giao tiếp giữa các cá nhân, việc tham gia trong các tổ chức và các phong trào phi chính trị khác nhau, quá trình chuyển hóa - chuyển những quan hệ được áp dụng cho những giá trị, những chuẩn mực và những hiện tượng khác của đời sống xã hội sang những đối tượng chính trị và những quá trình chính trị.

Ở một số nước như Hoa Kỳ, người ta thấy diễn ra quá trình chính trị hóa ý thức quần chúng. Trong tác phẩm của N.P.Pôpôp *Chính trị hóa ý thức quần chúng ở Hoa Kỳ* đã xem xét những nhân tố và các động lực của quá trình ấy, thái độ của dân chúng đối với cơ cấu kinh tế - xã hội của quốc gia và đối với các cơ quan thuộc chính phủ, đối với hoạt động kinh doanh lớn, những vấn đề xã hội quan trọng, có sự phân tích về quá trình phân hóa dân cư thành các tầng lớp xã hội và các nhóm xã hội liên quan đến định hướng chính trị của họ.

Đại diện cho khuynh hướng xã hội học còn có tác giả người Anh Đ.Macquaylơ, người đã từng nghiên cứu báo chí với tư cách là một thiết chế xã hội. Ông đặc biệt chú ý nghiên cứu nội dung

của các phương tiện thông tin đại chúng và sự tác động của những phương tiện ấy đối với công chúng. Các tác phẩm của Macquâylo có nhiều điểm tương đồng với những nghiên cứu được tiến hành bởi các nhà khoa học Mỹ đã từng làm việc trong khuôn khổ của thuyết xã hội học Mỹ. Phương pháp chức năng của T.Pacxôn-xơ đã có ảnh hưởng quan trọng đến những nghiên cứu có tính chất lý luận trong lĩnh vực học thuyết xã hội học về thông tin đại chúng.

Nhiều khi, những nghiên cứu cụ thể dẫn đến sự tổng hợp và kết luận theo tinh thần các luận thuyết khác nhau và những khuynh hướng khác nhau. Ví dụ, dưới đây là kết luận của các nhà xã hội học lớn của Mỹ P.Ladácphendơ và R.Merton: "Những nhóm quyền lực chủ yếu - giới kinh doanh có tổ chức chiếm vị trí chủ chốt trong những nhóm đó - đều đi đến sử dụng các phương pháp điều khiển quần chúng thông qua hoạt động tuyên truyền thay vì sử dụng những phương pháp kiểm soát trực tiếp hơn... Người nào kiểm soát các quan điểm và chính kiến trong xã hội của chúng ta thì ít sử dụng bạo lực hơn và sử dụng phương pháp thuyết phục đại chúng nhiều hơn. Các chương trình phát thanh và quảng cáo được sử dụng thay cho phương pháp hù dọa và bạo lực".

Những nghiên cứu cụ thể về các vấn đề riêng rẽ của các phương tiện thông tin đại chúng cũng

dẫn đến những kết luận khác. Chẳng hạn, G.Tanxtenlơ đưa ra luận thuyết “phi điều tiết báo chí”. Thực chất luận thuyết ấy là như sau: Tại nhiều quốc gia, báo chí ngày càng đi vào quan hệ thị trường, cho nên cầu và cung về mặt hàng đặc biệt như báo và tạp chí, các chương trình phát thanh và truyền hình, v.v., bắt đầu tác động thay cho những nhân tố điều chỉnh của nhà nước và những nhân tố điều chỉnh chính thức khác. Cơ chế thị trường bắt đầu điều tiết nội dung của thông tin.

Trong điều kiện chuyển từ chế độ cực quyền sang chế độ dân chủ, báo chí chưa thể đóng vai trò quyền lực thứ tư, bởi vì còn tồn tại những hình thức điều chỉnh rất hữu hiệu của nhà nước. Vì vậy, khuynh hướng trật tự đáng chú ý là khuynh hướng nêu bật chức năng chủ yếu của báo chí là chức năng thông tin. Đồng thời, các phương tiện thông tin đại chúng có những khả năng nhất định có thể ảnh hưởng đến quá trình chính trị ở tất cả các giai đoạn của quá trình ấy- từ giai đoạn đề ra và thông qua quyết định cho đến giai đoạn kiểm soát việc thực hiện quyết định.

Cái gọi là luận thuyết “người gác cửa” là luận thuyết có ý nghĩa thực tiễn và đáng quan tâm. Luận thuyết này của nhà tâm lý xã hội học Cuốctơ Lêvin đưa ra năm 1947. Như nữ tác giả G.Ibraêva đã nêu rõ trong bài “Nghiên cứu nguồn thông tin trong giai đoạn hiện nay”, biên

tập viên - “người gác cửa” có những chức năng thực tế sau đây:

- Chức năng sáng tạo (tất cả các nhà báo trong ban biên tập đều viết bài, người lãnh đạo làm công việc tuyển chọn - thông thường đó là một nhân vật thư ký có trọng trách);

- Chính bản thân người viết bài là “người gác cửa”: theo kinh nghiệm mỗi người đều biết rõ cái gì có thể được đăng, còn cái gì thì không thể được đăng;

- Các cơ quan kiểm duyệt bên ngoài thực hiện chức năng “người gác cửa”;

- Báo chí định hướng quần chúng giữa dòng thác thông tin, điều khiển họ, giáo dục họ.

Ở nước ngoài, có nhiều khuynh hướng nghiên cứu khoa học về thông tin đại chúng. Trong số những khuynh hướng ấy có khuynh hướng nghiên cứu báo chí như là một thiết chế được cuốn hút vào quá trình chính trị, có khuynh hướng nghiên cứu các luận thuyết triết học về thông tin đại chúng; khuynh hướng phân tích “thuốc đo kinh tế” về báo chí, v.v.. Người ta thấy sự tác động qua lại chặt chẽ trong khuôn khổ nghiên cứu khoa học giữa báo chí với lịch sử, văn học, ngôn ngữ học, chính trị học, xã hội học, tâm lý học và các môn khoa học khác. Kết quả là tổng thể các phương pháp nghiên cứu về báo chí đã đem lại cái gọi là thông tin học như là một khuynh hướng mới nhất trong nghiên

cứu khoa học về thông tin đại chúng.

Đặc biệt phức tạp là những nguyên tắc phân tích, so sánh trong báo chí học. Báo chí học là môn khoa học tổng hợp. Dĩ nhiên, báo chí học có những nguyên tắc và những phương pháp phân tích và tổng hợp của nó, chỉ đặc trưng cho nó. Nhưng báo chí học cũng sử dụng cả phương pháp luận của tất cả các môn khoa học mà nó có sự tác động qua lại.

Chúng ta hãy lấy ví dụ, đó là lịch sử của báo chí. Một trong những phương pháp nghiên cứu phổ biến nhất là phương pháp lịch sử - địa lý. Do vậy, đặc trưng của những phương pháp này là những nguyên tắc trong phương pháp luận như phân tích so sánh - lịch sử hướng vào nhận thức cùng một hiện tượng trong lịch sử, phân tích địa lý - đất nước học so sánh; chạy đua - văn hóa và, v.v.. Mặt khác, trong phân tích những giai đoạn phát triển nhất định của các phương tiện thông tin đại chúng, những vấn đề riêng trong hoạt động của chúng, báo chí học sử dụng những phương pháp đặc trưng cho ngôn ngữ học (ví dụ, trong nghiên cứu những khía cạnh lịch sử của quá trình phát triển lý luận về các thể loại và về những môn khoa học khác).

Đặc biệt trở nên phức tạp là khi việc phát hiện ra và vận dụng những nguyên tắc, phương pháp luận khác nhau được áp dụng trong việc phân tích nội dung các bài vở của các phương

tiện thông tin đại chúng. Ở đây, người ta sử dụng rộng rãi phương pháp phân tích tổng hợp, những nguyên tắc của xã hội học, của chính trị học, của tôn giáo học, v.v.. Nếu xem xét các ấn phẩm báo chí định kỳ của các ngành y học, nông nghiệp, khoa học, khoa học – kỹ thuật, khoa học sản xuất, thì chúng ta có thể đi đến kết luận là cả ở đây nữa báo chí học cũng sử dụng các phương pháp của những lĩnh vực hoạt động của con người mà nó phản ánh.

Vậy là, trong hoạt động thường nhật của các phương tiện thông tin đại chúng và trong những nghiên cứu tìm tòi lý luận, báo chí học sử dụng những phương pháp tổng hợp của xã hội học và của các ngành khoa học khác, hơn nữa, còn diễn ra quá trình làm phong phú lẫn nhau về cơ sở phương pháp luận.

Do vậy, nảy sinh vấn đề thực tiễn quan trọng là yêu cầu làm rõ những ưu tiên trong tiến trình nghiên cứu hoặc giảng dạy một môn khoa học nào đó liên quan đến báo chí học. Nếu trở lại ví dụ về lịch sử của báo chí, thì ở đây có thể coi thuật toán trong nghiên cứu và giảng dạy là điều hoàn toàn lôgic và có căn cứ. Trong thuật toán ấy đã nhấn mạnh những giai đoạn phát triển quan trọng nhất của báo chí một nước nào đó, nêu rõ mốc của những giai đoạn ấy. Dĩ nhiên, khi vận dụng nguyên tắc lịch sử – địa lý thì cần đưa ra những dữ liệu chung về một đất

nước nào đó. Ở đây những mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu vẫn là điều quyết định các ưu tiên. Sau nữa, nếu xem xét thời kỳ của cái gọi là tiền báo chí, khi mà chưa tồn tại những ấn phẩm định kỳ, hiểu theo ý nghĩa ngày nay. Đương nhiên, thời kỳ quan trọng là thời kỳ xuất hiện và hình thành các phương tiện thông tin đại chúng khác nhau (khi xuất hiện tờ báo, tạp chí đầu tiên; khi xuất hiện đài phát thanh; khi ngành truyền hình bắt đầu được phổ biến và phổ biến trong những điều kiện như thế nào).

Vì hoạt động của các phương tiện thông tin đại chúng diễn ra trong một môi trường luật pháp hoàn toàn xác định, cho nên đối với công tác nghiên cứu, giảng dạy, so sánh, cần xem xét ảnh hưởng qua lại giữa luật pháp và sự tự điều chỉnh của các phương tiện thông tin đại chúng, giữa những phương thức điều chỉnh của nhà nước và việc quản lý những luồng thông tin.

Tại các quốc gia có hệ thống đa đảng, thì trên thực tế, phương thức có hiệu quả là phương thức phân tích sự tác động qua lại giữa các chính đảng và các phương tiện thông tin đại chúng, vấn đề tính đảng trong báo chí. Ở đây, điều quan trọng có thể là sự xuất hiện, hình thành và hoạt động của bộ máy tuyên truyền chính sách đối ngoại, định hướng của bộ máy ấy. Đặc biệt nên chú ý đến báo chí bằng tiếng nước ngoài phục vụ bạn đọc ở trong nước, bao gồm cả những

khu kiểu dân ngoại quốc khác nhau.

Dĩ nhiên, những nguyên tắc về lên khuôn chữ cho báo và tạp chí có một ý nghĩa quan trọng tuyệt đối, cũng như khâu soạn thảo đề cương kịch bản của các chương trình nghe - nhìn, v.v..

Như chúng ta đã thấy, phương pháp so sánh - lịch sử trong báo chí học là một hiện tượng rất phức tạp, đồng thời có triển vọng, đem lại những kết quả khoa học - thực tiễn quan trọng.

Nhiều luận thuyết nước ngoài về báo chí hiện đại có sứ mạng, rồi cuộc cũng phục vụ cho hoạt động thực tiễn của báo chí. Chính hoạt động thực tiễn tiếp nhận những lý luận với tính cách là kinh nghiệm tư tưởng - luận thuyết cô đọng. Sự ảnh hưởng qua lại giữa lý luận và thực tiễn diễn ra liên tục, trong một vài trường hợp còn diễn ra một cách không tự giác. Tuy nhiên, ảnh hưởng qua lại ấy nhất thiết dẫn đến kết quả là nâng cao ảnh hưởng của phương tiện thông tin đại chúng đối với người đọc, người nghe và người xem.

II. CÁC PHƯƠNG TIỆN THÔNG TIN ĐẠI CHÚNG VÀ ĐỊA - CHÍNH TRỊ

Tùy thuộc vào các hình thức sở hữu, những phương tiện thông tin đại chúng có thể là:

- của nhà nước;
- của tư nhân (mang tính chất thương mại);
- của các tổ chức xã hội và của các chính đảng;

- mang tính chất từ thiện (cơ chế quản lý dựa trên lòng tin);

- thuộc loại hỗn hợp.

Đương nhiên, hình thức sở hữu có ảnh hưởng căn bản đến sự tồn tại nội dung và hoạt động của ấn phẩm. Điều đó có những nguyên nhân khách quan và chủ quan.

Các phương tiện thông tin đại chúng của nhà nước thường được nhà nước tài trợ và đại diện cho quan điểm của chính quyền. Nói đúng ra, các phương tiện thông tin đại chúng được thành lập là nhằm mục đích ấy. Những khoản tài trợ lấy từ ngân sách chính là cơ sở để những phương tiện thông tin đại chúng ấy tồn tại.

Những ấn phẩm tư nhân ít khi được tài trợ và họ buộc phải tự tìm kiếm các nguồn tài chính để tồn tại. Những khoản thu nhờ quảng cáo đã không cho phép một số ấn phẩm thậm chí tồn tại lay lắt. Kết quả là các tờ báo và các tạp chí ngày càng phải thực hiện những chiêu thức khác nhau, đôi khi gần như vi phạm luật pháp. Ví dụ, sử dụng phương pháp quảng cáo “ngầm”, nghĩa là cho đăng những bài vở được trả tiền, được lén lút “tài trợ”. Trong số những ấn phẩm tư nhân thì những tờ báo miễn phí in với số lượng lớn là những ấn phẩm có lãi nhất, vì những tờ báo ấy nhận được nhiều đơn đặt hàng quảng cáo nhất. Điều này thật dễ hiểu: Các tờ báo miễn phí thì được đảm bảo bán hết số lượng phát hành.

Những ấn phẩm thể hiện rõ sức sống của mình còn gồm cả những ấn phẩm là thành viên thuộc các tập đoàn công nghiệp - tài chính, vì trong các tập đoàn này tình trạng thất thu trong kinh doanh xuất bản lại được bù đắp nhờ các khoản thu nhập của những doanh nghiệp khác. Những ấn phẩm có lãi còn gồm cả những ấn phẩm có các cơ sở in ấn riêng của mình.

Các báo và tạp chí của các chính đảng, những ấn phẩm của các tổ chức xã hội khác ít khi có tham vọng đóng vai trò một doanh nghiệp sinh lời. Những ấn phẩm ấy được tài trợ tùy theo khả năng của một tổ chức xã hội nào đó và họ tiến hành hoạt động cổ động - tuyên truyền thường nhật của mình phù hợp với truyền thống và mục đích của họ.

Hình thức sở hữu trên cơ sở lòng tin, hay là hình thức sở hữu từ thiện, hiện nay rất ít khi bắt gặp. Trong trường hợp như vậy, thông thường người sở hữu ấn phẩm làm một quỹ từ thiện nào đó do một Mạnh Thường Quân giàu có lập ra.

Những ấn phẩm thuộc loại hỗn hợp bao gồm những đặc điểm của tất cả ba hình thức sở hữu kể trên.

Tùy theo hình thức sở hữu mà các phương tiện thông tin đại chúng giải thích các sự kiện, các sự việc và các hiện tượng. Điều này hoàn toàn tự nhiên. "Sự việc thì tuyệt đối, còn lời

bình thì tự do”. Nhưng bản thân sự tuyển chọn các sự việc đã là lập trường rồi. Vì vậy, vị tất là chính xác nếu khẳng định rằng các phương tiện thông tin đại chúng chỉ là những kênh chuyển tải thông tin xã hội.

Đã nhiều năm trong các cuộc tranh luận về thuật ngữ đã tồn tại khái niệm: “các phương tiện thông tin đại chúng” và “các phương tiện liên lạc đại chúng”. Khái niệm nào có ý nghĩa rộng hơn? Hiểu như thế nào khái niệm các phương tiện liên lạc đại chúng và khái niệm các phương tiện thông tin đại chúng?

Chẳng hạn, I.A.Phêdiakin, I.X.Côn cho rằng khái niệm các phương tiện liên lạc đại chúng là khái niệm rộng hơn so với khái niệm các phương tiện thông tin đại chúng. V.G.Aphanaxiép thì, ngược lại, đã nhấn mạnh rằng các phương tiện liên lạc đại chúng không bao quát khía cạnh nội dung của quá trình, như vậy có nghĩa là chính khái niệm phương tiện thông tin đại chúng có ý nghĩa rộng hơn là khái niệm phương tiện liên lạc đại chúng. Trên một mức độ nào đó ông Đ.P.Gavra đồng ý với Aphanaxiép. Ông Gavra đã nhiều lần nhấn mạnh rằng để có được hiệu quả thì các phương tiện liên lạc đại chúng hoàn toàn không cần đến khía cạnh nội dung của một thông tin nào đó.

Về phía mình, I.A.Phêdiakin năm 1988 đã đề nghị mở rộng khái niệm phương tiện liên lạc đại

chúng, đưa vào khái niệm ấy chức năng có tính bản chất. Ngay từ năm 1975, Caarlê Noocdenxtơrenơ (giáo sư của Trường Đại học Tổng hợp ở Tampêrê, Phần Lan, vào thời bấy giờ là Chủ tịch Tổ chức nhà báo quốc tế) đã nêu rõ rằng ở Tây Âu “những nghiên cứu về vấn đề thông tin liên lạc cổ một ý nghĩa toàn cầu và bước vào giai đoạn mới: từ sự tụ hội bó hẹp trong các phương tiện liên lạc, tách rời với văn cảnh xã hội, những nghiên cứu chuyển sang một luận thuyết rộng rãi hơn. Theo luận thuyết này thì các phương tiện liên lạc được coi là những thành tố của guồng máy tư tưởng toàn cầu của xã hội, thường được gọi là bộ máy tư tưởng?”.

Đang tồn tại một tình trạng lẫn lộn triền miên về thuật ngữ. Tiện thể xin nói thêm rằng trong đạo luật của Liên bang Nga “Về các phương tiện thông tin đại chúng” có sự phân biệt rành mạch thế nào là các phương tiện thông tin đại chúng, và thế nào là thông tin đại chúng. Ví dụ, đạo luật giải thích thông tin đại chúng là những thông tin và những tài liệu ấn loát, nghe và nghe - nhìn cùng những thông tin và tài liệu khác dành cho một phạm vi không giới hạn các cá nhân; còn phương tiện thông tin đại chúng là ấn phẩm định kỳ, là chương trình phát thanh, truyền hình, chương trình hiển thị, chương trình phim thời sự và hình thức phổ biến định kỳ thông tin đại chúng.

Tổng thể những quan hệ trong xã hội hiện đại phức tạp, đầy mâu thuẫn và đa dạng là một quá trình giao tiếp xã hội, liên lạc xã hội. Sự gia tăng vai trò của các nhân tố xã hội và của tâm lý học xã hội buộc người ta phải thực sự tính đến những quá trình liên lạc đại chúng có quan hệ đến sự phát triển của tiến bộ khoa học – kỹ thuật, đến sự xuất hiện và mở rộng ảnh hưởng của các phong trào dân chủ chung, đến sự tăng cường hợp tác quốc tế.

Những năm gần đây, công tác tư duy lý luận về thông tin xã hội ngày càng mang tính chất sâu sắc hơn và đồng bộ hơn, mặc dù những người nghiên cứu chủ yếu nhấn mạnh vai trò của thông tin xã hội trong quản lý xã hội (bao gồm cả quản lý tư tưởng), không xét đến một số chức năng quan trọng khác của thông tin liên lạc xã hội. Những thuật ngữ “thông tin xã hội” không bao quát ngay chính quá trình phổ biến thông tin – thông báo tin tức. Thông tin xã hội là khía cạnh nội dung của liên lạc xã hội. Được hòa quyện vào quá trình liên lạc, thông tin xã hội có liên hệ khăng khít với các phương tiện và các kênh thu thập, xử lý, phổ biến, bảo quản thông tin, nó thường xuyên tác động đến những phương tiện và những kênh ấy, tự bản thân nó cũng thường xuyên chịu ảnh hưởng của các phương tiện mà nó tác động.

I. X. Côn cho rằng “ngay chính tên gọi: các

phương tiện liên lạc đại chúng” đã chứa đựng nhiệm vụ rồi. Ở Nga, người ta thường gọi chúng là những phương tiện thông tin đại chúng. Chứng nào toàn bộ luồng thông tin chủ yếu mang tính chất chính thức và một chiều – báo chí, đài phát thanh, truyền hình đưa thông tin đến người đọc và người xem về những sự kiện được thông qua ở nơi nào đó, qua đó mà tác động đến công chúng – thì những thuật ngữ này vẫn hoàn toàn chính xác. Gần đây, người ta bắt đầu chú ý nhiều hơn đến cơ chế liên lạc ngược chiều phản ứng của công chúng về những điều trông thấy và nghe thấy. Như vậy là việc chuyển tải thông tin biến thành sự liên lạc, sự trao đổi qua lại, sự giao tiếp với công chúng. Rõ ràng, cần ghi nhận điều đó không chỉ trên thực tế, mà cả bằng “thuật ngữ”. Ngoài ra, I. X. Côn còn nhấn mạnh vai trò của phương tiện liên lạc đại chúng như là công cụ quan trọng của xã hội hóa mà ý nghĩa của nó đang nhanh chóng tăng lên.

Không thể nghiên cứu ý thức xã hội nếu không vận dụng đến phạm vi rộng những phương tiện liên lạc đại chúng, và không thể nghiên cứu phương tiện liên lạc đại chúng chỉ như là tổng thể những phương tiện kỹ thuật thu thập (tạo ra), xử lý và phổ biến thông tin. Hoàn toàn đúng đắn nếu xem phương tiện liên lạc đại chúng như là một quá trình liên lạc đại chúng chính thể bao gồm - bên cạnh thông tin (khía

cạnh nội dung) - cả những hình thức biểu thị mang tính chất ngôn ngữ - biểu tượng, những kênh kỹ thuật, những cơ cấu, những phương tiện phổ biến, bảo quản, phát hiện và xử lý thông tin, liên lạc ngược chiều. Đối với phương tiện thông tin đại chúng trước hết cần có cách tiếp nhận mang tính thế giới quan, vì hình thức thông tin đại chúng ấy gắn với tồn tại xã hội và ý thức xã hội, xuyên suốt những lĩnh vực ý thức xã hội như: ý thức hệ, tâm lý học xã hội và khoa học. Hình thức thông tin xã hội quy định rất nhiều các hình thức ý thức xã hội - những hình thức chính trị, pháp luật, đạo đức, thẩm mỹ, tôn giáo, v.v.. Khi nghiên cứu hình thức thông tin đại chúng cần tính đến sự khác biệt giữa những cấp độ thường nhật và cấp độ khoa học của ý thức, giữa những mối quan hệ đại chúng, chuyên biệt và cá nhân của ý thức ấy. Chỉ đến khi ấy mới suy ngẫm được sâu sắc hơn về vị trí của thông tin đại chúng trong xã hội hiện đại.

Nhiều nhà nghiên cứu đã coi phương tiện liên lạc đại chúng và phương tiện thông tin đại chúng là hai khái niệm đồng nghĩa. Đặc biệt, V.G.Aphanaxiép đã chỉ rõ điều đó, ông nêu lên rằng: "Trong các tài liệu nghiên cứu ở Nga, khái niệm "các phương tiện liên lạc đại chúng" được phổ biến rộng rãi. Khái niệm này có nghĩa là sách báo, phát thanh, truyền hình. Chúng tôi cho rằng với ý nghĩa này việc sử dụng khái niệm

“các phương tiện liên lạc đại chúng” là khá hợp lý. Liên lạc (tiếng Latinh - *communicatio* có nghĩa là “thông báo”) - đó là các con đường giao thông, những phương tiện liên lạc. Tuy nhiên, đài phát thanh, truyền hình, sách báo tuyệt nhiên không chỉ là những con đường giao thông và những phương tiện liên lạc. Nếu chỉ giới hạn ở định nghĩa này thì người ta bỏ nội dung hoạt động của những phương tiện ấy. Vậy mà chính mặt nội dung, định hướng mục tiêu mới là điều chủ yếu”.

Các phương tiện thông tin đại chúng luôn luôn được sử dụng để tác động lên con người và ý thức của họ, cũng là tác động tới hành vi, lao động, cuộc sống, sinh hoạt của con người. Nhiều khi người ta coi các phương tiện ấy là nguồn gốc của mọi cải cách xã hội. Thật vậy, báo chí, phát thanh và truyền hình là những nguồn thông tin chủ yếu của dân chúng, đặc biệt là nguồn thông tin chính trị.

Ở đa số các nước, phương tiện thông tin đại chúng thuộc sở hữu của những tổ chức độc quyền lớn nhất. Báo chí, đài phát thanh và truyền hình đem lại cho các tổ chức độc quyền những khoản lợi nhuận to lớn, ngày càng tăng. Đương nhiên, các phương tiện thông tin đại chúng trung thành phục vụ các chủ nhân của mình. Ví dụ, như nhận xét của nhà báo Pháp B.Voien, độc quyền hóa báo chí đã dẫn đến kết quả là “người

tiêu dùng bị tước mất tự do”. “Lời khẳng định đối trá cho rằng thị trường báo chí mở cửa đối với tất cả mọi sự cung ứng và rằng vì vậy sự tự do lựa chọn, trên thực tế, là không có giới hạn”.

Quá trình tập trung và độc quyền hóa các phương tiện thông tin đại chúng dẫn đến sự đồng nhất hóa nội dung và nâng cao tác động có tính chất định hướng mục tiêu vào công chúng. Điều này đã được các ông Ben Bacdikian, Ghéachac Glaixobéc và nhiều nhà nghiên cứu khác nhận xét. Ông E. Mâyơ ở Cộng hòa liên bang Đức viết như sau: “Ngay sau khi một số tờ báo bắt đầu được ấn hành bởi một nhà xuất bản thì nảy sinh nguy cơ là đến một lúc nào đó những tờ báo ấy cũng sẽ chỉ tuân theo một ý chí chính trị mà thôi, chính là tuân theo ý chí của nhà xuất bản các báo đó. Vậy là, việc thành lập các đại công ty có thể dẫn đến hậu quả là sự hạn chế tính đa dạng của thông tin. Việc đó, thậm chí có thể gây ảnh hưởng đến tự do hành động chính trị của một chính đảng... Những đại công ty báo chí có thể áp đặt ý chí của mình cho các nhà xuất bản khác. Lợi dụng những thiết bị kỹ thuật hiện đại hơn và khả năng tài chính lớn hơn, những đại công ty ấy có thể dễ dàng thắng trong cuộc cạnh tranh với các nhà xuất bản nhỏ hoặc trung bình. Trong nhiều trường hợp, để buộc kẻ yếu hơn phải nhượng bộ thì chỉ cần đại công ty hùng mạnh đưa ra lời đe dọa nổ ra một

cuộc cạnh tranh như vậy là đủ”.

Mối nguy thực sự đối với nền dân chủ chân chính là hoạt động điều khiển công luận, điều khiển ý thức và điều khiển hành vi của con người. Sự hình thành có định hướng mục tiêu và hành động điều khiển công luận hiện nay đã trở thành phương pháp thực tế. Khi nhận định về thực chất của hành động điều khiển, Guxtap Phácơ (CHLB Đức) trong cuốn *Đa số bị điều khiển* đã viết như sau: “Những kẻ bịp bợm sử dụng những ngón lừa bịp. Nhưng ngày nay thì cả những nhân vật điều khiển trong các lĩnh vực chính trị, kinh tế - chính trị, văn hóa - chính trị cũng sử dụng các ngón lừa bịp. Hiểu theo ý nghĩa này thì những tay bịp bợm và những nhân viên tiến hành phương pháp điều khiển không khác nhau là mấy. Nhưng những kẻ bịp bợm thực hiện những hành vi để làm trò giải trí, lừa đảo. Còn những kẻ thực hiện hành động điều khiển trong bộ máy quản lý hiện đại, bất kể trong lĩnh vực nào, thì hành động hoàn toàn nghiêm chỉnh, với định hướng mục tiêu công khai hoặc che giấu. Bởi vì họ tạo ra quyền lực. Quyền lực đứng trên những người khác, những người bị điều khiển”. Phácơ nêu rõ rằng hành động điều khiển là “hình thức chuyên chính tinh vi nhất”.

Những phương tiện điều khiển hữu hiệu nhất là những hình thức báo chí và điện tử của các

phương tiện thông tin đại chúng - các báo và tạp chí, đài phát thanh và truyền hình. Nhà chính trị học người Mỹ C. Phridrich đã viết rằng những phương tiện ấy là công cụ “*điều khiển nhằm mục đích buộc họ phải ủng hộ chế độ chính trị ấy hoặc ít ra là không chống lại chế độ ấy, dù đó là các công dân của nước được nói đến hay là người ngoại quốc. Kể cả những người lãnh đạo các quốc gia khác*”.

Bất kỳ một người nào tiếp nhận thông tin cũng đều có những khuôn mẫu tư duy nhất định. Những khuôn mẫu ấy là những hình tượng và những quan niệm ổn định, thường là những hình tượng đơn giản về những sự kiện, hiện tượng, con người nào đó tích cực hoặc tiêu cực, v.v.. Những khuôn mẫu hình thành nhờ kết quả của sự nhấn mạnh nhiều lần về cảm xúc và ý nghĩa trong ý thức con người - vào những khía cạnh nào đó của sự kiện (sự việc); nhờ kết quả của việc con người nhiều lần cảm thụ sự kiện (sự việc) ấy hoặc cảm thụ thông tin về sự kiện ấy. Khuôn mẫu bao quát không phải những nét căn bản, mà bao quát những nét sáng rõ, dễ đập vào mắt nhất. Một số đánh giá sự kiện tuân theo khuôn mẫu thì thường được tiếp nhận không cần bằng chứng, được xem là sự đánh giá đúng đắn nhất, còn mọi sự đánh giá khác thì bị hoài nghi. Phương tiện thông tin đại chúng là công cụ mạnh mẽ để hình thành các khuôn mẫu. Các chuyên gia về điều khiển đã sử

dụng chính đặc điểm ấy của các phương tiện thông tin đại chúng.

Một trong những phương pháp điều khiển chủ yếu mà các phương tiện thông tin đại chúng sử dụng là nguy trạng tình hình thực tế. Nhằm những mục đích ấy, các sự kiện xã hội được nhân cách hóa, những vấn đề chính trị - xã hội lớn được quy tụ thành sự phân tích phẩm chất cá nhân của các chính trị gia, sở thích của họ và cả những tính toán thiếu chính xác, những sai lầm của họ; những xung đột xã hội được giải thích như là những xung đột cá nhân, v.v.. Nhà xã hội học Cộng hòa Liên bang Đức T. Adorno viết: *"Những lý tưởng của chủ nghĩa xu thời và của thái độ thỏa hiệp đã được chứa đựng trong các trước tác nổi tiếng ngay từ khi chúng xuất hiện. Tuy nhiên, ngày nay những lý tưởng ấy được thể hiện dưới hình thức những quy định được vạch ra khá rõ nét về những điều không nên làm và những điều nên làm. Kết cục của những xung đột đã được quyết định từ trước, vậy là tất cả những xung đột ấy chỉ hoàn toàn là điều hư tạo. Xã hội luôn luôn thắng, còn con người chỉ là con rối được điều khiển nhờ những quy định của xã hội?"*.

Như chúng ta thấy, xét về khía cạnh nội dung thì cả phương tiện liên lạc đại chúng, cả phương tiện thông tin đại chúng đều sử dụng thông tin xã hội. Báo chí hoạt động trong khuôn khổ các

phương tiện thông tin đại chúng, mặc dù trong những điều kiện ngày nay những thông tin do các phương tiện ấy truyền tải được bổ sung bằng các kênh liên lạc ngược chiều, còn sản phẩm thông tin thì trở thành sản phẩm mang tính chất liên kết tích cực. Vậy là khái niệm các phương tiện liên lạc đại chúng - nếu xét đến mặt nội dung của chúng - là một khái niệm rộng hơn là phương tiện thông tin đại chúng, nhưng chúng có xu hướng xích lại gần nhau.

Các phương tiện thông tin đại chúng phản ánh tình hình ngày nay của thế giới, đồng thời cũng đóng vai trò rất quan trọng trong việc đạt đến những mục tiêu địa - chính trị. Về phương diện này điều rất có ý nghĩa là cái gọi là *Chương trình Annenberg*, được thực hiện bởi Phòng Nghiên cứu các thông tin chính trị thuộc Trường Đại học Tổng hợp Tây - Bắc của Hoa Kỳ. Về mặt chính thức, dự án này nhằm đảm bảo tổ chức một diễn đàn trung lập được mở ra để trình bày những ý kiến đa dạng trong việc đánh giá tác động của các công nghệ thông tin về chính trị. Có cả mục tiêu khác: trở thành cầu nối giữa các chính trị gia, các đại diện của tư bản công nghiệp, các giới nghiên cứu giảng đường, giữa báo chí và công chúng. Ông Envin A.Xnaido, một trong số những nhân vật lãnh đạo *Chương trình Annenberg* ở Washington về nghiên cứu các thông tin chính trị, đã công khai tuyên bố về

sự phối hợp hành động giữa Chính quyền Washington với các phương tiện thông tin đại chúng: “Về phía Mỹ, những mục tiêu của nền ngoại giao đại chúng trong chiến tranh lạnh đã được Nhà Trắng và Quốc hội trình bày cặn kẽ trong nhiều năm theo tinh thần mà các chuyên gia về thông tin hiểu rằng người ta chờ đợi điều gì ở họ. Tổng thống G.Kennedy đã tuyên bố không úp mở với Giám đốc USIA Étuiót R.Moráu rằng, ông ta cần phải gây ảnh hưởng đến thái độ của công luận ở các nước khác. Cụ thể là ông Moráu phải vạch trần địch thủ và chống lại kẻ thù. Còn Rônan Rigan thì đưa ra chỉ thị yêu cầu các chương trình phát thanh của Chính phủ Mỹ phải chiến đấu với chủ nghĩa bành trướng của Liên Xô. Điều đó đúng hay không đúng, nhưng các nhân viên làm công tác thông tin của Chính phủ đã nhận được từ Nhà Trắng các chỉ thị có liên quan đến họ. Tổng thống Clinton đã phải trình bày rõ ràng những chờ đợi của mình ở giới ngoại giao đại chúng. Cần xác định rõ những mục tiêu trong thời kỳ hậu chiến tranh lạnh. Tiếp nữa, các chuyên gia của chính phủ trong lĩnh vực thông tin và Quốc hội phải xem xét ngân quỹ dành cho hoạt động phát thanh có hữu hiệu hay không trong thế kỷ của những công nghệ mới... Mọi sự cải tổ đài phát thanh quốc tế của chính phủ có nhiệm vụ giải quyết vấn đề này và thừa nhận các công nghệ mới. Những

mong đợi của Quốc hội Mỹ cũng được xác định rõ qua những cái mốc nêu trong Sách Trắng *"Giành thắng lợi trong chiến tranh lạnh: cuộc tấn công tư tưởng của Mỹ"*. Năm 1964 trong thông báo của Bộ phận Đối ngoại của Nhà Trắng đã khẳng định rằng nền ngoại giao đại chúng phải "xua tan những huyền thoại cho rằng chủ nghĩa tư bản là chế độ bóc lột và muốn thống trị thế giới và rằng chủ nghĩa cộng sản là không thể tránh được.... Áp dụng khái niệm cho rằng tương lai của thế giới thuộc về những xã hội dân chủ. Chương trình dài hạn của Nhà Trắng là luận thuyết rõ ràng về những mục tiêu và những nhiệm vụ, đòi hỏi căn bản của mọi cương lĩnh cố gắng ảnh hưởng đến dân cư ngoại quốc. Quốc hội phải xét lại quan điểm của mình đối với nền ngoại giao đại chúng trong thế giới ngày nay. Có thể, Quốc hội có quyền đề ra sáng kiến *"Giành lấy hòa bình: cuộc tấn công của Mỹ trong lĩnh vực thông tin"*.

Ông này nhận được sự ủng hộ của Niuton H.Minâu, Giám đốc *Chương trình Annenberg* ở Washington: "Sự cáo chung của chiến tranh lạnh đã làm nảy sinh những vấn đề mới đối với các quan hệ quốc tế của Mỹ". Chỉ cần nhìn tấm bản đồ treo trên tường của trường tiểu học là có thể thấy được thế giới đã thay đổi một cách kịch tính như thế nào, kể từ khi Liên Xô sụp đổ. Đã xuất hiện nhiều dân tộc mới. Những kẻ thù cũ

đã từng cố gắng tiêu diệt nhau thì nay lại tìm cách tìm ra các phương thức hợp tác với nhau. Họ đang cố gắng áp dụng nền kinh tế thị trường, sử dụng những ưu thế của quyền tự do và những giá trị của dân chủ. Kỹ thuật truyền hình qua vệ tinh, kỹ thuật sợi cáp quang, các máy tính và các băng ghi hình đã đưa nền ngoại giao đại chúng sang một giai đoạn mới.

Trong những năm chiến tranh lạnh, các đài "Tiếng nói Hoa Kỳ" (The voice of America), "Châu Âu tự do" (Radio Free Europe) và đài truyền hình "Mônnet" - là những đài đã từng truyền những tin tức về mặt trái của nước Nga và những lời kêu gọi tự do và hòa bình - đều là những công cụ thông tin của nước Mỹ và đã đóng vai trò then chốt trong việc làm tan rã Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa ở Đông Âu, những nhà nước độc quyền quản lý thông tin. Nhưng cùng với sự cởi mở của các xã hội trước kia đã từng khép kín thì lại xuất hiện những thách thức mới và những cơ hội mới. Nhà Trắng, Quốc hội Mỹ và những hãng tin liên bang đang tìm các phương pháp thay đổi nền ngoại giao đại chúng...

Trong một thị trường phương tiện thông tin đại chúng quốc tế có tính thương mại ngày càng phình ra thì chính phủ đứng trước triển vọng như thế nào trong lĩnh vực phát thanh? Bằng cách nào những công cụ mới của nền ngoại giao

dại chúng có thể tác động đến việc lãnh đạo những cuộc cách mạng dân chủ? Phải chăng có những cơ hội cùng nhau làm việc đối với đại phát thanh của Chính phủ Mỹ và ngành truyền hình công cộng của Mỹ?... Envin Xnaider đã phân tích xem bằng cách nào thích ứng nền ngoại giao công cộng một cách tốt nhất với cộng đồng toàn cầu đang thay đổi .

Trong trường hợp này những từ “các cuộc cách mạng dân chủ” không được hiểu như là phong trào phản phong kiến của giai cấp tư sản dân tộc ở một nước nào đó và thậm chí đó cũng không phải là phong trào giải phóng dân tộc, mà đó là một hoạt động du nhập “những giá trị của Mỹ”. Như vậy là, phương tiện thông tin đại chúng đã trở thành công cụ để đạt đến những mục tiêu địa - chính trị cụ thể.

Dĩ nhiên sự tan rã của hệ thống thuộc địa sau Chiến tranh thế giới thứ hai đã diễn ra không phải nhờ có “những ý định tốt đẹp” của bọn thực dân, mà sự tan rã ấy đã có thể diễn ra chỉ nhờ vào phong trào giải phóng dân tộc. Khi rút khỏi các thuộc địa cũ, các chính quốc đã để lại nhiều vấn đề chưa được giải quyết và, hơn thế nữa, trong một số trường hợp các chính quốc còn làm nảy sinh những vấn đề mới. Trong số các vấn đề ấy có sự tranh chấp lãnh thổ, những xung đột chủng tộc, giữa các dân tộc và những xung đột tôn giáo, những vấn đề ngôn ngữ không được

giải quyết, tình trạng lạc hậu về kinh tế. Tất cả những điều này làm xuất hiện những hiện tượng mới như: chủ nghĩa thực dân mới, núp dưới những mặt nạ khác nhau. Nhưng nếu tồn tại chủ nghĩa thực dân mới thì sẽ không tránh khỏi tồn tại cả phong trào giải phóng dân tộc dưới một hình thức nào đấy. Ở mức độ nào và ở đâu, chúng ta có thể nói đến phong trào giải phóng dân tộc?

Vấn đề này thật không đơn giản như người ta nghĩ. Trên trái đất, số lượng các dân tộc vượt xa số lượng các quốc gia dân tộc độc lập. Có các quốc gia liên bang và có những quốc gia liên hiệp. Nhiều dân tộc được hưởng những thành quả của chế độ tự trị văn hóa - dân tộc. Cũng tồn tại cả những hình thức tự quyết khác. Song, cũng không thể không chú ý đến ước nguyện của các dân tộc hướng tới thành lập quốc gia độc lập, tự chủ.

Đáng tiếc là, những khuynh hướng nêu trên ngày càng mang hình thức chủ nghĩa ly khai, hơn nữa, lại thuộc mô hình rất méo mó. Ví dụ Nam Tư, một nước đã phân rã thành nhiều quốc gia nhỏ; “cuộc ly hôn” giữa Séc và Xiôvakia; ý đồ có chủ tâm của một số người lãnh đạo chính trị ở các nước vùng Bantích muốn thành lập các quốc gia có một dân tộc - tất cả những điều đó nói lên những khó khăn và những hiện tượng méo mó lệch lạc, có thể có, trên con đường hình

thành các hệ thống chính trị mới. Trong một số định nghĩa về chủ nghĩa ly khai thường xuyên bắt gặp những ngôn từ như: “Chủ nghĩa ly khai.... thường biểu hiện những lợi ích chật hẹp của các giới tư sản bản địa hoặc ngoại quốc nào đó”. Có đúng là ước nguyện hướng đến độc lập dân tộc - ước nguyện này là đặc trưng của các hình thái kinh tế ở giai đoạn đầu của chủ nghĩa tư bản - đáp ứng lợi ích của toàn dân tộc, hay là chỉ đáp ứng lợi ích của một nhóm nhỏ các cá nhân vẫn quyết định đường lối chính trị của quốc gia? Ý nguyện hướng tới hội nhập và nhất thể hóa, xóa bỏ mọi biên giới (xin hãy nhớ lại khẩu hiệu đã từng tỏ ra gần gũi - khẩu hiệu Liên bang châu Âu) - là ý nguyện đặc trưng cho chủ nghĩa tư bản phát triển - đã vấp phải những quá trình phi hội nhập. Kết quả, chúng ta có được cái gì? Thay vì một châu Âu thống nhất thì ngày càng có nhiều quốc gia nhỏ và cực nhỏ, thay vì một Liên Xô ổn định và có thể tiên đoán được thì trên thực tế lại có nhiều quốc gia dân tộc với những cuộc xung đột thường xuyên âm ỉ và với một chính sách khó lường, một nền kinh tế sụp đổ hoặc đang sụp đổ. Ý nguyện hướng tới thành lập những quốc gia chỉ có một dân tộc có thể dẫn đến sự phi lý: đi theo logic này thì các xứ Scotlen, Uên, Bắc Ailen phải tách ra khỏi nước Anh, những người da đỏ ở Mỹ sẽ phải đánh đuổi ra khỏi miền đất của mình những kẻ xâm lược

da trắng, còn các thổ dân ở Ôtxtrâyliia phải đánh đuổi ra khỏi miền đất của mình những người da trắng định cư, v.v..

Chủ nghĩa ly khai thường xuyên khai thác các khẩu hiệu của phong trào giải phóng dân tộc, nhưng trên hành động thực tế, nó phải là như thế không? Tiêu chí có thể là hoạt động thực tiễn thường nhật và định hướng theo mục tiêu của dân tộc. Đáng tiếc là, những quốc gia non trẻ, sau khi giành được độc lập và “tự chủ” lại quên đi những quyền của con người và quên cả thực tiễn quốc tế đã hình thành. Dĩ nhiên, những quốc gia ấy tuyên bố ủng hộ những giá trị chung của loài người, nhưng đó chỉ là tuyên bố đầu lưỡi. Có thể đưa ra rất nhiều ví dụ chứng minh tình trạng đó. Chẳng hạn, nhờ sự giúp đỡ của các máy bay NATO ném bom và người Anbani ở Kôôôôôô đã giành được quyền tự trị, nhưng lại hăng hái làm mất ổn định tình hình ở vùng Bancăng, thường xuyên gây ra những vụ khiêu khích vũ trang chống lại xứ Maxêđônیا.

Chủ nghĩa dân tộc, chủ nghĩa ly khai và các quyền con người là những điều bất tương dung. Đó là lý do tại sao những phần tử ly khai chủ nghĩa dễ được nhận biết trong ý thức hệ: Chúng tuyên truyền tinh thần không dung chấp về chủng tộc, về dân tộc và về tôn giáo. Những biểu hiện cực đoan của chủ nghĩa ly khai là miếng đất nuôi dưỡng chủ nghĩa quá khích chính trị.

Hãy lấy ví dụ về những nước Tátgikixtan, Udơbêkixtan, Kiêcghidia và Cadắcxtan, ở mỗi nước đều có những nhóm dân tộc thiểu số sống biệt lập, họ hướng đến chủ nghĩa ly khai. Bằng chứng về điều đó là những cuộc xung đột trong những năm gần đây nổ ra tại các quốc gia đó. Những phần tử ly khai và những thành phần dân tộc chủ nghĩa đã tìm được đồng minh cho mình - đó là Taliban. Phong trào "Taliban", do phương Tây nuôi dưỡng, đã không giới hạn hoạt động của mình ở Ápganixtan. Tại các trại huấn luyện và trong các đơn vị vũ trang của Taliban còn có các phần tử ly khai và các phần tử quá khích tôn giáo đến từ nhiều nước khác nhau, trong đó có cả những kẻ quá khích tôn giáo và kẻ ly khai đến từ Liên bang Nga. Cũng tại các trại đó chúng đào tạo bọn khủng bố một cách công khai.

Chủ nghĩa quá khích chính trị chưa bao giờ đem lại những kết quả tích cực ổn định. Tưởng chừng ở một nước có sự tôn trọng các quyền con người và nhân dân sống trong cảnh đầy đủ thì không thể có những biểu hiện của chủ nghĩa ly khai. Vậy mà chủ nghĩa ấy vẫn tồn tại, vì nó cho phép đạt được những mục tiêu địa - chính trị nào đó. Những quốc gia trước kia thống nhất bị phân chia càng nhỏ thành những tổ chức quốc gia mới thì càng dễ điều khiển thế giới. "Chia để trị" - cái khẩu hiệu ấy của bọn thực dân lại được

vũ trang và vẫn được sử dụng trong hoạt động thực tiễn của các phương tiện thông tin đại chúng do chính phủ những nước hàng đầu của phương Tây kiểm soát.

Chủ nghĩa địa - chính trị ngày nay được phổ biến ở Mỹ và ở một số nước khác, nó là tham vọng của các đại cường quốc muốn giành quyền thống trị thế giới, và nó có quan hệ chặt chẽ với chủ nghĩa phân biệt chủng tộc, chủ nghĩa dân tộc, chủ nghĩa bá quyền và chủ nghĩa bành trướng. Việc sử dụng các phương tiện thông tin đại chúng vì những lợi ích địa - chính trị dẫn đến những biểu hiện cực đoan của tư tưởng không hòa hợp về dân tộc, chủng tộc và tôn giáo ngay trong các phương tiện thông tin đại chúng. Ví dụ, ở Ápganixtan, lực lượng Taliban đã cấm xem truyền hình, điện ảnh, báo chí, chỉ để lại đài phát thanh đặt dưới quyền kiểm soát của những nhân vật lãnh đạo phong trào "Taliban".

Sau khi Liên Xô cũng như một số nước xã hội chủ nghĩa Đông Âu tan rã, tại nhiều quốc gia có chủ quyền vừa được thành lập đã bắt đầu biểu hiện khuynh hướng muốn thành lập những quốc gia chỉ có một dân tộc. Không nghi ngờ gì nữa, điều đó đã thể hiện ở các phương tiện thông tin đại chúng như Látvia là một ví dụ.

Ecnextơ Henơ, một nhà chính trị học và dân tộc học hiện đại, đã xác định chủ nghĩa dân tộc như một nguyên tắc chính trị mà thực chất là:

những đơn vị chính trị và kinh tế phải trùng hợp. Theo ý kiến của Henơ, tinh thần dân tộc chủ nghĩa và cảm giác phần nộ nảy sinh từ sự vi phạm nguyên tắc ấy, còn phong trào dân tộc chủ nghĩa là phong trào được khích lệ bởi tình cảm loại ấy. Nói cách khác, nguyên tắc của chủ nghĩa dân tộc đòi hỏi rằng một nhóm tộc người phải có quyền lập quốc gia riêng của mình. Luật sư Bôrit Xilêvích người Látvia nêu rõ: “Chúng ta sẽ không thảo luận xem nguyên tắc ấy có chính đáng hay không. Điều khác mới quan trọng: chủ nghĩa dân tộc (theo cách giải thích của Henơ) và *luận thuyết hiện đại về các quyền con người, về thực chất đó là những luận thuyết bất tương dung về nguyên tắc và mâu thuẫn nhau*”.

Sự phân tích quá trình phát triển chính trị của Cộng hòa Látvia trong những năm gần đây cho thấy điều hiển nhiên sau đây: đã hình thành một quốc gia mà cơ sở tư tưởng của nó chính là chủ nghĩa dân tộc hiểu theo nhận thức của Henơ. Ở mọi nơi có thể xác nhận được điều đó qua báo chí Látvia. Luận thuyết của chính quyền, và các phương tiện thông tin đại chúng ủng hộ nó, tựu chung là thế này: Látvia là quốc gia của người Látvia, người Látvia phải hưởng tất cả các quyền, trong đó có cả quyền quyết định số phận của “những người dân không nghe lời”.

Một phần đó là kết quả của chính sách “trở lại năm 1940”. “Sự trở lại diễn ra không chỉ

trong lĩnh vực luật pháp, mà cả trong lĩnh vực tư tưởng. Nhưng, vào thời đó chưa tồn tại hệ thống các công ước quốc tế về các quyền con người, thế nhưng chủ nghĩa dân tộc, với tư cách là hệ tư tưởng chính thức, đã từng là một hiện tượng phổ biến hơn nhiều. Látvia tựa hồ như bị đông lạnh mất 50 năm và giờ đây nó cố gắng trở về với châu Âu thời trước chiến tranh” - ông B.Xilêvích nêu lên như vậy.

Một trong những khía cạnh quan trọng nhất trong chính sách dân tộc của Látvia là vấn đề ngôn ngữ quốc gia. Khi thành lập quốc gia Látvia độc lập, vấn đề ngôn ngữ được xem xét trên lập trường cho rằng cần phải bảo vệ ngôn ngữ ấy, vì trước khi thông qua đạo luật đầu tiên về ngôn ngữ (năm 1969) thì trên thực tế tiếng Látvia là ngôn ngữ khu vực trong quốc gia thống nhất rộng lớn là Liên Xô. Các nhà khoa học Látvia đã từng tuyên bố về tình hình nguy kịch trong lĩnh vực này và đã nói đến nguy cơ ngôn ngữ Látvia dần dần biến mất như một thảm họa văn hóa dân tộc không sửa chữa được. Do vậy, ý tưởng cơ bản được thực hiện xuyên suốt trong dự thảo ban đầu của “Đạo luật của Cộng hòa Látvia về các ngôn ngữ” là ý tưởng sau đây: đảm bảo điều kiện ở khắp mọi nơi tại Látvia chỉ giao tiếp bằng tiếng Látvia. Từ đó, đề ra yêu cầu cụ thể: Tất cả mọi người đều phải biết ngôn ngữ quốc gia mỗi khi, dưới hình thức nào đó, họ đại diện cho

nhà nước để tiếp xúc với một người nào đó, nghĩa là các quan chức, các bác sĩ, các nhân viên thuộc ngành dịch vụ phải biết ngôn ngữ quốc gia.

Ông Nilê Muijgionéch, một nhà chính trị học và luật sư Mỹ, đã bình luận như sau những gì đã diễn ra tại nước cộng hòa ấy: “Xuất phát từ logic bình thường và tư duy lành mạnh thì sau khi giành được độc lập lẽ ra cần giảm nhẹ những đòi hỏi về ngôn ngữ. Nhưng đạo luật được thông qua trong lần chỉnh lý mới (năm 1993) lại hoàn toàn không dựa trên logic. Đạo luật này chứa đựng một tư tưởng hoàn toàn khác: loại bỏ khả năng tồn tại một cách bình thường nếu không biết tiếng Látvia. Thật là một sự khác biệt mang tính nguyên tắc!”.

Các tờ báo in bằng tiếng Látvia đã tích cực ủng hộ đạo luật ngôn ngữ được thông qua năm 1992. Đặc biệt tờ báo *Atmoda* đã tích cực tranh luận với các nhà báo Nga. Tờ *Atmoda* vào thời điểm ấy có ảnh hưởng lớn đối với ý thức xã hội trong dân cư Látvia. Đôi khi những bài vở về chính sách ngôn ngữ đăng trên báo *Atmoda* đã được sự hưởng ứng rộng rãi trong giới công chúng nói tiếng Nga. Ví dụ, trên các trang của tờ báo *Atmoda* người ta đã xem xét nghiêm túc ý tưởng do ông V.Darinso, một nhà triết học và nhà bình luận chính trị, đưa ra. Ý tưởng ấy là: Khi giải quyết vấn đề quốc tịch công dân cần tính đến ngôn ngữ người xin nhập quốc tịch sử

dụng trong gia đình...

Đáp lại, những phương tiện thông tin đại chúng in bằng tiếng Nga đã giữ một lập trường triệt để, phê phán mạnh mẽ Chính phủ và kêu gọi các tổ chức quốc tế về bảo vệ quyền con người hãy giúp đỡ. Ông Alêchxandơ Blinốp, lúc ấy là Tổng biên tập báo *The Hour* tuyên bố: "Tôi không nghĩ rằng ngay cả ngài Abikit, người hiện đang trải qua "thời huy hoàng" của mình, lại thật sự tin rằng để bảo vệ ngôn ngữ Látvia, để đề cao uy tín của nó lại cần phải bắt buộc hàng nghìn người phải khổ sở nói lắp bắp thứ tiếng ấy. Áp lực ngôn ngữ - đó đơn giản lại thêm một công cụ của chính sách chèn ép"

Đề tài về chủ nghĩa dân tộc, về vấn đề dân tộc và về những khía cạnh gắn với vấn đề đó, tức là tổ chức xã hội và tổ chức chính trị của Látvia, từ lâu đã chiếm những vị trí chủ yếu trong các đề tài của các phương tiện thông tin đại chúng ở Látvia. Những hiện tượng như chủ nghĩa dân tộc, chủ nghĩa sô vanh và chủ nghĩa quá khích chính trị là những đề tài không hiếm thấy trên các trang báo in bằng tiếng Látvia và tiếng Nga. Tình hình này lại làm sâu sắc thêm sự chia rẽ giữa hai cộng đồng người trên báo chí và, do đó, trong ý thức xã hội. Có thể nói đến hai khuynh hướng cùng tồn tại của báo chí Nga và Látvia. Hai khuynh hướng ấy hoặc hoàn toàn không đếm xỉa đến nhau, hoặc bước vào một

cuộc luận chiến gay gắt, hơn nữa lại không cố gắng lắng nghe những lập luận của bên đối thoại. Dĩ nhiên, tình hình ấy không đưa các phương tiện thông tin đại chúng đến đối thoại xây dựng và không giúp các cộng đồng dân tộc xích lại gần nhau và hiểu nhau.

Trong 10 năm gần đây, tổ chức chính trị của Cộng hòa Látvia, và cùng với nó là báo chí Látvia, đã trải qua một số thay đổi quan trọng. Các phương tiện thông tin đại chúng không còn là cơ quan độc quyền của nhà nước, tuy nhiên, tính chất độc lập của các phương tiện ấy mang tính chất hình thức. Đứng đằng sau nhiều cơ quan báo chí là những lực lượng chính trị cụ thể (những chính trị gia riêng lẻ, các chính đảng, các phong trào hoặc ngay cả chính phủ). Thông qua những phương tiện thông tin đại chúng họ thực hiện các ý tưởng chính trị của mình, tác động một cách kín đáo hoặc trực tiếp đến những người tiếp nhận thông tin, điều khiển công luận. Phần nhiều hiện tượng ấy là đặc trưng của báo chí “cánh hữu” và báo chí “dân tộc - cấp tiến”.

Vẫn còn tồn tại sự lệ thuộc kinh tế của các phương tiện thông tin đại chúng và các nhà đặt hàng quảng cáo và vào các cơ cấu tài chính hậu thuẫn cho một ấn phẩm nào đó. Các tờ báo và các tạp chí in bằng tiếng Nga thì bị lệ thuộc ngặt nghèo hơn vào các điều kiện thị trường. Sở dĩ như vậy là vì những ấn phẩm ấy không nhận

được các nguồn tài trợ của nhà nước, vì chúng phổ biến thông tin bằng “tiếng nước ngoài”. Cần chỉ ra rằng với cùng một tỷ lệ hầu như bằng nhau về phát triển dân tộc (nhìn tổng thể, trong nước có 52% dân số là người Látvia và 48% là dân cư nói tiếng Nga; ở Riga có 60% dân cư nói tiếng Nga, còn ở Đaugappinxơ thì có đến 90% dân cư nói tiếng Nga), những số lượng các phương tiện thông tin đại chúng in bằng tiếng Nga ở Látvia lại ít hơn nhiều so với những ấn phẩm in bằng tiếng Látvia, và số lượng các phương tiện thông tin đại chúng in bằng tiếng Nga tiếp tục giảm.

Phát thanh và truyền hình chịu áp lực của đạo luật kỳ thị, giới hạn hoạt động phát thanh, chỉ cho phép đài phát thanh và truyền hình nhà nước phát bằng những ngôn ngữ không phải là ngôn ngữ quốc gia (tiếng Látvia) - 25%. Cộng đồng nói tiếng Nga phải xem các kênh truyền hình cáp (ORT, RTR, TV - 6 và các kênh khác). Như đã thấy qua những nghiên cứu xã hội học, tháng 7 năm 2001, 47% dân chúng Látvia đã xem kênh LNT, 20% - xem kênh LTV 1, 18% - xem kênh TV3, 10% - xem kênh ORT (TEM), 5% - xem kênh LTV2. Nhưng đó là liên quan đến tất cả các chương trình, bao gồm cả những chương trình nhiều kỳ. Dĩ nhiên, về chương trình thời sự thì kết quả khảo sát lại khác.

Ngay từ tháng 1-2002, Truyền hình Látvia đã

bắt đầu chuẩn bị cho cuộc bầu cử Quốc hội được ấn định mãi đến tháng 9 mới diễn ra. Điều đó có thể thấy rõ qua những đợt bố trí lại cán bộ. Ông Bandur Apinit giữ chức Giám đốc chương trình của Đài truyền hình Látvia. Trên thực tế thì tất cả các nhà bình luận đều đánh giá cuộc bố trí lại ấy là nước cờ chính trị của chính quyền: Bandur Apinit có thể tác động đến nội dung và thời lượng phát sóng các chương trình tin tức bằng tiếng Nga, vốn chỉ được dành có 14 phút trong một ngày đêm. Nhân việc bổ nhiệm ấy, tờ báo *Telegraph*, trích thông tin của *Hãng BMF Gallup Media*, đã cho công bố kết quả khảo sát mức độ ưa thích của công chúng Látvia và của công chúng không phải người Látvia đối với các kênh truyền hình. Ví dụ, mức độ ưa thích của dân chúng người Látvia với các kênh truyền hình như sau: 39,7% - dành cho kênh LNT, 25,5% - LTV1, 21,3% - TV3, 7,1% - LTV2, 4,3% - ORT, 2,1% - TV5. Dĩ nhiên, ở số công chúng không phải là người Látvia thì có những chỉ số khác: 38,1% - dành cho kênh ORT, 22,5% - LNT, 19,1% - TV3, 7,8% - LTV2, 6,6% - TV5 và 5,9% - LTV1.

Ở Látvia, ngành phát thanh có những đặc điểm riêng của mình. Ví dụ, người ta đã đình chỉ hoạt động của đài phát thanh duy nhất trên làn sóng trung, do vậy thính giả nghe đài chỉ được nghe các chương trình trên sóng FM và các sóng

cực ngắn. Hậu quả của tình trạng này là nhiều khu vực nông thôn “bị nằm ở ngoài tầm” phủ sóng phát thanh và không thể nghe tin tức về các sự kiện diễn ra trong nước cộng hòa này. Theo các số liệu của *Hãng BMF Gallup Media*, xét về phương diện thính giả dành thời gian nghe đài, thì những đài phát thanh dưới đây được thính giả dành thời gian nghe nhiều nhất: “Đài phát thanh Látvia” (27% số thính giả); tiếp đó là “Đài phát thanh Látvia 1” (15%); đài “Kinh doanh và vùng Bantich” và đài SWH + (mỗi đài 12%). “Đài phát thanh SWH” (11%); đài “Super FM” (7%); đài “Scôntô”, “Star FM”, “Mảnh đất gia đình” và “Đài phát thanh PIK 100 FM” (mỗi đài 6%); MIX FM (5%); “Đài phát thanh Thiên chúa giáo” (1%). Tổng cộng số thính giả nghe các đài phát thanh khác là 5%. Những nghiên cứu này tiến hành từ ngày 6-8 đến 21-9-2001.

Tại Riga có 5 đài phát thanh phát sóng FM, bằng tiếng Nga. Trong số đó, đài có số người nghe nhiều nhất (theo ý kiến của nhà báo nổi tiếng ở Riga Nicôlai Cabanốp) là *Đài phát thanh Nga*. Ông Gurốp, Tổng biên tập *Đài phát thanh Nga* đã nhiều lần phải tường trình tại Hội đồng quốc gia về phát thanh và truyền hình, bị phạt tiền, bị đình chỉ phát thanh nhiều lần vì không tuân thủ đạo luật về các ngôn ngữ. Tháng 1-2002 tại *Đài phát thanh PIK* đã xảy ra một vụ tai tiếng: các nhà báo không chịu làm việc. Sự

việc này xảy ra là do tiền lương bị cắt giảm một cách tùy tiện và người thực hiện là chủ nhân của đài, ông Iuri Giuravlep, ngoài ra còn do việc ký lại các bản hợp đồng.

Như đã thấy qua đoạn kiểm lại tình hình vừa nêu trên, các phương tiện thông tin đại chúng ngày nay ở Látvia đã phản ánh toàn bộ sự đa dạng của đời sống chính trị - xã hội ở đất nước này, nó có thể tạo ra công luận và điều khiển công luận. Trong điều kiện Đạo luật có tính kỳ thị về phát thanh và truyền hình thì các phương tiện thông tin đại chúng dưới dạng in ấn có cả một loạt những ưu thế để giúp gây ảnh hưởng đến số công chúng nói tiếng Nga. Hiện nay các cộng đồng Látvia và Nga sống trong những môi trường thông tin khác nhau. Điều này cản trở họ xích lại gần nhau. Việc đăng trên báo chí tiếng Nga các bài điểm báo Látvia và việc nhiều người Nga biết tiếng Látvia và nhiều người Látvia biết tiếng Nga không giải quyết vấn đề này được.

Tình hình này tạo ra một xu thế xã hội tiêu cực khác: các cộng đồng dân tộc khác nhau ở Látvia cùng sống trong một quốc gia về mặt địa lý, nhưng dường như sống trong những hoàn cảnh thực tế khác nhau. Báo chí Nga và Látvia đưa ra những bức tranh khác nhau về thế giới, đôi khi trái ngược hẳn với nhau. Đôi khi điều này thể hiện đơn giản qua hiện tượng thiếu thông tin về một vấn đề nào đó. Trong trường

hợp đó phát sinh tình trạng dối thông tin. Người ta có thể dễ dàng lợi dụng tình trạng này vào những mục đích thao túng. Báo chí bằng tiếng Látvia hầu như hoàn toàn không đếm xỉa đến lợi ích của số dân cư nói tiếng Nga, gọi họ là “những kẻ chiếm đóng” và “ngoại tộc”. Về phía mình, các phương tiện thông tin đại chúng Nga lại quá tập trung vào những vấn đề của mình, không chú ý một cách thích đáng đến những sự kiện đang diễn ra ở nước cộng hòa này. Tình trạng này tuyệt nhiên không giúp cho hai cộng đồng dân tộc ấy xích lại gần nhau, mà ngược lại, còn có những hoạt động ngấm ngấm (phót lờ một cách sơ đẳng) hoặc trực tiếp (gây ra sự hiềm khích giữa các cộng đồng dân tộc) nhằm chia rẽ và làm cho họ xa cách nhau.

Mặc dù đã công khai những khẩu hiệu dân chủ, nhưng trên thực tế Látvia tuyên bố chính sách thành lập quốc gia một dân tộc trong đó ý thức hệ chính thống là chủ nghĩa dân tộc. Dĩ nhiên, báo chí đã giữ một vai trò không nhỏ trong chuyện này. Một mặt, đó là một “vòng xoáy im lặng” nào đó của các tờ báo có chất lượng trước những sự vi phạm thô bạo đối với các quyền con người ở Látvia (nhiều hơn cả là đối với các dân tộc thiểu số). Mặt khác, đó là luận điệu tuyên truyền công khai cho những tư tưởng dân tộc chủ nghĩa và sô vanh dẫn đến sự hiềm khích dân tộc.

Bên cạnh tư tưởng muốn thành lập quốc gia một dân tộc trên các phương tiện thông tin đại chúng còn có thể phát hiện thấy cả sự mạnh mẽ khả năng dân chủ đích thực trong việc xây dựng một chính sách dân tộc ở đó thừa nhận các quyền con người là những ưu tiên quan trọng nhất, cũng như xây dựng mô hình Xlavơ Bantích với quyền của người Xlavơ ở Bantích được hưởng quyền tự quyết về chính trị và văn hóa. Song, đáng tiếc là hiện thời những khuynh hướng ấy đã không được phổ biến rộng trong cộng đồng dân tộc chính yếu. Những dấu hiệu ấy cho chúng ta thấy trình độ chính trị không cao của các nhà hoạt động đại diện cho các lực lượng chính trị ở Látvia, cũng như những phương tiện thông tin đại chúng ủng hộ những lực lượng ấy.

Nếu nói về đề tài chính sách đối ngoại thì ở đây nổi bật hai hướng chính: một mặt là quan hệ với các nước thuộc Liên minh châu Âu và NATO, và mặt khác là quan hệ với nước Nga. Thật kỳ lạ, nhưng các quan hệ với những nước láng giềng ở Bantích (Lítva và Extônia) lại không chiếm một vị trí quan trọng nào trong các phương tiện thông tin đại chúng của Látvia.

Quan hệ của Látvia với Liên minh châu Âu có thể thấy được trên bất kỳ một số báo nào ở Látvia, dù những tờ báo ấy in bằng ngôn ngữ nào.

Dĩ nhiên, đa số các bài viết nghiêm túc đã phân tích hậu quả của khả năng Látvia gia nhập

Liên minh châu Âu và NATO. Đó là chủ đề được đề cập trong các chương trình phát thanh và truyền hình, những bài viết đăng trên báo chí. Nhiều khi ý kiến khác hẳn nhau - có những người ủng hộ, nhưng có cả những người phản đối việc gia nhập các tổ chức này. Nhìn tổng thể thì các phương tiện thông tin đại chúng của Látvia thường hay đưa ra ý kiến "ủng hộ", còn những phương tiện thông tin đại chúng bằng tiếng Nga thì "phản đối". Trên báo chí có nhiều bài viết nói về việc xây dựng ở gần Rêxêcnê trạm radar để giám sát bầu trời của Nga và của Bêlaruxia, phục vụ các yêu cầu của NATO. Như lời nhận xét của Alêchxândrơ Bactasêvich, Phó Thư ký Quốc hội Látvia, nghị sĩ đại biểu cho phong trào "quyền bình đẳng", phát biểu trong bài "Rêxêcnê không muốn trở thành mục tiêu của vũ khí hạt nhân!", thì giải pháp lý tưởng cho vấn đề là tiến hành cuộc trưng cầu ý dân về NATO. Trước đó cũng tờ báo ấy đã công bố một tập tài liệu về các vấn đề liên quan đến việc Látvia tham gia NATO.

Những năm tháng phát triển độc lập và tự chủ đã không đem lại cho Látvia sự thịnh vượng mong muốn. Thật đáng chú ý đến lập trường của Hênga Balôđê đã cho đăng trên báo *Neatcariga Rita Avize* một bài có nhan đề "Kể nói dối đáng yêu của tôi...". Bà ta đã viết như sau: "Có những lời nói dối cực chẳng đã do bị vũ lực buộc phải nói, có những lời nói dối thần thánh chẳng hạn;

phải nói với bệnh nhân nhưng có cả những lời nói dối của chính quyền do các chính trị gia nói với dân chúng.

Chúng ta đã được biết không chỉ một kiểu nói dối, những loại nói dối khó chịu nhất là những lời nói dối nhân danh chính quyền, bởi vì những lời nói dối ấy làm cho nhiều người bị lầm lạc. Bởi vì cho đến nay người ta vẫn thường xuyên nói với chúng ta: quý vị hãy kiên nhẫn chịu đựng, sắp tới đây tình hình sẽ tốt hơn!

Chúng ta đã được nghe thấy ngay từ những ngày đầu tiên, những chân lý đau xót về sự cần thiết phải tiết kiệm ngân sách, về những khó khăn khác trên con đường đi đến cảnh phồn vinh sáng chói như ánh mặt trời (giờ đây đã ở trong thành phần êkip châu Âu rồi) và đi đến một xã hội dân chủ. Và chúng ta tiếp nhận những chân lý ấy với sự thấu hiểu, vì phải trả giá đắt cho một tương lai sán lạn. Tình hình đã diễn ra đúng như vậy. Việc học tập (đã từng tuyên bố rằng việc học tập là miễn phí) ở các trường và các trường đại học phải trả học phí ngày càng đắt, giá phục vụ y tế (đã từng tuyên bố rằng phục vụ y tế là miễn phí) và giá dịch vụ y tế tăng lên không phải từng năm, mà là từng tháng. Điều này không được nói tới trong các chương trình của Chính phủ, trong những lời hứa hẹn của các chính đảng. Khi ta đem so sánh giá tối thiểu về các nhu yếu phẩm giờ đây và

cách đây 6 năm thì ta thấy rõ ràng trên thực tế giá tiêu dùng đã tăng gấp đôi. Nếu thậm chí đồng ý với các quan chức và với những con số thống kê được công bố thì những con số ấy cũng chứng minh rằng đối với con người giá sinh hoạt đã tăng gấp đôi so với những con số tính toán. Rốt cuộc cần phải nói dứt khoát và rõ ràng xem quốc gia chúng ta đang tiến đến mô hình kinh tế và tâm lý - xã hội nào; phải chăng theo mô hình của Mỹ - kẻ mạnh thì sống, hay phải chăng theo mô hình châu Âu - tiến đến một xã hội thị trường - xã hội. Ngay từ thời kỳ tồn tại bộ lạc, khi mà tù trưởng các bộ lạc, vì quan tâm đến sự sống còn của các bộ lạc mình, đã nói với tất cả những người khác về một điều gì đó nhằm trấn an...

Do nhà nước thiếu tiền một cách kinh niên nên các trường học biến thành các tổ chức kinh tế. Các trường này kiếm tiền bằng bất động sản: họ xây dựng các bệnh viện, cho thuê địa điểm, v.v.. Nhưng nếu vậy thì đừng nên nói rằng ở nước Nga học tập không mất tiền. Như điều này đã được tuyên bố rõ ràng bởi nhân vật thành lập Đảng Mới - ông này đã hứa chế độ học hành miễn phí chỉ ở cấp tiểu học. Các cấp học khác có thể trông chờ vào những khoản tín dụng được đảm bảo của nhà nước tài trợ cho việc học tập. Hệ thống những khoản tín dụng ấy cho đến nay vẫn chưa có hiệu quả do những thủ tục rườm rà của ngân hàng và của bộ máy

quan liêu của nhà nước.

Về những dịch vụ y tế thì từ lâu đã không có bệnh nhân nào có một ảo tưởng nào hết: “Những người có thể hy vọng được bảo vệ sức khỏe và củng cố sức khỏe chỉ gồm những ai kiếm được đủ tiền để tự mình chi trả cho các bác sĩ khám bệnh và chi trả tiền thuốc men”.

Dĩ nhiên, các phương tiện thông tin đại chúng đặc biệt chú ý (nhất là những phương tiện thông tin đại chúng bằng tiếng Nga) đến những vấn đề quy chế của tiếng Nga. Theo sự thừa nhận của nhiều người thì đạo luật về các ngôn ngữ mang tính chất kỳ thị công khai. Những chính trị gia có tầm nhìn xa trông rộng nhất đều có chủ trương thay đổi một cách căn bản đạo luật ấy. Những nước đồng minh với Látvia ở châu Âu cũng đòi hỏi như vậy. Điều đó thật dễ hiểu: chủ nghĩa dân tộc trắng trợn và quyền con người không thể hòa hợp với nhau.

Các tiêu chuẩn kép của phương Tây trong vấn đề quyền con người không thể lọt qua sự chú ý của báo chí. Chẳng hạn, tờ báo *Telegraph* ngày 16-1-2002 đã công bố một tài liệu đầy với nhan đề hùng hồn: “Châu Âu đề nghị Látvia hãy tự mình chữa trị, các quyền của dân tộc thiểu số không thuộc vào diện những ưu tiên của Liên minh châu Âu”. Tác giả Bôrit Côn-san-ốp đã phân tích bản báo cáo của Ủy ban châu Âu, trong đó tình hình ở Látvia - ứng cử viên gia nhập Liên

minh châu Âu - được đánh giá một cách hoàn toàn tích cực, kể cả trong lĩnh vực các quyền của các dân tộc thiểu số. Trong tổng số 132 trang của bản báo cáo chỉ có 5 trang được dành cho đề tài này, và chỉ vắn vắn có 2 trang được dành cho vấn đề ngôn ngữ là vấn đề hết sức gay gắt.

Đương nhiên, những quá trình như vậy diễn ra không chỉ ở Látvia. Những quá trình ấy là đặc trưng cho nhiều quốc gia thuộc không gian hậu Xôviết, các nước Trung Âu và Đông Âu. Các phương tiện thông tin đại chúng ở nhiều nước được sử dụng nhằm đạt được những mục tiêu địa- chính trị và để thực hiện chính sách đối nội của nhà nước vì lợi ích của các giới cầm quyền. Hơn nữa, trong một số trường hợp người ta còn áp dụng phương pháp tuyên truyền mang tính chất thao túng công luận.

III. BÁO CHÍ: CÁC QUYỀN VÀ CÁC QUYỀN TỰ DO. DÀNH CHO AI?

Có nhiều lý thuyết về báo chí hiện đại áp dụng vào xã hội, đã đụng chạm đến vấn đề tự do báo chí. Trong quan niệm của các nhà nghiên cứu phương Tây thì tự do báo chí chính là:

- Tự do bày tỏ công khai ý kiến;
- Tự do tiếp cận các nguồn thông tin.

Song, ngay trong cách hiểu bị cắt xén ấy về tự do báo chí trong xã hội hiện đại cũng không thể

được thực hiện trọn vẹn. Đó là lý do tại sao tuy tuyên bố quyền tự do bày tỏ ý kiến một cách công khai và quyền tự do tiếp cận các nguồn thông tin, nhưng các giới cầm quyền ở các nước, trên thực tế, đều dùng những phương pháp, hình thức và cách thức khác nhau để cản trở thực hiện những quyền ấy.

Vì các phương tiện thông tin đại chúng đóng vai trò vô cùng quan trọng trong xã hội hiện đại, cho nên việc sử dụng những phương tiện ấy phải được thực hiện chỉ vì lợi ích của xã hội. Đó là lý do tại sao tự do báo chí không tách rời trách nhiệm xã hội. Thật vậy, như đôi khi người ta vẫn nói “sự tự do của tôi được vung tay kết thúc ở nơi bắt đầu thấy đầu mũi của người phản biện của tôi”. Ngoài những hạn chế về luật pháp, thì còn cả cái gọi là những sự cấm đoán về đạo đức, nghĩa là sự tự kiểm duyệt của các nhà báo.

Ngay từ đầu thế kỷ đã tồn tại những quy tắc báo chí đưa tin về các sự kiện xã hội. Những nguyên tắc này được ghi trong những văn kiện khác nhau. Trong những năm 1920 của thế kỷ XX, người ta đã thông qua “Những quy tắc đạo đức của giới báo chí Mỹ”. Năm 1935, “Đạo luật của lương tri” đã được thông qua ở Pháp. Ngày nay, ở nhiều quốc gia, dưới hình thức này hay hình thức khác, đều tồn tại những bộ quy tắc đạo đức khác nhau của nghề làm báo.

Sự điều chỉnh bằng luật pháp các luồng thông

tin và sự tự điều chỉnh diễn ra song song. Song, như nhiều nhà nghiên cứu đã khẳng định, báo chí, sau khi thoát khỏi sự kiểm soát của nhà nước, thị trường hay rơi vào sự kiểm soát còn khắt khe hơn của giới kinh doanh.

Tính chất đa dạng của những luận thuyết và những lý thuyết về báo chí, kể cả những lý thuyết nói về tự do báo chí, đã khẳng định tính chất quan trọng của vị trí và vai trò của báo chí trong hệ thống chính trị của xã hội hiện đại. Hệ thống chính trị của xã hội là hệ thống các thiết chế (các cơ quan nhà nước, các chính đảng, các tổ chức, v.v..) và những quy định, trong đó diễn ra đời sống chính trị của xã hội và chính quyền nhà nước được thực hiện. Một mặt, báo chí đưa tin về hoạt động của tất cả những thiết chế chính trị và đưa tin về các quá trình chính trị. Mặt khác, bản thân báo chí lại tích cực tham gia vào những quá trình ấy.

Trong xã hội có giai cấp nhất định xuất hiện các tổ chức và các thiết chế thể hiện ý chí của những giai cấp khác nhau và các nhóm xã hội, xuất hiện cái gọi là các chính đảng. Thậm chí nếu những tổ chức và những nhóm xã hội ấy không tự gọi mình là các chính đảng và khẳng định rằng họ không tham gia đấu tranh chính trị, nghĩa là tham gia vào việc đề ra, thông qua và thực hiện những quyết định đụng chạm đến lợi ích về quyền lực chính trị. Bọn bạo loạn

Pinôchê ở Chilê mang tính chất “phi đảng phái”. Nhưng phải chăng bè lũ ấy không được bảo vệ lợi ích của những tầng lớp xã hội hoàn toàn xác định?

Báo chí luôn luôn được sử dụng để giành lấy và giữ vững chính quyền. Dĩ nhiên, ở mỗi nước đều tồn tại hệ thống lãnh đạo của chính phủ đối với các phương tiện thông tin đại chúng. Những thành tố của hệ thống ấy là những thành tố gì?

Trong trường hợp đơn giản nhất thì đó là thiết chế kiểm duyệt chính trị. Các cơ quan chuyên trách của nhà nước tiến hành kiểm duyệt bài vở. Có hình thức kiểm duyệt từ trước, cũng như hình thức kiểm duyệt sau khi bài được công bố, tức là kiểm tra những gì đã được công bố.

Hình thức kiểm duyệt trước khi xuất bản được thực hiện theo cách sau đây: Người chịu trách nhiệm về nội dung các bài vở của phương tiện thông tin đại chúng (tổng biên tập hoặc giám đốc nhà xuất bản) trình bản thảo đưa lên các cơ quan kiểm duyệt trước khi đem đưa in... Người kiểm duyệt cấp phép cho in, hoặc là bác bỏ toàn bộ bản thảo, hoặc cấm in một số đoạn trong bản thảo được gửi tới.

Kiểm duyệt cũng có thể được thực hiện sau khi ấn phẩm được xuất bản. Trong trường hợp này người kiểm duyệt phân tích ấn phẩm hoặc một chương trình phát sóng, rồi căn cứ vào kết quả phân tích mà báo cáo lên các cấp có thẩm

quyền, hoặc là dùng quyền hành của mình mà xử phạt ấn phẩm nếu thấy việc đó là cần thiết.

Ở một số nước áp dụng hình thức kiểm duyệt khác. Người kiểm duyệt không can thiệp vào quá trình sáng tạo. Nhưng sau khi đọc kiểm tra số báo hoặc số tạp chí thì đại diện chính quyền có thể cho phép phát hành ấn phẩm hoặc cấm phát hành.

Ở những nước không có chế độ kiểm duyệt chính trị hoặc thậm chí kiểm duyệt bị luật pháp cấm thì còn có những hình thức kiểm tra khác nhau. Thường thấy nhất là những văn bản pháp luật và dưới luật quy định hình thức hoạt động nào đó.

Sau hết, còn có những phương thức kiểm tra hết sức đa dạng nhằm kiểm soát các phương tiện thông tin đại chúng thông qua việc gây tác động tài chính.

Thường thấy nhiều nhất là việc áp dụng tất cả những hình thức kiểm soát kể trên.

Hãy lấy ví dụ về nước Mỹ. Tại nước này, Hiến pháp tuyên bố tự do báo chí, xuất bản. Nhưng phải chăng ở đó không tồn tại những phương thức do Chính phủ áp dụng để quản lý thông tin? Hơn nữa, sau vụ khủng bố ngày 11-9-2001, Nhà nước bắt đầu tấn công mạnh vào các quyền và các quyền tự do của người dân Mỹ, trong đó có quyền tự do báo chí. Nói đúng ra, sự điều chỉnh của nhà nước trong lĩnh vực thông tin đại

chúng ở Mỹ đã được sử dụng rộng rãi ngay cả trước kia. Ví dụ, trong cơ quan CIA đã nhiều năm rồi tồn tại Ban kiểm soát các ấn phẩm. Những nhân viên của Ban này tiến hành kiểm tra theo kiểu hậu kiểm, sau ấn loát. Nhưng cũng có những trường hợp - kể cả thông qua các phương tiện thông tin đại chúng - họ “khẩn khoản yêu cầu” các nhà văn và các nhà báo “hãy gửi cho họ bản thảo để tham khảo tư vấn từ trước”.

Hình thức gửi một ấn phẩm đã in hoặc một chương trình phát sóng cho đại diện chính quyền kiểm tra để nhận được sự cho phép phát hành hoặc phát sóng, nói đúng ra, là hình thức kiểm duyệt tiêu biểu đối với Bênanh nhưng ngay cả ở Mỹ điều này cũng xảy ra. Một phóng viên của tờ *The Washington Post* đã tìm được những thông tin “sốt dẻo” đụng chạm đến quyền lợi của các quan chức cao cấp. Sự rò rỉ thông tin từ ban biên tập đã cho phép đưa ra những biện pháp ngăn chặn. Giám đốc của CIA đã gọi điện cho bà Lớn Êcatêrina (đó là biệt danh của bà Catorin Grêhêm, người xuất bản tờ báo này) và đề nghị không công bố tài liệu này. Bà Catorin Grêhêm đã từ chối phục tùng lời yêu cầu này. Đến lúc đó Tổng thống Rônan Rigan đã gọi điện cho bà. Tài liệu này vậy là đã không được công bố.

Ngoài điểm bổ sung thứ nhất vào hiến pháp nước Mỹ, hoạt động của các phương tiện thông

tin đại chúng trong khoản này còn được điều chỉnh bởi điều khoản 1, mục 8 (đó là “điều khoản về thương mại”), trao quyền cho Quốc hội điều chỉnh hoạt động giao thương giữa các tiểu bang và hoạt động thương mại với các nước khác”. Điều khoản này trong hiến pháp đã trở thành cơ sở của sự ra đời cả một núi những điều luật thể chế hóa hoạt động của các phương tiện thông tin đại chúng.

Dĩ nhiên, những khả năng của các phương tiện thông tin đại chúng không thể không được sử dụng nhằm mục đích giành lấy chính quyền và giữ vững chính quyền. Thuật ngữ “quyền lực” được hiểu là “năng lực và khả năng gây một tác động quyết định đến hoạt động, hành vi của mọi người bằng những phương tiện nào đó - bằng ý chí, uy tín, quyền hạn, bạo lực”. Quyền lực nhiều khi cũng được hiểu là sự thống trị chính trị và hệ thống các cơ quan nhà nước.

Là một chỉnh thể thống nhất, xã hội loài người phát triển như một hệ thống mà các thành tố của nó (các lĩnh vực đời sống xã hội) tác động qua lại với nhau. Từ đó thấy rõ rằng để giữ vững quyền lực, việc quản lý xã hội phải mang tính hệ thống, đồng bộ. Trong lịch sử đã hình thành hai nguyên tắc quản lý xã hội: nguyên tắc tự phát và nguyên tắc tự giác. Sự quản lý tự phát thể hiện một sự tác động qua lại giữa các lực lượng xã hội trong đó không thể loại

trừ được tác động tự phát - đó là kết quả trung bình hóa, được hình thành từ nhiều hành động tự giác có tính chất định hướng mục tiêu, trong đó, về nguyên tắc, không thể tính đến được mọi hậu quả của những hành động ấy (ví dụ thị trường tự do trong thời kỳ phát triển trước độc quyền của xã hội).

Không thể có bước chuyển sang quản lý tự giác nếu không có tư duy khoa học về những quá trình diễn ra trong xã hội. Trong thời đại của chúng ta, vấn đề quản lý được nghiên cứu mạnh mẽ nhất liên quan đến sự phát triển của những môn khoa học lý luận chung, đặc biệt là điều khiển học với hai khái niệm cơ bản của môn khoa học ấy: thông tin và quản lý.

Thông tin xã hội trước hết là thông tin có ý nghĩa nội dung, tức là những thông tin được xử lý bởi ý thức của con người, và được thực hiện bởi hoạt động của con người. Thông tin ấy lưu hành trong xã hội như là một tổng hòa những tri thức, những dữ liệu, những thông báo, những ý tưởng về thế giới xung quanh, trước hết về xã hội; những ý tưởng ấy phục vụ các mục đích quản lý xã hội. Sự quản lý tối ưu đòi hỏi phải có thông tin khách quan, chính xác và đầy đủ. Như nhiều nhà nghiên cứu đã chỉ rõ, thành công của dân chủ phụ thuộc nhiều vào khả năng phân bố một cách công bằng và bình đẳng tất cả những quan điểm đối nghịch nhau trong xã hội. Những

quan điểm ấy có thể cho phép các công dân đưa ra sự lựa chọn của mình được củng cố bằng thông tin.

Kinh nghiệm đáng chú ý là kinh nghiệm của Thụy Điển trong việc đảm bảo nguyên tắc công khai đã được Hiến pháp công nhận. Ở đất nước này chính phủ tài trợ cho các tờ báo chính trị - xã hội của các chính đảng. Điều này cho phép phản ánh trên các báo ấy toàn bộ tổng thể những quan điểm chính trị. Kết quả là những mối liên hệ giữa ban biên tập của các báo với các đảng của mình... bị suy yếu đi, còn những liên hệ với các cơ quan nhà nước thì lại được củng cố.

Trong những điều kiện ngày nay, khả năng vô cùng quan trọng là khả năng các phái đối lập cũng như các giới cầm quyền trong việc tiếp cận các phương tiện thông tin đại chúng. Điều này đặc biệt quan trọng trong thời gian diễn ra các chiến dịch bầu cử, là khi diễn ra cuộc đấu tranh công khai để giành lấy các chức vụ dân cử. Đảm bảo sự tiếp cận như nhau trong việc tiếp cận các phương tiện thông tin đại chúng là chỉ số chủ yếu về năng lực của nhà cầm quyền có thể tiến hành cuộc bầu cử trung thực và công bằng.

Việc dân chủ quốc gia về các quan hệ quốc tế (Mỹ, quận liên bang Côlômbia, Washington) đã nêu bật 4 khía cạnh có tính nguyên tắc trong số những nguyên tắc chung trong việc giám sát các

phương tiện thông tin đại chúng.

Khía cạnh thứ nhất là sự cần thiết phải theo dõi các hành động của chính quyền trong việc đảm bảo quyền của các nhà báo được thu nhập và phổ biến thông tin. *Khía cạnh thứ hai* liên quan đến việc phân tích những gì chính quyền và báo chí đã làm để tạo cho các chính đảng và các ứng cử viên những cơ hội tiếp xúc với cử tri trong tiến trình diễn ra cuộc vận động tranh cử. *Khía cạnh thứ ba* đòi hỏi giám sát các cố gắng của chính quyền và của báo chí muốn đạt đến sự khách quan trong việc đưa tin về các chính đảng và về các ứng cử viên trên các cột thông tin và các chương trình thời sự. Và *khía cạnh thứ tư* là theo dõi xem chính phủ và các phương tiện thông tin đại chúng làm gì để giáo dục cử tri thấy tính chất quan trọng và hiểu rõ thủ tục bỏ phiếu.

Theo ý kiến của các tác giả văn kiện này thì cần nêu lên tình hình sau đây xem đó là một trong số những hiện tượng có khả năng nhiều nhất không cho phép các phương tiện thông tin đại chúng tự do thực hiện những chức năng đặc trưng của phương tiện thông tin đại chúng. Đó là sự kiểm duyệt trực tiếp của chính phủ hay là sự can thiệp trực tiếp của chính phủ, những hình thức kiểm duyệt gián tiếp, áp lực hoặc những sự công kích nhằm vào các đại diện báo chí nhằm mục đích cản trở các nhà báo thực hiện những trách nhiệm hợp pháp trong việc đưa tin về quá

trình bầu cử, tình trạng chính quyền không có năng lực đảm bảo cho các nhà báo và các nhà xuất bản có được một sự bảo vệ cần thiết chống lại áp lực của bọn quá khích chính trị, sự kiểm duyệt ngay bên trong chính các phương tiện thông tin đại chúng. Ngoài ra, cần đánh giá mức độ tiếp cận và hiệu quả của các cơ chế khiếu nại về những hành động trái với luật pháp được tiến hành chống lại báo chí như khả năng các chính đảng và các ứng cử viên khiếu nại về những hành động trái với luật pháp của bản thân giới báo chí. Những cơ chế ấy bao gồm các đơn thư gửi đến uỷ ban bầu cử các cấp, đến cơ quan nhà nước chịu trách nhiệm về hoạt động của các phương tiện thông tin đại chúng, của viện kiểm sát và của các tòa án.

Thực tiễn của báo chí ở nhiều quốc gia từ lâu đã tìm ra được phương thuốc trị lại hành vi công khai bán mình của báo chí. Điều chủ yếu - đó là việc nghiêm chỉnh tuân thủ các đạo luật và các văn bản dưới luật có liên quan đến các phương tiện thông tin đại chúng. Hành vi quảng cáo "ngầm" đã bị nghiêm cấm ở nhiều nước văn minh; hành vi mua chuộc nhà báo bị trừng trị theo luật pháp, v.v.. Hơn nữa, nhiều ban biên tập và nhiều tổ chức xã hội của nhà báo đã tiếp nhận và nghiêm chỉnh tuân theo những nguyên tắc đạo đức mà nếu vi phạm thì có thể bị đuổi việc. Thường thường thì những quy định đạo đức

trong ứng xử đều được đưa vào hợp đồng tập thể ký với nhân viên.

Người ta cũng xác định chặt chẽ những quan hệ giữa các ban biên tập và nhà nước. Đặc biệt, hoạt động của cái gọi là “những giám sát viên” nhằm bảo vệ lợi ích của các giới công luận rộng rãi, kiểm tra và thẩm cứu lại các ấn phẩm, giám sát việc các nhà báo tuân thủ các đạo luật và những nguyên tắc đạo đức của các nhà báo.

Những năm gần đây, các tác giả Nga và các tác giả nước ngoài rất chú ý đến các vấn đề luật lệ và đạo đức trong hoạt động của các phương tiện thông tin đại chúng. Sự quan tâm ấy không phải là ngẫu nhiên. Sự quan tâm ấy vốn bắt nguồn từ nhu cầu thực tiễn của các nhà báo và của toàn xã hội.

Báo chí có được một sức mạnh và quyền lực nào đó nhờ có sự tập trung và độc quyền hóa báo chí (đặc biệt đã xuất hiện khả năng kiểm soát nội dung của các báo và các tạp chí đại chúng có số lượng phát hành lớn) dẫn đến sự ra đời của một tầng lớp các nhà kinh doanh quan tâm nhiều hơn đến việc có được các khoản thu nhập chính trị, chứ không phải là những khoản thu nhập tài chính đích thực. Họ dồn mọi nỗ lực nhằm kiểm soát được nội dung của các phương tiện thông tin đại chúng thuộc sở hữu của họ. Hiện tượng này một lần nữa khẳng định sự cần thiết phải nghiên cứu quan hệ giữa chính quyền

và báo chí, luật pháp và đạo đức trong lĩnh vực hoạt động này của con người.

Nhìn tổng thể, vấn đề đáng được xem xét riêng là sự tác động qua lại của các phương tiện thông tin đại chúng và sự đảm bảo các quyền và các quyền tự do của con người trong xã hội hiện đại.

Vấn đề vai trò của các phương tiện thông tin đại chúng trong việc thực hiện quyền cơ bản và các quyền tự do của con người đã được ghi nhận trong nhiều văn kiện quốc tế và quốc gia.

Văn kiện cuối cùng của Hội nghị an ninh và hợp tác châu Âu được thông qua ở Henxinhki, đã ghi nhận chuẩn mực bất di bất dịch và tôn trọng các quyền con người và các quyền tự do cơ bản, kể cả quyền tự do tư tưởng, tự do phân biệt phải trái, tự do tín ngưỡng và tự do tín điều. Đặc biệt, trong văn kiện này có đoạn nói:

“Các nước tham gia Hội nghị sẽ tôn trọng các quyền con người và những quyền cơ bản, kể cả quyền tự do tư tưởng, tự do phân biệt phải trái, tín ngưỡng và tín điều, dành cho mọi người, không phân biệt chủng tộc, giới tính, ngôn ngữ và tôn giáo.

Các nước tham gia Hội nghị sẽ khuyến khích và phát triển việc thực thi hữu hiệu các quyền công dân, các quyền chính trị, kinh tế, xã hội, văn hóa và các quyền tự do khác. Tất cả các quyền ấy đều bắt nguồn từ phẩm giá vốn có của

nhân cách con người và là các quyền thiết yếu cho sự phát triển tự do và đầy đủ của nhân cách con người.

Trong những khuôn khổ ấy các nước tham gia Hội nghị sẽ công nhận và tôn trọng quyền tự do của cá nhân được một mình, hoặc cùng với những người khác, theo một tôn giáo hoặc tín ngưỡng nào đó, trên cơ sở hành động theo lương tâm của mình.

Các nước tham gia Hội nghị mà trên lãnh thổ của mình có những dân tộc thiểu số sinh sống thì sẽ tôn trọng quyền của những cá nhân thuộc các dân tộc thiểu số ấy được bình đẳng trước pháp luật, sẽ tạo cho họ đầy đủ điều kiện để thực sự hưởng các quyền con người và các quyền tự do cơ bản và bằng cách ấy sẽ bảo vệ những lợi ích hợp pháp của họ trong lĩnh vực này.

Các nước tham gia Hội nghị thừa nhận ý nghĩa phổ quát của các quyền con người và của các quyền tự do cơ bản. Việc tôn trọng những quyền ấy là nhân tố căn bản của hòa bình, của công lý và phúc lợi - những yếu tố cần thiết để đảm bảo phát triển những quan hệ hữu nghị và hợp tác giữa các nước ấy cũng như với tất cả các quốc gia.

Các nước sẽ luôn luôn tôn trọng các quyền và các quyền tự do ấy trong các quan hệ hợp tác và hỗ trợ lẫn nhau, sẽ nỗ lực - cùng nhau và tự mình, kể cả hợp tác với tổ chức Liên hợp quốc -

nhằm thúc đẩy sự tôn trọng các quyền ấy một cách rộng khắp và hữu hiệu.

Các nước khẳng định quyền của các cá nhân được biết các quyền lợi và nghĩa vụ của mình trong lĩnh vực này và hành xử theo đúng những quyền ấy.

Trong lĩnh vực các quyền con người và các quyền tự do cơ bản, các nước tham gia hội nghị sẽ phải tuân theo những mục đích và những nguyên tắc ghi trong Hiến chương của Liên hợp quốc và tuân theo bản Tuyên ngôn chung về các quyền con người. Các nước cũng sẽ thực hiện những cam kết của mình như đã được quy định trong các tuyên bố và các thỏa thuận quốc tế trong lĩnh vực này, trong đó bao gồm cả những Hiệp định quốc tế về các quyền con người, nếu các nước có ràng buộc với những hiệp định ấy”.

Các nước tham gia Hội nghị an ninh và hợp tác châu Âu hiểu rõ nhu cầu về những hiểu biết ngày càng rộng và về sự am hiểu những khía cạnh khác nhau trong đời sống của nước khác tham gia hội nghị, đã nêu rõ sự đóng góp của quá trình này vào việc phát triển sự tin cậy giữa các dân tộc. Văn kiện cuối cùng cũng nêu lên ý nghĩa quan trọng của việc phổ biến thông tin từ những nước khác tham gia hội nghị và của việc tìm hiểu tốt hơn về những thông tin ấy. Văn kiện đã nhấn mạnh vai trò căn bản và có ảnh hưởng của báo chí, đài phát thanh và truyền hình, của

diện ảnh và của các hãng điện tín và của các nhà báo làm việc trong những lĩnh vực này.

Cộng đồng quốc tế đề ra nhiệm vụ là phải tạo điều kiện thuận lợi cho việc phổ biến tất cả các hình thức thông tin một cách tự do hơn và rộng rãi hơn, khuyến khích sự hợp tác trong lĩnh vực thông tin, khuyến khích việc trao đổi thông tin giữa các quốc gia với nhau và cải thiện các điều kiện trong đó các nhà báo của một nước tiến hành hoạt động nghề nghiệp của mình tại một nước khác.

Người ta đã đề ra những nguyên tắc của việc cải tiến phổ biến thông tin, tiếp cận và trao đổi thông tin. Đặc biệt người ta đã đề nghị khuyến khích phổ biến hình thức thông tin miệng bằng cách khuyến khích đọc các bài giảng và thực hiện các chuyến đi thuyết trình của các nhà hoạt động và các chuyên gia nổi tiếng đến từ những nước khác, cũng như khuyến khích trao đổi ý kiến dưới hình thức tổ chức hội nghị bàn tròn, các cuộc hội thảo, hội nghị chuyên đề, các khóa học mùa hè, các đại hội và những hình thức gặp gỡ khác có tính chất song phương và đa phương. Trong lĩnh vực thông tin, in ấn, các nước tham gia Hội nghị an ninh và hợp tác châu Âu cam kết thúc đẩy việc cải thiện công tác phổ biến trên lãnh thổ của mình các tờ báo và các ấn phẩm (định kỳ và không định kỳ) của những nước khác tham gia hội nghị. Văn kiện cuối cùng

nêu rõ, nhằm mục đích ấy các nước tham gia hội nghị sẽ khuyến khích các hãng của nước mình và các tổ chức có thẩm quyền của nước mình ký kết các hiệp định và các hợp đồng nhằm dần dần tăng số lượng in và số tên gọi các báo và các ấn phẩm nhập khẩu từ những nước khác tham gia hội nghị. Mong rằng, trong những hiệp định và hợp đồng ấy người ta đặc biệt nhắc đến những điều kiện về vận chuyển nhanh nhất, việc sử dụng các kênh phổ biến phát hành các ấn phẩm và báo chí thông thường vẫn tồn tại ở mỗi nước, cũng như các hình thức và những phương pháp thanh toán được thỏa thuận giữa các bên nhằm cho phép thực hiện các mục đích của hiệp định và những hợp đồng ấy.

Dĩ nhiên, việc đạt được những mục tiêu ấy không đơn giản như thế, như người ta có thể nghĩ vào năm 1978. Để thực hiện hiệp định cần thúc đẩy cải tiến việc công luận tiếp cận các ấn phẩm định kỳ và không định kỳ được nhập khẩu trên cơ sở đã nêu ở trên. Đặc biệt đòi hỏi phải khuyến khích mở rộng số lượng các điểm bán những ấn phẩm như vậy; tạo điều kiện thuận lợi cho việc giới thiệu và bán những ấn phẩm định kỳ trong thời gian diễn ra các đại hội, hội nghị, các cuộc viếng thăm chính thức, những hoạt động quốc tế khác, và giới thiệu các khách du lịch trong mùa du lịch; mở rộng khả năng ký đặt mua trên cơ sở những quy tắc đặc trưng cho từng

nước; cải thiện khả năng cung cấp cho bạn đọc được mượn và đọc những ấn phẩm ấy tại phòng đọc của các thư viện lớn cũng như tại thư viện của các trường đại học; cải thiện khả năng giới thiệu các bản tin chính thức do các cơ quan đại diện ngoại giao ấn hành và phân phát trên cơ sở từng thoả thuận có thể chấp nhận được đối với các bên hữu quan. Như chúng ta đã thấy, nhiều điều khoản được các nước tham gia hội nghị thực hiện chỉ có tính chất hình thức.

Trong lĩnh vực phổ biến các sản phẩm thông tin về điện ảnh, phát thanh và truyền hình thì đã có những chuyển biến có ý nghĩa hơn. Sự phát triển nhanh chóng của kỹ thuật đã cho phép hoạt động thông tin tiến xa hơn rất nhiều so với dự đoán. Việc phát sóng trực tiếp sang những nước khác đã cho phép bỏ lại xa ở phía sau những hình thức thông tin như trình chiếu và chuyển tải những thông tin đa dạng được ghi trên băng từ từ những quốc gia khác. Những thông tin ấy minh hoạ những khía cạnh khác nhau trong đời sống ở những nước khác và được thu nhận trên cơ sở những hiệp định hoặc những thoả thuận có thể là cần thiết giữa các tổ chức và các hãng trực tiếp có nhu cầu.

Những thay đổi trên trường quốc tế diễn ra vào cuối thế kỷ XX thì hiển nhiên đã có ảnh hưởng đến sự hợp tác trong lĩnh vực thông tin. Trong lĩnh vực thông tin, sự hợp tác đang phát

triển trên cơ sở những hiệp định và những thỏa thuận ngắn hạn hoặc dài hạn. Trên thực tế đã có sự hợp tác ngày càng rộng rãi hơn giữa các cơ quan thông tin đại chúng, kể cả giữa các hãng điện tín, các nhà xuất bản và các tổ chức xuất bản, giữa các tổ chức phát thanh và truyền hình của nhà nước cũng như của tư nhân, giữa các tổ chức phát thanh và truyền hình quốc gia và quốc tế thông qua con đường trao đổi các chương trình phát thanh và truyền hình trực tiếp hoặc được ghi lại, cùng hợp tác sản xuất và phát hành những chương trình ấy. Người ta đã tổ chức những cuộc gặp gỡ giữa các tổ chức báo chí và giữa các nhà báo ở các quốc gia khác nhau. Sự trao đổi thông tin kỹ thuật đã được mở rộng và đi vào chiều sâu. Những công trình hợp tác nghiên cứu và sự gặp gỡ giữa các nhà chuyên môn nhằm trao đổi kinh nghiệm và ý kiến trong lĩnh vực báo chí - xuất bản, phát thanh và truyền hình đã trở thành một hiện tượng bình thường.

Kể từ sau khi ký kết văn bản cuối cùng của Hội nghị an ninh và hợp tác ở châu Âu, đã có không ít văn kiện được ký kết ở cấp độ châu lục và ở cấp độ thế giới về thực hiện các quyền và các quyền tự do của con người.

Học thuyết của Tây Âu và Bắc Mỹ về tự do báo chí bắt nguồn từ học thuyết về các quyền tự nhiên của con người được thể hiện trong Tuyên ngôn nhân quyền và dân quyền của Pháp, trong

“Đạo luật về các quyền” của Mỹ. Biên độ của các quan điểm dao động từ chủ nghĩa tối đa tự do cho đến sự thừa nhận trách nhiệm xã hội. Tính chất phổ quát của các quy luật kinh tế thị trường - với mức độ điều tiết ít hay nhiều của nhà nước - đã là nhân tố quyết định từ trước sự trùng hợp của một số mô hình luật pháp được sử dụng ở những nước khác nhau nhằm đảm bảo một sự cạnh tranh trung thực và đảm bảo chế độ đa nguyên, ngăn ngừa hiện tượng tích tụ và độc quyền chiếm giữ các phương tiện thông tin đại chúng.

Trong một loạt trường hợp Công ước quốc tế về các quyền công dân và các quyền chính trị, những hiệp định pháp lý quốc tế khác quy định những chuẩn mực tối thiểu trong lĩnh vực các quyền con người và hoạt động của báo chí đã được quy tụ, về mặt nội dung, trong các văn bản luật pháp của các quốc gia về những phương tiện thông tin đại chúng hoặc đã để lại dấu ấn trong các văn bản pháp luật của từng nước và trong việc thực hiện những chuẩn mực ấy. Tính chất phổ quát của các vấn đề và các điều kiện đã quy định sự giống nhau của các giải pháp.

Tuy nhiên, những đặc điểm của con đường lịch sử, của tổ chức nhà nước, của những truyền thống dân tộc, của các hệ thống kinh tế và luật pháp đã dẫn đến những thay đổi tương ứng trong cơ chế điều tiết hoạt động của báo chí ở từng quốc gia riêng biệt. Đối với các nước theo

chế độ liên bang thì điều có ý nghĩa to lớn là sự phân định rõ thẩm quyền giữa các cơ quan chính quyền liên bang và các chủ thể trong liên bang, kể cả trong lĩnh vực thông tin đại chúng. Tại Cộng hòa liên bang Đức, trước hết, chính các tiểu bang có quyền đưa ra các đạo luật điều tiết hoạt động của báo chí, còn nghị viện liên bang chỉ có thể quy định quy chế pháp lý chung của các phương tiện thông tin đại chúng mà thôi.

Sự khác biệt mang tính nguyên tắc giữa các hệ thống luật pháp hiện hành trên thế giới là ở chỗ: ví dụ, hệ thống luật pháp Anglo Xắcông thừa nhận quyền tài phán của luật phổ quát và tuyên bố tiền lệ tư pháp là khởi nguồn của luật pháp. Chính ở các nước có tồn tại luật phổ quát đã hình thành các khái niệm về quyền ưu tiên tuyệt đối và quyền ưu tiên có phân định. Những khái niệm ấy có một ý nghĩa to lớn trong các vụ xử kiện về tội vu cáo trong báo chí. Phạm trù quyền ưu tiên tuyệt đối được sử dụng để chỉ trường hợp vô khả năng pháp lý của việc thừa kiện về sự vu cáo đối với những loại nhân vật xác định: các nghị sĩ trong trường hợp họ phát biểu trong phạm vi nghị viện; đối với các quan tòa, các luật sư, các bên tham gia vụ kiện và các nhân chứng trong trường hợp họ đưa ra những lời phát biểu tại phòng xử án. Phạm trù quyền ưu tiên có phân định có nghĩa là không cho phép thừa kiện về sự vu cáo đối với các phương tiện

thông tin đại chúng và đối với các nhà báo nào đã đưa tin đúng, chính xác và kịp thời. Thông tin ấy được bảo vệ bởi quyền ưu tiên tuyệt đối.

Trong thập kỷ cuối cùng của thế kỷ qua những nỗ lực của cộng đồng thế giới, đặc biệt là của tổ chức UNESCO, đã tập trung vào việc thúc đẩy sự độc lập, quyền tự do báo chí trên khắp thế giới. Đó chính là mục tiêu hướng tới của toàn bộ tinh thần của các bản tuyên bố về phát triển sự độc lập và tự do báo chí ở châu Phi (Uyndơhuc năm 1991), ở châu Á (Anma Ata, năm 1992) ở Mỹ Latinh (Xanchiagô, năm 1994). Ngày thông qua bản tuyên bố Uyndơhuc (ngày 3-5) được tuyên bố là *Ngày tự do báo chí toàn thế giới*.

Tự do ngôn luận và tự do báo chí có ý nghĩa quan trọng vì chúng đảm bảo - ở mức độ lớn - việc thực hiện tất cả các quyền dân chủ và các quyền tự do khác.

Xu hướng của thế giới hướng tới dân chủ hóa đời sống xã hội ngày càng biểu hiện mạnh mẽ ở những nước và những khu vực hết sức khác nhau. Các quốc gia đã từng theo chế độ cực quyền hoặc độc tài thì nay đang vững bước trên con đường thực hiện các cải cách dân chủ. Các phương tiện thông tin đại chúng không chỉ tham gia trực tiếp mà còn là đối tượng của các quá trình dân chủ.

Dân chủ - đó là hình thức chế độ chính trị dựa trên sự thừa nhận các nguyên tắc về quyền

lực của nhân dân, quyền tự do và bình đẳng của công dân. Dân chủ đòi hỏi thừa nhận nguyên tắc thiểu số phục tùng đa số, chế độ bầu cử các cơ quan chủ yếu là chính quyền nhà nước, sự tồn tại các quyền và các quyền tự do chính trị của công dân, cũng như các điều kiện thực hiện các quyền ấy. Người ta phân biệt các thiết chế dân chủ đại diện (các cơ quan được bầu ra - các nghị viện, v.v.,) và các thiết chế dân chủ trực tiếp (những cuộc trưng cầu ý dân, những cuộc thảo luận của toàn dân, hoạt động của các tổ chức xã hội).

Những nguyên tắc dân chủ được áp dụng ngày càng đầy đủ vào đời sống của người dân ở đa số các nước văn minh, không phụ thuộc vào hệ thống chính trị và vị trí địa lý. Ngay cả các chế độ quân chủ với những quan hệ phong kiến hoặc thị tộc - bộ lạc hiện hành cũng tuyên bố ủng hộ dân chủ.

Các vấn đề về quan hệ của chế độ dân chủ đại nghị và tự do báo chí, về chế độ quân chủ, chế độ thân quyền và dân quyền, về hoạt động của các phương tiện thông tin đại chúng trong khuôn khổ hệ thống chính trị hiện hành là những vấn đề ngày càng thu hút sự chú ý của các nhà khoa học Nga và thế giới.

Các phương tiện thông tin đại chúng tích cực tham gia vào tất cả các giai đoạn của quá trình chính trị, trong nhiều trường hợp, các phương tiện thông tin đại chúng còn ảnh hưởng hữu

hiệu đến việc đề ra, thông qua và thực hiện các quyết định chính trị, thực hiện những liên hệ ngược chiều, điều chỉnh đường lối chính trị đã đề ra. Đương nhiên, vấn đề tham gia của các phương tiện thông tin đại chúng và các cải cách dân chủ trên thế giới là một vấn đề rất đa diện.

Có thể phân định một cách chính xác và khá đầy đủ trên thực tế những giai đoạn dưới đây của quá trình chính trị:

1. Hình thành, xây dựng hệ thống chính trị.
2. Tái tạo những thành tố và những dấu hiệu của hệ thống chính trị nào đó.
3. Thông qua và thực thi các quyết định điều hành chính sách.
4. Kiểm soát hoạt động và chiều hướng phát triển của hệ thống chính trị.

Như chúng ta đã thấy, các phương tiện thông tin đại chúng không thể bỏ qua bất kỳ một giai đoạn nào kể trên. Về phần mình, các phương tiện thông tin đại chúng cảm nhận ảnh hưởng của những thiết chế và những quá trình chính trị.

Tính chất đa diện của những nghiên cứu đã xác nhận tính chất kịp thời của sự chú ý từ phía các nhà nghiên cứu của Nga và các nhà nghiên cứu nước ngoài đến những vấn đề ấy. Tuy nhiên, những hình thức và phương pháp hết sức đa dạng trong việc xác lập chế độ dân chủ đại nghị và bất kỳ chế độ dân chủ nào khác lại đòi hỏi phải tiếp tục có sự suy nghĩ sâu hơn nữa.

Việc phân tích những cải cách tại các nước thuộc “thế giới thứ ba”, các nước Đông Âu và Trung Âu đã xác nhận hiển nhiên sự cần thiết phải nghiên cứu toàn diện những quá trình ấy.

Bầu cử - đó là đặc trưng không thể thiếu của dân chủ. Không có bầu cử thì không thể hình thành các cơ quan đại diện; không có bỏ phiếu thì không thể tiến hành trưng cầu ý dân và không thể có các cuộc thảo luận của toàn dân. Đó là lý do tại sao trong điều kiện tồn tại xã hội thông tin thì các phương tiện thông tin đại chúng lại tích cực tham gia các cuộc vận động bầu cử và hỗ trợ dân chúng thực hiện các quyền bầu cử. Dĩ nhiên, mức độ tham gia của các phương tiện thông tin đại chúng trong quá trình bầu cử lại phụ thuộc vào hệ thống bầu cử hiện hành trong nước.

Hệ thống bầu cử - đó là thể thức tổ chức và tiến hành bầu cử thành viên các cơ quan đại diện. Thể thức này được ghi nhận trong các quy định pháp lý cũng như bởi hoạt động thực tiễn đã hình thành của các tổ chức nhà nước và các tổ chức xã hội.

Tại nhiều nước, việc tham gia bầu cử đòi hỏi phải đáp ứng một số điều kiện. Ví dụ, có những điều kiện sau đây: tài sản, học vấn, chủng tộc, thời gian cư trú, ngôn ngữ, v.v., xét về thực chất, tất cả các điều kiện ấy đều là những phương tiện thao túng các cuộc bầu cử và thao túng kết quả

bầu cử. Trên thực tế, ở mọi nơi, các công dân đều có quyền bầu cử và ứng cử vào các cơ quan đại diện.

Chính ra, thuật ngữ “quyền bầu cử” có những ý nghĩa dưới đây:

1. Tổng thể những quy định pháp lý điều chỉnh sự tham gia của các công dân vào việc bầu cử các cơ quan đại diện của chính quyền, vào việc tổ chức và thực hiện bầu cử, các quan hệ giữa cử tri và các cơ quan đại diện thể thức triệu hồi các đại biểu.

2. Quyền của các công dân được bầu cử các cơ quan này (quyền bầu cử tích cực) và được ứng cử vào các cơ quan ấy (quyền bầu cử thụ động).

Thiết chế đại biểu cử tri ở một số nước có chế độ bầu cử gián tiếp mang những đặc điểm của mình. Tại Mỹ, các đại biểu cử tri chỉ được bầu ra để họ thực hiện chức năng của mình, ví dụ, trong cuộc bầu cử tổng thống. Ở Pháp, các đại biểu cử tri giữ vai trò như thế trong các cuộc bầu cử vào Thượng viện căn cứ vào chức vụ đang giữ, ví dụ: các ủy viên trong các tổng hội đồng...

Hệ thống bầu cử theo đa số - đó là thể thức quy định rằng người trúng cử là ứng cử viên hoặc liên danh ứng cử viên nào thu được đa số phiếu bầu trong khu vực bầu cử. Hệ thống này được áp dụng ở Mỹ, Anh, Ấn Độ, Mêhicô và ở những nước khác. Người ta phân biệt hệ thống bầu cử theo đa số tuyệt đối (để trúng cử cần phải

thu được trên 50% số phiếu) và hệ thống bầu cử theo đa số tương đối (chỉ cần thu được số phiếu nhiều hơn so với các ứng cử viên khác). Hệ thống bầu cử theo đa số tạo ra sự chênh lệch lớn về tương quan lực lượng có lợi cho các chính đảng lớn.

Hệ thống đại diện theo tỷ lệ - đó là thể thức xác định kết quả bỏ phiếu, theo đó sự phân bố các ủy nhiệm thư giữa các chính đảng được tiến hành căn cứ vào số lượng phiếu mà các đảng ấy thu được (Italia, Bỉ, Phần Lan và những nước khác). Để xác định được kết quả bỏ phiếu, người ta quy định số phiếu tối thiểu cần thiết để nhận được một ủy nhiệm thư đại biểu. Việc phân bố số ủy nhiệm thư bên trong liên danh chính đảng thông thường được tiến hành theo trật tự sắp xếp của các ứng cử viên trong liên danh.

Tùy theo hệ thống bầu cử hiện hành, các phương tiện thông tin đại chúng hoạt động trong một khuôn khổ luật pháp hoàn toàn xác định. Điều này làm cho sự tham gia của các phương tiện thông tin đại chúng trong các cuộc bầu cử mang tính chất đặc thù đối với mọi quốc gia. Đồng thời, có những quy định chung và những quy luật chung cho phép các phương tiện thông tin đại chúng tham gia vào quá trình bầu cử trên những nguyên tắc dân chủ, thực hiện những chức năng đặc thù của mình và thỏa mãn các nhu cầu xã hội. Khi bắt đầu chiến dịch vận động

bầu cử, tất cả các ứng cử viên đều thành thực quan tâm đến vấn đề tiếp cận các phương tiện thông tin đại chúng. Nếu một ứng cử viên nào đó có được ưu thế về mặt này so với những ứng cử viên khác thì, không nghi ngờ gì nữa, ứng cử viên này có nhiều cơ hội được bầu vào chức vụ đang mong đợi hơn là những ứng cử viên khác.

Sự tiếp cận của các ứng cử viên và các chính đảng đối với các phương tiện thông tin đại chúng có thể được thực hiện theo những sơ đồ khác nhau. Trong đó có những sơ đồ sau đây:

- ♦ Những khả năng miễn phí;
- ♦ Những khả năng được ưu đãi;
- ♦ Những khả năng theo các điều kiện trả tiền bằng nhau:

Ở nhiều nước sự tiếp cận của các ứng cử viên đối với các phương tiện thông tin đại chúng (các phương tiện in ấn, cũng như các phương tiện điện tử) là có giới hạn do các đạo luật và các văn bản dưới luật đặt ra. Những luật lệ ấy buộc các phương tiện thông tin đại chúng phải giới thiệu với cử tri về thực chất tư tưởng và các cương lĩnh lập trường của các ứng cử viên, giải thích thể thức và thủ tục bỏ phiếu, v.v..

Những luật lệ thể chế hóa hoạt động của các phương tiện thông tin đại chúng trong tiến trình diễn ra chiến dịch vận động bầu cử thường dựa trên những nguyên tắc chung dưới đây:

- ♦ Tính khách quan;

- Tính trung lập;
- Tính độc lập;
- Tính cân nhắc thận trọng;
- Ý thức trách nhiệm.

Dĩ nhiên, trên thực tế, hoạt động của các phương tiện thông tin đại chúng ở những nước khác nhau sẽ mang đặc thù riêng của mình tùy thuộc vào những hình thức sở hữu các phương tiện thông tin đại chúng.

Tùy thuộc vào hình thức sở hữu, các phương tiện thông tin đại chúng có thể có những cách tiếp cận khác nhau đối với sự tham gia của các nhà báo và những chiến dịch vận động bầu cử; đồng thời đòi hỏi bất di bất dịch vẫn là phải tuân thủ những chuẩn mực và những quy tắc đạo đức. Trong những quy định đạo đức của các nhà báo - thường được ghi trong hợp đồng giữa người chủ phương tiện thông tin đại chúng với các nhà báo trong các tập thể báo chí, thì những quy tắc hoạt động nghề nghiệp có thể xê dịch trong những giới hạn rộng rãi.

Những chuẩn mực đạo đức trong hoạt động của các nhà báo và sự tham gia của họ trong đời sống chính trị còn phụ thuộc trực tiếp vào từng ban biên tập. Ví dụ, một cán bộ làm việc trong ấn phẩm thuần túy của đảng thì phải ủng hộ ứng cử viên ấy; còn nhà báo làm việc trong một ban biên tập “phi đảng phái” - ban biên tập này quan tâm đến lập trường không thiên vị và

khách quan - thì không có quyền tham gia vào các chiến dịch vận động chính trị hoặc ra ứng cử vào chức vụ được bầu cử; các nhân viên làm việc trong những ban biên tập ấn phẩm của nhà nước lại chịu những hạn chế của luật pháp khi đưa tin về chính những chiến dịch vận động bầu cử ấy.

Bầu cử tự do - đó là đặc trưng không thể thiếu của nền dân chủ. Đó là định đề. Ở nước Nga đã có thời những cuộc bầu cử diễn ra theo một kịch bản đã vạch sẵn từ trước. Giờ đây, cử tri Nga đã quen với hiện tượng là trong thời gian diễn ra chiến dịch vận động bầu cử các ứng cử viên nhất thiết phải sử dụng những chiêu thức lấy từ kho tàng những công nghệ “không sạch sẽ” của chính trường.

Chúng ta hãy xem xét một số phương pháp phổ biến nhất và không trung thực nhất nhằm “giành thắng lợi” trong bầu cử mà trước kia đã từng được áp dụng ở nước ngoài cũng như đã được sử dụng rộng rãi ở Xanh Pêtéc-bua và Leningrat, nơi diễn ra “sự áp dụng thử những công nghệ chính trường”.

Phương pháp phổ biến nhất là cái gọi là “*cuộc chiến bôi nhọ nhau*”. Dĩ nhiên, từng ứng cử viên nghiên cứu những mặt mạnh và mặt yếu của địch thủ. Còn việc sử dụng điều gì trong tiến trình chạy đua tranh cử - thì đó là vấn đề thuộc về lương tri của êkíp và của chính ứng cử viên. Nhưng trong cuộc chiến thì làm gì có lương tri?

Vậy là, các chính trị gia của chúng ta bơi nhò nhau trước mặt cử tri.

Ví dụ, trên tờ báo *Luận chứng và sự kiện - Pétécboa* trong bài tranh luận nhan đề “Không nên bổ sung cho chúng tôi” có kể về việc tờ *Vyborg News* (Tin tức Vubooéc) số ra ngày 1-11, trích dẫn tờ *AiF* (Newspaper) đã đăng bài báo có nhan đề “Hội chúng tổng hợp”. Mọi chuyện lẽ ra không có gì cả, nhưng dân chúng ở Vubooéc... đã bổ sung lời của tác giả. Như lời nhận xét của Denit Xuxôep, “người ta đã thêm vào chính giữa bài báo này hai đoạn với những lời tố giác hoàn toàn bịa đặt nào đó nhắm vào một đại biểu của tỉnh sở tại...”. Nhưng đó mới chỉ là sự mở đầu.

Hình thức tham gia chủ yếu của các ứng cử viên trên truyền hình - đó là những cuộc tranh luận. Dĩ nhiên, cùng với thời gian thì những cuộc tranh luận cũng đã thay đổi, ít mang tính chất ngẫu nhiên hơn, được điều khiển nhiều hơn, được chuẩn bị kỹ lưỡng hơn bởi các nhà chuyên môn về xây dựng uy tín và điều hành chiến dịch vận động bầu cử. Mặc dù vậy, các ứng cử viên vẫn coi tranh luận là yếu tố chân thực cho phép cử tri tìm hiểu thực sự sâu sắc về những ứng cử viên. Hình thức này có ưu điểm là: những cuộc tranh luận trên truyền hình cho phép các ứng cử viên trực tiếp hướng đến cử tri, được sử dụng một phương tiện thông tin đại chúng hữu hiệu nhất trong số các phương tiện

thông tin đại chúng có thể tiếp nhận được. Nhưng nếu ứng cử viên từ chối tham gia những cuộc tranh luận trên truyền hình trong thời gian diễn ra chiến dịch tranh cử thì ứng cử viên này phải giải thích nguyên nhân của sự khước từ, nếu không thì ứng cử viên ấy có thể bị mất phiếu bầu của cử tri. Đôi khi ứng cử viên từ chối chấp nhận các điều kiện tranh luận. Thông thường, những điều kiện ấy được đem ra thảo luận giữa các ứng cử viên, các nhà tài trợ và các đại diện của phương tiện thông tin đại chúng tiến hành cuộc tranh luận. Bất kể là những cuộc tranh luận, với thời gian đã mang tính chất giả tạo như thế nào chăng nữa hoặc không thể tiên đoán được, song những cuộc tranh luận ấy vẫn thực hiện được chức năng là thông tin cho các cử tri.

Giờ đây, người ta sử dụng rộng rãi hình thức quảng cáo sau đây: ứng cử viên “tốt” vạch trần những hành động hoặc những ý đồ của ứng cử viên “xấu”. Mặc dù những thông tin được nhào nặn trong camera truyền hình thường thường lại là điều trái sự thật nhất hoặc là một sự giải thích không chính xác về các sự việc. Ở đây, cử tri sẽ dành cảm tình cho phía ứng cử viên nào mang hình ảnh mà họ cho là sáng chói hơn và đáng ghi nhớ nhất. Phương pháp quảng cáo chính trị, kể cả phương pháp “bôi nhọ”, đôi khi biến thành thể loại khiêu khích chính trị.

Trong thời gian diễn ra chiến dịch vận động

bầu cử, các phương tiện thông tin đại chúng biến thành vũ đài giữa những tập đoàn chính trị - tài chính. Không một cuộc chiến tranh nào, kể cả cuộc chiến thông tin, mà lại không có hoạt động tuyên truyền. Trên thực tế, trên miếng đất màu mỡ của thể loại này, tất cả những người dẫn các chương trình chính trị đều làm việc rất có kết quả.

Rất nhiều khi các doanh nhân thuộc các cấp độ khác nhau cũng tham gia cuộc chạy đua maratông vận động bầu cử. Họ cần làm việc đó để thông qua các cơ cấu chính quyền mà phát triển hoạt động kinh doanh của mình. Trong thời gian diễn ra các cuộc bầu cử tại những khu vực mà ở đó có truyền thống thu hút sự chú ý của các chính trị gia và của công luận rộng rãi thì các doanh nhân công khai “bước vào chính quyền”. Vấn đề không phải chỉ vì ở những khu vực ấy, người ta bầu ra chính quyền địa phương mà lập trường của chính quyền ấy quyết định phần lớn vận mệnh của toàn đất nước. Ở các địa phương, người ta nhào luyện những công nghệ tranh cử mới mà sau này sẽ được vận dụng trong các công ty lớn hơn.

Các ứng cử viên và êkíp làm việc của họ cố gắng đảm bảo có được sự ủng hộ của báo chí, còn trong một số trường hợp đơn giản họ mua chuộc báo chí, một số trường hợp khác thì họ treo vào miệng báo chí chiếc rọ mõm của *sự kiểm duyệt*.

Bản thân báo chí là bằng chứng về điều này. Ví dụ, tờ báo *Pêtécbuia mới* đã cho đăng báo với nhan đề rất kêu: “Những tên ăn trộm và những tên tham nhũng - chúng muốn có sự kiểm duyệt!”. Tờ báo này nêu rõ: “Nếu đứng trên quan điểm của viện công tố, trách nhiệm về những lời phát biểu của **các chính trị gia - các nhà làm luật, các bộ trưởng, các nhà lãnh đạo, các chuyên viên** - sẽ được trút lên vai những tổng biên tập, **thì ở nước Nga tự do ngôn luận sẽ chấm hết**”. Thường thấy nhiều nhất là trường hợp các quan chức thuộc tất cả các cấp và các nghị sĩ đương nhiệm, các vị tỉnh trưởng và những nhân vật được bầu cử khác thường hay biểu lộ ý đồ tự gánh lấy gánh nặng của nhân viên kiểm duyệt.

Các ứng cử viên vấp phải vấn đề đầu tiên - đó là yêu cầu đảm bảo sự tham gia của cử tri vào chính thủ tục bầu cử. Bằng chứng về mức độ tham gia bầu cử của cử tri giảm mạnh - đó không chỉ ở các cuộc bầu cử ở nước Nga, mà cả ở nước ngoài. Do vậy, các ứng cử viên, đặc biệt là các đại biểu đương nhiệm, đều ra sức **thu hút một cách nhân tạo sự chú ý** của cử tri về phía mình. Một số ứng cử viên lao vào một sự đối đầu vô nghĩa với giới hành pháp trên những vấn đề nhỏ nhặt cốt chỉ để được cử tri chú ý đến mình. Đương nhiên, là người ta có thể phê phán một cách đúng chỗ một vị tỉnh trưởng nào đó. Song,

khi mà mọi kiến nghị của vị đó đều bị chống đối quyết liệt chỉ vì những kiến nghị xuất phát từ giới hành pháp, thì đấy không phải là phương pháp làm việc hữu hiệu.

Các chính đảng và các phong trào đều có bộ máy tuyên truyền hùng hậu, có sự ủng hộ của báo chí và có sự tài trợ về tiền bạc. Về phương diện này, vị thế của các ứng cử viên độc lập thật không mấy phần khởi. Họ chỉ còn biết trông cậy vào sức lực của bản thân và vào sự ủng hộ của cử tri. Thực tiễn cho thấy giới cử tri càng ngày càng bỏ phiếu cho chính những ứng cử viên độc lập. Nhưng đó là những ứng cử viên độc lập với ai hoặc với cái gì? Vấn đề này chẳng đơn giản chút nào. Giữa những ứng cử viên đều có sự khác nhau. Nói tóm lại, cử tri sẽ bỏ phiếu bầu cho một con người cụ thể.

Có một chiêu thức nữa - đó là **“nhân bản” các ứng cử viên**, nghĩa là đăng ký những ứng cử viên có cùng họ tên trong cùng một khu vực bầu cử?

Trong thời gian diễn ra cuộc bầu cử, Hội nghị lập pháp của thành phố Xanh Pêtéc-bua năm 1998, tại một số khu vực bầu cử, trong giai đoạn thu thập chữ ký, đã xuất hiện những nghị sĩ “được nhân bản”. Ví dụ, bên cạnh ông Mikhain Ivanôvich Pirôgốp, một giảng viên đại học, còn có ông Mikhain Ivanôvich Pirôgốp, thợ tiện dụng cụ cũng tiến hành thu thập chữ ký. Bên

cạnh ông Xécgây Mikhailôvích Mirônốp, lại có ông Xécgây Mikhailôvích Mirônốp khác tiến hành tranh cử. Có cả những nhân vật “nhân bản” của các ông X.Andrêep, Ô.Xecghêép và những nhân vật khác. Đã xuất hiện những nhân vật “hình nộm” của các nhân vật hoạt động chính trị nổi tiếng có tầm cỡ liên bang. Dĩ nhiên, phương pháp “nhân bản” các ứng cử viên được rút ra không phải từ bộ phim, mà là từ thực tiễn chính trị – chiêu thức chưng nhân vật “hình nộm” cũng đã được sử dụng ở Ucraina trong tiến trình diễn ra các cuộc bầu cử quốc hội.

Chiêu thức ấy đem lại kết quả gì, nó dẫn đến những hệ quả chính trị như thế nào?

Trước hết, ứng cử viên có cùng họ tên sẽ bị mất phiếu bầu của cử tri. Thứ nữa, trong trường hợp có sự vi phạm luật bầu cử thì nhân vật “hình nộm” có thể trút mọi chuyện lên đầu nhân vật có cùng họ tên. Nếu ứng cử viên đích thực bị thất cử thì có thể khiếu nại với tòa án về kết quả bầu cử. Nói tóm lại, thủ đoạn “nhân bản” các ứng cử viên không phải tỏ ra quá vô hại như người ta nghĩ. Đã từng xảy ra những trường hợp “đụng đầu” giữa các êkíp làm việc cho các ứng cử viên “nhân bản”, với sự đe dọa sử dụng vũ khí. Đặc biệt, trường hợp “làm rõ quan hệ” kiểu ấy đã diễn ra giữa hai nhân vật có cùng họ tên Xécgây Bêlaép...

Ngoài phương pháp nhân bản ứng cử viên có

cùng họ tên thì **chiêu thức “bơm đầy”** các ứng cử viên trong cùng khu vực bầu cử là chiêu thức đáng chú ý và có ý nghĩa đối với cử tri. Nếu chỉ có 5-6 ứng cử viên tranh cử một chức thì cử tri trung bình sẽ còn có thể đối phó được bằng cách nào đó. Tình hình sẽ phức tạp hơn nếu, chẳng hạn, số lượng ứng cử viên lên đến hàng chục, và thêm vào đó, họ lại đưa ra những luận điểm cương lĩnh giống hệt nhau. Nếu cộng vào tình hình đó những ứng cử viên có cùng họ tên thì sẽ càng phức tạp hơn trong việc phân định rõ tình hình.

Chẳng hạn, trong thời gian diễn ra cuộc bầu cử năm 1998 ở Xanh Pétéc-bua, trong khu vực bầu cử số 31 (quận Mátxcova) đã có 4 ứng cử viên ghi danh tranh cử chức nghị sĩ, còn tại khu vực bầu cử số 1 (quận Vaxilê Ôxtorốp-xki) lại có tới 26 ứng cử viên tranh một ghế trong Hội nghị lập pháp của thành phố. Tình trạng “bơm đầy” các ứng cử viên trong các khu vực bầu cử đã đưa đến hậu quả là cử tri có trình độ thống kê trung bình lại hướng vào những ứng cử viên mà họ tên của họ đã “thường được nghe thấy”, nghĩa là rất có khả năng bỏ phiếu một cách vô tình và vô ý cho các nghị sĩ đương nhiệm.

Còn có một số chiêu thức nữa mà một người tử tế không thể cho phép mình áp dụng được. Ví dụ, cho in ấn và **phổ biến những truyền đơn giả**, với chữ ý của những người không phải là

tác giả của những truyền đơn ấy (cách làm này đã được sử dụng nhiều lần), **tổ chức những hoạt động đại chúng** nhằm ủng hộ hoặc chống lại một ứng cử viên nào đó, trực tiếp **mua chuộc cử tri** (dưới hình thức ký các hợp đồng hoặc tặng quà), cũng như **tổ chức “bầu cử trước thời hạn”**, làm lợi cho một ứng cử viên nào đó.

Người ta còn sử dụng rộng rãi chiêu thức như **“lén bỏ phiếu bầu vào thùng”**. Thực chất của chiêu thức này là: ở một khu vực bầu cử nào đó có một cử tri không rõ họ tên hoặc một người nào đó của ủy ban bầu cử, mà không ai biết rõ lén lút thả vào thùng phiếu một số lượng lớn phiếu bầu giả. Kết quả là số lượng cử tri đăng ký đi bầu lại ít hơn nhiều so với số lượng phiếu bầu ở trong thùng phiếu. Thông thường cuộc bầu cử ở khu vực bầu cử này bị coi là không có giá trị. Cuộc bầu cử diễn ra năm 2001 ở Xamara là ví dụ rõ ràng về việc sử dụng chiêu thức ấy.

Tại những nước không có một sự kiểm soát hữu hiệu đối với việc tiến hành bầu cử thì đôi khi người ta thấy sử dụng hình thức thô thiển nhất là **đánh tráo kết quả bầu cử**.

Như chúng ta đã thấy, có không ít khả năng thu hút cử tri về phía mình hoặc chí ít cũng trung lập hóa sự bày tỏ ý chí của cử tri. Cử tri phải cảnh giác, để khỏi rơi vào lưới giăng bẫy do các nhân viên quảng cáo thanh thế ứng cử viên giăng ra. Họ có nhiều phương pháp gây ảnh

hưởng đến sự bày tỏ ý chí của cử tri.

Bộ máy tuyên truyền chính thức của Mỹ giới thiệu cuộc bầu cử tổng thống năm 2000 là cuộc bầu cử kiểu mẫu, chứng minh rằng mỗi lá phiếu của cử tri đều được tính đến. Trên thực tế, người ta đã ghi nhận được nhiều sự vi phạm, kể cả hiện tượng “bị mất” hàng nghìn phiếu ghi rõ ý nguyện của cử tri. Ngoài ra, hệ thống bầu cử của Mỹ, thậm chí trong con mắt của những người Mỹ bảo thủ, cũng tỏ ra đã lỗi thời rồi.

Đầu những năm 1990, tại Mỹ, giới công luận chỉ có một suy nghĩ: các cuộc bầu cử ở trong nước càng ngày càng giống như “những cuộc chạy đua của loài chuột”. Trên thực tế các phương tiện thông tin đại chúng không chú ý đến cương lĩnh của các ứng cử viên và những mục tiêu chính trị dài hạn của họ, mà các phương tiện thông tin đại chúng chỉ đưa tin về cuộc đua maratông tranh cử, xem đó như là một cuộc thi đấu thể thao, xem ai là người có được nhiều điểm và “ở chỗ ngoặt anh ta đã vượt lên trước” địch thủ như thế nào. Đã xuất hiện những lực lượng có thể lực sẵn sàng chi nhiều tiền hơn để cuộc bầu cử phản ánh thực sự ý nguyện của nhân dân Mỹ.

Dân chủ chỉ phát huy tác dụng khi có sự tham gia của các công dân. Khi mọi người bị cuốn hút vào tình trạng thờ ơ, thái độ trắng trợn vô sỉ và thiếu tôn trọng lẫn nhau thì hệ thống chính trị bị lâm nguy.

Như Étúốt Đ.Milơ đã viết trong lời tựa cuốn sách của mình **“Dự án của Sác-lốt. Bằng cách nào giúp công dân nắm lấy dân chủ”**, sau cuộc bầu cử năm 1988, có nhiều nhà báo đã cảm nhận thấy những tín hiệu báo động, nhưng chỉ có một bộ phận nhỏ nhà báo đáp lại những tín hiệu ấy bằng những bước đi sáng tạo. Một trong những nhà cách tân ấy là tờ báo *The Charlotte Observer* (Người quan sát Sác-lốt).

Kết quả sự hợp tác hai năm với báo *The Charlotte Observer* và đài truyền hình WSONTV ở thành phố Sác-lốt (bang Bắc Carôlina) là đã đưa ra được những quan điểm khác hẳn về hoạt động thông tin trong chiến dịch vận động tranh cử.

Chiến lược đã được chấp nhận tỏ ra khá đơn giản:

- Những điều mục chủ yếu trong các chương trình vận động bầu cử phải do các cử tri xác định, chứ không phải do các ứng cử viên xác định.

Để thực hiện được những nhiệm vụ ấy, báo *The Charlotte Observer* và đài truyền hình WSOTV - ở mức độ ít hơn - đã thực hiện một số bước đi quan trọng.

Cuối năm 1991, trong vùng hoạt động của báo và của đài truyền hình này, người ta đã thực hiện cuộc điều tra công luận nhằm xác định bản **“Cương lĩnh công dân”**, tức là một bản tập hợp những vấn đề mà mọi người dân ở Bắc và Nam Carôlina muốn thấy ghi trong các bản cương

linh hành động của các ứng cử viên.

Đã thành lập Hội đồng công dân nhằm thông báo với các phương tiện thông tin đại chúng về tâm trạng của công chúng đối với những đề mục riêng rẽ trong các bản cương lĩnh hành động này, cũng như đối với cá nhân các ứng cử viên, trong suốt thời gian diễn ra chiến dịch vận động bầu cử.

Vai trò trung tâm được dành cho bạn đọc. Họ được hỏi ý kiến, được phỏng vấn, được yêu cầu đưa ra các câu hỏi đối với các ứng cử viên, họ được mời tham gia vào những cuộc tranh luận xã hội và hằng ngày họ được giới thiệu như là những nhân vật trong các bản tin thời sự. Bạn đọc là người quyết định giọng điệu và thực chất của những thông tin về chiến dịch vận động bầu cử.

Liệu người ta đã đạt được điều gì đó trong quá trình thực hiện dự án này hay không? Có chứ.

Đã có hàng trăm công dân mà những năm trước thuộc diện thờ ơ quan sát, nay tích cực tham gia vào chiến dịch vận động bầu cử cũng như hoạt động của báo chí đưa tin về chiến dịch ấy.

Đã có sự gia tăng số lượng công dân đăng ký bỏ phiếu và tham gia bỏ phiếu.

Báo *The Charlotte Observer* đã tìm ra những lối đi mới, quan trọng trong việc xác lập quan hệ bạn đọc.

Trong tiến trình thực hiện dự án, người ta đã thấy rõ:

- Bạn đọc có thể trở thành không chỉ là người tiêu dùng, mà còn có thể là đối tác nữa.

- Sự tìm tòi cách giải quyết các vấn đề là hết sức quan trọng đối với bạn đọc, cũng quan trọng như việc phát hiện ra các vấn đề.

- “Tính khách quan” mà các nhà báo hướng tới nhiều khi đạt được bằng cách tìm hiểu ý kiến công luận và thu hút công luận tham gia.

- Những vấn đề chính trị cần được thông tin dưới góc độ quyền lợi của công dân, chứ không phải đứng trên lập trường lợi ích của chính trị gia hoặc của báo chí.

- Ban biên tập các phương tiện thông tin đại chúng có thể tổ chức lại hoạt động của mình. Phương pháp của báo chí cũng có thể thay đổi.

- Sự xói mòn lập trường công dân và sự suy giảm mức độ quan tâm của bạn đọc - đó là hai hiện tượng liên quan đến nhau. Để cứu vãn một trong hai yếu tố đó, cần phải làm hồi sinh cả hai mặt hoạt động ấy.

Kết quả là đã có được sự định nghĩa mới về báo chí “công chúng” hay là báo chí “nhân dân”. Định nghĩa này đã xóa đi sự khác biệt giữa các giá trị của báo chí với những nhu cầu của công chúng được báo chí phục vụ. Các nhà báo có cái nhìn mới về công chúng của mình.

Như chúng ta đã thấy, việc bảo vệ các quyền con người và quyền dân chủ phụ thuộc trực tiếp vào việc đảm bảo trên thực tế quyền tự do ngôn

luận và quyền tự do báo chí.

Nhiều học thuyết và luận thuyết của giới báo chí nước ngoài đã phản ánh những đặc điểm của xã hội hiện đại và tính chất đa dạng của các quan điểm khoa học đối với việc phân tích hiện tượng phức tạp này.

Ở nhiều nước khác, các phương tiện thông tin đại chúng đã được sử dụng một cách có ý thức nhằm đạt được những mục tiêu địa - chính trị và nhằm thực thi chính sách đối nội của nhà nước, phục vụ lợi ích của các giới cầm quyền. Hơn nữa, trong một số trường hợp, người ta đã sử dụng các phương pháp tuyên truyền mang tính chất thao túng.

Trong bối cảnh có sự giao lưu quốc tế và đối thoại hiện đại, với việc sử dụng rộng rãi hoạt động trao đổi thông tin quốc tế, thì những vấn đề như những quyền cơ bản và các quyền tự do của con người, trật tự trao đổi thông tin quốc tế, những quá trình chính trị trong nước liên quan đến các phương tiện thông tin đại chúng và nhiều vấn đề khác nữa đã trở thành đề tài của cuộc đấu tranh gay gắt trên cấp độ quốc tế. Các nhu cầu xã hội về thông tin được các phương tiện thông tin đại chúng thỏa mãn ở mức độ và với khối lượng đặc trưng cho mỗi nước trong những điều kiện lịch sử xác định.

CHƯƠNG II

NHỮNG XU HƯỚNG PHÁT TRIỂN CỦA BÁO CHÍ TRÊN THẾ GIỚI

Mặc dù có những đặc điểm dân tộc rất quan trọng trong hoạt động của các phương tiện thông tin đại chúng, nhưng vẫn tồn tại những xu hướng phát triển chung của báo chí trên thế giới.

Trong điều kiện ngày nay điều có ý nghĩa quan trọng là:

- Hệ quả của quá trình toàn cầu hóa thông tin và khả năng kết hợp quá trình ấy với lợi ích khu vực;
- Quan hệ và sự phụ thuộc lẫn nhau giữa thông tin báo chí và hiệu quả kinh tế ở cấp độ các doanh nghiệp thông tin đại chúng, cũng như ở cấp vĩ mô;
- Những hình thức mới của tích tụ tư bản và độc quyền hóa các phương tiện thông tin đại chúng;
- Sự khác biệt và chuyên môn hóa của các

phương tiện thông tin đại chúng;

- Những thay đổi quan trọng trong hoạt động thực tiễn của báo chí nước ngoài những thập kỷ gần đây;

- Ảnh hưởng của chính sách đổi mới ở các nước và những ưu tiên quốc gia trong lĩnh vực khoa học và kỹ thuật đối với việc đảm bảo kỹ thuật cho các phương tiện thông tin đại chúng cũng như những vấn đề khác. Việc tính đến những xu hướng phát triển chủ yếu của báo chí nước ngoài cho phép điều chỉnh chính xác chính sách quốc gia trong lĩnh vực thông tin đại chúng.

I. TOÀN CẦU HÓA THÔNG TIN

Những thành tựu mới nhất về công nghệ trong lĩnh vực đăng tải, in ấn tạp chí, báo, trong hoạt động của ngành phát thanh và truyền hình, máy tính đã cho phép khẳng định rằng chúng ta đang bước vào xã hội thông tin mới.

Như tiên đoán của các nhà tương lai học, cuộc cách mạng khoa học - kỹ thuật đã không bỏ qua các phương tiện thông tin đại chúng, mà giờ đây đang trải qua những thay đổi hết sức mạnh mẽ, sâu sắc.

Đó là quá trình toàn cầu hóa không gian thông tin. Hiện tượng này, trước hết, gắn với những thành tựu mới nhất trong kỹ thuật thông tin liên lạc và điện tử. Trên thực tế, thông tin

được chuyển tải trong một khoảnh khắc đến người xem, người nghe và người đọc. Điều này cho phép hàng nhiều triệu người được chứng kiến và tham gia vào các sự kiện. Hơn nữa, chúng ta tự nhiên trở thành những người tham gia vào những sự kiện cách xa chúng ta hàng nghìn dặm. Vậy điều đó có thể dẫn đến những hậu quả xã hội như thế nào?

Ngay từ bây giờ, những mạng lưới máy tính đã bao phủ toàn thế giới. Nhờ vậy, người sử dụng có khả năng nhận được thông tin cần thiết từ một hãng tin do họ lựa chọn hoặc từ một nguồn tin đến từ bất kỳ quốc gia nào trên trái đất. Sự xâm nhập của tiến bộ khoa học - kỹ thuật vào hoạt động báo chí và hoạt động xuất bản đã dẫn đến những hệ quả không thể đảo ngược. Thật khó có thể đánh giá hết chiều sâu và ý nghĩa của những hệ quả ấy. Việc áp dụng rộng rãi kỹ thuật điện tử, việc chuyển tải các dữ liệu xuyên biên giới, sự hình thành mạng lưới máy tính toàn cầu - tất cả những điều này đã quyết định những xu hướng mới trong khâu thu thập, phân tích và phổ biến thông tin.

Chúng ta hãy lấy ví dụ về cơ sở dữ liệu của Mỹ NECSIS chuyên phục vụ các ngân hàng, các doanh nghiệp thương mại và các nhà báo. Cơ sở này chứa đựng văn bản đầy đủ của 8 triệu bài viết rút ra từ 125 tờ báo, tạp chí và từ những nguồn khác. Các file dữ liệu ở cơ sở này bao gồm

các thông tin được đăng tải trên các trang của 4 tờ báo ngày chủ yếu ở Mỹ, những bài điểm báo cập nhật về báo chí Nga và những bản tin của các hãng điện tử Mỹ, Anh, Nhật Bản, Trung Quốc. Hàng tuần những file này được bổ sung khoảng 40 nghìn bài viết.

Toàn cầu hóa không gian thông tin cũng dẫn đến một loạt hệ quả xã hội. Chúng ta đã từng hoan nghênh chào đón cái gọi là trật tự thông tin mới? Các nguyên thủ quốc gia và những người đứng đầu Chính phủ các nước không liên kết gặp gỡ nhau vào năm 1976 và đã đề ra chủ trương phát triển hợp tác, củng cố nền an ninh quốc tế, thiết lập các hệ thống đào tạo các nhà báo ở cấp quốc gia và khu vực, tăng cường trao đổi thông tin giữa các nước không liên kết, hạn chế hoạt động của các tổ chức độc quyền về báo chí xuất bản.

Thiết nghĩ, điều đó không có gì là bất thường. Đơn giản, vì các nước đang phát triển đều tỏ ý quan ngại trước tình trạng họ bị đẩy về phía sân sau thông tin và họ buộc phải thoả mãn với những mẫu thông tin mà các hãng tin quốc tế dành cho họ.

Năm 1981, tại Taloarơ đã diễn ra một hội nghị khác. Hội nghị này đã đưa ra cái gọi là bản "Phản tuyên ngôn Taloarơ". Tại đây, các quá trình diễn ra phức tạp của thông tin đại chúng đã được xem xét từ góc độ "chủ nghĩa đa nguyên

của phương Tây”, quy tụ trong một công thức đơn giản: người phổ biến thông tin là người có thông tin và có tiền để phổ biến thông tin.

Dĩ nhiên, những năm gần đây trên thế giới đã diễn ra nhiều sự kiện đã làm thay đổi thực sự bức tranh thông tin trên hành tinh.

Như lời nhận xét của giáo sư Trường Đại học tổng hợp quốc gia Xanh Pêtéc-bua X.M. Vinôgradốp, trong nhiều công trình nghiên cứu về lĩnh vực thông tin thì vị trí đặc biệt thuộc về bản báo cáo của Ủy ban Sơn Macbraiđơ có nhan đề “Nhiều tiếng nói - một thế giới”, được công bố năm 1980. Bản báo cáo này đã giới thiệu bức tranh thông tin hình thành vào những năm 1970 và nó đã nhận được sự hưởng ứng toàn cầu. Vào đầu những năm 1990, nhiều tác giả lại quan tâm đến mức độ “phát huy tác dụng” của những kết luận và những dự báo trong bản báo cáo của Macbraiđơ, trong bối cảnh diễn ra những sự kiện tiêu biểu cho các quá trình thông tin đại chúng đã diễn ra vào những năm 1980. Khi nghiên cứu “phong trào Macbraiđơ”, L.Daxman (Mỹ) đã xem xét “phương pháp biện chứng Hêghen” đặc trưng của phong trào này. Theo phép biện chứng của chính Daxman thì những cực đối lập - đó là “trật tự cũ” với địa vị bá quyền của phương Tây, đặc trưng của trật tự ấy (những năm 1946-1976) và “trật tự mới” phản ánh những ước nguyện của “thế giới thứ ba” và

của Liên Xô (những năm 1976-1981) - đã được "gỡ bỏ" trong "trật tự mới", rất mới. Trong khuôn khổ trật tự này các điều kiện của cuộc chơi được quyết định bởi kỹ thuật. Nó hợp nhất điện thoại, fax, máy tính điện tử cá nhân cùng với các mạng lưới vệ tinh, cáp quang và các mạng lưới máy tính. Ta thấy xuất hiện một cơ chế tự điều tiết độc đáo: nhà nước và cạnh tranh kiềm chế những lợi ích thương mại tư nhân, còn những phương tiện thông tin "nhỏ" của cá nhân, về phần mình, lại cản trở quá trình hình thành sự độc quyền của nhà nước. Những công nghệ thông tin mở ra cho mọi người con đường tiếp cận thông tin, mở rộng các cơ hội cho sự tác động qua lại mang tính chất giao lưu văn hóa trên phạm vi thế giới.

X.Bim (Mỹ) đã dẫn ra một khối lượng lớn các số liệu thống kê cho phép làm rõ xem liệu có còn tình trạng bất bình đẳng thông tin mà Macbraider đã ghi nhận hay không. Qua nghiên cứu đã thấy rõ là nhìn tổng thể thì tình hình trạng bị thông tin - liên lạc của những khu vực trước khi lạc hậu đã được cải thiện: số lượng các tờ báo đã tăng lên, tuy chưa nhiều. Số lượng máy thu thanh và thu hình cũng tăng. Song, thông thường, những chuyển biến ấy mang tính chất theo đuổi sau: các cường quốc công nghiệp vẫn tiếp tục tiến xa ở phía trước.

Trước đây, những nước thành lập ra tổ chức

UNESCO đã đề nghị xem việc “tự do phổ biến tư tưởng thông qua lời nói và hình ảnh” là nhân tố căn bản để phát triển hợp tác giữa các dân tộc. Nhưng, đáng tiếc là nguyên tắc này đã tỏ ra bất khả thi trong điều kiện chiến tranh lạnh.

Do có những thay đổi trên trường quốc tế diễn ra trong những năm 1980, tổ chức UNESCO đã đề ra quan điểm mới về các phương tiện thông tin đại chúng. Quan điểm này đáp ứng những nhu cầu của cấu trúc hiện đại của thế giới và của những nước dân chủ mới. Tháng 11-1989 tại khóa họp của Đại hội UNESCO đã nhất trí thông qua “chiến lược thông tin mới” mà mục tiêu của nó là “đảm bảo dòng thông tin tự do trên cấp độ quốc tế cũng như trên cấp độ quốc gia và đảm bảo sự phổ biến thông tin rộng rãi hơn và cân bằng hơn, không gây bất kỳ trở ngại nào cho tự do ngôn luận”.

UNESCO tích cực ủng hộ mọi hoạt động của các tổ chức liên chính phủ và phi chính phủ trong việc bảo vệ các quyền tự do cơ bản: tự do ngôn luận và tự do báo chí. Năm 1990, Ban Văn hóa và thông tin trực thuộc tổ chức UNESCO đã được thành lập. Ban này bắt đầu hoạt động với 42 dự án dành cho các nước đang phát triển. Trong các dự án này có dự án đào tạo nghiệp vụ cho các nhà báo, giúp đỡ các nước đang phát triển xây dựng các chương trình và ra các tờ báo, tạp chí riêng của mình. “Chiến lược thông

tin mới” là tăng khối lượng thông tin tại các nước phát triển và các nước đang phát triển.

Trong điều kiện “kỷ nguyên đa dạng thông tin” đang ra đời, tổ chức UNESCO tạo diễn đàn cho cộng đồng quốc tế, để thử nghiệm các khả năng và tính hiệu quả của các phương tiện thông tin đại chúng và những công nghệ thông tin mới. Đồng thời, khi thực hiện biện pháp này, tổ chức UNESCO đề ra những mục tiêu rất cao trong lĩnh vực đào tạo từ xa và liên tục theo tinh thần phi bạo lực, tinh thần dung chấp, tôn trọng quyền con người và sự hiểu biết lẫn nhau trên phạm vi quốc tế. Tổ chức UNESCO và Liên minh thông tin điện tử quốc tế đã tiến hành nghiên cứu về các mức giá cước viễn thông - nhân tố quan trọng trong việc tổ chức tự do trao đổi thông tin, bởi vì nếu cước phí cao thì các siêu xa lộ thông tin hiện đại có thể bị cô lập. Tổ chức UNESCO đã đóng góp phần mình vào việc thiết lập Mạng lưới quốc tế trao đổi thông tin về tự do ngôn luận, tạo cơ hội cho những người sử dụng mạng Internet có thể hàng ngày thu thập thông tin về những hành động vi phạm tự do báo chí và những trường hợp nhà báo bị tấn công.

Cũng có cả những vấn đề then chốt khác về các chủ đề thông tin trong hoạt động của UNESCO. Đó là vấn đề tự do tiếp cận thông tin thị trường, bảo vệ các quyền tác giả, những đảm bảo về tính độc lập mà nhiều nhà xuất bản thuộc

các mạng lưới điện tử muốn đạt được, những hình thức tài trợ trong quá trình chuyển các lưu trữ báo chí vào hệ thống kỹ thuật số, v.v..

Phổ biến thông tin luôn luôn gắn với dân chủ hóa xã hội. Chính tổ chức UNESCO, với sứ mạng thúc đẩy việc đảm bảo tự do thông tin, đã thực hiện mọi nỗ lực để quyền tự do ấy được thực hiện trên thực tế.

Bên cạnh đó, trên con đường đảm bảo đầy đủ và toàn diện tự do ngôn luận và tự do báo chí cũng có những trở ngại bắt nguồn từ những thực tế chính trị ngày nay. Trong nhiệm vụ khoa học-thực tiễn đã xuất hiện vấn đề điều tiết các dòng thông tin. Trong một số trường hợp, sự điều tiết ấy được thay thế bằng việc làm cho thông tin mang tính chất một hệ tư tưởng và chính trị nào đó. Điều đó diễn ra “vào mọi lúc, mỗi khi mệnh lệnh tối cao không phải là lợi ích của chân lý, mà là lợi ích của những tổ chức đảng phái - chính trị riêng lẻ, của các quốc gia, các khối và các nhóm quốc gia, mà lợi ích của họ được phơi bày như là lợi ích của toàn thể cộng đồng quốc tế”.

Sự tan rã của Liên Xô và của toàn bộ hệ thống xã hội chủ nghĩa đã khởi động guồng máy cải tổ các quan hệ thông tin. Thông tin đã trở thành hàng hóa với tất cả những hệ quả phát sinh từ đó. Đã bắt đầu bước ngoặt mạnh mẽ từ sự ủng hộ “trật tự thông tin liên lạc quốc tế mới” chuyển sang luận thuyết về “dòng thông tin tự do”.

Đến lượt nó, điều này lại dẫn đến hệ quả là các tổ chức độc quyền hùng mạnh về thông tin của các nước phương Tây và của Mỹ đã tích cực bành trướng sang các nước đang phát triển, các nước Đông Âu và Trung Âu, sang các nước cộng hòa thuộc Liên Xô (cũ). Sự bành trướng về thông tin có các hình thức khác nhau tùy thuộc vào bối cảnh chính trị - kinh tế và vào những đặc điểm của một nước nào đó. Trên các quầy bán sách báo những ấn phẩm xuất hiện đầu tiên là những ấn phẩm lớn của phương Tây. Sau đó trên các màn hình truyền hình xuất hiện những thước phim của nước ngoài.

Ở Ba Lan, dưới thời Chính phủ của Thủ tướng Xukhôtcaia, Quốc hội đã thông qua Đạo luật về phát thanh và truyền hình do Tổng thống Léch Valêxa ký ban hành. Đạo luật này đã phi độc quyền hóa hệ thống phát thanh và truyền hình của Ba Lan. Cơ quan kiểm soát cao nhất đối với hoạt động phát thanh và truyền hình của Ba Lan là Hội đồng quốc gia về phát thanh và truyền hình. Hội đồng này phần nào giống với hình mẫu của Pháp, gồm các uỷ viên là người do Tổng thống chỉ định hoặc Quốc hội bầu, Thượng viện lựa chọn. Hệ thống quản lý phát thanh và truyền hình như thế đã tỏ ra có sức sống.

Ở Tiệp Khắc cũng có một đạo luật như vậy trước khi nước này tan rã. Tại Cộng hòa Séc, tư nhân hóa là phương hướng chủ yếu trong quá

trình diễn ra sự thay đổi trong hoạt động phát thanh và truyền hình. Tháng 1-1993 mạng lưới truyền hình toàn Séc đầu tiên đã được đem bán cho tổ hợp "Central European Television for 21st Century". 70% cổ phần thuộc Tổ chức phát triển Kinh tế Trung Âu. Tổ chức này được thành lập bằng tiền của Mỹ và Canada.

Ở Rumani kênh truyền hình số 2 đã được tư hữu hóa. Trong liên doanh này - chủ sở hữu kênh này - có 25% là sở hữu của hãng truyền hình nhà nước và 75% là thuộc sở hữu của Tập đoàn truyền hình Atlantic (Anh - Canada).

Ở nhiều nước, khâu kiểm soát các kênh dòng thông tin nằm trong tay các hãng thông tin thế giới và các tổ chức độc quyền báo chí quốc tế. Đã xuất hiện nhiều tổ chức liên doanh trong đó vai trò "cây vĩ cầm số 1" thuộc về tư bản ngoại quốc.

Dưới ánh sáng những sự thật nêu trên cũng có thể nêu câu hỏi như thế này (tạm thời là trên phương diện lý thuyết, nhưng khá gay gắt): liệu có thể thật sự nói đến chủ quyền của một nước mà các phương tiện thông tin đại chúng của nước ấy đặt dưới sự kiểm soát của nước ngoài?

Ở các nước Trung Âu và Đông Âu quá trình chuyển hóa của các phương tiện thông tin đại chúng diễn ra trong những điều kiện khó khăn của công cuộc cải tổ các quan hệ kinh tế và chính trị - xã hội. Hãy lấy ví dụ về các phương tiện thông tin đại chúng ở Xlôvakia và các

phương tiện thông tin đại chúng của Ba Lan.

Ở Xlôvakia, tháng 3-1990 giấy đăng ký đã thay thế cho giấy phép xuất bản (đạo luật 175/90 của Bộ luật), đến năm 1993 thì đạo luật về các bản lưu chiếu bắt buộc có hiệu lực (đạo luật 93/93 của Bộ luật).

Năm 1989 đã bắt đầu có sự gia tăng về số lượng tên gọi các ấn phẩm định kỳ. Vào thời kỳ ấy đã có 326 ấn phẩm cấp trung ương, cấp vùng và cấp địa phương được xuất bản, còn đến năm 1995 thì số lượng tên gọi các ấn phẩm đã tăng 167%.

Các tờ báo hằng ngày có số người đọc chiếm gần một nửa dân số trong nước ở độ tuổi trên 14 tuổi. Nếu trong năm 1989 có 12 tờ báo hằng ngày được xuất bản, thì đến năm 1994 con số ấy đã là 20. Trong tổng số các tờ báo hiện hữu, từ năm 1989 chỉ có 7 tờ được xuất bản. Có 4 tờ báo ra đời trên cơ sở những tờ báo trước đó đã được xuất bản. Chín tờ báo ở Xlôvakia đã ra đời sau năm 1990. Trong 5 năm, từ năm 1990 đến 1995, đã có 10 tờ báo xuất hiện và chấm dứt tồn tại, tuy vậy số lượng người đọc thì không tăng lên, tức là số lượng phát hành đã giảm. Trong năm 1989 số lượng phát hành trung bình hằng ngày của một tờ báo đạt đến 155 nghìn bản, trong năm 1990 - 104 nghìn bản, năm 1992 - 89 nghìn bản, trong năm 1995 - 79 nghìn bản. Tuy nhiên, theo các số liệu của Viện nghiên cứu báo chí thì số lượng bản phát hành hằng ngày ít hơn 20%,

nếu tính cả số lượng bản không bán được.

Sự thay đổi của báo chí khu vực và báo chí địa phương diễn ra như sau. Theo các số liệu tính đến năm 1989 đã có 122 tờ báo khu vực và địa phương được xuất bản, đến năm 1995 con số đó đã là 353 tờ báo. Nhiều khi những tờ báo ấy xuất bản không đều đặn, với trình độ nghiệp vụ không cao, thật ra đó chỉ là những bản tin mà thôi. Đã xuất hiện “những tờ rơi quảng cáo”. Từ năm 1990 đến 1995 số lượng các tờ báo cấp quận và của các nhà máy đã tăng lên gấp đôi, nhưng số lượng bản phát hành của chúng lại giảm dần.

Ở Xlôvakia, phát thanh và truyền hình mang tính chất là những tổ chức luật pháp - xã hội. Đài Truyền hình chủ động phát các chương trình trên hai kênh - STV - 1 và STV - 2. Còn kênh 3 - VTV truyền hình được phát trên cơ sở cấp phép. Các chương trình trên kênh này được phát thông qua vệ tinh. Hội đồng phát thanh và truyền hình đã cấp 60 giấy phép hoạt động cho các Công ty khu vực và địa phương. Công ty Mackenzia (Radio & Television Company) của Mỹ sẽ phủ sóng 60% lãnh thổ Xlôvakia nhờ phát các chương trình truyền hình cáp.

Đài phát thanh Xlôvakia phát sóng trên 5 chương trình. Chương trình thứ nhất là chương trình thông tin - chính luận. Chương trình thứ hai là văn học và nghệ thuật, đồng thời còn có

các chương trình về đề tài khu vực và chương trình bằng các tiếng nước ngoài, chương trình về đề tài thanh niên, thông qua hợp tác với Công ty Rock - FM và Đài phát thanh CDI. Đây thực ra là chương trình phát thanh của Xlôvakia bằng tiếng Đức, phục vụ các thính giả Áo.

Trong thời kỳ diễn ra quá trình chuyển biến kinh tế - xã hội ở Ba Lan (những năm 1989-1999) báo chí đã trải qua những cải cách mạnh mẽ. Cũng giống như ở Xlôvakia, ở Ba Lan số lượng tên gọi các tờ báo đã tăng lên, quá trình phân định đề tài và chuyên môn hóa các tờ báo đã diễn ra mạnh mẽ. Báo chí dành cho bạn đọc nữ đã có những thay đổi mạnh nhất. Không chỉ gia tăng về số lượng các ấn phẩm của phụ nữ, mà số lượng bản phát hành của những ấn phẩm này cũng tăng lên. Ở nước Ba Lan đã có 48 ấn phẩm của phụ nữ. Tạp chí *Cobeta* thuộc vào số những tạp chí lâu đời nhất ở Ba Lan được xuất bản từ sau năm 1945. Cũng như ở mọi nơi khác, báo chí phụ nữ ở Ba Lan ngoài những bài viết có tính chất thông tin, còn có những chuyên mục và mảng dành cho đề tài thời trang, nội trợ, giáo dục con cái, các vấn đề gia đình, v.v.. Đặc điểm khác của báo chí xã hội chủ nghĩa là cố gắng mở rộng những kỹ năng thực tiễn và trình độ văn hóa của phụ nữ, cũng như thu hút phụ nữ tham gia đời sống xã hội. Ngoài ra, báo chí phụ nữ còn phải thông tin, giáo dục, tư vấn và cung

cấp những điều cần học hỏi cho phụ nữ.

Thời kỳ những năm 1945-1989 giới độc giả nữ đã không được đánh giá đúng mức. Những nghiên cứu cho thấy rằng số lượng các ấn phẩm dành cho phụ nữ thì ít hơn hai lần so với nhu cầu thực tế của giới độc giả nữ. Năm 1990, quá trình phát triển của báo chí phụ nữ ở Ba Lan đã ngừng lại. Tính đến đầu năm 1997 trong số 16 tạp chí phụ nữ đã từng được xuất bản sau năm 1959 thì chỉ có 10 tạp chí trụ lại được trong cạnh tranh. Trong số đó chỉ có hai tạp chí *Các vấn đề gia đình* và *Nội trợ* - còn xuất bản do được Chính phủ trợ giúp, với số lượng phát hành mang tính chất tượng trưng: 1-2 nghìn bản. Tạp chí phụ nữ lâu đời nhất ở Ba Lan - tạp chí *Cobeta Gise* đã được chuyển giao cho hợp tác xã các nhà báo theo quyết định ngày 21-4-1991 của Ủy ban giải thể RIK. Những ấn phẩm phụ nữ khác cũng đã được chuyển giao cho những tổ chức khác.

Sự thay đổi các nhà xuất bản đã dẫn đến mở rộng số lượng các tạp chí phụ nữ có chất lượng, trước hết đã dẫn đến sự chuyển biến đáng kể về nội dung. Những cải cách ấy diễn ra do sức ép của các nhà đầu tư nước ngoài. Từ sau năm 1989 các nhà đầu tư ngoại quốc đã tham gia thị trường Ba Lan và bắt đầu xuất bản các ấn phẩm của mình. Thông thường, những ấn phẩm ấy là phiên bản của các tạp chí của Đức và của Mỹ,

thực ra những ấn phẩm ấy hoàn toàn không có gì giống với những ấn phẩm gốc của Ba Lan. Trong số các tạp chí do các nhà đầu tư nước ngoài tài trợ thì chiếm vị trí hàng đầu là tạp chí *Claudia* do Hãng *Gruner und Jahr* sở hữu. Cũng đại công ty này sở hữu các tạp chí rẻ tiền *Night Magazine*, *Pani Donu*, *Sandra Magazine*, *Những bí mật về bếp núc*. Những nhà xuất bản khác hoạt động trên thị trường Ba Lan gồm có: *Heinrich Banner* (các tạp chí *Tina Magazine*, *Khvilia* cho mình, *Xvet Cobeta*), *Anna Burda Magazine*, *Mr.B*, *Verena Magazine*, *Vera Magazine*, *Fenichxơ Inter Media*, *Đipsina*, *Elle Magazine*, *Acxet Sprinhgơ*, *Pani Domu* và những nhà xuất bản khác; nhà xuất bản của *Nauy Orkba Media* (*Philippinca*, *Psêcrôi*); nhà xuất bản của *Thụy Sĩ Iurgơ Maccado* chia sẻ cổ phần với nhà xuất bản *Fenichxơ Inter Media* (*Đipsina*).

Nguyệt san *Gia đình*. *Gia đình Thiên chúa giáo* đã được thành lập theo mô hình các ấn phẩm Tây Âu. Đã cho đăng truyện kể về cuộc đời các vị thánh, những bài tiểu luận xã hội (tác giả các bài này là cha cố), những bài viết đề cập những chuyến thăm viếng của Giáo hoàng La Mã ở nước ngoài.

Hãng *Prusinski Limited* (xuất bản tờ nguyệt san nổi tiếng *Cổ vấn gia đình*) là nhà xuất bản duy nhất thuần túy của Ba Lan ra đời sau năm 1989 và thách thức các nhà đầu tư nước ngoài.

Đây là tờ tạp chí tuy chỉ hoàn toàn đề cập vấn đề gia đình nhưng được phụ nữ mua nhiều nhất. Năm 1994 số lượng bản phát hành của ấn phẩm này đã đạt đến 3 triệu bản. Một ấn phẩm Ba Lan khác cũng thành công trên thị trường, là nguyệt san *Phong cách của bạn* với số lượng bản phát hành lên đến 450 nghìn bản.

Năm 1991 là năm xuất hiện số lượng lớn nhất các ấn phẩm phụ nữ ở Ba Lan (37 ấn phẩm). Năm 1990 - có 14 ấn phẩm, còn trong các năm 1992 và 1993 mỗi năm có 17 ấn phẩm ra đời.

Có một số nguyên nhân khiến cho báo chí phụ nữ ở Ba Lan thu được thành công to lớn. Cung khớp với cầu. Các ấn phẩm phụ nữ phục vụ tất cả các lứa tuổi, các nhóm xã hội và nghề nghiệp. Những ấn phẩm ấy có sự khác nhau không những về chủ đề nội dung, mà còn khác nhau cả về giá cả. Loại hình và đối tượng phục vụ của ấn phẩm đã quyết định nội dung của ấn phẩm.

Trước khi bắt đầu diễn ra quá trình chuyển biến, các hãng phát thanh và truyền hình nhà nước ở Ba Lan hoạt động theo nguyên tắc tự hạch toán, ngoài ra cũng được quyền hưởng tài trợ từ ngân sách nhà nước. Từ tháng 1-1990, sau khi áp dụng các đòn bẩy kinh tế thị trường, thì phát thanh và truyền hình ở Ba Lan, trên thực tế, đã bị mất đi các khoản tài trợ của nhà nước. Bị giảm hẳn các khoản thu từ nguồn trả tiền của

các đối tượng đăng ký mua vì mức thu nhập của dân cư đã giảm rất nhanh chóng.

Ngành truyền hình của Ba Lan đã buộc phải đi theo con đường thương mại hóa. Chính sách quảng cáo không hiệu quả, số tiền do những người đăng ký trả thấp và những nguyên nhân khiến không thể trang trải tất cả các khoản chi phí cần thiết để ngành truyền hình tồn tại. Sự cần thiết phải trang trải các khoản chi phí nhằm thực hiện các nhiệm vụ chính trị - xã hội đã đẩy giới lãnh đạo của ngành phát thanh và truyền hình Ba Lan đi tìm những con đường khác, trong đó có việc thu hút tư bản nước ngoài.

Trong lĩnh vực thông tin đại chúng điện tử thì ngay từ khi bắt đầu quá trình cải tổ các phương tiện ấy ở Ba Lan, sự tham gia của tư bản nước ngoài đã có giới hạn. Về sau sự giới hạn ấy đã được thể hiện bằng luật pháp: Điều 33 của Điều lệ mới về phát thanh và truyền hình đã giới hạn mức độ tham gia của tư bản nước ngoài trong các phương tiện thông tin đại chúng điện tử ở mức không quá 33%. Theo ý kiến của các nhà phân tích Ba Lan thì rốt cuộc sự giới hạn ấy sẽ bị bẻ gãy vì sự phát triển của ngành phát thanh và truyền hình đòi hỏi những khoản đầu tư to lớn.

Quá trình chuyển biến của ngành truyền hình Ba Lan diễn ra cùng với sự bành trướng của truyền hình bằng vệ tinh, với sự ra đời và hình thành của các kênh truyền hình tư nhân, trong

đó có việc thu hút tư bản nước ngoài. Điều này bắt nguồn từ bước chuyển của luật pháp từ mô hình truyền hình nhà nước sang mô hình truyền hình xã hội.

Đài truyền hình đầu tiên không phải của nhà nước đã xuất hiện ở Ba Lan vào năm 1990. Còn tính đến khi bắt đầu cấp các giấy phép hoạt động (căn cứ theo Điều luật về phát thanh và truyền hình, được thông qua vào đầu năm 1994) thì đã có đến 10 trung tâm truyền hình tư nhân. Các trung tâm này hoạt động theo kiểu “cướp biển”.

Quá trình khai thác không gian thông tin ở các nước xã hội chủ nghĩa cũ cũng diễn ra bằng con đường nhất thể hóa các chương trình đào tạo cán bộ theo tiêu chuẩn phương Tây. Điều đó tốt hay dở thì thời gian sẽ chứng minh. Tuy nhiên, cho đến nay cần phải đồng ý rằng, ví dụ, hệ thống đào tạo cán bộ chuyên môn theo kiểu của Nga có uy tín cao. Như lời nhận xét của tiến sĩ sinh vật học V.B.Xapunốp, viện sĩ thông tấn của Viện hàn lâm khoa học và nghệ thuật Pêtơrôpxcaia, thì “cho đến nay chúng ta có công nghệ tốt nhất trên thế giới trong ngành sản xuất chứa hàm lượng khoa học cao là ngành chế tạo máy bay. Trên thế giới có khoảng 10 nước sản xuất máy bay, nhưng tất cả chỉ có hai kiểu (kiểu của Nga và kiểu của Mỹ). Người ta công nhận rằng trong lĩnh vực khí động học những nghiên cứu lý thuyết của các

nhà khoa học Nga là tốt nhất thế giới.

Toán học ứng dụng, thăm dò địa chất, địa chấn học, di truyền học con người - đó là một số rất ít những môn khoa học trong đó nước Nga giữ vị trí hàng đầu.

Chúng ta hãy thử đánh giá về số lượng - vị trí của ngành khoa học cơ bản của Nga trên thế giới. Khi đem phân tích, người ta lập tức thấy rõ rằng số lượng các công trình nghiên cứu do các nhà khoa học Nga đảm nhận có tỷ lệ cao khoảng 10%. Tỷ lệ này tương ứng với vị trí thứ hai trên thế giới và tuyệt nhiên không cho phép người ta xem nước Nga là nước phát triển kém. Mỹ chiếm tỷ lệ cao nhất trong các công trình nghiên cứu lý thuyết trong lĩnh vực khoa học tự nhiên...". Vậy là, hoàn toàn không phải lúc nào cũng có thể dẫn đến những thay đổi tích cực.

Trong số những hệ quả xã hội của các quá trình đang được phân tích cần phải lưu ý đến quá trình sau đây: Phát thanh và truyền hình, báo và tạp chí có thể chính trị hóa dân chúng đến cực điểm và biến dân chúng thành những kẻ ngoan ngoãn nghe theo ý chí của các chính trị gia chủ chốt, hoặc cũng có thể đưa dân chúng vào cõi hy vọng và mơ ước, tách rời dân chúng ra khỏi những điều lo toan quan trọng thiết yếu và bức xúc. Trong điều kiện ấy đạo đức của nhà báo đã từ phạm trù hiển thị - trừu tượng chuyển sang lĩnh vực lợi ích thực tế của các nhà khoa

học, các chính trị gia, của tất cả những người tham gia vào các quá trình thông tin.

Cũng có cả những hệ quả khác của toàn cầu hóa không gian thông tin. Trong số những hậu quả ấy có tình trạng giảm hẳn sự quan tâm đến báo chí ở các nước Đông Âu, thậm chí cả ở những quốc gia lân cận. Ví dụ, ở nước Nga đã có một thời gian dài, báo chí các nước Đông Âu không được phổ biến, vì việc này bị xem là không sinh lời.

Vì ở bất kỳ một điểm nào trên Trái đất, sự tiếp cận thông tin cũng đều đơn giản như nhau, cho nên ở những khu vực địa phương, tin tức thế giới bắt đầu được bổ sung thêm bằng tin tức địa phương, điều này vẫn khớp với những dự báo của các nhà tương lai học. Vậy là đã xuất hiện hiện tượng khu vực hóa thông tin trong điều kiện tồn tại không gian thông tin toàn cầu. Nguyên nhân xuất hiện tình hình này là nhờ sự bùng nổ của “báo chí nhỏ” và trước đó là sự xuất hiện của những cỗ máy in laze, những hệ thống xuất bản nhỏ và siêu nhỏ.

Thật ra, luồng thông tin rộng rãi không công nhận các đường biên giới quốc gia và những hạn chế về kiểm duyệt. Tại Ai Cập, chẳng hạn, người ta cấm điện ảnh và truyền hình quay phim và trình chiếu những hình ảnh, trong đó Thánh Ala mang hình con người, bởi vì người trần thế không được phép nhận biết bản chất của Thượng đế. Dĩ

nhiên, ở phương Tây không có những hạn chế ấy. Các khán giả truyền hình Ai Cập hoàn toàn có thể xem các chương trình của các đài truyền hình phương Tây. Vậy làm gì với sự cấm đoán?

Hoặc một ví dụ khác. Luật pháp Nga nghiêm cấm tuyệt đối điện ảnh và truyền hình sử dụng những hình ảnh ảnh hưởng đến tiềm thức của người xem. Ở nhiều nước khác không có những hạn chế ấy. Không có sự cấm đoán sử dụng phương pháp kích thích tiềm thức trên các mạng máy tính. Kết quả là: đã xuất hiện virus máy tính mang số hiệu "666". Virus này ảnh hưởng đến tiềm thức và do đó có thể gây nên tình trạng kiệt quệ và thậm chí tử vong cho người sử dụng máy tính.

Cái chết của một người đang sử dụng máy tính do xuất huyết não ngay tại bàn phím ở Vônônegiơ đã gây nên một cuộc tranh luận dữ dội trong giới lập trình viên. Một số nhà chuyên môn hoài nghi về khả năng tạo ra được virus sát chủ, họ đưa ra những luận cứ không kém thuyết phục để chứng minh rằng loài người đã bằng chính đôi tay của mình tạo ra những điều kiện để xuất hiện "nạn dịch bệnh máy tính". Nạn dịch này có thể tỏ ra khủng khiếp hơn nạn dịch hạch thời Trung cổ. Chẳng hạn, lập trình viên Igor Bêliôcôp ở Vônônegiơ đã tuyên bố rằng ông ta đã lập khuôn một cách tự tin được một virus sát thủ giống hệt virus "666", có chiều dài vừa

đúng 666 bai. Theo lời khẳng định của lập trình viên này, virút đó phóng lên màn hình một chùm ánh sáng đặc biệt làm biến đổi hoạt động sống của người quan sát. Sự cảm thụ qua tiềm thức những hoa văn ánh sáng biến đổi sẽ làm thay đổi hoạt động của tim. Đây có thể trở thành nguyên nhân dẫn đến cái chết.

Nhà vật lý thiên văn và nhà vũ trụ học xuất sắc người Anh Xtiven Hôkinh, người đã giữ chức vụ Trưởng khoa tại Đại học tổng hợp Kembritgiơ- chính là nơi mà trong thế kỷ XVII I. Niuton đã làm Trưởng khoa - đã tuyên bố vào năm 1995 tại cuộc hội thảo ở Bôxtơn rằng những virút máy tính phải được xem là một dạng của sự sống. Mặc dù, những virút ấy không có quá trình trao đổi chất của riêng mình, nhưng chúng hoàn toàn có thể sống ký sinh trên máy tính đã bị nhiễm virút, giống như những con virút bình thường sống ký sinh trên những cơ thể bị chúng tấn công.

Một số người sử dụng máy tính cho rằng điều đó hoàn toàn không phải như vậy. Ông Đơmitri Lôđinxki, một chuyên gia nổi tiếng, đã tuyên bố dứt khoát rằng: "Những virút là những chương trình đơn giản và ngu xuẩn nhất trong số các chương trình. Đó là sản phẩm của những kẻ phá quấy, hơn thế, đó là những kẻ kém hiểu biết.

Khi một người nào đó mới học được chút ít về cách lập trình, nhưng lại không biết đề ra bài

toán, anh ta không biết cách tính toán, do đó anh ta bắt đầu viết ra những virút. Điều này lại rất đơn giản. Vả lại, nói chung máy tính chỉ là công cụ. Tự bản thân nó không thể làm được điều gì cả. Máy tính chỉ máy móc thực hiện những gì người ta ra lệnh cho nó làm”.

Ở Viện Hàn lâm khoa học Nga đã thành lập Ban chuyên môn chống virút. Người lãnh đạo Ban này là Iuriliasencô. Ông này, khi đề cập bi kịch ở Vônônegiô, đã nêu lên ý kiến cho rằng: “Chúng tôi đã thảo luận nhiều về trường hợp này và đã cho rằng ở đây có điều gì đó không đúng như vậy. Đó không phải là tác động trực tiếp của virút lên cơ thể. Vả lại, cũng không cần có sự tác động như vậy. Virút hoàn toàn có thể gián tiếp giết chết người. Hãy tưởng tượng rằng quý vị đang viết luận án nghiên cứu sinh. Quý vị đã thu thập tư liệu trong suốt mấy năm. Thế rồi bỗng nhiên virút ác độc đã nuốt hết mọi cái. Nếu quý vị có trái tim yếu đuối thì sẽ xảy ra hiện tượng đột quy. Thế rồi, sau khi virút giết chết quý vị rồi thì nó sẽ truyền sang người khác. Điều đáng sợ nhất trong virút này - đó là khả năng tự tái sinh. Hơn nữa, nó còn có khả năng biến dạng. Không ít trường hợp virút biến dạng lại trở nên ngày càng hung dữ...”.

Đã xuất hiện ý tưởng muốn đưa vào Bộ luật hình sự điều khoản trừng phạt nghiêm khắc về tội tạo ra các chương trình virút. Tại hội nghị

của các nhà lập trình hệ thống ở Vôrônegiô, người ta đã quyết định yêu cầu Viện công tố Liên bang Nga phải “Thi hành những biện pháp cực đoan nhất đối với những kẻ chế tạo ra virút, coi hành động tạo ra các virút là hành động chế tạo vũ khí một cách bất hợp pháp”.

Các chuyên gia của Hãng “Xôphôc” (thành phố Abinton, quận Ôxphosia) đã tính toán rằng thiệt hại do các virút máy tính gây ra ở nước Anh trong năm 1994 được tính là 128 triệu bảng Anh, bao gồm hậu quả của việc mất số liệu, sự đình trệ và những chi phí để khôi phục các hệ thống đã bị hư hại.

Hiển nhiên là chúng ta đang đứng trước một sự cần thiết gay gắt phải nhất thể hóa các đạo luật về thông tin đại chúng trên phạm vi quốc tế.

Quá trình toàn cầu hóa không gian thông tin đã đưa việc tham gia xây dựng cái gọi là cơ sở hạ tầng thông tin toàn cầu vào diện những ưu tiên quốc gia của nước Mỹ. Mặc dù, trên thực tế nước Mỹ thống trị thị trường thông tin thế giới, nhưng xu hướng phát triển của các phương tiện thông tin đại chúng buộc họ phải nhịp bước cùng thời đại và có những hành động tích cực nhằm đạt được vai trò lãnh đạo của mình theo một chiều hướng đầy triển vọng và sử dụng kỹ thuật hiện đại trong lĩnh vực phổ biến thông tin.

Trong các kế hoạch của Chính quyền Mỹ, vai trò đặc biệt được dành cho Liên minh viễn

thông quốc tế và mạng Internet. Vì vậy, không có gì đáng ngạc nhiên là những hội nghị được tiến hành thường xuyên của Liên minh viễn thông quốc tế đã thu hút được sự chú ý chăm chú nhất của các nhà lãnh đạo cao cấp trong Chính quyền Washington. Ví dụ, tháng 3-1994 tại Hội nghị của Liên minh viễn thông quốc tế họp ở Buénốt Airét, Phó Tổng thống Mỹ A.Gore đã đọc bài diễn văn trước những người tham gia Hội nghị. Tháng 9-1994, ông này lại phát biểu trước những người tham gia Hội nghị Kyôtô. Tháng 3-1995 ông ta lại gửi điện chào mừng người tham gia Hội nghị về Internet họp ở thành phố Minxơ.

Đặc biệt, trong bài phát biểu trước những người tham gia Hội nghị Kyôtô, ông Gore đã nêu rõ: “những nỗ lực nhằm thiết lập cơ sở hạ tầng thông tin toàn cầu đã tạo cơ hội cho chúng ta có thể vượt ra ngoài khuôn khổ ý thức hệ và đề ra cho mình mục đích chung là thiết lập một cơ sở hạ tầng sẽ đem lại lợi ích và làm lợi cho công dân của các nước chúng ta. Chúng ta sẽ sử dụng cơ sở hạ tầng ấy để thúc đẩy phát triển kinh tế, phát triển y tế, giáo dục, các chương trình bảo vệ môi trường và dân cư.

Trong việc thiết lập cơ sở hạ tầng thông tin toàn cầu, vai trò không thể thay thế được là thuộc về chính phủ. Thông qua việc giảm bớt các rào cản điều tiết và thúc đẩy khu vực tư nhân

tham gia, xác định những lợi ích xã hội cần được thỏa mãn thông qua trao đổi thông tin, sử dụng cơ sở hạ tầng thông tin toàn cầu vì các mục đích giáo dục, y tế và thực hiện những nhiệm vụ khác của nhà nước - các chính phủ có thể đóng vai trò then chốt trong quá trình phát triển cơ sở hạ tầng thông tin toàn cầu thông qua sự hợp tác với ngành công nghiệp và với các đại diện của khu vực tư nhân.

Năm nguyên tắc của cơ sở hạ tầng thông tin toàn cầu đã được thông qua tại Hội nghị Buénốt Airét và giờ đây chúng đang được các nước trong cộng đồng thế giới thực hiện. Nội dung của 5 nguyên tắc đó là: những khoản đầu tư của tư nhân; cạnh tranh trên thị trường; cơ sở quy định-pháp lý linh hoạt; sự tiếp cận không phân biệt đối xử và các dịch vụ tổng hợp”.

Như lời nhận xét của ông Gore, hiện nước Nga còn tồn tại các Công ty viễn thông được tư nhân hóa, đang hoạt động tại 86 khu vực. Còn có hoạt động của các hãng viễn liên độc lập, cung cấp dịch vụ về liên lạc điện thoại quốc tế và truyền số liệu. Điều này không những chỉ phục vụ các mục tiêu thu hút đầu tư, đẩy mạnh cạnh tranh và cải thiện sự tiếp cận với các cơ sở dịch vụ thông tin, mà còn đảm bảo những điều kiện sống còn cho chính nền dân chủ - sự tự do thông tin - liên lạc và trao đổi thông tin.

Nếu nói về Internet thì đây là vấn đề có phức

tạp hơn đôi chút. Mọi mạng lưới máy tính đều có thể tiếp nhận cái gọi là IP (biên bản Internet), địa chỉ và kết nối với toàn bộ hệ thống Internet. Về phương diện hình thức thì Internet là một cộng đồng tự điều khiển. Nó là một mạng lưới máy tính to lớn và phát triển rất nhanh, gồm hàng trăm mạng lưới nhỏ hơn. Cứ mỗi 30 giây lại có một mạng lưới mới hòa vào Internet. Hơn hai triệu file, ngoài ra còn nhiều chương trình, mạng lưới khác được mở ra cho những người sử dụng.

Những phương thức phổ biến nhất được sử dụng trong mạng lưới này là:

- Liên lạc bằng bưu điện điện tử;
- Tham gia vào những hội nghị và thảo luận điện tử;
- Tìm kiếm thông tin và các số liệu được lưu giữ trên mạng;
- Sao chụp các file từ máy tính ở cách xa để đưa vào máy tính sở tại;
- Thực hiện các chương trình trên các máy tính ở cách xa;
- Thực hiện các chương trình trên máy tính sở tại thông qua các số liệu của máy tính ở cách xa.

Hệ thống Internet đã được thiết lập ở Mỹ vào năm 1969 dưới tên gọi (ARPANET). Tác giả của hệ thống này là các chuyên gia thuộc Hãng nghiên cứu các dự án tiên tiến của Bộ Quốc phòng Mỹ (Advanced Research Projects Agency).

Các chuyên gia này đã kết nối 4 máy tính để trình diễn khả năng thiết lập một mạng lưới máy tính rộng rãi. Những máy tính này được lắp đặt tại các trường đại học tổng hợp của các bang Utan, California (ở thành phố Stanford), Los Angeles, và Viện nghiên cứu Xtenphooocđơ. Cấu tạo của hệ thống này đã cho phép dễ dàng kết nối thêm những máy tính khác vào mạng lưới. Năm 1972 hệ thống ARPANET đã bao gồm 50 trường đại học tổng hợp và các cơ quan nghiên cứu quân sự. Trong những năm 1970 và đầu những năm 1980, người ta đã thiết lập những mạng lưới khác của chính phủ cũng như của tư nhân. Nhằm đảm bảo thông tin các chương trình quân sự không bí mật người ta đã thiết lập mạng lưới MILNET và kết nối mạng lưới này vào mạng lưới ARPANET. Những mạng lưới nối kết với nhau ấy tạo thành cơ sở cho mạng lưới DARPANET mà sau này người ta gọi một cách đơn giản là INTERNET (bắt nguồn từ thuật ngữ tiếng Anh interconnected).

Những khả năng sử dụng mạng lưới Internet trong thông tin đại chúng và trong chính trị đã được chứng minh hùng hồn qua sự thật dưới đây. Trong thời gian xảy ra các biến cố tháng 8-1991 ở Mátxcova, mạng lưới Internet nhỏ xíu có tên gọi RELCOM - được nối mạng với Phần Lan và thông qua mạng lưới Phần Lan được kết nối với toàn thế giới - đã trở thành kênh thông tin

đáng tin cậy nhất để thu nhận thông tin và gửi thông tin đi từ Mátxcova. Những người tham gia mạng lưới RELCOM đã gửi đi các thông tin sau đó đã được đăng tải trên các báo nước ngoài, những tuyên bố của Bôrit Enxin (do các bạn bè cung cấp cho các nhân viên tác nghiệp của mạng lưới RELCOM) và những quan sát của các cá nhân về tình hình diễn biến ở Mátxcova.

Tại Mỹ có Hội Internet (Internet Society - ISOC), Hội đồng về cơ cấu Internet (Internet Architecture Board - IAB) và Nhóm chuyên trách về đảm bảo kỹ thuật mạng Internet (Internet Engineering Task Force - IETF) gồm những người tình nguyện. Họ tiến hành các hội nghị công khai để thảo ra các tiêu chuẩn tác nghiệp và giải quyết các vấn đề khác nhau nảy sinh.

Các dịch vụ quảng cáo trên Internet có giá rẻ hơn và hữu hiệu hơn nhiều so với quảng cáo, chẳng hạn, trên báo và tạp chí.

Các mạng lưới máy tính và các cơ sở dữ liệu trở thành một trong số các kênh quan trọng nhất để phổ biến thông tin. Không những các doanh nghiệp và các tổ chức, mà còn có cả các cá nhân cũng tích cực sử dụng các mạng lưới máy tính và các cơ sở dữ liệu ấy.

Việc sử dụng các khả năng của cơ sở hạ tầng thông tin toàn cầu đã cho phép các nước phát triển ở phương Tây và Mỹ chuyển sang cái gọi là nền kinh tế mạng, tức là hệ thống rộng lớn

các kênh thông tin - liên lạc hiện đại, đảm bảo tìm kiếm nhanh chóng các đối tác làm ăn, tìm kiếm người mua và người bán, ký kết các giao kèo không cần có nhân vật trung gian, thực hiện những khoản thanh toán điện tử, v.v.. Đáng tiếc là, cơ sở hạ tầng thông tin của nước Nga đã được xây dựng trong những điều kiện khủng hoảng. Tình trạng này thường hay buộc người ta phải cầu viện tư bản nước ngoài. Hậu quả là sự kiểm soát các luồng thông tin lại có thể nằm trong tay người nước ngoài. Xu hướng này bộc lộ rõ ở Mátxcơva, Xanh Pêtéc-bua và tại những điểm đầu mối quan trọng của các xa lộ thông tin.

Chính phủ Mỹ và Chính phủ các nước thuộc Cộng đồng châu Âu cố gắng đặt mạng lưới toàn cầu dưới sự kiểm soát của nhà nước. Các nhà khoa học hàng đầu ở những nước ấy đã đưa ra luận thuyết Internet. Xét về thực chất đó là trình độ mới trong sự phát triển của mạng Internet. Sự tham gia của nhà nước vào chương trình Internet sẽ cho phép các nước đã tiếp nhận luận thuyết này, thực hiện một bước nhảy vọt rõ rệt trong phát triển kinh tế và khoa học, thực hiện các ưu tiên mới trong chính sách đối nội và đối ngoại.

Luận thuyết mang tính chất thời thượng là luận thuyết về “thế giới đơn cực” - trong đó vai trò lãnh đạo phải thuộc về Mỹ - rất thích hợp với hiện trạng của các quá trình thông tin thế

giới. Giờ đây, Mỹ là nước duy nhất có thể áp đặt các điều kiện của mình cho những nước khác trong lĩnh vực phổ biến thông tin. Không phải chỉ vì nước Mỹ là nước sản xuất ra phần lớn các sản phẩm thiết bị hạ tầng thông tin. Chính nước Mỹ đã chiếm các vị trí then chốt trên các xa lộ thông tin, chính nước này thực hiện một cách có định hướng mục tiêu và kiên trì ý tưởng cơ sở hạ tầng thông tin toàn cầu, trong đó nó có ý đồ kiểm soát việc phổ biến thông tin trên quy mô thế giới.

Do vậy, các nước khác đứng trước một vấn đề rất rõ ràng - đó là an ninh thông tin. Trật tự thông tin mới - điều mà trong quá khứ không xa, có nước không liên kết mơ ước - đã không trở thành hiện thực. Hình thức chuyển tải thông tin xuyên biên giới (liên lạc qua vệ tinh, truyền hình trực tiếp, các mạng lưới máy tính v.v...), trên thực tế, đã triệt tiêu quyền quyết định của các quốc gia thậm chí trong phạm vi không gian thông tin của chính nước mình. Thật là điều phức tạp nếu cấm người ta xem các chương trình truyền hình qua vệ tinh hoặc cấm sử dụng mạng Internet.

Bên cạnh đó, đã thấy có một số quốc gia cố gắng lại thiết lập "hàng rào thép". Việc làm này là hoàn toàn có thể biện minh được: công việc tạo ra dư luận xã hội không thể phó thác cho người nước ngoài. Tình trạng không ăn khớp

giữa các luật lệ quốc gia về lĩnh vực thông tin đại chúng có thể dẫn đến những hiện tượng nghịch lý. Ví dụ, khi chuyển tải xuyên biên giới những số liệu mà công dân nước khác yêu cầu, một nhà báo hoặc một cá nhân sở hữu thông tin có thể vô tình trở thành kẻ tội phạm, bởi vì điều được phép làm ở nước này lại có thể là điều bị nghiêm cấm tại nước khác. Cần có sự hài hòa giữa các luật lệ quốc gia về lĩnh vực các phương tiện thông tin đại chúng, thông tin và tin học hóa.

An ninh thông tin - đó là một khái niệm đa dạng. Khái niệm này bao hàm an ninh thông tin của cá nhân, của xã hội, của quốc gia và của toàn hành tinh. An ninh thông tin cũng là yếu tố đảm bảo thông tin. Khi nói đến quyền thông tin, chúng ta phải nhớ đến an ninh thông tin. Đáng tiếc là có rất nhiều vấn đề về sản xuất, xử lý, bảo quản và phổ biến thông tin hiện thời vẫn chưa được thể chế hóa về mặt pháp lý, mà thậm chí còn chưa được xác định thật rõ ràng.

Ví dụ, mạng Internet. Mạng lưới thông tin toàn cầu ấy phải chăng là phương tiện thông tin đại chúng?

Ở những nước khác nhau người ta đưa ra những lời giải đáp khác nhau cho câu hỏi thoát nhìn có vẻ đơn giản này. Ví dụ, ở Mỹ đã có hai vụ án diễn ra, trong đó Internet được xem xét dưới góc độ khác nhau. Trong trường hợp thứ nhất tòa án quyết định rằng mạng lưới máy tính

không chịu trách nhiệm về thông tin được công bố, vì xét theo quy chế của nó thì mạng lưới máy tính chỉ là công cụ phổ biến thông tin và không kiểm soát nội dung của thông tin. Trong vụ thứ hai tòa quy trách nhiệm phổ biến thông tin cho mạng lưới máy tính đã bôi nhọ danh dự của bên nguyên, vì với lập luận là nó kiểm soát một phần nội dung của thông tin.

Thật ra, ở một số nước những ấn phẩm và những phương tiện thông tin đại chúng khác, được phổ biến trên mạng Internet, phải đăng ký, vì những phát triển ấy đã sử dụng phương thức phổ biến mới. Nhưng nếu đó là ngân hàng dữ liệu thông thường, được bổ sung thường xuyên, thì không đòi hỏi phải đăng ký. Thế nhưng ngân hàng mà mọi người có thể tiếp cận các dữ liệu của nó, phải chăng không phổ biến thông tin?

Tính chất quan trọng của an ninh thông tin đối với toàn thế giới có thể được chứng minh rõ ràng qua trường hợp xảy ra với các tài liệu bí mật của Lầu Năm Góc. Có 3 em thiếu niên thuộc thành phố Dadarơ của xứ Crôát, rất say mê máy tính, đã thông qua mạng Internet đọc được một số tài liệu mật của Lầu Năm Góc và của cơ quan NASA. Các tin tặc ở thành phố Dadarơ đã làm náo động các cơ quan mật vụ của Mỹ, khiến cho các cơ quan này đã phải lập tức cầu viện Interpol và Bộ Nội vụ của Crôát. Dĩ nhiên, sự

việc đã bị vỡ lở. Người Mỹ buộc phải thông báo rằng trong 1996 đã xảy ra gần 200 nghìn vụ tin tặc đột nhập vào cơ sở dữ liệu máy tính của Bộ Quốc phòng Mỹ.

Khi đem phân tích 38 trường hợp xâm nhập trái phép vào “nơi thiêng liêng” của Lầu Năm Góc, người ta thấy rằng hoàn toàn không phải lúc nào cũng xác định được kẻ sử dụng thông tin, vì một số kẻ đột nhập đã không để lại dấu vết gì. Tình trạng này làm cho chúng quen với ý nghĩ không bị trừng phạt.

Kết quả là những lập trình viên đồng ý làm việc cho bất kỳ quốc gia nào trả tiền hậu hĩ. Trường hợp xảy ra với ba thiếu niên 14 tuổi đã nổi danh ở thành phố Dadarơ không phải là trường hợp duy nhất.

Mỗi quan tâm về an ninh thông tin đôi khi dẫn đến chủ nghĩa biệt lập cố ý: một số hăng có sự lựa chọn là không hoà mạng Internet, vì sợ bị tin tặc đột nhập.

Có thể xem xét an ninh thông tin từ nhiều góc độ, ví dụ, có thể xem đó là một trong những khía cạnh của cuộc đấu tranh thông tin. Điều này có cơ sở: cũng ở nước Mỹ có những cơ cấu chiến tranh tâm lý và tác động tâm lý. Hiệu quả của những cơ cấu này đã được kiểm tra trong thời gian xảy ra những xung đột ở Grênađa, Panama, cùng thời gian nổ ra cuộc Chiến tranh vùng Vịnh.

Các hãng tin đóng vai trò to lớn trong việc thiết lập không gian thông tin toàn cầu. Các hãng tin thế giới, trước hết là các hãng tin của Mỹ đảm nhiệm việc phổ biến phần lớn thông tin.

Chúng ta hãy xem xét một số hãng tin ấy.

Associated Press - AP. Đây là hãng tin lớn nhất của Mỹ. Nó thuộc vào số các hãng tin thế giới. Được thành lập vào năm 1948, trụ sở đóng ở New York. Đây là một tổ chức hợp tác của các nhà xuất bản báo chí và các ông chủ các đài phát thanh và truyền hình. Số lượng thành viên của tổ chức này gồm 1700 tờ báo và 5000 đài phát thanh và truyền hình. AP có gần 8500 cơ sở đăng ký mua tin ở 121 nước trên thế giới.

Hãng tin AP trang trải các chi phí của mình từ các khoản tiền trích được theo quy định của một hệ thống bảng cước phí nghiêm ngặt. Hệ thống này chuyển mọi gánh nặng tài chính trong kinh doanh thông tin lên vai các khách hàng của mình. Hãng tin AP được coi là hãng tin hùng mạnh nhất, am tường nhất và đáng tin cậy nhất.

Hàng ngày hãng này truyền đi 20 triệu từ thông tin bằng tiếng Anh và tiếng Tây Ban Nha, 1000 bức ảnh minh họa. Hãng sở hữu 3 công xưởng báo chí lớn: *Associated Press illustrated news Fishers*, *Wire Photos* và *Wire Wall*, làm công việc phổ biến các bức ảnh minh họa, các bài viết và những sản phẩm in ấn khác

cho một số lượng lớn các cơ quan báo chí ở Mỹ và ở nước ngoài.

Hãng tin này được trang bị kỹ thuật máy tính điện tử. Máy tính chủ đặt ở New York. Hãng tin này cũng sở hữu máy tính điện tử ở Luân Đôn nhằm thu thập và tự động chuyển thông tin qua vệ tinh và qua các kênh thông tin khác về New York. Để chuyển tải thông tin đến các cơ sở đăng ký mua tin ở châu Âu người ta sử dụng máy tính điện tử trung gian đặt ở Phranphước.

Hãng tin này có cơ sở dịch vụ chuyên đề kinh tế và thương mại là “AP - Dow Jones” (cơ sở này từ năm 1982 đã thâm nhập vào các thị trường thông tin của Ôttrâylia, Anh, Italia, Đài Loan và Hồng Kông, nó bắt đầu cung cấp đều đặn cho các khách hàng của nó những thông tin về tình hình thị trường dầu lửa trên thế giới), ngoài ra nó còn có cơ sở dịch vụ ảnh lớn nhất trên thế giới có các chi nhánh ở New York và ở Luân Đôn.

Người ta đã thành lập cơ quan thông tin đặc biệt, có sử dụng máy tính điện tử, để thông tin về các chiến dịch vận động bầu cử.

Thực tế, trên các thị trường thông tin của tất cả các nước trên thế giới đều có các đại diện của Hãng AP. Số lượng các tư liệu thông tin do Hãng AP phổ biến chiếm tỷ lệ 75-90% trong báo chí một số nước.

Cơ quan lãnh đạo của AP là Hội đồng các giám đốc, được bầu ra với nhiệm kỳ 3 năm.

Hãng tin *United Press International (UPI)*. Đây là hãng tin lớn thứ hai của Mỹ. Nó nằm trong số các hãng tin có tầm cỡ thế giới. Hãng tin này được thành lập ngày 21-6-1907 bởi ông E. W. Xcripxơ, với tên gọi là *United Press Asocietinal, Incorporated*. Ngày 24-5-1958 hãng tin này hợp nhất với hãng tin *International News Service* thuộc sở hữu của Tờ rớt xuất bản *Herst*.

Hãng “UPI” là hãng đầu tiên cung cấp thông tin cho các đại Công ty phát thanh; trong những năm 1930 *Risac Helxơ* đã làm việc dưới “mái nhà” của UPI. Sau này ông là Giám đốc cơ quan CIA của Mỹ. Năm 1936 sản phẩm của Hãng tin UPI đã được *Rônan Rigân* - hồi ấy còn là bình luận viên chưa có tiếng tăm của Đài phát thanh *Who* - sử dụng rộng rãi. Sau này ông *Rônan Rigân* đã trở thành Tổng thống Mỹ.

Vào những năm 1960 Hãng UPI bắt đầu tụt hậu so với các hãng tin chủ yếu trên thế giới, vì hình thức “kinh doanh kiểu gia đình” đã lỗi thời một cách vô vọng ở Mỹ. Ngoài ra, nó còn phải cạnh tranh với AP - một hãng tin ngày càng phát huy được vai trò của mình.

Trụ sở của UPI đóng ở Washington, một số cơ quan của hãng đóng ở New York, Nasovin, Đalat. Trước năm 1982 số lượng cổ phần kiểm soát của nó thuộc về “Công ty E.W.Xcripxơ” và Tờ rớt xuất bản *Herst*. Từ tháng 6-1982 số lượng cổ phần kiểm soát thuộc về Tập đoàn “Media

news” được thành lập bởi nhóm chủ nhân các hãng tin và các đài phát thanh của Mỹ. Năm 1985, Hãng UPI đã bị các ông chủ ít danh tiếng của Tập đoàn “Media news” là Duglat Ruê và Uylam Hâyxlơ mua lại. Tin này đã gây ra một sự hưởng ứng rộng rãi trong thế giới các nhà báo - từ đâu mà những con người tương đối trẻ tuổi ấy (ở độ tuổi 36 và 37) đã dễ dàng tìm thấy và trưng ra số tiền 20 triệu đôla là số tiền “không tương ứng với độ tuổi của họ”? Cũng trong năm 1985, vào ngày 6-3, những chủ nhân của Công ty này đã cam kết chuyển giao cho các chủ nợ 90% số cổ phiếu để trả nợ. Nhưng đến ngày 26-3-1985, Hãng UPI đã không cầm cự nổi, thế là tài sản của nó bị phong tỏa.

Từ tháng 6-1986 chủ nhân của hãng này là Tập đoàn “News UPI”, đứng đầu là nhân vật trùm báo chí người Mêhicô Mariô Vaxketxơ Ranha.

Hãng UPI phục vụ cho 1000 tờ báo Mỹ, 3600 đài phát thanh và 550 đài truyền hình ở Mỹ, 800 tờ báo nước ngoài, 300 đài phát thanh ở hơn 100 nước trên thế giới.

Hằng ngày Hãng UPI truyền đi 13 triệu thông tin bằng các thứ tiếng: Anh, Tây Ban Nha và Bồ Đào Nha. Cùng với hãng tin hàng đầu của Tây Ban Nha (là Hãng Agency EFE), Hãng UPI đã thành lập Đài phát thanh toàn cầu bằng tiếng Tây Ban Nha.

Hãng này có cơ sở làm ảnh hùng mạnh nhất

trên thế giới, các cơ sở dịch vụ thông tin kinh tế và thông tin cho các mạng lưới truyền hình cáp. Nó được trang bị tốt về kỹ thuật máy tính điện tử. Trung tâm máy tính chủ đặt ở Đalat. Việc chuyển tải thông tin được thực hiện qua các vệ tinh viễn thông.

Hãng tin của Mỹ United States Information Agency (USIA), về hình thức, là do Hạ viện Mỹ thành lập ngày 1-8-1953. Nguồn gốc của hãng tin này là các cơ quan chiến tranh tâm lý. Để nghiên cứu hiệu quả của hoạt động tuyên truyền chính sách đối ngoại của Mỹ, năm 1947 một phái đoàn của Hạ viện Mỹ đã được cử ra nước ngoài. Kết quả hoạt động của phái đoàn này là Đạo luật số 402 đã được thông qua, đặt cơ sở cho việc cải tổ bộ máy tuyên truyền. Trước đó, đã tồn tại Cục chiến tranh tâm lý. Cục này tiến hành tuyên truyền chính sách đối ngoại.

Dưới thời cầm quyền của Tổng thống H. Truman (kế hoạch cải tổ số 8), người ta thành lập Cục phối hợp các hoạt động để thay thế cho Cục chiến tranh tâm lý. Chẳng bao lâu sau, Cục phối hợp các hoạt động đã trở thành cơ sở cho việc thành lập hãng tin Mỹ. Nhà nghiên cứu người Mỹ T.Xôrenxen đã thừa nhận rằng Hãng USIA đã ra đời trong bối cảnh chiến tranh lạnh.

Đã diễn ra một sự cải tổ nữa dưới thời Tổng thống Cato vào thời gian Hãng USIA được cải tổ thành Cục quan hệ quốc tế. Đồng thời, người ta

đã chuyển giao cho cơ quan này một số bộ phận của Bộ Ngoại giao, và khoản ngân sách chi cho nó tăng lên hẳn. Tổng thống Mỹ Ronald Reagan đã khôi phục lại tên gọi cũ cho cơ quan truyền đối ngoại này.

Hãng USIA hợp tác chặt chẽ với Hội đồng An ninh quốc gia.

Cơ quan thông tin ngoại quốc - USIS - có những trạm thông tin, các trung tâm thông tin và các phòng thông tin ở nước ngoài. Hoạt động của tất cả các nhân viên của USIS được quyết định bởi kế hoạch mật là "Kế hoạch toàn quốc" và do viên đại sứ kiểm soát.

Hãng USISA xuất bản một số tạp chí bằng các tiếng nước ngoài, phổ biến thông tin chuyên đề, soạn thảo các chương trình phát thanh và truyền hình, phổ biến thông tin trên các mạng máy tính, cung cấp tin cho các hãng tin.

Hãng tin Roitor (Reuters) nằm trong số các hãng tin có tầm cỡ thế giới. Đây là hãng tin chủ yếu của Anh, chủ yếu chuyên phổ biến các thông tin nước ngoài.

Hãng tin này được thành lập năm 1851 tại Luân Đôn. Người sáng lập ra Hãng tin này là một người Đức tên là Pôn Giuliút Roitor. Năm 1941 Hãng này chuyển thành sở hữu của một số hãng tin và tổ chức tư nhân. Họ đã tuyên bố rằng Hãng Roitor trong bất kỳ hoàn cảnh nào cũng sẽ không chuyển vào tay một nhóm nào.

Những cổ đông chủ yếu gồm có: Hiệp hội các nhà xuất bản báo (19 tờ báo hằng ngày và báo xuất bản vào chủ nhật, giữ 40,5% cổ phần), Hãng tin "Press Association" (thuộc sở hữu các nhà xuất bản của khoảng 120 tờ báo nhỏ của Anh và của Ailen, giữ 40,5% cổ phần), Hãng tin Ôxtrâyliá "Australian Press", Hãng tin của Niu Dilân "New Zealand Press Association", các nhân viên của Hãng Roitơ.

Trên thực tế, Hãng Roitơ là hãng tin chính thức của nước Anh.

Hãng Roitơ cung cấp tin tức nước ngoài cho hơn 15 nghìn tờ báo, các hãng thông tin, các đài phát thanh và truyền hình, các cơ quan chính phủ, các sứ quán ở nước Anh và ở 158 nước khác trên thế giới.

Hằng ngày, Hãng Roitơ chuyển đi 5 triệu 500 nghìn từ tin tức bằng các thứ tiếng: Anh, Pháp, Đức, Tây Ban Nha, và Arập. Trong hãng tin này đã thiết lập hệ thống thông tin điện tử "Monitor" để xử lý và truyền các thông tin kinh tế - tài chính đến người tiêu dùng (hãng này có đến 15 nghìn khách hàng mua tin tại 112 nước trên thế giới). Gần 90% các khoản tiền thu của hãng là nhờ phổ biến các thông tin kinh tế - tài chính, kể cả trên mạng Internet.

Hãng Roitơ giữ các vị trí mạnh nhất tại các nước châu Phi và Cận Đông, nơi nó có một mạng lưới đông đảo các phóng viên.

Hãng tin Agence France Press - AFP cũng là một trong số các hãng tin thế giới. Đây là một doanh nghiệp thương mại, nhưng đồng thời cũng nhận tài trợ của Chính phủ Pháp. Các khoản tài trợ được thực hiện dưới hình thức các khoản trả tiền của khách hàng thường xuyên mua tin.

Mối liên hệ với chính phủ còn được xác nhận bởi sự thật là trước kia viên giám đốc của Hãng AFP do Chính phủ Pháp bổ nhiệm. Từ năm 1957 Hãng này, về hình thức, đã trở thành hãng tin độc lập, nhưng trong thành phần hội đồng quản trị của hãng có cả đại diện các giới chính phủ.

Hãng tin này được thành lập vào năm 1944 là kết quả của sự sáp nhập giữa hãng tin của Đờ Gôn hoạt động ở Luân Đôn trong thời kỳ chiến tranh và Hãng France Africa đặt trụ sở trên vùng lãnh thổ Bắc Phi do những người yêu nước của Pháp kiểm soát. Cơ sở để thành lập Hãng AFP là Hãng tin Havas hoạt động trước chiến tranh. Hoạt động của hãng này đã bị cấm vì đã hợp tác với quân Đức chiếm đóng.

Hãng AFP cung cấp cho các khách hàng (trong đó có chính phủ và các cơ quan nhà nước của Pháp, 12 nghìn tờ báo và tạp chí, hàng trăm đài phát thanh và truyền hình, các hãng công nghiệp, các tổ chức du lịch, v.v...) những thông tin chính trị, kinh tế, thể thao, tôn giáo, văn hóa, thương mại, tài chính.

Bằng các kênh thông tin của mình, hãng ngày

Hãng AFP truyền đi hơn 600 nghìn từ thông tin bằng 6 thứ tiếng: Pháp, Anh, Tây Ban Nha, Đức, Bồ Đào Nha, Ả-rập. Hãng tin này được trang bị đầy đủ các máy tính và có sử dụng kỹ thuật thông tin bằng vệ tinh. Hãng tiến hành trao đổi thông tin với tất cả các hãng tin trên thế giới. Hãng có mạng lưới phóng viên ở 165 nước và có 110 phòng thông tin trên lãnh thổ nước Pháp. Các phòng thông tin khu vực châu Âu đều đặt trụ sở tại Pari.

Từ ngày 1-6-1980 hãng truyền hình thời sự quốc tế hoạt động suốt ngày đêm đầu tiên trên thế giới bắt đầu đi vào hoạt động. Đó là Hãng CNN thuộc sở hữu của Robert Edward Turner. Như nhận định của Phó Chủ tịch hãng Xti-vơ Hàu-óc-tơ, ngoài những bằng chứng khác về sự thành công của hãng tin này còn có bằng chứng đáng chú ý: đó là tại nhiều phòng làm việc của Nhà Trắng đều có các máy nhận tin được nối mạng thường xuyên với kênh thông tin của CNN. Các nguyên thủ quốc gia ở nhiều nước trên thế giới vẫn theo dõi các chương trình thời sự của hãng.

Ông Turner khởi sự không phải trên mảnh đất trống. Từ năm 1963, ông ta đã là Chủ tịch và quản trị viên chủ yếu của Công ty "Turner Advertising Company". Nhờ mở rộng phạm vi hoạt động, Công ty này đã biến thành một hệ thống các Công ty phát thanh và truyền hình.

Ông cũng đã từng là Chủ tịch Hội đồng các giám đốc và Chủ tịch Hãng "Turner Broadcasting system" (TBS).

Khi Hãng CNN mới bắt đầu hoạt động, chỉ vven ven có 1,7 triệu gia đình Mỹ có thể thu được kênh truyền hình này. Vào thời điểm ấy tập đoàn này chỉ có 30 triệu đôla ngân sách hàng năm và mấy trăm nhà báo trẻ tuổi chưa được ai biết đến. Đến nay, số người làm việc cho Hãng CNN là 1700 người, có các chi nhánh ở 27 nước trên thế giới, còn ngân sách hàng năm là 130 triệu đôla.

Đại bản doanh của Hãng CNN đặt ở Atlanta, nhờ vậy mà thành phố này đã biến thành một trong những trung tâm thông tin lớn của thế giới. Số người đăng ký thu kênh truyền hình thời sự là 55 triệu gia đình người Mỹ, còn ở 92 nước người ta đã nhờ vào vệ tinh viễn thông để thu kênh truyền hình quốc tế của hãng này là kênh "CNN International".

Trong 5 năm đầu hoạt động Hãng này bị thua lỗ 77 triệu đôla. Tổng cộng người ta đã đầu tư vào Hãng này 250 triệu đôla trước khi nó bắt đầu đem lại lợi nhuận. Hiện nay tài sản của Hãng CNN được đánh giá là 2 tỷ đôla và Hãng này có thể được coi là hãng hàng đầu trong chế thông tin của Turner. Hàng năm tổng số thu nhập của tập đoàn này là 224,2 triệu đôla, trong tổng số thu nhập ấy thì 60% đến từ Hãng CNN.

Hình thức thông tin được CNN ưu tiên áp dụng là truyền hình trực tiếp trong thời gian diễn ra các sự kiện chính trị quan trọng nhất, những thảm họa và bi kịch. Phương châm của hãng là nhanh chóng và chính xác.

Nhiệm vụ trước mắt của CNN là củng cố vị trí trên thị trường thông tin thế giới và mở rộng phạm vi ảnh hưởng. Vì vậy, năm 1995 Hãng này đã sáp nhập vào nhóm *Time Warner*, cũng là một đế chế thông tin mạnh trên thế giới nếu xét về phương diện ngân sách.

Tất cả các hãng tin thế giới, kể cả Hãng ITAR-TASS, đều tích cực tham gia trao đổi thông tin quốc tế, và ở mức độ nào đó đều tiến hành hoạt động tuyên truyền chính trị đối ngoại.

Toàn cầu hóa thông tin đã dẫn đến hàng loạt hệ quả gắn với hiện đại hóa chiến lược của cộng đồng thế giới trong lĩnh vực phổ biến thông tin. Nếu như trật tự thông tin và truyền thông quốc tế mới đòi hỏi phải có hành động nào đó chống lại các tổ chức độc quyền báo chí quốc tế trên lãnh thổ một nước riêng lẻ, thì ngày nay, xét về mặt kỹ thuật, thực hiện điều này thật hết sức khó khăn, vì truyền hình qua vệ tinh, phát thanh qua vệ tinh, mạng Internet và những công nghệ mới nhất đã cho phép tác động về tình cảm, tư tưởng tới người tiếp nhận thông tin, bất kể khoảng cách từ họ đến nguồn thông tin là bao nhiêu đơn vị độ dài. Sự kết hợp

thông tin toàn cầu và “lợi ích khu vực” làm cho hoạt động của các phương tiện thông tin đại chúng trở nên hữu hiệu hơn nếu xét từ góc độ hình thành và thao túng công luận.

Sự bành trướng mạnh mẽ của các nước thông tin phát triển vào các phương tiện thông tin đại chúng của Trung Âu, Đông Âu, của các nước cộng hòa thuộc Liên Xô (cũ), cũng như của các nước đang phát triển đã đào sâu thêm sự ngăn cách giữa những quốc gia “giàu” và “nghèo”, tạo ra mối đe dọa thực tế cho tự do ngôn luận và tự do báo chí.

II. BÁO CHÍ VÀ KINH TẾ

Sau “cuộc cách mạng thương mại” trong báo chí những năm 1830-1840, các phương tiện thông tin đại chúng bắt đầu trở thành những doanh nghiệp tư bản sinh lời, vì vậy bản thân chúng cũng chịu sự tác động của tất cả các quy luật của hoạt động kinh doanh: cạnh tranh và hạn chế cạnh tranh; tập trung hóa, độc quyền hóa và những luật lệ khác. Tất cả những điều đó để lại dấu ấn trong hoạt động báo chí hằng ngày và hoạt động của những tổ chức hữu quan.

Vì sau “cuộc cách mạng thương mại”, những nguồn thu của báo chí định kỳ chủ yếu đến từ quảng cáo, chứ không phải từ số lượng bản phát hành, cho nên những tổ chức đặt in quảng cáo

bắt đầu hướng đến những ấn phẩm nào có số lượng phát hành tối đa. Tình hình này đòi hỏi các nhà báo phải thay đổi nội dung và cách thức trình bày ấn phẩm. Ngoài ra, đã xuất hiện những tổ chức chuyên làm công việc giám sát mức đúng khớp giữa số lượng trong số liệu ấn hành và số lượng phát hành trên thực tế. Còn xuất hiện cả các hãng quảng cáo chuyên đảm bảo cho các ấn phẩm định kỳ có được các đơn đặt hàng quảng cáo cần thiết.

Hoạt động tổ chức của mọi phương tiện thông tin đại chúng đều nhằm đạt được hiệu quả cao về phương diện kinh tế - tài chính, cũng như các phương diện tư tưởng. Nếu chỉ xét về phương diện kinh tế của vấn đề thì cần nêu rõ rằng để đạt được mức sinh lời cao khâu quản lý ở các báo và tạp chí, các đài phát thanh và truyền hình cũng phải được xây dựng trên những nguyên tắc giống như những nguyên tắc trong điều hành các xí nghiệp công nghiệp. Trong xu hướng phát triển chung còn có khuynh hướng phân chia thị phần tin tức và khu vực ảnh hưởng, hạn chế cạnh tranh, đạt tới sự cân bằng tài chính ở bên trong các tổ chức thông tin đại chúng, hạn chế độc quyền, tìm phương cách tối ưu trong phân công lao động và hợp lý hóa dây chuyền công nghệ thông tin trong mỗi doanh nghiệp.

Kinh nghiệm tiên tiến trong hoạt động thông tin được thường xuyên nghiên cứu và tiếp thu

trên phạm vi quốc tế. Ví dụ, từ tháng 5-1996 đến tháng 12-1997, với sự ủng hộ về tài chính của Hãng phát triển quốc tế của Mỹ, người ta đã thực hiện chương trình tham vấn (Targeted Consulting Team). Kết quả chương trình được tổng kết tại cuộc họp vào các ngày 19 - 21 tháng 11-1997 ở Mátxcơva. Sau cuộc họp này người ta đã xuất bản tập sách nhan đề là “Làm gì để tờ báo sinh lời”.

Ông Rôbớt Côanxơn, người phụ trách chương trình kinh doanh của viện báo chí quốc gia có nhận xét: “Khi tìm hiểu các tài liệu của hội nghị, tôi đã hiểu được bí quyết sinh lời trong hoạt động xuất bản báo. Đó là khâu giám sát. Những năm gần đây những người lãnh đạo các tờ báo khu vực đã bắt đầu kiểm soát các phần khác nhau trong hoạt động kinh doanh của mình, họ thoát ra khỏi những chi phí phi sản xuất và tìm kiếm những nguồn thu nhập ở bất cứ nơi nào có thể. Chỉ mới 3-4 năm trước, các nhà xuất bản còn hoàn toàn phụ thuộc vào các tổ chức bên ngoài trong lĩnh vực in ấn, phát hành và phân bố các mục quảng cáo có trả tiền trên báo. Giờ đây, trên thực tế, tất cả những nhà xuất bản báo đều thành lập các bộ phận quảng cáo và chương trình tiếp thị. Nhiều nhà xuất bản báo tự lập ra mạng lưới phát hành riêng, một số còn mua được xưởng in riêng cho mình”.

Hiện nay những nguồn thu chủ yếu của mọi ấn phẩm đều gồm:

- Những khoản thu tài chính từ quảng cáo;
- Những khoản thu nhờ bán báo;
- Những khoản thu từ các hoạt động thương mại dưới các hình thức khác;
- Những khoản quyên góp từ bên ngoài, v.v..

Nền tảng cho các khoản thu bằng tiền này là khoản thu từ quảng cáo đem lại.

Bất kỳ một tờ báo, một tạp chí hoặc một ấn phẩm niên giám nào cũng dành một vài trang cho quảng cáo. Hiện chính quảng cáo là nguồn thu chủ yếu của ấn phẩm. Tùy thuộc vào điều kiện phát hành, truyền thống dân tộc và tình hình kinh tế, ở từng nước, các khoản thu từ quảng cáo của các phương tiện thông tin đại chúng có khác nhau. Ví dụ, ở Tây Ban Nha khoản thu ấy ở khoảng 80% tổng thu nhập, ở Mỹ là 75%, ở Pháp chỉ gần 60%.

Trong các ấn phẩm ở phương Tây, hoạt động quảng cáo tách biệt hẳn với phần hoạt động báo chí đích thực. Sở dĩ như vậy là để người đăng ký quảng cáo không thể ảnh hưởng đến bản chất thông tin của ấn phẩm. Ở đa số các nước, người ta nghiêm cấm cái gọi là hình thức quảng cáo lén lút, núp dưới hình thức thông báo của ban biên tập hoặc bản tin. Ở nhiều nước, người ta dùng luật lệ để cấm những việc làm như vậy, còn ở một số nước chẳng hạn ở nước Anh, người

ta cấm làm như vậy theo thông lệ và những vụ kiện ra tòa. Để các biên tập viên không nảy sinh ý muốn viết cái gọi là tài liệu theo đơn đặt hàng, người ta đề ra những quy định hành chính đặc biệt mà tất cả các ban biên tập bắt buộc phải tuân theo.

Mặt kinh tế trong hoạt động của phương tiện thông tin đại chúng đã được tính đến ngay ở giai đoạn chuẩn bị thành lập nó. Chúng ta hãy xem xét vấn đề này qua ví dụ về một tờ báo ngày nay ở Mỹ.

Tất cả những tờ báo hay và thành đạt đều có chủ thuyết và tính chất hoạt động riêng của mình. Phần chủ thuyết của tờ báo được thể hiện cả trong nội dung và hình thức tờ báo, từ một học thuyết, luận thuyết chính trị chính thể cho đến ngôn ngữ và văn phong. Cũng có nghĩa là quan điểm chính thống trong hoạt động của tờ báo ấy. Chẳng hạn, một tờ báo rất quan tâm đến những chuyện bất công, có ý thức bảo vệ môi trường, mĩa mai và bất đồng trước những điều đang diễn ra... Chủ thuyết của tờ báo có ảnh hưởng đến các khâu hoạt động: từ văn phong của tờ báo, cách lựa chọn tác giả, tìm tòi chủ đề đến hình thức trình bày, mẫu chữ, cách sử dụng ảnh, v.v.. Những tờ báo khá kính nhất, sau khi xuất hiện đã ngày càng phát triển vì có một chủ thuyết rõ ràng trong hoạt động. Và mọi tờ báo ngay từ đầu phải có chủ thuyết, nếu

không như vậy tự nó sẽ thất bại. Nếu chỉ đơn giản mong muốn sử dụng những khả năng kinh tế hoặc “lấp đầy chỗ trống trên thị trường” thì là không đủ.

Sự lựa chọn hướng đi, đề tài, ngôn ngữ và văn phong phải được người chủ biên thể hiện và tốt hơn cả là phải được toàn bộ tập thể những nhân viên của ấn phẩm ấy thể hiện. Điều đó đem lại ý nghĩa cho hoạt động báo chí và biện minh cho sự tiếp tục tồn tại của tờ báo, một cách tốt hơn rất nhiều so với cơ sở thương mại thuần túy. Chủ thuyết của ấn phẩm - đó là cái khiến cho bạn đọc có thể đồng tình.

Nếu trong tờ báo có một số chuyên mục thì những chuyên mục ấy không thể chỉ đơn giản mang tính chuẩn mực. Chỉ ở nước Anh, các tờ báo trung ương hiện nay mới đăng những chuyên mục thường trực: thời sự, thể thao, sách, nghệ thuật, chương trình truyền hình, việc làm, thế giới kinh doanh, môi trường, các phương tiện thông tin đại chúng, những truyện hài thiếu nhi, dành cho nội trợ, gia đình, thông báo cá nhân, du lịch, tin tức nước ngoài, giải trí, thời trang, mua sắm xe hơi...

Khi đề cương đã soạn xong thì người ta lên khuôn ấn phẩm (theo cách hiểu của người Mỹ về từ này), trong đó đánh dấu những phần dành cho quảng báo. Chính vào thời điểm này, trong hoạt động của một tờ báo mới được thành lập lại

xuất hiện một thực tế khắc nghiệt, bởi vì xung đột giữa quảng cáo và bài vở của tòa soạn mang tính chất vĩnh cửu. Có một số quy tắc cho phép điều tiết sự xung đột này. Trước hết, cần xác định từ trước tỷ lệ tổng quát giữa phần nội dung bài vở biên tập và tài liệu quảng cáo trên mặt báo. Không một tờ báo nào ở Mỹ lại đồng ý dành một tỷ lệ ít hơn 40% cho nội dung bài vở biên tập và 60% cho phần quảng cáo, tuy rằng điều đáng mong muốn hơn là tỷ lệ 50/50. Ở Nga, luật pháp quy định ngược lại: 60% dành cho bài vở biên tập và 40% dành cho quảng cáo.

Sau khi có quyết định về những chuyên mục và mảng thông tin sẽ được đưa lên trang báo, người ta xác định tỷ lệ giữa các cột bài viết và các cột quảng cáo đối với mọi khổ báo và số lượng trang báo.

Người ta cho rằng sẽ là hợp lý nếu những tài liệu quảng cáo đăng ở trang đầu tiên và ở trang cuối cùng; cũng như ở trang mở đầu mảng thông tin mới, các trang nối, các trang thứ ba của mỗi chuyên mục và chỉ chiếm diện tích mặt báo như đã thỏa thuận phần trình bày tờ báo cũng được làm như đã thỏa thuận. Người ta đặc biệt xem xét phần trình bày trang đầu. Tại trang này, hạn chế chặt chẽ diện tích quảng cáo. Nếu không quảng cáo sẽ chiếm hết cả tờ báo và sẽ không còn chỗ đăng các bài vở chủ yếu.

Người ta đề ra những quy tắc không thể bỏ qua

trong khâu làm việc với các bên đăng quảng cáo:

- Không nhận những quảng cáo có tính quái dị;
- Không bao giờ vi phạm những thỏa thuận ban đầu với các đối tượng đặt đăng quảng cáo.

Dĩ nhiên, đó không phải là tất cả những quy tắc làm việc với những phía đặt đăng quảng cáo, nhưng đó là một số quy tắc quan trọng nhất.

Tờ báo có thể xuất bản dưới mọi hình thức, khổ in, cách thức trình bày và số lượng trang báo.

Mặc dù có thể xuất bản tờ báo với cỡ khổ của tạp chí và thậm chí với khổ nhỏ hơn nhưng hầu như các tờ báo đều được xuất bản dưới các hình thức: khổ lớn, khổ nhỏ và khổ trung bình là khổ báo rất phổ biến ở châu Âu, nhưng người ta thường coi đó là một loại của ấn phẩm khổ nhỏ. Bản thân cỡ báo cũng chứa đựng thông tin đối với người đọc. Khổ nhỏ thường dành cho các tờ báo đại chúng, còn khổ lớn thường dành cho các tờ báo “tâm cỡ”.

Trước đây các báo chỉ có một chuyên mục, giờ đây có những tờ báo bao gồm những chuyên mục đan xen khác nhau: một, hai hay ba, bốn chuyên mục; có tờ báo xuất bản với cỡ khổ lớn, nhưng có phụ lục khổ nhỏ; có các tờ báo in với khổ nhỏ, khổ lớn cùng với các tạp chí có cỡ khổ khác nhau. Các chuyên mục có thể đăng hằng ngày, nhưng cũng có thể được đăng vào những ngày nhất định, ví dụ như chuyên mục thể thao - được đăng vào các thứ hai trong tuần, chuyên mục

“giải trí” thì được đăng vào các thứ bảy trong tuần, v.v...

Số trang của tờ báo không chỉ phụ thuộc vào nội dung biên tập. Thường thường số lượng trang của tờ báo được xác định bởi số lượng quảng cáo trong một chuyên mục nào đó. Tuy nhiên, những chuyên mục được người đọc ưa thích nhưng lại không thu hút sự chú ý của những đối tượng đặt đăng quảng cáo (ví dụ, chuyên mục thể thao) thì có thể được mở rộng nhờ vào sự thu hẹp các chuyên mục khác.

Vậy là, tất cả những điều nêu trên đây chỉ là một phần không đáng kể của những yếu tố tạo nên thành công và hiệu quả trong hoạt động của tập thể mỗi ban biên tập. Ngoài ra, những yếu tố ấy là biểu tượng của trình độ nghề nghiệp của nhà báo. Tùy thuộc vào những điều kiện lịch sử, địa lý, chính trị - xã hội và những điều kiện cụ thể khác mà các yếu tố tạo nên hiệu quả có thể thay đổi. Nhưng trong lĩnh vực thông tin đại chúng trình độ nghiệp vụ không chỉ là nhân tố lưu giữ những chuẩn mực, những tiêu chuẩn và khuôn mẫu đạo đức mà còn là sự sáng tạo đặc thù.

Tính chất đa dạng trong hoạt động của các phương tiện thông tin đại chúng đòi hỏi các nhà báo phải tham gia vào hoạt động sáng tạo văn hóa - xã hội, nghĩa là yêu cầu họ phải là những nhà truyền thông mà hiệu quả hoạt động của họ đã được nói đến ở trên. Ở đây, các tiêu chí thể

hiện đều quan trọng: nội dung, hình thức, văn bản (và cả những phần dưới văn bản), văn phong, ngôn ngữ và nhiều điều khác nữa.

Dĩ nhiên, trong điều kiện kinh tế phát triển đòi hỏi phải áp dụng những phương thức quản lý các tập thể biên tập ở trình độ mới, cao hơn.

Chúng ta hãy xem xét về mặt tổ chức của một tờ báo điển hình ở Mỹ, có số lượng phát hành 50 nghìn bản. Nếu số lượng phát hành thấp hơn thì các nhân viên trong biên chế có thể kiêm nhiệm các phần việc khác, nếu số lượng bản phát hành lớn hơn thì xuất hiện những chức vụ mới.

Ông chủ, người sở hữu ấn phẩm - người đầu tư tiền vào tờ báo và mong muốn thu lời. Để làm được điều đó, ông ta thuê chủ nhiệm xuất bản, hoặc tự mình đảm nhiệm các chức năng quản lý nhà xuất bản.

Chủ nhiệm xuất bản - nhà quản trị chính yếu của ấn phẩm. Ông này chịu trách nhiệm về toàn bộ hoạt động của tờ báo, nhưng chủ yếu là chịu trách nhiệm về thu nhập của tờ báo. Người ta nghiêm cấm những việc làm khiến ông xa rời những cuộc gặp gỡ với giới công luận và rời khỏi công việc vạch ra các luận thuyết. Chỉ có hai đối tượng được đem các bản báo cáo đến gặp và báo cáo với ông về hoạt động của mình. Đó là Tổng biên tập và Tổng giám đốc.

Tổng giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo kỹ thuật cho ban biên tập, in ấn và phát hành

báo. Những người chịu sự quản lý của ông gồm có: quản trị viên, giám đốc tiếp thị, nhân viên điều hành kinh doanh, nhân viên xử lý máy tính, giám đốc sản xuất. Đặt dưới quyền quản lý của tổng giám đốc còn có phòng kế toán và phòng quảng cáo, một phòng rất quan trọng đối với tờ báo.

Tổng biên tập chịu trách nhiệm về toàn bộ nội dung của tờ báo, bao gồm các bài viết của bộ phận biên tập. Tổng biên tập không có quyền can thiệp vào công việc của phòng quảng cáo - đó là đặc quyền của Tổng giám đốc.

Chủ nhiệm điều hành biên tập chịu sự quản lý của Tổng biên tập. Chủ nhiệm điều hành biên tập là quản trị viên chủ yếu trong phòng thông tin và phối hợp công việc của mình với Tổng biên tập. Chủ nhiệm điều hành biên tập cũng chịu sự quản lý của chủ nhiệm xuất bản. Điều này nhấn mạnh tính chất quan trọng vượt trội của các bản tin so với những bài viết của bộ phận biên tập. Với cơ cấu này người ta thấy giảm bớt khả năng xuất hiện ý kiến can thiệp của ban biên tập ở cột tin tức. Chủ nhiệm điều hành biên tập là người chủ toàn quyền trong phòng tin tức. Chịu sự quản lý của ông này gồm có:

- Biên tập viên về tin tức tổng hợp;
- Biên tập viên về tin tức thủ đô;
- Biên tập viên về tin tức khu vực;
- Biên tập viên về tin tức thể thao;

- Biên tập viên về tin tức hoạt động kinh doanh;
- Biên tập viên nghệ thuật (biên tập viên ảnh);
- Biên tập viên về các số báo chủ nhật.

Tổng cộng biên chế của phòng tin tức có 55 người. Thông thường, một biên tập viên phụ trách 1000 bản của số lượng bản phát hành, cứ một biên tập viên thì có 2,5 phóng viên phóng sự.

Biên tập viên về các bài xã luận không tồn tại ở mọi tờ báo. Thông thường tác giả của các bài xã luận là Tổng biên tập và hai - ba nhà báo (theo sự chỉ đạo của Tổng biên tập). Những người khác không được phép viết các bài xã luận.

Các biên tập viên xuất bản tiến hành công việc sửa chữa cuối cùng trên những bài vở đã chuẩn bị xong, viết đầu đề cho những bài vở ấy, v.v..

Trợ lý của chủ nhiệm điều hành biên tập đảm nhiệm chức năng của chủ nhiệm điều hành biên tập khi nhân vật này vắng mặt. Ngày thường, trợ lý đảm nhiệm công việc khác, đặc biệt là việc soạn bảng cân đối tài chính hàng năm của phòng tin tức.

Dưới quyền quản lý của *biên tập viên về tin tức ở thủ đô* có trợ lý và hai thư ký chịu trách nhiệm trả lời điện thoại, soạn hồ sơ, thực hiện những đoạn trích dẫn, v.v..

Thủ thư làm việc dưới quyền quản lý của chủ nhiệm điều hành biên tập và phụ trách về các tài liệu tra cứu tham khảo, các hộp phích tư liệu và, v.v., lập các hồ sơ cần thiết.

Họa sĩ đồ họa chỉ mới vài năm về trước mới xuất hiện trong biên chế của các tờ báo Mỹ. Công việc này có liên quan đến sự cần thiết phải thực hiện các minh họa trên máy tính.

Biên tập viên hệ thống chịu trách nhiệm về khâu lập các chương trình máy tính, hướng dẫn các nhân viên và phát hiện những hỏng hóc trong hệ thống máy tính.

Các nhóm chuyên trách được thành lập trực thuộc Tổng giám đốc và Tổng biên tập. Những nhóm nhân viên này xuất hiện chưa lâu và chịu trách nhiệm về việc nâng cao mức sinh lời của ấn phẩm.

Chủ biên thường trực - là nhân vật thường xuyên có mặt trong trụ sở ban biên tập và xử lý các bài vở do các phóng viên gửi tới. Nhân vật này điều phối hoạt động của các phóng viên thời sự, đưa ra các nhiệm vụ biên tập, báo cáo với Chủ nhiệm điều hành biên tập.

Như chúng ta thấy, biên chế của một tờ báo Mỹ tương đối nhỏ mà lại có quy mô rất đáng kể. Trong hai năm gần đây ở Mỹ và ở các nước Tây Âu đang diễn ra quá trình cắt giảm các chức vụ trong biên chế của ban biên tập các báo và tạp chí thông qua kiêm nhiệm chức năng và áp dụng kỹ thuật tối hiện đại.

Nếu ta đem phân tích biên chế ban biên tập của một tờ báo Đức, có số lượng phát hành 50 nghìn bản, thì có thể biết về một cách tổ chức

khác trong hoạt động của nhà báo. Trong một tờ báo như vậy Tổng biên tập quản lý 6-7 nhà báo trong biên chế. Những nhà báo này chịu trách nhiệm về hoạt động của các phòng biên tập, thường xuyên có mặt tại ban biên tập và lãnh đạo các nhân viên làm việc theo hợp đồng hoặc theo chế độ kiêm nhiệm. Cứ mỗi nhân viên biên chế lại có 5-6 người làm việc theo chế độ hợp đồng. Biên chế số nhân viên dưới quyền quản lý của Tổng giám đốc cũng có số lượng áng chừng như số lượng nhân viên cùng loại trong một tờ báo Mỹ.

Việc cắt giảm số nhân viên làm công việc sáng tạo đã không đưa đến kết quả tốt đẹp. Điều này thấy rõ qua kinh nghiệm của các nhà báo Pháp. Chẳng hạn, tờ báo ở Paris *Le Quotidien* đã giảm gần 2 lần số lượng nhà báo, nhằm qua đó tiết kiệm tài chính và đối phó với các khoản nợ. Kết quả là chất lượng các bài vở của tờ báo này kém hẳn đi, tính nhanh nhạy giảm. Thế là bạn đọc quay lưng lại với tờ báo này. Dĩ nhiên, các khoản thu nhờ quảng cáo cũng giảm.

Những năm gần đây người ta thấy xuất hiện một khuynh hướng đáng chú ý: các tờ báo trước kia chỉ hoàn toàn đăng quảng cáo thì giờ đây đã bắt đầu đăng các tài liệu thông tin và các bài viết có tính chất phân tích. Dĩ nhiên, tình hình này diễn ra ở những nước mà tại đó luật pháp cho phép các ấn phẩm quảng cáo và "các tờ rơi

quảng cáo miễn phí” được phép cạnh tranh với những ấn phẩm được phát hành theo chế độ đăng ký đặt mua hoặc bán lẻ.

Quảng cáo có truyền thống hậu thuẫn cho các chương trình giải trí và các buổi phát sóng vào giờ “prime time” - thời gian phát sóng buổi tối quý giá có đông người xem ghé nhất. Trong các năm 1990 ở Mỹ, tính trung bình, thời lượng quảng cáo buổi tối chiếm 15 phút 44 giây trên 11 giờ phát sóng. Chiếm vị trí số một trong số các Hãng phát thanh Mỹ là Hãng phát thanh ABC. Vào giờ “prime time” thời lượng quảng cáo là 16 phút 27 giây trên 1 giờ phát sóng. Chương trình hài “Sprortnight” được phát trên kênh này đã trở thành chương trình có nhiều quảng cáo nhất. Trong 1 giờ phát sóng thì những đoạn quảng cáo chiếm trung bình 19 phút 13 giây.

Việc trình chiếu đoạn kết của vở hài kịch truyền hình nhiều tập “Seinleld” đã được xen kẽ với quảng cáo mà giá của 30 giây phát sóng quảng cáo trong thời gian trình chiếu đoạn kết ấy đã là 2 triệu đôla.

Thương mại hóa báo chí, trong đó có trước nhất là ngành truyền hình, đã dẫn đến hậu quả là những chương trình có ý nghĩa xã hội bắt đầu nhường chỗ cho những chương trình giải trí có kèm theo quảng cáo trên kênh phát sóng. Điều này đặc biệt thấy rõ qua ví dụ về các chương trình giáo dục và thời sự truyền hình.

Hiện tượng các Hãng truyền hình quốc gia hàng đầu của Mỹ rơi vào tay các tổ chức độc quyền khổng lồ, sự phát triển kỹ thuật trong lĩnh vực thông tin đại chúng, sự gia tăng cạnh tranh trên thị trường truyền thông - những nhân tố này và một vài nhân tố khác đã thúc đẩy nhiều nhà chuyên môn đặt vấn đề hoàn toàn nghiêm túc về tương lai của các chương trình tin tức, về vị trí và vai trò của truyền hình trong đời sống, về tính chất của truyền thông đối với xã hội Mỹ. Tờ báo *The Christian Science Monitor*, trong loạt bài được đăng từ ngày 30-11 đến ngày 3-12-1987, đã xem xét nghiêm túc vấn đề này. Tờ báo này đã nêu rõ, ngay từ những năm 1980 các chương trình truyền hình thời sự đã gặp phải tình trạng khủng hoảng nghiêm trọng nhất kể từ thời điểm báo chí bước vào kỷ nguyên truyền hình. Người ta đã thấy rõ rằng các chương trình truyền hình thời sự phải xem xét lại một cách căn bản quan niệm của mình về mục tiêu và nhiệm vụ, cũng như những quan niệm về tin tức thời sự, để duy trì vị trí của mình với tư cách nguồn thông tin xã hội số 1.

Việc huỷ bỏ sự kiểm soát đối với thông tin trong chính sách của nhà nước đồng thời cũng xóa bỏ được nhiều hạn chế trong hoạt động của Ủy ban liên bang về thông tin - liên lạc (FCC). Việc này đã tạo điều kiện rất nhiều cho các đài truyền hình thoát khỏi yêu cầu phải đảm bảo có

các chương trình phục vụ công luận. Vì những người được bổ nhiệm đứng đầu các Hãng truyền hình quốc gia của Mỹ là những doanh nhân đầy óc tính toán, sẵn sàng thực hiện các vụ sa thải nhân viên và tuân theo các nguyên tắc thu lợi nhuận, cho nên các chương trình thời sự cũng bắt đầu được xem là phương pháp thu các khoản lợi nhuận bổ sung. Ngân sách hàng năm của các chương trình truyền hình thời sự thường xuyên tăng lên. Ví dụ, ngân sách các chương trình thời sự của Hãng "CBS News" trong những năm 1950 đã dao động trên dưới 1 triệu đôla, đến năm 1978 đã là 85 triệu đôla, và đến năm 1986 ngân sách ấy đã đạt 300 triệu đôla. Ở từng Hãng truyền hình quốc gia, ngân sách dành cho chương trình thời sự tuyên truyền lên đến 200 - 300 triệu đôla nhưng những khoản ngân sách ấy tuyệt nhiên không tương xứng với các khoản thu nhập từ các chương trình này. Bên cạnh đó, khả năng sinh lời hàng năm của tạp chí thông tin "60 phút" - đài CBS lại khá lớn, đem lại cho CBS khoản lợi nhuận 70 - 100 triệu đôla. Điều đó thúc đẩy tất cả các Hãng truyền hình quốc gia cố gắng mở rộng các chương trình thời sự "có tính chất giải trí". Những người lãnh đạo của các hãng lớn nắm quyền kiểm soát những Hãng truyền hình ấy vào năm 1986 và 1987 - là các ông Tômát Mócphi trong Hãng "Capital Cities" (ABC), Rôbớt Raitơ trong Hãng "General

Electronic" (NBC) và Laurenxơ Tiso ở Hãng CBS - đã từng gợi ý rằng: họ xem chương trình thời sự là hoạt động kinh doanh, cần theo dõi kết quả tài chính trong hoạt động của các chương trình ấy.

Về thực chất, ở buổi bình minh của lịch sử phát triển ngành truyền hình, các chương trình truyền hình thời sự ở Mỹ vẫn được người ta quen coi gần như là trách nhiệm xã hội thiêng liêng của các hãng. Các điều kiện để tiếp tục cấp giấy phép và những quy tắc do Ủy ban liên bang về truyền thông đề ra như "chủ thuyết công lý" - mà nay đã bị bãi bỏ - đã đòi hỏi các đài truyền hình phải có bằng chứng, chứng minh sự cân đối trong việc trình chiếu các chương trình phục vụ lợi ích của xã hội. Còn các chương trình giải trí có nhiệm vụ mang lại lợi nhuận.

Chi phí của các hãng truyền hình đã phần nào gia tăng do phải cạnh tranh trong việc tìm những người dẫn chương trình hấp dẫn. Cuộc cạnh tranh ấy đã đội số tiền trả lương cho Đen Rado lên gần 2,5 triệu đôla, cho Tôm Brocau lên đến 1,5 triệu đôla và cho Bacbara Uônteret lên đến 1,3 triệu đôla trong những năm 1980. Nhưng đó chưa phải là điểm tột đỉnh. Năm 2000, hợp đồng trả lương cho người dẫn chương trình nổi tiếng Lari Kinhphơ là 5 triệu đôla/năm. Vẫn cô dẫn chương trình Bacbara Uônteret ấy - người dẫn của một trong những

chương trình truyền hình nổi tiếng nhất là chương trình “20/20” - năm 2000 đã ký bản hợp đồng 5 năm với Hãng truyền hình ABC trị giá 12 triệu đôla/năm và trở thành nhà báo nữ được trả lương cao nhất thế giới.

Tuy nhiên, không phải tất cả các chương trình truyền hình thời sự đều trở thành các chương trình gây thua lỗ. Chương trình “20/20” của Hãng CBS đem lại khoảng 1/3 số tiền mà hãng này chi cho tất cả các chương trình thời sự của mình. Nhiều nhà quan sát, kể cả cựu Chủ tịch Hãng “CBS News” Risorót Xaylentơ, đã khẳng định rằng thành công của chương trình “60 phút” đã có ảnh hưởng đến thái độ của ban lãnh đạo đối với các chương trình thời sự. Xaylentơ nói: Chương trình “60 phút” đã chứng minh cho các hãng truyền hình thấy rằng thông tin tin tức có thể đem lại lợi nhuận”. Các chương trình “Today show” (Hãng NBC) và chương trình “Nightline” (Hãng ABC) cũng đem lại lợi nhuận.

Những người lãnh đạo các Ban thời sự thuộc các hãng truyền hình đều đồng ý rằng số biên chế trong mấy năm gần đây đã gia tăng quá mức. Hãng ABC đã cắt giảm khoảng 200 người - trong biên chế của các chương trình thời sự có biên chế 1470 người - kể từ khi Hãng “Capital Cities” mua nó, còn Hãng CBS đã cắt giảm khoảng một con số như vậy sau khi Tisơ lên lãnh đạo hãng này.

Cựu Chủ tịch Hãng CBS Phrenco Xtênton đã tuyên bố: “Giờ đây, khi Ủy ban liên bang về truyền thông đã nói bằng gậy áp lực đối với tính cân đối của các chương trình và việc Chính phủ bãi bỏ kiểm soát đã cho phép các đài địa phương đưa giải trí lên hàng đầu, chứ không phải các vấn đề xã hội, thì những thay đổi đang diễn ra vì những người rời khỏi sân khấu là những người thoát đầu đã trung thành với sự nghiệp truyền hình. Thay vào chỗ những người ấy là những con người hướng đến lợi nhuận, chủ yếu đó là những người đến từ lĩnh vực điều hành công việc tiêu thụ và quản lý những doanh nghiệp thương mại”.

Tương lai những chương trình thời sự của các hãng truyền hình quốc gia sẽ như thế nào? Đa số các nhà chuyên môn tiên đoán rằng số lượng người xem truyền hình sẽ tiếp tục giảm, bởi vì người xem truyền hình sẽ tìm cách sử dụng những khả năng mới để có được những tin tức thời sự. Những khoản ngân sách vốn đã eo hẹp của các chương trình thời sự sẽ bị cắt giảm nhiều hơn nữa. Con số 50 triệu người Mỹ mỗi tối tìm xem các chương trình thời sự của các hãng truyền hình quốc gia ngày càng đứng trước giải pháp phải lựa chọn:

- Người ta mở rộng chương trình thời sự của các hãng truyền hình địa phương. Trên khắp đất nước ngày càng có nhiều đài truyền hình bổ

sung những tin tức trong nước và tin tức quốc tế vào các tin tức địa phương;

- Những hình thức thông tin qua vệ tinh ngày càng có ý nghĩa lớn hơn;

- Các vệ tinh phát sóng trực tiếp sẽ cho phép người xem thu nhận được các chương trình thời sự đến từ khắp thế giới nhờ ăngten parabôn đặt trên nóc nhà của họ;

- Những chương trình thông tin liên kết cũng có triển vọng. Đài “Independent network” (INN) đã cung cấp dịch vụ thông tin đầy đủ cho nhiều đài truyền hình;

- Những chương trình thời sự phát liên tục trên kênh truyền hình cáp đảm bảo một hình thức phục vụ mà các hãng truyền hình quốc gia không thể cung cấp được.

Kênh truyền hình cáp “C - SPAN”, chẳng hạn, đã đưa tin về các phiên họp của Hạ viện và các buổi nghe tường trình, cũng như những sự kiện chính trị khác. Đài “Cable News Network” (CNN) hoạt động suốt ngày đêm thường phát sóng trong suốt thời gian đưa tin về sự kiện.

Sự lựa chọn khác là chương trình “Giờ tin tức của Manil Đêrêơ”, “Public Broadcasting Service” (PBS) là đài không chỉ đưa những tin tức quan trọng, mà còn phân tích những sự kiện quan trọng một cách sâu sắc hơn là các đài truyền hình quốc gia. Tạm thời đài PBS chưa tìm được tiền để trực tiếp cạnh tranh với sự thu thập tin

tức của các hãng truyền hình, nhưng nó cạnh tranh thắng lợi trong lĩnh vực sản xuất các chương trình phim truyền hình có tính chất tài liệu, đã giành được các giải thưởng “Êmi” về các chương trình thông tin nhiều hơn bất cứ hãng truyền hình thương mại nào.

Nhiều nhân vật thạo tin đang nghĩ đến việc thích ứng các chương trình thời sự với lợi ích của những giới công chúng đặc biệt. Đa số thừa nhận rằng vấn đề chủ yếu - nếu dùng cách nói của Chủ tịch Hãng “AB News” Run Eclêtgơ - “ở chỗ là khi người ta bắt kênh của đài chúng ta thì người ta đã có bao nhiêu thông tin rồi”. Còn Giôn Senxêlor, bình luận viên các tin tức thời sự buổi chiều của đài CBS, nói như sau: “Đừng cố gắng soạn các chương trình tin tức cho mọi người, mà cần phải lưu ý rằng mọi người đã biết những phần cơ bản về các tin tức thời sự rồi. Chương trình tin tức buổi tối phải có sự giải thích, bình luận, phân tích những tin tức ấy”. Bin Moiecxơ, cựu bình luận viên chương trình tin tức buổi tối của đài CBS đã rời bỏ hãng này để trở thành người độc lập đứng đầu kênh truyền hình xã hội, đã nói như sau: “Khi mọi người về đến nhà rồi thì họ không chỉ cần đến những nhan đề. Họ cần thấy có những sự đi sâu vào thực chất của các sự kiện, phải có sự phân tích, bình luận, giải thích và làm sáng tỏ, một cách trung thực, cân đối, nhưng mang tính chất nhà

báo... Hãng “CBS News” chết từ từ vì nó xa rời hiện thực... Tỷ lệ 5 -10% khán giả truyền hình, một tỷ lệ quan trọng, có đầu óc phê phán. Họ đã từng hy vọng có được những tin tức quan trọng từ đài “CBS News”, nhưng họ đã thất vọng, vì phát hiện thấy rằng thời gian quý giá của họ bị lãng phí vào những loại tin tức vô bổ không cần thiết hoặc mang tính chất giải trí mà họ có thể có được một cách tốt hơn trong chương trình “Những giải trí buổi tối”. Một trong số những ý tưởng được thảo luận rộng rãi trong các hãng truyền hình là kéo dài chương trình thời sự buổi tối. Đặc biệt ý tưởng này nhận được sự hậu thuẫn của Moiecxơ, Chủ tịch Hãng “CBS News” Hôvacđơ Xtơrinhơ và người dẫn chương trình của đài CBS Đên Rado. Ông Rado nói: “Tôi muốn thử dẫn chương trình thời sự kéo dài 1 giờ vào lúc 9 giờ tối”. Chủ tịch Hãng “NBC News” Laurenxơ Grôxmen muốn thấy “9 phút kết hợp - 3/4 giờ dành cho tin tức địa phương, sau đó là 3/4 giờ dành cho tin tức trong nước”. Nguồn tin tức khác đưa tin địa phương và không có quan hệ với các hãng truyền hình quốc gia - đó là Hãng truyền hình “Conec”. Phó Chủ tịch Hãng này là ông Xtenli Hapbacđơ cho rằng sự hợp tác trong thu thập tin tức là câu trả lời cho tình trạng người ta giảm sự quan tâm đến các chương trình tin tức buổi tối của các Hãng truyền hình quốc gia. Được thành lập năm 1984, Hãng

truyền hình “Conec” sử dụng kỹ thuật vệ tinh tối tân nhất để truyền những tin tức phần nào được soạn ra từ những tin tức của các đài truyền hình thành viên của hãng, phân phối thời lượng phát sóng trên các kênh vệ tinh và truyền nhiều tài liệu thông tin trực tiếp và những tài liệu thông tin đặc biệt được ghi vào băng. Hapbacđơ nói: “Giờ đây những chương trình tin tức của các hãng truyền hình quốc gia đưa tin sâu, đầy đủ về 3 - 4 sự kiện, vậy mà mấy năm trước đây họ chỉ đưa tin nhanh, sơ lược cho khoảng 19 đề tài. Chúng ta để lại nhiều tin tức quan trọng cho các đài địa phương chuyển tải. Chúng ta chia sẻ các nguồn lực của mình để chuyển tải tốt hơn những tin tức chủ yếu. Nhiệm vụ chủ yếu của Hãng truyền hình “Conec” là cung cấp những tài liệu tin tức mà các đài truyền hình địa phương muốn có được. Chúng ta không tiếp cận được khâu phát sóng. Chúng ta chỉ đơn giản bán chương trình, còn họ thì trình chiếu chương trình ấy trên làn sóng của mình”. Trong quá trình diễn ra những cuộc trao đổi giữa các phóng viên báo *The Christian Science Monitor* với 22 chuyên gia chủ chốt về các chương trình tin tức, đã có hai nhà lý luận khả kính về các phương tiện thông tin đại chúng - đó là các ông Bin Moiecxơ và Tet Copen - đã lên tiếng kiên quyết phản đối - như lời họ nói - những khiếm khuyết của các phương tiện thông tin đại chúng ấy. Ông Moiecxơ, người

được mệnh danh là “lương tâm của ngành truyền hình Mỹ”, đã đưa ra câu hỏi thế này: “Phải chăng những buổi phát sóng ở nước ta vẫn sẽ chỉ được dùng để giải khuây và làm cho sự chú ý của chúng ta hướng vào vấn đề khác. Hay là những buổi phát sóng là tài sản chung của chúng ta và sẽ được sử dụng để cung cấp tin tức cho chúng ta, giáo dục chúng ta, liên kết chúng ta lại? Phải chăng chúng ta sẽ vẫn ngồi trong các phòng khách để chế giễu những vở kịch hài hước, cho phép người ta làm cho chúng ta không chú ý đến những điều đang huỷ hoại mình với tư cách là một xã hội văn minh?”.

Sự liên kết giữa kinh doanh thông tin với tư bản công nghiệp - tài chính là một trong những khuynh hướng phát triển của báo chí thế giới. Trên thực tế, hiện tượng này biểu hiện trong tất cả các nước trên thế giới, trong đó cả ở nước Nga. Kinh nghiệm của quốc gia hùng mạnh nhất về phương diện thông tin - nước Mỹ - đã được phân tích và tổng kết trong tác phẩm chuyên khảo của E. S.Andrunát có nhan đề “Đăng cấp thông tin: các tập đoàn thông tin và thị trường tin tức”. Tác giả đặt câu hỏi: giữa Hécxơ và Mecđốc khoảng cách có lớn không? Và tự tác giả trả lời: “Về phương diện thời gian thì khoảng cách ấy không lớn lắm, thậm chí họ có thể gặp mặt nhau, bởi vì một năm sau khi Hécxơ qua đời thì Mecđốc đã thừa kế Công ty xuất bản của

cha mình. Có nhiều tờ báo của Mecđốc tại các châu lục khác nhau đã gây nên những vụ tai tiếng và các sự kiện giạt gân, chẳng khác gì đã xảy ra vào thời ông Hócxtơ còn sống. Cả hai nhân vật này đều xuất thân từ những gia đình khá giả, cả hai đều kế thừa những tờ báo từ người cha của mình, cả hai đều ham mê tiền bạc và quyền lực, và đã đạt được ước nguyện ấy. Tưởng chừng như giữa Hócxtơ và Mecđốc có khoảng cách không lớn, vậy mà khoảng cách ấy lại rất lớn. Đó là hai con người thuộc về hai thời đại khác nhau; nhân vật thứ nhất thuộc về thế kỷ công nghiệp, nhân vật thứ hai có thể là hiện thân của thế kỷ thông tin.

Mặc dù hết sức hám danh, nhưng Hócxtơ chưa bao giờ nghĩ đến chuyện thiết lập một đế chế báo chí thế giới. Ông ta quan tâm đến các sự kiện ở bên ngoài nước Mỹ chỉ vì những động cơ chính trị hoặc vì những động cơ thương mại - điều này thường xảy ra nhiều hơn. Nhưng Mecđốc lại tìm cách thiết lập một hệ thống thông tin toàn cầu. Những đường nét của hệ thống ấy đã hiện lên rõ và nhiều thành tố của nó đã hoạt động có kết quả. Dĩ nhiên là Mecđốc không chỉ đứng một mình trên thị trường thông tin đại chúng thế giới. Nhưng không còn hoài nghi gì cả, chính ông ta là người đứng đầu "tổ hợp thông tin - tuyên truyền xuyên quốc gia".

Tác giả đi đến những kết luận quan trọng.

Đối với những tổ chức độc quyền thông tin lớn nhất và hùng mạnh nhất thì thật sự không có những đường biên giới. Dĩ nhiên, đó không chỉ là những Mecedec, mà có cả các Hãng "Time Warner", "Hannet", các mạng lưới truyền hình hàng đầu, một số tập đoàn khác. E.S.Andrunát nêu rõ: "Do đó, lại nổi lên vấn đề chủ nghĩa đa nguyên, nhưng giờ đây trên phạm vi quốc tế rồi. Đương nhiên, bản thân chủ nghĩa đa nguyên không có gì mới, bởi vì sự thao túng của các chương trình Mỹ trên các màn ảnh truyền hình thế giới là vấn đề đã được đem ra thảo luận không phải trong một thập kỷ. Nhưng việc thiết lập các hệ thống thông tin toàn cầu đã đem lại một tính chất nhạy bén mới cho vấn đề này. Độc quyền hay là chủ nghĩa đa nguyên? Nếu đem áp dụng vào "ngôi làng toàn cầu", theo kinh nghiệm của nước Mỹ thì câu trả lời sẽ không được lạc quan đâu".

Và đây nữa, lại thêm một nhận xét quan trọng và hoàn toàn không phải không còn tranh cãi: "Những tổ chức tuyên truyền độc quyền xuyên quốc gia bị phê phán một cách chính đáng vì những tổ chức ấy tập trung trong tay mình phạm vi kiểm soát chưa từng thấy trên thị trường thông tin thế giới, phong tỏa không cho các hãng khác tiếp cận, vì họ giàu có và hùng mạnh bằng. Vì muốn nhấn mạnh sự hùng mạnh về tài chính của các tổ chức độc quyền quốc tế

lớn nhất, người ta thường hay đem so sánh nguồn lực của nó với các nguồn lực của hàng loạt nước. Về phương diện này, các tập đoàn thông tin đại chúng hoàn toàn không phải là ngoại lệ. Ví dụ, Hãng "Time Warner" vừa được thành lập thông qua việc sáp nhập có tài sản trị giá 18 tỷ đôla. Con số này lớn hơn tổng sản phẩm quốc dân của các nước Gioócđani, Bôlivia, Nicaragua, Anbani, Lào, Libêria và Mali gộp lại.

Nhưng, trong khi tán thành chỉ trích các tổ chức độc quyền xuyên quốc gia, người ta không thể không nhận thấy vai trò tiến bộ to lớn mà các tổ chức độc quyền này - bất chấp những khuyết tật của chúng - có thể và phải nắm giữ trong việc hình thành cộng đồng thống nhất của nhân loại, khắc phục những rào cản giữa các nước và các dân tộc, phá huỷ những khuôn mẫu và định kiến. Chính các cơ cấu thông tin đại chúng xuyên quốc gia, bên cạnh sự liên kết kinh tế, còn phải trở thành cơ sở của một thế giới gắn bó và phụ thuộc lẫn nhau".

Chúng ta hãy theo dõi tiếp những suy nghĩ của tác giả Audrunát, trở lại bàn về Hócxtơ và Mecđóc - những con người cụ thể đứng ra lãnh đạo các cơ cấu thông tin đại chúng xuyên quốc gia. Chính những con người ấy sẽ áp đặt những quan điểm của mình cho hàng tỷ người, trong cái "thế giới gắn bó và phụ thuộc lẫn nhau" ấy. Điều này cho phép - trên cơ sở có tính đến bản

tính của các đại diện đẳng cấp thông tin - đưa ra một kết luận nữa: chủ nghĩa đa nguyên vẫn sẽ là điều mơ ước không thể thực hiện được. Vấn đề tuyệt nhiên không phải ở các cá nhân - định hướng mục tiêu kinh tế thúc đẩy người ta tiếp tục tập trung hơn nữa và độc quyền hóa hơn nữa.

Vì các phương tiện thông tin đại chúng hòa nhập vào hệ thống kinh tế - tài chính hiện hành ở một nước nào đó, nên những phương tiện ấy quan tâm đến sự ổn định và sự phát triển của hệ thống này. Điều này thường thể hiện qua nội dung của các tài liệu thông tin được in ấn hoặc được phát sóng. Ví dụ, tại không ít nước phương Tây, nhiều khi người ta công bố các tài liệu phê phán hành động của chính quyền, nhưng không thể tìm thấy được những bài viết phê phán thiết chế tư hữu - cơ sở của mọi cơ sở định hình hệ thống kinh tế - tài chính và các hệ thống xã hội ngày nay ở phương Tây.

Những tập đoàn lớn nhất, ngay cả những tập đoàn mà hoạt động kinh doanh của họ xa lạ với hoạt động kinh doanh thông tin, cũng có những quan hệ chặt chẽ với các phương tiện thông tin đại chúng. Để lấy ví dụ, chúng ta hãy xét đến 3 tập đoàn công nghiệp ô tô lớn nhất.

“Quảng cáo là động lực của thương mại”. Chúng ta thấm nhuần chân lý ấy từ tuổi thơ ấu. Tưởng chừng như chúng ta sẽ không khám phá ra điều gì khác thường nếu thâm nhập vào mối

quan hệ giữa các doanh nhân và báo chí. Nhưng thực tế thì trong các điều bình thường nhất ấy vẫn có thể tìm được một điều gì đó mới mẻ.

“Hãng Ford và báo chí” là một đề tài bất tận. Số là những quan hệ giữa họ với nhau hoàn toàn không chỉ giới hạn ở khâu quảng cáo. Ví dụ, khi cô Saclôtta Ford, con gái của ông vua hùng mạnh nhất trong ngành công nghiệp ô tô là Henry Ford II, lần đầu tiên ra mắt xã hội, thì tại Đitoroi, thủ đô ngành công nghiệp ô tô của nước Mỹ, đã diễn ra buổi dạ hội lớn của gia đình. Như tính toán của phóng viên đặc biệt tạp chí *Time*, 1270 vị khách đã ăn hết 5000 chiếc bánh xăng-úych, 2160 quả trứng, 100 pao thịt, uống hết 500 chai rượu “Quyvédôm Pêrin” thuộc vụ thu hoạch nho năm 1949 và 720 chai rượu úytxki. Để trang hoàng tòa nhà mở tiệc người ta đã sử dụng 2 triệu tấn mộc lan. Buổi dạ hội ấy đã làm cho người cha hết lòng yêu thương con cái ấy tiêu hết 250 nghìn đôla.

Giới báo chí thường xuyên và không ngừng chú ý đến gia đình Ford. Đối với người Mỹ chiếc ô tô gần như là thành viên trong gia đình. Đó là lý do tại sao những câu chuyện huyền thoại về nhân vật sáng lập ra triều đại của ông vua ô tô cứ loan truyền từ tờ tạp chí này sang tờ tạp chí khác, từ tờ báo này sang tờ báo khác.

Ông Đờ Vít Uôletxơ, người sáng lập ra tờ tạp chí được nhiều người đọc nhất trên thế giới là

Reader' Digest, cho rằng cần giới thiệu rộng rãi với người đọc về tiểu sử ông Ford, bởi vì bản tiểu sử ấy chứa đựng những ước mơ lý tưởng của người Mỹ. Henry Ford đã kết hợp được tài năng của nhà thiết kế và sự nhanh nhạy của “con sói” ở nhà kinh doanh, ý thức sẵn sàng chịu rủi ro cộng với năng lực tổ chức xuất chúng, thái độ khinh thường chuẩn mực đạo đức đi đôi với tính tháo vát của một chính khách.

Deinlo, Bedor, Paccador, Uylit và nhiều nhân vật khác đã làm nghề sản xuất ô tô, nhưng Henry Ford, một trong số những tay đua ô tô đầu tiên, có lẽ đã vượt lên trước tất cả những nhân vật kia. Năm 1892 chiếc ô tô đầu tiên của Hãng Ford ra đời, nhưng hai Công ty sản xuất xe ô tô đua - do ông ta lập ra - đã tiêu ma. Năm 1903 ông ta đã vay mượn của bạn bè 28 nghìn đôla, mua sắm thiết bị và bắt đầu sản xuất loại ô tô nhắm vào người tiêu dùng không giàu có. Trong lời quảng cáo ông viết như sau: “Ô tô làm việc bằng 3 con ngựa. Các vị đứng trước mỗi đe dọa thường xuyên là con ngựa của quý vị sẽ ngã gục, trong khi ấy chiếc ô tô thì lúc nào cũng có thể sửa chữa được”.

Người ta đã có lý khi cho rằng Henry Ford là người có công lao chủ yếu trong việc tạo ra chiếc ô tô rẻ tiền. Nếu không có lòng trung thành cuồng tín của ông đối với sự nghiệp và cố gắng sản xuất ra chiếc ô tô rẻ tiền thì ô tô cho đến nay

vẫn chỉ là thứ đồ chơi đắt tiền dành cho những người giàu có. Năm 1908, Henry Ford đã thiết kế "Model-T" - đó là loại ô tô cho đến nay vẫn là loại ô tô rất tốt. Nó có khả năng di chuyển trên những con đường làng lầy lội nhất, nhún nhảy uyển chuyển như loài vật có 4 chân trên những đường mấp mô. Có thể cho nó chạy giạt lùi và tiến về phía trước.

Trong số những khách hàng đầu tiên mua chiếc ô tô "Ford" có cả Giôn Đilinhgiơ, một tướng cướp khét tiếng khắp nước Mỹ. Hắn đã sử dụng loại xe này để thực hiện các vụ cướp ngân hàng và cũng dùng xe này để chạy trốn cảnh sát. Rất hâm mộ chiếc xe này, hắn gửi cho Ford bức thư: "Tôi muốn gặp ngài. Chiếc xe của ngài thật tuyệt trần. Được lái chiếc xe này thật sự là một điều vui sướng. Tôi biết ơn ngài vì tôi có thể để cho bất cứ kẻ nào đuổi bắt tôi đều phải hít khói của chiếc xe Ford thải ra. Chúc ngài mọi điều tốt đẹp". Ông Ford đã lập tức cho công bố trên tất cả các tờ báo bức thư thật cảm động của tên tướng cướp ấy: thêm một sự quảng cáo không tồi!

Nhân tố đóng vai trò to lớn trong thành công của Hãng Ford là phương pháp tổ chức mới trong lao động. Phương pháp này đề ra việc phân nhỏ các thao tác, tổ chức dây chuyền và nhiều điều khác nữa. Đối với nhiều công nhân, nhà máy của Ford đã trở thành một loại nhà tù ồn ào. Ông Ford đã giải quyết vấn đề này sau

khi tăng mức tiền công lên 5 đôla. Ông ta quảng cáo rùm beng ý tưởng này như là một hành động nhân đạo. Trên thực tế, đó là một trò lừa bịp thông thường. Tuy nhiên, những nhà công nghiệp khác đã tỏ ra hết sức phẫn nộ. Họ gọi Henry Ford là một phần tử theo chủ nghĩa xã hội, một phần tử cấp tiến ...

Sự việc sau đây đã nói lên thái độ vô nguyên tắc của Henry Ford. Ông ta đã tiến hành kiện Hiệp hội các xí nghiệp công nghiệp sản xuất ô tô về chuyện độc quyền bằng sáng chế Xenden. Kết quả, Tòa án tối cao đã phán quyết rằng các bằng sáng chế của Hiệp hội Xenden tuy vẫn còn hiệu lực, nhưng không thể áp dụng đối với các xe ô tô của Mỹ. Thế là Hiệp hội các xí nghiệp công nghiệp sản xuất ô tô đã bị phá sản. Hãng Ford đã có thể phát triển mà không gặp trở ngại gì.

Henry Ford đã luôn luôn tích cực sử dụng báo chí vào những mục đích của mình. Ông ta quảng bá rộng rãi những ý tưởng và những chính kiến của mình thông qua tờ báo *The Dearborn Independent* do ông ta xuất bản ở Dearborn. Đã có thời kỳ, số lượng phát hành của tờ báo này lên đến 700.000 bản. Trên tờ báo này, Henry Ford hiện ra trước mắt công chúng Mỹ như là một phần tử hiếu chiến của chủ nghĩa bài Do Thái, hăm dọa Hitle. Năm 1938 ông thậm chí được nhận huân chương "Thập ngoặc sắt". Henry Ford coi đây là một trong những thành tựu cao

nhất trên bước đường công danh của mình. Năm 1947, sau khi Henry Ford I qua đời, ông đã được tôn vinh như là một công dân vĩ đại của nước Mỹ. Vậy là, quan hệ thân thiết với báo chí đã giúp ông ta cả sau khi qua đời.

Người đứng đầu hãng ô tô này sau đó (ngay từ năm 1945, trước khi ông già Ford qua đời) là cháu nội của ông ta - Henry Ford II.

Những ông chủ mới của hãng ô tô này vẫn tiếp tục mối quan hệ thân thiết có lợi với giới báo chí. Trong một thời gian dài sau khi được thành lập, Quỹ Ford là nhà tài trợ thường xuyên cho tất cả các đài phát thanh và truyền hình phi thương mại. Điều này đã giúp Quỹ bước vào hàng ngũ những tổ chức từ thiện có danh tiếng nhất.

Ngày nay, tập đoàn này đang trải qua thời kỳ phức tạp. Chẳng hạn, Hãng tin Nga Novosti ngày 11-1-2002 đã đưa tin cho biết Hãng Ford có ý định cắt giảm, trong thời gian trước mắt, 35.000 nhân công. 22.000 trong số chỗ làm việc bị cắt giảm là của các nhà máy ở nước ngoài, trước hết là ở Canada. Chủ tịch của hãng, ông Uylam Clâyphoocđơ, tại cuộc họp báo đã tuyên bố rằng hiện còn chưa biết lúc nào sẽ diễn ra đợt cắt giảm chỗ làm việc. Ông này giải thích rằng những đợt cắt giảm diễn ra là do có nhu cầu cải tổ ngành công nghiệp ô tô. Nhờ đó mà trong tương lai toàn bộ ngành sản xuất này sẽ được lợi. Trong khuôn khổ cải tổ căn bản hoạt động sản

xuất, ban lãnh đạo của hãng đã quyết định rút ra khỏi dây chuyền sản xuất 4 kiểu ô tô “Ford”.

Ban lãnh đạo đã hứa làm mọi việc có thể để việc cắt giảm chỗ làm việc diễn ra chủ yếu không phải dưới hình thức sa thải trực tiếp, mà bằng con đường cho người lao động nghỉ hưu sớm.

Trong suốt các thời kỳ tồn tại của Hãng ô tô “Ford” người ta đã và đang đặc biệt chú ý đến khâu quảng cáo. Như nhận xét của các chuyên gia, tình trạng những người chịu trách nhiệm về hoạt động quảng cáo không nắm vững những nguyên tắc cơ bản trong khâu lập kế hoạch là nguyên nhân chủ yếu khiến cho hàng hóa, dịch vụ cũng như các ý tưởng được chuyển đến thị trường một cách chậm chạp. Trong Hãng Ford, người ta sử dụng mọi phương pháp để đưa thông tin đến người tiêu dùng. Đó là: đăng quảng cáo trên các ấn phẩm định kỳ, xuất bản và phát hành những tài liệu quảng cáo đặc biệt, sử dụng các phương tiện phát sóng, tổ chức những triển lãm cố định và lưu động, tiến hành quảng cáo trong các rạp chiếu phim... Ngoài ra, hãng còn tích cực sử dụng hình thức quảng cáo ngoài phố, kể cả hình thức quảng cáo trên các phương tiện vận tải. Tại những nơi bán hàng người ta trưng lên những biểu tượng, những chỉ dẫn, v.v.. Một hình thức quảng cáo không thể thiếu được là trao các vật kỷ niệm và quà tặng, khiến cho người mua và đồng đạo bạn bè của người mua

nhớ lâu. Nói tóm lại, quảng cáo là một việc làm nghiêm túc và đòi hỏi những chi phí to lớn. Thông thường người ta không tiếc tiền chi cho khâu quảng cáo. Vì đằng nào thì người mua cũng trả các khoản chi phí ấy.

Giờ đây, Hãng Ford đang tiếp tục dùng báo chí để đạt được những lợi ích to lớn, chẳng hạn, trong tổ chức sản xuất. Tại các nhà máy sản xuất ô tô của hãng, người ta xuất bản một số ấn phẩm thuộc loại tạp chí và báo. Các chuyên gia coi tờ báo có số lượng phát hành lớn, tờ *Ford Workers*, là một trong những tờ báo rất được chính trị hóa. Dành cho các cán bộ quản lý thì có bản tin về quan hệ với công nhân. Các tạp chí được dùng làm cầu nối dành cho tầng lớp cán bộ điều hành cấp trung gian ở tất cả các xí nghiệp của hãng. Người ta gửi đến tận nhà cho nhân viên những bức thư của ban lãnh đạo về những vấn đề nóng hổi.

Trong điều kiện có sự cạnh tranh gay gắt với các hãng khác của Mỹ và có sự tấn công của các hãng sản xuất ô tô của Nhật Bản vào thị trường Mỹ, các nhà lãnh đạo Hãng "Ford Motor" và các Công ty con đặc biệt chú ý đến các đài phát thanh và truyền hình. Nếu như biết rằng trong các xe ô tô của người Mỹ có lắp đặt 179 triệu chiếc máy thu thanh, thì người ta thấy rõ hơn ý nghĩa những khoản chi phí "từ thiện" của Quỹ Ford vào việc hỗ trợ các đài phát thanh và

truyền hình phi thương mại.

Các doanh nhân Mỹ không ném tiền qua cửa sổ. Họ biết rõ rằng ngay cả những báo chí không đem lại lợi nhuận cũng có khả năng thúc đẩy rất hữu hiệu vào sự hưng thịnh của hãng. Những khoản phí “phi sản xuất”, chi cho hoạt động báo chí và cho các nhà báo được bù đắp hàng trăm lần.

“Cái gì tốt đối với Hãng “General Motors” thì cũng tốt đối với nước Mỹ”.

Phải chăng đó là phương châm tuyệt hảo đối với quảng cáo? Những lời nói ấy có khác đôi chút với những lời phát biểu vào năm 1953 của Chủ tịch Công ty ô tô khổng lồ Saclơ Uynxon trong thời gian Ủy ban của Thượng viện thảo luận việc đề cử ông vào chức Bộ trưởng Quốc phòng. Số là, trước câu hỏi: liệu ông ấy có sẵn lòng bán đi các cổ phần của ông ta trong tập đoàn ô tô ấy không, thì Uynxon trả lời: “Cái gì tốt đối với Hãng “General Motors” thì cũng tốt đối với toàn bộ đất nước”. Nhưng dù gì đi nữa, những câu nói ấy của vị quan chức này đã xuất hiện trên tất cả báo chí thế giới và làm cho tập đoàn này trở nên nổi tiếng hơn.

Vậy điều gì là tốt đối với Hãng “General Motors”, hãng cạnh tranh đầu tiên và chủ yếu đối với các nhà máy ô tô của Hãng Ford? Dĩ nhiên, điều tốt ấy là lợi nhuận. Chúng ta hãy xem, bằng những cách nào mà hãng độc quyền

không lỗ ấy đạt được lợi nhuận và lịch sử của hãng ô tô này là như thế nào.

Ở Mỹ, Hãng Ford không phải là hãng đầu tiên duy nhất trong ngành chế tạo ô tô. Đến năm 1908, khi Henry Ford chế tạo mẫu ô tô "Model-T" của mình, thì Uylam Đuyrăng đã sở hữu xí nghiệp sản xuất ô tô lớn nhất. Trước kia ông ta khởi sự trong ngành sản xuất loại xe ngựa sang trọng, do đó ông đã áp dụng thành công những phương pháp đã tinh thông trong việc mở rộng đế chế "General Motors" của mình. Những bước đi ban đầu độc lập của Đuyrăng tỏ ra rất thành công. Năm 1885, khi mới tròn 24 tuổi, Đuyrăng làm nhân viên bảo hiểm ở Phlinhtơ, bang Mighigan. Cùng với đồng sự G.Đ.Đoocơ, họ đã mua bằng sáng chế về hai kiểu xe ngựa 2 bánh, rồi ký hợp đồng với nhà thầu phụ về sản xuất loại xe này, bản thân ông ta thì làm công việc tiêu thụ sản phẩm.

Cuộc làm quen đầu tiên với quảng cáo đã diễn ra. Quá trình cấu trúc hóa thị trường đã giúp tìm ra cách tiếp cận với những khách hàng là các nông dân có thái độ nghi ngờ. Để bán những chiếc xe ngựa 2 bánh ấy, người ta đã sử dụng các trung tâm thương mại chuyên tiêu thụ các thiết bị nông nghiệp có những hệ thống quảng cáo đã hình thành.

Công việc kinh doanh của Hãng vận tải "Đuyrăng - Doocơ" đã thành công đến mức

khiến bản thân hãng đã quyết định tự tiến hành sản xuất những chiếc xe ngựa 2 bánh. Ở tuổi 40, Đuyrăng đã trở thành nhà triệu phú. Sau khi quyết định thiết lập đế chế công nghiệp của mình, Đuyrăng đã mua Hãng Buis motor - một hãng nhỏ đã rơi vào tình trạng khó khăn. Sự khởi đầu đã diễn ra.

Chẳng bao lâu sau cơ ngơi của Đuyrăng đã lớn mạnh lên: ông ta đã bán được nhiều ô tô hơn là Hãng Ford. Sau khi thất bại trong ý đồ hợp nhất bốn Công ty lớn nhất về sản xuất ô tô - "Buis motor", "Maxuell Motor Company", "Reo Motor" và "Ford Motor", Đuyrăng đã thành lập Hãng "General Motors", gồm các Hãng "Buis Motor", "Cadillac", "Oldsmobile" và "Auckland" sau này là Hãng "Pontiac", 5 hãng sản xuất ô tô khác, ba công ty sản xuất ô tô tải, mười xí nghiệp sản xuất phụ tùng thay thế. Sự phát triển nhanh chóng của Công ty đã dẫn đến những khó khăn tài chính. Các chủ ngân hàng cung cấp tín dụng đã lấy 12,5 triệu đôla tiền hoa hồng cộng với các cổ phần của Hãng "General Motors" trị giá 6 triệu đôla. Theo chỉ thị của các chủ ngân hàng - họ chỉ quan tâm đến lợi nhuận, chứ không phải việc mở rộng sản xuất - tất cả các doanh nghiệp con đã được hợp nhất lại, còn những xí nghiệp nhỏ không sinh lời thì bị giải thể. Chính trong thời kỳ này các nhân vật Saclo Nêso và Walter Chrysler đã trở thành những

nhân vật đứng đầu ban lãnh đạo hãng. Còn Đuyrăng, sau khi hợp sức với kỹ sư cơ khí người Thụy Sĩ Lui Sêprônle, đã bắt đầu sản xuất loại ô tô rẻ tiền cạnh tranh với xe của Hãng Ford. Loại xe mới thành công lớn đến mức Đuyrăng đã tìm cách thu hồi lại cho mình Hãng "General Motors" đã gắn với gia đình Đuypông. Cấu trúc lỏng khởm của Công ty do Đuyrăng thiết lập đã được thay thế bằng một hệ thống tôn ti điều hành rõ ràng. Đã xuất hiện các nhóm cố vấn có trình độ chuyên môn cao và ủy ban chuyên viên. Đã củng cố tổ chức tiêu thụ thành phẩm. Người ta đã có cách nhìn mới đối với quảng cáo cũng như đối với khâu quan hệ với công luận.

Như phát biểu của nhà nghiên cứu người Mỹ B.Xêlinhmen, "đã xuất hiện kỷ nguyên của những doanh nhân mặc y phục màu xám với những lối hành động kín đáo".

Ở một số hãng công nghiệp, các phòng "public relation" đã xuất hiện vào đầu thế kỷ, ở nhiều hãng khác thì những phòng nghiệp vụ ấy xuất hiện vào những năm 1920 và 1930. Tập đoàn "General Motors" có những bộ phận và thường xuyên nhờ đến sự giúp đỡ của các hãng chuyên doanh về "public relation". Người ta đã phải giải quyết vấn đề quan hệ giữa các bộ phận nghiệp vụ về quảng cáo và về quan hệ với công luận. Công việc này không đơn giản, bởi vì ngay cả các nhà chuyên môn cũng không có ý kiến thống

nhất về chức năng của bộ phận quảng cáo và của bộ phận phụ trách “public relation”. Thật vậy, thật khó xác định được giới hạn của khâu quảng cáo và sự mở đầu của khâu “quan hệ với công luận”. Các nhân viên phụ trách quan hệ với công luận xem công việc quảng cáo cho các thiết chế, ý tưởng và các cá nhân là đặc quyền của mình, nhưng họ cũng can thiệp mạnh vào những khâu then chốt của các hãng quảng cáo, có những hoạt động ít nhiều liên quan đến khâu tiêu thụ sản phẩm. Đến lượt mình, công nghiệp quảng cáo đã đạt đến mức độ phát triển, khiến người ta trao cho nó việc trình bày hình thức tuyên truyền và tiến hành những chiến dịch vận động chính trị. Bằng cách này hay cách khác, các tập đoàn công nghiệp đều quan tâm đến việc tạo mối quan hệ thân thiết với giới báo chí. Và họ tích cực phấn đấu để có được quan hệ thân thiết ấy. Trước hết là để tạo ra và quảng bá hình ảnh hấp dẫn của tập đoàn.

Điều đáng chú ý là cụm từ “hình ảnh của tập đoàn” lần đầu tiên đã được dùng trong một bài báo đăng năm 1953, mặc dù các tập đoàn, bộ phận quảng cáo và bộ phận phụ trách khâu “public relation” đã tồn tại từ lâu rồi. Hơn thế nữa, ngay từ đầu thế kỷ XX A.Li đã xây dựng thành công hình ảnh tốt đẹp của nhân vật Rốcpheolơ, giới thiệu với công chúng về nhân vật này như là nhà từ thiện, bạn của các em nhỏ và

là một con chiên kính Chúa. Người ta bắt đầu hiểu cụm từ “hình ảnh của tập đoàn” không chỉ đơn giản là ấn tượng hình thành tự phát ở mỗi người, mà là ấn tượng được các phương tiện thông tin đại chúng khác nhau tạo dựng nên một cách có chủ đích. Đó đồng thời còn là luận thuyết mang khía cạnh ý thức hệ, có ý nghĩa về mặt tổ chức và nội dung, dưới một hình thức hoàn chỉnh.

Hình ảnh của Hãng “General Motors”, một trong số “ba chị em” - những hãng độc quyền sản xuất ô tô lớn nhất của Mỹ - được nhào nặn bởi những chuyên gia có trình độ chuyên môn cao, am hiểu công việc. Hơn nữa, không chỉ “để bán sản phẩm”, mà còn để “sử dụng nội bộ” - phục vụ cho việc lãnh đạo công nhân của hãng. Nếu như trước kia, những nhân vật quản trị có thể phát biểu công khai, thẳng thừng như: “Các vị hãy làm việc nhanh hơn và tốt hơn, nếu không, chúng tôi sẽ thuê người khác thay thế”, hoặc “Nếu các vị không muốn làm việc với mức lương cũ thì chúng tôi sẽ thuê mướn những người khác”, thì ở thời đại mới những câu nói như thế không được chấp nhận. Trên cơ sở những phương châm đề ra là xây dựng “các quan hệ con người trong công nghiệp” và những khuyến cáo về việc “giáo dục tinh thần tập đoàn” trong các xí nghiệp của Hãng “General Motors” những cán bộ quản lý ngày nay biết rõ “hơi thở của các chàng trai công nhân” và họ

hoạt động tuân theo khuyến cáo của các nhà tâm lý học, xã hội học và của những chuyên gia các ngành khác. Sự kết hợp tinh thần dân chủ trong điều hành với sự theo dõi sát sao động thái của công nhân cho phép người ta có được sự kiểm soát tổng lực và, trên cơ sở ấy đạt được hiệu quả sản xuất cao. Như nhận xét đã được nêu nhiều lần của các nhà nghiên cứu, chỉ cần ai đó đưa ra trên báo chí những ý kiến khác với quan điểm của những người lãnh đạo của hãng là có thể bị sa thải mà không có được bất kỳ sự bồi hoàn nào. Những khoản tiền khen thưởng (lên đến 30% tiền lương), có thể bị hủy bỏ, tùy vào sự tùy tiện của giới quản trị. Nhưng ở đây, có thể phát huy hiệu lực của nhân tố “xây dựng hình ảnh cho hãng”: đôi khi mua chuộc đôi - ba người còn dễ dàng hơn là “để mất thể diện”. Thế diện quý báu hơn mà!

Ở nước Mỹ ô tô không chỉ là phương tiện di chuyển, mà còn là biểu tượng nhất định về sự thành đạt. Người Mỹ bắt đầu quy đồng bản thân với chiếc xe ô tô của mình. Chiếc ô tô càng lộng lẫy, càng mới thì danh tiếng người sở hữu nó càng cao. Nhưng do giá xăng dầu tăng cao, và những khó khăn về chỗ đỗ xe, cho nên ngày càng có nhiều người Mỹ chuyển sang những chiếc xe trung bình và cỡ nhỏ. Cả trên phương diện này Hãng “General Motors” cũng nhịp bước cùng thời đại.

Gia đình Duypông vẫn là những người sở hữu chủ yếu Hãng “General Motors”. Đáp lại những lời ca ngợi của tạp chí *Time* dành cho gia đình Duypông, một nhà báo Mỹ đã nhận xét dí dỏm rằng: “Ở Mỹ chỉ có một nơi mà vua Pháp Lui XVI cảm thấy dễ chịu như ở nhà mình, nếu như ông ta gần được trở lại cái đầu đã bị chặt vào thân thể của mình. Nơi đó là ở trong cánh rừng của bang Đolaverơ thuộc “vương quốc Duypông”. Ở đó là nơi ngự trị - giống như sự ngự trị trong quá khứ của các công tước thời phong kiến - của các nhà tỷ phú thuộc gia đình Duypông. Hơn 200 trang trại kế tiếp nhau thuộc sở hữu của các thành viên trong gia đình này, nằm trong các cánh rừng của bang, tạo thành một khu vườn quốc gia tuyệt trần phục vụ việc săn loài chồn cáo. Ở bên trong các tòa nhà là các chiến lợi phẩm thu hoạch được từ những cuộc săn bắn của các thành viên trong gia đình Duypông: đó là các loài thú dữ ở châu Phi. Trên tường các tòa nhà còn treo những bức tranh in hình những chiếc du thuyền của gia đình Duypông, như “Chim ưng của nước Mỹ”, có cả những chiếc “cúp” mà những giống gia súc thuần chủng đã giành được”. Tuy nhiên, đừng nên quên rằng tài sản của gia đình Duypông không chỉ có ở bang Đolaverơ, mà còn có ở Penxinvani, ở bang New York, ở Florida và ở những nơi khác.

Cũng giống như tất cả “những con mèo béo

bự”, gia đình Đuypông chi những khoản tiền rất lớn vào các chiến dịch vận động bầu cử, ủng hộ vào quỹ của các chính đảng và các phong trào xã hội. Dĩ nhiên, họ cũng không quên giới báo chí, vì giới báo chí hết sức quan tâm chăm lo đến danh tiếng và “hình ảnh của tập đoàn”.

Cũng giống như ở các nhà máy của Hãng “Ford Motor”, các xí nghiệp sản xuất ô tô của Hãng “General Motors” có riêng bộ phận chuyên trách báo chí. Ví dụ, hãng này ấn hành ấn phẩm có số lượng phát hành lớn “Spaceco plager” (“Ngọn nến châm ngòi”).

Mới đây tôi có dịp đến vùng Xahara. Ở đó tôi được nghe kể một giai thoại thế này.

Có một cây xăng ở sa mạc châu Phi. Ở đó treo tám biển lớn:

“Hãy đổ đầy bình xăng và tắt cả các can đựng xăng. Vì ba cây xăng kế tiếp mà các vị nhìn thấy chỉ là ảo ảnh”.

Đối với Hãng “General Motors” không tồn tại các sa mạc. Có nhiều vốn liếng thì bao giờ cũng tìm được lối thoát. Còn các chuyên gia về quảng cáo và về “public relation” thì tự họ tạo ra những ảo ảnh cần thiết cho tập đoàn này.

Cái gì tốt đối với Hãng “General Motors” thì cũng tốt cho toàn thể đất nước!

Trong số “ba chị em” - những tập đoàn khổng lồ của ngành công nghiệp ô tô - thì vị trí đặc biệt thuộc về Tập đoàn “Chrysler”. Tuy thua kém các

Tập đoàn “Ford Motors” và “General Motors” những hãng này vẫn là một trong số những tổ chức độc quyền sản xuất ô tô lớn nhất trên thế giới. Đồng thời, Tập đoàn “Chrysler” còn tích cực phát triển các hãng con của mình ở nhiều nước trên thế giới, là một trong số những nhà thầu quân sự lớn nhất ở ngay tại nước Mỹ, cũng như ở bên ngoài nước Mỹ.

Cần nói gì về con người đã đem tên của mình đặt cho tập đoàn nổi tiếng ấy? Trước hết, ông ta đã tạo ra thành phố “Plimút” của mình đã từng có thời chinh phục trái tim người Mỹ. Hơn nữa, Walter Chrysler đi vào lịch sử ngành chế tạo ô tô với tư cách là một trong số những nhân vật lãnh đạo tập đoàn “General Motors”. Làm thế nào mà tập đoàn cạnh tranh với Hãng “General Motors” lại mang tên ông Chrysler? Rất đơn giản. Trước kia gia đình Moocgan trong ban lãnh đạo Hãng “General Motors” đã buộc phải hợp nhất với gia đình Duypông. Còn về thực chất thì vẫn gia đình Moocgan sở hữu Hãng “Chrysler”...

Như chúng ta thấy, cạnh tranh là cạnh tranh, nhưng đụng chạm đến vấn đề quyền lợi thì sự hợp tác là điều rất có thể xảy ra. Lại càng có thể như vậy, nếu các nhà tỷ phú Moocgan tham gia vào công việc này.

Nếu cách thực hiện quảng cáo của Henry Ford I mang tính chất đơn giản và thô kệch, thì phương pháp quảng cáo ngày nay của Hãng

“Chrysler” lại mang tính chất kín đáo và không có tính chất thô kệch. Người tiêu dùng nhận được các thông tin cần thiết về các loại hàng hóa và dịch vụ do hãng cung cấp, nhưng rất ít khi việc này gắn kết với dòng họ nhà tỷ phú. Như lời nhận xét trước đây của tạp chí *Life*: “mặc dù tuân thủ các truyền thống, nhưng trong phong cách hoạt động của ngân hàng gia đình Moocgan không hề có gì là lỗi thời cả”. Nói tóm lại, gia đình Moocgan đã hiện đại hóa. Mọi chuyện đã bắt đầu như sau...

Người sáng lập ra triều đại Giuniút Xpenxơ Moocgan đã kiếm được một tài sản không nhỏ trị giá mấy triệu đôla. Sau khi trở nên giàu có nhờ thực hiện các vụ làm ăn phi pháp trong thời kỳ chiến tranh Bắc - Nam, Giuniút Xpenxơ Moocgan đã trở thành đối tác của một trong số những chủ ngân hàng lớn nhất ở Mỹ Giôn Pibôdi. Cho nên con trai của Giuniút là Giôn Pirpôn tơ Moocgan cha, có biệt danh là Coocxơ nổi danh với tư cách là nhà sáng lập ra “ế chế Moocgan”.

Một trong những vụ tiếp xúc đầu tiên của nhân vật Moocgan - Coocxơ với hoạt động chế tạo ô tô là cuộc gặp mặt với Uyliam Đuyrăng, khi Đuyrăng gặp phải những khó khăn nghiêm trọng về tài chính. Đuyrăng đến gặp Moocgan và đề nghị ông này mua Hãng “General Motors” với giá... một triệu rưỡi đôla. Đến thời kỳ ấy những chủ ngân hàng có đầu óc nhìn ra trông rộng

nhất đã coi công nghiệp ô tô có những triển vọng lớn. Vậy mà Moocgan đã giều cợt Đuyrăng và đơn giản là đã đuổi cổ Đuyrăng. Sau 12 năm, vào năm 1920, ông này đã phải hợp nhất với gia đình Đuyông để có đủ 80 triệu đôla cũng là để mua chính Hãng "General Motors" ấy.

Như lời nhận xét của các nhà viết tiểu sử, Coocxơ có đặc điểm là hoàn toàn không biết e ngại trong việc lựa chọn các cách hành động, thái độ khinh miệt đối với mọi chuẩn mực đạo đức, tính tàn nhẫn và lòng tham lam. Trước lúc qua đời ông già Moocgan đã quyết định tô điểm đôi chút cho mình trong con mắt các con cháu. Ông ta có lý khi cho rằng một thái độ khả kính nào đó sẽ giúp cho những người thừa kế của ông trong công việc kinh doanh. Đó là lý do vì sao ở phần mở đầu của bản di chúc do ông viết để chuyển giao hàng trăm triệu đôla cho con trai của mình là Giôn Pirpônơ con, Coocxơ đã viết thế này: "Tôi trao linh hồn của mình vào tay đáng cứu tinh của tôi với niềm tin sâu sắc rằng đáng cứu tinh ấy sẽ hiển dâng niềm tin ấy - trong sự chuộc lỗi và đã được tẩy rửa bằng dòng máu vô cùng quý báu của mình - trước đáng thượng đế của tôi. Tôi cầu xin các con của tôi hãy chịu mọi rủi ro và sự hy sinh của bản thân mình mà duy trì và bảo vệ lời giáo huấn thiêng liêng về sự chuộc lại hoàn toàn những tội lỗi bằng máu của chúa Giêsu Kitô đã từng đổ vì tất

cả thế giới này. Con đường tích góp của cái mà Coocxarơ đã trải qua, là một chuỗi những tội ác, từ tội sát nhân cho đến tội phản quốc?”

Ngày nay Tập đoàn Moocgan kiểm soát hàng chục hãng công nghiệp lớn nhất, các ngân hàng, các tuyến đường sắt, các công ty bảo hiểm. Vẫn như trước kia, truyền thống gia đình vẫn là tính vô nguyên tắc trong việc gia tăng vốn liếng.

Còn một đặc điểm nữa: các quan điểm chính trị của dòng họ Moocgan bao giờ cũng hiển nhiên ngả về phía hữu. Ví dụ, Ủy ban Maccôromac Địchstanh đã khẳng định tính chất hữu lý của những lời buộc tội giết gân đối với một số người lãnh đạo của tổ chức “Đội lê dương Mỹ” và một số nhà hoạt động nổi tiếng của khu phố Uônstorit (một nhân vật trong số họ có quan hệ mật thiết với tập đoàn ngân hàng của gia đình Moocgan) về tội đã tổ chức một vụ âm mưu và thật sự đã dự định thiết lập ở Mỹ nền chuyên chính phátxít. Dĩ nhiên, giới báo chí ngoan ngoãn đã nhanh chóng ếm nhem vụ này.

Ý đồ tránh nộp thuế đã giữ một vai trò đáng kể trong việc không để cho những con mắt bên ngoài nhòm ngó được những khoản tiền tỷ của mình. Đó là lý do tại sao hoạt động quảng cáo của các xí nghiệp của Hãng Ford Motors thường không gắn với gia đình Moocgan. Một phần các khoản vốn liếng ấy nằm trong các quỹ từ thiện khác nhau, một phần khác nằm trong

các phương tiện thông tin đại chúng. Những phương tiện thông tin đại chúng ấy chẳng những giúp tiến hành các chiến dịch quảng cáo và tuyên truyền, mà còn tạo ra vẻ hấp dẫn cho các tập đoàn, cho cả Tập đoàn “Chrysler” ấy chẳng hạn. Henry Ford cũng sử dụng hình thức lập các quỹ từ thiện, nhưng gia đình Moocgan đã nghĩ ra cách thức khác. Đó là phương pháp chia nhỏ, về mặt hình thức, các Công ty hình thành nhiều doanh nghiệp con cỡ nhỏ và hết sức nhỏ với một hệ thống thứ bậc phức tạp và những lợi ích đan xen.

Tuy rằng trong khu vực ảnh hưởng của Tập đoàn Moocgan, nhưng Hãng “Chrysler”, nhằm tránh được sự cạnh tranh của các hãng ô tô Tây Âu, tự mình tích cực mua lại các Công ty châu Âu. Vào giữa những năm 1960 Hãng “Chrysler” đã đặc biệt tăng phần hùn của mình trong Công ty ô tô của Pháp “SIMCA”, lên đến 77% vốn cổ phần, tức là “trở thành người bà con” với Hãng độc quyền “FIAT”.

Hãng “Chrysler” đóng vai trò quan trọng trong lĩnh vực sản xuất xe tăng và tên lửa, cung cấp kỹ thuật xe hơi cho quân đội các nước tham gia khối NATO.

Ở đâu có các vụ đấu thầu quân sự thì ở đó có điều cần giữ bí mật. Đó là lý do tại sao hoạt động quảng cáo về hàng hóa và dịch vụ do Hãng “Chrysler” cung cấp, chỉ giới hạn trong tổ hợp

quảng cáo dân sự. Các tờ báo và các tạp chí cũng như các đài phát thanh và truyền hình, “các nhóm gây áp lực” trong Quốc hội và trong Nhà Trắng đã tham gia chia phần “chiếc bánh quân sự”. Đó là các tờ báo và tạp chí ngoan ngoãn vâng lời Tập đoàn Moocgan. Đôi khi quyền lợi của các nhà tài chính trong gia đình Moocgan có mâu thuẫn với quyền lợi của các nhà công nghiệp trong gia đình Moocgan. Thế là ngay trong “gia đình” ấy nổ ra những cuộc chiến giữa phái bộ câu và phái điều hâu.

Nếu chỉ đề cập nền công nghiệp ô tô thì trong ngành này cũng đã quá nhiều mâu thuẫn. Ví dụ, chúng ta hãy xét về luật lệ các bang có liên quan đến người lái xe và xe ô tô. Ở đa số bang công dân Mỹ đủ 16 tuổi đều có thể nhận bằng lái xe. Ở một số bang khác là 18 tuổi nếu người ấy chưa tốt nghiệp trường chuyên nghiệp hoặc các lớp chuyên nghiệp. Những nơi áp dụng luật lệ dễ dãi hơn như ở các bang Luisiana, Maine, Montana và New Mexico người ở độ tuổi 15 cũng có thể có bằng lái xe rồi, còn ở bang Mississippi và ở Hawaii thì “các đại úy 15 tuổi” đã có thể lái xe, thậm chí không cần tốt nghiệp các khóa chuyên nghiệp nào cả. Tại 29 bang người ta cấp các bằng lái xe đặc biệt cho thiếu niên. Những bằng này cho phép lái xe. Hơn nữa có 13 bang cho phép ở độ tuổi 14 được lái xe, còn ở bang Montana thì ở độ tuổi 13 tuổi đã được cấp bằng

lái xe rồi. Chỉ riêng điều này cũng đã tăng cường các đòi hỏi đối với xe. Ngoài ra, đặc điểm của nước Mỹ là có nhiều nhà một tầng: để đi từ một điểm này đến một điểm khác ngay cả trong một thành phố nhỏ có 100 - 206 nghìn dân cũng phải đi hàng chục dặm. Không phải ngẫu nhiên mà quãng đường trung bình của các chuyến xe ô tô của người Mỹ dài hơn 2 lần rưỡi so với ở Tây Âu và hơn 7 lần so với ở Nhật Bản.

Đĩ nhiên, có nhiều loại ô tô khác nhau. Không phải ngẫu nhiên mà ở Mỹ đã ăn sâu câu nói “Limousine Liberal”, nghĩa là “những người tự do chủ nghĩa đi trên những chiếc xe Limuzin”. Đó là những nhà hoạt động nói về những ưu điểm của các trường do thành phố quản lý, nhưng chính họ lại gửi con mình đến học tại các trường tư thục đắt tiền.

Người ta nói đến nạn đói, nhưng bản thân họ lại chưa bao giờ chịu khổ sở vì bị đói. Dù những nhà máy thuộc quỹ đạo của “ba chị em” ấy - những tập đoàn chế tạo ô tô khổng lồ của Mỹ - có sản xuất ra những kiểu ô tô gì đi nữa, thì những chủ nhân của chúng cũng nhất thiết thuộc vào số “những nhân vật tự do chủ nghĩa” ấy. Và những báo chí ngoan ngoãn vâng lời đều nhân lên hàng triệu bản những câu nói của những con người đạo đức giả và mị dân và những câu nói mị dân ấy được các đài phát thanh và truyền hình quảng bá trên sóng.

Có thể xem mọi phương tiện thông tin đại chúng như là một doanh nghiệp công - thương nghiệp chịu tác động của tất cả các quy luật của nền kinh tế. Cũng có thể xác định hiệu quả của phương tiện thông tin đại chúng theo một cách khác: tin tức là hàng hóa, còn công chúng là tư bản. Trong một số trường hợp, các phương tiện thông tin đại chúng đóng vai trò nhóm quyền lợi kinh tế, và khi tác động cùng với cơ cấu quyền lực thì chúng giữ vai trò là những nhóm ảnh hưởng, những nhóm “vận động hành lang”. Trong những năm gần đây người ta thấy có sự thay đổi rõ rệt về cơ cấu kinh tế của các phương tiện thông tin đại chúng. Quảng cáo ngày càng có ý nghĩa to lớn hơn với tính cách là nguồn thu tài chính chủ yếu. Ở nhiều quốc gia, nhà nước trực tiếp và gián tiếp tài trợ cho các phương tiện thông tin đại chúng: dành các điều kiện ưu đãi, đặc ân, và cả những quảng cáo của chính phủ, v.v.. Việc đưa các phương tiện thông tin đại chúng gia nhập vào các nhóm công nghiệp - tài chính đã giúp chúng đạt được sự ổn định về tài chính.

III. TẬP TRUNG VÀ ĐỘC QUYỀN HÓA

Kể từ năm 1892, khi Xeripxơ đã cùng với bạn làm ăn của mình là Macrê thành lập “chuỗi mắt xích” đầu tiên trong số 5 tờ báo thì cho đến nay, quá trình độc quyền hóa báo chí chưa hề chấm

dứt. Ở Mỹ, người ta đã tính toán rằng kể từ năm 1962 “các tập đoàn tài chính hữu quan” hàng năm đã mua lại khoảng 68 “tờ báo độc lập”. Năm 1979, số lượng bản phát hành của các tờ báo hàng ngày thuộc sở hữu của các tổ chức độc quyền chiếm đến 71% tổng số lượng bản phát hành của tất cả các báo. Đồng thời, trong số 38 tờ báo hàng ngày đã chuyển về tay người chủ khác thì trong 7 tháng của năm 1979 đã có 34 tờ báo trở thành sở hữu của chính các tổ chức độc quyền.

Điều có ý nghĩa quan trọng không kém là: những tập đoàn báo chí tích cực tăng cường sự hùng mạnh của mình đều là những tập đoàn chiếm giữ vị trí hàng đầu cả về số lượng ấn phẩm, cả về số lượng bản phát hành. Năm 1979 ở Mỹ, số lượng các tổ chức độc quyền từ con số 11 đã tăng lên con số 13 với tổng số lượng bản phát hành mỗi lần của các tờ báo đều vượt quá con số 1 triệu bản. Kết quả là 13 tổ chức độc quyền ấy kiểm soát 42% tổng số các tờ báo hàng ngày và 50% tổng số các tờ báo chủ nhật. Ở Mỹ tồn tại 165 tập đoàn báo chí, chiếm 60% tổng số báo ra hàng ngày ở trong nước. Theo nghiên cứu của báo *The Washington Post*, thì trong những năm tới toàn bộ báo chí định kỳ ở Mỹ sẽ tập trung trong tay 20 tờ rớt báo chí lớn nhất. Báo *The Washington Post* đi đến kết luận cho rằng triển vọng ấy là không thể đảo ngược, không thể

ngăn chặn quá trình ấy lại được. Tính đến giữa những năm 1970, đã có 1047 tờ báo trong số 1762 tờ báo xuất bản ở Mỹ, được đặt dưới quyền các tờ rớt báo chí. Có 10 tập đoàn lớn nhất sở hữu 209 tờ báo có số lượng bản phát hành mỗi lần là 22 triệu bản, tức là chiếm hơn 33% tổng số lượng bản phát hành của tất cả các báo hằng ngày ở Mỹ. Trong bối cảnh ấy điều gây ấn tượng đặc biệt là số lượng bản phát hành của các ấn phẩm riêng lẻ thuộc loại tạp chí đã tăng lên không ngừng, số lượng những ấn phẩm ấy cũng đã tăng lên. Ví dụ, nếu trong những năm 1950-1975 ở Mỹ số lượng các báo hằng ngày đã giảm từ 12155 xuống còn 11400 thì số lượng tạp chí và những ấn phẩm định kỳ khác, cũng trong thời gian ấy, lại tăng từ con số 6960 lên 9657.

Cũng có những khuynh hướng khác trong các ấn phẩm định kỳ. Chẳng hạn, số lượng những ấn phẩm ra hàng quý và những tờ tạp chí xuất bản 2 tháng một kỳ đã tăng lên với nhịp độ cao hơn nhiều so với những niên giám và các nguyệt san. Tuy nhiên, từ những con số dẫn ra trên đây không nên cho rằng quá trình phát triển của loại hình ấn phẩm tạp chí định kỳ đã diễn ra một cách lành mạnh. Quá trình độc quyền hóa các phương tiện thông tin đại chúng, sự cạnh tranh tư bản chủ nghĩa, tình hình nguồn thu qua quảng cáo giảm sút đã buộc các nhà xuất bản phải chấm dứt xuất bản các tờ tạp chí không còn sinh lời.

Không ngừng diễn ra quá trình giảm bớt số lượng của những tờ báo gọi là độc lập thuộc sở hữu gia đình. Năm 1999, ở Mỹ, trong tổng số 1489 tờ báo hằng ngày thì chỉ có 269 tờ, nghĩa là 18%, là những tờ báo độc lập, số còn lại đều thuộc sở hữu của các tập đoàn báo chí. Tổng số các tờ báo hằng ngày cũng tiếp tục giảm. Năm 1998 đã có 20 tờ báo hằng ngày đóng cửa, tính đến tháng 2-1999 chỉ còn 1489 tờ báo. Đó là khuynh hướng thứ nhất trong quá trình phát triển báo chí, khuynh hướng này tác động từ đầu thế kỷ. Trong 10 năm trở lại đây đã có 153 tờ báo hằng ngày chấm dứt tồn tại. Quá trình này sẽ tiếp tục diễn ra trong thế kỷ XXI. Tổng số lượng bản phát hành của các báo hằng ngày cũng không ngừng giảm sút: từ con số 62,3 triệu bản trong năm 1990 giảm xuống còn 56 triệu 180 nghìn bản vào đầu năm 1999. Theo các số liệu của Phòng Thống kê số lượng bản phát hành thì năm 1998 số lượng bản phát hành của các báo hằng ngày đã giảm 1% so với năm trước.

Hiệp hội báo chí Mỹ và Hội chủ biên báo chí Mỹ đang đề ra các chương trình hành động nhằm chấm dứt tình trạng giảm số lượng phát hành, đưa số lượng phát hành đi vào ổn định và mở rộng quy mô số lượng độc giả. Đặc biệt là từ năm 1997, Hiệp hội báo chí Mỹ đã tiến hành chiến dịch quảng cáo 3 năm với phương châm “tất cả bắt đầu từ tờ báo”. Người ta đã

chi 11,5 triệu đôla cho chương trình này.

Ở Thụy Điển, xu hướng tập trung và độc quyền hóa báo chí thể hiện qua những chỉ số phát triển của các phương tiện thông tin đại chúng - loại hình ấn phẩm - chuyển sang hệ thống “một thành phố - một tờ báo”, bởi vì số lượng các điểm dân cư có những tờ báo cạnh tranh nhau thì không ngừng giảm sút.

Sự phân bố các báo ở Thụy Điển

Năm	Các điểm dân cư có 2 tờ báo hoặc nhiều hơn	Các điểm dân cư chỉ có một tờ báo
1945	51	42
1950	51	42
1955	39	53
1960	32	56
1965	23	59
1970	21	65
1975	20	64
1980	21	62
1985	24	60
1990	20	63
1995	20	58

Chú thích: Những số liệu dẫn ra trên đây liên quan đến các tờ báo xuất bản 3 - 7 lần trong một tuần.

Số liệu thống kê trên đây có thể được nêu ra ở bất kỳ một nước nào có hoạt động thông tin phát triển. Tuy nhiên, những số liệu này không cung cấp cho chúng ta quan niệm về những thay

đổi cơ cấu trong các tổ chức độc quyền thông tin đại chúng.

Sự độc quyền thông tin quyết định rất nhiều về nội dung thông tin. Báo chí ngày nay là công cụ mạnh mẽ, nhiều nhánh và linh hoạt trong tay giai cấp thống trị và báo chí được giai cấp thống trị sử dụng một cách khéo léo nhằm mục đích tẩy não quần chúng, nhằm luận chứng và biện minh cho hành động gây tâm lý quân phiệt, nhằm đảm bảo sự ủng hộ đối với đường lối chính trị đang được thi hành.

Hoạt động xuất bản các tờ báo và các tạp chí lớn nhất ở một số nước có nền báo chí phát triển nhất đều được tập trung trong tay một số lượng nhỏ các công ty xuất bản, các tờ báo chí và các tổ chức khác mà các ông chủ sở hữu những tổ chức ấy có quan hệ gắn chặt với các nhóm hùng mạnh nhất trong các giới đầu sỏ công nghiệp - tài chính.

Ví dụ, đại Công ty "Ganet company". Năm 1966, đại Công ty này sở hữu 26 tờ báo hằng ngày và 6 tờ báo chủ nhật. Trong những năm 1980, nó có ảnh hưởng đối với 88 tờ báo hằng ngày và 23 tờ tuần báo, 13 đài phát thanh và 17 đài truyền hình. Chỉ riêng việc thôn tính "Evening News Association" đã cho phép đại Công ty "Ganet" mua lại hàng chục tờ báo, 2 đài phát thanh và 5 đài truyền hình. Ngoài ra, quyền lợi của đại Công ty này còn có trong một loạt

Công ty điện ảnh, các tổ chức thăm dò công luận, các mạng lưới truyền hình, bao gồm cả truyền hình cáp và truyền hình vệ tinh ở 35 nước.

Đế chế báo chí R.Mecđốc vẫn tiếp tục mở rộng. Để tránh sự cản trở trên con đường thực hiện những vụ mua lại mới, Mecđốc đã chuyển từ quốc tịch Ôxtrâylia sang quốc tịch Mỹ. Hiện nay, nhân vật trùm sở này sở hữu gần 90 tờ báo và 10 tạp chí, các kênh phát thanh và truyền hình ở Mỹ, ở Anh và ở Ôxtrâylia.

Tập đoàn “Capital City Communication” trước đây đã từng sở hữu 40 ấn phẩm định kỳ, 12 đài phát thanh và 7 đài truyền hình, thì đến nay đã mua lại Hãng truyền hình “BBC”. Điều này đã đem lại thêm cho ông ta 12 đài phát thanh và 5 đài truyền hình cộng với hệ thống cung cấp các chương trình của mình cho 1596 đài phát thanh và 214 đài truyền hình nữa.

Quá trình tiến công vào các phương tiện thông tin đại chúng đã dẫn đến sự tập trung tất cả mạng lưới chỉ đạo báo chí Mỹ vào tay một số ít nhân vật, một điều trước kia chưa từng có. Theo sự tính toán của các chuyên gia Mỹ thì 50 tập đoàn lớn đang kiểm soát hầu hết các phương tiện thông tin đại chúng ở Mỹ: 20 tập đoàn nắm trong tay hơn một nửa tổng số các tờ báo trong nước, 4 tập đoàn kiểm soát ngành truyền hình, 10 tập đoàn kiểm soát ngành phát thanh, 12 tập đoàn thống trị trong ngành xuất bản sách, 4 tập

đoàn ngự trị trong ngành điện ảnh. Đầu những năm 1980 nếu như tất cả các thành phố Mỹ đều có những tờ báo ngày, thì 98% trong số đó đặt dưới quyền kiểm soát của một trung tâm. Trong tổng số 1700 tờ báo hàng ngày ở Mỹ có hơn 1000 báo thuộc sở hữu "các mạng lưới".

Tất cả những tập đoàn ấy đều có những quan hệ hết sức chặt chẽ với các tổ chức độc quyền và các ngân hàng xuyên quốc gia. Ví dụ, trong thành phần Hội đồng giám đốc của "New York Time Company" có các đại diện của 2 tập đoàn lớn nhất trong giới tài chính Mỹ - Tập đoàn Moocgan và tập đoàn Rôcphelơ, đại diện của Hãng ô tô "Ford", Hãng thép "Bethlehem Steel", Hãng hóa dầu "Sun Oil" và đại diện của những hãng khác. Sự xâm nhập lẫn nhau về quyền lợi giữa giới tư bản công nghiệp và các phương tiện thông tin đại chúng đã đem lại những khoản lợi nhuận chưa từng thấy trước đây. Nếu 20 năm về trước chỉ có 9 tập đoàn trong số 500 tập đoàn ở Mỹ có quan hệ với hoạt động thông tin, báo chí, phát thanh và truyền hình, thì ngày nay đã có 21 đại Công ty trong số 50 đại Công ty báo chí - xuất bản và phát thanh- truyền hình lớn nhất - gia nhập tập đoàn hàng đầu này.

Đối với các tay trùm sở trong lĩnh vực báo chí, chẳng khó khăn gì khi cần đóng cửa bất kỳ một ấn phẩm nào bất lợi vì những lý do chính trị hoặc vì những lý do thương mại, ngay cả nếu đó

là một trong số những ấn phẩm lâu đời nhất ở trong nước. Ví dụ, điều đó đã xảy ra với tờ báo *Baltimore New American* đã từng tồn tại suốt 213 năm. Những ông chủ của tờ báo này thuộc đế chế báo chí của Hécxơ đã thấy rằng tờ báo này đã trở thành tờ báo thua lỗ, do vậy các ông chủ ấy đã quyết định quẳng ra đường phố 500 nhân viên của tờ báo này. Sau khi đóng cửa báo *Baltimore New American* ở thành phố này chỉ còn lại hai tờ báo - tờ *Baltimore Sun* và *Evening Sun*. Ngay hôm sau Công ty "Time Mirror" ở Los Angeles đã bắt đầu đàm phán về việc mua lại các tờ báo khác ở Bantimo và đã nhận được sự chấp thuận của các ông chủ những tờ báo ấy. Ngoài hai tờ báo *Baltimore Sun* và *Evening Sun*, Công ty "Time Mirror" còn sở hữu những ấn phẩm lớn như các tờ báo sau đây: *Los Angeles Times*, *Newsday*, *Dallas Times Herald*, *Hartford Curanto Curanto*, các nhà xuất bản, các đài phát thanh và các đài truyền hình.

Thường thường thì khi thay đổi chủ sở hữu, nhiều ấn phẩm cũng thay đổi tính chất, định hướng và sắc thái của mình. Chúng ta hãy lấy ví dụ về vụ R.Mecđốc mua lại các ấn phẩm. Các tờ báo *New York Post*, *Chicago Sun times*, sau khi về tay Mecđốc, đã thay đổi chính sách của ban biên tập, đơn giản là các báo đó đã trở nên bảo thủ hơn, xét về thực chất thì những tờ báo ấy đã công nhiên trở thành những tờ báo lá cải mang

được màu “vàng”. Cũng có thể nói như vậy về những thay đổi trong định hướng của các đài truyền hình thuộc Hãng “Metromedia Television” do Mecdốc đã mua lại cùng với nhà công nghiệp dầu lửa Đêvit ở Têchdát.

Người ta đã tác động lên các cơ quan báo chí - xuất bản và lên sự chỉ đạo về tư tưởng đối với chúng bằng những con đường khác nhau:

- Thông qua việc tham gia tài chính trong các côngxoócxiom, các tờrót báo chí - xuất bản lớn nhất, các hãng tin, các xanhdica báo chí và các cơ quan báo chí “chưa tờrót hóa”.

- Thông qua việc kiểm soát các cơ quan truyền của chính phủ;

- Thông qua việc lãnh đạo trực tiếp các tổ chức thông tin - tuyên truyền của các tổ chức kinh doanh lớn và trong việc lãnh đạo nhiều tổ chức xã hội;

- Chiếm lĩnh các vị trí lãnh đạo trong các tổ chức báo chí lớn;

- Thông qua quảng cáo có trả tiền là hoạt động không thể thiếu đối với sự tồn tại của các tờ báo, tạp chí, các đài phát thanh và truyền hình về phương diện tài chính.

Các tổ chức có các đơn đặt hàng quảng cáo - trong số đó chiếm vị trí số một là những tập đoàn lớn nhất - thường sử dụng quảng cáo một cách rộng rãi và khéo léo như là đòn bẩy hữu hiệu nhằm kết hợp các mục tiêu quảng cáo với

những nhiệm vụ chính trị vì quyền lợi của các tổ chức độc quyền.

Trong những năm gần đây, các cơ quan chính quyền của nhà nước bắt đầu giữ vai trò quan trọng hơn trong việc định hướng và thao túng báo chí. Việc này được thực hiện thông qua nhiều cuộc họp báo công khai và khép kín; chuyển tài liệu để công bố, dưới hình thức các bản tin chính phủ, chuyển giao các văn kiện chính thức và các cuộc phỏng vấn, tổ chức “các vụ rò rỉ” những thông tin có lợi, thông qua các hoạt động của các “văn phòng quan hệ với công chúng”.

Quá trình tập trung và độc quyền hóa các phương tiện thông tin đại chúng diễn ra với nhịp độ nhanh chóng. Đặc biệt là nhờ sự bãi bỏ nhiều hạn chế mang tính độc quyền. Sự bãi bỏ này diễn ra ở nhiều nước tiếp theo sau Mỹ. Ví dụ, đã huỷ bỏ lệnh cấm các Công ty cung cấp dịch vụ điện thoại không được phép thành lập các trường quay của đài truyền hình cáp. Ở nhiều nước không có những hạn chế về số lượng đài truyền hình thuộc quyền sở hữu của một cá nhân hoặc một pháp nhân. Đã có sự cho phép các đài phát thanh trên sóng cực ngắn được phát lại các chương trình phát sóng của các đài phát thanh sóng trung. Đã huỷ bỏ những hạn chế đối với việc sở hữu cùng một lúc các đài phát sóng và các kênh truyền dẫn bằng cáp, v.v..

X.I.Bêglốp, trong tác phẩm của mình “Các tổ

chức độc quyền ngôn luận", đã đề xuất cách phân loại như sau đối với các doanh nghiệp thông tin đại chúng, căn cứ vào hình thức sở hữu và chi phối vốn cổ định trong các quá trình tiến hành độc quyền. Ông đã chia thành các nhóm sau đây:

1. Các doanh nghiệp tư bản cá thể ("các doanh nghiệp gia đình") xuất bản một ấn phẩm hoặc một loại hình báo chí. Trong những doanh nghiệp này việc sở hữu số cổ phần kiểm soát được truyền từ thế hệ này sang thế hệ khác cho các đại diện của cùng một gia đình hoặc thuộc cùng một nhóm người sở hữu.

2. Các đại Công ty đa ngành hay cái gọi là những tổ chức độc quyền gồm chuỗi mắt xích, tức là các chuỗi Công ty và doanh nghiệp báo chí, các đài phát thanh và các đài truyền hình có liên quan với nhau bởi quyền lợi tài chính chung đóng vai trò kiểm soát;

3. Các côngglomerata, tức là những doanh nghiệp là thành viên của các tổ chức độc quyền hỗn hợp - các "Côngglomerata" thu gom các loại hình hoạt động thương mại khác nhau;

4. Các tập đoàn độc quyền - nhà nước. Như lời nhận xét của X.I.Bêglốp, những tổ chức hợp tác xã - cổ phần đứng độc lập. Chúng do các tổ chức độc quyền tuyên truyền lập ra để đáp ứng những nhu cầu chung (trước hết đó là các hãng điện tín) ngoài ra còn có những tờ báo kinh doanh

của tư nhân, cho phép các nhân viên của báo tham gia sở hữu các cổ phần (ví dụ như tờ báo Pháp *Le Monde*).

Cách phân định như trên vẫn mang tính chất thời sự cho đến nay, nhưng có sự bổ sung một loạt những biểu hiện có tính chất tư nhân. Như đã nêu ở trên đây, ở nhiều nước hiện nay các doanh nghiệp “gia đình”, hay còn gọi là các doanh nghiệp “dòng tộc”, đang trải qua thời kỳ khủng hoảng, vì kiểu kinh doanh này không đáp ứng các đòi hỏi về tính lưu chuyển của vốn (ví dụ, Hãng UPI). Đồng thời, có những trường hợp các doanh nghiệp “gia đình” không những phát triển nhanh mà còn vươn ra thị trường quốc tế. Ví dụ, nhà xuất bản của gia đình Bônhiê (Thụy Điển) đã có quyền lợi ở các nước Bắc Âu và vùng Bantích. Hình thức sở hữu kiểu “tổ chức từ thiện” (“quản lý trên cơ sở tín cậy”), như đã nhắc đến trước đây, cũng ngày càng ít thấy, bởi vì trong trường hợp này chủ sở hữu, xét về phương diện hình thức, bị gạt ra khỏi việc quản lý điều hành các phương tiện thông tin đại chúng. Tại nhiều nước, các doanh nghiệp độc quyền - nhà nước mang hình thức xã hội - pháp định. Điều này tạo ảo tưởng cho rằng xã hội tham gia lãnh đạo các phương tiện thông tin đại chúng, trước hết là ngành phát thanh và truyền hình. Cũng đã xuất hiện cả những hình thức sở hữu khác. Chẳng hạn, đó là Công ty cổ phần với

số vốn quốc tế phân tán. Trên thực tế, không thể xác định được sở hữu của nhà nước trong loại doanh nghiệp thông tin đại chúng được xây dựng theo những nguyên tắc này - đó là hình thức đại Công ty xuyên quốc gia mà các lợi ích của nó có thể không trùng khớp với những lợi ích quốc gia của những nước thân thiết đối với các cổ đông riêng lẻ. Tư bản là một lực lượng mang tính quốc tế.

Không phụ thuộc vào các hình thức sở hữu và những phương pháp điều hành các doanh nghiệp, trong điều kiện ngày nay quá trình tập trung và độc quyền hóa các phương tiện thông tin đại chúng đang diễn ra theo một loạt hướng, trong số đó có thể nêu ra những hướng chủ yếu như sau.

Trước hết, đó là hướng hợp nhất (thông qua sáp nhập hoặc trên những nguyên tắc ký kết đối tác), ngoài ra còn có hình thức thành lập những phương tiện thông tin đại chúng mới cùng loại và phụ thuộc. Ví dụ, các mạng lưới báo, mạng lưới các đài phát thanh và truyền hình, v.v., thuộc vào loại này còn có các phương tiện thông tin đại chúng quốc gia nào đó bành trướng sang những nước khác. Trong một số trường hợp các doanh nghiệp con mang tính chất độc lập về phương diện tài chính, nhưng sự chỉ đạo chung lại xuất phát từ một đại bản doanh. Các ấn phẩm "Reader Digest" (Mỹ), "Burda Moden

Magazine” (CHLB Đức) và những ấn phẩm tương tự khác đã cho thấy rõ xu hướng này.

Sau nữa đó là sự hợp nhất các phương tiện thông tin đại chúng khác nhau thành một tổ hợp thống nhất (báo - đài phát thanh - đài truyền hình, v.v.). Trong trường hợp tiến hành những chiến dịch thông tin hoặc tuyên truyền, những tổ hợp đa năng ấy cho phép người ta tiết kiệm được nhiều tiền bạc và đồng thời còn đạt được hiệu quả cao.

Có thể xem hướng thứ ba là hướng phổ biến nhất khi mà các tập đoàn công nghiệp - tài chính mua lại các phương tiện thông tin đại chúng. Điều này cho phép các giới kinh doanh lớn vận động hành lang cho các quyền lợi của mình trong quá trình chuẩn bị đưa ra các quyết định quan trọng của nhà nước và hình thành công luận theo hướng cần thiết. Ngoài ra, điều này còn cho phép đạt được tình hình ổn định về tài chính của toàn bộ tập đoàn và giảm phần nào mức độ lệ thuộc của các phương tiện thông tin đại chúng và những đơn đặt hàng quảng cáo. Về phương diện này, ví dụ có ý nghĩa là các cơ sở báo chí của những hiệp hội công nghiệp. Trong một số trường hợp những hiệp hội ấy sáp nhập vào cơ cấu nhà nước, để tạo thành những hiệp hội báo chí chuyên ngành đóng vai trò tích cực trong quá trình tự điều chỉnh của báo chí. Chẳng hạn, tạp chí *Tin hiệu* là ấn phẩm của

Hội công nghiệp và cục thông tin của quân đội Mỹ. Hiệp hội các nhà báo của công nghiệp dầu lửa cũng hoạt động mạnh, v.v..

Hướng thứ tư - hướng này chỉ thích hợp đối với các công ty thông tin đại chúng hùng mạnh. Các công ty này mua các xí nghiệp công nghiệp nhiều khi không liên quan gì đến hoạt động kinh doanh, biên tập - xuất bản hoặc hoạt động phát thanh - truyền hình. Nếu như trước kia các tờ rơi báo chí mua lại các cánh rừng và các xí nghiệp sản xuất giấy hoặc ký kết các thỏa thuận đối tác với các xí nghiệp ấy, thì giờ đây những tờ rơi ấy, trên thực tế, xâm nhập vào khắp nơi: từ công nghiệp rừng và xenlulô-giấy cho đến các ngành dịch vụ, hoạt động kinh doanh giải trí, xâm nhập vào những ngành điện tử mới nhất và vật lý hạt nhân. Trên một mức độ nào đó, có thể phác họa kiểu hoạt động như vậy của phương tiện thông tin đại chúng qua ví dụ về Tập đoàn "The New York Times Corporation" cùng với các tổ chức và các hãng con của nó. Tập đoàn này có những cánh rừng của mình ở Canada, có những xí nghiệp xenlulô-giấy, các nhà xuất bản, các mạng lưới phát thanh và truyền hình, các tổ chức của những giới chuyên gia máy tính và các lập trình viên, v.v..

Có thể coi là hướng thứ năm trong quá trình cải tổ cơ cấu các tổ chức thông tin đại chúng độc quyền là sự phân phối lại các luồng thông tin

trên các kênh thông tin. Người ta thấy hiện tượng các luồng thông tin kinh doanh được chuyển sang các hãng tin chuyên biệt và các mạng máy tính chuyên biệt. Chẳng hạn, nguồn thu chủ yếu của Hãng tin Roitơ không phải từ những người đặt mua thông tin quốc tế, mà là từ hoạt động đưa tin về các hoạt động của sở giao dịch trong những thời điểm đã định, v.v.. Hãng tin Associated Press đã tổ chức ra hình thức dịch vụ ấy của AP – Dow Jones và áp dụng hình thức dịch vụ này vào thị trường dầu lửa của một số nước. Những bản tin của sở giao dịch đăng trên các báo đã mất đi tính thời sự trước kia của mình rồi. Những thông tin được chuyển tải nhanh chóng qua các chương trình phát thanh và truyền hình (đặc biệt qua các kênh chuyên biệt của truyền hình cáp). Vì vậy, các tờ báo và tạp chí tập trung chú ý vào khâu phân tích, bình luận và dự báo. Xu hướng này cũng biểu hiện trong lĩnh vực phát thanh. Ví dụ, ở Thụy Sĩ các tập đoàn phát thanh hàng đầu đã dành cho khâu bình luận rất nhiều thời lượng hơn trước kia.

Đối với đa số các nước thì hiện tượng tiêu biểu là quá trình tập trung và độc quyền hóa các phương tiện thông tin đại chúng trên thị trường quốc gia. Tuy nhiên, hiện nay thị trường này được bổ sung bằng sự xâm nhập mạnh mẽ của các tập đoàn xuyên quốc gia vào hoạt động kinh doanh thông tin.

Ví dụ tiêu biểu về các quá trình kinh tế và các xu hướng kinh tế là sự sáp nhập hai tập đoàn khổng lồ - “Viac” và CBS. Sau khi nhân vật lãnh đạo tập đoàn “Viac” là Xannơ M.Rêl Xtáunơ và nhân vật lãnh đạo tập đoàn CBS là Menlơ Cácmadin ký thoả thuận sáp nhập các tổ chức thông tin thì tập đoàn mới này có thêm nhà xuất bản nổi tiếng “Simông Êndơ Sustơ”, các mạng lưới truyền hình cáp (gồm cả MTV), các đài phát thanh, các trường quay của Hôliut với nhiều rạp chiếu bóng v.v.. Những địch thủ cạnh tranh chủ yếu là một siêu Công ty khác cũng thuộc lĩnh vực này - “Walt Disney” Công ty hợp nhất “Time Warner” và đế chế của R.Mecđốc, đặc biệt là “News Corporation”. Hãng có triển vọng nhất và sinh lời nhất được xem là Hãng “Time Warner”, vì những tài sản chủ yếu của nó là những hệ thống và những mạng lưới truyền hình cáp (đặc biệt là CNN).

Đang diễn ra quá trình hợp nhất của các hãng khác nhau đang hoạt động trên thị trường dịch vụ thông tin. Đặc biệt là Hãng NBC của Mỹ và Hãng “Sony” của Nhật cùng nhau lên kế hoạch kinh doanh trong lĩnh vực giải trí với sự tham gia đầu tư của Hãng “Parson Communication”.

Vụ Tập đoàn truyền thông “Tribune Cooperation” mua lại Tập đoàn “Time Mirror” ở Tập đoàn “Los Angeles Times” đã dẫn đến sự ra đời của đế chế thông tin mới lớn nhất, bao gồm

các Tập đoàn “Los Angeles Times”, “Chicago Tribune”, “Sentinel”, “Baltimore Sun”, “Hartford”, “Connecticut”, “Newsday” và những tập đoàn khác, một số lượng lớn các đài truyền hình, các đài phát thanh.

Đĩ nhiên, những xu hướng thay đổi về cơ cấu trong các tổ chức độc quyền thông tin đại chúng vừa nêu trên đây, nói đúng ra, là một ví dụ hơn là một sự phân loại đầy đủ và cũng chưa đầy đủ vì những xu hướng ấy không phải là mục tiêu nghiên cứu trong tập sách này. Những tác phẩm của tác giả: E.S.Andrunat, B.Bacdikian, X.I.Bêglốp, G.Glaixơbec, G.Sinơ và của các nhà nghiên cứu nổi tiếng khác đã trình bày bức tranh đầy đủ về những quá trình tập trung và độc quyền hóa trong hệ thống các phương tiện thông tin đại chúng. Ở mức độ nào đó các tác giả ấy có ý kiến thống nhất cho rằng độc quyền luôn luôn đơn giản hóa khả năng tạo ra một cách có hiệu quả dư luận xã hội và điều khiển dư luận xã hội.

Ngày nay, các quá trình tích tụ tư bản và độc quyền hóa các phương tiện thông tin đại chúng vẫn tiếp diễn. Không phụ thuộc vào các hình thức sở hữu và các phương pháp điều hành doanh nghiệp. Trong điều kiện hiện nay sự tập trung và độc quyền hóa các phương tiện thông tin đại chúng đang diễn ra theo một loạt định hướng. Những tổ chức độc quyền đang tồn tại thì

gia tăng sự hùng mạnh của mình bằng cách không ngừng giảm số lượng các phương tiện thông tin đại chúng “độc lập”; các phương tiện thông tin đại chúng tăng cường quan hệ với các tập đoàn xuyên quốc gia; các cơ quan chính phủ thì đóng vai trò ngày càng lớn trong định hướng và thao túng các phương tiện thông tin đại chúng. Đã xuất hiện những doanh nghiệp thông tin đại chúng xuyên quốc gia với số tư bản “phân tán”, khi mà trên thực tế không thể xác định được chúng thuộc sở hữu quốc gia nào.

Thế giới đa dạng. Các quá trình tập trung tư bản và độc quyền nắm giữ các phương tiện thông tin đại chúng ở các nước khác nhau đang diễn ra theo những cách khác nhau, nhưng theo ý chúng tôi, những khuynh hướng nêu trên là những khuynh hướng chung.

IV. QUÁ TRÌNH PHÂN HÓA VÀ CHUYÊN MÔN HÓA

Một xu hướng phát triển có ý nghĩa không kém phần quan trọng của báo chí nước ngoài có thể được coi là xu hướng tiếp tục *phân hóa và chuyên môn hóa* hơn nữa. Chúng ta hãy xem xét xu hướng này qua ví dụ về hoạt động báo chí ở các nước phát triển của phương Tây, trước hết là Mỹ.

Trong điều kiện toàn cầu hóa không gian thông tin, các phương tiện thông tin đại chúng

ngày càng thực hiện mạnh hơn quá trình phân hóa và chuyên môn hóa, tạo cơ hội cho những tổ chức ấy tìm được vị trí xã hội của mình, hướng đến một tầng lớp dân cư hoàn toàn xác định, tác động có hiệu quả đến người đọc, người nghe, người xem.

Những quá trình ấy đã cho phép một số nhà nghiên cứu, ví dụ như G.Phơơ, khẳng định rằng tất cả các ấn phẩm định kỳ ở Mỹ hoàn toàn là những ấn phẩm chuyên ngành. Điều này có phần đúng. Chúng ta hãy xem xét việc phân loại các ấn phẩm định kỳ ngày nay ở Mỹ.

Nếu nói đến các tờ báo, thì, theo truyền thống, chúng được phân loại căn cứ theo quy mô phát hành, thành các tờ báo quốc gia (tức là phát hành trong phạm vi một nước), các tờ báo siêu khu vực, các tờ báo khu vực và các tờ báo địa phương.

Xét theo tính chất định kỳ và thời gian ấn hành thì người ta phân các tờ báo thành báo hằng ngày và không ra hằng ngày, báo buổi sáng và báo buổi chiều (ở Mỹ, tính đến thời gian gần đây thì các tờ báo buổi chiều chiếm 80% tổng số các báo hằng ngày, nhưng đến nay tỷ lệ này đã thay đổi theo chiều ngược lại).

Xét theo tính chất và ý nghĩa xã hội thì các tờ báo được phân ra thành các tờ báo đại chúng, có chất lượng, các báo hỗn hợp (đại chúng - có chất lượng hoặc không có chất lượng - đại

chúng) và những tờ báo của doanh nghiệp. Những năm gần đây một số nhà nghiên cứu, ví dụ như H.Têri, nhìn chung không thừa nhận cách phân chia các báo thành những tờ báo đại chúng và những tờ báo có chất lượng, bởi vì mọi tờ báo đại chúng đều cố gắng đăng các bài viết "có chất lượng", còn tờ báo có chất lượng thì cố gắng nâng cao số lượng phát hành lên.

Có thể phân loại các tạp chí thành hai nhóm lớn:

Các tạp chí chuyên ngành và các tạp chí đáp ứng "lợi ích chung". Nhưng các tạp chí "lợi ích chung", hay là các tạp chí đại chúng - như người ta thường gọi như vậy - tự chúng lại phân thành các tạp chí thông tin, các tạp chí ảnh và loại tạp chí lá cải - giải trí. Có thể phân loại thành các nhóm nhỏ nữa. Chẳng hạn, đến lượt nó, những tạp chí lá cải - giải trí lại phân thành các tạp chí đại chúng (các ấn phẩm rẻ tiền in bằng loại giấy xấu có màu hơi vàng), các tạp chí phục vụ những người hâm mộ, cổ vũ, ái mộ, v.v., các tạp chí khiêu dâm, các tạp chí dành cho các giới thanh niên, phụ nữ, nam giới, v.v..

Mặt khác, một số tác giả (M.Iablôcôp, N.Nhesipôrencô và những tác giả khác lại phân toàn bộ báo chí ở các nước phương Tây thành 4 nhóm ấn phẩm. Đó là các ấn phẩm nông nghiệp, thương mại, chuyên ngành và các ấn phẩm đại chúng. Với tất cả tính chất bên ngoài đơn giản, cách phân loại ấy không thể bao quát

hết tất cả các loại hình báo, chí, các bản tin, các ấn phẩm vẫn tiếp tục ấn hành và các sản phẩm báo chí khác. Ví dụ, nên xếp vào loại nào các báo và chí của những tổ chức nhà thờ, các tổ chức đảng phái, các tổ chức công đoàn và các tổ chức khác?

Thiết nghĩ, cách phân loại có thể được chấp nhận nhiều nhất là cách phân loại được dẫn ra ở trên, căn cứ theo tính chất của sự phản ánh hiện thực và căn cứ theo nhiệm vụ xã hội, tức là cách phân loại thành các ấn phẩm đại chúng, các ấn phẩm có chất lượng, các ấn phẩm chất lượng - đại chúng và các ấn phẩm chuyên ngành.

Đến lượt nó, những ấn phẩm chuyên ngành lại gồm một số lượng lớn các loại ấn phẩm hết sức đa dạng. Đáng chú ý nhất là những ấn phẩm chuyên ngành được ấn hành phục vụ những cộng đồng lớn gồm nhiều tầng lớp dân chúng, có chung nghề nghiệp và có chung hình thức lao động. Đó là những ấn phẩm của giới kinh doanh báo chí của nhà máy, báo chí công đoàn và báo chí quân đội. Dĩ nhiên, mỗi loại hình ấn phẩm ấy đều có những đặc điểm và những dấu hiệu phân biệt của mình. Tuy nhiên, giữa chúng cũng có rất nhiều điểm giống nhau. Trước hết, đó là khả năng tác động một cách có phân biệt đến những nhóm độc giả khác nhau.

Những ấn phẩm chuyên ngành - chủ yếu tập trung vào những vấn đề khoa học và kỹ thuật -

đã không phải tách ngay lập tức ra khỏi hệ thống báo chí chung ở Mỹ. Nhiều nhà nghiên cứu gọi tạp chí “Brâyxitzơ gioócnel” - được thành lập vào cuối thế kỷ XVIII - là “tạp chí khoa học” đầu tiên ở Mỹ “trong đó công bố những thông báo đặc sắc của Mỹ”.

Nửa đầu thế kỷ XIX được đánh dấu bởi sự xuất hiện một loạt tạp chí khoa học ở Mỹ - đó là Kênh trao đổi thông tin quan trọng nhất giữa các nhà khoa học. Năm 1818 tờ *American Journal of Science* bắt đầu được xuất bản, đến năm 1826 thì *American Mechanic* xuất hiện. Tuy vậy, ở nửa đầu của thế kỷ XIX số lượng các ấn phẩm khoa học đã tăng lên khá chậm chạp. Sự phát triển của chủ nghĩa tư bản và sự phát triển nhanh chóng của nó thành chủ nghĩa đế quốc vào thời kỳ cuối thế kỷ XIX - đầu thế kỷ XX đã làm cho số lượng những người làm công tác khoa học - kỹ thuật tăng lên không ngừng. Đến lượt nó, sự gia tăng ấy đã làm tăng mạnh số lượng các ấn phẩm khoa học và đồng thời dẫn đến chuyên ngành hóa hẹp hơn. Chẳng hạn, ở Mỹ, tính đến năm 1860 đã có gần 200 tạp chí khoa học được ấn hành; trong thời gian từ 1890 đến 1900 con số đó đã tăng gấp đôi.

Thế kỷ XX đã làm xuất hiện rất nhiều ấn phẩm khoa học - kỹ thuật ở Mỹ. Hiện nay, ở Mỹ số lượng tạp chí được xuất bản chiếm 20% toàn bộ số lượng các tạp chí xuất bản trên thế giới.

Trong số những ấn phẩm chuyên ngành ở Mỹ, chiếm vị trí đặc biệt là những ấn phẩm thông tin về hoạt động kinh doanh. Những ấn phẩm này bao gồm nhiều loại hình khác nhau. Sự khác biệt của những ấn phẩm này là mức độ khác nhau cao, trong những cố gắng gây ảnh hưởng một cách hữu hiệu nhất phù hợp với những nhiệm vụ chuyên môn của mình.

Phạm vi người đọc thì rất rộng. Ở Mỹ chỉ tính riêng số lượng các “tạp chí thông tin kinh doanh” đã có nhiều hơn gấp 5 lần số lượng các tờ báo hằng ngày thuộc loại hình chung. Ngoài ra, những ấn phẩm thông tin kinh doanh được phát hành trên phạm vi quốc gia, chứ không phải trên phạm vi khu vực hoặc địa phương như các tờ báo khác.

Giữa những ấn phẩm thuộc “lợi ích chung” và những ấn phẩm thông tin về hoạt động kinh doanh có một loại ấn phẩm đứng tách biệt, đó là những tạp chí “trí tuệ” phục vụ đẳng cấp cao vẫn đưa tin các quyết định chính trị. Số lượng phát hành của những ấn phẩm như vậy không lớn, nhưng những ấn phẩm ấy thường có ảnh hưởng nhiều nhất đến công luận một cách gián tiếp - thông qua những quyết định do các nhà lãnh đạo đưa ra.

Những ấn phẩm thuần túy về kinh doanh bao gồm các loại ấn phẩm khoa học - kỹ thuật định kỳ, các ấn phẩm của các cơ quan, các ấn phẩm

thương mại, công đoàn và các ấn phẩm về các vấn đề kinh doanh chung.

Các tạp chí khoa học - kỹ thuật được phát hành nhiều khi không chỉ ở trong nước, mà cả ở nước ngoài. Nhiều ấn phẩm còn có các chi nhánh hoặc phóng viên của mình ở nước ngoài. Những tạp chí này phục vụ phạm vi độc giả tương đối hẹp, do vậy có thể định hướng rất rõ ràng về nhu cầu của độc giả. Trong điều kiện cách mạng khoa học - kỹ thuật, số lượng cán bộ khoa học - kỹ thuật và các cán bộ thuộc các ngành chuyên môn khác tăng lên nhanh chóng, khiến số lượng độc giả của những ấn phẩm loại này cũng tăng lên.

Dĩ nhiên, chủ yếu những bài viết đăng tải trên các ấn phẩm ấy đều đề cập những vấn đề chuyên ngành, trong đó người ta kiểm tra rất cẩn thận, nhiều lần, trình bày và bình luận cặn kẽ những kết quả khoa học hoặc các kết quả sản xuất được dẫn ra trong một bài viết nào đó.

Trong những ấn phẩm khoa học - kỹ thuật có một khối lượng rất đáng kể những bài viết về đề tài chính trị - xã hội. Những bài viết ấy thấu tóm tất cả các vấn đề quan trọng nhất của đời sống xã hội, sử dụng các hình thức và phương pháp đa dạng để tác động lên độc giả. Không thể không lưu ý đến những bài phát biểu chính trị công khai trình bày với độc giả những tư tưởng và lập trường của các tác giả,

có thể nói là dưới dạng thuần khiết.

Ví dụ, đây là những dòng viết trên tạp chí *Technology*: “Cả hai cuộc chiến tranh - cuộc chiến tranh Triều Tiên diễn ra từ năm 1950-1953 do Tổng thống Truman phát động và do Tổng thống Đ.Aixenhao kết thúc, và cuộc Chiến tranh Việt Nam diễn ra từ năm 1964-1973, do Tổng thống B. Giôn-xơn phát động và được Tổng thống R.Ních-xơn kết thúc - đều tiến hành mà không được Quốc hội chính thức xem xét và phê chuẩn. Điều này đã gây nên một sự cộng hưởng lớn trong công luận Mỹ”.

Tiếp đó, việc dẫn lời phát biểu của Bộ trưởng Quốc phòng hồi đó C.Oen-bơ-gơ, tờ tạp chí này đã nêu lên nhận xét rằng cả trong tương lai vẫn có thể diễn ra việc sử dụng một cách bất hợp pháp các lực lượng vũ trang của Mỹ.

Trong một số trường hợp các ấn phẩm của Mỹ không quan tâm đến việc quảng bá rộng rãi các kiến thức khoa học và kỹ thuật. Câu chuyện dưới đây thật có ý nghĩa về phương diện này.

Tạp chí *Electronic Design* đã đăng bài xã luận dưới nhan đề “Hã...no phép chúng tôi sử dụng quyền tự do của...a hội tự do cả trong lĩnh vực khoa học và...ỹ thuật”. Bài này đã gây ra một làn sóng lớn những bức thư gửi đến tòa soạn. Nội dung bài như sau:

Bộ Ngoại giao đã không cho phép một nhóm chuyên gia Nga tìm hiểu những kết quả của một

số công trình nghiên cứu không bí mật được tiến hành tại Đại học Tổng hợp Stanford. Tạp chí *Electronic Design* xem hành động này của Chính phủ là xâm phạm các quyền và quyền tự do của người Mỹ, và đã dẫn ra các trường hợp khăng định điều đó. Chẳng hạn, B.R.Inmên, hồi đó là Phó Giám đốc CIA, đã kêu gọi giới khoa học hãy gửi những loại giấy tờ nhất định đến các tổ chức của chính phủ để xem xét nhằm "sàng lọc" sơ bộ trước với mục đích giảm sự tiếp cận của các chuyên gia ngoại quốc đối với các công trình nghiên cứu không bí mật. Bài viết này mang tính chất nước đôi, những kết luận rút ra thì chính xác: "Lịch sử đã nhiều lần chỉ cho chúng ta thấy rằng trong lĩnh vực khoa học và kỹ thuật không một dân tộc nào nắm độc quyền về tài năng và sự sáng tạo. Bản thân chúng ta cũng khai thác nhiều từ dòng thông tin tự do...".

Người ta đã gây sức ép với tạp chí này. Kết quả là tờ tạp chí ấy lại cho đăng thêm một bài xã luận nữa cũng về đề tài ấy. Trong bài này, các nhân viên làm việc trong tạp chí ấy đã thanh minh một cách vụng về rằng họ bênh vực quyền của những trường đại học tổng hợp trong lĩnh vực nghiên cứu và quảng bá kiến thức, cũng như bảo vệ quyền tự do công luận, chứ không bán rẻ đất nước và bán rẻ những thành tựu kỹ thuật của đất nước cho kẻ thù.

Trong hoạt động báo chí ở Mỹ, chiếm tỷ trọng

đáng kể là cái gọi là *báo chí nhà máy*, do các đại công ty công nghiệp xuất bản để phục vụ số nhân viên của mình. Tồn tại ba hướng truyền thông trong lĩnh vực hoạt động kinh doanh: từ trên xuống dưới - từ người điều hành xuống các nhân viên; từ dưới lên trên - từ những người bị điều hành lên người điều hành; xét theo chiều ngang - đó là giữa các mắt xích ở cấp điều hành trung gian nhằm mục đích phối hợp hoạt động sản xuất và đoàn kết cả tập thể vì lợi ích của công ty.

Hướng thông tin từ trên xuống đóng vai trò đặc biệt lo lớn. Những bức thư của ban quản trị gửi xuống anh em công nhân, những văn bản ghi nhớ và chỉ đạo, những văn bản tra cứu - tham khảo, các tờ báo và tạp chí dành cho các loại hình công nhân viên khác nhau - tất cả những cái đó và nhiều cái khác cho phép tác động nhanh chóng đến công luận, hình thành công luận theo hướng cần thiết.

Thông thường các tờ báo nhà máy được ấn hành mỗi tuần một hoặc hai kỳ, nhằm phục vụ một số xí nghiệp thuộc các tập đoàn hữu quan. Các tờ tạp chí thì do trung tâm quản trị của các công ty ấn hành. Những tờ báo này được ấn hành mỗi tháng, hoặc mỗi quý một kỳ và chúng là cầu nối giữa công nhân viên các xí nghiệp thuộc cùng một công ty.

Các nhà xã hội học và tâm lý học công nghiệp

khuyến cáo những người xuất bản các ấn phẩm của nhà máy hãy giới thiệu rộng rãi hơn nữa về lịch sử và truyền thống của công ty, về mạng lưới tiêu thụ sản phẩm, về tình hình tài chính và quy mô các khoản chi phí xã hội phục vụ các nhu cầu của công nhân viên; lập ra những chuyên mục tư vấn về nguyên tắc trả công, kỹ thuật an toàn, chính sách kỷ luật, các quyền của người công nhân trong khuôn khổ bộ luật lao động hiện hành và phù hợp với hợp đồng tập thể, v.v..

Ngôn ngữ của những ấn phẩm ấy phải chính xác, không cho phép có hai cách giải thích hoặc không thể hiểu nổi, còn vốn từ vựng của các ấn phẩm ấy thì phải phù hợp chẳng những với các giá trị được đặt ra đối với người công nhân, mà còn phải phù hợp với các giá trị chung của Công ty. Người ta khuyến cáo hãy sử dụng thuật ngữ “bãi công” là thuật ngữ dễ hiểu hơn đối với anh em công nhân, hơn là từ “bỏ bê công việc”, cũng như tránh dùng những từ không thể hiểu được, như từ “lợi tức cổ phần”. Tốt hơn nên dùng từ “công ty” gần gũi với người công nhân hơn là từ “hãng”, vì trong hoàn cảnh nào đó từ “hãng” dễ làm cho người ta liên tưởng đến những tính từ “tàn nhẫn” và “vị kỷ”. Để tăng cường sức nặng cảm xúc, người ta khuyến cáo nên sử dụng đại từ “các anh em” khi nói với công nhân và sử dụng các đại từ “chúng ta” trong các bài nói về chính sách của công ty,

tránh gây nên sự đối cực giữa những đại từ ấy.

Trong lĩnh vực thông tin từ trên xuống dưới thì người ta sử dụng khéo léo cách tiếp cận có phân biệt đối với các nhóm người lao động khác nhau. Ví dụ, Công ty “General Electronic” ấn hành bản tin nói về quan hệ giữa các cán bộ lãnh đạo với anh em công nhân - “chỉ dành cho các nhân viên quản lý của Công ty “General Electronic”, tạp chí *EDN* thì xuất bản với phụ đề “chỉ tuyệt đối dành cho các nhân viên làm công tác hạch toán và quản lý công nghiệp”, v.v.. có nhiều ấn phẩm được phân phát miễn phí tại nhà riêng cho công nhân.

Khâu thông tin theo chiều ngang thì được thực hiện bởi tất cả các ấn phẩm định kỳ của công ty. Những bài vở đăng tải trong những ấn phẩm ấy ca ngợi lịch sử và truyền thống của hãng, là kênh giao lưu giữa các chuyên gia trên các vấn đề hợp lý hóa sản xuất, hợp tác liên hãng và bên trong từng hãng (tùy thuộc vào các điều kiện phát hành ấn phẩm).

Báo chí công đoàn ở Mỹ ra đời cùng với chính phong trào công đoàn vào nửa đầu thế kỷ XIX và đã nhanh chóng có được sức mạnh và quy mô. Số lượng báo tăng lên và sự phát hành rộng rãi các báo và tạp chí công đoàn có quan hệ trực tiếp với sự tăng cường phong trào công nhân ở trong nước. Mối quan hệ hai chiều ấy thể hiện rõ ở thời điểm diễn ra những bước ngoặt trong phong trào

công nhân vào những năm nổ ra các cuộc khủng hoảng kinh tế và các cuộc chiến tranh.

Công đoàn là lực lượng duy nhất của giai cấp công nhân được tổ chức ở một loạt nước và có uy tín lớn. Trên thế giới tổng cộng có hơn 410 triệu đoàn viên công đoàn. Đó là một lực lượng to lớn. Vì vậy, hoàn toàn không có gì ngạc nhiên khi những lực lượng chính trị hết sức khác nhau - từ các lực lượng cánh tả cho đến các lực lượng cánh hữu - cố gắng đảm bảo có được sự hậu thuẫn của phong trào công đoàn nói chung và sự hậu thuẫn của báo chí công đoàn nói riêng.

Trong thập kỷ gần đây quá trình chính trị hóa báo chí công đoàn không ngừng diễn ra. Nguyên nhân của hiện tượng ấy là trọng tâm hoạt động xã hội đang dần chuyển sang vũ đài chính trị. Do vậy, các báo và tạp chí của công đoàn đang đứng trước những nhiệm vụ mới. Điều này, đến lượt nó, lại đưa đến những hình thức hoạt động mới của giới thông tin báo chí và quyết định trước những xu hướng phát triển sau này.

Giờ đây, báo chí công đoàn là một bức tranh ghép mảnh cũng đa dạng như toàn bộ phong trào công đoàn Mỹ nói chung. Đại bộ phận báo chí tiếp tục đứng trên lập trường cải lương. Hiện có hai khuynh hướng: nhánh hữu khuynh trong báo chí công đoàn. Thông thường nhánh này đứng trên lập trường "chủ nghĩa liên hiệp thực tế" và tìm kiếm sự thỏa hiệp với giới chủ. Còn nhánh tả

khuyhnh trong báo chí công đoàn thì cố gắng kết hợp phong trào công nhân với hoạt động đấu tranh chính trị tích cực, chứ không thỏa mãn với những yêu sách kinh tế.

Ấn phẩm mang tính lý luận của Tổng Liên đoàn lao động Mỹ - Đại hội các công đoàn sản xuất Mỹ, là nguyệt san *American Federationist*, được thành lập năm 1894. Cơ quan này là đại diện nổi bật nhất của “chủ nghĩa liên hiệp thực tế”. Trong phản ánh các vấn đề về chính sách đối ngoại, ấn phẩm này đi theo quỹ đạo ủng hộ các sáng kiến của chính phủ, bất kể chính quyền nằm trong tay Đảng Cộng hòa hay là Đảng Dân chủ.

Một số công đoàn ngành thường hay giữ lập trường đối lập với các tập đoàn cầm quyền. Ví dụ, vào thời kỳ hưng thịnh của chủ nghĩa quân phiệt - nửa đầu những năm 1980 - công đoàn ngành điện đã ủng hộ chủ trương chuyển phần lớn những chi phí quân sự sang các mục đích hòa bình, như vậy “sẽ đưa đến kết quả nâng cao mức sống, tạo thêm chỗ làm việc, giảm thuế má và làm giảm nguy cơ nổ ra chiến tranh”, - như lời tuyên bố của Đ.Câyngơ, Chủ tịch công đoàn ngành điện.

Báo chí công đoàn địa phương chiếm vị trí đặc biệt. Những ấn phẩm ấy được ấn hành với định kỳ khác nhau và thường được phát hành trong phạm vi một bang, một quận, một thành

phố. Nhiều ấn phẩm này là tiếng nói của chi nhánh Tổng Liên đoàn lao động Mỹ - Đại hội các công đoàn sản xuất Mỹ tại địa phương và hoàn toàn ủng hộ những quan điểm chính trị của giới lãnh đạo.

Tiếp thay, đã từ lâu báo chí công đoàn không còn nhận được sự hâm mộ rộng rãi ngay cả của những công nhân có tổ chức, tức là các đoàn viên công đoàn. Ngay từ năm 1971, L.Kecclêndơ đã viết như sau: "Chúng ta có khá nhiều bằng chứng không phẫn khởi cho thấy rằng báo chí công đoàn càng ngày càng bị mất ảnh hưởng của mình, rằng báo chí công đoàn không cạnh tranh nổi với truyền hình, với báo chí thương mại đại chúng là những thứ báo chí đang lấp đầy tất cả các hòm thư".

Theo các số liệu của công đoàn, vào những năm ấy số người đọc báo công đoàn chỉ chiếm 25% tổng số đoàn viên công đoàn ở độ tuổi trên 30 và chiếm gần 50% ở độ tuổi trên 40.

Trong những năm 1980 Chính quyền của R.Rigân, trên thực tế, đã thực hiện đường lối giải tán các công đoàn. Ví dụ, đã giải tán công đoàn của các nhân viên điều phối hàng không. Trong những năm cầm quyền của Rigân số lượng các công đoàn Mỹ đã giảm gần 1/4.

Đã diễn ra quá trình độc giả chuyển hướng từ báo chí công đoàn sang báo chí "xí nghiệp". Ví dụ, quá trình chính trị hóa đã ảnh hưởng đến ấn

phẩm có số lượng phát hành cao là tờ *Ford Workers*, tờ báo *Porthlight* phát hành trong hàng ngũ công nhân bến cảng ở New York, báo *Spark Plague* (các nhà máy sản xuất ô tô của Hãng “General Motors”) và những ấn phẩm khác.

Ngoài số kinh phí của các tổ chức công đoàn thì đôi khi báo chí công đoàn cũng nhận được các nguồn kinh phí từ các kênh khác nhau của chính phủ tài trợ và những khoản tiền từ các quỹ khác nhau. Chẳng hạn, họ nhận được các khoản tài trợ từ Quỹ ủng hộ dân chủ. Quỹ này được thành lập theo sáng kiến của R.Rigán. Tổng thống Mỹ hồi đó đã trao khoản đóng góp đầu tiên 11 triệu đôla cho Tổng Liên đoàn lao động Mỹ – Đại hội các công đoàn sản xuất Mỹ “để tài trợ cho cuộc đấu tranh tư tưởng công khai mà các thiết chế trung thực của Mỹ tiến hành chống lại chủ nghĩa cộng sản Xôviết”.

Báo chí công đoàn không ngừng để mất đi sự hùng mạnh của mình trong quá khứ, song hiện thời nó vẫn là công cụ rất hữu hiệu để hình thành công luận, đặc biệt trong hàng ngũ công nhân viên chức là thành viên của các công đoàn.

Nước Mỹ có một mạng lưới *báo chí quân đội* hùng mạnh nhất. Có 20 ấn phẩm định kỳ, trong đó cứ 12 tờ báo lại có 1 ấn phẩm và 1 tờ báo quân đội. Ở nước Mỹ tổng cộng có hơn 1.500 ấn phẩm quân đội. Cuối những năm 1980, chỉ tính riêng quân chủng lục quân đã xuất bản hơn 100

tạp chí, hải quân - 127 tạp chí, không quân - 166 tạp chí. Lầu Năm Góc trực tiếp xuất bản 22 tạp chí, trong số đó có 7 tạp chí được phát hành trong tất cả các loại hình lực lượng vũ trang. Tư lệnh lục quân xuất bản 13 tạp chí, Bộ Tư lệnh hải quân và Bộ Tư lệnh lực lượng lính thủy đánh bộ xuất bản 27 tạp chí, Bộ Tư lệnh không quân xuất bản 28 tạp chí. Các tổ chức, hiệp hội và các nhóm quân sự cũng xuất bản một số lượng lớn tạp chí. Gần 50 tạp chí được xuất bản phục vụ giới cựu chiến binh. Thậm chí các lính đánh thuê cũng có tạp chí của mình...

Ngoài ra, ở Mỹ còn xuất bản một số lượng lớn các báo quân sự thuộc cái gọi là báo chí dã chiến, với tổng số lượng phát hành là 1 bản trên 2-3 đầu quân nhân. Trong thời gian mới gần đây thôi đã có hơn 100 tờ báo xuất bản chỉ để phục vụ riêng số lính Mỹ đóng quân ở châu Âu. Tờ báo chính thức lớn nhất của quân đội Mỹ - báo *Stars and Stripes* ("Sao và Vạch") - được xuất bản với số lượng phát hành lớn và được phát hành ở hàng chục nước.

Người ta đã tuyên bố dự định đóng cửa một số tờ báo và tạp chí quân đội, nhằm giảm bớt số lượng quá lớn những ấn phẩm ấy. Thế nhưng, ngoài sự sửa sang vẻ bề ngoài có tính chất chiếu lệ thì người ta đã không làm gì cả. Cuộc cải tổ ấy dẫn đến kết quả là số lượng các ấn phẩm của quân đội... đã tăng lên.

Hiện nay, giới quân sự Mỹ nắm giữ gần 1900 ấn phẩm định kỳ, trong đó có 366 tạp chí và 1038 tờ báo với số lượng phát hành mỗi kỳ là trên 12 triệu bản, hơn 300 đài phát thanh và truyền hình, một số xưởng phim, phát hành và cho thuê hàng năm 1100 bộ phim.

Chỉ riêng tại châu Âu quân đội Mỹ sở hữu ba trường quay truyền hình và 131 trạm chuyển tiếp truyền hình với thời lượng phát sóng hàng tuần 115 giờ. Để phục vụ các đơn vị quân đội Mỹ đóng ở châu Âu có 44 đài phát thanh phát các chương trình, còn số lượng tên gọi các tờ báo được xuất bản đã tăng lên đến 120 tờ báo.

Trong biên chế ban biên tập các ấn phẩm thuần túy quân sự đều có những nhà báo chỉ phụ trách đề tài quân sự. Những ấn phẩm lớn nhất đã cử ra những đại diện chuyên trách quan hệ với Bộ Quốc phòng và các cơ quan có sức mạnh khác. Các cơ quan tuyên truyền của Lầu Năm Góc và của các loại hình lực lượng vũ trang thường xuyên cung cấp các tài liệu định hướng cho các ấn phẩm đại chúng. Chỉ riêng lục quân đã cung cấp những tài liệu ấy cho 1700 ấn phẩm xuất bản hàng ngày và 830 ấn phẩm xuất bản hàng tháng.

Toàn bộ khối lượng tài liệu tuyên truyền ấy được sử dụng hết công suất nhằm mục đích tẩy não đại chúng đối với các quân nhân và dân thường, nhằm tuyên truyền “vai trò tạo lập hòa bình” của các lực lượng vũ trang Mỹ ở nước ngoài.

Cơ quan thông tin và các bộ phận phụ trách về “Public Relation” sử dụng rộng rãi báo chí, đài phát thanh và đài truyền hình trước hết nhằm mục đích quảng cáo. Trong những tài liệu ấn hành loại ấy thì các chủ đề về chiến tranh và chiến dịch có sự tham gia của các lực lượng vũ trang Mỹ đã được trình bày theo tinh thần hoàn toàn có lợi cho Mỹ. Nhằm mục đích ấy, người ta thường hay công bố và chuyển tải những ký sự lịch sử khác nhau nói về cuộc chiến tranh giành độc lập, những phóng sự được thực hiện từ những bảo tàng khác nhau, những báo cáo về những đêm từ thiện và những hoạt động khác được thực hiện với sự tham gia của đại diện lực lượng, không quân, các hạm đội và vệ binh quốc gia.

“Hoạt động tuyên truyền có tính chất xã hội học”, với việc sử dụng rộng rãi các biểu tượng khác nhau, đã cho phép người ta đạt được những kết quả khá tốt, khiến quân nhân quan tâm hơn đến việc nâng cao chất lượng và hiệu quả công việc của mình.

Báo chí quân đội là một trong những khâu trong bộ máy tuyên truyền của Lầu Năm Góc, còn hoạt động của bộ máy ấy cần được xem xét trong bối cảnh chung của hoạt động chính trị - tư tưởng.

Gặp gỡ với các đại diện của giới báo chí, của đài phát thanh và truyền hình, giúp đỡ các nhà báo trong việc soạn thảo tài liệu nói về đời sống

của các lực lượng vũ trang - đó chỉ là một trong những đường nét phác họa về hoạt động của các sĩ quan thông tin.

Chúng ta hãy xét đến nhiệm vụ của cơ quan thông tin quân đội qua ví dụ về bộ máy thông tin của hải quân Mỹ trên địa bàn Đại Tây Dương. Các hạm đội Mỹ hoạt động trên địa bàn này đều có Phòng thông tin, các hạm đội cơ động số 2 và số 6 có chi nhánh của Phòng thông tin, còn trên các hải đoàn, các liên đội cơ động thì có các tổ thông tin, trong các nhóm cơ động có các sĩ quan của phòng thông tin, trên chiến hạm thì có các trợ lý thông tin ngoài biên chế được biên chế trong đội ngũ.

Cơ quan thông tin giải quyết các nhiệm vụ sau đây. Thứ nhất, soạn thảo và phát tán các tài liệu tuyên truyền, trong đó có các tài liệu giáo khoa về phương pháp tập huấn định hướng tư tưởng hàng quý; các bản tin dành cho các đối tượng khác nhau trong các đơn vị, sự tuyển chọn các bài phát biểu của các nhân vật chính thức và soạn thảo các bài phát biểu 20 phút đọc trước quân ngũ và công chúng dân sự. Thứ hai cơ quan này giám sát việc thực hiện các chương trình tác động tư tưởng đối với đội ngũ binh sĩ. Thứ ba, soạn thảo các khuyến cáo tăng cường hiệu quả tác động tới các quân nhân. Thứ tư, nghiên cứu những khả năng tuyên truyền của đối phương và đề ra các phương thức tương ứng để chống lại

hoạt động tuyên truyền của đối phương.

Công tác thông tin cho các sĩ quan về những vấn đề chính trị và quân sự nóng hổi, việc điểm các loại bài vở được công bố thì được tiến hành theo hệ thống thông tin cho hàng ngũ chỉ huy.

Mỗi tuần một lần các viên chỉ huy các đơn vị có các buổi lên lớp với lính thủy quân và các hạ sĩ.

Nhà thờ giữ vai trò rất quan trọng trong sinh hoạt doanh trại của quân đội Mỹ. Khó có thể đánh giá hết ảnh hưởng của nhà thờ đối với đội ngũ các lực lượng vũ trang

Mỗi tuần một lần, trong tất cả các đơn vị đồn trú của quân đội Mỹ, trên các chiến hạm của hải quân và trong các đơn vị không quân người ta tiến hành lễ chào quốc kỳ, bên trên nó là biểu tượng của nhà thờ màu xanh lơ có dấu thánh giá màu trắng. Mở đầu là "giờ của cha cô". Trong thời gian rao giảng các giáo điều, các cha cố thường xuyên nhắc các con chiên hãy nhớ đến "sứ mạng thiêng liêng" của các lực lượng vũ trang Mỹ. Họ đặc biệt chú ý đến những vấn đề trực tiếp có quan hệ đến hành vi của các quân nhân, diện mạo tinh thần của họ. Ngoài việc đọc kinh trong các buổi lễ thánh diễn ra vào các chủ nhật, các cha cố còn mạn đàm về kinh thánh. Các cha cố cũng tham dự tất cả mọi sinh hoạt tập thể được tiến hành trên các chiến hạm, trong các đơn vị, nghiên cứu tâm trạng binh sĩ, thăm bệnh binh tại các quân y viện và thăm gia

đình các quân nhân, thông tin cho giới chỉ huy về những hiện tượng tiêu cực và những tâm trạng tiêu cực trong hàng ngũ binh lính và hạ sĩ.

“Đội quân thiên chúa” trong các lực lượng vũ trang Mỹ rất đông đảo. Các cha cố cũng có tạp chí của mình - “Military Chaplin”.

Trong việc tổ chức nghỉ ngơi giải trí cho các quân nhân, những viên chỉ huy, các cha cố, các sĩ quan cơ quan thông tin và những nhân vật hữu quan khác hành động có phối hợp, họ cố gắng làm sao để việc nghỉ ngơi của đội ngũ binh sĩ mang nội dung tư tưởng. Tại các rạp chiếu phim và trên truyền hình, đan xen với các thước phim tài liệu, người ta thường cho chiếu các thước phim chiến đấu - giải trí mang nội dung chiến tranh - yêu nước. Những bộ phim ấy được xây dựng với trình độ nghề nghiệp cao và có ảnh hưởng mạnh đến người xem. Thông thường những bộ phim ấy do các hãng phim hàng đầu ở Hôliút sản xuất theo các đơn đặt hàng của Lầu Năm Góc. Đôi khi quân đội chi một số tiền nào đó để dàn dựng bộ phim thương mại mà phía quân đội quan tâm. Trong các doanh trại quân Mỹ tồn tại một sự kiểm duyệt kín đáo, nhưng rất nghiêm ngặt đối với các buổi biểu diễn ca nhạc, các bộ phim đem chiếu, các loại sách báo. Tuy vẻ bề ngoài hết sức dân chủ, nhưng mọi sự bất đồng tư tưởng đều bị chặn đứng kiên quyết.

Ở Mỹ người ta dành sự chú ý đặc biệt cho

công tác giáo dục đội ngũ binh lính trong hải quân. Ví dụ, xin hãy xem công tác này được tổ chức như thế nào trên tàu sân bay *Chester W. Nimitz*.

Các đại diện của giới cầm quyền và của bộ chỉ huy quân sự Mỹ chỉ đạo công việc này. Kể từ năm 1975, khi tàu sân bay này đi vào hoạt động, họ đã thường xuyên đến thăm tàu sân bay này. Các nghị sĩ Quốc hội, các nhà quân sự và các chính trị gia đã từng đến thăm tàu sân bay này.

Những người trực tiếp làm công việc tổ chức và tiến hành các hoạt động giáo dục là những sĩ quan thông tin thuộc biên chế của tàu, hai vị linh mục và một sĩ quan phụ trách việc tổ chức nghỉ ngơi, giải trí của đơn vị, ngoài ra còn có một số hội đồng ngoài biên chế, các cán bộ tuyên truyền, v.v..

Các hành vi tiến hành "các cuộc trao đổi chính trị" trên tàu sân bay này đều gánh chịu những biện pháp trừng trị khác nhau, bao gồm: ngồi tù một năm, bị phạt tiền với mức 5000 đôla hoặc lập tức bị thải hồi.

Đại bộ phận lính thủy trên tàu sân bay đều tin vào "tính chất đặc biệt" của tất cả những gì là của Mỹ, tin vào ưu thế của nền dân chủ kiểu phương Tây, họ có thái độ khinh miệt những đại diện của các nước khác và các dân tộc khác. Đó là bằng chứng về hiệu quả tác động tư tưởng lên đội ngũ binh lính.

Trên tàu sân bay này có xuất bản tờ báo hằng ngày *USS Nimitz News*. Thông thường, tờ báo đăng tải những thông tin được chọn lọc đặc biệt, sau khi nhận được bằng têlêtip từ các hãng tin của Mỹ. Tờ báo này đăng các bài vở nói về sinh hoạt trên tàu và cả những mẩu chuyện hài hước, v.v.. Tàu sân bay này được cung cấp đều đặn một số lượng lớn sách, sách mỏng, báo và tạp chí. Phần lớn số sách trong thư viện trên tàu là những sách có nội dung hình sự và các sách có nội dung chính trị.

Tàu sân bay "*Chester W.Nimitz*" có các phòng kỹ thuật truyền hình và phòng phát thanh với những trang bị tối tân nhất, trị giá hơn hai triệu đôla. Điều này cho phép sử dụng rộng rãi các chương trình truyền hình và phát thanh của các đài phát đặt trên bờ, những bộ phim ghi lại những chương trình hoạt động của tàu sân bay này.

Các linh mục trên tàu duy trì các mối quan hệ chặt chẽ nhất với các cộng đồng tôn giáo ở Norphônơ và ở một số hải cảng Tây Âu, đã nhiều lần cùng với họ tổ chức những hoạt động khác nhau nhằm giáo dục các binh sĩ trên tàu trong tinh thần tôn giáo.

Tại Norphônơ đã thành lập câu lạc bộ các bà vợ của các sĩ quan và câu lạc bộ các bà vợ của các thủy thủ và các hạ sĩ quan trên tàu. Việc này nhằm gây ảnh hưởng đối với cả các

thành viên gia đình quân nhân.

Công việc nghỉ ngơi giải trí của đội thủy thủ trên tàu được lập kế hoạch và được hướng dẫn. Việc theo dõi công tác này trước hết thuộc về trách nhiệm của viên sĩ quan phụ trách khâu nghỉ ngơi, giải trí của đơn vị. Trên tàu sân bay còn thành lập các tổ nhóm văn nghệ, các đội ca múa, thể thao.

Tuy nhiên, bức tranh sẽ không toàn diện, nếu không nói đến ảnh hưởng của “giới tình báo” Mỹ đối với báo chí. Như đã biết, CIA và các cơ quan đặc vụ khác có quan hệ chặt chẽ nhất với giới báo chí, sử dụng các nhà báo để thực hiện những hoạt động bí mật.

Nếu đề cập về đề tài của báo chí nói về hoạt động của các nhân viên tình báo Mỹ, thì trong lĩnh vực này có thể thấy mọi thứ: từ những tác phẩm nghiêm túc, có chiều sâu, cho đến những truyện trinh thám rở tiền ca ngợi những chuyện mạo hiểm của các nhân vật Giêm Bônđơ hiện đại.

Cơ quan tình báo của Mỹ sử dụng sự giúp sức của một số tổ chức. Ví dụ, trong số những tổ chức ấy có các nhà xuất bản như “Prague Publication”, “Bedfood Publication”, “McGraw Hill Publishing Company”, nhiều ấn phẩm của những người lưu vong, hàng chục ấn phẩm định kỳ và các đài phát thanh trên tất cả các châu lục.

“Không còn có những điều bí mật nữa”. Có

thể thường xuyên được nghe thấy câu nói ấy từ cửa miệng các chính khách, các danh nhân, các cá nhân. Thật vậy, làm sao còn có thể nói đến những điều bí mật nào đó, nếu như đã hơn hai năm nay Cục tình báo Trung ương Mỹ (CIA) không thể đối phó được với dòng thông tin công khai mang ý nghĩa tình báo. Nhằm giải quyết nhiệm vụ này, các nhân viên của CIA đã sử dụng mạng thông tin trên các kênh mở OSIS. Tuy nhiên, tiềm lực của mạng thông tin này chưa được sử dụng hết công suất. Do vậy, từ ngày 1-8-1997, Mỹ đã tạo điều kiện cho các Chính phủ Ôxtrâyli-a, Canada và Anh sử dụng mạng thông tin này. Người ta dự định tiếp tục mở rộng các đối tượng sử dụng mạng thông tin nhờ có thêm Ixraen (với hy vọng thu nhận thêm thông tin của nước này) và một số nước vùng Xcăngđinavơ. Hơn nữa, theo ý kiến của tiến sĩ Maccôvich, người đã nghiên cứu nhiều về các kênh của thông tin mở, việc thu nhập các thông tin không bí mật ở một nước nào đó không thể là cái cớ gây ra sự lo lắng, mà nói đúng ra, đó là điều đáng tự hào.

Mới đây trên các báo chí công khai hé lộ tin tức cho biết cơ quan an ninh quốc gia của Mỹ đã ghi âm tất cả các cuộc nói chuyện qua điện thoại tại các nước mà cơ quan an ninh quốc gia của Mỹ quan tâm. Nhưng vì không đủ khả năng “sàng lọc” được thông tin, nên nó đã gác lại việc

phân tích cặn kẽ những thông tin ấy đến một lúc nào đó trong tương lai tươi đẹp, khi mà những khả năng kỹ thuật sẽ cho phép thực hiện được việc này.

Việc săn lùng các bí mật của người khác ngày càng trở thành một việc làm chuyên nghiệp. Tham gia vào công việc này có các cựu nhân viên cảnh sát và đặc vụ, là những người làm việc dưới cái “vỏ bọc” thám tử tư. Thám tử tư ngày nay, trên thực tế, có thể tiếp cận mọi loại thông tin. Một đại diện của nghề này - xin giấu tên - đã nói thế này: “Nếu ngài có đủ tiền bạc thì ngài có thể có được mọi thứ muốn có”. Một thám tử khác nói: “Tôi chưa bao giờ nghe nói đến một tài liệu mà tôi lại không thể có được nếu tôi cố gắng có được nó”. Hóa ra, không một thám tử nào, trong số những thám tử được hỏi ý kiến, lại coi trọng những hạn chế trong việc tiết lộ thông tin. Họ giải thích nguyên nhân tại sao đối với họ lại không có những thông tin không thể tiếp cận được. Tất cả đều dựa trên những sự tiếp xúc. Trước hết là qua tiếp xúc với những đồng sự cũ. Từ đó hình thành nên những mắt xích, và lần theo những mắt xích ấy có thể đến được nguồn thông tin cần thiết.

Từ sau ngày 11-9-2001, sau khi xảy ra những hành động khủng bố, tính bất khả xâm phạm của đời tư đã trở thành điều ảo hưởng, vì người ta đã huỷ bỏ nhiều hạn chế đối với hoạt động

của các cơ quan đặc vụ.

Người ta sử dụng phương pháp “bôi nhọ danh tiếng” và xâm nhập vào những bí mật của người khác trong trường hợp lấy mục đích biện minh cho thủ đoạn. Còn các hình thức, phương pháp, biện pháp - những cái đó tùy thuộc vào nhiệm vụ cụ thể.

Báo chí tôn giáo có ảnh hưởng lớn đến tâm trạng - tư tưởng của dân chúng. Nếu nói về nước Mỹ, thì báo chí tôn giáo có truyền thống đứng trên những lập trường cố hữu. Bản thân sách báo ở Mỹ cũng bắt đầu từ việc in ấn các cuốn sách có nội dung tôn giáo. Đầu thế kỷ XX, trên lãnh thổ nước Mỹ đã có 952 ấn phẩm định kỳ được xuất bản với nội dung đạo đức - tinh thần, nhưng chủ yếu với nội dung tôn giáo.

Mỹ là nước có nhiều tôn giáo. Tại đất nước này, trên thực tế, có tất cả các học thuyết tôn giáo hiện đang tồn tại trên thế giới. Người ta thường gắn hiện tượng này với sự thật là đa số dân cư nước này đều xuất thân từ những di dân hoặc là con cháu của các di dân đến đây từ nhiều quốc gia khác. Quyền tự do tín ngưỡng ở đây đã cho phép những di dân ấy gìn giữ tín ngưỡng của mình. Hơn 100 tín ngưỡng khác nhau, mỗi tín ngưỡng có chừng 50 nghìn tín đồ. Tổng cộng ở Mỹ có hơn 140 triệu tín đồ. Hàng chục tôn giáo nhỏ có tổng cộng khoảng 2 triệu tín đồ.

Những tôn giáo lớn nhất là đạo Tin lành - khoảng 79 triệu tín đồ; Thiên Chúa giáo La Mã - 52 triệu tín đồ; Do Thái giáo - 5,8 triệu tín đồ, chính thống giáo và các nhà thờ Thiên Chúa giáo phương Đông khác - 4 triệu tín đồ; các tín đồ Công giáo cổ - 1 triệu; Phật giáo - 100 nghìn tín đồ.

Nếu nói đến những dòng tôn giáo đông đảo trong số những dòng tôn giáo chính ấy thì giáo phái lớn nhất trong số các nhà thờ Tin lành là giáo phái Tẩy lễ miền Nam - 14,3 triệu tín đồ. Đại bộ phận dân cư da đen đều tự coi mình thuộc Giáo phái Tẩy lễ quốc gia của Mỹ, có 5,5 triệu tín đồ. Với sự tham gia tích cực của Martin Luther King, chiến sĩ đấu tranh cho các quyền của dân da đen, năm 1961 đã thành lập giáo phái Tẩy lễ quốc gia tiến bộ, với số lượng 1 triệu tín đồ. Giáo phái Lute ở Mỹ có 2,9 triệu tín đồ, giáo phái Lute ở Mitxuri có 2,6 triệu tín đồ, giáo phái Prêxvitơ ở Mỹ có 3 triệu tín đồ. Giáo phái Chúa tái sinh ngày thứ bảy có 640 nghìn tín đồ.

Một số nhóm tôn giáo gồm những giáo phái khác nhau có ít tín đồ. Ví dụ, giáo phái Thiên chúa xiônít tự do chỉ có 100 tín đồ. Giáo hội công giáo tự do có 200 tín đồ, giáo hội "Thân thể chúa Kitô" có 1000 tín đồ, giáo hội Phúc Âm có khoảng 160 tín đồ, còn giáo hội khởi thủy Thượng đế sống, trụ cột và khẳng định chân lý, hay là giáo hội Thượng đế, gồm có 400

tín đồ là những người Do Thái da đen.

Những năm gần đây đã xuất hiện một xu hướng giảm tỷ lệ tín đồ đạo Tin lành trong tổng số tín đồ các tôn giáo. Đồng thời, trước câu hỏi: "Các quý vị có tin vào Chúa không?" thì 90% người Mỹ trả lời là có tin. Người ta đến nhà thờ đều đặn. Ở tuổi càng cao thì chỉ số đến nhà thờ càng cao. Đối với độ tuổi 18 - 29 chỉ số ấy là 62%, tuổi 30-49 tỷ lệ là 69%, và tuổi 50 và trên 50 tuổi tỷ lệ ấy là 78%.

Những câu hỏi cụ thể hơn đã dẫn đến những kết quả như sau. Trong số những người Mỹ trưởng thành có 67% tin vào sự tồn tại của vương quốc Thượng đế, tức là họ không hoài nghi về sự tồn tại cuộc sống ở thế giới bên kia. 88% tín đồ cho rằng sau khi họ qua đời thì trước mắt họ sẽ mở ra cánh cổng của thiên đường và họ sẽ được bước vào đó. Theo ý kiến của những người được hỏi, tôn giáo có ảnh hưởng tốt đẹp nhất đến sự hình thành nhân cách của đứa trẻ. Quan điểm này nhận được sự đồng tình của 30% số đàn ông và 41% số phụ nữ.

Dĩ nhiên, tư tưởng tôn giáo cũng phải được phản ánh cả trong báo chí. Tất cả các tôn giáo chính đều có các tờ báo và tạp chí, các đài phát thanh và truyền hình của mình. Đương nhiên, hoạt động của những phương tiện ấy là nhằm duy trì và tái sinh tinh thần tôn giáo trong dân chúng, dưới mọi hình thức.

Tờ báo lớn nhất mà người ta chính thức đưa vào diện những tờ báo tôn giáo - đó là tờ *Christian Science Monitor* được thành lập năm 1908. Báo được "Hội khoa học Thiên Chúa giáo" xuất bản ở Boston. Theo truyền thống, những người lãnh đạo ấn phẩm này giữ vai trò quan trọng trong các giới chính trị - xã hội ở Mỹ. Ví dụ, một trong số các chủ biên của báo này ông Eevin Kênhem, đồng thời là Chủ tịch Hội các chủ biên báo của Mỹ, Chủ tịch Ủy ban tham vấn bên cạnh Tổng thống Mỹ về các vấn đề thông tin, Chủ tịch Phòng thương mại. Tờ báo này xuất bản với 3 ấn bản: ấn bản Đại Tây Dương, ấn bản Thái Bình Dương và ấn bản Trung Tâm. Tại Boston người ta chỉ bán ra một lượng nhỏ trong tổng số lượng phát hành. Tờ báo được phát hành trên toàn quốc, cũng như ở nước ngoài.

Mặc dù về phương diện hình thức, báo *Christian Science Monitor* là tờ báo tôn giáo, nhưng trên thực tế đó là một tờ báo mang tính chất hoàn toàn thế tục. Chỉ có một trang của báo này là thuần túy dành cho đề tài tôn giáo, nói chính xác hơn, dành để phục vụ các mục tiêu của "Hội Khoa học Thiên chúa giáo".

Các cộng đồng tôn giáo có cơ sở tài chính khác nhau. Vì vậy, việc sở hữu chính thức các phương tiện thông tin đại chúng của họ cũng khác nhau. Ví dụ, giáo hội thống nhất Mun, có các chi nhánh của mình ở 130 nước trên thế

giới, xuất bản tờ báo hằng ngày theo xu hướng cực hữu là tờ *Washington Times*. Tờ báo được thành lập bởi nhà truyền giáo nổi tiếng người Hàn Quốc Nun Xen Mơn vào năm 1982 và xuất bản ở Washington (quận liên bang Côlômbia) với số lượng phát hành 100 nghìn bản.

Những cộng đồng tôn giáo khác không có được những khả năng như vậy. Tuy nhiên, họ cũng cố gắng làm công việc kinh doanh báo chí.

Chẳng hạn, tại New York có xuất bản tuần san công giáo theo khuynh hướng cực hữu, tờ tuần san *American*. Nó có số lượng phát hành gần 38 nghìn bản. Ngoài ra đề tài tôn giáo, tuần san này còn đề cập đến những vấn đề chính trị - xã hội quan trọng nhất.

Nói đúng ra, có lẽ ở Mỹ không có nhu cầu xuất bản những tờ báo và tạp chí thuần túy mang tính chất tôn giáo, vì tất cả các ấn phẩm chính trị chung đã dành một vị trí to lớn cho chủ đề tôn giáo. Vì quy mô hoạt động của các ấn phẩm thuần túy tôn giáo là có giới hạn về một phương diện nào đó (những ấn phẩm ấy chỉ phục vụ các tín đồ, hơn thế nữa, chỉ phục vụ một giáo phái nào đó mà thôi), cho nên việc quảng bá các tư tưởng tôn giáo, cũng như các chủ thuyết chính trị - xã hội của giáo hội sẽ có hiệu quả nhất chính là thông qua các ấn phẩm thế tục.

Về cơ bản, những bài viết có liên quan ít

nhiều đến đề tài tôn giáo đều tập trung trong những chuyên mục có trong tất cả các báo và tạp chí. Thông thường đó là những bài viết được soạn thảo bởi những chuyên gia có trình độ và kinh nghiệm về thần học.

Đã có được quan hệ chặt chẽ với các phòng thông tin của các tổ chức tôn giáo khác nhau, với các đại diện của giới tăng lữ. Những giáo lý tôn giáo cũng chứa đựng trong những bài vở mang tính chất phổ quát, đặc biệt trong những bài vở mang tính chất chính trị.

Mọi người đều biết “lòng kính Chúa” của cựu Tổng thống Mỹ R.Rigân. Do ông này thường hay viện dẫn Kinh thánh, một cách đúng chỗ cũng như không đúng chỗ, nên các nhà báo đã gọi ông Rigân là Giáo hoàng Rôni I. Chẳng hạn, khi còn cầm quyền ông Rigân cho các nhà báo biết rằng trước khi ra lệnh cho các chiếm hạm Mỹ mở đầu cuộc bắn phá Bâyrút, ông ta đã đọc Kinh thánh, đặc biệt ông đã chăm chú đọc đoạn mô tả Acmahêdon. Ông ta cũng chia sẻ những suy nghĩ này với một trong số những nhân vật lãnh đạo giới vận động hành lang thân Ixraen trong Nhà Trắng.

Tờ *The New York Times* viết như sau: “Khi một chính trị gia tuyên bố rằng Thượng đế chúc phúc cho bản cương lĩnh của ông ta thì điều đó trở nên đặc biệt nguy hiểm... nếu như có điều gì đó phi pháp trong hệ thống của Mỹ, thì đó là

việc sử dụng phương pháp hùng biện tôn giáo để quảng cáo cho cương lĩnh chính trị”.

Hiện tượng thú vị trong hiện thực nước Mỹ có tên gọi “nhà thờ điện tử”. Người sáng lập ra “nhà thờ điện tử” là chuyên gia về Phúc âm trên đài truyền hình Rôbốt Rôbectơxơ. Ông này là người đầu tiên sử dụng trường quay truyền hình làm bộ Thánh. Tuy nhiên, trên sóng đài truyền hình ông này tuyên bố trực tiếp với 800 nghìn khán giả truyền hình rằng nếu đến một thời điểm nhất định (có ghi chú đến ngày 1-4) mà ông ấy không quyên góp được 8 triệu đôla thì Chúa sẽ đưa ông về với Chúa. Để không trở thành nguyên nhân cái chết non của vị truyền giáo khả ái, người xem truyền hình đã phải móc túi của mình ra.

Lại có một nhà truyền giáo khác trên truyền hình, ông Gimi Xâuhactơ, đã xa hơn thế: ông ta kêu gọi hãy đóng góp không chỉ thông qua kênh truyền hình, mà còn thông qua các mạng máy tính cá nhân. Số tiền thu được mỗi ngày của Xâuhactơ là 400 nghìn đôla.

Sự phát triển như vũ báo của “nhà thờ điện tử” được mở đầu trong những năm 1970. Những nhân vật nổi tiếng được nhiều người biết đến là các nhà truyền giáo Giêri Phôluên, Gimi Bécơ, Rôbốt Sulơ. Thường thấy nhất là các nhà truyền giáo của “nhà thờ điện tử” thuộc vào cái gọi là giáo phái nền tảng cánh hữu. Công chúng nghe

họ thuyết giảng là hàng triệu người Mỹ.

Tuy nhiên, trong những năm 1980 bản thân những nhà truyền giáo đã giáng một đòn chí tử vào uy tín của “nhà thờ điện tử”. Số là, việc chạy theo siêu lợi nhuận đã đẩy họ vào cuộc chiến sinh tử chống lại nhau. Nạn nhân đầu tiên là Gimi Bécơ. Một trong những câu chuyện “giật gân bất ngờ” trong đời tư của vị truyền giáo này là vụ tai tiếng với cô thư ký 21 tuổi thuộc giáo xứ ở Long Ailenđơ (New York) Giêxica Han. Vụ việc này được giữ kín. Tuy nhiên, sau đó 7 năm Xâuhactơ nhận được từ các nhà báo những bằng chứng không thể bác bỏ được về tội lỗi của đồng sự ở Maiami. Bécơ đã phải bỏ ra 265.000 đôla để người đẹp và những nhân vật bảo trợ cô ta im lặng, song câu chuyện ấy vẫn bị lộ ra. Xâuhactơ đã đưa Bécơ xuống tận bùn đen và vạch ra kế hoạch chiếm “nhà thờ điện tử” của đối thủ cạnh tranh với mình. Thế nhưng, đến đây mục sư Macvin Gorman, người đã từng bị Xâuhactơ làm cho phá sản, đã thuê thám tử tư và tóm được kẻ xấu xa ấy với chính tội lỗi ấy. Vì Macvin Gorman cũng bị tố giác phạm tội không chung thủy, cho nên Xâuhactơ đã thử sám hối công khai và qua đó xin các giáo hữu tha thứ. Nhưng Phôluelơ đã gia nhập cuộc chiến. Ông này tìm cách chiếm lấy Hãng truyền hình PTL của Bécơ với số tiền thu hàng năm 129 triệu đôla. Tuần san *Jim and Baket* được chuyển tải

trên truyền hình cáp đến 13 triệu hộ dân. Kết quả là Bécơ đã tuyên bố rằng Phôluenơ là kẻ thù ác độc nhất của ông ta, là kẻ đã cướp đi Hãng truyền hình PTL. Phôluenơ đã lập tức trả lời. Ông ta tuyên bố: “Ông Bécơ có trí nhớ tồi, hoặc ông ấy là con người không trung thực, hoặc là một bệnh nhân tâm thần”. Hơn thế nữa, ông ấy còn nói thêm rằng ông ta có những bằng chứng cho thấy Bécơ là một kẻ đồng tính luyến ái. Các nhà Truyền giáo bị cơn lốc xìcăngđan lôi cuốn nên đã không nhận ra rằng họ đã giáng đòn chí tử vào toàn bộ “nhà thờ điện tử” mà những khoản thu nhập của nó ở Mỹ đã giảm sút mạnh.

Khi đó các nhà truyền giáo Mỹ đã chuyển hoạt động của mình ra nước ngoài, đặc biệt là sang nước Nga.

Những nhân viên làm việc ở các ấn phẩm tôn giáo tập hợp thành các hội đoàn và các hiệp hội, trong đó có những hiệp hội mang tính chất nghề nghiệp. Chúng ta hãy lấy ví dụ về các nhà báo công giáo. Họ là thành viên của Liên hiệp quốc tế báo chí công giáo, được thành lập năm 1935. Các thành viên của Liên hiệp quốc tế này là Liên đoàn quốc tế các nhà báo Công giáo (thành lập năm 1926), Ủy ban Thường trực quốc tế các tổng biên tập báo chí công giáo (được thành lập năm 1926), Hiệp hội các đại diện báo chí công giáo (năm 1950) và những tổ chức khác. Hệ thống tôn ti thứ bậc chức sắc của giáo hội Công

giáo đã tạo tiền đề cho việc lãnh đạo báo chí công giáo được thực hiện từ Vatican. Ví dụ, tổ chức tăng lữ “Hành động của công giáo” đã thành lập, chỉ riêng ở Italia, những ấn phẩm sau đây: *Quotidiano*, *L’Avenire d’Italia*, *Italia*, *Nuovo Cittadino*, *Ordiner*, *Avenire patano*, *Eco di Bergamo* và những ấn phẩm khác. Các ấn phẩm công giáo tồn tại ở đa số các nước trên thế giới. Ở Anh có ấn phẩm *Catholic Herald*, ở Torinat và Tôbagô có ấn phẩm *Catholic News*, ở Ghana có ấn phẩm *Catholic Standard*, ở Hunggari có ấn phẩm *Catholicutxo*, ở Mỹ có ấn phẩm *Catholic Dagest* và những ấn phẩm khác.

Vào dịp Lễ phục sinh năm 1997 trên mạng Internet đã xuất hiện một trang đề cập giáo hội Công giáo. Đó là một điều giật gân. Chỉ trong một thời gian ngắn đã có gần ba triệu người truy cập trang này của Vatican. Chuyên mục này trên mạng Internet có gì mà hấp dẫn “các cư dân của thế giới điện tử” đến như vậy? Trước hết, nhờ nội dung của trang thông tin này. Vatican đầy tiềm năng đã giới thiệu với những người sử dụng mạng Internet về tiểu sử của ba vị giáo hoàng La Mã gần đây nhất, tất cả các thông điệp của giáo hoàng, các tài liệu lưu trữ của Vatican, phiên bản điện tử của các bảo tàng ở Vatican, kênh phát các chương trình của Đài Phát thanh Vatican, cũng như kinh bốn của giáo hội Công giáo La Mã. Các thông tin

được chuyển tải bằng các thứ tiếng: Italia, Anh, Pháp, Tây Ban Nha, Bồ Đào Nha và Đức. Người ta đang chuẩn bị mở đầu “phần hướng dẫn” bằng tiếng Ả-rập và tiếng Trung Quốc.

Trên mạng Internet có 3 máy tính phục vụ trang thông tin này của Vatican. Ba máy tính này mang tên của ba vị thánh. Máy “Rafail” chứa đựng toàn bộ khối lượng thông tin, máy “Gavril” thực hiện xử lý các thông điệp được gửi đến, còn máy “Mikhail” thì có nhiệm vụ vô hiệu hóa các virus máy tính.

Nhìn tổng thể thì báo chí tôn giáo là một lực lượng khá hùng hậu.

Sự phân hóa và chuyên biệt hóa báo chí cho phép nâng cao hiệu quả của các bài vở của báo chí, dài phát thanh và truyền hình, sử dụng các phương tiện hiện hữu với hiệu quả cao nhất.

V. THỰC TIỄN: SỰ ĐA DẠNG VÀ NÉT CHUNG

Hoạt động thực tiễn của báo chí nước ngoài hiện đại có đặc trưng đa dạng về hình thức và khuynh hướng. Nhà báo ngày nay hoạt động không phải trong một môi trường trù tượng của “độc giả tổng thể”, mà hoạt động trong những điều kiện cụ thể về lịch sử dân tộc, xã hội, kinh tế, chính trị và về những phương diện khác. Tuy nhiên, vẫn có thể nêu ra một số khuynh hướng mang tính chất chung nhất và có triển vọng.

Trước hết, cần nêu lên sự khác biệt về các quan điểm trong “báo chí học chuẩn xác” và trong “tân báo chí luận”.

Tiền thân của báo chí học chuẩn xác hiện đại là thuyết báo chí khách quan của Uyliam Rivót. Thuyết này ra đời để đối chọi lại thuyết báo chí tự do. Chính Rivót là tác giả của định nghĩa về tin tức, xem đó là “thông báo kịp thời về các sự kiện, các sự việc và những ý kiến được một số đông người quan tâm”.

Nói đúng ra, trong báo chí học đã từng nhiều lần cố gắng thử khẳng định tính khách quan. Ví dụ, ngay từ những năm 1920, một “phóng sự khách quan” đã được xây dựng trên những nguyên tắc loại trừ mọi yếu tố đánh giá trong bài vở được đăng tải. Theo ý đồ của những người tạo ra “phóng sự khách quan”, thì điều đó sẽ mở rộng rất nhiều số lượng độc giả. Nhưng cùng với thời gian, giới công luận đã phát hiện thấy một loạt khiếm khuyết của phương pháp này. Các nhà lãnh đạo của các phương tiện thông tin đại chúng và các nhà hoạt động nhà nước đã làm tất cả để chỉ có một quan điểm duy nhất, quan điểm chính thức, tồn tại trong các phương tiện thông tin đại chúng. Vì các quan chức tự quay lưng lại với các nhà báo bằng những cơ quan báo chí và bằng “những nhà báo đối nghịch” cho nên sự tiếp cận họ trở nên rất có giới hạn. Người ta cũng đã phát hiện thấy rằng chính “các lãnh tụ

của dân tộc” có thể nói ra không chỉ sự thật, mà có cả nửa sự thật, đôi khi nói ra cả những điều ngang nhiên không đúng sự thật. Kết quả là đã sút giảm sự tin cậy đối với những bản tin chính thức, hậu quả là giảm sự tin cậy vào toàn bộ giới báo chí.

Như lời nhận xét của E.Lambet, “có nhiều người cho rằng “phóng sự khách quan” có thể đóng vai trò tấm bình phong hỏa mù phục vụ cho những kẻ mạnh trên thế giới này, để nhờ tấm tình phong ấy người ta có thể quảng bá quan điểm chính thức mà không vấp phải một sự phân tích có phê phán”. Tiếp đó, ông Lambet khuyến cáo sử dụng những bài báo có tính chất phân tích để làm phương tiện đối phó lại.

Sự xuất hiện của báo chí học chuẩn xác được người ta gắn với tên tuổi của nhà nghiên cứu người Mỹ và là cựu phóng viên quân sự của Hãng *Night Newspapers* F.Mâyơ. Năm 1973 Mâyơ đã cho xuất bản tập sách mang đầu đề như vậy. Ông Mâyơ và những môn đệ của ông đã xuất phát từ ý kiến cho rằng những phương pháp truyền thống trong việc thu thập và xử lý thông tin đã tỏ ra lỗi thời rồi, không cho phép người ta kịp thời phát hiện thấy hiện tượng có ý nghĩa quan trọng tiềm tàng trong đời sống chính trị - xã hội, mà chỉ tập trung sự chú ý vào những sự kiện trước mắt. Từ đó họ đưa ra kết luận: nhằm loại bỏ những khiếm khuyết hiện hữu, các

nhà báo phải áp dụng những phương pháp xã hội học và những phương pháp của các khoa học khác để thu thập, xử lý thông tin. Phương pháp của báo chí học chuẩn xác là ở chỗ: Bản thân việc đo lường, phân tích xã hội học, toán học và những phương pháp khác tự chúng đã làm cho bài vở đăng tải trở nên chính xác và đúng đắn.

Trong báo chí học hiện đại có một khuynh hướng khác mang một loạt tên gọi: chủ thuyết luận, tân văn bản luận, tân báo chí luận. Thực chất của khuynh hướng này bắt nguồn từ hoạt động báo chí của các nhà văn nổi tiếng vào đầu thế kỷ XX, nhưng nó đã được hiện đại hóa đi đôi chút. “Tân báo chí luận” đã được các nhà nghiên cứu Nga cũng như các nhà nghiên cứu ngoại quốc nghiên cứu khá đầy đủ. Chỉ cần kể ra ở đây tác phẩm của V.X.Xôcôlốp “Tân báo chí luận” của Mỹ - luận thuyết thần thoại xã hội, trong đó có sự phân tích chi tiết về thuyết này.

Định hướng luận điểm bắt nguồn trước hết từ báo chí chính trị. Ví dụ về quan điểm mới đối với báo chí chính trị là loạt bài viết của Têôđô Oaitơ: “Tổng thống được tạo ra như thế nào”, đề cập hoạt động hậu trường của các chiến dịch vận động chính trị. Oaitơ có nhiều môn đệ. Tân báo chí luận hưng thịnh cho đến những năm 1990. Chính là trong thập kỷ cuối của thế kỷ XX thuyết này lại trở thành một trong những khuynh hướng phổ biến nhất trong hoạt động

thực tiễn báo chí nhờ cuốn sách của E.Điônê “Vì sao người Mỹ ghét chính trị” và nhờ có những bài vở báo chí được đăng tải sau khi cuốn sách ấy được xuất bản.

Cơ sở của “Tân báo chí luận” là phóng sự tài liệu, có sử dụng các yếu tố của văn học: cốt truyện, lời thoại, những đặc tính chi tiết của các nhân vật, v.v.. Trong một số trường hợp các tác giả của những tác phẩm loại này thay thế sự việc xảy ra bằng “sự việc giả định”, có khi bằng sự việc hư cấu nghệ thuật trực tiếp, vì họ cho rằng việc phản ánh nhân vật điển hình trong những hoàn cảnh điển hình có ý nghĩa quan trọng hơn là tính chính xác của văn bản. Điều đó đã tạo điều kiện cho B.Uôtenbecơ mô tả bằng những khác biệt giữa báo chí học “chuẩn xác” và “tân” báo chí học: “Ngày nay chúng ta có những phương tiện - thống kê dân số, thăm dò công luận, các kết quả chi tiết của bầu cử - cho phép chúng ta đạt được sự chính xác và nói với chúng ta nhiều điều về mọi người. Và chính vào thời đại kỹ thuật thu thập các số liệu thống kê trở nên hoàn hảo thì “những nhà báo mới” quý quái ấy đã say mê với trò tự phân tích đến mức họ không còn thấy gì xa hơn cái rốn của mình. Vấn đề là khi các vị đưa các tin đồ vào bài báo thì điều đó làm cho mọi người chán ngấy. Nhưng mặt khác, khi tôi làm việc trong Nhà Trắng và nắm biết tất cả mọi

bí ẩn của những điều diễn ra trên thực tế, thì việc đọc các bài vở của “các nhà báo mới” giống như việc đọc các truyện cổ tích của trẻ em. Đó là chủ nghĩa ẩn tượng chính trị”.

Tuy nhiên, những người theo “chủ thuyết luận” đã giành được một vị trí nhất định trong các ấn phẩm trí tuệ và đã cho thấy rằng báo chí và văn học hoàn toàn có thể tồn tại ngay cả trên các trang của các ấn phẩm báo chí định kỳ.

Trong thực tiễn báo chí ở Mỹ đã xuất hiện một khuynh hướng mới nhất, đó là cái gọi là báo chí học xã hội hay báo chí học nhân dân mà trên đây đã đề cập. Những người theo khuynh hướng này đặc biệt tích cực sử dụng những công trình nghiên cứu lý luận và kinh nghiệm thực tiễn đã được khai thác trong tiến trình các chiến dịch vận động bầu cử. Người Mỹ nhận thấy rằng trong mọi xã hội dân chủ các cuộc bầu cử đều làm cho đời sống chính trị - xã hội được đẩy mạnh hẳn lên. Nhưng đồng thời những cuộc chạy đua để giành lá phiếu càng ngày càng giống như những cuộc tranh tài thể thao, trong đó phần thưởng là chức vụ được bầu. Các ứng cử viên ngày càng hay quay lưng lại với những vấn đề bức xúc, họ chỉ làm một việc là giành “điểm” cho mình, nâng cao số điểm đạt được. Còn các nhà báo cũng bắt đầu xem các chiến dịch vận động bầu cử như là những sơ trình diễn hoặc những cuộc thi đấu thể thao.

Do những nỗ lực của các nhà báo và những nhân viên làm công tác quảng cáo danh tiếng của các ứng cử viên, cho nên phần nội dung của các cương lĩnh tranh cử đã bị đẩy ra khỏi tầm mắt của độc giả, khán giả và thính giả. Nhưng bắt đầu xuất hiện những quy tắc khác nhau mà các ứng cử viên và êkíp của họ phải tuân thủ. Năm 1992 người ta đã đề ra những quy tắc chặt chẽ cho những cuộc tranh luận trên truyền hình. Các nhà báo và các nhân viên tạo danh tiếng cho các ứng cử viên bắt đầu làm công việc phân tích quảng cáo và phản quảng cáo của các ứng cử viên, buộc họ phải chơi trung thực. Các bài vở báo chí mang tính chất phân tích đã bị loại bỏ vì không cần thiết, các ứng cử viên và các chuyên gia về quảng cáo chính trị đã tránh loại hình bài vở này.

Tình trạng ấy không thể không gây lo lắng cho tất cả những ai có tư duy lành mạnh. Những quỹ khác nhau và những tổ chức xã hội khác nhau bắt đầu chi tiền để làm cho các cuộc bầu cử trở nên thực tế. Muốn vậy, cử tri phải biết rõ không những về bề ngoài của ứng cử viên và biết xem ứng cử viên có khuyết tật gì trong đời tư hay không. Cử tri phải có điều kiện so sánh các cương lĩnh chính trị của các ứng cử viên, thấy được chủ thuyết nào đó về phát triển xã hội trong tương lai có thể dẫn đến đâu. Muốn vậy, cần tập hợp nỗ lực của các lực lượng nghiên

cứu, các nhà báo, các tổ chức cử tri, chẳng những cần thu hút cử tri vào chính thủ tục bỏ phiếu, mà còn thu hút cử tri tham gia thông tin về tiến trình diễn ra chiến dịch vận động bầu cử và thậm chí tham gia vào việc hình thành các cương lĩnh chính trị của các ứng cử viên. Nói tóm lại, báo chí phải gần gũi nhân dân hơn nữa.

Cuộc bầu cử tổng thống năm 1996 đã tạo cơ hội để kiểm tra hiệu quả thực tế của báo chí học “xã hội” hay là báo chí học “nhân dân”, như đôi khi người ta vẫn gọi nó với cái tên như vậy.

Những người đi theo khuynh hướng này cho rằng có mối quan hệ và sự hiểu biết lẫn nhau giữa công chúng, các phương tiện thông tin đại chúng và những cơ cấu phi chính phủ.

Để đạt mục tiêu này, người ta lập các nhóm công tác gồm thành viên là những tổ chức nghiên cứu của trường đại học, các phương tiện thông tin đại chúng, các tổ chức cử tri. Điều này cho phép thực hiện công việc quảng cáo hai chiều, phân phối lại kinh phí, v.v...

Trong khuôn khổ những nhóm công tác này, các phương tiện thông tin đại chúng bắt đầu lập ra các nhóm đối tác của mình gồm các đài phát thanh tư nhân, đài phát thanh công cộng, truyền hình, các tờ báo và tạp chí. Nhóm đối tác cho phép người ta chi phí một cách tiết kiệm tiền bạc, đạt được sự phối hợp trong công tác thông tin về các sự kiện, nâng cao hiệu quả của bài vở.

Tuân theo ý tưởng cho rằng các phương tiện thông tin đại chúng phải gần gũi hơn với nhân dân, các nhà báo thu thập các câu hỏi của cử tri để nêu ra những câu hỏi ấy với ứng cử viên. Trên các báo có một chuyên mục thường xuyên “chuyên mục về ứng cử viên”, trong đó đăng tải cương lĩnh, các câu hỏi của cử tri và những câu trả lời dành cho cử tri.

Các nhóm công tác xây dựng các đoàn cử tri nòng cốt và thường xuyên bổ sung cho ngân hàng máy tính những số liệu về tổ chức này, tức là những cử tri có thể cung cấp một sự trợ giúp thiết thực trong khâu thu thập, kiểm tra hoặc phát tán thông tin.

Các nhà nghiên cứu ở các trường đại học thực hiện phân tích cương lĩnh của ứng cử viên, bình luận về những cương lĩnh ấy và đưa ra những dự báo về kết quả việc thực hiện những cương lĩnh ấy trong cuộc sống.

Trong thành phần nhóm công tác của các tổ chức cử tri nhất thiết phải có các đại diện của giới tài chính - công nghiệp và của các quỹ từ thiện khác nhau.

Trong tiến trình diễn ra cuộc vận động bầu cử Tổng thống Mỹ năm 1996, nhóm công tác lập ra ở Xieton đã phân phát tập ghi các câu hỏi trong đó đề ra những câu giải đáp cho các câu hỏi về việc người trả lời quan tâm đến vấn đề gì, giữ lập trường như thế nào, v.v., tập ghi các câu hỏi ấy

đến tay các cử tri bình thường và các ứng cử viên tranh chức tổng thống. Người ta đem so sánh những câu giải đáp.

Những công dân bình thường thường ghi ý kiến của mình trả lời những câu hỏi ấy, kể lại những câu chuyện giản dị. Các nhóm đối tác của các phương tiện thông tin đại chúng thì đem phân tích các thông tin thu thập được, phản ánh trên báo chí những suy nghĩ quan trọng nhất của cử tri, thông báo cho họ biết về những điểm bước ngoặt trong chiến dịch bầu cử. Trong tiến trình diễn ra cuộc bầu cử các phương tiện thông tin đại chúng thường xuyên nhắc đến những quan tâm ưu tiên của một ứng cử viên nào đó.

“Báo chí học xã hội” cũng đề ra một sự thay đổi về hoạt động thực tiễn của các phương tiện thông tin đại chúng. Chẳng hạn, trong các tờ báo xuất bản hằng ngày đã bắt đầu xuất hiện hình thức đăng tải bài vở hiếm thấy trong báo chí đại chúng ở Mỹ, đó là những bài vở trong đó phần bình luận của tác giả và những ý kiến của tác giả nói về các sự kiện lại chiếm nhiều chỗ hơn là phần nội dung thông tin. Tức là báo chí Mỹ, xét về hình thức và nội dung, bắt đầu xích gần lại, một cách chậm chạp nhưng liên tục, với những khuôn mẫu báo chí trên lục địa châu Âu.

Đáng tiếc, trong cuộc bầu cử tổng thống năm 2000, kinh nghiệm được tích lũy bởi những người sáng lập và áp dụng các nguyên tắc của

“báo chí học nhân dân” đã không được nêu thành một đòi hỏi.

Vẫn tiếp tục có sự phát triển của hai khuynh hướng trong hoạt động thực tiễn của báo chí nước ngoài - đó là báo chí nghiên cứu và báo chí điều tra. Nhiều khi hai loại hình báo chí này gần giống với hoạt động “tìm bới bùn nhơ”. Hiện nay ở Mỹ có tổ chức của các nhà xuất bản và các ban biên tập thực hiện những cuộc điều tra qua báo chí. Tổ chức này có 3 nghìn thành viên.

Người đặt nền móng cho khuynh hướng này là Giêm Phranclanh. Tờ báo *New England Courant* (“Người đưa tin nước Anh mới”) ra số đầu tiên vào năm 1721. Câu chuyện ấy là như thế này. Trong thời gian diễn ra dịch bệnh đậu mùa, chính quyền thành phố đã tiến hành tiêm phòng cho dân chúng. Giêm Phranclanh đã gay gắt phản đối việc tiêm phòng và cho rằng như vậy là truyền virus bệnh đậu mùa sang người khỏe mạnh. Trong một loạt bài báo, ông ta đã vạch rõ những khiếm khuyết thực tế trong hoạt động của chính quyền thành phố. Kết quả là tiền lệ này đã làm xuất hiện cả một khuynh hướng trong hoạt động thực tiễn của báo chí Mỹ.

“Báo chí điều tra”, theo cách hiểu ngày nay, xuất hiện vào nửa đầu những năm 1960 và đã được phát triển rộng trong tiến trình diễn ra vụ xìcăngđan Oatơghét. Cuốn sách của hai người tham gia vụ điều tra - hai nhà báo thuộc tờ *The*

Washington Post là Becstanh và Vutvortơ - có nhan đề "Toàn bộ đội quân của Tổng thống" đã làm cho các nhà báo này thật sự trở thành những vị anh hùng dân tộc và nó đã đẩy lên một làn gió lãng mạn chung quanh nghề làm báo.

Công cụ của loại hình báo chí này là thể loại báo chí điều tra. Trong thể loại này thông thường người ta khám phá ra những sự việc nào đó do những cá nhân riêng lẻ hoặc các tổ chức che giấu công luận.

Những người theo "báo chí học điều tra" tự xem mình là những môn đồ của các "maegregor" ("những người bối mớ bùn nhơ") hồi đầu thế kỷ. Chính vào thời kỳ ấy đã xuất hiện những chiến sĩ tiên phong của "báo chí điều tra". Trường phái Maegregor kết hợp phương pháp phê phán xã hội mạnh mẽ với nhận thức sâu sắc về vấn đề được tìm hiểu, - đó là trường học mà W. Lípman, Têôđô Đraixơ, Giôn Rit, Giắc Lândơn, Eptơ Xinclơ, Irvin Xtâu đã kinh qua. Thể loại báo chí điều tra đã hưng thịnh trong các thời kỳ xảy ra bất ổn xã hội và diễn ra những phong trào cải cách. Sự phát triển của thể loại này cũng chịu ảnh hưởng của trình độ dân trí đã phát triển đến mức đủ để quan tâm tới phóng sự chi tiết và sâu sắc, ngoài ra cũng chịu ảnh hưởng của môi trường xã hội có thái độ dung chấp những quan điểm phê phán.

Thời kỳ đầu thế kỷ XX được đánh dấu bằng

sự xuất hiện ở Mỹ phong trào phản kháng xã hội, được mệnh danh là “phong trào cấp tiến”. Phong trào này nhằm chống lại tệ nạn vợ vét và tham nhũng ở Mỹ và kết hợp sự phê phán xã hội với đòi hỏi về cải cách. Thập kỷ cấp tiến trong hoạt động báo chí Mỹ đã gắn với lịch sử trào lưu “Maegregor”. Người ta cho rằng chính thuật ngữ ấy đã được sử dụng trong bài diễn văn ngày 14-4-1906 của Têôđô Rưđôven, mặc dù từ trước đó, chính là vào ngày 10-2 cùng năm đó, thuật ngữ này đã xuất hiện trong một đầu đề của tạp chí *Colliers Magazine*. Những bài báo gay gắt phê phán các tờ rớt, tầng lớp đầu sỏ tài chính, những sản phẩm có chất lượng kém và những vụ lạm dụng của các Công ty đường sắt, - đã xuất hiện trên các tờ báo hàng ngày và trong các tạp chí đại chúng, như tờ *Maccluwexơ* và *Colliers Magazines*. “Những người đào bới bùn nhơ” là tên gọi của “nhóm nhà văn và các nhà chính luận đã đề ra cho mình nhiệm vụ thu hút sự chú ý của xã hội Mỹ vào đủ các loại hiện tượng lạm dụng và tham nhũng diễn ra trong tất cả các lĩnh vực đời sống xã hội Mỹ và họ chủ trương tiến hành một số cải cách dân chủ. Vào đầu thế kỷ XX trong nền báo chí Mỹ đã diễn ra một sự bùng nổ. Sự xuất hiện của những “Maegregor” được đánh dấu bằng việc xuất bản, vào năm 1902, cuốn sách của Linhcôn Xtêphênxơ có nhan đề là “Vết nhơ của các thành

phố" (The Shame of the cities). Cuốn sách này nói về nạn tham nhũng trong chính quyền các thành phố lớn ở trong nước. Các tạp chí *Maccluoexơ*, *Colliers*, *Cosmopolitan Magazine* đã công bố các tài liệu vạch trần trò gian lận trong việc cấp các giấy phép kinh doanh, sự lạm dụng những quyền lợi cá nhân của các nghị sĩ Thượng viện đã khiến cho nạn tham nhũng nở rộ, đưa tin về làn sóng khiêu nại của người lao động đối với các vụ làm tiền lan tràn khắp các thành phố lớn, từ Sicagô đến Xan Phranxixcô.

Thời kỳ ngự trị của chủ nghĩa Mácxácơ có đặc trưng là áp đặt những quan điểm "chính thức" trong việc phản ánh thực tại, mọi lời chỉ trích đều bị xem là nổi giáo cho kẻ thù.

Đến cuối những năm 1960 mới xuất hiện các điều kiện chính trị - xã hội cho làn sóng mới của điều tra báo chí. Những cuộc đấu tranh ở Mỹ và ở các nước Tây Âu gợi lại tình thế cách mạng hồi đầu thế kỷ XX. Tuy nhiên, tình thế chính trị ổn định, sau thời kỳ sóng gió, trong các chương trình nghị sự lại đặt vấn đề hạn chế nào đó các bài báo chỉ trích. Giờ đây những nhà báo ấy lại bị coi là sự phá hoại nền tảng của dân chủ.

Theo ý kiến của Giôn Unmen, tác giả cuốn sách "Những cuộc điều tra của báo chí: những phương pháp và kỹ thuật hiện đại", thì định nghĩa tốt nhất về báo chí điều tra là định nghĩa của cựu Phó Tổng biên tập điều hành của báo

News Day Rôbôt Grin: “Đó là những tài liệu báo chí - thường dựa trên công việc và sự chủ động của bản thân nhà báo về một đề tài quan trọng mà một số cá nhân hoặc một số tổ chức muốn giữ kín. Có ba yếu tố cơ bản: nhà báo tiến hành cuộc điều tra mà không được một người nào khác thực hiện; đề tài của tài liệu điều tra lại khá quan trọng đối với người đọc hoặc người xem; những người khác thì tìm cách che giấu công luận về những sự việc được vạch trần trong điều tra”. Tác giả cũng đã nêu tên tuổi những đại diện ưu tú của khuynh hướng này. Đó là các ông Gim Xtilor, Đông Baclet, Rôbôt Grin, Lu Kindơ, mỗi người trong số những nhân vật này đều đã nhận hai giải thưởng Pulítxơ.

Nhà báo, khi tiến hành điều tra, thường nhận được sự ủng hộ tối đa có thể có từ phía công luận và chính quyền. Một mặt, điều đó dẫn đến hiệu lực cao của các bài đăng, mặt khác, dẫn đến việc gây ra những cuộc điều tra có lợi về phương diện chính trị. Một số nhà nghiên cứu có ý kiến nhận xét rằng ở Mỹ những cuộc điều tra thuần túy của báo chí đã bắt đầu được thay thế bằng những tài liệu khai thác từ các báo cáo của Cục điều tra liên bang.

Tuy nhiên, các nhà phân tích tỉnh táo lại cho rằng báo chí điều tra hoàn toàn chưa lỗi thời. Đơn giản cần phải tìm ra những phương pháp không chỉ để ghi nhận những thiếu sót, mà còn

cần phải chỉ ra những phương cách khắc phục chúng. Nghĩa là sự phê phán phải mang tính chất xây dựng.

Trong 1/4 cuối thế kỷ qua, hoạt động thực tiễn của báo chí nước ngoài đã xuất hiện một khuynh hướng rất mạnh mẽ, - đó là báo chí tiêu dùng. Loại báo chí này nhằm thỏa mãn các nhu cầu của những người mua sắm các loại hàng hóa khác nhau và của những người sử dụng các loại dịch vụ. Chỉ cần nói rằng các ấn phẩm thuộc khuynh hướng này đã chiếm vị trí đứng đầu về số lượng phát hành so với tất cả các loại ấn phẩm đại chúng khác. Các chương trình của đài phát thanh và các chương trình truyền hình được hướng vào đề tài báo chí tiêu dùng, mạng Internet cũng được sử dụng mạnh mẽ vào mục đích này.

Nhiệm vụ của khuynh hướng báo chí này là đảm bảo an toàn cho người tiêu dùng tránh mua phải các hàng hóa, dịch vụ phẩm chất kém, định hướng cho người tiêu dùng trong thế giới thương mại và trong những lĩnh vực khác, thúc đẩy việc phổ biến kinh nghiệm tiên tiến trong lĩnh vực phục vụ thương mại, sinh hoạt và các lĩnh vực khác phục vụ cho dân chúng.

Các ban biên tập định hướng vào hoạt động báo chí tiêu dùng thì tự mình, hoặc nhờ sự trợ giúp của các tổ chức chuyên trách, tiến hành kiểm định các hàng hóa và dịch vụ. Kết quả

công việc kiểm định ấy được thông tin đến dân chúng. Xin dẫn ra đây một số ví dụ.

Tạp chí Mỹ *Consumer Reporter* đã tiến hành chạy thử nghiệm một kiểu ô tô mới của Nhật Bản trên các loại địa hình: bệ thử nghiệm, đường đua vòng tròn nghiêng và tuyến đường dài. Kiểu ô tô này đã bị lật đổ khi chạy trên đường có góc nghiêng nhỏ hơn góc nghiêng mà các nhà sản xuất đã quảng cáo. Kết quả là mức bán ra loại xe này ở Mỹ đã giảm xuống số không, mặc dù trước đó loại xe này có mức cầu lớn. Hãng sản xuất ô tô này đã phải hoàn thiện lại xe ô tô đó và tân trang miễn phí cho những chiếc xe đã được mua của hãng. Trường hợp tương tự cũng đã xảy ra ở Cộng hòa liên bang Đức. Tờ báo *Autozeitung* đã tiến hành thử nghiệm kiểu ô tô Mercedes. Cuộc thử nghiệm được tiến hành ở Thụy Điển theo phương pháp được mệnh danh là phương pháp “êkhô”. Người ta phát hiện thấy kiểu xe Mercedes này không ổn định ở những khúc ngoặt. Hãng xe Mercedes đã buộc phải thay thế những linh kiện hữu quan. Công ty này đã phải chi ra nhiều tiền bạc. Ngoài ra, trường hợp này đã làm tổn hại cho danh tiếng của hãng.

Những cuộc kiểm định như thế đã được thực hiện đối với nhiều loại hàng hóa và dịch vụ. Đây là biện pháp hữu hiệu để phấn đấu đạt chất lượng tốt trong điều kiện sự cạnh tranh với các

hãng độc quyền sản xuất diễn ra tương đối yếu ớt. Còn trường hợp các hãng tung tiền bạc và sức lực để chống lại các nhà báo, thì hoàn toàn không phải bao giờ thắng lợi cũng ở phía các nhà báo. Có thể dẫn ra đây ví dụ về câu chuyện cuốn sách của Ranphơ Nadêrô “Không phải an toàn với mọi tốc độ”. Trong tập sách này tác giả nêu lên những sai sót trong thiết kế của Hãng chế tạo “General Motors”. Hãng này đã thuê các thám tử tư để theo dõi đời tư của nhà báo Nadêrô. Ủy ban của Thượng viện đã tiến hành một cuộc điều tra đặc biệt, v.v.. Toàn bộ câu chuyện tai tiếng này đã được đề cập trong bài viết của nhà báo trào phúng chính trị, mặc dù ông ta nổi tiếng, Actơ Bukhovandơ.

Nhìn chung tạp chí *Consumer Reporter* đã hoàn thành những nhiệm vụ đặt ra cho nó. Khuynh hướng báo chí thực tế này đã tỏ ra thành công tại nhiều nước.

Những thay đổi trong báo chí thực tế ở nước ngoài phụ thuộc vào các đặc điểm dân tộc trong hoạt động của các phương tiện thông tin đại chúng, vào tình hình chính trị - xã hội, vào các điều kiện kinh tế và ý thức hệ, cũng như phụ thuộc vào những ưu tiên quốc gia trong lĩnh vực nào đó của đời sống. Báo chí “nhân dân”, báo chí tiêu dùng, báo chí nghiên cứu và báo chí điều tra, báo chí “mới” và những khuynh hướng khác trong báo chí đều nhằm mục đích nâng cao hiệu

quả của các bài viết, của các chương trình phát thanh và truyền hình. Đồng thời, những khuynh hướng ấy phản ánh những đòi hỏi của thị trường. Mà thị trường thì ngày càng có ảnh hưởng đối với báo chí ngày nay.

VI. BÁO CHÍ VÀ KỸ THUẬT

Trong quá trình phát triển của các phương tiện thông tin đại chúng, kỹ thuật đã và sẽ luôn luôn giữ vai trò hàng đầu. Từ các hình thức truyền thống là thông tin truyền miệng từ một người này sang một người khác, tiến tới những hình thức siêu hiện đại, bằng việc sử dụng những máy tính mạnh nhất và các vệ tinh của Trái đất - đó là con đường của những khám phá, những thắng lợi và thất bại. Những văn bản ghi bằng những dòng chữ ngoằn ngoèo trên chất liệu sêramic, những chữ tượng hình viết trên lụa và trên loại giấy bồi, văn tự xlavơ cổ được ghi bằng "những đường gạch và khắc trạm", hình thức chữ viết thắt nút của người da Đỏ cổ xưa và nhiều hình thức văn tự khác đã tồn tại trong lịch sử giao lưu của con người trên thế giới này.

Đã mở ra thời kỳ phát triển mạnh mẽ của các phương tiện thông tin đại chúng khi người ta phát minh ra máy in với các khuôn chữ và đặc biệt hơn là từ sau khi xuất hiện hình thức thông tin bằng phát thanh vô tuyến - truyền hình.

Ngày nay, những phương pháp thông tin mới, có sử dụng các công nghệ mới nhất, đang thay thế cho những phương pháp và phương tiện chuyển tải thông tin truyền thống.

Tác giả Giôn V.Paplich thuộc Trường Đại học quốc gia Xan Điêgô, trong cuốn sách của mình "Kỹ thuật thông tin đại chúng mới: những triển vọng văn hóa và thương mại" xuất bản năm 1996, đã phân tích những công nghệ mới ngày nay và ảnh hưởng của các công nghệ ấy đối với các phương tiện thông tin đại chúng, tìm hiểu những con đường đi sau này và những triển vọng phát triển của các phương tiện thông tin đại chúng. Đặc biệt, tác giả này nêu ý kiến cho rằng đã diễn ra một quá trình chuyển hóa kỹ thuật của sản phẩm thông tin đại chúng, trong đó vai trò đặc biệt thuộc về các máy tính cá nhân.

Điều đó cũng được chứng minh qua nhiều công trình nghiên cứu khác, và chúng ta nhận thức rõ được hiện tượng ấy qua kinh nghiệm hằng ngày của mình. Máy tính đã cho phép hiện đại hóa rất nhiều đối với các khâu thu thập, bảo quản và chuyên mục hóa các thông tin. Đến lượt mình, điều này đã dẫn đến thay đổi hết sức triệt để trong các phương tiện thông tin đại chúng. Đã xuất hiện rất nhiều cơ sở máy tính lưu giữ các dữ liệu để mọi người sử dụng. Giáo sư Macta Uyliamxơ, chuyên gia tin học thuộc bang Illinois, cho rằng nhờ máy tính, trong vòng 10 - 15 phút

người ta có thể tìm kiếm được một cách đáng tin cậy và đầy đủ những bài viết, chẳng hạn, thuộc lĩnh vực hóa học. Để có thể xem các bản hướng dẫn thư mục của thư viện trong 20 năm gần đây người ta chỉ mất một khoảng thời gian nhiều hơn thế.

Cơ sở dữ liệu máy tính này chứa các tài liệu được công bố từ năm 1965 về 6.700.000 hóa chất và giúp nhà báo dễ dàng tiếp cận những bản tóm tắt nội dung của 4.500.000 bài viết. Trong số những cơ sở dữ liệu lớn nhất có các cơ sở: LECSIS và NECSIS. Cơ sở dữ liệu LECSIS phục vụ các ngân hàng, các doanh nghiệp thương mại và các nhà báo. Nó chứa toàn văn 8 triệu bài viết rút ra từ 125 tờ báo, tạp chí và những nguồn khác. Trong các file báo chí của cơ sở dữ liệu NECSIS người ta có thể tìm thấy các bài viết được đăng trên 4 tờ báo hàng ngày chủ yếu của Mỹ, những bài điểm báo của các nước khác nhau và tin bài của nhiều hãng tin. Những file này hàng ngày được bổ sung khoảng 40.000 bài mới.

Khoảng thời gian giữa những năm 1970-1980 đã được đánh dấu bằng việc áp dụng khắp nơi kỹ thuật máy tính. Tạp chí *Electronic Design*, một trong số những tạp chí nổi tiếng nhất về điện tử ở Mỹ, đã viết: "Những tạp chí phát hành trong phạm vi quốc gia, những tờ báo có uy tín, thậm chí các đài truyền hình thương mại cũng đưa tin về một hiện tượng đang được quảng bá,

cái gọi là vi điện tử. Ai đã giúp chúng ta bước vào kỷ nguyên mới này? Đó là các kỹ sư, cũng giống như các kỹ sư ấy đã giúp kỷ nguyên vũ trụ đi vào ngôi nhà của chúng ta. Kỷ nguyên vũ trụ còn ghi nhớ thời kỳ tinh thần dâng trào, khi mà hàng nghìn thanh niên Mỹ đáp lại lời kêu gọi của vị Tổng thống trẻ tuổi lúc ấy đã hỏi rằng các bạn có thể làm gì cho đất nước chúng ta. Thế là các bạn đã tham gia vào công việc đầy khó nhọc này. Các bạn đã từng là những chuyên gia được mọi người thừa nhận sâu sắc. Sự mạng ấy đã nhanh chóng được thực hiện (chúng ta đã lên được Mặt Trăng). Đến lúc đó, con đường công danh của nhiều người trong các bạn đã kết thúc. Sau này, khi đã cạn kiệt các đơn đặt hàng quốc phòng, khi các hợp đồng đã giảm, thì ngày càng có nhiều người trong số các bạn bị quẳng ra ngoài đường - các chuyên gia không nghề nghiệp”.

Bài viết này trên tờ chuyên san nêu ra hai điểm: thứ nhất, những khả năng vô hạn của kỹ thuật hiện đại và vai trò của kỹ thuật vi điện tử; thứ hai - những hệ quả xã hội (đôi lúc là những hệ quả bất lợi) của việc áp dụng kỹ thuật tối tân.

Việc áp dụng kỹ thuật hiện đại vào hoạt động báo chí có những hệ quả như thế nào và các quốc gia có phản ứng như thế nào trước quá trình đổi mới đó?

Sự phát minh ra chữ viết và máy in đã có ảnh hưởng triệt để nhất đối với đời sống của loài

người. Chính những cái mốc ấy đã đánh dấu bước chuyển của loài người từ nền văn minh thần thoại sang nền văn minh chữ viết. Trong suốt nhiều năm, *kỹ thuật in ấn* đã không trải qua những thay đổi cơ bản nào, cho đến khi mở đầu quá trình khai thác các công nghệ mới. Về lĩnh vực này, vai trò to lớn thuộc về chính sách cạnh tranh của các quốc gia và của giới kinh doanh lớn. Trong một số trường hợp, điều này đưa đến những hệ quả xã hội không đáng mong muốn. Trong những năm 1960, chính nhờ áp dụng những giải pháp kỹ thuật và công nghệ tối tân vào công nghiệp ấn loát, chẳng hạn của nước Anh, mà đã xảy ra hiện tượng cắt giảm mạnh số lượng công nhân trong ngành in ấn, khiến đưa đến làn sóng bãi công. Nhưng dù sao đi nữa, ở Anh quá trình chuyển sang kỹ thuật in ốp-xét cũng đã diễn ra khá nhanh chóng và tương đối lành mạnh. Được như vậy cũng là nhờ - ở mức độ không nhỏ - chính sách của nhà nước trong lĩnh vực khoa học và kỹ thuật. Ở Liên Xô thì trái lại, trong một thời gian rất dài người ta sản xuất các thiết bị kỹ thuật in ấn cao cấp: các máy in linô-típ, các máy in quay vẫn thuộc các mô-đen đã lỗi thời, v.v.. Quá trình chuyển sang phương pháp in ốp-xét đã kéo dài và mang tính chất bệnh hoạn. Hàng loạt xí nghiệp bị đóng cửa vì đã không thích ứng nổi với những thay đổi có tính chất cách mạng trong kỹ thuật.

Giờ đây, kỹ thuật in ấn cao cấp ở khắp nơi được thay thế bằng phương pháp in ốpxet, là phương pháp dễ dàng được áp dụng trên máy tính. Máy tính được sử dụng rộng rãi trong khâu sắp chữ và lên khuôn in, trong khâu chế bản, bao gồm cả chế bản nhiều màu.

Chúng ta hãy quan sát con đường của ấn phẩm đi từ khâu bản thảo cho đến phát hành. Ví dụ, tác giả đem đến hoặc gửi bản thảo qua bưu điện. Tùy theo truyền thống của mỗi ban biên tập mà bản thảo ấy, chẳng hạn, được chuyển đến biên tập viên văn học, trưởng phòng biên tập, thư ký ban biên tập và tổng biên tập để xử lý (đấy là theo sơ đồ được áp dụng ở Nga). Nhưng trước khi trải qua các khâu chính lý và chuẩn bị đưa in, thì bản thảo được đưa vào máy tính, hay là theo cách gọi thường dùng, qua khâu “lên bản”. Sau đó, tùy theo trình độ kỹ thuật được trang bị, bản thảo được chuyển đến từng công đoạn theo mạng máy tính nội bộ hoặc đơn giản là được chuyển từ tay người này sang tay người khác. Sau khâu đọc soát và sửa chữa, bản thảo được chuyển sang khâu sắp chữ dưới dạng điện tử. Ở đây, các văn bản được sắp xếp vào các vị trí dành cho chúng, người ta làm bản can và đưa phần minh họa vào, thực hiện khâu phân bố màu, nếu cần thiết. Trên máy laze, người ta làm chế bản maket để in ra hàng loạt. Tất cả các công đoạn ấy, người ta có thể thực hiện được

mà không phải rời khỏi chỗ làm việc, nếu như các máy tính của ban biên tập được nối vào mạng nội bộ.

Theo quy trình được áp dụng ở các nước phương Tây, hệ thống biên tập bằng máy tính đa năng tiến hành xử lý thông tin của tất cả các bộ phận. Ngược lại, có một số bộ phận được hệ thống biên tập xử lý tin tức riêng. Đặc biệt, phòng tin thể thao lại tự mình biên tập các bài vở, vì cần phải biết rõ các biệt danh của vận động viên, tình hình của các đội, trong các bảng thi đấu, v.v..

Nếu máy tính của nhà báo được nối vào mạng thông tin nào đó, thì xuất hiện khả năng tác nghiệp kiểu “on line”, nghĩa là có thể, đưa bản tin của hãng ITAR-TASS trực tiếp lên trang báo. Trong bài viết “On line: bước vào thế giới điện tử”, Anphrét đã tường thuật như sau về những khả năng tác nghiệp. “Tôi thích gặp gỡ mọi người thông qua “on line”, nhưng tôi sử dụng các hệ thống ấy cũng vì những mục đích nghiệp vụ nữa. Những hệ thống ấy đặc biệt hữu ích trong việc liên lạc với các tổng biên tập các tạp chí và chuyển đến tay họ những bài viết đã hoàn thành. Ví dụ, cách đây không lâu, tôi đã kết thúc một bài viết cho một tạp chí. Chủ biên của tạp chí này sống ở một thành phố nhỏ thuộc bang Véc-mông-tơ. Để chuyển bài viết đến tay ông, tôi đã viết bài trên máy tính, rồi gửi qua

mạng hệ thống “MCI-mail” ở Washington kể cả chỉ số tài khoản và địa chỉ của tôi. Sau đó tôi dùng “chuột” phát lệnh, thông báo với hệ thống “MCI -mail” rằng tôi muốn gửi bưu kiện theo đường “e-mail”, cho biết thêm địa chỉ của vị chủ biên của tôi trên hệ thống “MCI - mail” và ra lệnh cho máy tính gỡ bài viết của tôi ra khỏi đĩa... Tất cả các công việc này chỉ mất chưa đầy 2 phút. Máy tính vạn năng “MCI - mail” truy cập bài viết của tôi và địa chỉ e-mail của vị chủ biên đó. Sau đó, khi ông truy cập vào hệ thống mạng thì nó tự động thông báo việc ông có bưu kiện. Vị chủ biên đã chuyển bài viết của tôi vào hệ thống của mình và bài viết của tôi đã nằm trong máy tính của vị chủ biên. Ông ấy có thể biên tập bài viết bằng bộ vi xử lý văn bản rồi từ nhà ông ấy ở Vecmôngtơ gửi đến phòng biên tập của tạp chí này ở Boston. Ở đây các đồng nghiệp của ông sẽ đưa bài viết vào mạng máy tính sắp chữ”.

Giờ đây, số lượng các mạng lưới dịch vụ dễ tiếp cận kiểu “On line” đã lên đến hàng trăm và nó không ngừng tăng lên.

Kỹ thuật mới đã nhanh chóng được áp dụng trong khâu trình bày hình thức các ấn phẩm. Chẳng hạn, chiếc máy ảnh bình thường nhất giờ đây cũng có một chất lượng mới: Máy ảnh kỹ thuật số. Điều đó có nghĩa là hình ảnh có thể được ghi vào đĩa. Kết quả là không cần đến những quá trình tốn kém và nặng nhọc như

trắng phim, in ảnh bằng hóa chất, v.v.. Bức ảnh chụp được chuyển từ đĩa vào máy tính, trong đó hình ảnh có thể được chỉnh sửa, chuẩn bị đưa vào in và được đặt vào một vị trí dành cho nó. Máy tính tạo những điều kiện hết sức rộng rãi cho công đoạn dựng ảnh phi tuyến tính và giúp cho việc thực hiện nhiều công đoạn khác nữa.

Kỹ thuật chụp ảnh mới cho phép người ta tăng năng suất lao động lên rất nhiều và chất lượng công việc của những người làm công tác biên tập có gắn với khâu minh họa trong các ấn phẩm. Đồng thời, kỹ thuật ấy cũng tạo ra một số vấn đề xã hội mà nhà nước buộc phải can thiệp giải quyết ở cấp độ lập pháp và tư pháp. Chẳng hạn, ở Mỹ các nhân vật như Acnôn Svaxênêghơ, Maria Snaidơ, Xinvextơ Xtalônê, Dêmi Mua, Giulia Rôbốt và những diễn viên điện ảnh nổi tiếng khác đòi thông qua “Đạo luật bảo vệ các quyền riêng tư của cá nhân”, do các thượng nghị sĩ Đien Finstanh (bang Caliphooocnia) và Ôrin Hêtsơ (bang Utah) đề xuất. Alêch Bônđuin, Acnôn Svaxênêghơ và Maria Snaidơ đã thắng kiện trong các vụ kiện cáo các “paparaxi” (các thợ ảnh chụp trộm những nhân vật nổi tiếng). Tình hình tương tự cũng diễn ra cả ở những nước khác. Ví dụ: Tòa án tối cao của Canada đã ra phán quyết cho rằng những tấm ảnh của các báo và tạp chí có chụp ảnh người Canada trên đường phố, trong

sân nhà, trong các công viên, v.v., đều là hành động can thiệp vào đời tư nếu những người Canada này không cho phép chụp ảnh họ. Phán quyết của tòa án này đã gây nên sự hoảng hốt trong giới nhà báo. Các phóng viên nhiếp ảnh lo ngại rằng, những cuộc thương lượng trước với các đối tượng được họ để ý đến “sẽ làm cho nghệ thuật chụp ảnh bị mất đi tính bất ngờ và tính tự nhiên”. Vì khoa học và kỹ thuật phát triển theo lôgic nội tại của mình và không thể “cấm” xuất hiện những mẫu kỹ thuật mới, cho nên nhà nước nhiều khi phải điều chỉnh lĩnh vực áp dụng những kỹ thuật tiên tiến ấy trong hoạt động thực tiễn báo chí và trong hoạt động khác của báo chí.

Như đôi khi người ta vẫn nói, thế kỷ của chúng ta là thế kỷ “truyền hình”. Điều này dẫn đến kết quả là trong khâu sắp chữ của các báo và tạp chí đã có những thay đổi về chất. Chẳng hạn, dòng biểu thị của ấn phẩm được sử dụng hữu hiệu hơn. Những đoạn trích dẫn “chứa đựng ý nghĩa” của văn bản chủ yếu được đưa ra những khoảng lề rộng. Văn bản hầu như luôn luôn có phần minh họa, hơn nữa không chỉ được minh họa bằng các hình vẽ và những ảnh chụp, mà còn cả những đồ họa, những biểu đồ, các bản vẽ... người ta sử dụng rộng rãi hơn những đầu đề lớn, đầu đề phụ, đề mục, những phương pháp trình bày khác.

Những công nghệ mới cũng được tích cực áp dụng trong lĩnh vực sản xuất in ấn. Trong các công nghệ mới ấy có công nghệ in Rizô sử dụng những khuôn in bằng vải cao su trong công nghệ in ôpxet, những thiết bị mới trong khâu cuối của quá trình ấn loát.

Các máy in laze giảm chi phí trong khâu in ấn. Người ta đã thiết kế tạo ra “những xưởng in đặt trên đĩa bàn”, dẫn đến những thay đổi trong lĩnh vực in ấn của các phương tiện thông tin đại chúng. Đã xuất hiện các máy in ôpxet kỹ thuật số. Điều này đã cho phép trực tiếp dùng máy tính điều khiển công đoạn in hàng loạt, nếu trên máy tính ấy đã thực hiện chế bản maket.

Nếu các xưởng in được nối với các mạng máy tính thì có thể thực hiện điều khiển một cách linh hoạt các công suất ấn loát. Cuối cùng, đã xuất hiện nhiều tờ báo và tạp chí với “khổ in điện tử” được phát hành trên các mạng máy tính và trên các đĩa compac. Ví dụ, tạp chí khoa học đại chúng Mỹ *Omni* được phát hành trên mạng “American On line”, các tờ *The Times* và *The Financial Times* ở Luân Đôn đã gửi cho các thư viện những bộ sưu tập hàng năm các số báo này ghi vào đĩa compac. Ở Đức có hơn hai trăm tạp chí “đi dạo” trên các mạng máy tính. Phương pháp này cũng được áp dụng rộng rãi cả ở những nước khác.

Việc chuyển thông tin trên báo và tạp chí từ

các ấn phẩm in trên giấy, sang mạng Internet chẳng hạn, đã cho phép người ta tìm thấy những thông tin cần thiết trong vài giây, không phụ thuộc vào thời gian ấn hành của tờ báo hoặc tạp chí. Người ta gắn hệ thống tìm kiếm vào các báo và tạp chí điện tử. Hệ thống này có thể tìm kiếm tài liệu cần thiết căn cứ theo những từ then chốt, một khoảng cách thời gian đã định, hoặc theo họ tên của tác giả.

Sự xuất hiện các báo và tạp chí “điện tử” trên Internet chỉ chứng tỏ sự mở đầu việc thực hiện đề án toàn cầu chuyển các phương tiện thông tin đại chúng sang mạng lưới ấy.

Còn một phát kiến mới nữa. Tại Trung tâm nghiên cứu Kỹ thuật Matxasuxet, người ta đã sáng chế ra cuốn sách điện tử trông giống như cuốn sách thông thường có bìa cứng, nhưng sau khi đọc xong có thể định kỳ thay đổi nội dung của nó. Bộ nhớ của cuốn sách này có thể ghi mọi văn bản được lưu giữ trong bộ nhớ của mạng Internet. Ở trên bìa phía sau của cuốn sách đọc đáo này có bàn phím. Văn bản của cuốn sách điện tử này xuất hiện trên bề mặt bằng chất liệu tổng hợp dạng giấy đọc được. Các chữ hiện ra theo nguyên tắc “mực kỹ thuật số” (Các tinh thể lỏng). Như lời nhận xét của tờ *Business Week*, với lời viện dẫn ý kiến của nhóm công tác của nhà vật lý Giôđep Giêcôpxơn, sau khi được truy cập sách điện tử cho phép người ta

đọc sách này ở bất cứ nơi nào, kể cả ở những nơi không có các máy của của mạng Internet.

Khâu liên lạc giữa các phóng viên với ban biên tập ấn phẩm đã được cải tiến tốt hơn lên. Ngoài các máy điện thoại di động và các bảng viết điện tử đã trở thành truyền thống, người ta còn nghiên cứu chế tạo ra những phương tiện kỹ thuật khác. Ngày nay, gửi thư bằng fax qua con đường điện tử đã trở nên dễ dàng hơn nhiều. Các nhà khoa học Anh đã nghiên cứu chế tạo ra chiếc bút máy mới. Hiện thời trọng lượng của nó còn nặng hơn bút máy thông thường gấp 7 lần nhưng nó có những ưu thế không thể bác bỏ được. Chiếc bút máy ấy gọi là Xmacquyn ("chiếc bút lạnh lợi"). Nó chuyển những ký hiệu do tay viết thành các biểu tượng điện tử mà sau đó có thể hiện ra trên màn hình gắn trên chiếc bút ấy. Người ta gắn lên màn hình một kính lúp phóng to để người xem không bị mỏi mắt. Sau khi thông tin đã hoàn tất, có thể nối chiếc bút này vào mạng điện thoại thường và gửi bức thư đã viết đến bất cứ địa chỉ điện tử nào.

Đây chưa phải tất cả những kỹ thuật mới được áp dụng vào công việc biên tập - xuất bản nhờ có các thành tựu khoa học và kỹ thuật hiện đại. Trong một số trường hợp, tiến bộ của hoạt động biên tập - xuất bản phụ thuộc vào nhà nước, người quyết định các ưu tiên trong lĩnh vực phát minh sáng chế và quyết định áp dụng những

sáng chế ấy vào thực tiễn.

Từ sau khi phát minh ra *vô tuyến điện*, hình thức liên lạc và phương tiện thông tin đại chúng không ngừng phát triển và được hoàn thiện. Trên thực tế, người ta sử dụng tất cả các tần số sóng, đã trở thành hiện thực những chương trình phát thanh lập thể, và với kỹ thuật truyền âm 4 kênh. Những trạm chuyển phát siêu nhỏ và bằng vệ tinh cho phép phát đi các chương trình phát sóng từ mọi nơi trên hành tinh, không phụ thuộc vào sự tồn tại của các trung tâm phát sóng lớn. Những phương tiện kỹ thuật mới cho phép truyền phát những khối lượng rất lớn thông tin chỉ trong vài giây.

Chiếc máy thu thanh đã trở thành vật dụng thông thường trong nhà. Hầu như mọi nhà đều có máy thu thanh, kể cả ở những nước đang phát triển, đặc biệt là những vùng khó đến. Ở các nước thuộc châu Á và châu Phi ngành phát thanh đang phát triển mạnh. Ở đó đài phát thanh đã trở thành phương tiện thông tin đại chúng chính yếu. Ngày nay, chỉ riêng người Mỹ đã có gần 500 triệu máy thu thanh, mỗi gia đình có 5 chiếc (trong số đó có 179 triệu chiếc gắn trong các xe hơi). Người Mỹ có thể thu các chương trình của hơn 10 nghìn đài phát thanh, trong đó đa số là các đài địa phương.

Ghi âm bằng kỹ thuật số đã cho phép đạt được chất lượng âm thanh cao nhất. Đã xuất

hiện những phương pháp mới trong ghi âm và phát lại âm thanh. Ví dụ, các đĩa ghi bằng laze.

Những kỹ thuật mới khiến người ta có thể đạt được sự liên lạc có chất lượng cao, bảo đảm độ tin cậy và chống được sự nghe lén. Có thể phát các chương trình vô tuyến từ dưới nước, từ đáy các đại dương, dưới lớp băng sâu dày nhiều mét, v.v.. Đã trở thành hiện thực phương pháp liên lạc bằng chùm tia laze và các sóng vô tuyến ở tần số dài.

Những cơ sở xa xôi, ví dụ: những trạm khí tượng ở trên núi cao, các tàu biển, v.v., đều có các máy liên lạc fax cho phép nhận qua sóng vô tuyến điện, các số báo, sau đó in các số báo ấy ra giấy. Đã xuất hiện các ban biên tập chuyên trách công việc xuất bản các tờ báo fax.

Nếu nói đến hoạt động điều tiết của nhà nước đối với hoạt động phát thanh, thì sự điều tiết ấy được thực hiện theo một số hướng. Trước hết, thông qua việc cung cấp các đơn đặt hàng của nhà nước cho các Công ty nghiên cứu và các Công ty công nghiệp. Chủ yếu những đơn đặt hàng ấy đều liên quan đến lĩnh vực thông tin quân sự. Kết quả là nhiều kết quả nghiên cứu đều mang tính chất bí mật và chỉ áp dụng rộng rãi trong hoạt động phát thanh sau hàng chục năm những kết quả nghiên cứu ấy được áp dụng phục vụ các nhu cầu của lục quân, không quân và hải quân. Sau nữa, thông qua con đường lập

pháp. Trên thực tế, ở tất cả các nước đều có cơ quan chức năng chịu trách nhiệm về cấp giấy phép hoạt động, phân bổ tần số, giám sát hoạt động phát thanh. Ngoài ra, nhà nước hết sức chăm chú theo dõi những nghiên cứu cơ bản trong lĩnh vực khoa học này. Điều này cho phép phản ứng nhạy bén trước những khả năng kỹ thuật mới xuất hiện.

Cuộc cách mạng hiện đại trong lĩnh vực công nghệ thông tin đại chúng đã mở ra những cơ hội đặc biệt to lớn cho ngành truyền hình. Máy tính hóa đã đem lại cho các nhà hoạt động truyền hình những khả năng chưa từng thấy và trước kia không thể có được như phương pháp thông tin đa năng, dựng phim hoạt hình bằng máy tính, truyền hình tập thể, tạo điều kiện tiếp cận để khai thác trên thực tế công nghệ truyền hình lập thể.

Nhưng đây chưa phải đã là tất cả những khả năng. Những gì mà mắt người xem bỏ qua lại gây ra ấn tượng không kém phần mạnh mẽ. Ví dụ, hiện nay người ta đang tiến hành công việc phục chế những thước phim cũ và tô màu cho chúng. Đã diễn ra những thay đổi trong các chương trình video truyền hình. Người ta sử dụng rộng rãi hơn hình thức phát sóng trực tiếp, khiến cho người xem nhiều khi không chỉ là nhân chứng mà còn là những người trong cuộc.

Trong sự phát triển của hoạt động thông tin

đại chúng, vai trò quan trọng đặc biệt thuộc về các phương tiện ghi hình ảnh - âm thanh và các thiết bị tái hiện hình ảnh - âm thanh, kỹ thuật ghi hình bằng số, những đĩa video, kỹ thuật laze tái hiện hình ảnh và âm thanh đã được áp dụng rộng rãi trong công nghiệp và đời sống.

Ở thời điểm giữa những năm 1950 và những năm 1960, Liên Xô cũ đã sản xuất loại máy thu hình phóng đại, nhãn hiệu “Hòa bình”. Loại máy này cho phép xem các chương trình truyền hình trên màn ảnh lớn treo trên tường. Các chuyên gia Nhật Bản đã tái sinh ý tưởng này ở một trình độ kỹ thuật mới. Từ năm 1997, Hãng “Toshiba” đã bắt đầu sản xuất máy thu hình phóng to màn ảnh, kiểu “nhà hát kịch”. Ưu điểm chính của những chiếc máy thu hình phóng đại hình ảnh ấy- đường chéo các màn ảnh xê xích từ 48 đến 61 in-sơ - là ở những sơ đồ mới về nguyên tắc trong khâu truyền hình ảnh và âm thanh. Những chiếc máy thu hình kiểu ấy có mục khung rất dẹt, khiến cho nó dễ dàng hài hòa với nội thất của mọi căn hộ.

Tuy các phương tiện kỹ thuật nghe nhìn có sự giống nhau bề ngoài, nhưng những thiết bị ghi tái hiện hình ảnh - âm thanh lại rất khác nhau về chất lượng và tiện nghi. Chẳng hạn, một trong những bí mật chủ yếu của mô-đen mới là hệ thống kỹ thuật số hết sức tối tân và rất hữu hiệu trong việc khắc phục nhiều khâu tái hiện

hình ảnh, cho phép có được hình ảnh tuyệt hảo trên màn hình. Công nghệ này đã cho phép cải thiện rất nhiều về chất lượng phục hồi các băng ghi hình đã cũ. Hệ thống số trong việc giảm tiếng ồn - được gắn trong máy ghi video, nhãn hiệu "Luych" - đã tự động loại bỏ trên băng từ mọi khuyết tật: "Hiệu ứng tuyết" - những sắc của màu không sắc nét, v.v..

Truyền hình cáp làm cho hình ảnh có chất lượng hơn. Truyền hình qua vệ tinh làm ngăn lại các khoảng cách giữa chúng ta. Các mạng truyền hình cáp đã trở nên phổ biến đặc biệt. Hiện nay có khoảng một nửa số gia đình ở Mỹ thuê bao các kênh truyền hình cáp. Loại truyền hình này có thể chuyển tiếp hình trên hàng trăm kênh. Ở một số nước, lãnh thổ (ví dụ, ở Nhật Bản, ở Đài Loan, ở Mỹ, ở Anh, Thụy Điển, v.v..) người ta đã sử dụng truyền hình kỹ thuật số trên các kênh truyền hình cáp cũng như trên kênh truyền hình "được lập trình" (hay là truyền hình interactive). Việc này được thực hiện như sau. Thuê bao của kênh truyền hình, thông qua máy tính, liên hệ với trung tâm truyền hình và yêu cầu cung cấp cho mình một chương trình truyền hình vào một thời gian nhất định. Chẳng hạn, yêu cầu cung cấp một chương trình tin tức, một bộ phim hoặc là một chương trình nào khác. Theo đúng yêu cầu của người xem, máy thu hình hoặc máy tính của họ

có thể xem chương trình đã được yêu cầu, trong đó có chương trình hoàn toàn được dựng theo ý muốn của thuê bao. Truyền hình interactive cho phép người xem không chỉ xem những gì mình muốn, mà còn cho phép người xem tích cực can thiệp vào nội dung cốt truyện được chuyển tải. Theo nguyện vọng của những khán giả có liên hệ với trường quay thông qua máy tính hoặc điện thoại thông thường, người ta có thể thay đổi một số tình tiết, đoạn kết của nội dung cốt truyện, đôi khi thay đổi toàn bộ nội dung cốt truyện. Nói tóm lại, khán giả có thể can thiệp vào quá trình sản xuất ra sản phẩm thông tin.

Dĩ nhiên, trong nhiều trường hợp, điều đó cũng có những hệ quả xã hội tiêu cực. Chẳng hạn, người ta có thể tổng kiểm soát các thị hiếu, các thói quen và lối sống của khán giả truyền hình.

Năm 1997, Ủy ban truyền thông liên bang của Mỹ đã quyết định chuyển dần sang các tiêu chuẩn của truyền hình số. Truyền hình số cho phép nâng cao chất lượng hình ảnh trên các màn hình, tăng số lượng kênh mặc dù vẫn giữ nguyên công suất phát sóng.

Nhưng, nếu cuộc tranh luận giữa truyền hình kỹ thuật số và loại hình truyền hình analoc kết thúc có lợi cho loại truyền hình số, thì cuộc tranh luận xưa cũ: máy tính hay máy thu hình tốt hơn, - lại bùng nổ với sức mạnh mới. Nhất là người ta đã chi rất nhiều tiền vào cuộc tranh cãi này.

Thực chất của vấn đề này là chiếc máy tính truyền thông đa năng hiện đại đã cho phép thu các chương trình phát thanh và truyền hình, phát lại các băng ghi hình ảnh và âm thanh. Hơn thế nữa, chất lượng âm thanh và hình ảnh lại cao hơn nhiều so với các máy thu thanh. Nhưng giá của chiếc máy thu hình lại rẻ hơn ngay cả chiếc máy tính đơn giản. Do vậy, hiện thời quần chúng dành sự lựa chọn của mình cho chiếc máy thu hình.

Những cải tiến gần đây nhằm hoàn thiện hơn nữa các máy tính đã cho phép hy vọng nâng cao chất lượng của tất cả các tham số, đồng thời nhanh chóng giảm giá bán máy. Điều này chứng tỏ ưu thế của máy tính. Hơn nữa, ngành kinh doanh mạng máy tính, trong đó có mạng Internet, đang chuẩn bị xâm nhập vào một lĩnh vực hoàn toàn mới đối với nó: thế giới truyền thông bằng giọng nói.

Xét theo tình hình ở Mỹ thì khu vực mạng máy tính đem lại 10-15% thu nhập của đất nước từ các phương tiện viễn thông (trị giá khoảng 250 tỷ đôla). Tạm thời đó mới chỉ là bước đầu, nhưng ngay từ bây giờ, việc liên lạc bằng giọng nói qua mạng Internet đã được xem là một trong những thị trường có triển vọng nhất trong thập kỷ tới đây. Nhằm đảm bảo kỹ thuật cho ý tưởng này, người ta đã nghiên cứu chế tạo ra một kênh để truyền giọng nói lên mạng máy tính. Thiết bị

này số hóa, nén giọng nói lại và chứa giọng nói trong cái gọi là những “IP-paket” để truyền đi trên các mạng Internet - Intranet - Extranet. Nhiều chuyên gia đánh giá thị trường các kênh chuyển tải giọng nói có doanh thu lên tới 1,8 tỷ đôla trong năm 2001, còn thị trường thiết bị điện thoại có doanh thu 7,5 tỷ đôla. Gộp cả lại, những công nghệ này đem lại gần 90 tỷ đôla cho những người cung cấp dịch vụ chuyển tải giọng nói trên các mạng máy tính. Còn một lợi ích nữa nhờ áp dụng công nghệ này: vẫn ở nước Mỹ, cước điện thoại sẽ giảm từ khoảng 6 xen xuống 1 xen/phút.

Thị trường này chỉ mới manh nha, nhưng đã có những nhà đầu tư lớn lao vào cuộc tranh giành kiểm soát. Cạnh tranh dẫn đến những kết quả tích cực: người ta đã đề ra được tiêu chuẩn quy định những tham số của việc chuyển tải hình ảnh, giọng nói và dữ kiện trên mạng máy tính. Tuy nhiên, những đòi hỏi của người sử dụng về chất lượng, năng lực chuyển tải của các xa lộ thông tin mới thì vẫn luôn gia tăng với nhịp độ nhanh hơn khả năng hiện đại hóa cơ sở hạ tầng. Trong vòng 2 năm, những yêu cầu của các thuê bao đã tăng lên gần 5 lần đưa đến những suy nghĩ nghiêm túc của các nhà chuyên môn về sự cần thiết phải triển khai mạng Internet thuộc thế hệ mới. Việc này lại gây ra những khoản đầu tư tài chính to lớn, đồng thời

dem lại những khoản lợi nhuận to lớn.

Nói về truyền hình thì trong lĩnh vực này nó đang nhanh chóng xích gần lại với mạng máy tính. Hiện nay người Mỹ sở hữu 300 triệu máy thu hình. Bill Gate và Hãng Microsoft nổi tiếng do ông ta lãnh đạo đã đề ra đường lối sáp nhập các máy thu hình, các máy điện thoại, các máy phát video và những phương tiện kỹ thuật điện tử thường ngày khác thành một mạng lưới toàn cầu. Hãng này đã bỏ ra 2,4 tỷ đôla để chinh phục các phòng khách ở Mỹ, cũng như nó đã có thời giành lấy thị trường các máy tính cá nhân. Đặc biệt, nó đã bỏ ra 425 triệu đôla để mua hãng chế tạo ra công nghệ chuyển tải thông tin trên mạng Internet đến các máy thu hình thông thường và 1 tỷ đôla được bỏ ra để mua hãng truyền hình cáp. Ngoài ra, nó còn đặt dưới sự kiểm soát của mình một số hãng chuyên doanh về chuyển tải thông tin nghe - nhìn trên mạng Internet.

Dĩ nhiên, Hãng Microsoft hy vọng thu được lợi nhuận từ những khoản đầu tư ấy. Và nó không đơn độc. Hàng loạt hãng khổng lồ chuyên sản xuất các thiết bị điện tử sinh hoạt muốn trở thành những nhà lập pháp định ra các tiêu chuẩn cho các thiết bị truyền hình Internet. Những hãng này cũng mong muốn đạt đến cùng mục tiêu ấy: làm sao để hàng triệu người tiêu dùng sẽ không bao giờ mua sắm máy tính, mà

chỉ sử dụng những thiết bị thông thường có khả năng đảm bảo kết hợp tương tác với những hình thức giải trí điện tử mới, cũng như với những chương trình giáo dục và thương mại, với những khả năng khác của các phương tiện thông tin đại chúng hiện đại.

Người ta đã có bán những thiết bị gắn vào các máy thu hình thông thường, cho phép sử dụng mạng Internet. Nhưng việc sản xuất các thiết bị gắn vào máy thu hình chỉ là bề nổi của núi băng. Đã xuất hiện khả năng bán ra thị trường hình thức đảm bảo lập trình mới và cung cấp một loạt những dịch vụ mới khác. Đa số các nhà phân tích đều tiên đoán rằng chỉ sau một thập kỷ nữa thì trên thực tế tất cả các thiết bị điện tử sử dụng hằng ngày sẽ trở thành những thành viên có đầy đủ giá trị của cộng đồng mạng kỹ thuật số. Ông Vây Yên, Chủ tịch Hãng "NCI" chuyên tạo ra các thiết bị chuẩn đảm bảo lập trình cho các thiết bị điện tử sinh hoạt thường ngày trong tương lai, khẳng định rằng: "cũng giống như điện đã từng làm thay đổi cuộc sống của chúng ta qua việc biến những máy hát cơ giới thành những chiếc máy hát lập thể chạy bằng điện, biến những bình đựng khối nước đá thành những tủ lạnh, biến những cây nến thành những ngọn đèn điện, - cũng vậy, Internet đã cách mạng hóa mọi thiết bị đang được chúng ta sử dụng - từ những máy tính cho đến những chiếc tivi, những

máy điện thoại và những chiếc ô tô”.

Theo đánh giá của các nhà chuyên môn, số lượng những chiếc tivi đảm bảo hòa được vào mạng Internet sẽ lên đến 50 triệu chiếc vào năm 2005.

Hiện thời đang diễn ra quá trình chậm chạp biến những máy tính gia đình thành một kiểu máy thu hình. Đã bắt đầu quá trình trang bị cho đa số các máy tính cá nhân bằng kết nối, cho phép thu các chương trình truyền hình kỹ thuật số.

Có thể đưa ra kết luận này: đang diễn ra sự xích lại gần nhau giữa hai khuynh hướng, và trong tương lai không xa nữa chúng ta sẽ là những người sở hữu những thiết bị sinh hoạt hoàn toàn mới kết hợp được những ưu thế của cả chiếc máy thu hình và máy tính.

Tháng giêng năm 1998 trong cuộc triển lãm ở thành phố Las Vegas, người ta đã trưng bày một thiết bị mới được chế tạo - máy quy tụ trao đổi thông tin quy mô gia đình kết nối máy tính cá nhân và máy thu hình thành một chỉnh thể thông tin duy nhất. Thực chất của thiết bị mới này là ở chỗ: chiếc máy thu hình đơn giản thông thường trên thực tế lại trở thành thành tố không thể tách rời trong thiết bị ngoại vi của máy tính cá nhân đối với người sử dụng. Người ta cũng cho rằng có khả năng cùng đồng thời nối mạng đến 8 máy tính cá nhân với bán kính

lan tỏa sóng vô tuyến tối đa cho phép trong nhà xa đến 60 mét. Giới hạn này xuất phát từ mức độ phát sóng cao tần cho phép.

Những thiết bị kỹ thuật mới ấy và những thiết bị kỹ thuật mới khác (ví dụ, bản đồ âm thanh dùng cho máy tính cá nhân, với âm thanh lập thể) cho phép kết nối tất cả những nguồn thông tin điện tử hiện hữu thành một chỉnh thể thống nhất: các chương trình phát thanh, truyền hình, các mạng máy tính.

Chính sách canh tân của các nước trong lĩnh vực truyền hình có ý nghĩa quan trọng đặc biệt. Vấn đề không chỉ là: Nhà nước quy định các tiêu chuẩn phát sóng. Mà vấn đề là: Nhà nước có thể kìm hãm hoặc đẩy nhanh quá trình áp dụng những thành tựu mới nhất của khoa học và kỹ thuật trong lĩnh vực truyền hình vào thực tiễn. Tại Liên Xô (cũ), người ta đã phát sóng thử chương trình truyền hình màu lập thể, tiến hành nghiên cứu các nguyên lý truyền hình hólôgraphíc lập thể toàn khối và đã nghiên cứu chế tạo phương pháp phát và thu loại truyền hình này. Đáng tiếc là việc phát sóng loại hình lập thể đã chấm dứt, còn các nghiên cứu chế tạo thiết bị truyền hình hólôgraphíc thì trên thực tế đã không được tiến hành. Những nhà nghiên cứu ở các nước khác trên thế giới hiện tại vẫn chưa thể lập lại ngay cả những kết quả mà Liên Xô cũ đã đạt được.

Ngày nay chúng ta có cách nhìn mới đối với *những hình thức thông tin liên lạc truyền thống*. Ví dụ, bưu điện. Người ta sử dụng bưu điện không chỉ để gửi các thông tin cá nhân hoặc các thông tin của các cơ quan chính thức. Sự xuất hiện những tờ bướm quảng cáo miễn phí, các tờ báo và các tạp chí đã buộc những chủ nhân các ấn phẩm ấy phải sử dụng các dịch vụ của bưu điện vào các mục đích quảng cáo và “public relations” thì sao? Hình thức liên lạc bằng fax không còn là điều ngạc nhiên đối với ai cả. Thế nhưng hoàn toàn chỉ mới cách đây không lâu mọi người nhìn nó như là điều mới lạ.

Phương tiện liên lạc quen thuộc với chúng ta như điện thoại đã mang một hình thức hoàn toàn mới. Công nghệ cáp quang cho phép chúng ta tăng vọt số lượng thuê bao. Người có máy tính và môđem sẽ trở thành thuê bao của các mạng máy tính mà những khả năng to lớn của những mạng lưới ấy vẫn chưa được nghiên cứu kỹ.

Hiện nay tại thành phố Xnheginxơ thuộc tỉnh Sêliabin, nơi có Trung tâm hạt nhân liên bang - người ta đã nghiên cứu chế tạo ra những đường dẫn cáp quang chưa từng thấy trên thế giới. Các chuyên gia Nhật Bản nhìn một cách ghen tị những thành quả của các nhà vật lý nước Nga. Đáng tiếc, đến nay, Nga vẫn chưa có điều kiện để đưa kết quả nghiên cứu của các lý thuyết gia vào sản xuất hàng loạt và hiện đại

hóa hình thức liên lạc ở nước mình.

Vẫn chiếc điện thoại ấy - chiếc điện thoại được nối kết vào mạng thông thường hoặc mạng vệ tinh - tạo cho chúng ta một sự thông thoáng di động không giới hạn. Lại còn một “sự tân kỳ” nữa: những dịch vụ hỏi đáp bằng điện thoại. Không những có thể biết thời gian chính xác hoặc một địa chỉ cần biết, mà còn có thể tìm được việc làm theo ý nguyện, nhờ quảng cáo và thông báo.

Từ lâu người ta đã biết đến *những mạng lưới máy tính*. Giờ đây đó là cả một ngành sản xuất có công nghệ cao. Điều chủ yếu là chuyển tải thông tin. Chính các mạng máy tính cho phép thực hiện việc đó với hiệu quả cao và với những chi phí tối thiểu.

Rôbớt Mêtcanphơ, người thiết lập mạng thông tin “Eternet”, đã ví những mạng thông tin điện tử như là một hệ thống thần kinh. Braiân Đâyli thuộc phòng “Public Relations” của Hãng Rockwell Information hằng ngày cảm nhận được những ưu thế của các mạng lưới thông tin. Nếu như anh không thể ngay tức thì trả lời câu hỏi của phóng viên một tờ báo nào đó thì anh ta truy cập vào mạng kết nối đại bản doanh của hãng ở Pitxbuốc (bang Penxinvania) với chi nhánh hàng không - vũ trụ của hãng ở Enxêgundô (Caliphooecnia). Mạng thông tin này gồm hàng chục nghìn máy chủ, máy tính cá

nhân, hàng chục máy điện toán thao tác nhanh và siêu máy tính "Cray X-MP".

Các chuyên gia Nhật Bản đã đề ra chương trình đầy tham vọng muốn tạo ra chiếc "máy tính cực siêu" thao tác nhanh nhất trên thế giới. Máy tính này phải hoạt động nhanh hơn khoảng 1 triệu lần so với các máy tính cá nhân hay là nhanh hơn 1 nghìn lần so với cái gọi là những siêu máy tính.

Theo lời của đại diện hãng chế tạo ra chiếc siêu máy tính này thì sản phẩm của họ chỉ trong vòng 3-4 ngày có thể giải quyết xong một khối lượng nhiệm vụ mà một máy tính cá nhân thông thường phải mất một triệu năm vất vả mới giải quyết xong.

Hiện nay, người ta đã nêu lên vấn đề tạo ra trên thực tế những chiếc máy tính hoạt động theo cùng những nguyên lý như bộ óc con người. Bước đầu tiên trên con đường này là chiếc máy tính thần kinh. Các công nghệ máy tính thần kinh hiện thời vẫn đang trong giai đoạn phát triển, nhưng các mẫu riêng lẻ đã được sử dụng thành công trong một số hãng. Thường hay thấy người ta sử dụng các máy tính này để kiểm soát bằng thiết bị hiển thị đối với sản phẩm được sản xuất ra. Những hệ thống "máy nhìn" kiểu ấy cho phép nhận biết ngay cả ngoại hình con người. Người ta cho rằng, các công nghệ máy tính thần kinh sẽ được sử dụng rộng rãi trong

việc đảm bảo thỏa thuận về chế độ di chuyển mới trong phạm vi các nước thuộc Cộng đồng châu Âu. Nhằm mục đích phân biệt từng cá nhân, người ta sẽ sử dụng những tấm thẻ đặc biệt có dấu vân tay, với sự mô tả đầy đủ khuôn mặt và hình vẽ nhãn cầu của mắt để đem so sánh với nguyên mẫu mỗi khi một cá nhân được kiểm tra tại sân bay.

Người đứng đầu Ủy ban độc lập về các vấn đề dân tị nạn của Bỉ, ông Paxcan Xmít, đã đưa ra một sơ đồ mới về tổng đăng ký, có nhiệm vụ ngăn ngừa nạn nhập cư bất hợp pháp và nạn buôn người. Sơ đồ của ông Xmít là như sau: mọi người sống trên trái đất đều phải lấy vân tay và mọi người đều phải được gắn số hiệu phân biệt của bản thân.

Theo lời ông Xmít, phương pháp đăng ký này sẽ cho phép các nước mở cửa biên giới của mình, bởi vì tất cả các công dân chân chính sẽ dễ dàng cho phép phân định cá nhân mình, và cũng sẽ dễ dàng phát hiện ra những cá nhân khác và trục xuất họ: ông Paxcan Xmít khẳng định rằng Cộng đồng châu Âu đã thử áp dụng sơ đồ phân định này đối với các công dân, không chỉ căn cứ vào vân tay, mà còn căn cứ vào hình rập khuôn nhãn cầu của mắt. Tuy nhiên, ông cho rằng hệ thống này phải trở thành hệ thống toàn cầu. Ông Xmít tuyên bố: "Tất cả các vấn đề kỹ thuật đã được giải quyết. Vấn đề còn lại chỉ là ý chí

chính trị và đầu tư... Chỉ cần nhìn vào xã hội chúng ta là quý vị sẽ hiểu được rằng tất cả chúng ta đã được đăng ký từ lúc sinh ra đến khi qua đời. Chính phủ các nước chúng ta biết rõ: Chúng ta là ai và chúng ta là cái gì”.

Thực tế viễn tưởng đã thực sự trở thành hiện thực. Chúng tôi xin dẫn ra đây ví dụ về một trường hợp có một không hai.

Một lần, ông chồng có máu ghen tuông bắt quả tang bà vợ đang bày tỏ tình yêu trên mạng Internet. Người chồng này đâm đơn đòi ly dị. Hơn thế nữa, anh chồng này còn ghi lại trên đĩa những thông điệp yêu đương của “cặp tình nhân” ngốc nghếch chưa một lần thấy nhau ấy. Các luật gia lập tức phân thành ba phe. Một phe đề nghị thay đổi khái niệm được mọi người thừa nhận về sự thiếu chung thủy giữa vợ chồng, cần bổ sung khái niệm ấy bằng những điều khoản phù hợp với tinh thần của thời đại. Phe thứ hai xem cơ sở của hành động không chung thủy là sự tiếp xúc thể xác - dĩ nhiên, giữa hai “tình nhân” ấy đã không có sự tiếp xúc như vậy - vì vậy họ không cho giải quyết ly dị. Phe thứ ba thì nhìn vấn đề này với thái độ thoáng hơn. Họ đề nghị để cho đôi vợ chồng này được ly dị, nhưng vụ ly dị này chỉ có hiệu lực trên mạng Internet mà thôi.

Nếu nói đến những sự việc có tính chất thường ngày hơn, thì cần chỉ ra rằng ở bang

Arizona (Mỹ) gần đây đã xuất hiện những máy tính tự động giải quyết ly hôn. Trong vòng 20 phút, chỉ ra 5 đôla, là có thể nhận được mọi giấy tờ cần thiết để được ly hôn. Điều này cho phép không phải nhờ đến dịch vụ tốn kém của các luật sư.

Cái “mốt” này không chỉ tồn tại ở Mỹ. Ví dụ, Hội đồng giám mục Ixraen, hồi đầu năm 1998, đã giới thiệu với tất cả những ai có nhu cầu hãy sử dụng loại dịch vụ mới: ly hôn thông qua mạng Internet. Tất cả các giấy tờ liên quan đến quá trình ly hôn đều có thể thực hiện và gửi đến tòa án mà không phải bước ra khỏi nhà, chỉ thông qua máy tính cá nhân. Đôi vợ chồng ly hôn chỉ phải hiện diện trực tiếp trong buổi xét xử cuối cùng mà thôi.

Tại sở cảnh sát Chicago người ta sử dụng có kết quả cái gọi là các mạng nơron. Khi phân tích các dữ kiện về 12.500 nhân viên thuộc sở cảnh sát này, mạng nơron đã xác định có 90 cảnh sát bị nghi đã lợi dụng chức vụ của mình.

Nhưng tất cả những thành tựu ấy chỉ là đỉnh của ngọn núi băng. Ở điểm đan xen giữa sinh vật học và điều khiển học đã xuất hiện một hướng mới. Đã xuất hiện các máy tính - ADN. Những thiết bị này được tạo ra trên cơ sở những vi trùng sống trong các chất đất có muối. Nhà hóa học Mỹ Giemxơ Hicman, người thực hiện việc cấy các nơron của các con chuột thí nghiệm

vào các thiết bị điện tử, cho rằng các công nghệ sinh vật - điện tử chẳng bao lâu nữa sẽ trở thành hiện thực.

Giáo sư của Đại học Nam Caliphooenia là ông Lêônacđơ Atlêman đã gây kinh ngạc cho các nhà khoa học qua sự mô tả cho biết nếu sử dụng các phân tử ADN thì người ta có thể thực hiện những phép tính toán học phức tạp với hiệu quả lớn hơn nhiều so với dùng các siêu máy tính. Các máy tính - ADN tiêu hao một năng lượng ít hơn hàng tỷ lần so với những máy tính mà chúng ta quen dùng. Chúng có thể cùng một lúc thực hiện nhiều thao tác hết sức phức tạp. Người ta đã tính toán rằng khoảng nửa kilôgam phân tử ADN có thể bảo quản một khối lượng thông tin lớn hơn là bộ nhớ của tất cả các máy tính đã được sản xuất ra hiện nay gộp lại. Trung tâm điện tử phân tử của Trường Đại học Xiracudơ đã chế tạo được chiếc máy cho phép ghi lại được những thông tin cần thiết bằng chùm tia laze của prôtêin được chiết xuất từ các vi sinh vật sống trong các chất đất có muối.

Cũng có những cố gắng thử làm ra các máy tính "sống". Chẳng hạn, giáo sư Macvin Minxki tin chắc rằng con người không hoàn thiện. Con người suy nghĩ chậm chạp, và sống không lâu. Ngoài ra, con người cũng có trí nhớ kém. Vì vậy, con người phải... biến thành cái máy. Các đồng nghiệp Minxki Phrancơ Tiplơ và Hanxơ Môravét

suy nghĩ tiếp: “Muốn vậy, chúng ta phải cấy những con chip vào óc chúng ta”. Chuyên gia thiết kế, giáo sư Vilem Phluxlơ còn đi xa hơn nữa. Ông khẳng định rằng, con người phải biến bộ óc của mình thành một máy tính. Đến lúc đó, con người sẽ sống vĩnh cửu. Vậy còn thể xác của chúng ta thì sao? Cả về câu hỏi này, ông Phluxlơ cũng có câu trả lời: “Thể xác sẽ biến mất vì không cần có nó nữa”.

Việc áp dụng các công nghệ mới vào các phương tiện thông tin đại chúng đã dẫn đến những hệ quả xã hội quan trọng. Một trong những hệ quả ấy được giáo sư G.V.Giêccốp nêu lên trong báo cáo của mình tại cuộc hội thảo khoa học - thực tiễn quốc tế thường trực có tên là “Kỷ nguyên thông tin” (Information Era) diễn ra trong các ngày 15 - 16 tháng 10-1996.

Các quá trình thông tin hiện đại của xã hội có một trình độ trang bị kỹ thuật cho phép con người ngoài cái thế giới bao quanh mình - còn kiến tạo cho cá nhân mình một vi thế giới ảo đặc biệt, sống trong thế giới ấy theo cách mà con người ưa thích và có được một sự tự do lựa chọn gần như tuyệt đối, điều mà con người đã từng mơ ước bao thế kỷ nay. Đồng thời cũng có một con người khác thường luôn quan tâm đến những lợi ích vụ lợi, cố xâm nhập đến thế giới ấy theo cách của mình, sử dụng nó vào các mục đích riêng, cột chặt kẻ dung tục vào thế giới ấy,

- đó là điều mà trước kia, cả những chính trị gia thu hút những người ủng hộ một ý tưởng đẹp đẽ, cả những doanh nhân thu hút người tiêu dùng vào các mạng lưới của mình bằng quảng cáo, đều không thể nghĩ tới.

Đặc biệt, ở giới trẻ đang hình thành một “hệ thống định lý thật sự khác biệt”, khác với thế hệ già. Hình thức phục vụ thông tin mới của xã hội, do con người xây dựng nên trong thế kỷ XX, chứa đựng những vấn đề mới mà giờ đây đang bộc lộ ra. Vì vậy, điều thật sự có ý nghĩa nóng hổi và kịp thời là những lời bàn luận về cái gọi là thực tế viễn tưởng. Nói đúng ra, câu chuyện ấy đã bắt đầu rồi. Các họa sĩ - họ là phong vũ biểu nhạy cảm nhất với những thay đổi diễn ra với con người - đã vẽ những tác phẩm về hiện thực viễn tưởng. Các nhà chính luận cũng tham gia vào câu chuyện trao đổi này: hiện tượng mới luôn luôn chứa đựng tính giạt gân tiềm ẩn. Hướng tới thế hệ đang lớn lên, các nhà sư phạm cũng trần trở với những vấn đề được đặt ra cho họ. Hiện đang soạn ra những chương trình giảng dạy mới với trình độ cao có thể được nhân thành nhiều bản. Người ta đang soạn thảo những tài liệu bổ trợ, các sách giáo khoa có tính đến khả năng áp dụng các công nghệ điện tử và thực tế viễn tưởng, xem đó là hệ thống giảng dạy.

Những trò chơi điện tử trị liệu đã được các nhà khoa học thuộc Viện điều khiển học y học

và sinh vật học của Phân viện Xibiri Viện Hàn lâm y học Nga nghiên cứu chế tạo ra. Tháng giêng 1998, Bộ Y tế Nga đã cho phép áp dụng những kết quả nghiên cứu này trong việc chữa trị một số bệnh về hệ thống tim mạch và hệ thống thần kinh. Những chương trình trò chơi điện tử đặc biệt huấn luyện cho người bệnh điều chỉnh nhịp tim của mình, vì phần thắng thuộc về những người tham gia trò chơi nào có tần số nhịp đập của tim ít hơn.

Phương pháp giảng dạy giả tưởng, liệu pháp chữa trị giả tưởng, du lịch giả tưởng, tình yêu giả tưởng, - tất cả những hiện tượng ấy và nhiều hiện tượng khác đã trở thành “điều phi hiện thực có thực”. Do các quá trình thông tin đã mang cấp độ toàn thế giới, cho nên trên thực tế đã tồn tại một không gian thông tin thoáng, đã xuất hiện khả năng áp dụng các công nghệ thông tin mới trên phạm vi toàn cầu. Do vậy, tính chất không đồng đều trong quá trình phát triển công nghệ của các khu vực khác nhau trên thế giới đã tạo ra tính chất bức xúc của vấn đề bình đẳng giữa các quốc gia trong việc sử dụng không gian thông tin thông thoáng, bảo vệ quyền lợi của các nước kém phát triển về phương diện này.

G.V.Giécốp chỉ rõ: “Do đó, các chức năng của báo chí trong cộng đồng nhân loại được mở rộng hơn nữa, vai trò của báo chí tăng lên. Chắc

chấn, thế kỷ XXI sẽ là thế kỷ của huyền thoại điện tử. Chúng ta đang cảm nhận thấy hơi thở của huyền thoại ấy”.

Lôgic nội tại của sự phát triển khoa học và kỹ thuật đưa đến những thay đổi rất nhanh chóng trong việc chế tạo ra ngày càng nhiều thiết bị mới trong khâu thu thập, xử lý, bảo quản và phổ biến thông tin. Điều này gây ra những hệ quả xã hội mà ý nghĩa của nó khó có thể lường trước được. Trong điều kiện ấy vai trò điều tiết của nhà nước tăng lên. Thông qua chính sách cạnh tranh, thông qua phương thức lập pháp và những phương pháp khác, nhà nước có thể thúc đẩy sự phát triển hơn nữa của các phương tiện thông tin đại chúng và ngăn ngừa những hệ quả xã hội không mong muốn.

Qua phân tích các xu hướng phát triển của báo chí trên thế giới ta thấy rằng toàn cầu hóa thông tin đã buộc người ta phải xét lại và hiện đại hóa các chiến lược của cộng đồng thế giới trong lĩnh vực phổ biến thông tin. Việc kết hợp thông tin toàn cầu và “lợi ích khu vực” sẽ làm cho hoạt động của các phương tiện thông tin đại chúng có hiệu quả hơn và có hiệu lực hơn, xét trên góc độ hình thành công luận và điều khiển công luận. Vấn đề tiếp tục trở nên sâu hơn hố ngăn cách giữa những quốc gia “giàu” và những quốc gia “nghèo”, tạo ra mối đe dọa thực tế đối với các quyền cơ bản và các quyền tự do của con

người, trong đó có quyền tự do ngôn luận và tự do báo chí.

Đang xuất hiện mối quan hệ ngày càng chặt chẽ hơn giữa báo chí và kinh tế. Trong những năm gần đây đã có sự thay đổi trong cấu trúc kinh tế của các phương tiện thông tin đại chúng. Vai trò ngày càng lớn thuộc về quảng cáo - nguồn thu tài chính chủ yếu. Ở nhiều quốc gia, nhà nước tài trợ cho các phương tiện thông tin đại chúng một cách trực tiếp và gián tiếp: dành cho những ưu đãi khác nhau, các khoản trợ cấp, các đơn đặt hàng về quảng cáo cho chính phủ, v.v.. Quá trình các phương tiện thông tin đại chúng sáp nhập vào các tập đoàn công nghiệp - tài chính đã cho phép đạt được sự ổn định về tài chính cho các phương tiện thông tin đại chúng.

Quá trình phân định và chuyên môn hóa báo chí đã tạo điều kiện nâng cao hiệu lực của hoạt động báo chí, đài phát thanh và truyền hình, sử dụng có hiệu quả cao nhất các phương tiện hiện có.

Trong số những thay đổi trong hoạt động báo chí ở nước ngoài, có thể kể ra một số khuynh hướng, trong số đó có các khuynh hướng báo chí “nhân dân”, báo chí tiêu dùng, báo chí nghiên cứu, báo chí điều tra, báo chí “mới” và những khuynh hướng khác. Dĩ nhiên, những khuynh hướng ấy là nhằm nâng cao hiệu quả của các bài vở báo chí, các chương trình phát thanh và truyền hình. Đồng thời, những khuynh hướng

này cũng phản ánh các đòi hỏi của thị trường. Thị trường ngày càng ảnh hưởng đến báo chí hiện đại.

Sự phát triển của khoa học và kỹ thuật có ảnh hưởng căn bản đến các phương tiện thông tin đại chúng ngày nay, đến các hình thức và phương pháp hoạt động của các nhà báo. Nhà nước tăng cường vai trò của mình. Chính sách cạnh tranh của nhà nước quyết định rất nhiều tương lai của các phương tiện thông tin đại chúng.

CHƯƠNG III

LUẬT PHÁP VÀ SỰ TỰ BIỂU CHỈNH CỦA BÁO CHÍ

Toàn cầu hóa không gian thông tin có những hệ quả luật pháp - xã hội rõ ràng. Những quá trình thay đổi mạnh mẽ trong các quan hệ xã hội - chính trị ở nhiều nước trên thế giới không tránh khỏi những thay đổi trong luật pháp và sự cải tổ các quan hệ quốc tế. đương nhiên, điều đó ảnh hưởng căn bản đến sự trao đổi thông tin quốc tế và những cơ sở pháp lý điều chỉnh các luồng thông tin. Bản thân các phương tiện thông tin đại chúng cũng thay đổi. Tốc độ và hiệu quả tăng lên, tính chất đại chúng của các sản phẩm thông tin cũng tăng lên.

Sau khi Hiệp ước Matxtơrich được ký kết và phê chuẩn, đời sống chính trị và luật pháp của các nước châu Âu đã có bước tiến mới. Việc xây

dựng “ngôi nhà chung châu Âu” không còn là điều không tưởng hoặc chỉ là ý tưởng của những chính trị gia vĩ đại. Thế giới trở thành thế giới chung. Sự cần thiết hiểu biết lẫn nhau đòi hỏi người ta phải có cái nhìn mới đối với những quá trình đang diễn ra trên thế giới, đối với những kinh nghiệm mà loài người đã có được trên con đường tạo lập một châu Âu thống nhất. Dĩ nhiên, một sự hợp nhất như vậy không thể có được nếu không có một không gian thông tin toàn cầu. Không gian này được phát triển là nhờ các phương tiện thông tin đại chúng thúc đẩy các nhà lập pháp thấy rõ sự cần thiết phải thống nhất hoạt động của họ. Trong công việc này vị trí đặc biệt thuộc về các tổ chức quốc tế, vì luật pháp quốc tế trở nên có ảnh hưởng nhất trong thế giới hiện đại.

Hoạt động của các phương tiện thông tin đại chúng hiện đại không chỉ diễn ra trên lãnh thổ các quốc gia riêng lẻ, mà còn lôi cuốn vào quỹ đạo của mình mọi người ở những quốc gia láng giềng. Do vậy, đã xuất hiện yêu cầu bức xúc phải tuân thủ không những luật pháp của từng quốc gia, mà còn phải tuân thủ các quy định của luật pháp quốc tế - vì cho rằng kết quả hoạt động của các phương tiện thông tin đại chúng cũng sẽ được đánh giá trên quan điểm của những độc giả chấp hành luật pháp ở những nước khác - để không gây ra những phản ứng

tiêu cực từ bên ngoài mỗi quốc gia.

Trong thế giới hiện đại, một thế giới tràn đầy những sự kiện chính trị, những lời phát biểu của chính trị gia không được nhà báo hiểu đúng đắn có thể làm đảo lộn những cố gắng đã được thực hiện nhiều năm nhằm đưa các dân tộc xích lại gần nhau, nhằm củng cố tình hữu nghị và sự hợp tác.

Dĩ nhiên, không thể nào nắm bắt cặn kẽ luật pháp của từng nước. Do vậy, các nhà báo phải tuân thủ các chuẩn mực của luật pháp quốc tế, vì những chuẩn mực ấy được thừa nhận không phải nhằm mục đích thỏa mãn tham vọng của một nước nào, mà là nhằm tìm ra một sự thỏa hiệp cho phép các phương tiện thông tin đại chúng thực hiện chức năng của mình mà không làm tổn hại đến những tình cảm dân tộc hoặc tình cảm khu vực của những người nước ngoài tham gia quá trình thông tin.

Các dòng thông tin - đó là những công cụ mà người ta dùng để điều hành các mối quan hệ trong xã hội, đó là những đòn bẩy mà giới cầm quyền hoặc muốn nắm quyền dùng đến. Báo chí nước ngoài thật đa dạng, nhưng tồn tại những xu hướng phát triển chung của các phương tiện thông tin đại chúng và những xu hướng ấy đều dựa trên luật pháp quốc tế.

Cùng với sự điều chỉnh của nhà nước, thông tin còn chịu tác động của chính quá trình nó tự

điều chỉnh. Quá trình này bao gồm những chuẩn mực đạo đức hiện hành, các hiệp hội và hội liên hiệp báo chí, v.v..

Sự điều chỉnh bằng luật pháp, cũng như sự tự điều chỉnh của báo chí tạo thành hành lang hoạt động của các phương tiện thông tin đại chúng.

I. CÁC PHƯƠNG TIỆN THÔNG TIN ĐẠI CHÚNG Ở CÁC NƯỚC CÓ HỆ THỐNG LUẬT PHÁP KHÁC NHAU

Cách đây chưa lâu, luật pháp quốc tế còn là cái gì đó tách rời khỏi luật pháp quốc gia, nó chỉ được xem là một đại lượng danh nghĩa, còn việc tuân thủ các nguyên tắc của nó thì không bắt buộc. Cho đến nay vẫn chưa hoàn toàn khắc phục được xu hướng xem thường luật pháp quốc tế. Có thể nêu ra đây hai nguyên nhân của tình trạng này. Thứ nhất, chủ yếu là không có những thông tin cần thiết. Thứ hai, là giới cầm quyền không hiểu biết, trong một số trường hợp họ còn không muốn thông tin cho dân chúng biết về các quá trình đang diễn ra trên trường quốc tế. Trong điều kiện toàn cầu hóa không gian thông tin, các lực lượng tiến bộ của cộng đồng thế giới hiểu rõ tầm quan trọng của việc củng cố luật pháp quốc tế và đang lôi cuốn ngày càng nhiều nước vào các quá trình hợp nhất luật pháp từng nước.

Luật pháp quốc tế là tổng thể những nguyên tắc, chuẩn mực pháp lý được ghi trong các hiệp

ước được ký kết giữa các chủ thể của luật pháp quốc tế, nhằm điều chỉnh quan hệ giữa các quốc gia và thông qua đó mà điều chỉnh quan hệ giữa công dân các nước ấy, được ký kết bởi các đại diện có thẩm quyền hoặc bởi các tổ chức. Những chuẩn mực pháp lý ấy bắt buộc phải được thi hành trên lãnh thổ các nước đã ký vào hiệp ước, sau khi đã hoàn tất thủ tục tương ứng nhằm hợp pháp hóa nó.

Những nguyên tắc mới của luật pháp quốc tế đã hình thành trong thời kỳ diễn ra các cuộc cách mạng tư sản và đặc biệt là nhờ thành quả của Đại cách mạng Pháp. Sự bình đẳng có chủ quyền, độc lập, sự bất khả xâm phạm về lãnh thổ, không can thiệp vào công việc nội bộ của những quốc gia khác, sự tuân thủ các hiệp ước - đó là những điều đã được tuyên bố với tư cách là nguyên tắc cơ bản của luật pháp quốc tế và đã được ghi nhận trong luật pháp của từng nước, đặc biệt là được ghi nhận trong luật pháp quốc tế.

Các điều khoản pháp lý được ghi nhận trong các hiệp ước quốc tế là cơ sở của luật pháp quốc tế và đã được ghi trong các điều khoản pháp lý của ba công ước quốc tế: Công ước Viên về hiệu lực của các hiệp ước quốc tế (năm 1969); Công ước Viên về sự kế thừa pháp lý của các quốc gia đối với các hiệp ước (năm 1978); Công ước Viên về các hiệp ước giữa các quốc gia và các tổ chức quốc tế hoặc giữa các tổ chức quốc tế (năm 1986).

Ngoài Hiến chương của Liên Hợp Quốc và những văn kiện đã nêu, thì Văn bản cuối cùng của Hội nghị châu Âu về an ninh và hợp tác, ký ngày 1-8-1975, có vai trò đặc biệt trong việc xác định những nguyên tắc cơ bản của luật pháp quốc tế.

Ngoài luật pháp quốc tế, các phương tiện thông tin đại chúng còn phải tính đến những điều khoản của luật học đối sánh.

Việc đối sánh các hệ thống luật pháp của các quốc gia láng giềng là công việc cũng xa xưa như chính luật học. Việc nghiên cứu 153 bản hiến pháp của các thay đổi ở Hy Lạp và của các dân tộc đã man dã được lấy làm cơ sở cho luận văn của Aristot về chính trị. Trong thời Trung cổ người ta đã đem đối sánh luật La Mã và giáo luật, còn ở Anh vào thế kỷ XV người ta đã thảo luận về những ưu điểm cũng như khiếm khuyết của giáo luật và của luật phổ quát. Cuối cùng, Môngtêxkiơ đã cố gắng dùng con đường đối sánh để nghiên cứu tinh thần của các đạo luật và xác định các nguyên tắc của một hệ thống cai trị tốt.

Còn có thể dẫn ra đây nhiều ví dụ nữa rút ra từ quá khứ. Tuy nhiên, sự phát triển của luật học đối sánh, như là một khoa học, thì mới bắt đầu chưa lâu. Chỉ trong một trăm năm trở lại đây người ta mới thừa nhận tầm quan trọng của luật học đối sánh, các phương pháp và mục đích của luật học đối sánh mới được nghiên cứu có hệ

thống và bản thân thuật ngữ “luật học đối sánh” mới được sử dụng trong khoa học.

Dưới một hình thức cô đọng, ta có thể nêu ra ba khía cạnh cơ bản nói lên ý nghĩa của luật học đối sánh. Nó hữu ích đối với việc nghiên cứu lịch sử của luật pháp và đối với triết học luật pháp, đối với luật pháp quốc gia, đối với sự hiểu biết lẫn nhau giữa các dân tộc và đối với việc xây dựng các hình thức pháp lý tốt nhất của những quan hệ được hình thành trong giao lưu quốc tế.

Sau Môngtêxkiơ - đôi khi ông được người ta gọi là “cha đẻ của luật học đối sánh” - đã xuất hiện cái motif thích vẽ ra những bức tranh lịch sử - triết học quy mô về quá trình phát triển của luật pháp. Để phục vụ mục đích này người ta đã sử dụng những dữ kiện về luật pháp của các dân tộc khác. Các nhà luật học bắt đầu nghiên cứu từ những phong tục của những bộ lạc mông muội cho đến luật pháp của các nước phát triển nhất.

Luật học đối sánh tạo điều kiện tìm hiểu rõ hơn về luật pháp quốc gia và hoàn thiện nó. Ngày nay quá trình các nhà làm luật nhờ đến sự trợ giúp của luật học đối sánh chỉ có thể được mở rộng, khi mà mọi người trông đợi một sự đảm bảo tính ổn định và muốn dùng những đạo luật mới để cải tạo xã hội.

Tự bản thân khoa học về luật pháp đã mang tính chất xuyên quốc gia rồi. Những gì được ban bố, soạn ra hoặc được áp dụng ở một nước nào

đó cũng có thể ảnh hưởng đến sự giải thích về một đạo luật nào đó ở một nước khác. Trong nhiều thế kỷ, ý tưởng về thống nhất luật pháp bị người ta xem là ước mơ huyền hoặc. Nhưng thời gian đã sắp đặt mọi cái vào chỗ của nó. Khi thực hiện quá trình thống nhất quốc tế về luật pháp thì vấn đề nói đến không phải là sự thay thế hệ thống luật pháp quốc gia của các nước bằng một hệ thống luật pháp siêu quốc gia duy nhất được chấp nhận trên phạm vi thế giới. Hiện nay, vì có những khác biệt giữa các hệ thống luật pháp nên không thể thực hiện được điều đó, nhưng đã có ví dụ về việc thành lập Hội đồng châu Âu và việc thông qua các nguyên tắc quốc tế (các quyền cơ bản và những quyền tự do cơ bản).

Trong thế giới hiện đại mỗi quốc gia đều có luật pháp của mình. Nhưng cũng có khi ngay trong cùng một quốc gia lại có một số hệ thống pháp luật tồn tại và cạnh tranh với nhau. Mặc dù tồn tại rất nhiều hệ thống pháp luật, nhưng xuất phát từ nguồn gốc lịch sử - pháp lý, có thể tập hợp những hệ thống luật pháp ấy thành từng nhóm.

Sự khác nhau của các hệ thống pháp luật có thể biểu hiện ở lĩnh vực kiểm soát tư pháp đối với tính hợp hiến của những đạo luật. Mặc dù Mỹ đặt luật pháp quốc gia cao hơn những chuẩn mực của pháp luật quốc tế, còn nước Nga thì dành ưu tiên cho luật pháp quốc tế hơn là cho

luật pháp quốc gia, nhưng ở các nước này đều tồn tại sự kiểm soát tư pháp đó.

Sau Chiến tranh thế giới thứ hai, người ta thừa nhận có 4 nhóm hệ thống luật pháp chủ yếu: hệ thống luật pháp Rômanh-Đức, hệ thống luật pháp phổ quát, hệ thống luật pháp xã hội chủ nghĩa, hệ thống luật pháp truyền thống. Tuy vậy, cho dù những nhóm hệ thống luật pháp có tầm quan trọng như thế nào và phạm vi áp dụng những nhóm hệ thống ấy có rộng đến đâu thì toàn thế giới luật pháp hiện đại cũng không chỉ giới hạn ở những nhóm đó.

Thế kỷ XIII được xem là thời điểm xuất hiện *hệ thống luật pháp Rômanh-Đức* xét từ góc độ khoa học. Trước thế kỷ XIII chỉ tồn tại những thành tố của hệ thống này, mang tính chất của luật pháp thông thường. La Mã ở thời kỳ đế quốc được biết đến như một nền văn minh rực rỡ đã lập ra một hệ thống luật pháp chưa từng có hình mẫu tương tượng trên thế giới.

Về cơ bản, việc các hệ thống luật pháp xích lại gần nhau gắn với thời kỳ phục hưng châu Âu. Xã hội mới đã có cảm nhận được sự cần thiết phải có những nguyên tắc điều chỉnh mới, bởi vì luật pháp của kẻ mạnh - được người ta sử dụng cho đến thời điểm ấy (và cả ngày nay vẫn sử dụng) - đã không còn thỏa mãn được xã hội nữa.

Giáo hội là một trong số những thế lực đầu tiên phân biệt giáo luật Thiên chúa với luật

dân sự hay là luật thế tục. Chẳng có gì là mới đối với ý tưởng cho rằng xã hội phải tuân theo các đạo luật. Luật La Mã đã có quan điểm như vậy. Nhưng vào thời điểm ấy việc quay trở lại với luật pháp La Mã là bước đi mang tính chất cách mạng.

Hệ thống *luật pháp truyền thống* thì đa dạng và thoát nhìn nó mang tính chất cổ xưa, nhưng phương tiện thông tin đại chúng ở từng nước, cũng như trong trao đổi thông tin quốc tế, phải tính đến hệ thống luật pháp ấy.

Sự đan xen luật pháp và tôn giáo là nét đặc trưng cơ bản của *luật Hồi giáo*. Theo ý kiến của một bộ phận các luật gia châu Âu thì luật Hồi giáo không phải là một ngành khoa học. Luật Hồi giáo - đó là một mặt của tôn giáo. Luật này quy định những giáo điều và xác định rõ ràng:

- Thứ nhất, tín đồ Hồi giáo phải tin;
- Thứ hai, luật saria quy định những điều tín đồ phải làm và những điều không được làm.

Tuy luật saria dựa trên ý tưởng về bốn phận của con người, nhưng trong luật này cũng dành một vị trí cho khái niệm luật pháp. Các nhà nghiên cứu luật Hồi giáo cho rằng tín đồ Hồi giáo không phân biệt những bốn phận đứng trước Thượng đế và trước đồng loại. Song, các nhà luật học Hồi giáo lại dứt khoát không đồng ý với ý kiến này. Một mặt, người ta chỉ thừa nhận những ranh giới nhất định giữa các bốn phận (thượng đế

trút lên vai mỗi người những bốn phận mà con người có thể gánh vác được), nhưng mặt khác, người ta cũng xác định chính xác phạm vi các quyền được thừa nhận dành cho người công dân. Sự khác biệt giữa luật Hồi giáo không chỉ đơn giản tuyên bố các chuẩn mực đạo đức thường hay bị người châu Âu chà đạp, mà còn tuân thủ chặt chẽ những chuẩn mực ấy. Xuất phát từ những sự mặc khải thần thánh, người ta đã xây dựng cả một hệ thống luật rất chi tiết, hệ thống luật của xã hội lý tưởng. Xã hội ấy sẽ được thiết lập vào một ngày nào đó trên toàn hành tinh. Có thể mang một thái độ như thế nào đi nữa đối với ý tưởng ấy, nhưng trong thâm tâm mỗi người đều tồn tại niềm hy vọng ấy, không phụ thuộc vào những niềm tin tôn giáo của họ. Xét về bản chất, Hồi giáo là tôn giáo của luật.

Luật Hồi giáo có 4 nguồn. Trước hết đó là Kinh Côran - Kinh thánh của đạo Hồi; sau nữa là Xuna, hay là các truyền thống (truyền thống được hiểu là lối sống của đảng Tiên tri Môhamet) gắn chặt với sứ giả của Thánh Ala; thứ ba - đó là Igiơmaa, hay là sự thỏa thuận thống nhất của các học giả Hồi giáo được công nhận; sau hết - đó là Kiat, hay là sự suy xét theo nguyên tắc loại suy.

Luật Hồi giáo và các truyền thống nhân dân rất chú ý đến thông tin, dưới mọi biểu hiện của nó. Chẳng hạn, ngay từ “các hadít chuẩn xác” -

được quy định thành luật từ thế kỷ IX - đã nghiêm cấm vẽ các sinh vật và đặc biệt là con người. Các nhà thần học ở các thế kỷ XI - XIII (Ghidali và những nhân vật khác) đã coi những hình vẽ ấy là tội lỗi nặng nề nhất. Chính đó là nghệ thuật hết sức cao siêu của nghệ thuật trang trí phương Đông, sự hưng thịnh của vùng Cận Đông và Trung Đông, cũng như đó là Magriba của nghệ thuật trang trí sách. Luật Hồi giáo đã và đang ảnh hưởng mạnh đến báo chí các nước Hồi giáo.

Hệ thống luật truyền thống tiếp theo là *luật Hindu*. Xin đừng nhầm lẫn: đó không phải là luật của Ấn Độ, cũng như luật Hồi giáo không phải là luật của một quốc gia với dân cư Hồi giáo. Luật Hindu là luật cộng đồng dân cư sống ở Ấn Độ và ở những nước Đông Nam Á khác theo đạo Hindu. Cũng như Đạo Hồi, Đạo Hindu buộc các tín đồ của mình phải tin theo những giáo điều nhất định cũng như phải tin theo một quan niệm nhất định về thế giới.

Nền văn minh Ấn Độ khác với nền văn minh Thiên Chúa giáo hoặc nền văn minh Hồi giáo. Đối với các tín đồ Hồi giáo và những người Do Thái thì nguyên tắc cơ bản là nguyên tắc ghi trong Kinh thánh. Theo nguyên tắc ấy, tất cả mọi người đều bình đẳng trước Thượng đế. Mọi người đã được tạo ra theo hình ảnh của Thượng đế. Đạo Hindu lại không biết đến luận điểm nền

tầng này. Đối với Đạo Hindu con người đơn giản là một điều trừu tượng. Chỉ có những con người, sau khi được sinh ra, đã được phân thành những tầng lớp người theo thứ bậc xã hội. Mỗi tầng lớp người ấy đều có hệ thống các quyền và nghĩa vụ của mình. Những chuẩn mực liên quan đến cách ứng xử của mọi người được trình bày trong các sách được gọi là "Sastora" được chia thành ba loại, bởi thế giới dựa trên ba cơ sở, và cách ứng xử của con người thể hiện qua ba sức mạnh: đạo đức, sự thỏa mãn, lợi ích. Có những sách Sastora dạy mọi người phải ứng xử như thế nào để vừa lòng Thượng đế. Đó là khoa học Đ'hacma. Những sách Sastora khác lại dạy người ta cách làm giàu và nghệ thuật lãnh đạo. Đó là Actha - khoa học về điều hữu ích và chính trị. Loại sách Sastora thứ ba là phát triển môn khoa học về những sự thỏa mãn. Đó là môn khoa học Cama. Tất cả ba loại sách Sastora ấy đều mang tính chất chính thống và dĩ nhiên, buộc mọi người phải tuân theo. Đồng thời, mỗi người phải ứng xử theo cách như đã quy định cho đẳng cấp của người ấy hoặc theo địa vị xã hội của mình.

Đ'hacma có ưu thế, nhưng điều đó không có nghĩa nó là sự biểu thị của giáo lý Hindu. Nói đúng hơn, Đ'hacma là mô hình đơn giản, cho phép có những sai lệch và đòi hỏi phải uốn chuyển theo tinh thần thực tế và dung chấp - những đặc điểm của Đạo Hindu. Đ'hacma dựa

trên cơ sở niềm tin cho rằng có tồn tại một trật tự toàn thế giới bắt nguồn từ bản chất của các sự vật. Bản chất ấy là cần thiết để duy trì hòa bình. Hơn thế, bản thân các vị thần là những người duy trì trật tự này. Đ'hacma nói về hành vi ứng xử của mọi người, không phân biệt giữa bốn phận tôn giáo và luật pháp.

Lịch sử hơn bốn nghìn năm của nền văn học Ấn Độ được mở ra bằng những bản thi ca tôn giáo - đó là các bản kinh Vệ Đà, chứa đựng những mầm mống của thơ ca trữ tình, sử thi và kịch. Nhưng ngay từ thời kỳ ấy đã tồn tại những quy tắc diễn ca những bản kinh Vệ Đà ấy. Chính nó là khuôn mẫu của hệ thống "thông tin được điều khiển" được xây dựng về sau và có nhiều nhánh. Ví dụ, cho đến nay tại Ấn Độ vẫn tồn tại nhà hát cổ các hình bóng. Nó vẫn được ưa chuộng và sử dụng các cốt truyện truyền thống của sử thi Ấn Độ. Dĩ nhiên, tất cả những đặc trưng khác của "nền văn minh" với chế độ kiểm duyệt và những mảnh khéo tinh xảo gây áp lực đều đã được thể hiện trong lịch sử và trong hiện trạng của các phương tiện thông tin đại chúng của Ấn Độ.

Luật truyền thống của Trung Quốc mang tính chất biệt lập. Đây là một luận thuyết về chế độ xã hội đã từng phát triển trước thế kỷ XIX mà không chịu một ảnh hưởng nào của ngoại quốc và hoàn toàn khác biệt với các luận thuyết của

phương Tây. Tư tưởng nền tảng của luận thuyết này là sự tác động lẫn nhau giữa đất, trời và con người. Đất và trời tuân theo những quy luật không thay đổi, còn con người làm chủ những hành vi của mình. Vì vậy, hành vi ứng xử của con người quyết định có trật tự hay không trên thế giới.

Sự hài hòa - cái quyết định sự cân bằng trên thế giới và hạnh phúc của con người- thể hiện qua hai khía cạnh.

Thứ nhất, đó là sự hài hòa giữa con người và thiên nhiên. Cách hành xử của con người phải phù hợp với trật tự của tự nhiên. Để tránh khỏi dịch bệnh, nạn mất mùa, lụt lội và động đất, cần phải tính đến vị trí sắp xếp của các hành tinh, phải tính đến thời gian trong năm. Các nhà cai trị phải nêu gương về cách sống phù hợp với trật tự của tự nhiên. Đó là nhiệm vụ chủ yếu của họ. Lòng tốt và đạo đức, - đó là những phẩm chất quan trọng của các nhà cai trị, hơn là những hiểu biết thực tế của họ.

Thứ hai, cần có sự hài hòa trong quan hệ giữa người và người. Trong quan hệ xã hội, đứng ở vị trí hàng đầu phải là tư tưởng đồng thuận, sự tìm kiếm trạng thái cố kết. Cần tránh những lời lên án, những sự trừng phạt, những quyết định của đa số. Những bất đồng phải được hòa tan, chứ không được đem ra giải quyết. Đứng hàng đầu phải là giáo dục và thuyết phục, chứ không phải

là quyền lực và sự cưỡng chế.

Xuất phát từ những quan điểm như vậy, người Trung Quốc, trên nguyên tắc, có thái độ phủ nhận tư tưởng của người châu Âu về luật pháp với tính chất nghiêm khắc và trừu tượng của nó. Con người không được đòi hỏi các quyền của mình, vì bốn phận của mỗi người là hướng tới đồng thuận và quên đi bản thân mình vì lợi ích của mọi người. Giải pháp cụ thể phải phù hợp với những tinh thần công bằng và nhân đạo, chứ không được chứa chất trong khuôn khổ một sơ đồ pháp lý.

Các đạo luật không phải là phương cách bình thường để giải quyết các xung đột giữa người với người. Vai trò hữu ích của chúng chỉ giới hạn ở chỗ: chúng đưa ra những khuôn mẫu ứng xử và cảnh báo những ai có hành vi chống xã hội. Tuy nhiên, không được đặt ra vấn đề tuân thủ nguyên văn các đạo luật. Trong khi thi hành và áp dụng các đạo luật cần phải tuân thủ một sự tự do rộng lớn của ý nguyện. Và điều lý tưởng là: nói chung, không áp dụng các đạo luật và tòa án không đưa ra những phán quyết. Luận thuyết truyền thống của Trung Quốc không phủ nhận luật pháp, nhưng đồng thời lại cho rằng luật pháp là để áp dụng đối với những kẻ mông muội, những kẻ không quan tâm đến đạo đức, để áp dụng đối với những kẻ phạm tội bất trị, cuối cùng, để áp dụng đối với người ngoại quốc xa lạ với nền văn minh Trung Quốc.

Sau khi thành lập Cộng hòa nhân dân Trung Hoa, luật truyền thống đã nhường chỗ cho luật pháp xã hội chủ nghĩa. Luật pháp Trung Quốc đã và đang hết sức chú ý đến các phương tiện thông tin đại chúng, điều chỉnh các dòng thông tin hiện hữu cho phù hợp với đòi hỏi của thời đại.

Luật pháp Nhật Bản giống luật pháp của Trung Quốc, nhưng cũng có những sự khác biệt căn bản. Trước năm 1853, Nhật Bản đã không có bất kỳ sự tiếp xúc nào với phương Tây. Trong khi ấy quan hệ của Nhật Bản với Trung Quốc lại chiếm vị trí quan trọng trong lịch sử Nhật Bản. Tuy nhiên, lối suy nghĩ của người Nhật lại khác với lối suy nghĩ của người Trung Quốc: lối suy nghĩ ấy duy trì tính độc đáo rất rõ của mình. Tính độc đáo ấy gắn với sự phát triển lịch sử của dân tộc.

Những di tích đầu tiên của luật pháp Nhật Bản xuất hiện vào thời đại Tacơ, mở đầu vào năm 646. Vào thời đại ấy ở Nhật Bản đã áp dụng bộ quy tắc đạo đức - chính trị độc đáo. Đặc biệt, bộ quy tắc ấy quy định trật tự phân phối định kỳ các diện tích trồng lúa thuộc sở hữu nhà nước, tùy thuộc vào số lượng nhân khẩu, và phân chia chặt chẽ xã hội thành các đẳng cấp. Mỗi giai cấp trong quốc gia phải thực hiện một chức năng được xác định nghiêm ngặt. Các bổn phận của mỗi người đều được quy định rõ trong các tập sách luật, được gọi là "Rixu Rơ". Được

soạn ra theo mẫu của Trung Quốc, những tập sách luật ấy chủ yếu chứa đựng những quy định trừng phạt (các rixu) và những quy định hành chính (rơ). Những quy định ấy được bình giảng trong các trường dạy về luật pháp và cai trị, để phục vụ các mục đích giáo dục. Những tập sách này rất xa lạ với khái niệm về các quyền chủ thể, nhưng chúng xích gần đến chỗ đem lại một ý nghĩa xác định cho luật pháp.

Ngày nay, ở Nhật Bản đã có bộ luật hiện đại, khiến cho bộ luật của đất nước Mặt trời mọc này trở thành bà con với các hệ thống luật pháp của phương Tây, đặc biệt là với hệ thống luật pháp kiểu Rômanh ở lục địa châu Âu. Kể từ năm 1872 người ta đã soạn thảo ra cả một loạt đạo luật với sự trợ giúp của các luật gia châu Âu. Bộ luật hình sự và Bộ luật xét xử hình sự đã được thông qua năm 1882 còn các đạo luật về tố tụng và Bộ luật xét xử - dân sự thì được thông qua vào năm 1890. Phức tạp nhất là việc thông qua Bộ luật dân sự. Bộ luật này mãi đến năm 1898 mới được thông qua. Tiếp sau đó, dưới ảnh hưởng của luật pháp phương Tây, Nhật Bản cũng đã thông qua cả những bộ luật khác.

Hệ thống luật phổ thông rất khác với luật pháp truyền thống.

Trong lịch sử *luật pháp nước Anh* - luật pháp này mang tính chất tiêu biểu nhất - có thể phân ra bốn thời kỳ. Thời kỳ thứ nhất là thời kỳ trước

khi diễn ra cuộc chinh phục xứ Noocmăngđi vào năm 1066. Thời kỳ thứ hai - từ năm 1066 đến thời điểm thiết lập triều đại Tuyđo (1485) - là thời kỳ thiết lập luật phổ thông, khi mà hệ thống luật pháp này được khẳng định trong quá trình khắc phục những phong tục địa phương. Thời kỳ thứ ba - từ năm 1485 đến 1832 - là thời kỳ hưng thịnh của luật phổ thông. Tuy nhiên, luật phổ thông đã buộc phải thỏa hiệp với hệ thống luật bổ sung. Điều này đã được thể hiện trong “các chuẩn mực công bằng”. Thời kỳ thứ tư - từ năm 1832 đến ngày nay - là thời kỳ luật phổ thông trùng lặp với sự phát triển chưa từng thấy của hoạt động lập pháp và luật phổ thông ấy phải thích ứng với một xã hội trong đó không ngừng gia tăng ý nghĩa của chính quyền nhà nước.

Ngay từ đầu, luật phổ thông đã quy tụ thành một số lượng nào đó những hình thức xét xử, trong đó có thể đưa ra phán quyết, nhưng không bao giờ có thể biết chính xác phán quyết ấy sẽ như thế nào. Luật phổ thông đã dần dần tiến đến chỗ đề ra những chuẩn mực xác định các quyền và nghĩa vụ của mỗi người. Ý nghĩa quan trọng nhất của những nhân tố lịch sử trong quá trình phát triển nền luật pháp của nước Anh đã thể hiện ở chỗ: ý nghĩa của những nhân tố ấy cũng hiện diện cả trong luật pháp hiện đại của nước Anh. Chúng tôi xin nêu ra đây bốn khía cạnh quan trọng của luật pháp nước Anh:

- ♦ Nghiêm ngặt tuân thủ thủ tục xét xử;
- ♦ Xác định loại hình luật pháp;
- ♦ Không có sự phân chia thành quyền phổ thông và quyền cá nhân;
- ♦ Không tiếp thu luật La Mã.

Luật pháp của Anh có gì khác với các hệ thống luật pháp Rômanh?

Hệ thống các hệ thống luật pháp Rômanh là một hệ thống luật pháp mang tính chất tương đối hợp lý và lôgíc, vì hệ thống ấy được xây dựng - nếu nói đến những nguyên tắc cơ bản - bởi công sức của các trường đại học và các nhà làm luật. Cấu trúc của các hệ thống luật pháp Rômanh-Đức không được hoàn thiện nếu xét về phương diện lôgíc thuần túy. Tuy nhiên, người ta đã có rất nhiều cố gắng nhằm đơn giản hóa sự tiếp thu hệ thống này. Còn luật pháp của Anh thì, trái lại, đã được xây dựng mà không có bất kỳ sự quan tâm nào đến lôgíc, trong khuôn khổ được quy định bởi thủ tục xét xử tư pháp.

Trong lĩnh vực thông tin đại chúng, hiện nay luật pháp của Anh rất phức tạp và dựa trên luật phổ thông. Hơn nữa, khi phân tích bất kỳ tác phẩm nào, người ta đều không chỉ chú ý đến lời văn, mà còn chú ý đến ý nghĩa, nội dung của chúng. Điều đó rất quan trọng.

Lịch sử phát triển và hiện trạng của *luật pháp nước Mỹ* cũng có những đặc điểm của nó. Trên lãnh thổ nước Mỹ người ta thường áp dụng

luật phổ thông và các đạo luật của Anh, nhưng kèm theo những điều bảo lưu. Luật pháp của Anh do xã hội phong kiến soạn ra không thích hợp trên lãnh thổ Mỹ cho nên đã xuất hiện sự tự do suy xét của các quan tòa. Tại các thuộc địa khác nhau đã có những cố gắng soạn ra các bộ luật, đó là phản ứng trước những hành động tùy tiện của các quan tòa. Khác với luật pháp của Anh, người Mỹ có thiện cảm với luật thành văn và mong muốn tuân thủ lời văn trong đạo luật, vì chính lời văn của đạo luật là điều dễ hiểu nhất đối với tất cả mọi người. Đó là sự khác biệt giữa luật pháp của Mỹ với luật pháp của Anh.

Từ năm 1776, luật pháp của Mỹ và luật pháp của Anh phát triển độc lập với nhau. Tuy nhiên, luật pháp của Mỹ và luật pháp của Anh đều thuộc vào cùng một nhóm luật phổ thông. Đối với luật gia Anh, cũng như đối với luật gia Mỹ thì luật pháp chỉ là luật thực thi tư pháp. Nếu không có các tiền lệ, thì luật gia Mỹ sẽ nói: “Về vấn đề này, luật pháp không có ý kiến”, cho dù đã tồn tại quy định hoàn toàn rõ ràng của đạo luật liên quan đến vấn đề đó. Như vậy, xét toàn cục thì luật pháp của Mỹ có một cơ cấu giống như cơ cấu của luật phổ thông.

Nhưng có một sự khác biệt căn bản. Đó là sự phân chia quyền tư pháp thành quyền tư pháp liên bang và quyền tư pháp của các bang. Nước Mỹ là quốc gia liên bang. Vì vậy, khi giải quyết

bất kỳ một vụ việc nào cũng xuất hiện câu hỏi là việc giải quyết vấn đề nào đó thuộc thẩm quyền của ai. Điều khoản tu chính thứ 10 trong Hiến pháp Mỹ - được thông qua năm 1791 - đã giải quyết hoàn toàn rõ ràng vấn đề này: "Những thẩm quyền của bản Hiến pháp này không trao cho Hợp chủng quốc Hoa Kỳ và việc sử dụng các thẩm quyền ấy không bị cấm đối với từng bang, thì những thẩm quyền ấy thuộc về các bang hoặc thuộc về nhân dân". Nguyên tắc này được áp dụng mọi lúc: hoạt động lập pháp thuộc thẩm quyền các bang. Thẩm quyền của chính quyền liên bang là ngoại lệ. Ngoại lệ này luôn luôn phải dựa trên một điều khoản nhất định của Hiến pháp. Điều đó có nghĩa căn bản là trong các vấn đề thuộc phạm vi lập pháp của Quốc hội Mỹ thì các bang có được một thẩm quyền nhất định. Dù luật pháp liên bang có ý nghĩa như thế nào đi nữa thì trong đời sống hằng ngày, đối với các công dân và các luật gia, luật pháp của các bang vẫn là quan trọng nhất.

Xuất phát từ thực trạng luật pháp, hệ thống tư pháp của Mỹ có cơ cấu của mình. Một mặt, hệ thống ấy bao gồm các tòa án liên bang, mặt khác, lại gồm các tòa án của các bang. Khác với đa số các quốc gia liên bang - tại đó các tòa án liên bang chỉ tồn tại ở nấc thang cao nhất trong hệ thống thứ bậc tư pháp - Mỹ đã lập ra một hệ thống khác: trong nhiều trường hợp ngay tại cấp

đầu tiên người ta đã có thể thưa kiện lên các tòa án liên bang. Như vậy, có thể nói rằng ở Mỹ không cùng một lúc tồn tại hai hệ thống tư pháp.

Luật pháp của Scotlen đáng quan tâm. Hệ thống luật pháp của Anh, như đã biết, mang tính chất không đồng nhất. Khi chúng tôi nói đến ảnh hưởng của luật pháp Anh đến các nước thuộc cái gọi là nhóm Ănglô-Xăcxông thì chúng tôi có ý muốn nói đến trật tự luật pháp đã hình thành và tiếp tục tồn tại ở nước Anh và ở xứ Uên với tất cả đặc trưng lịch sử của nó. Đồng thời, Liên hiệp vương quốc Anh và Bắc Ailen cũng gồm cả những khu vực có những hệ thống tư pháp khá khác biệt với nước Anh và xứ Uên. Về phương diện này, hiện tượng lập hiến vô song bên trong một quốc gia thống nhất là xứ Scotlen. Mặc dù trong hơn hai thế kỷ thống nhất với Anh theo Hiệp ước năm 1707, Scotlen chịu sự cai quản của Chính phủ Anh và Quốc hội Anh, và tất nhiên chịu ảnh hưởng trực tiếp của chính sách chung của Vương quốc Anh (trong đó ảnh hưởng đến cả hệ thống luật pháp), nhưng luật pháp của Scotlen cho đến nay vẫn duy trì được tính độc lập tương đối. Năm 1948 bắt đầu chế độ hàng năm công bố về hoạt động lập pháp trong năm của Scotlen. Cho đến nay, chế độ này vẫn tiếp tục được thực hiện. Bộ sưu tập ấy gồm các bộ quy tắc tố tụng dân sự và bộ quy tắc tố tụng hình sự do Hội đồng xét xử và Tòa án cấp

cao (các tòa án cao nhất của Scotlen) ban bố - Những bộ quy tắc này được xếp ngang hàng với các đạo luật - do hiệu lực quyền của Quốc hội (đã hình thành trong lịch sử) là được chuyển giao các thẩm quyền tư pháp của mình. Trên thực tế, những bộ quy tắc ấy thuộc vào loại các văn bản được ủy quyền. Tất cả những văn bản luật được ủy quyền khác thì được công bố trong một bộ sưu tập chung "Các văn bản dưới luật", dưới dạng những tập văn bản luật được xuất bản hằng năm và được bổ sung bằng những tập chứa đựng những điểm thay đổi và những điểm bổ sung.

Sau khi nước Anh gia nhập Liên minh châu Âu, các luật gia Scotlen, cũng như các luật gia Anh, đều thừa nhận những văn bản luật do các cơ quan của cộng đồng ban hành là căn cứ luật pháp. Bộ luật nghị viện, với tính cách là căn cứ luật pháp, là cơ sở luật pháp cơ bản để diễn ra - và dĩ nhiên, không thể không diễn ra - quá trình thống nhất luật pháp Scotlen và các quy tắc pháp lý Scotlen theo mô hình của Anh.

Lịch sử hình thành hệ thống *luật pháp xã hội chủ nghĩa* là lịch sử của sự thay đổi hệ thống luật pháp đã được thông qua trong một quốc gia, của việc đặt hệ thống luật pháp ấy dưới sự phục tùng nguyên tắc ý thức hệ trong quá trình hình thành nhà nước mới xã hội chủ nghĩa. Được hình thành trong điều kiện chuyên chính vô sản, học thuyết về pháp chế xã hội chủ nghĩa

tất đã phải tuyên bố luận điểm mácxít về nhà nước và về pháp luật, đồng thời giải thích học thuyết ấy để phục vụ việc áp dụng lập tức trong thực tiễn. Sự phát triển pháp chế xã hội chủ nghĩa đã có sự đóng góp vô giá vào khái niệm về khả năng hình thành luật pháp nói chung.

Các ông Đ.I.Cuốcxki, Bộ trưởng Dân uỷ Tư pháp thời kỳ những năm 1919-1928 đã tích cực phát triển và áp dụng vào thực tiễn luận điểm về pháp chế mới, vô sản - cách mạng, xem đó là phương tiện thực hiện chuyên chính vô sản. Ông cũng là Công tố trưởng đầu tiên của nước cộng hòa. Theo quan điểm của ông Cuốcxki, trong điều kiện chuyên chính vô sản, luật pháp thể hiện lợi ích của giai cấp vô sản. “Chuyên chính vô sản chỉ có thể thừa nhận lợi ích của toàn thể giai cấp mình đại diện đích thực của nền chuyên chính ấy là toàn thể giai cấp, tức là giai cấp công nhân và nông dân được tổ chức thành Đảng Cộng sản và các Xôviết...”.

Không phụ thuộc vào các hệ thống luật pháp hiện hành ở nước này hay ở nước kia, luật pháp quốc tế rất coi trọng tự do ngôn luận và tự do báo chí. Tòa án châu Âu về các quyền con người nêu rõ rằng tự do báo chí đòi hỏi một sự bảo vệ đặc biệt, nhằm đảm bảo cho quyền tự do ấy có cơ hội “đóng vai trò thiết yếu là cảnh vệ xã hội” và “phổ biến những thông tin đáng quan tâm”. Các nhân tố văn hóa, lịch sử và kinh tế có ý

nghĩa quyết định. Văn hóa quyết định thái độ của công luận đối với báo chí và quyết định xem công luận đánh giá như thế nào những điều tra của báo chí, cũng như quyết định phản ứng tiêu cực của công luận đối với những tài liệu đăng tải có đụng chạm đến các vấn đề đời tư.

Ở một số nước lời buộc tội vu cáo hoặc che giấu thông tin có thể giúp cảnh sát điều tra hành động vi phạm pháp luật - có thể làm tổn hại rất nhiều danh tiếng của tờ báo, thì ở những nước khác công luận lại có thể coi vụ xử án như là cái giá phải trả cho một cuộc điều tra quá hăng hái của báo chí. Những nhân tố kinh tế cũng có ảnh hưởng rất nhiều đến báo chí: ở một số nước cạnh tranh và sự tập trung sở hữu về cải cách phương tiện thông tin đại chúng đã dẫn đến sự hạ giảm các tiêu chuẩn chung của báo chí và làm giảm sự đa dạng của các ý kiến phát biểu, trong khi ấy ở những nước khác sự tập trung sở hữu lại không có được một ý nghĩa quan trọng như vậy.

Sự lo ngại chung quanh việc phổ biến các ý thức hệ phátxít, dân tộc chủ nghĩa và khủng bố chủ nghĩa đã dẫn đến những hạn chế ngặt nghèo hơn đối với những tư tưởng ấy. Ảnh hưởng qua lại giữa các nhân tố khác nhau về văn hóa, lịch sử và thị trường đã tạo điều kiện để có thể xây dựng một hệ thống pháp luật thống nhất về báo chí cho những nước khác nhau.

Trong luật pháp các nước, có thể tìm thấy

những ví dụ chứng tỏ rằng hiển nhiên đã không có những đảm bảo về quyền tự do báo chí và tự do ngôn luận (ví dụ, ở nước Anh và Ôxtrâylia). Ở đa số các nước khác - mà tại đó có sự bảo vệ của Hiến pháp đối với quyền tự do phát biểu ý kiến - có nhiều nước đã có những tuyên bố đặc biệt bảo vệ báo chí. Ở Đức và ở Tây Ban Nha, người ta cho rằng các đại diện của báo chí có nhiều quyền hơn bất kỳ ai trong việc thu thập và phổ biến thông tin. Những quyền ấy là thể hiện vai trò đặc biệt của báo chí trong việc hình thành công luận và phục vụ các lợi ích xã hội.

Ở Ôxtrâylia, Canada và ở Mỹ, những đạo luật cơ bản tác động đến báo chí, gồm cả các đạo luật về tội vu cáo và can thiệp vào đời tư, - đều là những đạo luật của các chủ thể trong liên bang. Ở Áo, Chính phủ liên bang có tất cả mọi thẩm quyền giải quyết những vấn đề có liên quan đến báo chí. Ở Đức, luật pháp liên bang điều chỉnh những vấn đề liên quan đến hành động vu cáo và can thiệp vào đời tư, trong khi những vấn đề có liên quan đến thông tin đại chúng thì lại được giải quyết ở cấp luật pháp của các vùng đất. Ở CHLB Đức có ý kiến phổ biến cho rằng tất cả những vấn đề liên quan đến báo chí phải được Chính phủ liên bang giải quyết, nhằm giảm thiểu những sự phức tạp nảy sinh chung quanh sự phân chia thẩm quyền.

Ở một số nước không có những đạo luật riêng

về thông tin đại chúng, vì người ta cho rằng các phương tiện thông tin đại chúng cũng thuộc phạm vi chịu tác động của các đạo luật điều chỉnh những quan hệ khác trong xã hội. Chẳng hạn, ở Hà Lan không có đạo luật về các phương tiện thông tin đại chúng, vì nhiều vấn đề liên quan đến hoạt động của chúng đã được tính đến trong các bộ luật dân sự, hình sự và hành chính.

Đặc biệt, cần nêu vấn đề điều chỉnh quyền sở hữu các phương tiện thông tin đại chúng. Chính phủ ở các nước khác nhau có quan điểm khác nhau về những vấn đề này. Ở Pháp và Đức có những đạo luật ngặt nghèo cấm các cuộc thảo luận giao kèo dẫn đến gia tăng sự tập trung báo chí. Hiệu quả của những đạo luật này đã giảm sau những cố gắng phần nào thất bại trong việc điều chỉnh sở hữu trong các phương tiện thông tin đại chúng. Ủy ban về các vấn đề tổ chức độc quyền và hợp nhất các hãng của nước Anh giải quyết vấn đề sáp nhập các tờ báo, nhưng trên thực tế khả năng của Ủy ban này rất hạn chế.

Ở nhiều nước, ví dụ ở Ôxtrâyli-a, Pháp, Hà Lan, Na-uy và Thụy Điển, Chính phủ trợ cấp cho các tờ báo nào gặp khó khăn về tài chính, nhằm duy trì ý kiến khác nhau của công luận. Ở Đan Mạch, đáng chú ý là đa số các khoản trợ cấp chỉ được thực hiện tạm thời, nhằm giúp các tờ báo “trong những trường hợp khó khăn đặc biệt của họ” khi mới bắt đầu xuất bản hoặc giúp các tờ

báo qua khỏi thời kỳ khó khăn. Đa số các quốc gia đã đi theo con đường trợ cấp trong việc trang trải các khoản chi phí, chẳng hạn, về thuế má hoặc các khoản chi phí bưu điện (điện thoại) của các tờ báo. Phần lớn những khoản tài trợ gián tiếp ấy không gây ra những ý kiến phản đối và là sự giúp đỡ thực sự cho báo chí.

Thực tiễn chung của từng quốc gia riêng lẻ đã giúp phát triển luật pháp quốc tế bằng hai cách. Thứ nhất, vì hoạt động thực tiễn xuất phát từ sự cam kết pháp lý, cho nên hoạt động thực tiễn ấy có thể làm xuất hiện chuẩn mực của luật pháp quốc tế hoặc của luật pháp địa phương theo thông lệ. Chuẩn mực ấy được áp dụng cho tất cả các nước mà nó không mâu thuẫn với chuẩn mực của những nước ấy. Thứ hai, sự tồn tại của thực tiễn chung đối với các nước tham gia hiệp ước quốc tế có thể góp phần tạo ra một cách giải thích thống nhất về các điều khoản trong hiệp ước.

Những đặc điểm pháp lý về hoạt động của các phương tiện thông tin đại chúng không làm suy giảm tính chất thời sự của việc hài hòa luật lệ các quốc gia, mà chỉ nhấn mạnh tính chất cần thiết của sự hài hòa ấy.

II. SỰ TỰ ĐIỀU CHỈNH CỦA BÁO CHÍ

Ngoài hình thức điều chỉnh bằng pháp luật đối với các phương tiện thông tin, sự tự điều chỉnh của báo chí cũng đóng vai trò to lớn. Sự tự

điều chỉnh ấy bao gồm những chuẩn mực đạo đức, sự tham gia của các nhà báo vào các tổ chức và hiệp hội báo chí, những quy định về soạn thảo và công bố các tài liệu đối với các phương tiện thông tin đại chúng được mọi người chấp nhận.

Trong những năm gần đây, người ta đã viết không ít bài vở về tự do ngôn luận và tự do báo chí, trong đó có những bài ít nhiều đã đề cập chuyện điều chỉnh báo chí. Khi xem xét kỹ vấn đề này bất giác ta nhận thấy một điều nghịch lý: ở những nước mà luật pháp ban bố các quyền và các quyền tự do hết sức rộng rãi thì nơi đó, hệ thống tự điều chỉnh của báo chí khá chặt chẽ và được suy tính kỹ càng. Và ngược lại: ở những nước nào mà luật lệ khá nghiêm ngặt và không có nhiều khả năng trong việc thể hiện sự tự do về tư tưởng thì hệ thống tự điều chỉnh có thể chỉ ở trong trạng thái mới hình thành. Chúng tôi xin đưa ra ví dụ về Thụy Điển và Na-uy.

Ở Thụy Điển, nguồn gốc của nguyên tắc công khai đã có từ xa xưa, giống như cội nguồn của tự do báo chí Thụy Điển. Khởi nguồn là Đạo luật đầu tiên về tự do báo chí năm 1766. Quyền tự do ấy được xem là quyền tự do mang tính chất dân chủ nhất ở châu Âu lúc bấy giờ. Nhưng quyền tự do ấy không phải là độc nhất vô nhị. Nước Anh đã thông qua đạo luật như vậy khoảng 50 năm sớm hơn, tuy nhiên, đạo luật ấy không mang tính chất cấp tiến bằng. Sau đó 25 năm, Mỹ

cũng tuyên bố tự do báo chí, dưới hình thức “tu chính án thứ nhất” trong Hiến pháp. Trước khi diễn ra cuộc trưng cầu dân ý về việc Thụy Điển tham gia Cộng đồng châu Âu, thì tương lai của nguyên tắc công khai là một trong số những vấn đề cơ bản. Vì ở đa số các nước thuộc Cộng đồng châu Âu đều không có truyền thống luật pháp tương ứng, cho nên nhiều người lo ngại rằng nguyên tắc công khai của Thụy Điển sẽ bị suy yếu do hội nhập vào cộng đồng luật pháp châu Âu. Trong hiệp ước về việc Thụy Điển gia nhập Cộng đồng châu Âu có bản tuyên bố đặc biệt về nguyên tắc công khai. Trong hiệp ước này, những điều khoản về nguyên tắc công khai được chỉ rõ là những cơ sở “di sản hiến pháp, chính trị và văn hóa của Thụy Điển”. Phía đối diện (Cộng đồng châu Âu) đã đáp lại bằng bản tuyên bố của mình, trong đó bên cạnh quan điểm của Thụy Điển thì đồng thời cũng nêu rõ rằng, như đã quy định, với tư cách là thành viên của Cộng đồng châu Âu, Thụy Điển phải tuân theo các chuẩn mực luật pháp của Cộng đồng châu Âu.

Các nhà làm luật của Thụy Điển cố gắng bảo vệ các phương tiện thông tin đại chúng khỏi tác động của những thay đổi pháp lý, bằng cách xây dựng các quy tắc đặc biệt và những tổ chức phụ trách các vấn đề liên quan đến Đạo luật về tự do báo chí. Muốn truy tố, theo đạo luật này cần phải có quyết định của Bộ trưởng Tư pháp. Vì

vậy, các công tố viên địa phương không thể khởi kiện. Bộ trưởng Tư pháp cũng cần có sự đồng ý của Chính phủ trước khi mở đầu vụ án được coi là có thể có những hậu quả chính trị. Như chúng ta thấy, cần phải quy định trước nhiều điều trước khi chuyển vụ việc cho tòa án. Hơn nữa, những vụ xét xử có liên quan đến báo chí thì được xét xử ở tòa án hội thẩm - là thiết chế không tiêu biểu cho hệ thống tư pháp Thụy Điển. Tòa án này gồm 9 vị hội thẩm không chuyên nghiệp được bầu ra từ một danh sách, sau khi các bên liên quan đã có cơ hội loại bỏ những ứng cử viên mà họ xem là thiên vị hoặc không thích hợp vì nhiều lý do. Nhiệm vụ của các hội thẩm là ủng hộ hoặc bác bỏ những lời buộc tội cụ thể tại phiên tòa về tội lỗi của người chịu trách nhiệm xuất bản. Để thừa nhận là có tội thì cần có sự đồng ý của ít nhất 6 vị hội thẩm. Các thành viên của tòa án có thể biện hộ cho bên bị, không phụ thuộc vào việc các hội thẩm đã thừa nhận. Tuy nhiên, các thành viên của tòa án không thể bác bỏ quyết định của các hội thẩm về sự vô tội của bị cáo.

Mọi án phẩm định kỳ, án hành mỗi năm 4 lần hoặc nhiều hơn, phải bổ nhiệm người chịu trách nhiệm xuất bản, người duy nhất chịu trách nhiệm về nội dung của bài vở. Chỉ có nhân vật này là bị truy cứu trách nhiệm về mọi sự vi phạm Đạo luật về tự do báo chí. Chủ nhân của

ấn phẩm phải là người bổ nhiệm người chịu trách nhiệm xuất bản. Người ấy phải thường trú trên lãnh thổ Thụy Điển (từ năm 1978 có một điều khoản sửa đổi, cho phép bổ nhiệm người nước ngoài vào chức vụ này nếu họ thường trú ở Thụy Điển), phải là người ở độ tuổi trưởng thành và không phải là một kẻ bị phá sản chưa được khôi phục các quyền. Người chịu trách nhiệm xuất bản có thể bổ nhiệm một vị phó của mình và có trách nhiệm làm việc này nếu người chịu trách nhiệm xuất bản không có khả năng thực thi nhiệm vụ của mình. Chỉ trong những trường hợp hãn hũu, khi mà cả hai nhân vật ấy không thể bị truy cứu trách nhiệm về vi phạm luật báo chí, thì mới có thể trừng phạt một nhân vật khác. Đối với những tình huống khó khăn ấy, luật pháp quy định “chuỗi trách nhiệm”, khi mà trách nhiệm pháp lý tiếp theo được quy cho chủ nhân của ấn phẩm. Nếu vì một nguyên nhân nào đó mà cả chủ nhân của ấn phẩm cũng không thể bị luận tội thì xướng in trở thành bên chịu trách nhiệm. Trường hợp phải áp dụng biện pháp cứng cộc thì lời buộc tội có thể được quy cho người phát hành ấn phẩm. Đây là điều khoản được áp dụng chủ yếu đối với các bài vở đăng trên các ấn phẩm nước ngoài nhập khẩu vào Thụy Điển và tạo cơ sở cho việc khiếu tố ra tòa, bởi vì trong trường hợp này luật pháp của Thụy Điển không áp dụng đối với những khâu

xuất phát trong chuỗi mất xích trách nhiệm. Vấn đề phân chia trách nhiệm chỉ có thể được đặt ra trong trường hợp gây ra thiệt hại.

Trong nhiều thập kỷ các tổ chức báo chí Thụy Điển đã cố gắng canh giữ bảo vệ những quyền tự do đã được Hiến pháp bảo đảm. Ngay từ năm 1916 Câu lạc bộ các nhà chính luận (Câu lạc bộ báo chí quốc gia), Hiệp hội các nhà xuất bản báo chí Thụy Điển và Hội các nhà báo Thụy Điển đã lập ra Hội đồng về các vấn đề báo chí Thụy Điển - đây là tổ chức đầu tiên trên thế giới. Năm 1923, Câu lạc bộ báo chí quốc gia lần đầu tiên đã thông qua bộ quy tắc đạo đức báo chí. Sau một số lần sửa đổi, đến năm 1994, Bộ quy tắc này, dưới hình thức như hiện nay, đã được phê chuẩn và được các nhà báo, các nhà xuất bản và các Công ty phát thanh và truyền hình thừa nhận để thực hiện. Mục đích của Bộ quy tắc này là đảm bảo tuân thủ những chuẩn mực đạo đức cao cả nói chung, và đặc biệt nhằm bảo vệ cá nhân chống lại hành vi xâm nhập vào đời tư, chống lại hành động vu khống và những bài báo gây thiệt hại cho cá nhân. Có một chương riêng đề cập việc đấu tranh chống hành vi quảng cáo của ban biên tập và chống những thủ đoạn bất hợp pháp khác nhằm làm cho độc giả bị lầm lạc. Có một Ủy ban chuyên theo dõi những sự vi phạm như thế.

Những nguyên tắc đạo đức của các phương

tiện thông tin đại chúng Thụy Điển có thể được quy tụ thành những nguyên tắc như sau:

- Hãy cung cấp những thông tin đúng đắn;
- Đừng né tránh tranh luận;
- Hãy tôn trọng nhân cách;
- Hãy thận trọng khi sử dụng các minh họa;
- Hãy lắng nghe cả phía bên kia;
- Đừng nêu tên một cách vô mục đích.

Cũng có những quy tắc nghề nghiệp áp dụng cho các nhà báo. Những quy tắc này đề cập tính chất đáng tin cậy của nhà báo, các phương pháp thu thập tài liệu, thời gian ấn hành các ấn phẩm.

Hội đồng về các vấn đề báo chí của Thụy Điển, hay là Tòa án danh dự, được thành lập năm 1916, là tổ chức kỳ cựu nhất trên thế giới và duy nhất thuộc loại đó. Các tổ chức sáng lập ra Hội đồng này là: Câu lạc bộ báo chí quốc gia, Hội nhà báo và Hiệp hội các nhà xuất bản báo chí. Thành phần Hội đồng gồm một thẩm phán làm Chủ tịch, đại diện của những tổ chức sáng lập (mỗi tổ chức có 1 đại diện) và hai đại diện của giới công luận hoàn toàn không có quan hệ gì với các nhà xuất bản báo chí và với các tổ chức của họ.

Viện thanh tra báo chí phục vụ công luận rộng rãi được thành lập năm 1969. Việc bổ nhiệm chức vụ thanh tra viên do một ủy ban đặc biệt thực hiện. Ủy ban này gồm các ủy viên

thanh tra của Quốc hội và các chủ tịch của Câu lạc bộ báo chí và Hiệp hội luật gia Thụy Điển. Trước kia, khi chưa có thanh tra viên báo chí, thì các khiếu nại về việc vi phạm quy định chung về hoạt động báo chí được xét xử tại Hội đồng báo chí, còn giờ đây những khiếu nại ấy trước hết được gửi đến thanh tra viên báo chí. Thanh tra viên này cũng có quyền tự khởi kiện về những vi phạm.

Mọi công dân đều có thể gửi cho thanh tra viên báo chí khiếu nại hoặc phản kháng đối với những bài viết đăng tải trên báo chí bị công dân này xem là sự vi phạm đạo đức báo chí. Tuy nhiên, cá nhân bị báo động đến phải đưa ra sự đồng ý của mình trong trường hợp nếu lời khiếu nại của công dân ấy sẽ dẫn đến việc tờ báo đó bị phạt. Sau khi nhận được lời khiếu nại thì thanh tra viên phải xác định xem tờ báo có sẵn sàng đăng bài cải chính hoặc bài trả lời tương ứng hay không. Để làm việc này thanh tra viên có thể liên lạc với tờ báo. Trong trường hợp không thể giải quyết vụ việc bằng cách ấy và thanh tra viên cho rằng tờ báo đã vi phạm những chuẩn mực thực tiễn đã được mọi người thừa nhận, thì anh ta có thể mở cuộc điều tra, trước hết qua việc tiếp xúc với tổng biên tập của báo. Sau khi kết thúc cuộc điều tra, thanh tra viên có thể lựa chọn một trong những khả năng sau:

1. Thừa nhận rằng lời khiếu nại không tạo cơ

sở để đưa ra lời khiển trách tờ báo;

2. Quyết định rằng những thông tin nhận được là khá nghiêm trọng, vì vậy có thể chuyển vụ việc sang Hội đồng về các vấn đề báo chí;

3. Nếu sự vi phạm ấy không lớn thì đưa ra lời khiển trách tờ báo mà không cần chuyển vụ việc lên Hội đồng về các vấn đề báo chí. Những quyết định của thanh tra viên theo hướng lựa chọn số 1 và số 3 có thể bị khiếu nại lên Hội đồng về các vấn đề báo chí. Những đương sự không thỏa mãn với các quyết định của thanh tra viên và của Hội đồng báo chí có quyền khiếu nại lên tòa án phổ thông.

Tờ báo đã vi phạm luật pháp báo chí được mọi người thừa nhận thì phải công bố kết quả điều tra do thanh tra viên hoặc Hội đồng báo chí tiến hành. Ngoài ra, về phương diện hành chính, tờ báo vi phạm có thể bị phạt tiền. Trong những năm gần đây, mỗi năm có từ 300 đến 400 vụ khiếu nại báo chí. Nhiều vụ trong số đó có liên quan đến việc các báo đưa tin về các vụ án hình sự hoặc liên quan đến sự xâm phạm tính bất khả xâm phạm của đời sống riêng của công dân. Khoảng 30% số đơn khiếu nại là do Hội đồng báo chí đưa ra phán quyết. Hội đồng này tiếp nhận các đơn kiện do thanh tra viên chuyển đến hoặc do một trong các bên liên quan gửi lên nhằm xét lại phán quyết. Số đơn khiếu nại còn lại thì thanh tra viên đã tuyên bố cảnh cáo tờ

báo, hoặc là chấm dứt do thiếu cơ sở khiếu nại hoặc vì tờ báo đã cho đăng lời cải chính tương ứng. Khoảng 20% đơn khiếu nại đưa đến quyết định của thanh tra viên hoặc Hội đồng báo chí là phạt tờ báo bằng tiền.

Luật pháp Thụy Điển không quy định hệ thống tự thực thi kỷ luật - hệ thống này là một sự thỏa thuận hoàn toàn tự nguyện, dựa trên các chuẩn mực đạo đức của hoạt động báo chí. Hệ thống này hoàn toàn được tài trợ bởi ba tổ chức báo chí. Mặc dù có những khả năng pháp lý rộng rãi và những ưu đãi dành cho các nhà báo Thụy Điển, nhưng những người làm công việc báo chí, phát thanh và truyền hình rất thận trọng khi sử dụng quyền tự do ấy, vì cơ chế tự điều chỉnh của báo chí là nhân tố kiểm chế.

Ở Na Uy có đôi phần khác:

Hiến pháp Na Uy, năm 1814, lần đầu tiên đã ghi nhận quyền tự do báo chí ở trong nước. Kể từ đó, tự do báo chí đã trở thành bộ phận cấu thành không thể thiếu được của nền dân chủ Na Uy. Người Na Uy hiểu tự do báo chí không chỉ là mức độ tự do tương đối cao của tự do, không có sự can thiệp vào chính sách biên tập, mà còn là quyền được tiếp cận thông tin, như truyền thống ở các nước Bắc Âu. Các phương tiện thông tin đại chúng đã được chính thức công nhận là được hưởng quyền bảo vệ các nguồn thông tin của mình. Như đã nêu ở trên, các khoản trợ cấp

của nhà nước cũng thúc đẩy tính chất đa nguyên của các thông tin về công luận. Ngoài sự điều chỉnh của nhà nước, thì nhân tố có ý nghĩa to lớn là cơ chế tự điều chỉnh, trong đó đáng chú ý là hiệu lực của Bộ quy tắc đạo đức do Hội đồng báo chí thông qua.

Dĩ nhiên, cũng có những thiếu sót nhất định trong hệ thống đảm bảo tự do báo chí ở Nauy. Chẳng hạn, cho đến nay, ở nước này không có một hệ thống luật pháp rõ về các phương tiện thông tin đại chúng: những điều khoản pháp lý nằm rải rác trong một loạt các văn bản quy định. Tòa án tối cao trước đây, đã có thời không giữ vai trò quan trọng trong việc mở rộng các giới hạn của quyền tự do bày tỏ ý kiến, trong khi đó các đạo luật về vu khống và bảo vệ đời sống riêng tư lại chiếm ưu thế so với những điều khoản về tự do báo chí. Tuy nhiên, báo chí Nauy, xét toàn cục, lại có những vị trí khá mạnh trong xã hội.

Điều khoản 100 trong Hiến pháp Nauy viết: “Báo chí được tự do. Không một người nào có thể bị trừng phạt về những gì người đó viết ra, không phụ thuộc vào nội dung, hoặc vì người ấy đã cho đăng hoặc công bố điều đó, trừ phi người ấy cố tình và công khai kêu gọi những người khác vi phạm các đạo luật, kêu gọi không tôn trọng tôn giáo, đạo đức, kêu gọi chống lại trật tự hiến định, hoặc đưa ra những lời buộc tội gian dối có tính chất vu khống chống lại một người

nào đó. Mọi người đều được tự do nói ra ý kiến cá nhân về bộ máy nhà nước, cũng như về mọi vấn đề khác”.

Trong những năm sau khi thông qua bản Hiến pháp 1814, một số đạo luật của Nauy và sự giải thích của cơ quan tư pháp đã phần nào thu hẹp phạm vi của tự do báo chí, đặc biệt do những điều khoản đạo luật hiện hành về tội vu khống. Ngày nay ở Nauy người ta có thể bị truy cứu trách nhiệm ngay cả khi đưa ra những lời buộc tội đúng sự thật, hoặc những lời buộc tội mà nhà báo thành thật cho là đúng đắn. Và lại, Hiến pháp không giới hạn quyền tài phán của các tòa án trong lĩnh vực này.

Khác với Thụy Điển, Đạo luật cơ bản của Nauy không hoàn toàn đảm bảo quyền tiếp nhận thông tin. Tòa án tối cao cũng không đưa ra một sự đảm bảo như vậy. Có một tiền lệ về phán quyết ngày 21-8-1986 của Tòa án thành phố Torôm-xê, giải thích rằng quyền tự do thông tin không có cơ sở pháp lý ở Nauy. Dĩ nhiên, đó là một kết luận gây tranh cãi, đặc biệt, nếu xét đến sự thật là năm 1972 Nauy đã phê chuẩn Hiệp định quốc tế về các quyền công dân và các quyền chính trị, trong đó Điều 19 trực tiếp chỉ rõ rằng mọi người đều có quyền được tự do tìm kiếm, tiếp nhận và phổ biến các loại thông tin và tư tưởng, không phụ thuộc vào các đường biên giới quốc gia, bằng miệng, bằng văn bản hoặc

trên báo chí, cũng như thông qua các hình thức thể hiện bằng nghệ thuật hoặc bằng những phương pháp khác tùy theo sự lựa chọn của mình. Ngoài ra, Nauy cũng tham gia Công ước châu Âu về các quyền con người và đã phê chuẩn Công ước này vào năm 1952.

Nauy tham gia vào một số lượng lớn các hiệp định quốc tế về quyền con người và thường xuyên nêu rõ sự ủng hộ của mình đối với các quyền cơ bản ấy. Tiếc thay, cho đến nay những công ước này vẫn chưa phải là bộ phận cấu thành trong luật pháp quốc tế. Tất nhiên, những công ước này sẽ được tòa tính đến, xem đó là luận cứ pháp lý và thậm chí sẽ được nêu ra trong các phán quyết của tòa. Nhưng, ở Nauy các tòa án không có quyền trực tiếp đưa ra các phán quyết của mình dựa trên các điều khoản của những văn bản pháp lý quốc tế ấy.

Trong điều kiện ngày nay, việc bảo vệ bằng hiến pháp quyền tự do báo chí có nghĩa là nghiêm cấm toàn diện sự kiểm duyệt từ trước khi ra báo. Mặc dù vậy, Tòa án giám sát (Court of Enforcement) có thể đình chỉ mọi ấn phẩm, nếu căn cứ vào các thông tin có được cho thấy nó chứa đựng những thông tin trái với pháp luật, ví dụ, những thông tin, những lời phát biểu có tính chất vu khống. Về sau này, việc nghiêm cấm những tài liệu, ấn phẩm loại đó có thể thường xuyên.

Như đã biết, Nauy là một quốc gia thống

nhất. Ở nước này các cơ quan quản lý trung ương nắm mọi thẩm quyền điều chỉnh các quan hệ, với sự tham gia của báo chí. Vì Tòa án bảo hiến không tồn tại ở nước này như một cơ quan độc lập, cho nên các tòa án thông thường đứng ra giải thích Đạo luật cơ bản, tuy nhiên Tòa án tối cao mới là trọng tài cao nhất trong các vụ tranh cãi. Chẳng hạn, trước đây, Tòa án tối cao Nauy đã lập ra một quy tắc mà giờ đây được biết đến với tên gọi “tập quán hiến định”. Trong một vài trường hợp việc áp dụng quy tắc này dẫn đến sự lý giải trong phạm vi hẹp hơn Điều 100 của Hiến pháp, nếu xuất phát từ cách giải thích điều khoản ấy theo đúng nguyên tắc.

Sự tác động qua lại giữa luật quốc gia và luật quốc tế khá phức tạp. Luật pháp của Nauy “công nhận sự phù hợp của mình” với những hiệp ước quốc tế đã được phê chuẩn, và trên lý thuyết - nếu có những hoài nghi về sự phù hợp giữa những quy định của luật pháp Nauy và luật pháp quốc tế - các tòa án phải giải thích quy định (của luật pháp Nauy) theo tinh thần là quy định ấy phù hợp với các quy định của các công ước đã được phê chuẩn.

Sở dĩ có tình hình trên là do cái gọi là “hệ thống kép” của Nauy: luật pháp quốc gia và những chuẩn mực quốc tế được áp dụng cùng tồn tại song song và tác động như thể là những chuẩn mực quốc tế ấy là một bộ phận trong hệ

thống luật pháp Nauy. Cho nên, tuy các tòa án Nauy tiếp nhận chính là theo tinh thần ấy một số chuẩn mực pháp lý quốc tế trong lĩnh vực các quyền con người, song những điều khoản về tự do bày tỏ ý kiến, được ghi trong các Điều 10 ECPS và Điều 19 MPGPP, lại không được áp dụng trong các phán quyết của các tòa án Nauy.

Ở nhiều nước có những đạo luật riêng về các phương tiện thông tin đại chúng. Ví dụ, ở Pháp thậm chí còn có Bộ luật thông tin. Ở Nauy không có luật thống nhất về báo chí. Ví dụ, có nhiều điều khoản khác nhau trong Bộ luật hình sự đụng chạm nhiều đến báo chí. Đặc biệt, Chương 23 của Bộ luật hình sự có liên quan đến tội xâm phạm danh dự và phẩm giá cá nhân. Chương 43 liên quan đến những vi phạm nhỏ về luật pháp đối với báo chí. Chương này nói về trách nhiệm của tổng biên tập đối với nội dung ấn phẩm. Có cả những đạo luật khác với những điều khoản liên quan đến tự do báo chí, bao gồm Đạo luật về sự tiếp cận của cộng đồng đối với các văn bản, Đạo luật về quá trình xét xử, Đạo luật về tiếp thị, v.v..

Các đạo luật của Nauy chú ý khá nhiều đến những vấn đề điều chỉnh luật sở hữu. Mặc dù ở Nauy không có các hạn chế độc quyền báo chí như ở một số nước khác, nhưng có ba Công ty vẫn giữ vị trí thống trị trên thị trường báo chí, đó là: Sibostet, Ooccla, Aprêxen. Một số tờ báo chủ chốt

được đặt dưới sự kiểm soát của các chính đảng và các tổ chức xã hội, số còn lại thường là thuộc sở hữu của các cá nhân.

Nhìn chung, ở Naui không có sự điều chỉnh đặc biệt bằng luật đối với quyền sở hữu các phương tiện thông tin đại chúng thuộc loại hình ấn phẩm. Tuy nhiên, quyền của chủ sở hữu các phương tiện thông tin đại chúng điện tử có bị hạn chế, mặc dù chủ nhân các công ty phát thanh - truyền hình lại có thể xuất bản báo. Trên thực tế, điều khoản này hầu như không được áp dụng vì những lý do kinh tế, cụ thể là mức sinh lời bị giảm sút khi sở hữu cùng một lúc nhiều loại hình thông tin đại chúng khác nhau.

Không có bất cứ sự hạn chế đặc biệt nào đối với người nước ngoài sở hữu các ấn phẩm báo chí, mặc dù Đạo luật về khai thác các thác nước, hầm mỏ và bất động sản, được ban hành ngày 17-12-1917, có nói: người nước ngoài phải được các nhà đương cục cho phép mua bất động sản. Không có khó khăn gì đặc biệt để có được một sự cho phép như vậy. Đa số các Công ty xuất bản đều sở hữu bất động sản, và những giấy phép ấy đã được cấp cho người nước ngoài mà không hề gặp trở ngại.

Trong luật pháp Naui không có bất kỳ sự đòi hỏi nào về đăng ký. Nhà nước không có sự điều chỉnh đặc biệt đối với lĩnh vực xuất nhập khẩu sản phẩm báo chí.

Cũng như ở những nước khác thuộc Bắc Âu, ở Nauy - cơ chế tự điều chỉnh của các phương tiện thông tin đại chúng khá phát triển. Kể từ năm 1936, trong các tờ báo đều có cơ quan tự điều chỉnh tự nguyện, đó là Hội đồng báo chí. Hội đồng này gồm 7 người: 4 đại diện của báo chí và 3 đại diện của công luận. Cơ quan bổ nhiệm các uỷ viên của Hội đồng này là Hiệp hội báo chí Nauy, được thành lập bởi Hội nhà báo quốc gia, Hiệp hội các tổng biên tập và Hiệp hội các nhà xuất bản.

Hội đồng báo chí có được sự kính trọng xứng đáng và rất được nể trọng trong giới nhà báo. Trên thực tế, hội đồng này xét xử mọi vụ kiện về bất kỳ những bài vở nào được đăng tải trên báo chí. Đó có thể là những đơn kiện của các công dân, các tổ chức và các cơ quan nhà nước. Tổng thư ký của Hiệp hội báo chí, tuy không phải là uỷ viên trong Hội đồng này, nhưng cũng có thể chủ động nêu lên các vấn đề trong Hội đồng. Đơn kiện phải được nộp chậm nhất là 3 tháng sau khi xuất bản ấn phẩm. Lời khiếu nại có thể được trình bày dưới một hình thức hoàn toàn không chính thức, thậm chí không nhất thiết dưới hình thức văn bản. Cũng không đòi hỏi bất kỳ văn bản nào xác nhận lời khiếu nại. Hội đồng báo chí giúp làm thủ tục đúng đắn cho các lời khiếu nại, để sau này có thể điều tra cặn kẽ vấn đề, chủ động liên hệ với tổng biên tập ấn

phẩm và sẽ giúp các bên giải quyết một cách không chính thức cuộc tranh chấp. Hội đồng báo chí sẽ không thụ lý đơn kiện, nếu vụ việc đang được tòa án xét xử hoặc nếu bên thua kiện có ý định nhờ tòa án giải quyết. Tuy vậy, nói chung không cần thiết từ bỏ hình thức đưa ra tòa án xét xử: về sau bên thua kiện có thể kiện ra tòa nếu không thỏa mãn với phán quyết của Hội đồng báo chí.

Hội đồng luôn luôn đưa ra lời tuyên bố chính thức về bài vở đã gây ra khiếu kiện, hoặc về cách ứng xử của đại diện báo chí. Nếu Hội đồng phán quyết rằng đó là sự vi phạm thì nó sẽ đưa ra quyết định “lên án”. Quyết định này phải được công bố trên ấn phẩm địa phương ở một nơi dễ thấy, và quyết định ấy được Hội đồng báo chí ghi chú đặc biệt (kể từ năm 1992).

Hội đồng báo chí không có bất cứ quyền lực nào, nếu không thì nó sẽ làm trái với văn bản “Bộ quy tắc về biên tập”. Bộ luật này xác định các quyền và trách nhiệm của các tổng biên tập. Bộ luật này có vai trò nền tảng trong việc đảm bảo địa vị độc lập của các nhà báo. “Bộ quy tắc về biên tập” đã được đại diện các Hiệp hội các tổng biên tập và các nhà xuất bản ký năm 1953 và được chỉnh lý năm 1973. Từ đó đến nay, Bộ quy tắc này luôn được tôn trọng, vì vậy đa số các tòa án đều thừa nhận nó như một tập quán pháp lý phổ thông.

Những điều khoản về địa vị độc lập của tổng biên tập có ghi trong Bộ quy tắc đạo đức của Hiệp hội báo chí Na Uy, cũng như trong thỏa thuận về bảng giá báo chí.

Trong báo chí Na Uy, Tổng biên tập là nhân vật khá kính và rất có trọng trách. Ở một số nước, người xuất bản can thiệp mạnh vào nội dung bài vở đăng tải. Ở Na Uy, điều này rất hãn hữu. Căn cứ vào “Bộ quy tắc về biên tập”, cũng như Điều 436 trong Bộ luật hình sự thì chính Tổng biên tập là người có những thẩm quyền không hạn chế trong việc giải quyết các vấn đề nội dung của tờ báo. Theo luật pháp, người xuất bản không có quyền quyết định in cái gì. Năm 1987, khi người phụ trách xuất bản của tờ *Morgenbladet* thay đổi trang đầu của tờ báo, thì tất cả các thành phần biên tập đã tự thôi việc. Cũng trong năm ấy, giám đốc xuất bản của tờ *Mithócdalan* đòi các nhân viên kỹ thuật phải loại bỏ ra khỏi số báo định kỳ bài viết về bản thân và hoạt động kinh doanh của gia đình ông ta, thì tổng biên tập và nhà báo viết bài này đã lập tức tự thôi việc và chuyển sang làm việc cho tờ báo đối thủ cạnh tranh có trụ sở ở phía bên kia đường phố đó. Hậu quả là tờ *Mithócdalan* đã bị phá sản, còn tờ báo cạnh tranh với nó thì vẫn tồn tại cho đến ngày nay. Những ví dụ này minh họa rất rõ cuộc đấu tranh của các tổng biên tập và các nhà báo nhằm bảo vệ địa vị độc

lập của mình, và địa vị tự chủ về biên tập ấy có thể hạn chế hữu hiệu những toan tính của các ông chủ báo muốn gây ảnh hưởng đến những thông tin đăng tải cũng như những quan điểm được tờ báo thể hiện.

Như đã nêu ở trên, những điều khoản của các đạo luật về tội vu khống đã thu hẹp khả năng bày tỏ ý kiến. Luật pháp Na Uy coi hành vi vu khống (và thóa mạ), cũng như hành vi xâm phạm đời sống riêng tư là tội phạm, giống như là hành vi vi phạm Luật dân sự. Trách nhiệm về hành vi vu khống đã được đề cập trong Điều 247 của Bộ luật hình sự Na Uy. Theo điều khoản này, người khiếu kiện (bên bị hại) phải chứng minh được rằng nội dung bài báo có thể làm tổn hại danh dự của mình, đồng thời, bất kể là việc gây tổn hại ấy đã xảy ra trên thực tế hay là chỉ có khả năng gây tổn hại. Bên bị cáo (bên chịu trách nhiệm) phải chứng minh tính trung thực của bài vở được đăng tải của mình. Tuy nhiên, chân lý không phải là sự bảo vệ tuyệt đối cho các nhà báo. Tình huống đã được chứng minh là đúng sự thật dù sao thì vẫn bị trừng phạt theo Điều 249 (2) của Bộ luật hình sự, nếu tòa án cho rằng việc làm đó đã được thực hiện “không có chân lý chính đáng” hoặc vì những lý do khác, việc làm ấy là không thích hợp hoặc thậm chí không đúng đắn “do phương pháp hoặc công thức, theo đó, việc đó đã được thực hiện”. Đồng

thời, bên khiếu kiện chịu gánh nặng chứng minh điều đó. Trung bình, số tiền bồi thường thiệt hại trong các vụ án dân sự xử về hành động vu khống đã gây ra thiệt hại nghiêm trọng, đến mức 50-150 nghìn cuaron Nauy. Ít khi người ta truy cứu trách nhiệm hình sự về hoạt động vu khống. Bên bị hại có thể phát đơn đề nghị khởi tố hình sự căn cứ vào sự luận tội riêng, đơn giản là trong đơn kiện nêu yêu cầu trưng trị bị cáo về mặt hình sự. Trong trình tự xét xử hình sự, những hình phạt về tội vu khống bao gồm những khoản tiền phạt và bị bỏ tù. Những khoản phạt tiền này, về cơ bản, nhỏ hơn là trong các vụ xử dân sự: khoảng từ 1 nghìn đến 20 nghìn cuaron. Năm 1933, lần cuối cùng, tòa án đã ra phán quyết trưng phạt tội vu khống bằng hình phạt tù. Với sự trưng phạt khiếm tốn như vậy nên các quá trình xét xử hình sự chống lại các đại diện báo chí không có ý nghĩa to lớn.

Các tổ chức báo chí Nauy đã nhiều lần tuyên bố rằng bộ luật về tội vu khống đã có ảnh hưởng tiêu cực đến những cuộc điều tra của báo chí và đối với những bài phóng sự về các sự kiện gây nên sự quan tâm chính đáng của công luận. Tháng 2-1992, Hiệp hội các tổng biên tập đã đưa ra những đề nghị sửa đổi bộ luật về hành động vu khống. Điểm quan trọng nhất của những đề nghị ấy là: Bộ luật cần nhấn mạnh nhiều đến sự quan tâm của xã hội, mở rộng sự ưu đãi cho

những bài phóng sự báo chí, nhằm bảo vệ những phóng sự ấy chống lại hành động không đúng đắn của nhà cầm quyền. Người ta cũng đề nghị rằng những sửa chữa tức thời của báo hoặc của một ấn phẩm khác nhằm đính chính những lời khẳng định sai lầm phải loại bỏ khả năng dậm đơn kiện dân sự lên tòa án chống lại các phương tiện thông tin đại chúng, hoặc ít ra cũng làm giảm mức độ đền bù thiệt hại theo phán quyết của tòa.

Các chính trị gia và các nhà hoạt động xã hội gặp phải một khối lượng ý kiến chỉ trích mình lớn hơn so với những công dân bình thường. Chẳng hạn, nếu ở Mỹ có điều khoản nói đến cá nhân có ý nghĩa xã hội, thì trong hệ thống luật pháp của Nauy không có chủ thuyết về “nhân vật xã hội”, và ngay cả điều khoản nói về sự quan tâm xã hội cũng chỉ được luật pháp Nauy công nhận một phần.

Còn một đặc điểm nữa nổi lên đặc biệt rõ khi đem so sánh với luật pháp Nga. Đó là: Trong luật pháp của Nauy không có sự phân biệt nào giữa sự việc và ý kiến. Dĩ nhiên, về cơ bản các ý kiến phát biểu của bộ phận biên tập được “tự do” hơn là những bản điểm thông tin. Nếu bản tin cùng lúc chứa đựng cả ý kiến, cả lời khẳng định sự thực thì sự chú ý tập trung phần nhiều vào lời khẳng định. Nhất là, hơn ai hết, các chính trị gia, các nhà hoạt động tôn giáo và các nhà

hoạt động văn hóa phải có thái độ dung chấp nhiều hơn nữa đối với những sự chỉ trích nhằm vào bản thân mình. Ở Nga, người ta tách biệt rất rõ hành động “phổ biến những thông tin làm tổn hại danh dự, phẩm giá và uy tín trong hoạt động kinh doanh” với việc phát biểu ý kiến. Nghĩa là ở Liên bang Nga, nhà báo hoặc bất kỳ người nào cũng có thể tự do bày tỏ ý kiến của mình, những người ấy không có quyền phổ biến “những thông tin”, nếu những thông tin ấy làm tổn hại đến danh dự, phẩm giá hoặc uy tín hoạt động kinh doanh.

Lại một chữ “nhưng” nữa trong quan niệm tự do báo chí ở Nauy. Đó là, quyền can thiệp vào đời sống riêng tư đã được bảo vệ bởi Điều 390 của Bộ luật hình sự. Điều khoản này nói rằng người nào xâm phạm một cách bất hợp pháp vào đời sống riêng tư của một người khác, công bố cho công chúng biết thông tin về chuyện riêng tư của người khác, thì có thể bị phạt hoặc bị tù giam đến 3 tháng. Những ấn phẩm nào vi phạm điều bị cấm này có thể bị tịch thu. Tuy nhiên, thực tiễn áp dụng luật pháp cho thấy rằng rất ít khi có những vụ khởi kiện theo Điều 390. Trong lịch sử của Nauy nói chung chưa có trường hợp tịch thu các ấn phẩm như vậy, còn những khoản tiền phạt thì khá khiêm tốn: gần 10 nghìn của ron Nauy. Đạo luật về đời sống riêng tư ban hành năm 1978 cũng điều chỉnh cả về việc

Chính phủ và các cá nhân sử dụng thông tin cá nhân. Đạo luật này đòi hỏi các tờ báo phải được cấp giấy phép thành lập các cơ sở điện tử lưu giữ dữ kiện (lưu trữ chuyên đề, gồm cả tên các nhân vật) có điều khoản quy định rằng có những loại thông tin sau 7 năm chỉ có thể được cung cấp cho các cán bộ và các tờ báo, nhưng không được công bố công luận rộng rãi.

Tình hình khá phức tạp liên quan đến vấn đề các minh họa bằng ảnh. Chương 16/5 của Đạo luật về các quyền trong lĩnh vực chụp ảnh đòi hỏi phải có sự đồng ý trước của đối tượng chụp ảnh cho phép công bố các bức ảnh. Trong điều kiện như vậy các nhà báo chụp ảnh làm việc hết sức khó khăn. Vì vậy, người ta đã quy định một số ngoại lệ trong quy tắc này, kể cả dựa trên cơ sở sự quan tâm của xã hội. Điều này, trong một số trường hợp, cho phép báo chí không cần có những sự đồng ý như vậy. Trong phán quyết về vụ xử năm 1952, Tòa án tối cao đã cấm phổ biến phim chụp ảnh, trên cơ sở cho rằng người khiếu kiện được bảo vệ bởi luật không thành văn về việc không can thiệp vào đời sống riêng tư, mặc dù người khiếu kiện ấy không hiện diện trên phim chụp. Phán quyết này không trực tiếp nhằm vào báo chí, nhưng nó cho thấy thái độ phần nào không rõ ràng của tòa án đối với quyền tự do bày tỏ ý kiến. Các tòa án vẫn công nhận luật bất thành văn về việc không can

thiệt vào đời sống riêng tư, mặc dù Tòa án Tối cao đã tuyên bố rằng nội dung và các giới hạn của đạo luật này không được xác định. Tuy nhiên, sau đó 6 tháng, Naury đã phê chuẩn Bộ luật châu Âu về các quyền con người. Điều 10 (2) của Bộ luật này quy định rằng mọi ngoại lệ trong đạo luật về tự do bày tỏ ý kiến phải được luật pháp quy định rõ, nhưng các tòa án Naury vẫn coi giới hạn của đạo luật này là không xác định.

Trong các đạo luật của Naury có điều khoản nói về quyền đòi đính chính. Điều 430 của Bộ luật hình sự quy định rằng bất kỳ ai trở thành đối tượng của sự khẳng định thực tế trong ấn phẩm báo chí cũng đều có quyền đòi đính chính, với điều kiện là đòi hỏi ấy được đưa ra chậm nhất là một năm kể từ sau khi xuất bản ấn phẩm. Nếu tổng biên tập của tờ báo khước từ đăng bài đính chính, thì tòa án sẽ buộc vị tổng biên tập ấy phải thực hiện việc đó, nếu không sẽ chịu những khoản tiền phạt lớn. Tuy nhiên, trong 40 năm trở lại đây, Điều 430 đã không được áp dụng để thực hiện các khoản phạt tiền. Nếu lời khiếu nại nhằm vào tổng biên tập được chấp thuận thì, căn cứ theo Điều 430, phán quyết của tòa án phải được công bố “ở nơi dễ thấy”. Ngoài việc luật pháp ghi nhận quyền đòi đính chính, Bộ quy tắc đạo đức của Hiệp hội báo chí Naury còn trao quyền trả lời cho những người “đã trở thành đối tượng bị chỉ trích”. Trên thực

tế người ta thấy rằng Bộ quy tắc đạo đức đảm bảo quyền trả lời những ý kiến chỉ trích, còn quyền đòi đính chính, do luật pháp trao, thì được áp dụng để bác bỏ những thông tin dựa trên sự thật. Bộ quy tắc đạo đức còn kêu gọi khi đăng những lời xin lỗi thì phải có sự cải chính những thông tin không chính xác. Bộ quy tắc đạo đức không có đủ các phương tiện để áp dụng các đòi hỏi của mình, tuy vậy, trên thực tế tất cả các phương tiện thông tin đại chúng đã có thái độ trân trọng đối với các điều khoản của Bộ quy tắc này có liên quan đến quyền trả lời. Ở Na Uy việc đăng lời cải chính, bài trả lời hoặc xin lỗi không loại trừ khả năng đàm đơn kiện dân sự, nhưng có thể ảnh hưởng đến mức bồi thường thiệt hại.

Bộ luật hình sự của Na Uy có một số điều khoản liên quan đến việc bảo vệ uy tín của các thiết chế nhà nước. Các chức sắc có thể đàm đơn kiện dân sự hoặc khởi tố dân sự căn cứ vào lời buộc tội công khai, phù hợp với những điều khoản ấy. Điều 130 của Bộ luật hình sự quy định rằng bất kỳ ai “đưa ra thông tin gian dối về các hoạt động của chính quyền” đều có thể bị phạt tiền hoặc bị bỏ tù với thời hạn 1 năm. Nếu một lời tuyên bố nhằm mục đích “gây tổn hại cho uy tín của chính quyền” thì trong trường hợp này thậm chí một cử chỉ không thận trọng cũng bị trừng phạt. Mặc dù từ lâu những điều khoản này đã không được áp dụng, nhưng chúng vẫn

không bị bãi bỏ và bất cứ lúc nào cũng có thể được áp dụng.

Điều đáng chú ý là quan hệ giữa báo chí và tòa án xét trên phương diện thông tin trên báo chí về hoạt động của các tòa án. Nhà báo và công chúng đều có quyền hiện diện trong các buổi xét xử của tòa án. Tuy nhiên, tòa án có thể tuyên bố xử kín hoặc - trong những tình huống nào đó - cấm báo chí đưa ra một thông tin nào đó. Điều 126 của Bộ luật hình sự quy định rằng các thẩm phán có quyền tổng xuất công chúng ra khỏi phòng xử án, nếu người tham gia quá trình xét xử được hưởng quyền không can thiệp vào đời tư của họ, và quyền này lại cao hơn quyền của công chúng được tiếp cận thông tin. Quy tắc này được áp dụng trong những vụ xét xử bị cáo chưa đến tuổi 18, cũng như trong các vụ xét xử các vấn đề gia đình, ví dụ, chuyện nhận con nuôi. Điều 130 của Đạo luật trình tự xét xử cũng trao những thẩm quyền tương ứng cho các thẩm phán trong những tình huống tương tự. Có lệnh cấm chung không cho phép chụp ảnh bị cáo trên đường bị giải đến phiên tòa và từ phòng xử án đi ra, cũng như trong chính phòng xử án. Trong trường hợp xét xử những trọng tội, cũng như khi xử những vụ án mà công chúng đặc biệt muốn có được thông tin thì các thẩm phán thường cho phép chụp ảnh. Cũng như nói chung là cấm ghi âm cho đài phát thanh và cấm quay

phim cho đài truyền hình, nhưng trong đa số trường hợp người ta cho phép làm việc này khi có sự thỉnh cầu của những người có nhu cầu.

Ngày 11-10-1992, Công tố viên trưởng của Nauy đã công khai tuyên bố rằng ông ta có ý định phạt các Công ty báo chí những khoản tiền lớn (đến 1 triệu cuaron) vì những Công ty này đã công bố những thông tin “rò rỉ” từ các nguồn tin của cảnh sát hoặc từ tòa án, nếu tòa án đã cấm đưa tin về sự kiện ấy trên báo chí. Những hành động ấy có thể được thực hiện căn cứ theo bộ luật mới, căn cứ theo các Điều 48 (a) và 48 (b) của Bộ luật hình sự. Những điều khoản này cho phép phạt các Công ty kể trên vì những hành động do người thứ ba thực hiện theo sự uỷ quyền của Công ty. Những điều khoản này chủ yếu được áp dụng để tăng cường trách nhiệm của các Công ty về tình trạng làm ô nhiễm môi trường. Việc tuyên bố ý định áp dụng điều khoản mới của luật pháp đang đe dọa gây ra những phiền phức lớn cho báo chí. Công tố viên trưởng cũng có thể không thực hiện được ý định của mình. Tuy nhiên, sự phát triển như vậy của tình hình tự nó cũng chứng minh rằng những vị trí của quyền tự do bày tỏ ý kiến thật mỏng manh và các nhà đương cục có đầu óc đầy sáng kiến như thế nào trong việc tạo ra những hạn chế mới.

Trong luật pháp Nauy không có quan niệm luật phổ thông về trách nhiệm đối với hành vi

không tôn trọng tòa án. Các quan tòa có thể truy cứu trách nhiệm của người bị tố cáo có hành vi không đúng đắn trong phòng xử án, nhưng họ không có quyền kết án bỏ tù nhà báo về những hành vi của nhà báo ở bên ngoài tòa án.

Việc bảo vệ bí mật thương mại và những thông tin thuộc về các cá nhân chống lại việc công bố những thông tin thương mại ấy còn rất yếu. Ở Nauy chưa có đạo luật trực tiếp liên quan đến những người làm việc ở các doanh nghiệp và các tổ chức đã có hành động tiết lộ thông tin về hoạt động của Công ty mình. Thường họ không bị truy cứu trách nhiệm hình sự dưới hình thức công khai quy tội, tuy nhiên, những người ấy không tránh được việc bị truy cứu trách nhiệm dân sự hoặc thậm chí bị sa thải. Nếu người chủ cho rằng sự rò rỉ thông tin là nghiêm trọng và gây thiệt hại cho doanh nghiệp thì nhân viên ấy - điều này thường hay thấy nhất, - sẽ bị mất việc làm và buộc phải bồi thường thiệt hại. Trường hợp này có thể xảy ra ngay cả trong trường hợp thông tin bí mật phơi bày một sự vi phạm pháp luật. Tuy nhiên, quy chế pháp lý của những tình huống ấy chưa được xác định rõ ràng. Trong những trường hợp như vậy, các nhà báo khi hoạt động chủ yếu dựa vào Bộ quy tắc đạo đức.

Sự quan tâm đến môi trường chung quanh được phản ánh trong các đạo luật của Nauy và

cho phép các nhà báo công bố những tài liệu rất sắc bén về đề tài này. Căn cứ theo Điều 49 của Đạo luật về gây ô nhiễm cho môi trường, thì mọi cá nhân, khi được Chính phủ yêu cầu, đều có bốn phân cung cấp thông tin về tình hình có thể làm ô nhiễm môi trường chung quanh. Quy định này được áp dụng bất chấp ý định của các Công ty tư nhân muốn giữ bí mật thương mại. Nhưng nhân vật quan chức chịu trách nhiệm về vấn đề môi trường đều có quyền kiểm tra mọi điểm sở hữu và tiếp cận các công nghệ có thể gây tác hại cho môi trường. Các doanh nghiệp cũng có bốn phân tiến hành các cuộc họp chính thức và thông báo về mọi hành động nguy hiểm trên phương diện này. Trong đa số trường hợp, những thông tin như vậy, sau khi được chuyển cho chính quyền, đều đến được với công chúng.

Ở Na Uy, người ta thường giải thích tự do báo chí theo ý nghĩa cấm tuyệt đối hành động kiểm duyệt từ trước các tài liệu in ấn. Tuy nhiên, mọi cá nhân có thể nhờ Tòa án tịch biên đình chỉ xuất bản tạp chí, báo, sách, bộ phim, v.v.. Lệnh đình chỉ xuất bản ấn phẩm có thể được ban bố nếu ấn phẩm ấy có thể gây hại cho lợi ích của bên khiếu kiện. Trên thực tế, những lệnh như vậy được ban bố nếu bên khiếu kiện chứng minh được rằng ấn phẩm có chứa đựng những thông tin vu khống. Những lệnh như thế xuất hiện rất hãn hữu và thường liên quan đến những cuốn

sách và những bộ phim, chứ không phải các tờ báo, vì rất hiếm khi có khả năng tìm hiểu từ trước nội dung của một tờ báo.

Trong vụ án Linberger, thoát đầu, tòa án tịch biên ra lệnh đình chỉ phát hành bộ phim của ông ta, cũng như bản báo cáo mà ông (trong tư cách là thanh tra viên của Bộ Thủy sản) đã soạn thảo cho Bộ, cả những bức ảnh chụp thủy thủ những người khiếu kiện). Những biện pháp sơ bộ có hiệu lực cho đến khi Tòa án thành phố xác định rằng ấn phẩm có mang tính chất vu khống và cấm vĩnh viễn xuất bản những ấn phẩm ấy. Sau đó Tòa án Tối cao đã xác nhận phán quyết trên là đúng.

Cũng như ở nhiều nước dân chủ khác, ở Na Uy người ta quan tâm bảo vệ các nguồn thông tin dành cho báo chí. Chẳng hạn, các nhà báo và các tổng biên tập có quyền không trả lời những câu hỏi về những nguồn thông tin của mình. Mặc dù vậy, tòa án vẫn có thể ra lệnh cho tổng biên tập hoặc nhà báo cho biết nguồn thông tin, nếu thông tin ấy có ý nghĩa quan trọng đặc biệt. Tòa án phải lưu ý đến những lợi ích xung đột với nhau, tính chất của tình huống và sự cần thiết phải thông tin. Đối với những thông tin cần cho công chúng biết, thì ít có khả năng tòa án đưa ra quyết định tìm nguồn thông tin ấy. Tháng 1-1992 trong phán quyết về vụ “Êtdercôp”, Tòa án Tối cao đã tuyên bố: “Trong một số trường hợp...

lợi ích bị xâm phạm càng quan trọng bao nhiêu, thì việc bảo vệ nguồn thông tin càng quan trọng bấy nhiêu". Một nhóm nghị sĩ đã đòi phát hiện ra nguồn thông tin để xác định xem liệu nhân viên của hãng đã cung cấp thông tin một cách trái phép hay không. Các tác giả đã từ chối tiết lộ nguồn thông tin, cho nên nhóm nghị sĩ đã tìm cách có được quyết định của tòa án buộc các tác giả phải tiết lộ nguồn thông tin. Tòa án đã bác bỏ lời đòi hỏi ấy. Tòa án tối cao đã phê chuẩn phán quyết của tòa án cấp dưới và quyết định rằng các tác giả có quyền bảo vệ các nguồn thông tin của mình. Giới báo chí đã hoan nghênh quyết định này. Quyết định này, không nghi ngờ gì nữa, đã có ảnh hưởng mạnh mẽ đến luật điều chỉnh các quan hệ ấy.

Bất chấp các luật lệ và cách giải quyết của ngành tư pháp, các nhà báo và các tổng biên tập hãn hữu mới tiết lộ các nguồn thông tin của mình ngay cả sau khi đã có những lệnh tương ứng của tòa án. Vì vậy, họ đã phải chịu những khoản tiền phạt, song, đó là những khoản tiền phạt khá khiêm tốn. Chẳng hạn, một vị tổng biên tập đã bị phạt 20 nghìn cuaron. Hình phạt tù giam đã không được áp dụng mấy thập kỷ rồi. Mặc dù cho đến nay các tổng biên tập và các nhà báo vẫn có nguy cơ bị tổng giam vào tù và bị phạt với những khoản tiền lớn, song nguy cơ xảy ra những hậu quả như vậy là không lớn.

Hơn thế, trong giới báo chí người ta còn hoan nghênh việc dứt khoát từ chối tiết lộ các nguồn thông tin của mình.

Dĩ nhiên, các nhà báo Naury không chấp nhận giọng điệu phỉ báng đối với các nhân vật trong các bài viết và các phóng sự của mình trên các ấn phẩm. Đó không chỉ là văn hóa của các nhà báo, mà còn là đòi hỏi của luật pháp. Theo Điều 135 (a) của Bộ luật hình sự thì hành động loan truyền những sự đe dọa hoặc phỉ báng người khác chỉ vì tín ngưỡng tôn giáo hoặc vì chính kiến, chủng tộc, màu da, nguồn gốc dân tộc của người đó, sẽ bị phạt tiền hoặc bị kết án tù với thời hạn 2 năm. Bộ quy tắc đạo đức của Hiệp hội báo chí Naury có điều khoản buộc báo chí phải “luôn luôn tôn trọng tính riêng tư của cá nhân, tôn trọng quyền không bị can thiệp vào đời sống riêng tư, chủng tộc, dân tộc và các tín ngưỡng tôn giáo” và “không bao giờ được nhắc đến vấn đề này nếu không có nhu cầu đặc biệt”. Bộ quy tắc có điều khoản này đã tồn tại nhiều năm rồi, nhưng đến nay chưa phát sinh thêm vấn đề gì.

Các đại diện của giới báo chí đưa ra luận cứ cho rằng trừng phạt về sự bày tỏ ý kiến thì không phải là cách tốt nhất để chống lại một số quan điểm đặc trưng cho xã hội dân chủ. Với Điều 135 (a) hay là không có điều khoản ấy thì ở Naury “những sự biểu hiện thái độ thù ghét” chưa

bao giờ là một vấn đề đặc biệt. Rất hiếm khi xảy ra những vi phạm Bộ luật hình sự về vấn đề này. Kể từ năm 1970 chỉ có 3 vụ án xử theo Điều 135 (a) mà thôi. Hai vụ trong số đó có liên quan đến những bức thư gửi đến ban biên tập, cả hai vụ xét xử này đã kết thúc với sự trắng án của các bị cáo.

Theo Điều 142 của Bộ luật hình sự thì người nào “công khai phỉ báng hoặc biểu hiện - dưới hình thức hiếu chiến - thái độ không kính trọng đối với các tín ngưỡng... hoặc đối với các học thuyết, hoặc gây tổn hại cho một cộng đồng tôn giáo nào đó hoạt động hợp pháp ở Nauy”, thì người đó sẽ bị phạt tiền hoặc bị bỏ tù với thời hạn 6 tháng. Điều khoản này đã không được các tòa án áp dụng từ sau khi một tác giả tên là Acwunphor Ôveclendơ được xử trắng án vào năm 1936. Một số thủ lĩnh Hồi giáo đã đâm đơn lên tòa án kiện nhà xuất bản Nauy đã cho xuất bản cuốn “Những vần thơ quý dữ”, nhưng chẳng bao lâu sau đó họ đã rút đơn kiện, vì thừa nhận rằng hoàn toàn không có một khả năng nào thắng kiện.

Luật pháp Nauy không bảo vệ đạo đức xã hội. Mặc dù Điều 211 của Bộ luật hình sự cấm có hành vi phỉ báng và khiêu khích, cũng như cấm in ấn các ấn phẩm khiêu dâm, song trên thực tế các tòa án không bao giờ áp dụng đối với các báo hằng ngày.

Ở Naui, người ta cấm quảng cáo các loại nước uống có chứa cồn và cấm quảng cáo thuốc lá, kể cả các sản phẩm có biểu tượng sản phẩm thuốc lá (ví dụ, loại giấy Camel). Việc quảng cáo trái với nguyên tắc bình đẳng giới cũng bị cấm bởi Điều 1 của Đạo luật về tiếp thị. Điều này quy định: “Người có đơn đặt hàng quảng cáo và người thực hiện quảng cáo phải tin chắc rằng sự quảng cáo không vi phạm nguyên tắc bình đẳng giới tính và không ám chỉ những lời lẽ sỉ nhục bất kỳ giới tính nào hoặc những sự mô tả đàn ông hoặc đàn bà dưới một hình thức hạ thấp phẩm giá”. Điều này đã không gây ra các vấn đề cho báo chí hàng ngày. Quan chức có thẩm quyền về các vấn đề của người tiêu dùng thực hiện việc giám sát thị trường quảng cáo và có thể cấm tiến hành các hoạt động kinh doanh vi phạm luật pháp. Tuy nhiên, quyết định của quan chức này có thể bị bác bỏ ở Hội đồng về các vấn đề tiếp thị là nơi ra quyết định cuối cùng.

Báo chí Naui được hưởng mức độ tự do tương đối cao. Quyền được tiếp cận các tài liệu của chính phủ đã được ghi nhận, cũng như quyền của báo chí và công chúng được tham dự các phiên xử và các phiên họp của các cơ quan chính phủ ở cấp độ quốc gia và địa phương. Báo chí, ấn phẩm không bị đặt dưới sự kiểm soát của nhà nước. Xét toàn cục các phương tiện thông tin đại chúng hoạt động phù hợp với các chuẩn mực

đạo đức đã được quy định trong Bộ quy tắc đạo đức của Hiệp hội báo chí Nauy, gồm cả những chuẩn mực liên quan đến hành động vụ không và xâm phạm đời sống riêng tư. Ngoài ra, quyền đòi đình chính do Bộ luật hình sự Nauy quy định, cũng như quyền được trả lời - được Bộ quy tắc đạo đức công nhận - đã đảm bảo sự bảo vệ nhanh chóng và thích đáng đối với những lợi ích bị xâm phạm.

Một số khía cạnh của tình hình tự do báo chí đã gây ra nỗi lo âu cho giới nhà báo và đông đảo công chúng. Người ta thường nói rằng, cũng như ở Thụy Điển và ở Đan Mạch, giữa báo chí và các giới cầm quyền ở Nauy có những mối liên hệ quá chặt chẽ. Mặt khác, trong vòng 20-30 năm trở lại đây đã có sự phát triển của một khuynh hướng quan trọng, theo đó các tờ báo hoạt động độc lập hơn, kể cả độc lập với các chính đảng và các tổ chức chính trị. Không nghi ngờ gì nữa, sự độc lập của các ban biên tập đã tăng lên trong những thập kỷ gần đây.

Như chúng ta thấy, nhìn chung ở các nước Bắc Âu cơ chế tự điều chỉnh của báo chí diễn ra rất tích cực và có hiệu quả. Để so sánh, chúng ta hãy xét đến tình hình ở Pháp.

Ở đây, cũng như ở nhiều nước dân chủ khác trên thế giới, quyền tự do bày tỏ ý kiến và phổ biến thông tin là quyền được ghi trong Hiến pháp. Trong phần mở đầu Hiến pháp có Điều 11

của Tuyên ngôn các quyền con người và các quyền công dân năm 1789. Cơ sở của hệ thống luật pháp về các phương tiện thông tin đại chúng ở nước Pháp là Đạo luật năm 1881. Tuy Đạo luật này đã được xem xét lại vài lần, nhưng là cơ sở của Đạo luật thông tin được thông qua năm 1992. Bộ luật này đã thể chế hóa khá rõ và chi tiết hoạt động của giới thông tin đại chúng. Hành động vi phạm một số đạo luật về các phương tiện thông tin đại chúng được điều chỉnh bằng những quy định trách nhiệm hành chính, trách nhiệm dân sự, hoặc trách nhiệm hình sự.

Cho đến nay, vẫn còn hiệu lực của các điều khoản thuộc các đạo luật đã bị coi là lỗi thời, nhưng trên thực tế vẫn được áp dụng. Ví dụ, Điều 14 trong Đạo luật năm 1881, với những điểm bổ sung năm 1939, vẫn điều chỉnh nghiêm ngặt hoạt động xuất nhập khẩu các ấn phẩm. Chẳng hạn, trong thời gian diễn ra Chiến tranh vùng Vịnh, người ta đã cấm các tờ *Al Arabia* và *Al Dustur* xuất bản ở Luân Đôn, cả tờ báo *Kol al Arabia* xuất bản ở Pari. Vì chính quyền đã cho rằng những tờ báo ấy bảo vệ những lợi ích mâu thuẫn với lợi ích của nước Pháp. Trong điều kiện lúc đó, việc phổ biến, phát hành những tờ báo này có thể ảnh hưởng xấu đến trật tự xã hội. Ngoài ra, khái niệm về những tác phẩm “có nguồn gốc ngoại quốc” được áp dụng không chỉ đối với các bản dịch tác phẩm nước ngoài, mà cả

đối với những tác phẩm mà người cổ vũ cho nó được xem là người nước ngoài hoặc những tác giả hoặc người xuất bản nó đã nhận được sự giúp đỡ nào đó của nước ngoài.

Các cơ chế tự điều chỉnh của báo chí tại Pháp còn rất yếu. Ở nước này, không có Hội đồng về các vấn đề báo chí, cũng không có bất cứ một cơ chế nào tương tự. Các chuẩn mực đạo đức được ghi trong những tuyên ngôn quốc tế về báo chí hoặc trong những văn bản pháp lý quốc gia (ví dụ, "Hiến chương về những trách nhiệm nghề nghiệp của nhà báo" năm 1918, với những điểm bổ sung năm 1938) thì không có được những quy định pháp lý, không được áp dụng và thậm chí không được nhắc tới trong tòa án.

Kinh nghiệm thế giới hiện nay về dân chủ chỉ ra hai con đường có thể có của quá trình triển khai hoạt động điều chỉnh các phương tiện thông tin đại chúng: hoặc là trao những quyền nói chung, trong đó có quyền tự do và ưu đãi hết sức rộng rãi bên cạnh một hệ thống tự điều chỉnh được triển khai chi tiết, hoặc là những biện pháp hành chính ngặt nghèo bên cạnh cơ chế tự điều chỉnh yếu ớt của báo chí. Trong khi tìm kiếm con đường của mình, nước Nga cần nghiên cứu kinh nghiệm của nước ngoài. Hiện nay ở Liên bang Nga đã xuất hiện nhiều quy định chưa được thể chế hóa thành luật pháp nhằm điều chỉnh hoạt động của các phương tiện

thông tin đại chúng, còn những thiết chế hiện hữu (Phòng tư pháp phân xử các tranh chấp thông tin trực thuộc Tổng thống, các hội và hiệp hội, v.v..) thì không cho phép nói đến một cơ chế tự điều chỉnh hữu hiệu nào của báo chí.

III. PHONG TRÀO BÁO CHÍ QUỐC TẾ

Ở giai đoạn hiện nay, báo chí quốc tế phản ánh thực tế chính trị và kinh tế của thế giới, được đặc trưng bởi sự đa dạng của những hình thức, phương pháp và tổ chức. Có những tổ chức quốc tế phi chính phủ và của chính phủ trong lĩnh vực hoạt động của các phương tiện thông tin đại chúng, những tổ chức cấp khu vực và siêu khu vực, các tổ chức tôn giáo, các tổ chức quốc gia - dân tộc. Nét đặc biệt của thời kỳ hiện nay là tình trạng chia rẽ của phong trào báo chí quốc tế. Phong trào này hoạt động thông qua nhiều tổ chức tổng hợp kiểu toàn cầu, những tổ chức chuyên môn và những hội đoàn, thông qua những tổ chức khác nhau ở cấp khu vực và cấp siêu khu vực.

Trong số những tổ chức báo chí quốc tế có ảnh hưởng nhất và mang tính chất tổng hợp phải kể đến Tổ chức quốc tế các nhà báo (OIJ) được tuyên bố thành lập tại Đại hội toàn thế giới các nhà báo, tháng 3-1945 (Đại hội thành lập I diễn ra tháng 6-1946 ở Copenhaghen) và

Liên đoàn nhà báo quốc tế (IFJ), đã tách ra khỏi Tổ chức nhà báo quốc tế vào năm 1952.

Lịch sử phát triển đã cho thấy sức mạnh và sức sống của những tổ chức ấy. Nếu như trong những thập kỷ đầu tồn tại của mình, Tổ chức quốc tế các nhà báo, ngoài các vấn đề nghề nghiệp, còn lưu ý đến những vấn đề chính trị, thì Liên đoàn nhà báo quốc tế lại cố gắng đóng khung hoạt động của mình trong phạm vi các vấn đề về điều kiện lao động, đạo đức nhà báo, đào tạo cán bộ, v.v..

Mục đích chủ yếu của Tổ chức quốc tế các nhà báo là bảo vệ hòa bình, củng cố tình hữu nghị và sự hợp tác giữa các dân tộc thông qua việc hình thành công luận một cách tự do, trung thực và đúng sự thật, bảo vệ tự do báo chí - xuất bản và các quyền của nhà báo. Tổ chức này tập hợp những người lao động thuộc các phương tiện thông tin đại chúng giữ lập trường tiến bộ, dân chủ, không phân biệt các quan điểm chính trị, xã hội và tôn giáo. Tổ chức này đại diện cho các tổ chức, hiệp hội, các nhóm và các uỷ ban, các công đoàn báo chí của các nước, cũng như những thành viên riêng lẻ. Những nhà báo được kết nạp vào tổ chức này có thể vẫn là thành viên của những tổ chức báo chí khác. Một số tổ chức báo chí được hưởng quy chế quan sát viên trong tổ chức nhà báo quốc tế.

Tổ chức này gồm hơn 300.000 hội viên thuộc

hơn 100 nước trên thế giới. Cơ quan cao nhất là đại hội, được triệu tập 5 năm 1 lần. Trong thời gian giữa các kỳ đại hội cơ quan lãnh đạo là Ban Chấp hành, đứng đầu là Đoàn chủ tịch.

Tổng Thư ký thực hiện hoạt động thường nhật. Làm việc bên cạnh tổ chức này có các ủy ban: Ủy ban xã hội, Ủy ban nghề nghiệp, ngoài ra còn có các câu lạc bộ, các tiểu ban, các trung tâm đào tạo nhà báo ở Budapest, Berlin và ở Xôphía.

Các ngôn ngữ chính thức là: Tiếng Anh, tiếng Ả-rập, tiếng Tây Ban Nha, tiếng Nga, tiếng Pháp, tiếng Đức. Tổ chức này có quy chế tham vấn bên cạnh Hội đồng kinh tế - xã hội Liên hợp quốc (ECOSOC), và Tổ chức giáo dục, khoa học và văn hóa Liên hợp quốc (UNESCO).

Hoạt động của tổ chức này diễn ra mạnh mẽ và đa dạng, thể hiện qua việc triệu tập các đại hội, tiến hành các cuộc họp của Ban chấp hành, của Đoàn chủ tịch, của các ủy ban, các tiểu ban và của những cơ quan khác thuộc OIJ, qua các đợt vận động mang tính chất nghề nghiệp, chính trị và xã hội, qua việc duy trì quan hệ với UNESCO, tham gia các hoạt động của INPO về các vấn đề đấu tranh cho hòa bình, v.v.. Các đại hội của tổ chức này là những hội nghị có tính chất đại diện nhất của giới báo chí quốc tế.

Chiếm vị trí đặc biệt trong hoạt động của tổ chức này là vấn đề cấm vũ khí hạt nhân và các loại vũ khí huỷ diệt hàng loạt, giải trừ quân bị

toàn diện và hoàn toàn. Tổ chức này đã tham gia nhiều hội nghị quốc tế lớn nhất về các vấn đề đấu tranh vì hòa bình và giải trừ quân bị, đã tham gia vào nhiều hoạt động của Hội đồng hòa bình toàn thế giới. OIJ đã soạn dự thảo văn kiện về các nguyên tắc trong quan hệ giữa các nhà báo châu Âu

OIJ rất chú ý đến vấn đề đào tạo cán bộ cho châu Phi, châu Á và Mỹ Latinh. Tổ chức này tiến hành các cuộc hội thảo và các khóa đào tạo tại chỗ, các cuộc trao đổi về những vấn đề nghề nghiệp, xuất bản các tài liệu giáo khoa. Các nhà báo trẻ thuộc các nước đang phát triển được học tại các trường của OIJ. Nhằm mục đích giúp đỡ các tổ chức báo chí non trẻ tại các nước đang phát triển, OIJ đã thành lập Quỹ đoàn kết quốc tế của các nhà báo (năm 1953). OIJ đã lập ra giải thưởng báo chí quốc tế (năm 1958), huy chương danh dự mang tên Julius Fusik (năm 1974).

Tổ chức này hợp tác tích cực với UNESCO, trước hết về các vấn đề như: đào tạo các nhà báo, tiến hành các cuộc hội thảo chuyên đề, xuất bản tài liệu giáo khoa dành cho các nhà báo trẻ ở các nước đang phát triển. OIJ lên tiếng bảo vệ quyền của các dân tộc ở các nước đang phát triển có các cơ quan thông tin của mình.

OIJ hợp tác với một số tổ chức báo chí quốc tế: Liên hiệp các nhà báo châu Phi, Hiệp hội các

nhà báo Mỹ Latinh, chủ trương phát triển sự hiểu biết lẫn nhau và quan hệ với những tổ chức báo chí là thành viên của Liên đoàn nhà báo quốc tế.

OIJ là thành viên của Hội nghị các tổ chức phi chính phủ, với quy chế tham vấn bên cạnh ECOSOC, của các uỷ ban đặc biệt của NPO về giải trừ quân bị, quyền con người, tiểu ban phi thực dân hóa, chống chủ nghĩa phân biệt chủng tộc, chống tư tưởng phân biệt đối xử vì chủng tộc và chống chủ nghĩa apacthai, là thành viên của các Hội nghị của INPI - những hội nghị này mang quy chế tham vấn trong UNESCO - hợp tác với rất nhiều liên đoàn dân chủ quốc tế về các vấn đề đấu tranh cho hòa bình, giảm tình trạng căng thẳng, giải trừ quân bị, hợp tác quốc tế.

Hiện nay, Tổ chức nhà báo quốc tế - có quyền được xem là tổ chức mang tính chất quần chúng nhất - đang trải qua thời kỳ khó khăn. Mặc dù có sự gia tăng về số lượng các thành viên tập thể và các thành viên cá nhân, nhưng OIJ vẫn không hoàn tất được những thay đổi sâu sắc - những thay đổi này được bắt đầu từ năm 1990 - về tính chất, cơ cấu và đường lối chung. Sở dĩ có tình trạng đó, đặc biệt là vì vẫn tiếp diễn tình trạng phân nhỏ các tổ chức nhà báo quốc gia. Sự sụp đổ của Liên Xô đã dẫn đến sự ra đời của rất nhiều tổ chức báo chí độc lập. Ví dụ, ở nước Nga hiện có một số Liên hiệp nhà báo độc lập đang

hoạt động: Liên hiệp các nhà báo Liên bang Nga, Liên hiệp các nhà báo Mátxcơva, Liên hiệp các nhà báo Xanh Pêtéc-bua, v.v.. Năm 2002, Liên hiệp thông tin đã được thành lập. Liên đoàn các nhà báo, Hiệp hội các nhà báo địa phương và nhiều tổ chức báo chí khác đang hoạt động.

Liên hiệp các nhà báo Liên bang Nga là tổ chức báo chí có tính chất quần chúng nhất trên lãnh thổ Liên Xô cũ, nó ra khỏi Tổ chức nhà báo quốc tế và gia nhập IFJ. Việc này đã ảnh hưởng nghiêm trọng tới OIJ, nhưng tổ chức này đã đứng vững được và thậm chí còn mạnh thêm sau khi kết nạp một loạt thành viên tập thể.

Nếu trước kia OIJ đã tích cực ủng hộ các nước không liên kết khi những nước này tìm cách thiết lập một trật tự thông tin quốc tế mới, thì giờ đây tổ chức này lại đề ra chiến lược mới phù hợp với đường lối của UNESCO.

Tổ chức nhà báo mang tính chất quần chúng khác là Liên đoàn nhà báo quốc tế IFJ. Tôn chỉ và mục đích của nó là bảo vệ tự do báo chí và thúc đẩy nâng cao trình độ nghề nghiệp, thu thập, bảo quản và công bố những tài liệu thống kê và những loại tài liệu khác mà các nhà báo quan tâm.

Các thành viên của Liên đoàn quốc tế các nhà báo là những tổ chức báo chí quốc gia của 50 nước (số lượng hội viên cá thể là hơn 150000 người).

Cơ quan cao nhất của Liên đoàn này là đại hội.

Giữa các kỳ đại hội là Ban lãnh đạo thường trực. Các chức vụ của Liên đoàn gồm có: Chủ tịch, Phó Chủ tịch, Tổng Thư ký, ngoài ra còn có các cố vấn, chủ yếu phụ trách các vấn đề khu vực.

Những ngôn ngữ chính thức là: Tiếng Anh, tiếng Đức và tiếng Pháp. IFJ hưởng quy chế tham vấn bên cạnh ECOSOC, UNESCO, Tổ chức lao động quốc tế (ILO), Hội đồng châu Âu.

Hiệp hội quốc tế các nhà báo có trụ sở chính ở Brúcxen. Nó thận trọng tiếp xúc với các nhà lãnh đạo của những tổ chức sáng tạo mới, theo dõi hoạt động của các tổ chức báo chí thuộc các nước Trung Âu và Đông Âu, các nước thuộc Liên Xô cũ. Chẳng hạn, Xanhdica và các nhà báo của Cộng hòa Séc đã được kết nạp vào IFJ. Xanhdica các nhà báo Cộng hòa Séc là tổ chức xã hội đầu tiên ở Séc đã có thể trợ giúp tài chính ở nước này; nó đã và đang thực hiện việc tổ chức những cuộc trao đổi nghiệp vụ giữa các nhà báo.

Gần đây các tổ chức báo chí rộng rãi lớn nhất đã bắt đầu có những quan hệ chặt chẽ hơn với UNESCO và với những cơ quan chuyên trách khác của Liên hợp quốc, với ILO và với các tổ chức công đoàn.

Lập trường OIJ và IFJ đang xích lại gần nhau trên nhiều hướng, nhưng không thấy có triển vọng thực tế về khả năng hợp nhất những tổ chức nhà báo này.

Hiện nay đang diễn ra quá trình phát triển nhanh chóng của các tổ chức báo chí chuyên ngành. Quá trình chuyên biệt hóa có thể diễn ra theo các nguyên tắc khác nhau: ví dụ, theo loại hình phương tiện thông tin đại chúng (các loại hình riêng biệt: báo, tạp chí, sách, hợp tuyển văn thư, ấn phẩm tục bản, đài phát thanh, đài truyền hình, phim thời sự, sản phẩm nghe nhìn, v.v..). Còn có thể có loại hình chuyên biệt hẹp hơn theo nguyên tắc này. Trong số những liên hiệp, hiệp hội và những tổ chức loại đó cần kể đến Hội liên hiệp quốc tế báo chí định kỳ, được thành lập từ năm 1910 ở Brúcxen và được cải tổ năm 1925 tại Pari. Tổ chức này có nhiệm vụ bảo vệ lợi ích của báo chí định kỳ, đảm bảo tự do trao đổi thông tin, soạn thảo các chuẩn mực đạo đức, bảo vệ quyền lợi vật chất cho những người lao động tại các phương tiện thông tin đại chúng, soạn thảo tiêu chuẩn của các ấn phẩm định kỳ. Hiệp hội phát thanh và truyền hình quốc tế được thành lập ở Mêhicô năm 1946. Nhiệm vụ của Hiệp hội là bảo vệ hoạt động phát thanh và truyền hình với tư cách là những phương tiện tự do bày tỏ tư tưởng và thúc đẩy sự hợp tác giữa các Công ty phát thanh và truyền hình trong các tổ chức tư nhân, các tổ chức quốc gia và quốc tế.

Có rất nhiều liên hiệp, hiệp hội và tổ chức được xây dựng theo nguyên tắc chức vụ - sản xuất. Trong đó có Hội liên hiệp quốc tế các giám

đốc xuất bản báo, Hiệp hội quốc tế các đạo diễn điện ảnh và Hội liên hiệp quốc tế các hiệp hội đạo diễn điện ảnh, Hội liên hiệp quốc tế các tổng biên tập, Hội liên hiệp quốc tế sách báo kỹ thuật (là tổ chức tập hợp các chủ nhân và các giám đốc của những tạp chí kỹ thuật), v.v..

Nhiều tổ chức quốc tế cỡ nhỏ, ví dụ: Hội liên hiệp quốc tế các nhà báo là tác giả các ký sự đi đường hoặc Liên hiệp quốc tế các nhà báo quốc tế ngữ, Hội liên hiệp quốc tế các nhà báo và các nhà văn về những vấn đề du lịch, v.v.. Đây là những tổ chức không có ảnh hưởng quan trọng đối với tình hình báo chí thế giới.

Trong số các khuynh hướng phát triển hơn nữa phong trào báo chí quốc tế trước hết cần kể ra khuynh hướng khu vực hóa được thể hiện rất rõ. Khuynh hướng này biểu hiện trên tất cả các châu lục.

Trong số các tổ chức khu vực và siêu khu vực phải kể đến Liên minh báo chí của cộng đồng các quốc gia trong Liên hiệp Anh, Liên minh các nhà báo Ả-rập, Hiệp hội các hãng tin của các nước không liên kết, Liên đoàn các nhà báo ASEAN, Hiệp hội báo chí liên Mỹ, Hiệp hội liên Mỹ các tổ chức nhà báo chuyên nghiệp, Hiệp hội nhà báo toàn châu Phi và nhiều tổ chức khác.

Ngoài những tổ chức nhà báo tồn tại từ trước và đã tích lũy được rất nhiều kinh nghiệm hoạt động thì đã xuất hiện những tổ chức nhà báo

mới. Chẳng hạn, tháng 3-1994 tại Ivôlô (Phần Lan) đã diễn ra cuộc gặp gỡ đầu tiên giữa các nhà báo Nga, Nauy và Phần Lan. Đó là bước mở đầu cho việc thành lập một tổ chức mới: Barenxơ Pretxơ. Đường lối chung của các tổ chức này cho thấy đây là những diễn đàn nhà báo cởi mở, hoạt động nhân danh tự do báo chí và cung cấp cho các nhà báo những thông tin đa dạng có chất lượng cao. Dưới sự bảo trợ của Tổ chức Barenxơ Pretxơ người ta tổ chức các cuộc hội thảo của những người làm việc trong ngành báo chí, phát thanh, truyền hình và các hãng tin đưa tin về những vấn đề của khu vực Barenxơ.

Khuynh hướng phát triển quan trọng thứ hai của phong trào báo chí quốc tế có thể là xu hướng hợp nhất với các đại diện của những nghề nghiệp có liên quan. Chẳng hạn, toàn cầu hóa không gian thông tin, việc chuyển tải xuyên biên giới các dữ kiện đã làm cho các nhà báo, những người sử dụng các mạng máy tính và những nhà chuyên môn khác trở thành những con tin của tình trạng mâu thuẫn trong các luật lệ quốc gia về những vấn đề sản xuất, xử lý, bảo quản và phổ biến thông tin. Đã xuất hiện nhu cầu gay gắt về sự hợp nhất nỗ lực của giới luật gia và giới nhà báo. Kết quả là đã xuất hiện Hiệp hội các luật gia và nhà báo. Hiệp hội này đã tranh thủ được nhiều người ủng hộ ở nhiều nước. Tổ chức này tích cực tham gia trong các vụ

xét xử ở tòa án nhằm bênh vực cho các nhà báo; xuất bản nhiều tập sách, nhưng nó đã không thực sự trở thành một tổ chức mang tính quần chúng, lại càng không phải là một tổ chức quốc tế. Hướng phát triển này xem ra rất có triển vọng. Ngày nay, những tổ chức tương tự đã được thành lập ở Mỹ, Ba Lan và ở một số nước khác. Ngày 16-10-1996 đã công bố bản Tuyên ngôn của hội nghị thành lập Hiệp hội luật gia và nhà báo quốc tế, nhưng vẫn chưa diễn ra sự hợp nhất các tổ chức phân tán.

Có thể gọi khuynh hướng thứ ba là sự chuyển dịch trọng tâm từ định hướng chính trị - xã hội trong hoạt động của các tổ chức báo chí quốc tế sang định hướng củng cố đáng kể và hoàn thiện hơn nữa tính chất nghề nghiệp của các tổ chức ấy, bảo vệ lợi ích và các nhu cầu nghề nghiệp của các nhà báo. Kết quả là đã gia tăng số lượng công đoàn của những người lao động tại các phương tiện thông tin đại chúng, đặc biệt là ở Cận Đông. Tổ chức lao động quốc tế đã bắt đầu chú ý nhiều hơn đến các vấn đề lao động.

Từ năm 1894 đến nay, kể từ khi Liên hiệp quốc tế các tổ chức báo chí được thành lập ở Anvecpen, hơn một thế kỷ đã qua. Trong thời gian ấy, trong các phương tiện thông tin đại chúng đã diễn ra những thay đổi lớn lao. Chúng ta đang ở ngưỡng cửa của thế kỷ thông tin. Nhưng trong tương lai, dù có những điều cách tân

như thế nào đi nữa sẽ xảy ra thì cần thiết phải có những hành động thống nhất của tất cả các nhà báo cũng sẽ là vấn đề bức bách và nóng hổi. Trong điều kiện toàn cầu hóa không gian thông tin, tình trạng không giống nhau trong các luật lệ quốc gia về phương tiện thông tin đại chúng đã tạo ra những khó khăn nhất định trong trao đổi thông tin quốc tế. Đồng thời, thực tiễn chung của từng quốc gia lại góp phần phát triển luật pháp quốc tế, vì thực tiễn xuất phát từ những cam kết pháp lý và thực tiễn ấy có thể làm xuất hiện chuẩn mực luật pháp thông lệ quốc tế hoặc luật pháp địa phương. Chuẩn mực này được áp dụng đối với tất cả các nước mà nó không có những khác biệt rõ ràng với các chuẩn mực luật pháp của những nước kia. Ngoài ra, sự tồn tại của thực tiễn chung cho tất cả các nước tham gia hiệp ước quốc tế có thể góp phần làm xuất hiện sự giải thích thống nhất về những điều khoản trong hiệp ước. Những đặc điểm pháp lý trong hoạt động của các phương tiện thông tin đại chúng không làm giảm tính chất thời sự của việc tạo ra sự hài hòa giữa các luật lệ quốc gia, mà chỉ nhấn mạnh sự cần thiết của sự hài hòa ấy mà thôi.

Các tổ chức báo chí quốc tế - nhiều tổ chức trong số đó hiện nay đang xem xét lại những cơ sở hoạt động của mình - giữ một vai trò tích cực trong việc bảo vệ những lợi ích nghề nghiệp của các nhà báo và bảo vệ các điều kiện lao động.

CHƯƠNG IV

NHỮNG BẮC BIỆM DÂN TỘC TRONG SỰ PHÁT TRIỂN CỦA BÁO CHÍ

Bên cạnh các quá trình hội nhập được biểu hiện rõ nét trong điều kiện toàn cầu hóa không gian thông tin, báo chí hiện đại ở nước ngoài vẫn tiếp tục duy trì tính chất đặc thù của nó, một mặt, là biểu hiện tính độc đáo của các dân tộc, mặt khác, lại là phản ứng trước những khuynh hướng toàn cầu hóa thể hiện trong các phương tiện thông tin đại chúng.

Mặc dù đi theo định hướng văn hóa “phương Tây”, song các nước châu Âu và châu Mỹ hoàn toàn không giống nhau, cũng giống như sự khác biệt giữa các nước Cận Đông và các nước thuộc khu vực châu Á - Thái Bình Dương.

Các nước xã hội chủ nghĩa cũ, trong đó có các nước thuộc không gian hậu Xôviết, tạo thành một nhóm đặc biệt những nước có nền báo chí

đang thay đổi nhanh chóng và có những quá trình phức tạp diễn ra trong các phương tiện thông tin đại chúng. Quá trình biến đổi chính trị và kinh tế - xã hội ở những nước ấy đã quyết định những thay đổi trong hoạt động của các phương tiện thông tin đại chúng.

Những quá trình có ý nghĩa về khoa học và thực tiễn đang diễn ra trong nền báo chí ở các nước châu Phi. Tại đó tình trạng đa ngôn ngữ (ngôn ngữ địa phương và thổ ngữ) đang đặt ra trước các phương tiện thông tin đại chúng những vấn đề hết sức phức tạp trong nhiệm vụ cố kết dân tộc và đồng thời bảo tồn nền văn hóa độc đáo.

Thế giới thật đa dạng. Nền báo chí nước ngoài cũng đa dạng. Không thể bao quát được tất cả các quá trình diễn ra trong báo chí thế giới. Nhưng có thực tế là cần phải xem xét tính đặc thù dân tộc vẫn được duy trì, và cần phát hiện ra những xu hướng quan trọng nhất của quá trình phát triển tiếp theo trong các điều kiện của một xã hội thông tin đang đến gần.

I. NHỮNG ĐẶC ĐIỂM TRONG HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC PHƯƠNG TIỆN THÔNG TIN ĐẠI CHÚNG Ở CHÂU ÂU VÀ MỸ

Mặc dù theo định hướng văn hóa “phương Tây”, song trong hoạt động thực tiễn của mình, các phương tiện thông tin đại chúng ở các nước châu Âu và ở Mỹ thể hiện hai khuynh hướng

được biểu hiện rõ: cái gọi là khuynh hướng lục địa - châu Âu và khuynh hướng “đảo quốc” bao gồm các phương tiện thông tin đại chúng ở Anh và của Mỹ. Hiện thực này có những gốc rễ lịch sử của nó, nhưng sự khác biệt rõ nhất của những khuynh hướng này bộc lộ ra vào các thế kỷ XIX-XX.

Ban đầu trên lục địa châu Âu và ở nước Anh báo chí đã phát triển trong khuôn khổ các truyền thống của nền báo chí cá nhân, khi mà điều đòi hỏi lớn nhất là phẩm chất nhà văn, của nhà chính luận: người ta cho rằng những nhà sáng lập ra nền báo chí của nước Anh là Giônathan Xviphtơ, Đanien Đêphơ, Risac Stilơ. Nhưng sự phát triển của các phương tiện thông tin đại chúng, những điều kiện chính trị khác nhau đã làm xuất hiện những sự khác biệt căn bản.

Dĩ nhiên, các phương tiện thông tin đại chúng của châu Âu lục địa và của nước Anh đã phát triển trong không gian chính trị của các hệ thống luật pháp khác nhau: hệ thống luật pháp Rômanh- Đức trên lục địa châu Âu và hệ thống luật phổ thông ở nước Anh. Nhưng ở đây điều giữ vai trò không nhỏ là ảnh hưởng lẫn nhau của nước Anh và nước Mỹ, khi mà sau “cuộc cách mạng thương mại”, trong báo chí thời kỳ những năm 1830-1840 đã bắt đầu diễn ra quá trình cải tổ nội dung của các báo.

Nếu trong báo chí lục địa châu Âu người ta

dành ưu tiên cho “ý kiến”, quan điểm của tác giả, thì trong báo chí “đảo quốc” người ta ngày càng coi trọng “sự việc”, tức là hết sức tránh thông tin, qua báo chí, những tin tức có ý nghĩa xã hội.

Sự khác biệt ấy dẫn đến những hậu quả nghiêm trọng. Chẳng hạn, ở Đức, Pháp hoặc ở Nga những người làm báo quan tâm trước hết đến hiệu quả tác động của báo chí đến công chúng. Điều này đòi hỏi phải đề ra một cách nghiêm túc lý luận về thể loại, đã tạo đà tiến lên cho phương pháp luận của đối thoại và tranh luận. Ở Mỹ và ở Anh yếu tố chủ yếu là tính chất nhanh nhạy, khả năng biết “khai thác các sự việc”. Điều này dẫn đến chỗ viết ra những tài liệu thông tin theo nguyên tắc “Kim tự tháp lộn ngược”, ở nhiều tờ báo có tình trạng khuyết danh của các phóng viên viết phóng sự. Kết quả là đối với một số người, báo chí là một bộ phận trong quá trình phát triển văn học, trong đó tác giả viết trên các ấn phẩm định kỳ và không sử dụng phương pháp hư cấu văn học, mà là sử dụng những sự kiện có thật và những hiện tượng có thật. Đối với những người khác thì báo chí là một trong những kênh thông tin được sử dụng vào các mục đích dùng các phương tiện thông tin đại chúng để phổ biến những thông tin quan trọng đối với người đưa tin.

Chúng tôi xin đề cập một số đặc điểm của

cách tiếp cận Anh - Mỹ đối với hoạt động của các phương tiện thông tin đại chúng.

Sơ đồ các tờ báo kiểu “Tin tức - 2000” không cần có sự bình luận đặc biệt nào: sơ đồ ấy đáp ứng các đòi hỏi cơ bản của lý luận về thông tin. Chóp của kim tự tháp hướng vào những thay đổi đáng mong muốn trong xã hội, còn phần đế của kim tự tháp lại dựa trên những lợi ích xã hội ở trung tâm. Những thành tố khác có sứ mạng đảm bảo thực hiện những thay đổi đáng mong muốn.

Như chúng ta thấy, mô hình được nêu ra đồng thời lại gắn cả với lý thuyết về sự thao túng công luận, vì nó có tính đến tất cả những nhân tố có ảnh hưởng đến tư tưởng, tình cảm, cảm xúc của công chúng.

Dĩ nhiên, mô hình các tờ báo kiểu trên nhằm phục vụ trước hết công chúng Mỹ, nhưng nó cũng hoàn toàn có thể áp dụng được cả ở những nước khác nếu được cải biến ở mức độ nhất định.

Tại Mỹ trong một thời gian dài đã diễn ra những cuộc tranh cãi về chính bản chất của báo chí. Bản báo cáo của Ủy ban Rôbớt M.Hatsinxơ với nhan đề “Báo chí tự do và có trách nhiệm” đã trở thành nguồn chủ yếu của tư tưởng điều tiết. Tư tưởng này có ảnh hưởng to lớn đến lý luận và thực tiễn báo chí ở các nước. Ủy ban này đề nghị giải quyết vấn đề bằng cách đưa ra một loạt biện pháp bảo vệ công luận một cách chắc chắn hơn là những đạo luật hiện hành. Để thực

hiện điều này người ta đã đề ra 5 quy định về hoạt động mà báo chí tự do có trách nhiệm cần thực hiện.

- ♦ Đảm bảo “báo cáo một cách đúng sự thực và toàn diện về các sự kiện thời sự trong một văn cảnh khiến những sự kiện ấy có ý nghĩa”;

- ♦ Là “diễn đàn trao đổi những bài bình luận và phê bình”;

- ♦ Đưa ra một “bức tranh có tính chất bao quát về những nhóm tạo thành xã hội”;

- ♦ Giới thiệu và giải thích “các mục tiêu và những giá trị của xã hội”;

- ♦ Đảm bảo một “sự tiếp cận thông tin cập nhật một cách đầy đủ”.

Đặc biệt, ủy ban này nêu rõ rằng báo chí không phải là một nghề độc lập, vì mỗi người biết chữ đều có thể viết bài cho báo, còn cá nhân nào thôi không gửi bài vở của mình cho báo chí thì người ấy không còn là nhà báo nữa. Đó chỉ là một ý kiến mà thôi, vì hệ thống đào tạo cơ bản báo chí của Mỹ bắt nguồn từ Giôđép Pulitxơ, người được xem là một trong số những nhân vật cha đẻ của nền học vấn báo chí. Bằng số tiền của Pulitxơ và theo đề nghị của ông năm 1904 người ta đã thành lập trường đào tạo cán bộ báo chí chuyên nghiệp đầu tiên của Mỹ, trực thuộc Đại học Tổng hợp Côlômbia. Cơ sở của việc đào tạo này là những chuẩn mực báo chí do Pulitxơ soạn ra. Theo suy nghĩ của Pulitxơ, chính việc

đào tạo cán bộ ở trường này chỉ có thể dựa trên cơ sở một sự chuyên nghiệp hóa cơ bản.

Chính bản thân tư tưởng về đảm bảo tự do bày tỏ ý kiến - được xem là một trong những thành tố của tự do báo chí - lại mang tính chất tích cực. Tuy nhiên, trên phương diện lý thuyết, những luận thuyết về trách nhiệm xã hội đã kêu gọi báo chí, chính phủ và công luận hãy tích cực, không những góp phần thúc đẩy tự do bày tỏ ý kiến, mà còn thúc đẩy thực hiện những đòi hỏi đối với báo chí tự do và có trách nhiệm, là những đòi hỏi do Ủy ban Hatsinxơ đề ra. Người ta cho rằng chính phủ có nhiệm vụ và có thể kiểm soát những điều kiện hoạt động của báo chí mà không kiểm soát chính hoạt động của báo chí: "việc quy định các quy tắc và các điều kiện của cuộc chơi trung thực hơn không cản trở sự tự do của những người tham gia cuộc chơi - điều đó làm cho cuộc chơi được tốt hơn đối với cả người chơi và đối với cả khán giả. Xét trên góc độ này, việc xem xét toàn bộ hoạt động của báo chí tự do có thể có những ưu thế như vậy đối với báo chí cũng như đối với công chúng. Làm như vậy sẽ đạt được mục tiêu giảm sự lãng phí và tình trạng hỗn loạn, hình thành được một công luận đích thực và cung cấp một nền báo chí có chất lượng tốt nhất cho một số lượng người đông đảo nhất".

Ủy ban này đã quy định chặt chẽ khuôn khổ những gì chính phủ có thể và cần làm để nâng

cao trách nhiệm của báo chí. Tuy nhiên, chính khả năng can thiệp trong trường hợp báo chí “hành xử vô trách nhiệm” lại gây nên phản ứng tiêu cực của giới báo chí và giới khoa học. Người ta tỏ ý lo ngại rằng thuyết trách nhiệm xã hội sẽ dẫn đến những hạn chế trong hoạt động của báo chí, sẽ thu hẹp tự do của báo chí, vì ở trong nước không thể có một nền báo chí tự do mà lại không diễn ra tình hình là nền báo chí ấy đã từng thể hiện những ví dụ riêng biệt hoặc thậm chí hàng loạt thời kỳ vô trách nhiệm. Các nhà nghiên cứu Mỹ đã phê phán một cách có cơ sở học thuyết ấy vì khái niệm “trách nhiệm xã hội” đã hoàn toàn bỏ qua vấn đề nguồn gốc trách nhiệm của các nhà báo hoặc vấn đề là những trách nhiệm của nhà báo hướng vào đâu.

Như vậy, kinh nghiệm của Mỹ về sự điều chỉnh của nhà nước đối với báo chí đã cho thấy rằng mọi hình thức can thiệp của chính quyền vào hoạt động của các phương tiện thông tin đại chúng - dù những hình thức can thiệp ấy có mang những ý định tốt đẹp như thế nào đi nữa - cũng đều tác hại cho tự do thông tin. Trách nhiệm xã hội của báo chí là lĩnh vực tự điều chỉnh, nhưng tuyệt nhiên không thuộc lĩnh vực điều chỉnh của nhà nước.

Lĩnh vực đặc biệt là hoạt động điều chỉnh các dòng thông tin trên các phương tiện thông tin đại chúng điện tử. Dưới một hình thức tập trung

và tổng hợp, những đặc điểm của hệ thống điều chỉnh của Mỹ đối với các phương tiện thông tin đại chúng điện tử đã được trình bày bởi ông Hebertơ Têrì, giáo sư Trường Đại học Tổng hợp của bang Indiana.

Ở Mỹ, người ta áp dụng đạo luật năm 1934 về lĩnh vực phát thanh. Trong những năm qua đạo luật này đã có nhiều sửa đổi làm thay đổi và hiện đại hóa đạo luật này. Ví dụ, năm 1968 đã có điểm sửa đổi về điều chỉnh lĩnh vực truyền hình, còn năm 1970 thì có những sửa đổi về truyền hình cáp, năm 1996 có những sửa đổi về các Công ty điện thoại và các mạng máy tính.

Trong số những tổ chức và những nhân vật quan trọng nhất thực hiện kiểm soát hoạt động của các phương tiện thông tin đại chúng điện tử, có Ủy ban liên bang về thông tin - liên lạc, hệ thống tư pháp, Tổng thống Mỹ, chính quyền các bang, ngoài ra còn có các hiệp định và hiệp ước quốc tế.

Ủy ban liên bang về thông tin - liên lạc gồm 5 ủy viên do Tổng thống đề cử và Quốc hội phê chuẩn. Ủy ban liên bang cấp giấy phép hoạt động phát sóng và phân bố các tần số, khuyến cáo trật tự phát sóng. Ủy ban này có thể khuyến cáo, những điều nên làm, nhưng không thể cấm đài phát sóng chuyển tải một thông tin nào đó. Các cơ sở phát sóng lớn nhất ở Mỹ là các Công ty tư nhân. Về mặt lịch sử đã hình thành Ủy

ban liên bang về thông tin - liên lạc điều chỉnh hoạt động của mạng lưới phát sóng cũng như của cả mạng lưới điện thoại và điện tín. Trước năm 1980 người ta cho rằng các đài phát thanh và truyền hình sẽ cung cấp cho người nghe và người xem các chương trình tin tức, nếu không người ta có thể thu hồi giấy phép hoạt động của các đài này. Sự đối chọi kéo dài giữa những quan điểm khác nhau về điều khoản này đã đưa đến kết quả là năm 1990 người ta đã quyết định rằng chỉ có sự cạnh tranh lành mạnh mới có thể quyết định xem cần dành bao nhiêu thời lượng cho phần tin tức thời sự.

Hệ thống tư pháp có thể ảnh hưởng đến các đạo luật và các văn bản do Ủy ban liên bang về thông tin - liên lạc ban hành. Các tòa án có thể giải thích các đạo luật, bao gồm cả Tu chính án thứ nhất trong Hiến pháp.

Tổng thống cũng là chủ thể của sự kiểm soát và sáng kiến lập pháp. Theo sáng kiến của G. Catơ, trong Bộ Thương mại đã thành lập Hãng viễn thông quốc gia. Hãng này là cơ quan tư vấn chủ yếu của Tổng thống về các vấn đề phát thanh và truyền hình. Chính thông qua tổ chức này, Quốc hội cấp tiền cho các phương tiện thông tin đại chúng xã hội.

Vì chính quyền của các bang có những thẩm quyền lớn ở Mỹ - một quốc gia theo chế độ liên bang, nên chính quyền các bang cũng có ảnh

hưởng mạnh mẽ đến các phương tiện thông tin đại chúng điện tử.

Các hiệp định và hiệp ước quốc tế thông thường nhất có vai trò điều tiết các tần số, việc sử dụng các vệ tinh thông tin, mạng Internet, v.v.. Tổ chức rất có ảnh hưởng là Hiệp hội tự do thương mại Bắc Mỹ, bao gồm Mỹ, Canada và Mêhicô. Khi Canada toan hạn chế hoạt động quảng cáo của các hãng Mỹ ở Canada thì đã gây nên một làn sóng phản nộ ở Mỹ. Chính Hiệp hội tự do thương mại Bắc Mỹ đã đòi Canada thay đổi lập trường về vấn đề quảng cáo trên các phương tiện thông tin đại chúng điện tử.

Hoạt động điều chỉnh các phương tiện thông tin đại chúng điện tử là lĩnh vực có ý nghĩa tiêu biểu nhất đối với những cuộc tranh luận chính trị về thể chế chặt chẽ. Ngoài ra, còn có những đạo luật về phát sóng cho trẻ em, trong đó giới hạn khối lượng quảng cáo là 12 phút/giờ vào các ngày thường và 10,5 phút/giờ vào những ngày nghỉ. Trên cơ sở tự nguyện và theo sáng kiến của Tổng thống B.Clinton, đa số các hãng phát thanh - truyền hình đã quyết định rằng mỗi tuần 3 lần, mỗi lần phát sóng 3 giờ cho trẻ em. Căn cứ vào Đạo luật về viễn thông năm 1996, tất cả các hãng phát sóng truyền hình có nhiệm vụ để ra mã số đặc biệt cho những “vi chip”. Những thiết bị này được gắn vào các máy thu hình và sẽ loại trừ các cảnh tình dục và bạo lực

không dành cho trẻ em. Cũng có những hạn chế và những quy định của Ủy ban liên bang về thông tin - liên lạc đối với những hành động phỉ báng cũng như đối với các chương trình phát sóng “thiếu lịch sự” và “thiếu đúng đắn”. Trong những năm gần đây các thanh tra viên đặc biệt chú ý đến lập trường về vấn đề này của ngành phát thanh.

Trong thập kỷ cuối của thế kỷ XX các đạo luật chống độc quyền trong lĩnh vực các phương tiện thông tin đại chúng điện tử đã mang tính chất tự do hóa đáng kể. Năm 1996 đã bãi bỏ nhiều hạn chế ở cấp liên bang, tuy nhiên, một số hạn chế ấy vẫn còn được duy trì ở cấp địa phương. Chẳng hạn, một chủ nhân không thể có nhiều hơn 50% số đài phát dành cho một tầng lớp xã hội. Một chủ nhân mạng lưới truyền hình không thể phục vụ hơn 35% số khán giả trên cùng một địa bàn ấy và chỉ có quyền sở hữu một đài phát cho một tầng lớp xã hội (trước năm 1996 có thể có hai đài). Hiện nay ở Mỹ truyền hình cáp phát triển thành công nhất. Điều này không tạo điều kiện cho truyền hình bằng vệ tinh phát triển nhanh. Đạo luật năm 1996 đặc biệt chú ý đến chính sách giá cả trong lĩnh vực truyền hình cáp. Việc bãi bỏ các hạn chế chống độc quyền đã đưa đến hệ quả là có thể coi những sự bàn luận về một sự cạnh tranh nghiêm chỉnh ở Mỹ là không thể mang tính chất nghiêm túc

được. Chẳng hạn, Hãng ITT đã mua mạng lưới truyền hình lớn nhất là mạng TCI, tạo thêm một tổ chức độc quyền nữa trong lĩnh vực truyền hình.

Đạo luật năm 1996 có một chương về hoạt động thông tin. Chương này nhằm điều chỉnh những vấn đề liên quan đến mạng Internet.

Kinh nghiệm của lục địa châu Âu đa dạng hơn, vì ở đây có nhiều hình thức sở hữu các phương tiện thông tin đại chúng hơn là ở Mỹ. Ở nhiều nước, nhà nước chiếm giữ những vị trí rất mạnh trong lĩnh vực các phương tiện thông tin đại chúng. Đồng thời, có rất nhiều việc đã được thực hiện để đảm bảo tự do ngôn luận đích thực và tự do báo chí đích thực.

Ví dụ, Khóa họp thường kỳ thứ 21 của Đại hội đồng Nghị viện châu Âu (ngày 23-1-1970) đã thông qua “Tuyên ngôn về các phương tiện thông tin đại chúng và về các quyền con người”, trong đó có một chương đặc biệt nói đến các biện pháp đảm bảo trách nhiệm của báo chí và của các phương tiện thông tin đại chúng khác. Để các nhà báo hoàn thành các chức năng của mình với tinh thần trách nhiệm trước xã hội và trước công dân, người ta kiến nghị quy định về đào tạo nghề nghiệp cho các nhà báo, thông qua bộ quy tắc đạo đức nghề nghiệp, cũng như lập ra các hội đồng báo chí có thẩm quyền, đưa ra những biện pháp thực hiện cơ chế tự kiểm soát.

Năm 1996, văn kiện này đã được các nghị sĩ

Nga phê chuẩn. Chỉ sau đó Hội đồng châu Âu mới kết nạp nước Nga vào đội ngũ của mình. Trên báo chí đã nhiều lần nêu rõ rằng giới báo chí Nga phần lớn đã thực hiện những khuyến cáo ghi trong bản Tuyên ngôn ấy. Giờ đây, vấn đề chủ yếu là khắc phục tính chất hình thức của những biện pháp đã thi hành trên lĩnh vực tự điều chỉnh, tức là tăng cao hiệu lực của những bộ quy tắc đạo đức, cũng như củng cố uy tín của các ủy ban đạo đức được lập ra nhờ những nỗ lực của bản thân giới nhà báo. Điều này đáng được đặc biệt chú ý, vì trong xã hội Nga, trong những năm gần đây, đã có một số cố gắng thử thành lập đủ mọi ủy ban về đạo đức và tư cách báo chí. Những ủy ban này đã cố gắng lập ra một hệ thống điều chỉnh chủ yếu trong lĩnh vực phát thanh - truyền hình.

Dĩ nhiên, giữa các hình thức hoạt động thông tin đại chúng ở lục địa châu Âu và ở các "quốc đảo", với tư cách là những cực đối lập, tồn tại nhiều loại quan điểm và phương pháp, trong đó có những quan điểm kết hợp cả hai truyền thống. Có thể lấy ví dụ về báo chí các nước Bắc Âu. Cũng như ở Mỹ và ở Anh, tại đây ưu tiên được dành cho tin tức thời sự và sự việc. Song, hoàn toàn không phải mọi lúc người ta cũng đều vận dụng nguyên tắc "kim tự tháp lộn ngược". Tình trạng khuyết danh của các phóng viên là một ngoại lệ hết sức hiếm thấy. Hơn thế nữa, từ

báo *Svenska Dagblaet* đăng tất cả các bài vở không những có chữ ký của tác giả, mà còn có cả địa chỉ bưu điện điện tử của tác giả, để bất kỳ độc giả nào khi cần cũng có thể có được thông tin bổ sung và biết cụ thể hơn về những chi tiết. Tuy tuân thủ nguyên tắc tách phần quảng cáo khỏi phần thông tin, song các báo ở vùng Xcăngđinavơ cho rằng có thể cho phép thực hiện cái gọi là “sự bình luận ẩn kín” và “sự bình luận nhanh nhạy”.

Tại đây, sự điều chỉnh của nhà nước đối với hoạt động của các phương tiện thông tin đại chúng điện tử càng ngày càng được thay thế bằng các cơ chế luật pháp - xã hội và cơ chế thị trường. Điều này được trình bày một cách rất thuyết phục trong các tác phẩm của E.L.Vactanôva.

Kinh nghiệm của các nước châu Âu chứng tỏ rằng đã tìm ra được hình thức tối ưu cho lĩnh vực phát thanh - truyền hình. Hình thức tối ưu này loại bỏ được mọi áp lực từ bên ngoài đối với chính sách thông tin. Hình thức này là hình thức phát thanh - truyền hình mang tính chất đại chúng và xã hội. Những con đường xây dựng hình thức phát thanh - truyền hình ấy đã được đề xuất trong Nghị quyết số 1 “Tương lai của hình thức phát thanh - truyền hình xã hội” của Hội nghị quốc tế IV các bộ trưởng phụ trách chính sách trong lĩnh vực các phương tiện thông

tin đại chúng (Praha, 7 - 8 tháng 12-1994). Cũng như tất cả mọi thành viên mới trong Hội đồng châu Âu, nước Nga sớm hay muộn cũng sẽ phải chấp nhận mô hình phát thanh - truyền hình kiểu như thế.

Điều đặc biệt cần quan tâm là các phương tiện thông tin đại chúng của các nước Đông Âu và Trung Âu, cũng như của các nước thuộc không gian hậu Xôviết. Tại đây, trong thập kỷ gần đây đã diễn ra những thay đổi không kém phần quan trọng về tính chất của các phương tiện thông tin đại chúng, cũng như về những hình thức và phương pháp điều chỉnh các dòng thông tin. Ở đây đang diễn ra những quá trình khác nhau kết hợp những cách tiếp cận khác nhau đối với báo chí. Điều đó thường biểu hiện qua sự áp dụng những tiêu chuẩn phương Tây vào báo chí quốc gia. Điều này biểu hiện ở quá trình phi nhà nước hóa các phương tiện thông tin đại chúng, cũng như ở nội dung các bài vở báo chí và các chương trình phát thanh - truyền hình.

Các phương tiện thông tin đại chúng, các điều kiện hoạt động của các phương tiện ấy, chủ đề và các vấn đề của từng nước châu Âu đã được nghiên cứu đầy đủ, nhưng dù sao cũng đòi hỏi nghiên cứu hơn nữa về mặt khoa học trong điều kiện hiện đại.

Những khuynh hướng mới nhất trong các phương tiện thông tin đại chúng ở Mỹ, cũng như

ở châu Âu, trước hết có đặc trưng là chuyển những thông tin hoạt động kinh doanh và những thông tin nhanh nhạy vào các mạng lưới máy tính, tăng tỷ trọng của khâu phân tích, bình luận và dự báo, chuyển trọng tâm sang báo chí hữu danh (tình hình này thể hiện ở số lượng gia tăng, các bài vở có ký tên và các chương trình phát thanh và truyền hình có ghi tên tác giả), sự thay đổi thái độ đối với những đặc điểm về thể loại báo chí.

II. LỤC ĐỊA CHÂU PHI: “QUY LUẬT CON LẮC”

Các phương tiện thông tin đại chúng của châu Phi đang trải qua một thời kỳ phát triển phức tạp. Trên bình diện chính trị - xã hội, đối với lục địa này, nửa sau của thế kỷ XX, là thời kỳ rất sôi sục. Đó là thời kỳ sụp đổ của hệ thống thuộc địa và củng cố các quốc gia độc lập non trẻ, thời kỳ chính quyền ở các thành trì của chủ nghĩa chủng tộc và chủ nghĩa Apacthai - Nam Rôđêdi và Cộng hòa Nam Phi- chuyển vào tay đa số người da đen, thời kỳ của vô số những cuộc nội chiến, những cuộc đảo chính và phản đảo chính, thêm vào đó là những dao động trong sự lựa chọn các định hướng cho sự phát triển của dân tộc. Trong một thời gian dài các nước thân phương Tây, với nền kinh tế thị trường, tồn tại bên cạnh các nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa, hơn nữa, sự lựa chọn con đường phát

triển phần nhiều là nhân tố đã quyết định từ trước cả những đặc điểm của sự hình thành các phương tiện thông tin đại chúng.

Các quá trình chính trị phức tạp diễn ra trên thế giới đã không thể không ảnh hưởng đến tình hình ở châu Phi và các phương tiện thông tin đại chúng ở châu lục này.

“Châu Phi bị cuốn hút vào toàn bộ những sự tác động qua lại phức tạp và đầy mâu thuẫn giữa Bắc và Nam, giữa Đông và Tây. Quá trình không thuần nhất là quá trình hình thành mối quan hệ giữa các nước tư bản chủ nghĩa phát triển và những nước đang phát triển. Định hướng châu Phi trong chính sách và ý thức hệ của phương Tây chiếm một vị trí quan trọng và đã ảnh hưởng nhiều đến những chủ thuyết chính trị học và văn hóa học ra đời ở Mỹ và ở các nước Tây Âu, ảnh hưởng đến những quy luật phân tích và mô tả các sự kiện và hiện tượng thực tế của “thế giới thứ ba”. Điều này cũng liên quan đến quá trình hình thành lý luận báo chí, trong đó có những biến thể của lý luận ấy liên quan đến những vấn đề các phương tiện thông tin đại chúng ở những nước đang phát triển.

Chủ trương thường xuyên theo dõi nhịp đập trên lục địa châu Phi trong suốt thời kỳ hậu chiến là đặc trưng của các cường quốc phương Tây. Điều này đã chế định một số xu hướng chung trong chính sách của những nước này đối

với châu Phi. Tuy nhiên, nhờ có kinh nghiệm lịch sử của mình - trong một số trường hợp đó là kinh nghiệm về sự tác động qua lại giữa thuộc địa và chính quốc - mỗi cường quốc ấy đều có những mục tiêu đặc thù của mình, cũng như những phương tiện đặc thù của mình để đạt được những mục tiêu ấy trong “thế giới thứ ba”. Cách tiếp cận của các nước tư bản chủ nghĩa phát triển đối với khu vực châu Phi được cụ thể hóa dưới góc độ cách nhìn của từng quốc gia phương Tây”, - đó là lời nhận xét của X.M.Vinôgradốp. Nhận xét này được khẳng định bởi những thực tế của thực tiễn thường nhật.

Ủy ban Sean McBride đã chứng minh có sức thuyết phục cho thấy hố ngăn cách hết sức sâu sắc giữa các nước phát triển và các nước đang phát triển. Nhiều nhà hoạt động chính trị của châu Phi đã cho rằng lối thoát là thiết lập một trật tự thông tin quốc tế mới và định hướng xây dựng một xã hội xã hội chủ nghĩa. Đáng tiếc là những định hướng ấy đã không đạt được. Cùng với hệ thống xã hội chủ nghĩa, những niềm hy vọng vào một trật tự thông tin quốc tế mới cũng đã sụp đổ. Thời gian mười năm sau khi thông qua các nghị quyết nổi tiếng của Liên hợp quốc và của UNESCO đã cho thấy rằng hố ngăn cách giữa các nước “giàu” và các nước “nghèo” chỉ tăng thêm mà thôi.

Bước ngoặt như vậy của tình hình đã được

nhiều nhà nghiên cứu tiên đoán. Chẳng hạn, trong tác phẩm nổi tiếng của mình “Báo chí châu Phi”, tác giả Rôdalinh Anxli đặc biệt đã nêu rõ rằng: “Những chính phủ nào đề ra cho mình mục tiêu thực hiện chương trình “cứng rắn” trong phát triển kinh tế và hy vọng sử dụng các phương tiện thông tin đại chúng như là công cụ để đạt đến mục tiêu ấy, thì, nói đúng hơn, các chính phủ ấy sẽ tỏ thái độ không dung chấp đối với báo chí thương mại cạnh tranh, đặc biệt, nếu những báo chí ấy thuộc sở hữu của người nước ngoài. Đối với các nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa thì vấn đề lại nghiêm trọng hơn vì hoạt động kinh doanh tư nhân cũng như quảng cáo thương mại rõ ràng là mâu thuẫn với chính sách của những nước này. Nếu như ngay từ bây giờ đã khó cạnh tranh với các doanh nghiệp nước ngoài, thì trong tương lai những doanh nghiệp nước ngoài có thể trở nên hoàn toàn không thể đánh bại nổi. Chúng ta đang ở ngưỡng cửa của một giai đoạn thăng tiến kỹ thuật trong lĩnh vực báo chí có tác dụng cách mạng hóa nền báo chí trên toàn thế giới: các máy in ôpxet đã tạo điều kiện giảm hẳn các chi phí cơ bản và những chi phí thường nhật, cuối cùng thì kỹ thuật truyền hình ảnh qua các vệ tinh nhân tạo của Trái đất sẽ trở nên rẻ và không phức tạp, còn ngay từ bây giờ đã có thể dùng các vệ tinh nhân tạo để truyền hàng loạt

trang báo. Đối với châu Phi, những thành tựu ấy có nghĩa là sự phát triển nhanh chóng và hữu hiệu của báo chí địa phương, những thành tựu ấy, một khi do các hãng quốc tế lớn sử dụng, lại có thể biến những thành tựu ấy thành những sản phẩm không thể cạnh tranh được. Điều đó sẽ khiến cho báo chí ở những nước đang phát triển trở thành công cụ tái hiện hàng loạt - có thể với những biến thể bản địa nào đó - những tờ báo được xuất bản ở Pari, Luân Đôn hoặc ở New York. Thiết nghĩ, ngay bây giờ châu Phi đã phải có sự lựa chọn rồi: hoặc là đầu tư vào các phương tiện thông tin đại chúng, xem chúng là “những doanh nghiệp phục vụ xã hội”, hoặc là cam chịu với sự thống trị không tránh khỏi của nước ngoài trong lĩnh vực này”.

Cần nêu rõ rằng những dòng trên đây được viết ra từ năm 1966.

Dù sao đi nữa thì sau khi hệ thống thuộc địa bị sụp đổ, nền báo chí dân tộc trên lục địa này cũng đã phát triển và khắc phục những khó khăn không tưởng tượng nổi. Tự bản thân nó, quá trình phức tạp của sự hình thành các phương tiện thông tin đại chúng độc lập đã diễn ra kèm theo tình trạng bất ổn về chính trị. Tình hình này đã ảnh hưởng đến nền kinh tế, đến chính trị và tất nhiên ảnh hưởng đến cả hệ tư tưởng ở các quốc gia non trẻ. Ngoài ra còn có chủ trương của các chính quốc cũ muốn “ở lại,

nhưng không can thiệp". Tình hình đó khiến cho không có được sự giúp đỡ có chất lượng từ phía những nước đã trải qua những thời kỳ ra đời, hoàn thành và phát triển của các phương tiện thông tin đại chúng.

Các nhà nghiên cứu Nga và ngoại quốc đã và đang nêu lên rất nhiều vấn đề về quá trình phát triển của báo chí, phát thanh và truyền hình. Trước mắt các nhà khoa học là thực tế chính trị - xã hội với mối liên hệ của thực tế ấy với những xu hướng phát triển của báo chí châu Phi. Đặc biệt, người ta rất chú ý đến vấn đề xóa bỏ nạn mù chữ, những vấn đề ngôn ngữ của vùng châu Phi xích đạo.

Tạp chí *Le Courrier*, do UNESCO xuất bản, trong số tháng 8-1988 bàn về lĩnh vực xuất bản, đã nêu lên tình hình phức tạp của hoạt động báo chí nông thôn ở châu Phi.

"Ngày nay, ở châu Phi trong số 1.000 người chỉ có 15 người có thể nhận được báo hằng ngày, còn việc sử dụng báo chí làm phương tiện thông tin đại chúng thì vấp phải những vấn đề lớn, đặc biệt là ở những khu vực nông nghiệp, nơi sinh sống của 80% dân số và có đến 800 thổ ngữ. Tuy nhiên, báo chí có thể giữ vai trò quan trọng qua việc lấp đầy những chỗ trống trong lĩnh vực thông tin. Những chỗ trống này cản trở các cộng đồng nông thôn sống biệt lập không thể có được sự tham gia đầy đủ vào quá trình

thực hiện các chương trình phát triển của quốc gia, cung cấp cho các cộng đồng ấy những tài liệu bổ sung tuyệt hảo trong việc học chữ. Về lĩnh vực này, trong suốt nhiều năm UNESCO đã hợp tác với các nước thành viên, giúp họ xuất bản các tờ báo nông thôn, huấn luyện các nhà báo và cung cấp thiết bị. Một trong số những biện pháp đang được tiến hành thường xuyên là Dự án phát triển các hãng tin ở Tây Phi và Trung Phi (WANAD). Dự án này được thực hiện trên cơ sở Côtônou (Bênanh) và gồm 13 hãng tin quốc gia. Trong khuôn khổ chương trình WANAD do UNESCO thực hiện từ năm 1984 và nhận sự tài trợ của Cộng hòa liên bang Đức - người ta tiến hành đào tạo các nhà báo trong lĩnh vực quan hệ quốc tế, y tế, nông nghiệp và sinh thái. Một dự án tương tự (SEANAD) cũng đã được khởi động năm 1986 ở phía nam và phía đông châu Phi”.

Nhiều nhà nghiên cứu đã coi Bênanh là một kiểu phòng thí nghiệm để thử nghiệm những cơ cấu dân chủ khác nhau trong điều kiện châu Phi. Những cơ cấu này đã được xây dựng nên trong nhiều năm ở các nước khác nhau. Khác với những nước khác, ở Bênanh, các quá trình chuyển từ chế độ cực quyền sang chế độ dân chủ được thực hiện theo sáng kiến chủ động của các phương tiện thông tin đại chúng. Như lời nhận xét của V.N.Silôp, “Tại đây, những tư tưởng dân

chủ hóa thoát đầu được tranh cãi và được tuyên truyền mạnh mẽ trên báo chí (trước hết trên cái gọi là những ấn phẩm không chính thức mang tính chất đối sách lựa chọn), rồi sau đó mới trở thành đề tài thảo luận và đi vào thực hiện trong các tổ chức xã hội có tính chất quần chúng và trong các cơ cấu chính quyền”.

Ngày càng sâu thêm hố ngăn cách giữa các nước phát triển nhất (trước hết là những nước thành viên của Tổ chức hợp tác kinh tế, hợp tác và phát triển) và những nước đang phát triển. Chỉ số phát triển của loài người - do các chuyên gia về Chương trình phát triển của Liên hợp quốc (UNDP) soạn thảo - tính đến ba nhân tố: tuổi thọ, trình độ học vấn và thu nhập tính theo đầu người. Trong biểu đồ được soạn thảo theo những tham số ấy các nước châu Phi được xếp ở 22 vị trí cuối cùng - từ vị trí thứ 174 đến vị trí thứ 153. Cộng hòa Nam Phi vượt lên trên các nước láng giềng của mình và xếp thứ 101. Theo chỉ số của Liên hợp quốc nước Nga ở vị trí 70.

Cũng có những sự khác biệt đáng kể giữa chính các nước châu Phi. Chẳng hạn, Nigieria và Nam Phi sản xuất ra gần một nửa tổng sản phẩm quốc dân của khu vực. Kể từ đầu những năm 1990, với nguyện vọng nâng cao thu nhập tính theo đầu người và giảm tình trạng lạm phát, nhiều nước châu Phi đã bắt đầu tiến hành các cải cách quan trọng về kinh tế và cơ cấu. Chỉ

từ giữa những năm 1990 những kết quả đầu tiên mới bắt đầu biểu hiện. Tình hình kinh tế ở lục địa này đã được cải thiện: 40/48 quốc gia đã đưa mức thu nhập hàng năm tính theo đầu người tăng lên đôi chút.

Tại một số nước châu Phi ở phía nam Xahara, trong đó có Êtiôpia, mức thu nhập đã tăng từ 1% trong các năm 1992-1994 lên 5% trong những năm 1995-1998. Tại nhiều nước tổng sản phẩm quốc dân bắt đầu tăng. Tính trung bình, ở khu vực này, nạn lạm phát đã giảm từ 60% năm 1994 xuống còn 10% năm 1998.

Đáng tiếc, cho đến nay ở lục địa này nạn nghèo khổ vẫn là hiện tượng phổ biến, còn những khoản đầu tư thì không đủ. Đa số các nước vẫn phụ thuộc vào viện trợ từ bên ngoài. Ở châu Phi, muốn đạt được những chuyển biến tích cực, thấy được, cuộc đấu tranh chống nghèo khổ, ví dụ: đạt đến một nửa mức thu nhập đầu người ở các nước phát triển hiện nay thì mức thu nhập đầu người hàng năm ở châu Phi phải tăng lên chỉ ít là từ 8-9%.

Tình hình chính trị chung ở châu Phi đã phát triển đồng thời với những quá trình phức tạp diễn ra trên chính trường thế giới. Chỉ cần nêu rõ rằng đối với các phương tiện thông tin đại chúng của nước Bênanah đã được nhắc đến ở trên, thì thời kỳ những năm 1990-1991 là những năm bước ngoặt. Vào những năm đó, cùng với

những thay đổi tại các nước Đông Âu và Trung Âu, thì ở Bênanh cũng đã diễn ra những cải cách chính trị quan trọng, tạo tiền đề cho tự do báo chí và tự do ngôn luận. Trong luận án phó tiến sĩ của mình về báo chí Bênanh, nghiên cứu sinh Alêchxit Nhanghênôn nêu rõ:

“Những cải cách chính trị diễn ra ở Bênanh trong các năm 1990 - 1991 đã tạo tiền đề cho hoạt động tự do của các phương tiện thông tin đại chúng. Bước vào thời kỳ phát triển mới về chất, Bênanh trải qua thời kỳ tiến hành những cải cách sâu sắc trong lĩnh vực chính trị và kinh tế. Trong những điều kiện ấy, đại diện của các phương tiện thông tin đại chúng hoạt động trong những điều kiện khác thường đối với họ. Một số những người này làm việc với tư cách là các công chức nhà nước trong suốt nhiều thập kỷ và đã quen với việc chỉ thị hành những chỉ thị của cấp trên. Số khác thì từ lâu đã không còn tin vào báo chí như là thiết chế độc lập và đã để mất đi năng lực thể hiện tính chủ động. Số còn lại thì do kết quả của cuộc đấu tranh bất hợp pháp chống lại chính quyền cũ, cho nên họ có xu hướng ngã về một nền báo chí thỏa hiệp hơn là nền báo chí độc lập, không lệ thuộc vào các trung tâm chính trị. Quan hệ căng thẳng giữa báo chí và chính quyền đặt ra vấn đề về sự cân bằng giữa tự do và tất yếu, tự do và trách nhiệm của báo chí. Trong bối cảnh những cải cách

chính trị và kinh tế đang diễn ra ở Bênanh người ta thấy nảy sinh sự cần thiết phải tiến hành một cuộc cải tổ cơ cấu của báo chí, xét từ góc độ phát triển dân tộc học - ngôn ngữ và kinh tế - xã hội. Sự củng cố hơn nữa các thiết chế dân chủ gắn với việc thu hút đông đảo các tầng lớp dân cư vào cuộc thảo luận xã hội. Tuy nhiên, trong điều kiện mở rộng cơ chế thị trường thì sự tồn tại của các ấn phẩm khác nhau (những ấn phẩm chính thức và những ấn phẩm có tính chất đối sách) đã trở nên cực kỳ khó khăn”.

Tác giả nêu rõ rằng từ năm 1960, khi ở đất nước Bênanh đã thông qua đạo luật về báo chí, thì đời sống chính trị - xã hội của đất nước này đã trải qua những thay đổi sâu sắc. Trong suốt một thập kỷ, báo chí thường xuyên trải qua những khuynh hướng phức tạp và đầy mâu thuẫn của giai đoạn lịch sử hậu thuộc địa của đất nước. Trong bối cảnh diễn biến tình hình chính trị - xã hội của Bênanh vào đầu những năm 1990 đã xuất hiện những điều kiện mới cho hoạt động của báo chí. Sự xuất hiện của những ấn phẩm mới mang tính chất đối sách lựa chọn, - sau nhiều thập kỷ nhà nước nắm độc quyền về báo chí, - đã có ảnh hưởng lớn đến đời sống chính trị - xã hội của đất nước. Những ấn phẩm độc lập như: *Gazette du Golf* và *Jam Tam Express*, đã đóng vai trò đáng kể trong việc nâng cao tính tích cực chính trị của nhân dân

lao động và của thanh niên, cũng như trong việc hình thành những cơ cấu chính trị mới. Qua phân tích các đặc điểm của địa vị pháp lý của báo chí ở Bênanh ta thấy rằng đạo luật về báo chí đã củng cố phương pháp đăng ký sở hữu báo hoặc tạp chí để cho mỗi công dân đều có thể sở hữu tờ báo hoặc tờ tạp chí mà không gặp trở ngại của phía chính quyền. Những điều khoản đầu tiên của đạo luật này khẳng định rằng tự do báo chí trước hết có nghĩa là tự do của các phương tiện sản xuất và tự do phát hành các sản phẩm đã được sản xuất ra. Vì vậy, không thể tồn tại chế độ nhà nước nắm độc quyền các nhà xuất bản và các xí nghiệp in ấn. Qua việc phân tích quan hệ giữa báo chí và chính quyền ta thấy rằng do những nguyên nhân lịch sử gắn với những hậu quả tiêu cực của những năm trước kia, cho nên trong cơ quan chính quyền và trong các cơ quan nhà nước người ta không cung cấp thông tin cho các nhà báo. Do sự chưa hoàn hảo của đạo luật này, nhiều khi các nhà báo bị từ chối cung cấp các thông tin cần thiết, núp dưới những cái cớ khác nhau. Mặc dù nhìn chung, đạo luật ấy đáp ứng chủ thuyết thông tin tự do, nhưng nó cần được tiếp tục hoàn thiện nhằm mục đích mở rộng các quyền của nhà báo trong quá trình thu thập thông tin, bởi vì những thông tin chính xác chỉ có thể thu thập được từ một nguồn chuẩn xác.

Lịch sử thời kỳ hậu thuộc địa của báo chí Bénanh đã chứng minh rằng sự tồn tại của đạo luật về báo chí chưa phải là sự đảm bảo tự do phổ biến tư tưởng của con người, nếu không tồn tại quyền tự do cần thiết về chính trị. Điều này có nghĩa là hiệu lực của đạo luật về báo chí phụ thuộc vào các thành phần trong chính quyền hành pháp và lập pháp ủng hộ đến mức độ nào những lý tưởng đã ghi trong nội dung cơ bản của đạo luật đó. Trong quá khứ, chính quyền xuất phát từ quan điểm cho rằng báo chí phải phục vụ lợi ích của các cấp lãnh đạo. Ngày nay các đại diện của chính quyền nhận thức được vai trò và ý nghĩa của hoạt động tự do báo chí trong việc củng cố quá trình dân chủ và tính chất không thể đảo ngược của quá trình ấy. Những sai phạm được nêu ra của cả hai phía đại diện báo chí và chính quyền trước hết đều bắt nguồn từ tình trạng không có các truyền thống của một nền báo chí dân chủ. Không nghi ngờ gì nữa, theo đà phát triển của báo chí, Bénanh sẽ hình thành cả văn hóa giao tiếp cần thiết ở những đại diện khác nhau của đời sống chính trị - xã hội.

Sự tồn tại của nhiều ngôn ngữ trên lục địa châu Phi là rào cản nặng nề đối với sự phát triển của báo chí. Trong điều kiện như vậy ngôn ngữ của những nước thực dân cũ tự động trở thành ngôn ngữ giao tiếp giữa các dân tộc. Tuy nhiên, một tỷ lệ lớn trong dân cư không thể sử

dụng các tiếng nước ngoài, trước hết vì họ không biết chữ. Với tư cách là nhân tố chủ yếu chứa đựng tư tưởng của con người, ngôn ngữ là bộ phận không tách rời của thông tin. Việc thu hút các tầng lớp dân cư khác nhau tham gia vào quá trình thông tin gắn với việc nâng cao trình độ văn hóa của dân chúng.

Dân chủ hóa các quá trình thông tin ở châu Phi gắn với quá trình xóa nạn mù chữ trong dân cư. Tại nhiều nước trước những năm 1990 đã thực hiện chủ trương đưa 100% trẻ em đến trường học. Đó là con đường thực tế để dần dần xóa nạn mù chữ trong thanh thiếu niên. Nếu làm tốt điều này, tất sẽ làm tăng số lượng độc giả tiềm tàng. Tiếc thay, nhiều chương trình dạy văn hóa ở châu Phi đã bị chấm dứt.

Quá trình trao đổi thông tin không chỉ bao hàm sự tồn tại của thông tin và những khả năng chuyển tải. Cần làm sao để mọi người hiểu rõ người đưa ra thông tin. Các ý tưởng và tư tưởng được chuyển tải ở cấp độ tri thức và cảm xúc. Tư tưởng được chuyển tải bằng lời nói, còn lời nói lại được hình thành trước hết bằng từ. Mỗi từ đều có một ngữ nghĩa nhất định biểu thị một nội dung và ý nghĩa cụ thể. Trong quá trình thông tin, công chúng nhận thức thông qua ngữ nghĩa của từ vựng. Điều cần thiết là làm sao để giữa người cung cấp thông tin và công chúng, các từ ngữ đều có cùng một ý nghĩa. Tuy nhiên, ở một

số nước châu Phi từ vựng chính được mọi người cùng sử dụng lại bắt nguồn từ các giới trí thức. Để số dân chúng không biết chữ tiếp cận được với những sự kiện đang diễn ra, thì cần phải dịch những từ ngữ chuyển tải thực tế chính trị, kinh tế và văn hóa - xã hội từ ngôn ngữ giao tiếp chung cho các quốc gia - đó là ngôn ngữ của những nước thực dân cũ - ra các ngôn ngữ địa phương. Những từ ngữ và những cụm từ như: phục hưng dân chủ, chế độ đa đảng, nhà nước pháp quyền, đổi mới nền kinh tế, tư hữu hóa, chương trình thoát ra khỏi khủng hoảng kinh tế, các đối tác phát triển, các nhà cung cấp tín dụng nước ngoài và các nhà đầu tư nước ngoài, tự do ngôn luận, tự do báo chí, quyền con người và những từ ngữ khác thường không tồn tại trong các ngôn ngữ dân tộc. Qua phân tích ngữ nghĩa các từ vựng chính trị - xã hội được sử dụng trên các phương tiện thông tin đại chúng người ta thấy rằng thành phần từ của các ngôn ngữ địa phương bị tụt hậu đáng kể so với thực tế đời sống chính trị - xã hội. Sở dĩ như vậy là vì những từ ngữ được sử dụng rộng rãi trong các phương tiện thông tin đại chúng lại không có những từ đồng nghĩa tương ứng và những từ thay thế trong các ngôn ngữ địa phương. Hậu quả là đã có những hiện tượng bóp méo đáng kể những thông tin được chuyển tải trên đài phát thanh và đài truyền hình quốc gia. Có hai con

đường giải quyết vấn đề này: tiếp tục hoàn thiện hơn nữa các ngôn ngữ địa phương để khắc phục các rào cản về ngữ nghĩa - từ vựng, hoặc là chuyển sang sử dụng ngôn ngữ của các nước thực dân cũ. Nhiều nước thuộc vùng châu Phi xích đạo đã lựa chọn con đường thứ hai.

Ngoài tình trạng phân tán về ngôn ngữ và tình trạng mù chữ, thì một trong những nguyên nhân khiến cho báo chí kém phát triển ở khu vực châu Phi xích đạo là: không có truyền thống đọc sách báo. Sở dĩ như vậy là vì các dân tộc có nền văn minh truyền khẩu - đa số các dân tộc bản xứ ở châu Phi thuộc vào diện này - có thái độ hoàn toàn xa lạ đối với báo chí, xét trên góc độ văn hóa và tâm lý - xã hội, không giống thái độ của các dân tộc có nền văn minh chữ viết. Có nhiều người biết đọc và biết viết, có khả năng kinh tế để mua sách, báo hoặc tạp chí, nhưng họ không mua những thứ đó, vì họ coi đọc sách báo là một việc hết sức trí thức, thậm chí là một công việc bàn giấy. Nhất là báo chí thường lại được xuất bản bằng tiếng nước ngoài.

Trong điều kiện những cải cách thị trường đang diễn ra ở nhiều nước châu Phi thì sự tồn tại của từng ấn phẩm đã trở nên cực kỳ phức tạp do cạnh tranh ngặt nghèo và do những đặc điểm của thị trường. Tình trạng nhiều ấn phẩm biến mất khỏi thị trường báo chí trong một thời gian ngắn chứng tỏ rằng sự tồn tại của một

doanh nghiệp báo chí đòi hỏi không chỉ về thiết bị kỹ thuật, cán bộ báo chí, mà còn phải có những kiến thức kinh tế về hoạt động xuất bản báo chí. Thị trường báo chí vẫn chưa được lấp đầy tối đa. Tuy vậy, việc lập ra những ấn phẩm mới lại cực kỳ phức tạp. Sở dĩ như vậy, vì báo không phải là nhu yếu phẩm, vì báo chí là mặt hàng của những người có mức thu nhập tương đối cao. Thường thường dân chúng tăng chi tiêu mua sắm những mặt hàng nào đó lại phụ thuộc vào sức mua của các công dân nói chung và phụ thuộc vào giá cả của các mặt hàng tiêu dùng phổ biến trong một thời gian nào đó. Tình hình chung trên thị trường có thể thay đổi và sẽ làm thay đổi thái độ của các khách hàng tiềm tàng của một ấn phẩm nào đó.

Sở dĩ ấn phẩm có giá cao là vì chi phí sản xuất báo chí rất lớn. Châu Phi phụ thuộc nhiều vào nhập khẩu kỹ thuật ấn loát và giấy. Tình trạng số lượng phát hành không lớn hầu như phổ biến của các ấn phẩm đã không cho phép giảm chi phí sản xuất tính trên 1 bản in. Tình trạng thị trường yếu kém và không tồn tại những cơ cấu, cơ chế hiện đại trong việc thu hút các phương tiện quảng cáo vào lĩnh vực báo chí - đó là những vấn đề hết sức gay gắt trong lĩnh vực phát triển báo chí.

Trong điều kiện của châu Phi, đài phát thanh là phương tiện thông tin đại chúng dễ tiếp cận

nhất, bởi vì truyền thống truyền khẩu đã củng cố một thái độ tâm lý - văn hóa nhất định đối với đài phát thanh, còn những chiếc đài thu thanh thực ra có giá bán vừa túi tiền của mọi người, không như các tờ báo và những máy thu hình đắt tiền.

Truyền hình vẫn là phương tiện thông tin dành cho đẳng cấp thượng lưu tại nhiều nước thuộc châu Phi xích đạo. Khác với hoạt động phát thanh, việc thành lập các trung tâm truyền hình và các chương trình truyền hình đòi hỏi chi phí lớn, còn việc mua sắm máy thu hình thì không phải hợp túi tiền của mọi gia đình.

Quá trình củng cố hơn nữa vai trò của báo chí trong đời sống chính trị - xã hội của các nước châu Phi có liên quan đến việc mở rộng cơ sở pháp lý của báo chí. Diễn biến chính trị - xã hội ở các nước thuộc khu vực này phụ thuộc nhiều vào mức độ “quyền lực thứ tư” sẽ hoàn thành các chức năng của mình đến đâu. Sau khi Liên Xô sụp đổ và bắt đầu diễn ra quá trình cải cách thị trường ở các nước xã hội chủ nghĩa cũ thì “quy luật con lắc” đã buộc chính phủ của nhiều nước trên lục địa này phải xét lại thái độ của mình đối với chủ nghĩa xã hội và cuối cùng là đối với tất cả các giá trị gắn với hệ thống chính trị này. Nhằm mục tiêu “đoàn kết dân tộc” người ta bắt đầu đóng cửa các trường giảng dạy bằng các ngôn ngữ dân tộc. Các báo, tạp chí, đài phát

thanh và truyền hình đều chuyển sang các ngôn ngữ châu Âu.

Những quyết định này được chính quyền các nước đưa ra chủ yếu theo sự gợi ý của các phương tiện thông tin đại chúng. Trong một số trường hợp những phương tiện thông tin đại chúng thực hiện đơn đặt hàng xã hội. Ông Abubaca Sâykhơ Ratgiáp, một trong số những nhà nghiên cứu báo chí Đông Phi, trong bài tóm lược luận án phó tiến sĩ đã nêu rõ: “Những thay đổi dân chủ trong xã hội luôn luôn dẫn đến sự ra đời của những tờ báo, tạp chí các đài phát thanh và đài truyền hình độc lập với nhà nước về mặt tổ chức. Tuy nhiên, có những lực lượng xã hội và chính trị nhất định nào đó mang ý đồ sử dụng chúng để thao túng ý thức của đông đảo quần chúng nhân dân. Điều này không thể không đe dọa các lý tưởng của dân chủ. Mặc dù đã thông qua các quy định của luật pháp tuyên bố tự do ngôn luận và tự do báo chí, song vẫn tồn tại các rào cản nghiêm trọng trong việc thực hiện các quyền công dân trong việc tiếp cận và sử dụng thông tin. Điều này đặc biệt biểu hiện rõ ở các nước Đông Phi trong thập kỷ gần đây, khi bắt đầu xuất hiện những ấn phẩm không phải của nhà nước. Tại những nước này, báo chí và chính phủ luôn ở trong các quan hệ căng thẳng, buộc tội nhau là vi phạm luật pháp, xuyên tạc thông tin, tổ chức những vụ lộn xộn

xã hội. Cho đến nay, đôi khi việc phê phán và vạch trần những sai lầm của các nhà hoạt động nhà nước là việc làm nguy hiểm. Đồng thời cũng diễn ra cuộc đấu tranh giành quyền kiểm soát các phương tiện thông tin đại chúng, thường xuyên diễn ra những cuộc tranh luận về trách nhiệm của báo chí và về vấn đề nên áp dụng những hạn chế như thế nào đối với các phương tiện thông tin đại chúng. Còn các ban biên tập ở những ấn phẩm thuộc sự kiểm soát của tư nhân thì bảo vệ quyền của mình đưa ra những ưu tiên trong khi thông tin về các sự kiện, trong đó kể cả đưa tin về các sự kiện chính trị”.

Trong điều kiện khủng hoảng kinh tế sâu sắc diễn ra ở một loạt nước trên lục địa này, các giới cầm quyền cho rằng vì mục tiêu tối thượng là đẩy nhanh sự phát triển kinh tế - xã hội thì không tránh khỏi việc hạn chế các quyền công dân và các quyền chính trị, cho nên họ đã phần nào áp dụng chính sách khủng bố, bắt đầu gây áp lực lên phái độc lập và các phương tiện thông tin đại chúng. Nếu nói đến các nước Đông Phi thì ở Kênia và Tandanía đã thiết lập chế độ một đảng, còn ở Uganda thì trong nhiều năm dưới sự thống trị của chế độ quân phiệt khủng bố Iđa Amin. Mọi mưu toan phê phán chính sách của chính phủ đều bị xem là hành động chống lại toàn thể dân tộc. Hậu quả là các phương tiện thông tin đại chúng đã biến thành phương tiện

đặc thù để cai trị, là phương tiện chỉ đến được với một tầng lớp hẹp gồm các đại diện của quyền hành pháp.

Như lời nhận xét của ông Abubaca Sâykhô Ratgiáp được nhắc đến ở trên đây, đã xuất hiện ba quan điểm về định hướng phát triển của các phương tiện thông tin đại chúng. Quan điểm thứ nhất cho rằng các phương tiện thông tin đại chúng có thể được sử dụng để đảm bảo đầy đủ nhất những nhu cầu cơ bản nhằm đẩy nhanh sự phát triển của các quốc gia. Quan điểm thứ hai thì cho rằng chưa thể hậu thuẫn cho tự do báo chí vì cơ sở hạ tầng của các phương tiện thông tin đại chúng còn chưa phát triển, thiếu các nguồn lực công nghiệp và văn hóa, thiếu cán bộ nghiệp vụ... Vì thế, các phương tiện thông tin đại chúng phải tập trung vào những thông tin tích cực, bỏ qua những hiện tượng tiêu cực trong thực tại xã hội, ủng hộ ý thức hệ và chính sách của chính phủ. Đồng thời, sự hạn chế tính chất đa nguyên của các phương tiện thông tin đại chúng được biện minh bởi nạn mù chữ và trình độ thấp về giác ngộ chính trị của đa số dân chúng: những nguồn thông tin khác nhau hoặc những ý kiến mâu thuẫn trên các phương tiện thông tin đại chúng có thể gây ra sự bối rối trong xã hội và gây khó khăn cho việc thực hiện nhiệm vụ chính yếu trong đường lối phát triển đất nước. Quan điểm thứ ba thì, bên cạnh nhu

cầu phát triển kinh tế, còn thừa nhận ý nghĩa của phẩm giá con người, quyền của công dân được tự do bày tỏ ý kiến, được tham gia vào những cuộc tranh luận. Hoạt động thực tiễn của các phương tiện thông tin đại chúng lại khác đôi chút so với những sơ đồ tư biện ấy. Ví dụ, việc áp dụng các quan hệ thị trường trong các phương tiện thông tin đại chúng và việc tăng cường sự kiểm soát của nhà nước đối với các phương tiện ấy đã ảnh hưởng tiêu cực đến tự do báo chí và tự do ngôn luận. Ngoài ra, báo chí còn chịu ảnh hưởng từ hậu quả của cuộc khủng hoảng hệ thống tại các nước châu Phi như: tình trạng nghèo khổ, tham nhũng, cơ sở hạ tầng xã hội bị phá huỷ, nạn thất nghiệp, tình trạng kém hiệu quả trong các lĩnh vực ngân hàng và tài chính, v.v.. Sau mười năm cải cách dân chủ vẫn chưa thấy có những thay đổi căn bản đối với các phương tiện thông tin đại chúng. Chỉ có một bộ phận báo chí độc lập cố gắng cung cấp cho đông đảo công chúng những thông tin khách quan và đa dạng.

Chế độ kiểm soát của nhà nước, cũng như các lợi ích kinh tế của giới chủ sở hữu các phương tiện thông tin đại chúng đã có ảnh hưởng đến tình hình tự do ngôn luận.

Tại các nước Đông Phi - Kênia, Uganda và Tandania - Hiến pháp đảm bảo quyền tự do bày tỏ ý kiến. Tuy nhiên, quyền hành pháp cố hạn

chế những lời chỉ trích của các nhà báo, đưa ra luận cứ cho sự cần thiết ấy, cho rằng làm như vậy có thể đưa đến tình trạng bất ổn chính trị - xã hội, đe dọa đến chủ quyền quốc gia. Đạo luật về tội vu khống, Đạo luật về hành động tuyên truyền chống nhà nước và Đạo luật an ninh quốc gia đã hạn chế tự do ngôn luận, - điều đã được quy định trong Đạo luật về các phương tiện thông tin đại chúng. Chẳng hạn, trong các vụ án kiện về hành động vu khống, ngoài các bị cáo chủ yếu là các tác giả, thì tổng biên tập, các chủ nhân của tờ báo và các cửa hàng bán sách, các doanh nghiệp bán sỉ cũng bị truy cứu trách nhiệm. Đồng thời, ban biên tập của tờ báo chịu hình phạt nghiêm khắc hơn là mỗi cá nhân nhà báo. Theo luật pháp, không được phép công bố các sự việc thuộc đời tư của các quan chức nhà nước, ngay cả nếu họ bị lập hồ sơ hình sự. Năm 1995, Ủy ban quốc gia về an toàn của các nhà báo đã tìm cách phản đối ba đạo luật đàn áp tự do báo chí, nhưng sau đó hai năm, vào năm 1997, Tòa án Hiến pháp của nước này đã bác những đơn thỉnh nguyện ấy.

Tại Tanzania trở ngại chủ yếu đối với tự do ngôn luận và tự do báo chí là Đạo luật báo chí, được thông qua năm 1976. Trong đạo luật này còn nhiều khía cạnh đàn áp của văn bản sắc lệnh báo chí trước đó, được thiết lập từ những năm 1940-1950 trong thời kỳ thuộc địa. Đạo luật

báo chí xác định phạm vi những đòi hỏi đối với các ban biên tập. Vì phạm những đòi hỏi này sẽ bị phạt tiền, bị bỏ tù, bị thu hồi giấy đăng ký hoạt động của ấn phẩm. Những đạo luật tương tự cũng đang có hiệu lực cả ở Kênia.

Sự hình thành các phương tiện thông tin đại chúng điện tử ở các nước Đông Phi được đánh dấu bởi mức độ kiểm soát cao của nhà nước thông qua cơ chế điều chỉnh và cấp giấy phép hoạt động. Sự điều chỉnh hoạt động trong lĩnh vực phát thanh - truyền hình dựa trên lý thuyết cho rằng băng tần điện tử (tần số sóng điện từ) thuộc về nhân dân mà đại diện là các chính phủ. Các chính phủ phân bổ các tần số phát sóng và đưa ra những hạn chế về phát sóng. Trong lĩnh vực này người ta sử dụng những hình thức và những phương pháp rất đa dạng. Chẳng hạn, Chính phủ Kênia tìm cách trở thành cổ đông đối tác của các doanh nghiệp thông tin không phải của nhà nước: hiện nay những quan hệ tài chính kiểu ấy đang tồn tại trong 5 đài truyền hình, còn nguồn thông tin chủ yếu của 20 triệu dân Kênia là các đài phát thanh thì cũng bị một cơ quan kiểm duyệt đặc biệt kiểm soát. Người ta thậm chí cấm cả một bài hát có nội dung khêu gợi hoặc có lời lẽ phê phán chính quyền. Ở Uganda, để tạo ra ảo tưởng về sự hợp tác giữa chính quyền và các phương tiện thông tin đại chúng, Tổng thống I.Muxêvêni thường

xuyên tiến hành “đối thoại báo chí” với các tổng biên tập. Nội dung các cuộc đối thoại không được công bố trên báo chí. Cho nên các khán giả truyền hình, do không được thấy họ, mà nay chỉ thấy các tổng biên tập – những người mà trước đó vẫn được khán giả biết đến là những người chống lại Tổng thống Muxêvêni - dùng bữa tối và tươi cười với Tổng thống chung quanh cùng một chiếc bàn. Cho nên khán giả bị mất niềm tin vào các phương tiện thông tin đại chúng và buộc tội họ là giả dối. Mặc dù hiến pháp của Tandia đảm bảo quyền tự do bày tỏ ý kiến, nhưng luật pháp nước này không nhắc đến tự do báo chí. Tình hình này dẫn đến một sự điều chỉnh độc đáo bằng cơ chế cấp giấy phép: người ta cấp giấy phép cho những ai tránh chỉ trích chính quyền, và trì hoãn không cấp phép hoạt động, nếu đưa ra những lời chỉ trích như vậy. Sau năm 1993 đã xuất hiện các phương tiện thông tin đại chúng điện tử không phải của nhà nước: 12 đài truyền hình và 8 đài phát thanh. Ủy ban về các vấn đề phát thanh - truyền hình của Tandia, trước khi cấp giấy phép hoạt động cho đài phát thanh hoặc truyền hình, phải tin chắc rằng phía xin cấp giấy phép phát sóng sẵn sàng phục vụ lợi ích của xã hội. Giấy phép có hiệu lực với thời hạn 3 năm (cho đài phát thanh) và 5 năm (cho đài truyền hình) và quy định khu vực phát sóng tối đa - không quá 25% lãnh thổ của đất nước. Kết quả là

trước hết các hãng phát thanh truyền hình của chính phủ - đối với họ không áp dụng giới hạn 25% lãnh thổ của đất nước - có được điều kiện ảnh hưởng đến ý thức của dân chúng (25 triệu thính giả của các đài phát thanh và chừng 3 triệu khán giả truyền hình).

Áp lực của chính quyền đối với với các phương tiện thông tin đại chúng được thể hiện không chỉ thông qua những hành động truy nã tại tòa án, mà còn thông qua hệ thống biểu giá, thuế nhập khẩu giấy, thiết bị ấn loát, máy móc, giấy phép hoạt động báo chí, cung cấp các đơn đặt hàng quảng cáo của chính phủ dành cho các phương tiện thông tin đại chúng, các khoản tiền phạt.

Tại châu Phi, ở phía nam sa mạc Xahara các phương tiện thông tin đại chúng điện tử phát triển một cách khá độc đáo.

Do những nguyên nhân kể trên, lĩnh vực phát thanh là lĩnh vực phát triển nhất. Theo các số liệu của UNESCO, tính đến giữa những năm 1990, cứ 100 dân thì có 18 máy thu thanh, và cứ 100 dân thì có 3,5 máy thu hình và 0,31 máy tính. Ở phía Nam sa mạc Xahara có 60% dân chúng nông thôn tiếp cận được các chương trình phát thanh, trong khi ấy các khán giả truyền hình lại chủ yếu là dân thành thị. Trong số những đài phát thanh khổng lồ thì phổ biến nhất là BBC, phát sóng ở 25 nước và 46 thành phố thuộc khu vực này.

Loại hình phát thanh - truyền hình kỹ thuật số qua vệ tinh có những triển vọng lớn và đang phát triển khá thành công. Vì ở các nước châu Phi truyền hình là hình thức thông tin dành cho đẳng cấp thượng lưu, cho nên loại hình truyền hình vệ tinh cũng mang tính chất như vậy: chỉ những người khá giả mới có thể tự cho phép mình lắp đặt thiết bị tương ứng và trả tiền thuê bao.

Sự phát triển của các công nghệ Internet đang diễn ra nhanh chóng, trong đó có những ấn bản điện tử. Số lượng các tờ báo truyền thông và tờ báo điện tử phát triển với những nhịp độ khác nhau, hơn nữa, những ấn phẩm điện tử vượt xa, về nhịp độ phát triển, các ấn phẩm truyền thống. Tình trạng không có một mạng lưới liên lạc điện thoại được tổ chức tốt ở lục địa này đã tạo cho châu Phi có được điều kiện vô song - nhờ áp dụng các hệ thống thông tin mới nhất bằng vệ tinh - giảm được nhiều khoảng cách lạc hậu so với các nước phát triển trong lĩnh vực thông tin - liên lạc. Nhân tố quyết định sự phát triển của các phương tiện thông tin đại chúng ở “Lục địa đen” là cơ sở hạ tầng phát triển kém và tình trạng lạc hậu về kinh tế của các nước ở phía nam sa mạc Xahara, là những quá trình chính trị - xã hội phức tạp và cơ cấu có sẵn của các phương tiện thông tin đại chúng. Các công nghệ báo chí chậm phát triển do nạn mù chữ của dân chúng và do

trong khu vực này tồn tại rất nhiều ngôn ngữ địa phương cho nên các tờ báo và tạp chí thường hay xuất bản bằng các thứ tiếng châu Âu. Việc xuất bản những ấn phẩm này thường bị nhà nước kiểm soát ngặt nghèo, giấy và các thiết bị ấn loát đều phải nhập khẩu, còn truyền thông truyền khẩu coi việc đọc sách báo là những hình thức hoạt động “bàn giấy”. Sau năm 1990, các đài phát thanh - là loại hình thông tin đại chúng phát triển nhất - đã bắt đầu ít chú ý hơn đến những chương trình phát thanh bằng các ngôn ngữ địa phương, nhưng vẫn tiếp tục phát triển nhanh chóng. Truyền hình và các công nghệ máy tính vẫn tiếp tục là những hình thức thông tin dành cho tầng lớp thượng lưu.

III. BÁO CHÍ CÁC NƯỚC BẮC PHI VÀ CẬN ĐÔNG TRONG NHỮNG ĐIỀU KIỆN HIỆN NAY

Hoạt động của các phương tiện thông tin đại chúng ở các nước Bắc Phi và Cận Đông được quyết định bởi tính chất quan trọng của những quyền lợi địa - chính trị của các cường quốc hàng đầu trên thế giới tại khu vực này. Sau khi đa số các nước này giành được độc lập và sau khi nước Anh rút khỏi các thuộc địa “ở phía đông kênh đào Suez” thì có 4 vấn đề quan trọng nhất thu hút sự chú ý chăm chú nhất của các phương tiện thông tin đại chúng.

Thứ nhất, đó là vấn đề thống nhất Arập.

Thứ hai, đó là quan hệ Arập - Ixraen.

Thứ ba, đó là cách mạng Hồi giáo ở Iran và những hệ quả lâu dài của nó.

Thứ tư, đó là vấn đề Tây - Bắc Phi.

Vấn đề thống nhất thế giới Arập có thể được trình bày một cách có sức thuyết phục nhất qua sử mạng lịch sử của báo chí định kỳ ở Yêmen. Chính báo chí đã đóng vai trò xuất sắc trong việc thống nhất Bắc và Nam, chính báo chí đã giương cao ngọn cờ đấu tranh vì sự thống nhất thế giới Arập. Trong luận án phó tiến sĩ của Xalim Ôma Al.Nagarơ có nhan đề "Báo chí của Yêmen trong thế kỷ XX: Các giai đoạn chủ yếu và những xu hướng phát triển", tác giả đã phân tích ngược thời gian về quá trình phát triển của báo chí, xác định vai trò của báo chí định kỳ trong việc thống nhất miền Bắc và miền Nam, cũng như trong việc giải quyết những nhiệm vụ bức thiết khác.

Đặc biệt, tác giả nêu rõ rằng báo chí ở miền Bắc cũng như miền Nam Yêmen đã đóng vai trò xuất sắc trong sự nghiệp giải phóng dân tộc và thống nhất đất nước. Cuộc đấu tranh ấy đòi hỏi phải phát triển nền báo chí mà trước năm 1940 còn ở trong trạng thái phôi thai.

Ở Bắc Yêmen các lực lượng chính trị khác nhau, trong đó có những đại diện của đẳng cấp cầm quyền được theo học ở ngoại quốc, đã đấu

tranh nhằm đưa đất nước Yemen thoát khỏi quyền lực của các thủ lĩnh Hồi giáo. “Các sĩ quan tự do” đã sử dụng sức mạnh của các phương tiện thông tin đại chúng trong phong trào đổi lập, đặt cơ sở các ấn phẩm của mình ở miền Nam đất nước. Chống lại các sĩ quan này là các phương tiện thông tin đại chúng do chế độ Imam của các thủ lĩnh Hồi giáo lập ra và tài trợ. Trước năm 1962, trước khi chính quyền Imam bị lật đổ, ở miền Bắc Yemen có rất ít cơ quan báo chí đổi lập được xuất bản. Hầu như tất cả các ấn phẩm đổi lập đều được xuất bản ở Nam Yemen. Mặt khác, các nhà báo Nam Yemen đã từng ủng hộ “Mặt trận dân tộc” và “Mặt trận giải phóng” và hoạt động cho các ấn phẩm đổi lập của miền Bắc với những bài viết chống chế độ thuộc địa.

Thực tế trên cho phép xem báo chí Yemen thời kỳ ấy là phong trào duy nhất mà cơ sở nội dung của nó là những sắc thái khác nhau của cuộc đấu tranh giải phóng: ở Bắc Yemen, đó là các ấn phẩm có định hướng chống chế độ Imam, còn ở Nam Yemen thì các ấn phẩm mang định hướng chống thực dân.

Những đặc điểm phát triển của báo chí Yemen đã góp phần bảo lưu một số thể loại mà theo chuẩn mực hiện nay thì đã lỗi thời. Ví dụ: thể loại “zamin” bắt nguồn từ những truyện thơ kể về các sự kiện, do các nhà thơ xướng ca trong cung đình của vua chúa. Trên thực tế, cho đến

nay tất cả các ấn phẩm định kỳ của các nước Arập đều rất chú ý đến các thể loại văn học, trong đó có thơ.

Các quá trình chính trị phức tạp diễn ra ở hai miền của đất nước này đã dẫn đến sự xuất hiện các hình thức và các loại hình khác nhau trong lĩnh vực phương tiện thông tin đại chúng. Các phương tiện thông tin đại chúng này đi theo các chủ thuyết chính trị đa màu sắc và thể hiện ý nguyện của tất cả các tầng lớp dân cư trong xã hội Yêmen. Báo chí của các chính đảng và các tổ chức xã hội lẫn át các ấn phẩm “phi đảng phái”. Điều này đáp ứng các đòi hỏi của thời đại. Sau khi giữ vai trò quan trọng trong sự nghiệp giải phóng miền Bắc cũng như miền Nam, báo chí tiến bộ của đất nước đã hoạt động đấu tranh cho sự nghiệp thống nhất Yêmen thành một quốc gia thống nhất. Được như vậy, ở mức độ không nhỏ, là nhờ các phương tiện thông tin đại chúng đã chú ý đến các vấn đề về thống nhất.

Tạp chí đã đóng vai trò to lớn trong việc thống nhất đất nước là tạp chí *Al Shiemar Yemenia* (“Sự thông thái của Yêmen”). Tạp chí này đã đấu tranh triệt để vì sự thống nhất của đất nước và của toàn thế giới Arập. Tư tưởng này lần đầu tiên được phản ánh trên các trang của tạp chí này ngay từ năm 1938, vào thời kỳ Nam Yêmen còn nằm dưới ách thống trị của thực dân Anh và Bắc Yêmen thì nằm dưới quyền cai

trị của các Imam (các thủ lĩnh Hồi giáo). Ban biên tập tạp chí này đã có công lao to lớn là thường xuyên nhấn mạnh sự thống nhất của các nhà văn và nhân dân ở cả hai miền của đất nước.

Trong lịch sử báo chí Yêmen có không ít trang ghi nhận cuộc đấu tranh vì sự thống nhất đất nước đã diễn ra song song với các khuynh hướng thống nhất toàn thế giới Arập. Ngoài tạp chí *Al Shiemar Yemenia* đã nhắc đến trên đây, thì các nhà báo của tờ *Al Saura* và của các ấn phẩm khác cũng thực hiện công tác tuyên truyền và giáo dục theo hướng đó.

Vai trò quan trọng của báo chí Yêmen trong sự nghiệp thống nhất còn được chứng minh qua thực tế là trong thời kỳ phát triển gặp khủng hoảng thì các lực lượng chính trị đối lập đã có đủ sức mạnh để ký kết một số thoả thuận, đặc biệt là những thoả thuận thể chế hóa hoạt động của các phương tiện thông tin đại chúng nhằm chấm dứt sự đối đầu bằng quân sự.

Sự cần thiết thực hiện một sự thống nhất thế giới Arập là vấn đề được nêu lên một cách nổi bật trong các bài vở, trên thực tế, nó được đăng tải trên tất cả các phương tiện thông tin đại chúng Arập trong khi đưa tin về cuộc xung đột Arập - Ixraen. Chúng tôi xin dẫn ra ví dụ về tờ báo của Gioócđani *Al Dustour* ("Hiến pháp"), trong đó đề tài Cận Đông chiếm một vị trí đặc biệt. Tờ báo này đã và đang dành rất nhiều sự

chú ý cho cuộc đấu tranh đòi trả lại cho người Arập những lãnh thổ bị chiếm đóng. Các bài vở trên báo này dành vị trí đặc biệt cho các vấn đề liên quan đến bờ Tây sông Gioócđan. Vấn đề này gắn chặt với vấn đề Palestín được trình bày trên tờ *Al Dustour*. Báo này đăng nhiều tài liệu về quan hệ với Ixraen. Tất cả những tài liệu ấy mang định hướng phê phán rất rõ. Lên án chính sách đối nội và đối ngoại của Ixraen. Nhiều khi báo này còn sử dụng cả những bài vở của báo chí Ixraen để phân tích tình hình.

Nhà nghiên cứu khác về báo chí Gioócđani là ông Hasem Al Tavin cũng phân tích vấn đề nền dân chủ đại nghị và báo chí, nhưng ông dành không ít sự chú ý vào cuộc xung đột Cận Đông qua việc dựa trên những bài vở đăng trên tuần báo *Al Raee* ("Dư luận"). Tác giả đưa ra những ý kiến tổng hợp rộng rãi liên quan đến toàn bộ báo chí Arập. Ông nêu rõ: "Chính quyền luôn luôn mở rộng phạm vi những vấn đề bị cấm đề cập đến và giải thích. Tuy nhiên, các nhà báo cũng được phép giám sát việc các bộ, ngành thực hiện các dịch vụ xã hội. Điều này hoàn toàn đáp ứng các mục tiêu của chính quyền trong việc kiểm soát hoạt động của các bộ, ngành."

Ở những nước Arập, giới cầm quyền có xu hướng độc quyền sở hữu các công cụ và các phương tiện định hướng thông tin và định hướng văn hóa, độc quyền soạn thảo chính sách thông

tin và giới cầm quyền chỉ đạo việc thực hiện chính sách ấy.

Chính quyền thực hiện một chế độ kiểm soát đầy đủ đối với đội ngũ cán bộ thông tin và trồng cây vào lòng trung thành tuyệt đối của họ với chính quyền. Người ta thông qua các đạo luật, các điều khoản và những hiến chương nghề nghiệp nhằm xác định trách nhiệm của những người hoạt động trong các phương tiện thông tin đại chúng và không quan tâm lắm đến các quyền của những người đó. Chế độ kiểm duyệt trực tiếp và gián tiếp, sự kiểm soát hoạt động báo chí, đề ra những hạn chế đối với quyền của nhà báo trong việc thu thập thông tin từ bộ máy Nhà nước, và nhiều biện pháp khác đã hạn chế dân chủ.

Phong tỏa các lực lượng chính trị đối lập, và hoạt động thông tin của các lực lượng ấy, tiến công và buộc tội họ thông qua những phương tiện thông tin đại chúng khác do chế độ sở hữu, - những biện pháp ấy được thực hiện nhằm tạo ra một lỗ hổng giữa các lực lượng đối lập và nhân dân, nhằm làm cho lực lượng đối lập bị xem là một thiểu số không đáng kể tách ra khỏi sự đồng thuận dân tộc”.

Đặc biệt, ông Hasem Al Tavín nêu lên những mối đe dọa sự phát triển dân chủ của báo chí Ả-rập. Trong đó ông nêu lên những nguồn dưới đây:

- Chính sách điều khiển báo chí. Theo chính

sách này các tổ chức thông tin và các tổ chức báo chí vẫn tiếp tục hoạt động theo những quy tắc truyền thống thống trị, xét trên góc độ quan tâm “sự nổi tiếng của ngôi sao”, trong khi đó không chú ý đến sự phát triển của các quá trình dân chủ trong xã hội và không đếm xỉa đến những vấn đề của người công dân bình thường;

- Ý đồ có ý thức hoặc không có ý thức của các nhà báo muốn kìm hãm quá trình hình thành nền dân chủ đại nghị ở Gioocđani, gắn văng hào quang thần thánh lên các biểu tượng của quyền lực;

- Trình độ nghiệp vụ thấp của các nhà báo;

- Sự đảm bảo yếu kém về tài chính, kỹ thuật đối với các ấn phẩm không thuộc chính phủ;

Thiết nghĩ, điều bổ ích thực tế sẽ là những khuyến cáo dưới đây do tác giả đề xuất:

- Dành các phương tiện thông tin đại chúng cho tất cả các lực lượng xã hội, không phân biệt dân tộc, ngôn ngữ, tín ngưỡng, định hướng chính trị;

- Phấn đấu để có sự tham gia tối đa của nhân dân vào các quá trình thông tin và truyền thông để quần chúng nhân dân không chỉ là người tiêu thụ thụ động những thông tin được phổ biến;

- Thực hiện quá trình phi độc quyền trong hoạt động lập pháp thuộc lĩnh vực thông tin đại chúng là lĩnh vực mà hiện nay được tập trung trong tay một nhóm nhỏ các cá nhân;

Xét lại các luật lệ hiện hành trong lĩnh vực thông tin đại chúng, làm cho các đạo luật ấy thoát khỏi mọi trở ngại và hạn chế đang cản trở các nhà báo thực hiện các quyền lợi nghề nghiệp và các trách nhiệm của mình trước xã hội.

Đài phát thanh và truyền hình đóng vai trò đặc biệt trong việc thông tin về cuộc xung đột Cận Đông. Vấn đề là việc phát sóng thực ra không thể được thực hiện một cách biệt lập, nếu không xét đến sự tác động đến công chúng ở các nước láng giềng. Tuy nhiên, những nghiên cứu đầu tiên trong lĩnh vực thông tin truyền hình, ví dụ ở khu vực Cận Đông, lại chỉ xuất hiện trong những năm 1970, khi Khoa Thông tin của Trường Đại học Tổng hợp Cairô trở thành cơ sở để viết một số công trình nghiên cứu về ngành truyền hình ở các nước Arập. Như ý kiến của Akhomet Ibrahim Xôpxơ đã nêu rõ, "Vì tình hình chính trị phức tạp ở Cận Đông mà trong một thời gian dài đã không sắp xếp được việc trao đổi thông tin truyền hình giữa các nước Arập, mặc dù vấn đề này có một tầm quan trọng đặc biệt: Tại đa số các nước thuộc khu vực này, trong đó cả ở Xiri, dân chúng có thể xem chương trình truyền hình của các nước láng giềng mà không cần đặt thêm thiết bị".

Tác giả đã luận chứng về tiền đề quan trọng nhất cho việc tiến hành những cải cách và tạo sự ổn định về kinh tế - xã hội ở trong nước - đó

là yêu cầu thực hiện triệt để các kế hoạch về cách mạng văn hóa. Cuộc cách mạng văn hóa ấy không thể thực hiện được nếu không có sự phát triển của các phương tiện thông tin đại chúng bao quát mọi mặt của đời sống, đặc biệt là sự phát triển của truyền hình với tư cách là phương tiện thông tin mang tính đại chúng nhất. Có nhiều tác giả nêu lên sự cần thiết phải tiến hành cách mạng văn hóa tại các nước Ả-rập, dựa vào các phương tiện thông tin đại chúng (và phát triển hơn nữa các phương tiện thông tin đại chúng ấy). Quan điểm này được bắt nguồn từ thực tế đa số các nước Ả-rập có tỷ lệ mù chữ cao.

Ở tất cả các nước Cận Đông, trong hoạt động thực tiễn thường nhật của mình, báo chí, đài phát thanh và truyền hình đều có tính đến những nhân tố khác không kém phần quan trọng. Chẳng hạn như: quan hệ thị tộc - bộ lạc. Tại Vương quốc Hasimít Gioócđani vào thời gian diễn ra các cuộc bầu cử, mỗi thị tộc đều loan báo trên báo chí về ứng cử viên mà họ ủng hộ. Nếu trong tiến trình vận động bầu cử người ta phát hiện thấy ứng cử viên ấy không giữ được sự tín nhiệm của thị tộc thì lại thông qua báo chí loan báo rằng thị tộc không ủng hộ ứng cử viên ấy nữa.

Báo chí Ả-rập đặc biệt chú ý đến vấn đề phụ nữ tham gia vào đời sống chính trị. Năm 1993 ở Gioócđani đã xảy ra một trường hợp chưa có tiền lệ đối với các nước Ả-rập. Một thị tộc ở Gioócđani

đã đưa một phụ nữ lên địa vị đứng đầu thị tộc - bà Phatima An Nuaimat - và tuyên bố ủng hộ bà ra ứng cử trong cuộc bầu cử nghị viện. Sự kiện này gây nên sự hưởng ứng quốc tế. Tạp chí *Al Sharq* (Các Tiểu vương quốc Ảrập thống nhất) đã đăng một bài viết dài, đưa ra câu hỏi: chẳng lẽ ở thị tộc này không còn đàn ông hay sao mà phải trao công việc của thị tộc này cho một phụ nữ? Thậm chí sau khi đã tuyên bố đường lối chính thức là đường lối dân chủ hóa đời sống chính trị - xã hội, thì ở nhiều nước Cận Đông, người ta vẫn không chấm dứt những hành động kỳ thị phụ nữ. Ngay cả những tổ chức phụ nữ cũng không thể tham gia tích cực vào đời sống chính trị - xã hội, chỉ vì các cơ quan hành pháp luôn can thiệp vào công việc của các tổ chức này. Mặc dù trong tiến trình vận động bầu cử người ta luôn luôn nhấn mạnh sự bình đẳng nam - nữ, nhưng những hành động thực tế lại cho thấy: ở phương Đông sự bình đẳng nam - nữ thực sự là vấn đề vẫn còn rất xa vời. Nhà nghiên cứu người Gioócđani Hasem Al Tavin đã minh họa vấn đề này như sau:

“Trả lời phỏng vấn cho tờ báo *Phụ nữ Ảrập* Tổng thư ký của một đảng ở Gioócđani đã nói: “Chúng tôi không tin chắc rằng có tồn tại ranh giới giữa vấn đề phụ nữ và vấn đề nam giới. Chúng tôi tin rằng chỉ có những quan hệ bình đẳng giữa phụ nữ và nam giới mới tạo ra xã

hội...”, đồng thời vị Tổng thư ký ấy lại tuyên bố: “Đảng chúng tôi không có ý định đề cử một phụ nữ ra ứng cử tại cuộc bầu cử sắp tới”.

Chỉ có một đảng, trong số hai mươi đảng ở Gioóedani, đã quyết định đề cử phụ nữ ứng cử vào chức nghị sĩ. Đó là đảng “Dawa”. Đảng này đã tuyên bố đề cử bà Latipha Tatritxo. Tuy nhiên, trong cuộc bầu cử đó, tên của bà không thấy được ghi trong các danh sách ứng cử viên. Những lý do của quyết định này đã không được giải thích”.

Vấn đề xã hội hóa vai trò của phụ nữ không những là vấn đề thời sự đối với các nước Cận Đông. Điều này đã được chứng minh qua nhiều công trình nghiên cứu của các nhà khoa học Nga và thế giới.

Cuộc cách mạng Hồi giáo ở Iran đã làm sáng tỏ nhiều vấn đề về địa vị ngày nay của phụ nữ, sau khi đã thiết lập các truyền thống trung cổ ở nước này.

Nhưng trong các sự kiện Iran, điều có vị trí đặc biệt là sự thay đổi căn bản trong các mối quan hệ giữa các quốc gia ở Cận Đông. Ví dụ có thể là cuộc chiến giữa Iran và Irắc, hành động Irắc xâm nhập Côoét và chiến dịch “Bão táp sa mạc” diễn ra sau đó, sự căng thẳng trong vấn đề người Cuốc và, nhân sự việc đó, những quan hệ “kỳ lạ” Irắc và Thổ Nhĩ Kỳ.

Nếu phân tích lập trường của các phương tiện

thông tin đại chúng ở các nước Arập đối với cuộc chiến giữa Iran và Irắc, thì tuy có một số sự khác biệt nhỏ, nhưng đều đứng về phía Iran. Trong cuộc Chiến tranh vùng Vịnh, nhiều phương tiện thông tin đại chúng đã lên án Irắc xâm lược và ủng hộ các lực lượng quốc tế.

Các phương tiện thông tin đại chúng của các nước Cận Đông, đặc biệt của Irắc, Iran, Xiri và Thổ Nhĩ Kỳ, đã chú ý nhiều đến vấn đề người Cuốc.

Do hậu quả tan rã của đế quốc Ôttôman, nhân dân Cuốc đã chống lại việc chia cắt tổ quốc và buộc phải cầm vũ khí để tự bảo vệ mình và bảo tồn các phong tục, truyền thống. Người ta đã sử dụng nhiều biện pháp để chống lại việc thành lập quốc gia độc lập của người Cuốc, trong số những biện pháp ấy có việc cấm nói bằng tiếng mẹ đẻ. Chẳng hạn, ở Thổ Nhĩ Kỳ ngay từ đầu những năm 1920, người Cuốc đã bị cấm nói chuyện bằng tiếng Cuốc. Tại Xiri người ta đã cấm họ mặc y phục dân tộc. Ở Iran người Cuốc có thể nói bằng tiếng mẹ đẻ, vì ở nước này tiếng Cuốc được xem là một thổ ngữ, nhưng bị cấm có những nhà xuất bản của mình.

Những ấn phẩm định kỳ của người Cuốc thỉnh thoảng lại xuất hiện ở miền nam Cuốcdixtan đã thu hút sự chú ý của người Cuốc ở các nước lân cận và rất được yêu chuộng, qua đó giúp cho sự gìn giữ ý thức thống nhất dân tộc. Trong những điều kiện ngày nay Irắc đã cho thấy ví dụ rõ

ràng nhất về phong trào giải phóng của người Cuốc. Trung tâm có chức năng tổ chức của phong trào này là báo chí của các chính đảng dân tộc - yêu nước.

Các ấn phẩm của người Cuốc đã bị nhà nước đóng cửa, bởi vì những nhiệm vụ chủ yếu của báo chí người Cuốc là củng cố tình anh em của người Cuốc, quảng bá các tư tưởng yêu nước, giúp đỡ những người nổi dậy và tuyên truyền cho cuộc chiến tranh của họ nhằm giải phóng tổ quốc mình, phát triển chữ viết và văn hóa của người Cuốc, cũng như xem xét vấn đề người Cuốc trên cấp độ thế giới. Sẽ không có nhiều ấn phẩm tồn tại được vài năm, đặc biệt là những ấn phẩm bảo vệ các lợi ích của người Cuốc, bảo vệ ngôn ngữ và nền văn hóa độc đáo của người Cuốc. Những thế lực chống lại nền tự chủ của người Cuốc đã sử dụng nhiều phương pháp khác nhau - tuyên truyền tôn giáo cũng như tuyên truyền chính trị - trước hết là làm sao để người Cuốc không biết chữ và bằng cách đó mà ngăn cản con đường đi đến tiến bộ của họ. Nhằm mục đích ấy người ta tích cực sử dụng Hồi giáo. Các nhà báo người Cuốc làm công việc khai sáng đã đóng vai trò đặc biệt. Hoạt động tuyên truyền sâu rộng của chính quyền chống lại việc giảng dạy tại các trường công lập ở Cuốcdixtan. Họ đã gọi những khóa học được giảng dạy không phải ở Mêdretxê (trường học Hồi giáo) là “việc làm

của quỹ dữ”. Và bộ máy tuyên truyền ấy đã có ảnh hưởng đáng kể đến trình độ học vấn của người Cuốc. Vì vậy, cho đến nay hàng trăm nghìn người Cuốc vẫn không cho con em mình đến học ở các trường.

Mácđít Xapan nêu rõ: “Ý nghĩa tồn tại và sức sống mạnh mẽ của các ấn phẩm định kỳ của người Cuốc có quan hệ chặt chẽ với cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc của họ. Với sự phát triển của phong trào yêu nước, các ấn phẩm định kỳ hoạt động tự do hơn và viết bài tỉ mỉ hơn về tình hình chính trị ở Cuốcđixtan. Quy luật này thể hiện ra trong báo chí ở các phần lãnh thổ thuộc Iran, Thổ Nhĩ Kỳ và Xiri của Cuốcđixtan”.

Với sự xuất hiện hàng loạt dân nhập cư người Cuốc vào các nước phương Tây đã dẫn đến sự xuất hiện những ấn phẩm định kỳ khác nhau xuất bản bằng tiếng Cuốc. Hiện tượng này có tính chất đặc biệt tiêu biểu vào đầu những năm 1990. Các trí thức người Cuốc ở châu Âu đã cố gắng thu hút sự chú ý của cộng đồng thế giới vào vấn đề người Cuốc. Đối với giới trí thức người Cuốc ở châu Âu thì tự do của tổ quốc là vấn đề rất quan trọng. Những đại diện nổi tiếng của giới trí thức ấy không chấp nhận tư tưởng tự trị dân tộc trên phạm vi hẹp ở Irắc hoặc ở Iran, vì họ cho rằng nền tự trị ấy không đem lại tự do cho người Cuốc và không đảm bảo sự thống nhất

của toàn thể dân tộc. Không phải người Cuốc, mà là chính quyền trung ương ở các nước thống trị họ đã gây ra sự tàn phá đối với các miền đất và đối với nền văn hóa của Cuốcđixtan trong nhiều thế kỷ.

Nhờ các ấn phẩm định kỳ của người Cuốc ở châu Âu mà vấn đề người Cuốc đã được nêu lên trên diễn đàn nghị viện của nhiều nước châu Âu, đặc biệt là ở Thụy Điển. Các nhà báo lưu vong người Cuốc vẫn luôn luôn sử dụng phương tiện ngôn luận để thu hút sự chú ý rộng rãi của công luận đến các vấn đề của dân tộc mình. Đa số các tờ báo và tạp chí của người Cuốc vẫn tiếp tục xuất bản ở châu Âu và những ấn phẩm định kỳ ấy ở phương Đông cũng như ở phương Tây đều cùng ra sức thực hiện vai trò lịch sử của mình trong việc giải quyết công bằng vấn đề người Cuốc.

Báo chí Bắc Phi giữ một vị trí đặc biệt. Mặc dù về phương diện địa lý, nó thuộc về báo chí châu Phi nhưng về phương diện dân tộc nó lại thuộc về báo chí Ả-rập, khiến nó có quan hệ gần gũi với báo chí Cận Đông. Huống hồ, nước lớn nhất ở khu vực này - Ai Cập - thường được gọi là nước Cận Đông. Cũng như ở Cận Đông, tại khu vực này cũng có tính phức tạp trong vấn đề tự do báo chí và tự do ngôn luận, hiểu theo ý nghĩa hiện đại của những phạm trù này. Giới cầm quyền có cả một loạt phương pháp thực hiện

việc kiểm soát các phương tiện thông tin đại chúng. Trong số những phương pháp này có việc hạn chế cấp giấy phép hoạt động, kiểm duyệt trước, những hạn chế về pháp lý, bí mật tài trợ cho các ấn phẩm và kín đáo mua những ấn phẩm ấy, dùng công cụ thuế má, v.v..

Các phương tiện thông tin đại chúng ở các nước thuộc khu vực Đại Magrip (hay là Tây Arập) thật đa dạng, vì họ hoạt động trong những điều kiện chính trị - xã hội và kinh tế khác nhau. Các nước Maroc, Môritani, Cộng hòa Arập Xarauy dân chủ, Angiêri, Tuynidi, Libi, v.v., có nhiều sự khác biệt, cho nên không thể nói về những nước này như là một hệ thống thống nhất. Xudăng, Ai Cập, Sát cũng đầy rẫy những sự trái ngược, cả về chính trị, cả về ý thức hệ. Hơn thế nữa “quá trình Hồi giáo hóa từ trên xuống” diễn ra ở Xudăng đang gây ra sự lo ngại về khả năng nổ ra tình hình căng thẳng giữa các xu hướng chính thống ở miền Nam Ai Cập. Cuộc xung đột ở khu vực Tây Bắc Phi chung quanh vấn đề Tây Xahara như một nhất dao đâm vào sự thống nhất và đưa đến những cuộc xung đột vũ trang giữa một phía là Maroc và Môritani với bên kia là Cộng hòa Arập Xarauy dân chủ (SADR) do Mặt trận nhân dân POLISARIO lãnh đạo. Hơn nữa, Angiêri và Libi rất tích cực ủng hộ Cộng hòa Arập Xarauy dân chủ (SADR).

Nếu như lĩnh vực thông tin đại chúng của Ai Cập đã được nghiên cứu khá tốt thì không thể nói như vậy về những nước khác thuộc khu vực này. Xét về mức độ gay gắt của các sự kiện chính trị - xã hội thì xu hướng phát triển của các phương tiện thông tin đại chúng Xudăng là đáng quan tâm nhất.

Sau cuộc đảo chính quân sự định kỳ ngày 30-6-1989, giới quân sự lên cầm quyền ở đất nước này. Giới quân sự cầm quyền đã kết thúc thời kỳ phát triển theo xu hướng tự do của Xudăng. Ngày 7-12-1989, Hội đồng quân sự đã tuyên bố áp dụng các quy định của luật Hồi giáo ở nước này.

Chế độ quân phiệt mới, đứng đầu là Ôma Al Bassia, đã mở cuộc chiến thực sự chống phương tiện thông tin đại chúng; nhiều nhà báo bị bắt và bị bỏ tù. Các đại diện của giới báo chí của Đảng Bat (Đảng Phục hưng xã hội chủ nghĩa Arập) và báo chí độc lập. Các nhà báo ngoại quốc và những người Xudăng làm việc cho các hãng tin và các ấn phẩm nước ngoài cũng bị truy nã và lục soát. Ngoài ra, chính quyền còn tìm cách sa thải các nhân viên làm việc cho các ấn phẩm liên Arập và thay thế họ bằng các thành viên của Mặt trận dân tộc Hồi giáo. Ví dụ, biện pháp này đã được áp dụng đối với phóng viên của báo *Al Sharq Al Awsat* ("Cận Đông"). Năm 1990 phóng viên của tờ *The Financial Times* Luân Đôn đã bị câu lưu ngồi tù một số ngày.

Năm 1990, người ta đã thành lập một phòng đặc biệt, thực hiện việc kiểm soát tất cả những báo chí nước ngoài đưa vào Xudăng. Một trong những đòn nhay cảm đánh vào báo chí Xudăng là việc khôi phục luật lệ quy định rằng tất cả các thiết bị ấn loát phải được đăng ký tại Bộ Nội vụ. Những thiết bị ấy gồm máy photocopy, máy sao chụp, máy fax, v.v.. Đồng thời còn cấm nhập tất cả các phương tiện kỹ thuật in ấn. Những thiết bị in ấn nào không có chủ sở hữu cụ thể thì bị tịch thu, còn chủ nhân của các thiết bị ấy không kịp khai báo về các thiết bị kỹ thuật in ấn thì bị đưa ra tòa. Việc giải tán công đoàn các nhà báo dẫn đến tịch thu toàn bộ tài sản của công đoàn này. Gần 600 nhà báo bị mất việc và họ đã buộc phải tìm việc làm ở những lĩnh vực khác. Bởi vì tất cả các tờ báo và tạp chí - trừ 3 tờ báo và một tờ tạp chí - đều bị đóng cửa.

Tuy vậy, những người lãnh đạo ở Xudăng không thể hoàn toàn không tính đến sự cần thiết phải phát triển các phương tiện thông tin đại chúng. Do vậy, tháng 2-1990 đã diễn ra một hội nghị nhằm đề cập những vấn đề thông tin đại chúng ở trong nước.

Tại hội nghị này người ta nhấn mạnh vai trò của báo chí trong hoạt động giáo dục và phát triển khoa học. Người ta đã xem xét vấn đề đào tạo các cán bộ báo chí, trong đó có cả các nhà báo làm việc ở nước ngoài. Điều này cho thấy rằng ở

giai đoạn ấy chính quyền mới chưa tìm cách công khai biểu lộ các kế hoạch Hồi giáo hóa phương tiện thông tin đại chúng.

Nói về lĩnh vực phát thanh thì đài phát thanh ở Ômđưôman không có tần số của mình để có thể phát sóng lâu dài. Đôi khi hoàn toàn bị mất sóng, và muốn nghe tiếp người ta phải nhanh chóng chuyển sang làn sóng khác.

Năm 1996 đã diễn ra cuộc thảo luận dự luật mới về các phương tiện thông tin đại chúng. Người có bài bình luận sâu sắc là ông Makhogiup Urova, nhà báo nổi tiếng từ những năm 1980. Ông viết như sau: “Đạo luật hiện hành ở Xudăng là đạo luật dành ưu tiên cho chính quyền, chứ không phải là luật Hồi giáo. Nếu Nhà nước... khẳng định chấp nhận định hướng Hồi giáo thì phải tuân theo lý thuyết Hồi giáo về thông tin đại chúng, chứ không phải dựa vào ưu thế của chính quyền và chế độ cực quyền”. Tiếp đó, tác giả tuyên bố rằng uỷ ban về các vấn đề báo chí và về đạo luật báo chí đã đệ trình để xem xét một chương có chứa đựng học thuyết Hồi giáo, và tác giả đề nghị lấy đó làm cơ sở cho việc quản lý hoạt động báo chí thường nhật.

Dưới đầu đề “tự do báo chí”, chương này đã tuyên bố quyền của mọi người được xuất bản ấn phẩm định kỳ và tuyên bố các quyền tự do văn quen gọi là các quyền tự do dân chủ. Nội dung chương này, do Uỷ ban đó đề xuất, là một mưu

toan gần những điều luật - đã được chấp nhận ở nhiều nước trên thế giới - về phương tiện thông tin đại chúng với hệ tư tưởng thống trị ở trong nước mà đại diện là đạo Hồi.

Ở những nước khác thuộc Cận Đông cũng đã có những mưu toan Hồi giáo hóa báo chí.

Báo chí ở miền Tây Xahara là nền báo chí đặc biệt. Sở dĩ như vậy là có những nguyên nhân quan trọng.

Sau khi rút khỏi thuộc địa cũ của mình, Tây Ban Nha đã để lại một mớ bòng bong những vấn đề mà về sau còn trở nên phức tạp hơn vì nguyên nhân là chính quốc cũ đã trao Tây Xahara cho Maroc và Môritani tạm thời điều hành về mặt hành chính. Tình hình này diễn ra trong điều kiện tại đây, Mặt trận POLISARIO đã từng hoạt động và trước khi thực dân Tây Ban Nha rút đi đã tuyên bố thành lập Cộng hòa Arập Xarauy dân chủ rồi. Thế là nổ ra chiến tranh dai dẳng và đẫm máu. Maroc chiếm toàn bộ phần bờ biển Đại Tây Dương của nước này cộng với phần đất chủ yếu thuộc lãnh thổ Tây Phi. Hơn 1/4 thế kỷ, số dân chủ yếu của đất nước này vẫn sống trong các lều trại sơ sài tại các trại tị nạn. Chính quyền Maroc phá hoại các cố gắng của Liên hợp quốc nhằm giải quyết tình hình. Sự mạng kiến tạo hòa bình của Liên hợp quốc đã đạt được kết quả duy nhất - đó là tạm ngừng bắn. Và tình hình này vẫn được duy trì từ năm 1991.

Tại Cộng hòa Ả-rập Xa-ha-y dân chủ (SADR), đã có hiến pháp quy định phương hướng, chính sách đối ngoại của nước này là:

- ♦ Bảo vệ quyền chính đáng của nhân dân Xa-ha-y được tự quyết, kể cả thiết lập nền độc lập đầy đủ trên toàn vùng lãnh thổ đã được quốc tế công nhận (chủ quyền đầy đủ);

- ♦ Ủng hộ các quyền tự quyết chính trị - kinh tế của nhân dân;

- ♦ Tham gia thực hiện kế hoạch thống nhất các nước thuộc khu vực Đại Magrip (Tây Ả-rập);

- ♦ Ủng hộ tổ chức thống nhất châu Phi trong việc củng cố sự ổn định chính trị trong khu vực này, tham gia phát triển công cuộc hội nhập kinh tế của các nước thành viên tổ chức thống nhất châu Phi;

- ♦ Đạt cho được nền hòa bình và an ninh quốc tế, tham gia thực hiện phát triển kinh tế - xã hội của tất cả các nước trên thế giới trên cơ sở bình đẳng và công bằng.

Căn cứ theo Điều 29 - “luật pháp đảm bảo thực hiện quyền bày tỏ ý kiến của mình, dưới hình thức bằng miệng hoặc bằng văn bản, trong những giới hạn được luật pháp quy định”. Ở nước này không có đạo luật riêng về các phương tiện thông tin đại chúng; người ta áp dụng những điều khoản của luật phổ thông, luật dân sự và luật hình sự. Ở Cộng hòa Ả-rập Xa-ha-y, hầu như tất cả các phương tiện thông tin đại

chúng đều là của nhà nước. Tại nước này có xuất bản tờ báo *Sahara Libre* (Xahara tự do) bằng 4 thứ tiếng (tại nước này không có xưởng in, cho nên tờ báo này in ở Angiêri), có đài phát thanh thường xuyên phát sóng, trung tâm truyền hình đã được xây dựng. Sau khi tiến hành cuộc trưng cầu dân ý về quyền tự quyết của Tây Xahara, người ta dự định đưa trung tâm truyền hình này vào sử dụng. Nhưng do lập trường của Maroc, trên thực tế không thực hiện được điều này. Các bản tin photocopy của các tổ chức xã hội được ấn hành không đều đặn.

Mặc dù các phương tiện thông tin đại chúng ở Tây Xahara còn đang trong trạng thái phôi thai, nhưng có tương lai rất sáng lạn. Khác với những nước Ả-rập khác, ở đây dân chúng có trình độ học vấn rất cao: trong dân cư trưởng thành không có người mù chữ; có một số lượng rất đông những người có trình độ học vấn đại học ở nước ngoài, cũng như các nhà khoa học có học hàm, học vị. Hoạt động của các phương tiện thông tin đại chúng được điều chỉnh theo luật pháp hiện hành của nước này. Kinh Hồi giáo Côran - đó là cơ sở nhất thiết phải có và không tách rời của mọi luật Hồi giáo - chỉ phần nào được phản ánh trong các điều khoản của "Uôcphơ" - bộ luật phổ thông của Xaraui về các vấn đề đạo đức và xã hội. Những quy định của luật phổ thông ở đây đã được xây dựng nên

trong nhiều thế kỷ và được thích nghi một cách tốt nhất với cuộc sống của dân cư du mục trên sa mạc. Tuy nhiên, Kinh Côran có ý nghĩa rất rộng trong việc xây dựng luật dân sự, đặc biệt là quyền thừa kế, cũng như luật hình sự trong đó luật pháp vẫn có hiệu lực. Vì đạo Hồi là quốc giáo ở Cộng hòa Arập Xarauy dân chủ, vì vậy các nhà báo ở Cộng hòa Xarauy bắt buộc phải tuân theo các giáo điều của đạo Hồi.

Tính chất thị tộc, sự lệ thuộc rất nhiều của các chính trị gia vào các bộ lạc, cơ chế khép kín trong việc đề ra và thông qua các quyết định là những nét đặc trưng của nhiều nước thuộc khu vực này. Điều đó đã để lại dấu ấn trong hoạt động của các phương tiện thông tin đại chúng. Nếu như việc phân công, chỉ định chủ đề cụ thể cho phóng viên, biên tập viên là việc bình thường ở các tờ báo trên thế giới, thì ở một số nước Arập, việc làm lại được thể hiện dưới một hình thức không bình thường, phần nào bất ngờ. Ví dụ, trong các tờ báo và tạp chí ở Gioócđani không một ai có thể viết bài về những đề tài “được phân cho” nhà báo trong biên chế; cách làm này cũng được áp dụng trong Hãng tin AL Saba của Yêmen.

Nhìn chung, tại các nước Cận Đông và Bắc Phi sự phát triển của báo chí có quan hệ với việc giải quyết những vấn đề phức tạp về chính sách đối ngoại, dân chủ hóa đời sống xã hội, nâng cao

dân trí của dân chúng và hoàn thiện cơ sở luật pháp, bởi vì trong nhiều trường hợp người ta vận dụng các quy định của luật Hồi giáo truyền thống cũng như của luật pháp phổ thông của quốc gia. Những vấn đề chính trị gay gắt như: sự thống nhất thế giới Arập, quan hệ Arập - Ixraen, cách mạng Hồi giáo ở Iran và những hệ quả lâu dài của cuộc cách mạng đó, tình hình Tây-Bắc châu Phi, cũng như tình cảnh của phụ nữ ở các nước phương Đông, vấn đề Hồi giáo hóa các phương tiện thông tin đại chúng... Những vấn đề này là trung tâm sự chú ý của giới báo chí và các chính trị gia.

IV. CÁC PHƯƠNG TIỆN THÔNG TIN ĐẠI CHÚNG Ở CÁC NƯỚC THUỘC KHU VỰC CHÂU Á - THÁI BÌNH DƯƠNG

Sự đa dạng của các nước và của các dân tộc sinh sống tại những nước thuộc khu vực châu Á - Thái Bình Dương là nhân tố quyết định lịch sử phát triển, phong phú nhiều màu sắc của các phương tiện thông tin đại chúng. Đồng thời, những phương tiện thông tin đại chúng ấy cũng chịu tác động của những vấn đề chung mang dấu ấn của khuynh hướng chung trong quá trình phát triển tiếp theo. Điều đó biểu hiện rõ nét ở sắc thái văn hóa - xã hội trong hoạt động của các phương tiện thông tin đại chúng.

Một trong những nước phát triển năng động

và độc đáo nhất của khu vực này là Cộng hòa nhân dân Trung Hoa.

Trong điều kiện mới nhất hiện nay, tinh thần đóng cửa truyền thống của Trung Quốc không thể giữ vai trò ổn định nữa, vì nó mâu thuẫn với những khuynh hướng phát triển kinh tế - xã hội của thế giới. Chỉ có tính cởi mở của xã hội, thúc đẩy tuyên truyền về chính sách đối ngoại, mới có thể thu hút các nguồn đầu tư của nước ngoài, làm cho hình ảnh của đất nước Trung Hoa trở nên hấp dẫn với toàn thế giới. Trong những năm cải cách và mở cửa, Trung Quốc đã đạt được nhịp độ cao trong phát triển kinh tế - xã hội trong suốt thời kỳ cải cách, nền kinh tế của Trung Quốc liên tục phát triển.

Dĩ nhiên, cải cách kinh tế cũng đòi hỏi sự thay đổi về thái độ đối với các phương tiện thông tin đại chúng, cũng như hoạt động trao đổi thông tin quốc tế và tuyên truyền đối ngoại. Những lĩnh vực này có quan hệ chặt chẽ với nhau.

Vì chính sách hiện đại hóa và mở cửa đòi hỏi tăng cường trao đổi thông tin quốc tế, nên điều quan trọng nhất là phải xem xét những khuynh hướng mới trong sự phát triển tổng thể hoạt động tuyên truyền đối ngoại của nước này. Hệ thống thông tin phục vụ công chúng nước ngoài gồm có: các hãng điện tín, các đài truyền hình và phát thanh, các tờ báo và tạp chí, các nhà xuất bản, các xưởng sản xuất sản phẩm nghe -

nhìn, các mạng lưới thông tin điện tử (trong đó có Internet).

Người nước ngoài có thể tùy theo nguyện vọng, ý thích của mình mà lựa chọn, sử dụng phương tiện thông tin đại chúng của Trung Quốc thích hợp nhất với họ. Ví dụ, đối với những ai quan tâm đến các sự kiện diễn ra thường nhật ở Trung Quốc thì các trợ thủ trung thành của họ gồm có: Tân Hoa xã, Đài truyền hình trung ương, Đài phát thanh quốc tế, Đài phát thanh nhân dân Trung ương, tờ *Nhân dân nhật báo* (People's Daily) in bằng tiếng Anh, cũng như các mạng thông tin của Trung Quốc trên mạng Internet - được phát đều đặn cho những người nước ngoài muốn thu thập thông tin về Cộng hòa nhân dân Trung Hoa.

Đối với những ai muốn tìm hiểu sâu hơn về các phương diện khác nhau của đời sống xã hội của Trung Quốc thì có các ấn phẩm định kỳ in bằng các thứ tiếng nước ngoài. Đó là Tuần báo *Tạp chí Bắc Kinh* (Beijing Review), tạp chí *Trung Quốc ngày nay* và họa báo *Trung Quốc* (China). Ngoài ra còn có các loại sách, sản phẩm nghe - nhìn của các Nhà xuất bản "Thế giới mới", "Văn học Trung Quốc", "Ngôi sao mới" và "Năm châu lục".

Từ lâu rồi các phương tiện thông tin đại chúng Trung Quốc đã cho ra đời nhiều loại ấn phẩm, các chương trình truyền hình, phát thanh

bằng các thứ tiếng nước ngoài. Như nhiều người nước ngoài đã thấy rõ, những sản phẩm này là nguồn thông tin quan trọng và chính xác về Trung Quốc.

Trong những năm gần đây, ngày càng chứng minh ưu thế của các phương tiện thông tin đại chúng mới so với các phương tiện truyền thống trong hoạt động tuyên truyền chính trị đối ngoại và trao đổi thông tin quốc tế.

Trong tuyên truyền chính trị đối ngoại của Trung Quốc, truyền hình được sử dụng khá muộn, tuy nhiên, nó đã phát triển rất nhanh. Năm 1991, Trung tâm truyền hình đối ngoại được thành lập, trực thuộc Đài truyền hình Trung ương. Trung tâm truyền hình này thuê vệ tinh "Âyson-1" để tiếp sóng kênh truyền hình 1 của Đài truyền hình Trung ương Trung Quốc, phục vụ các khu vực Hương Cảng, Áo Môn và Đài Loan. Từ năm 1992, Đài truyền hình trung ương Trung Quốc phát sóng các chương trình qua các vệ tinh viễn thông. Hơn 80 nước và khu vực trên thế giới có thể tiếp nhận được các chương trình của kênh 4 Đài truyền hình trung ương Trung Quốc.

Cộng hòa nhân dân Trung Hoa tích cực triển khai hoạt động trao đổi quốc tế và hợp tác với các nước khác trong lĩnh vực truyền hình, phát thanh, xuất bản các ấn phẩm định kỳ, ký kết các hợp đồng xuất bản sách, chuyển giao quyền tác giả, trao đổi các bản tin báo chí, các chương

trình truyền hình và phát thanh.

Vẫn như trước, báo chí định kỳ chiếm vị trí quan trọng. Tờ *Trung Quốc nhật báo* (China Daily), in bằng tiếng Anh, là ấn phẩm có tầm cỡ toàn Trung Quốc. Tờ báo này bắt đầu xuất bản từ ngày 1-6-1981 và được phát hành trên toàn thế giới. Từ ngày 1-7-1985, tờ *Nhân dân nhật báo* bắt đầu được xuất bản bằng tiếng Anh để phát hành ở nước ngoài. Hiện nay tờ báo này được phát hành ở 80 nước trên thế giới. Tờ nguyệt san *Taisen - Đài Nhân* (Người Đài Loan) được xuất bản vào tháng 1-1983. Như tên gọi cho thấy, tờ nguyệt san này phục vụ đồng bào sống ở Đài Loan. Nguyệt san *Khoasen Juebao* (Hoa Nhân nguyệt báo) ("Tiếng nói của Hoa Kiều") bắt đầu được xuất bản tháng 4-1995 và đã gây được danh tiếng tốt trong hàng ngũ những người Trung Quốc sống ở Đài Loan, Hương Cảng, Áo Môn và ở các nước khác. Tờ báo mới được bắt đầu xuất bản cách đây chưa lâu là tờ *Renmen xieshang bao* ("Hội đồng hiệp thương chính trị nhân dân"), các tạp chí *Khoanpu* và *Zuguo tong yi luntan* ("Diễn đàn thống nhất Tổ quốc") cũng nhằm phục vụ độc giả nước ngoài.

Nhiều ấn phẩm có các trang Web trên mạng Internet. Một số ấn phẩm được phát hành trên các đĩa CD, bằng cách này cho phép đảm bảo cung cấp cho các thư viện nước ngoài và cho những ai có nhu cầu có được nội dung những ấn

phẩm ấy mà không cần đến ấn bản “bằng giấy”.

Với đà triển khai sâu rộng cải cách và mở cửa, các cấp chính quyền địa phương, các tổ chức xã hội và doanh nghiệp của Trung Quốc ngày càng quan tâm đến hoạt động tuyên truyền đối ngoại. Nhiều cơ sở trong số đó đã tự quảng cáo rộng rãi về mình thông qua các phương tiện thông tin đại chúng địa phương, hoặc thông qua các đối tác nước ngoài. Việc làm này gây được sự hưởng ứng rộng rãi ở nước ngoài. Trong số những ấn phẩm định kỳ có ảnh hưởng nhất phục vụ bạn đọc ở nước ngoài phải kể đến nguyệt san *Trung Quốc ngày nay* (tên gọi ban đầu là *Trung Quốc trong xây dựng*). Nguyệt san này bắt đầu xuất bản từ tháng 1-1952. Hiện nay nó được xuất bản bằng các thứ tiếng Trung Quốc, Anh, Pháp, Tây Ban Nha, Đức và Ả-rập. Ngoài ra, còn có ấn bản khu vực dành cho Bắc Mỹ và ấn bản dành cho những người mù biết tiếng Anh. Tạp chí này được phát hành ở hơn 150 nước trên thế giới. Ấn bản khu vực Bắc Mỹ được in ở Mỹ và được phát hành thông qua mạng lưới bán lẻ sách của địa phương. Theo thỏa thuận đạt được giữa đại diện của tạp chí *Trung Quốc ngày nay* ở Cairô và tờ báo Ai Cập *Al Ahram*, các đồng nghiệp bản địa chịu trách nhiệm in và phát hành ấn bản bằng tiếng Ả-rập. Các ấn bản bằng tiếng Anh và tiếng Trung Quốc còn được ấn hành trên mạng Internet. Tạp chí

Trung Quốc ngày nay hướng đến đông đảo các nhà công nghiệp, thương gia, cán bộ khoa học - kỹ thuật, các nhà báo, những người làm công tác văn hóa - giáo dục, các bà nội trợ và những người nghỉ hưu ở nước ngoài.

Tạp chí này hết sức chú ý đến phần bài viết cũng như ảnh minh họa làm sao đáp ứng được yêu cầu của đông đảo bạn đọc.

Tạp chí *Trung Quốc ngày nay* giành được cảm tình của đông đảo bạn đọc nhờ nội dung, cũng như văn phong độc đáo của nó. Kết quả thăm dò ý kiến của công chúng cho thấy nhiều bạn bè ở nước ngoài bắt đầu hiểu Trung Quốc chính là nhờ đọc tạp chí này. Họ rất hài lòng vì đã có thể qua tạp chí này mà tìm hiểu được lịch sử, văn hóa và đời sống xã hội của Trung Quốc.

Ấn bản bằng tiếng Trung Quốc của tạp chí *Trung Quốc ngày nay* được xuất bản từ tháng 10-1980 và chủ yếu hướng vào phục vụ đồng bào Trung Quốc ở Đài Loan, Hương Cảng và Áo Môn, cũng như phục vụ độc giả Hoa Kiều ở nước ngoài. Tạp chí này có nhiệm vụ giới thiệu với bạn đọc về đường lối chính trị của Chính phủ Cộng hòa nhân dân Trung Hoa là hòa bình, thống nhất với Trung Quốc "hải đảo", về những thay đổi to lớn đang diễn ra ở trong nước, sự trao đổi giữa hai bờ của eo biển Đài Loan. Tạp chí *Trung Quốc ngày nay* là một trong số những tạp chí trên lục địa Trung Quốc đã cử các phóng

viên của mình sang Đài Loan để thực hiện những phóng sự đặc biệt.

Cũng có nhiều ấn phẩm khác nhằm phục vụ bạn đọc nước ngoài. Ví dụ, họa báo *Trung Quốc nhân dân* xuất bản từ tháng 7-1950, ra định kỳ hằng tháng bằng 14 thứ tiếng, trong đó có tiếng Trung Quốc, Anh, Pháp, Tây Ban Nha, Nga, Đức, Nhật Bản và Ả-rập. Có cả ấn bản đặc biệt dành cho Hương Cảng. Tạp chí này được phát hành ở hơn 160 nước và khu vực trên thế giới và đề ra mục đích là giới thiệu với độc giả về tiến trình cải cách, mở cửa, công cuộc xây dựng kinh tế, lịch sử lâu dài và truyền thống văn hóa, danh thắng thiên nhiên, sinh hoạt của nhân dân Trung Quốc v.v... Ban biên tập rất chú ý đến việc trình bày những đề tài nóng bỏng của đời sống kinh tế - xã hội của đất nước. Để thỏa mãn sự quan tâm đặc thù của đông đảo bạn đọc ở Hương Cảng, Áo Môn và Đài Loan, cũng như của kiều bào Trung Quốc ở nước ngoài, người ta xuất bản ấn bản đặc biệt cho Hương Cảng. Khác với những ấn bản khác của tạp chí này, ấn bản Hương Cảng dành một số lượng lớn các cột viết phóng sự và thông tin về các đề tài “Quan hệ giữa hai bờ eo biển Đài Loan”, “Thời sự ở Hương Cảng và ở Áo Môn”, “Những đổi thay trên quê hương của Hoa Kiều”, “Kinh doanh”, v.v..

Chẳng hạn, nguyệt san *Trung quốc nhân dân* nhằm phục vụ độc giả Nhật Bản và chỉ được

phát hành tại nước Nhật. Nhờ tính đến mức tối đa truyền thống văn hóa của đất nước Mặt trời mọc, những nhu cầu và thói quen của người Nhật, cho nên trong con mắt độc giả Nhật Bản, tạp chí này đã trở thành nguồn tham khảo tốt nhất và trợ thủ trung thành trong đời sống của họ. Trong số các bài viết và hình ảnh minh họa đăng trong tạp chí, phần lớn là những bài tùy bút và phóng sự nêu các vấn đề về xây dựng kinh tế, chính sách cải cách và mở cửa, những vấn đề về đời sống xã hội, di sản văn hóa, những bài viết kể về các phong tục của các dân tộc thiểu số, về quan hệ giữa hai nước Nhật Bản - Trung Quốc, v.v..

Trong những năm gần đây ấn phẩm này đã được hoàn thiện đáng kể nhờ chuyển sang in theo khổ thuận tiện và kiểu sắp chữ hiện đại, thay đổi cách trình bày mỹ thuật, mở ra những chuyên mục mới và sử dụng các công nghệ, phương tiện tiến bộ trong in ấn. Hiện nay, tạp chí *Trung Quốc nhân dân* được phát hành ở Nhật Bản theo các kênh kinh doanh sách chính thức.

Nguyệt san *Các phóng sự từ Trung Quốc* được xuất bản bằng quốc tế ngữ và được phát hành tại 80 nước trên thế giới, thu hút rộng rãi giới độc giả biết ngôn ngữ quốc tế đặc đó đó. Tạp chí *Các phóng sự từ Trung Quốc* có nội dung rất phong phú, ngôn ngữ giản dị và đề tài thú vị. Độc giả của tạp chí *Các phóng sự từ Trung Quốc*

thuộc các tầng lớp xã hội và làm những nghề hết sức khác nhau, nhưng chủ yếu họ hoạt động trong các lĩnh vực văn hóa, nghệ thuật, sư phạm, y tế, khoa học và kỹ thuật. Họ rất quan tâm đến lịch sử Trung Quốc, văn hoá và đời sống của các dân tộc ở CHND Trung Hoa. Nhiều độc giả viết rằng tạp chí này là nguồn thông tin quan trọng và chính xác đối với họ về đất nước Trung Quốc. Có một độc giả viết di chúc hiến toàn bộ tài sản của mình cho tạp chí nhằm phổ biến quốc tế ngữ trên thế giới. Thời gian gần đây ban biên tập tạp chí đã có những nỗ lực to lớn trong việc nâng cao chất lượng tạp chí về mặt nội dung cũng như trình bày mỹ thuật và đã đạt được những kết quả đáng mừng. Ngày nay, đối với các độc giả biết quốc tế ngữ, tạp chí *Các phóng sự từ Trung Quốc* là ấn phẩm tổng hợp, đề cập sâu về đời sống xã hội và các truyền thống văn hóa của Trung Quốc.

Sự chú ý đặc biệt được dành cho công nghệ giao lưu tương tác và các mạng máy tính.

Trong một thời gian dài ở Trung Quốc, người ta đã không coi trọng Internet như là các phương tiện thông tin. Tuy nhiên, sự phát triển vũ bão của các công nghệ thông tin và sự xuất hiện cả một lĩnh vực dịch vụ mới dựa trên phương tiện Internet đã buộc ban lãnh đạo Trung Quốc quan tâm đến việc xây dựng cơ sở khoa học và công nghệ cho nối mạng Internet.

Việc giải quyết được vấn đề này phần lớn là nhờ đã đề ra được đường lối chung về phát triển khoa học của kỹ thuật của Trung Quốc vào cuối năm 1995 - đầu 1996. Do đánh giá được tầm quan trọng của sự phổ cập mạng Internet và công nghệ thông tin tương tác trên thế giới, CHND Trung Hoa đã áp dụng thành công hệ thống được gọi là cảng thông tin (infoport). Thực ra, đây là những khu vực điều chỉnh thuế quan và thuế má đặc biệt hướng vào ưu tiên phát triển các công nghệ tương tác, thương mại điện tử và tin học. Những hệ thống cảng thông tin (infoport) nổi tiếng nhất là các hệ thống infoport Thượng Hải, Chianxin và Bắc Kinh.

Sự mở cửa của Trung Quốc trong việc phổ biến các công nghệ thông tin và điện tử tiên tiến mang tính chất một chiều và chủ yếu thể hiện qua thái độ nhạy cảm với kinh nghiệm tiên tiến của ngoại quốc trong những lĩnh vực ấy. Người ta không quảng cáo rộng rãi về những nghiên cứu chế tạo của Trung Quốc. Đây là công việc của hơn 58 viện nghiên cứu khoa học, các viện nghiên cứu đề án thiết kế và các phòng thiết kế. Chỉ cần biết rằng khoảng 30% nhân viên của các cơ quan ấy đã kinh qua thực tập ở ngoại quốc.

Người ủng hộ chính yếu và là động lực của Internet Trung Quốc là nhà nước. Nhà nước Trung Quốc quan tâm làm sao để xã hội không bị tuột khỏi vòng kiểm soát của hệ thống chính

trị. Các cơ quan quản lý của nhà nước hy vọng sử dụng phụ trương Internet để nghiên cứu tâm trạng của các tầng lớp dân cư và tiến hành những cuộc thăm dò ý kiến rộng rãi, cũng như để tổ chức kênh thông tin ngược chiều có hiệu quả với bộ máy nhà nước và nâng cao mức độ tham gia của các công dân vào việc xây dựng chính sách xã hội của nhà nước.

Nhằm những mục đích này, vào cuối năm 1997 ở Trung Quốc đã xây dựng chương trình đặc biệt nhằm áp dụng các công nghệ thông tin tương tác vào thực tiễn hằng ngày trong hoạt động của chính quyền thị chính và chính quyền hành pháp cấp địa phương.

Cách tiếp cận hợp lý của Chính quyền Trung Quốc đối với các công nghệ thông tin tương tác được thể hiện qua những hành động thực tế mà họ đã thực hiện. Một mặt, lần đầu tiên hòa mạng Internet vào năm 1994, những đến cuối năm 1997 Trung Quốc đã cho ra một bộ quy tắc khá đa dạng và phong phú, quy định thể thức thiết lập và khai thác các mạng máy tính. Mặt khác, tuy dành ưu tiên cho sự phát triển các công nghệ thông tin tương tác và công nghệ thông tin, nhưng hiện nay chính quyền không vội cải cách bộ máy quản lý quan liêu - đã trở thành lực cản trên con đường phát triển ngày nay, mặc dù họ có những bước hành động nhất định theo hướng này.

Chính quyền Trung Quốc quan ngại rằng gần 70% chương trình và khoảng 45% nội dung thông tin trên mạng Internet Trung Quốc có nguồn gốc nước ngoài. Tuy nhiên, đến nay Trung Quốc đang tiến hành nhiều biện pháp để uốn nắn tình hình này.

Trên mạng Internet của Trung Quốc cấm mọi ấn phẩm chính trị, ngoại trừ những ấn phẩm chính trị đã hoàn toàn phù hợp với đường lối chung của Đảng Cộng sản Trung Quốc. Người ta đóng kín cửa tiếp cận với các phương tiện thông tin đại chúng của phương Tây. Những ý kiến phát biểu về lĩnh vực chính trị mà chính quyền cho là không đúng đắn, thì có thể tìm thấy trên những bảng thông báo, các hội thảo và qua những biểu hiện khác của thông tin tương tác.

Trong số những nhân viên duy trì những trang thông tin điện tử lớn (các site) gần đây có cả các nhân viên gây nhiễu. Họ có nhiệm vụ xóa sạch các bài bình luận chính trị nguy hiểm, những biểu hiện không được cơ quan kiểm duyệt cho phép và những ý kiến phát biểu chính trị không đúng đắn khác trong các tập sách, và hội thảo, v.v.. Những biện pháp dập tắt các đề án thông tin tương tác ở Trung Quốc diễn ra rộng khắp.

Những quy tắc mới của Trung Quốc quy định nhà nước yêu cầu đăng ký mọi nguồn đảm bảo các chương trình chuyển tải thông tin mật (các chương trình bảo vệ, mã hóa, v.v..). Trong hồ sơ

đăng ký phải chỉ rõ số xêri của chương trình và cho biết tên của tất cả những người sẽ sử dụng chương trình này.

Tuy vậy, Chính phủ Trung Quốc vẫn chưa quyết định xem cần điều chỉnh Internet như thế nào. Nguyên nhân: họ muốn đạt được cả hai mục tiêu trái ngược nhau. Một mặt, Chính quyền Trung Quốc biết rõ rằng việc phát triển các công nghệ thông tin mới là chìa khóa để đi đến thành công về kinh tế. Mặt khác, Chính phủ lại lo sợ rằng tự do trên Internet sẽ giúp cho hoạt động phá hoại của kẻ thù.

Thị trường Internet Trung Quốc gần đây phát triển như vũ bão. Một số hãng nghiên cứu nổi tiếng gọi đó là thị trường có triển vọng nhất trong những năm sắp tới. Nhân tố sẽ làm tăng đột biến nhu cầu tại thị trường địa phương là sắp tới đây ở Trung Quốc sẽ sản xuất ra những thiết bị Internet rẻ tiền gắn vào các máy thu hình.

Ngày nay, Chính phủ Trung Quốc bắt đầu mở rộng hoạt động kinh tế trên mạng. Chính phủ đã soạn thảo dự thảo nghị định hợp pháp hóa việc mua bán trực tuyến các cổ phiếu. Nhưng chỉ có những hãng môi giới có giấy phép hoạt động mới được phép tham gia vào hoạt động kinh doanh rất hời này. Nghị định này cấm các hãng không có chức năng chuyên mua bán các chứng khoán - ví dụ như các cổng Internet - không được tiến hành bất cứ hình thức hoạt động môi

giới trực tuyến nào. Ngoài ra, trước khi cung cấp các dịch vụ trực tuyến của mình, các tổng đại lý được cấp phép hoạt động trên thị trường chứng khoán phải nhận được giấy phép đặc biệt.

Trong điều kiện ngày nay tất cả những việc làm đó là hết sức quan trọng, vì CHND Trung Hoa đã được kết nạp vào WTO.

Đài Loan thường được liệt vào hàng ngũ “những con hổ châu Á”, là nơi mà sự phát triển nhanh chóng của kinh tế diễn ra song song với việc áp dụng những thành tựu kỹ thuật mới nhất. Vào cuối những năm 1960, Đài Loan rơi vào tình trạng bị cô lập trên trường quốc tế. Sau khi Tổng thống Tưởng Giới Thạch qua đời vào ngày 5-4-1971 ở Đài Loan đã xuất hiện lực lượng đối lập. Sự xuất hiện của lực lượng này phản ánh sự bất bình của nhân dân đối với chính phủ. Hậu quả là dân chúng càng ngày càng có nhu cầu về báo chí độc lập và trung thực.

Đồng thời các tổ chức độc quyền báo chí cũng đã xuất hiện và phát triển. Những tổ chức này nằm dưới quyền kiểm soát của đảng cầm quyền là Quốc dân Đảng: hai tờ báo - *Lian Khê bao* và *Sunggô Sibao* - đã kiểm soát hơn một nửa thị trường báo ở Đài Loan. Đối với sự phát triển của thị trường này thì một trong số những sự kiện quan trọng nhất là việc năm 1988 người ta đã bãi bỏ Đạo luật cấm đăng ký những tờ báo mới. Đạo luật này đã từng có hiệu lực trong 36 năm.

Việc xóa bỏ những hạn chế ấy đã trở thành sự kích thích phát triển nhanh chóng số lượng các ấn phẩm mới. Tính đến năm 1992, số lượng các báo hằng ngày đã tăng từ 31 đầu báo lên đến 275 đầu báo.

Trong những năm 1990, sự phát triển của các báo ở Đài Loan diễn ra theo các hướng chủ yếu như sau: sự hợp tác của các báo với các đài truyền hình trong việc xây dựng các chương trình riêng lẻ; máy tính hóa rộng rãi hoạt động báo chí và lĩnh vực xuất bản; thương mại hóa mạnh mẽ thị trường báo chí.

Tạp chí đầu tiên trên đảo Đài Loan - *Taioan Sunxuy* ("Lịch sử Đài Loan" - bắt đầu xuất bản bằng tiếng Trung Quốc năm 1948. Từ năm 1962 đến năm 1971 số lượng các tạp chí ở Đài Loan đã tăng lên đến 1478 tạp chí, các nhà xuất bản đã bắt đầu có thái độ nghiêm túc hơn đối với nghiên cứu, chất lượng giấy, khâu in ấn và đóng sách. Điều này đã đưa đến những thay đổi nhất định. Trong những năm 1980 đã xuất hiện hai khuynh hướng chủ yếu trong sự phát triển của thị trường tạp chí ở Đài Loan. Thứ nhất, sự xuất hiện ngày càng nhiều những tạp chí chuyên đề đa dạng. Xu hướng mới này phản ánh những thay đổi đã diễn ra trong đời sống kinh tế và xã hội của Đài Loan trong 10-15 năm gần đây. Năm 1979, sau khi bãi bỏ phần lớn những hạn chế đối với các chuyến đi ra nước ngoài và việc

bãi bỏ - vào năm 1987 - lệnh cấm đến thăm Trung Quốc lục địa, dân chúng Đài Loan đã bắt đầu chi những khoản tiền lớn vào hoạt động du lịch và chú ý nhiều hơn đến việc nghỉ ngơi. Nền công nghiệp tạp chí đã nhanh chóng có phản ứng trước những đổi thay này và bắt đầu hướng đến một tư duy tiêu dùng mới, nhằm thỏa mãn những quan tâm đa dạng hơn của con người.

Thứ hai, Đài Loan tiếp nhận một số lượng lớn các ấn phẩm định kỳ nước ngoài in bằng tiếng Trung Quốc (chủ yếu đến từ Hồng Kông) và bằng các thứ tiếng khác (từ Nhật Bản, Mỹ và những nước phương Tây khác). Mặc dù có tiếng tăm, nhưng các ấn phẩm ngoại quốc ở Đài Loan không có số lượng phát hành cao như ở những nước khác. Vấn đề là những tạp chí này có giá bán cao, thậm chí đắt hơn so với những tạp chí cùng loại ở Mỹ. Ví dụ tờ *Reader's Digest* giá 5 đôla Mỹ, đắt hơn 2 lần so với ấn bản bán ở Mỹ.

Tạp chí *Trung Quốc tự do* (bắt đầu xuất bản năm 1951) là ấn phẩm chính thức của chính phủ phục vụ độc giả nước ngoài. Trong tạp chí này, chỉ có 2 chuyên mục cố định: Phần bài vở biên tập và phần thời sự. Năm 1997, phần lớn số trang của tạp chí này dành cho 3 chủ đề: chính trị, kinh tế và xã hội. Những bài viết về các đề tài chính trị thì chủ yếu tập trung chung quanh các vấn đề quan hệ giữa Đài Loan với CHND Trung Hoa. Ngoài ra, trong nội dung tạp chí còn

có phần thảo luận những đề tài như quan hệ ba bên trong khu vực châu Á - Thái Bình Dương, chính sách đối nội và quá trình dân chủ hóa ngày càng tăng ở xã hội Đài Loan. Các bài viết bao trùm nhiều vấn đề: các vấn đề nông nghiệp, việc làm cho phụ nữ, bảo vệ thiên nhiên, vấn đề ma túy, đời sống của các bộ lạc Ôxtorônêdia, v.v.. tạp chí này dành một số lớn trang viết về các đề tài văn hóa.

Tạp chí *Xinôrama* (bắt đầu xuất bản năm 1976) nhằm phục vụ các độc giả Hoa kiều. Hiện nay, trong hoạt động của mình, ban biên tập đi theo ba hướng chính: các sự kiện trong nước, các truyền thống và văn hóa của tin tức, ngoài ra là tin tức thời sự quốc tế. Những bài vở viết về các đề tài ấy phải góp phần giải quyết nhiệm vụ cơ bản là phát triển các mối liên hệ giữa những người Trung Quốc ở trong nước và giới Hoa kiều sống ở nước ngoài.

Nguyệt san *Người làm công tác phát thanh và truyền hình* bắt đầu xuất bản năm 1995. Đây là ấn phẩm mang tính chất chuyên ngành hẹp. Độc giả của nó là các chuyên gia làm công tác phát thanh và truyền hình. Điều này xác định cấu trúc của ấn phẩm và hình thức giới thiệu tài liệu. Tạp chí này đã tìm được chỗ đứng của mình và trở thành ấn phẩm có trình độ chuyên môn và hoàn toàn mang tính chất thông tin.

Việc quy hoạch và hình thành hệ thống truyền

hình quốc gia của Đài Loan bắt đầu được thực hiện từ năm 1948, khi mua về được những máy phát đầu tiên và tiến hành những cuộc thử nghiệm đầu tiên. Ủy ban tổ chức về các vấn đề truyền hình của Đài Loan, được thành lập năm 1961, là cơ quan thực hiện những công việc chủ yếu. Cũng Ủy ban này đã đề ra những nguyên tắc chủ yếu của việc xây dựng hệ thống các hãng truyền hình tư nhân. Hãng truyền hình đầu tiên là Hãng truyền hình Đài Loan (TTV), ra đời năm 1962. Tiếp theo nó, vào năm 1968, Hãng truyền hình Trung Quốc (CTV) bắt đầu đi vào hoạt động. Tháng 2-1971 đài phát sóng thứ ba bắt đầu hoạt động - Đài truyền hình Trung Quốc (CTS).

Có thể nêu lên những xu hướng phát triển sau đây của hệ thống truyền hình ở Đài Loan: các đài truyền hình bắt đầu chịu sự kiểm soát của Chính phủ, của Quốc dân Đảng và của giới quân sự. Nguyên vọng của Chính phủ nắm trong tay các hãng truyền hình phụ thuộc vào Chính phủ và quan điểm chật hẹp của các nhà đầu tư tư nhân - là những người chỉ quan tâm thu lợi nhuận - trong việc tiếp cận các phương tiện thông tin đại chúng đã dẫn đến việc tạo ra một hệ thống truyền hình thu lợi nhuận cao nhưng có chất lượng thấp.

Sự xuất hiện của truyền hình cáp đã buộc các đài truyền hình nhà nước phải có những nỗ lực to lớn trong việc chuẩn bị các chương trình

truyền hình, thu thập thông tin và nâng cao vai trò xã hội của truyền hình nhằm thu hút và duy trì số lượng khán giả đông đảo. Ngoài ra, ở Đài Loan người ta còn tích cực tiến hành những nghiên cứu trong lĩnh vực truyền hình có độ nét cao, đang xây dựng hệ thống truyền hình xã hội. Không nghi ngờ gì nữa, những điều này nói lên xu hướng phát triển mới trong ngành truyền hình. Bộ phận quan trọng của quá trình phát triển truyền hình của Đài Loan là sử dụng kỹ thuật và công nghệ hiện đại nhất như: máy tính, các hệ thống truyền tin tức qua vệ tinh. Điều này cho phép truyền tức thời các thông tin trực tiếp từ nơi xảy ra các sự kiện.

Từ năm 1992, tại Đài Loan triển khai hoạt động tích cực trong lĩnh vực phát triển truyền hình có độ nét cao. Trên thị trường thế giới, truyền hình có độ nét cao có tương lai lớn. Truyền hình có độ nét cao và truyền hình trực tiếp qua vệ tinh là bước đột phá về công nghệ thông tin và có khả năng ảnh hưởng đến sự phát triển kinh tế và văn hóa của những nước bị thu hút vào khu vực phổ biến của những công nghệ ấy. Việc sử dụng những công nghệ này sẽ tạo ra những chỗ làm việc mới và trở thành nguồn kích thích các nền kinh tế quốc gia. Sự xuất hiện của những công nghệ mới cũng sẽ tạo điều kiện dễ dàng cho việc phổ biến những thông tin bằng hình ảnh. Điều này vừa có mặt

tích cực, vừa có mặt tiêu cực. Mặt tích cực là toàn cầu hóa thị trường các phương tiện thông tin đại chúng điện tử, khi mà dân chúng ở các nước đang phát triển sẽ có thể tiếp cận những thông tin mà dân cư ở các nước phát triển tiếp cận được. Nhưng điều đó cũng có nghĩa là: do trình độ phát triển không đồng đều của các cơ sở sản xuất về truyền hình có độ nét cao, nên dòng thông tin có thể mang tính chất một chiều: dòng thông tin đi từ các nước phát triển đến các nước đang phát triển. Tình hình đó vị tất sẽ đưa đến cải thiện sự hiểu biết lẫn nhau giữa các dân tộc.

Các chương trình truyền hình xã hội thường xuyên được chuyển phát qua 3 đài phát sóng truyền hình. Có một bước tiến nữa trong việc dân chủ hóa hệ thống truyền hình, - đó là quyết định thành lập đài truyền hình quốc gia thứ tư để thỏa mãn các nhu cầu ngày càng tăng của khán giả truyền hình.

Các mạng lưới truyền hình cáp đầu tiên xuất hiện ở Đài Loan vào cuối những năm 1960, cùng với sự xuất hiện các đài truyền hình tư nhân sử dụng ăngten để truyền các chương trình truyền hình thương mại. Đến giữa những năm 1970, các đài này đã bắt đầu truyền cả các chương trình ghi trên băng ghi hình. Sau khi các đài truyền hình cáp được nối kết vào hệ thống tiếp hình bằng vệ tinh thì số lượng các đài ấy đã tăng vọt, tính chất phổ cập của những đài này cũng tăng.

Sở dĩ như vậy cũng là nhờ dải tần rộng của các chương trình được tiếp hình, cũng như nhờ mức độ tự do cao trong khâu trình bày tin tức.

Năm 1993, Đài Loan đã thông qua Đạo luật về truyền hình cáp nhằm mục đích điều chỉnh thị trường cung cấp các dịch vụ này. Đảo Đài Loan được phân ra thành 51 vùng tác nghiệp của truyền hình cáp. Trong mỗi vùng này cho phép có sự hoạt động tối đa của 5 nhà phân phối có giấy phép của chính quyền. Ngoài ra, cũng thiết lập cơ sở chuẩn mực để thể chế hóa toàn bộ hoạt động trong lĩnh vực truyền hình cáp. Cũng đã thông qua những luật lệ tạm thời, cho phép điều chỉnh lĩnh vực này trong thời kỳ quá độ.

Sau khi đã có các luật lệ điều chỉnh thì thị trường về truyền hình cáp ở Đài Loan không chỉ trở nên chín muồi hơn, mà còn trở nên có quy mô hơn. Xét về số lượng các gia đình sử dụng truyền hình cáp thì Đài Loan vượt các chỉ số này ở Hồng Kông và Nhật Bản. Có một loạt nhân tố giúp đạt được kết quả đó: nhu cầu cá nhân, nhân tố công nghệ, nhân tố kinh tế và luật lệ. Ngoài ra, còn có sự tồn tại của khu vực kinh tế ngầm.

Tình trạng thiếu những nhân tố kích thích đầu tư và thiếu những ưu đãi về thuế đã không tạo điều kiện để ngành này phát triển một cách thỏa đáng. Các nhà sản xuất địa phương cũng lo ngại đến tình trạng không có những hạn chế trong lĩnh vực đầu tư đối với các đài nước ngoài

và các đài truyền hình phát sóng sau khi thông qua Đạo luật về truyền hình qua vệ tinh. Điều đó có thể dẫn đến các hãng truyền hình cáp bị đẩy ra khỏi thị trường bởi những đối thủ cạnh tranh lớn hơn và mạnh hơn. Trên mạng truyền hình cáp ở Đài Loan đang diễn ra sự cạnh tranh mạnh mẽ giữa các kênh truyền hình nước ngoài và các kênh truyền hình trong nước. Thậm chí hai kênh truyền hình lớn là kênh TWN và kênh Đa Đa chuyển phát các chương trình nội địa cũng bị thua lỗ. Trong cuộc cạnh tranh giành giật khán giả các kênh truyền hình cáp hướng đến những kết quả nhanh chóng: họ phát các chương trình phổ thông, nhiều khi là những chương trình sao chép từ các chương trình đã phát sóng và giành được thị trường.

Tuy vậy, các đài truyền hình cáp lại cạnh tranh được với các đài truyền hình phát sóng ở lĩnh vực các chương trình tin tức. Ngoài ra, các hãng truyền hình cáp có thể cho phép mình có một phạm vi rộng các chương trình thời sự truyền hình. Dĩ nhiên, nhân tố quan trọng nhất là nhân tố lập trường chính trị độc lập của họ, khiến cho họ có khả năng chắt lọc những đề cập những vấn đề cấm kỵ đối với các đài truyền hình khác, mà còn có thể sử dụng những phóng sự trực tiếp và chính xác không bị kiểm duyệt bởi cơ quan của Quốc dân Đảng.

Tính chất phổ cập của loại hình truyền hình

cáp trong dân cư đảo Đài Loan và phạm vi rộng các chương trình của truyền hình cáp so với truyền hình phát sóng đã đưa đến kết quả là khán giả ngồi ngày càng lâu hơn bên màn ảnh truyền hình. Sự thật này khiến cho nhiều nhà phân tích phải lo ngại. Ngoài ra đại bộ phận sản phẩm truyền hình được tiếp chuyển là những chương trình của các hãng truyền hình phương Tây. Điều này bị xem là sự bành trướng văn hóa. Vấn đề thoái hóa của một nền văn hóa và bị nền văn hóa khác thôn tính có ý nghĩa quan trọng đến mức trở thành đề tài thảo luận trong các cơ quan chính phủ ở Đài Loan.

Xét trên phương diện cơ cấu truyền hình, nếu xét theo tỷ lệ phân bố các chương trình theo chủ đề, thì nhìn tổng thể, Đài Loan vượt châu Á và gần bằng Mỹ và Tây Âu về khối lượng tin tức thời sự. Tỷ lệ các chương trình văn hóa - giáo dục trên truyền hình Đài Loan cao hơn mạng truyền hình Mỹ: 20,71% so với 13%. Còn về tỷ lệ các chương trình giải trí thì Đài Loan (46%) chiếm vị trí ở giữa Mỹ (44%), Tây Âu (43%) và Mỹ Latinh (49%), châu Á nói chung (58%). Nếu xét tỷ lệ về số lượng chương trình do trong nước và nước ngoài sản xuất thì trên mạng truyền hình của Đài Loan, các chương trình nhập khẩu, xét về chỉ số, lại thấp hơn nhiều so với tỷ lệ trung bình ở châu Âu, Mỹ Latinh và châu Á. Điều này do hai nhân tố quyết định: thứ nhất –

sự ưa thích các chương trình nội địa, cái gọi là “chủ nghĩa yêu nước văn hóa”, thứ hai - sự điều tiết của nhà nước.

Hiện nay lĩnh vực phát thanh đang trải qua thời kỳ cạnh tranh khốc liệt, nhưng nếu đem so sánh với hệ thống phát thanh của các nước khác thì người ta không thể quá lạc quan về triển vọng ngành phát thanh Đài Loan: quá trình tự do hóa muộn màng đã không tạo điều kiện để ngành phát thanh cạnh tranh với lĩnh vực truyền hình và tìm cho mình một khoảng trống trên thị trường.

Sự phát triển của nền công nghiệp máy tính đã không thể không đụng chạm đến hoạt động thông tin của Đài Loan. Nhờ nền công nghiệp ấy mà lĩnh vực thông tin có được chất lượng mới. Dòng lưu chuyển tự do về thông tin trên cơ sở phát triển các công nghệ tiên bộ có thể làm cho các phương tiện thông tin đại chúng trở thành các phương tiện có tính chất tương tác, mang tính chất đại chúng hơn và tạo điều kiện cho người sử dụng có được sự độc lập đối với những khuôn khổ tạm thời của các mạng chương trình: mỗi người sử dụng đều có thể trực tiếp tự mình lựa chọn thời gian thu và phát thông tin. Những hiện tượng mới trong các phương tiện thông tin đại chúng có thể là hình thức phát thanh Internet và truyền hình Internet. Các đài phát thanh của Đài Loan được

giới thiệu rộng rãi trên Internet và có những site của mình. Ngành truyền hình có tụt hậu đôi chút trong việc sử dụng những khả năng của Internet. Ở Đài Loan có hơn một chục đài truyền hình Internet.

Có một nước nữa trong khu vực này đáng được đặc biệt chú ý. Đó là Ôxtrâyliia. Tình hình của các phương tiện thông tin đại chúng của nước này hiện nay có những đặc điểm sau: làn sóng ô ạt dân nhập cư từ châu Âu đến trong những năm gần đây, sau nữa là từ các nước châu Á. Do đó, đã có sự thay đổi phần nào về tính chất của các phương tiện thông tin đại chúng ở dạng in ấn, cũng như ở dạng điện tử.

Nếu nói đến sự điều chỉnh bằng luật pháp các quá trình thông tin, thì có thể nêu ra một tình hình có ý nghĩa không nhỏ sau đây. Cả trong Hiến pháp liên bang, cả trong hiến pháp các tiểu bang đều không có những điều khoản đảm bảo tự do ngôn luận và tự do báo chí. Người ta áp dụng nguyên tắc truyền thống của mẫu quốc cũ (nước Anh): luật phổ thông đảm bảo tốt nhất những quyền tự do ấy. Với tư cách là nước áp dụng luật phổ thông, Ôxtrâyliia áp dụng trên lãnh thổ của mình luật pháp tiền lệ của các quốc gia khác có luật phổ thông, đặc biệt là các điều luật của tòa án của nước Anh và của Niu Dilân.

Hội đồng Ôxtrâyliia về các vấn đề báo chí tạo

điều kiện thuận lợi cho việc xem xét một cách độc lập, với trình độ chuyên môn cao và vô tư đối với những đơn khiếu nại liên quan đến báo chí. Ở mức độ nào đó, hoạt động của Hội đồng này giống như hình mẫu Thụy Điển. Trên thực tế, vị Thư ký chấp hành của Hội đồng này thực thi chức năng uỷ viên thanh tra báo chí.

Luật pháp Ôxtrâylia, ngoài tội vu khống, xâm phạm vào đời sống riêng tư, tiết lộ các thông tin bí mật, v.v., còn trừng trị cả tội phỉ báng tình cảm tôn giáo, hành vi không đứng đắn và xâm phạm đạo đức xã hội. Theo luật phổ thông, việc công bố “những ý đồ không đứng đắn”, được coi là tội nhỏ. Ôxtrâylia chấp nhận tiêu chí của Anh để xác định xem một ấn phẩm nào đó có mang tính chất không đứng đắn hay không. Tiêu chí này gồm việc xác định xem “tài liệu bị coi là có nội dung không đứng đắn liệu có thể đầu độc những đối tượng mà ý thức của họ dễ bị ảnh hưởng về sự thiếu đạo đức được thể hiện trong ấn phẩm ấy và ấn phẩm ấy có thể rơi vào tay những đối tượng này” hay không.

Ngoài ra, các tòa án còn xác định tính chất phỉ báng hoặc không đứng đắn của một tài liệu nào đó bằng cách hiểu theo nghĩa là trong tài liệu ấy có chứa đựng một sự thách thức những tiêu chí lịch sử xã hội và vượt ra khỏi những tiêu chí ấy hay không. Người ta cũng tính đến

yếu tố là tài liệu ấy được phát hành trong công chúng rộng rãi hay chỉ trong một nhóm nhỏ các cá nhân.

Đa số các vụ tòa án truy cứu trách nhiệm về tội xâm phạm đạo đức xã hội đều liên quan đến vấn đề tình dục, nhưng việc công bố các tài liệu nói về bạo lực, hành vi tàn bạo và hành động sử dụng ma túy cũng đều có thể bị xem là án phẩm mang tính chất phỉ báng. Đa số các bang và các vùng lãnh thổ đều đã thông qua những điều luật bổ sung để điều chỉnh việc truy cứu trách nhiệm về tội xâm phạm đạo đức xã hội. Một số điều luật ấy đã soạn ra các biểu phân loại để có thể áp dụng nhằm cấm hoặc hạn chế việc tiếp cận khả năng phổ biến và quảng cáo các án phẩm. Thông thường luật pháp viện vào tài liệu “có tính chất phỉ báng hoặc thiếu đứng đắn”. Tài liệu này có thể được giải thích như là tài liệu phỉ báng các tiêu chuẩn xã hội hiện đại. Các đạo luật kiểm duyệt được thực hiện thông qua “tổ chức phân loại các bộ phim và các tác phẩm văn học”. Tổ chức này quy định rằng người xuất bản loại tài liệu bị coi là có tiềm năng trở thành tài liệu không đứng đắn trước hết phải gửi tài liệu ấy đến các cơ quan chính quyền hữu quan để được phân loại một cách thích đáng.

Luật phổ thông cũng coi là hành động vi phạm luật pháp nếu đăng các tài liệu phỉ báng thánh thần. Đó là những tài liệu có tính chất

phỉ báng nhà thờ Anh quốc giáo. Hành vi phỉ báng thánh thần được xác định phần nhiều qua phong cách bình luận, hơn là nội dung bình luận. Ví dụ, một bài bình luận phủ định hoặc phê phán các giáo điều chính thống của đạo Thiên chúa thì sẽ không bị xem là có tính chất phỉ báng, nếu bài đó được viết với phong cách ôn hòa, chừng mực. Trong suốt nhiều năm ở Ôxtrâyliya không ai bị truy cứu trách nhiệm về tội phỉ báng thánh thần. Năm 1992, Ủy ban cải cách luật pháp của miền Xứ Tây Nam Uên đã khuyến cáo về việc bãi bỏ truy cứu trách nhiệm về hành động phỉ báng thánh thần.

Năm 1989, Đạo luật (liên bang) về quảng cáo hút thuốc và quảng cáo các sản phẩm thuốc lá đã cấm quảng cáo xì gà và thuốc lá điếu trên các ấn phẩm thông tin đại chúng. Luật cấm này bị chỉ trích như là một đạo luật mang tính phân biệt đối xử, vì nó dành ngoại lệ cho các tờ báo được in hoặc phát hành bên ngoài lãnh thổ Ôxtrâyliya và được nhập vào nước này để bán, phát hành hoặc do các cá nhân sử dụng.

Năm 1991, Chính phủ liên bang đã đệ trình dự luật cấm quảng cáo chính trị trên đài phát thanh và truyền hình. Việc này không những gây ra sự phản đối của các chính đảng, mà cả của Ủy ban về quyền con người và của Hội đồng về các vấn đề báo chí. Dự luật này chứa đựng những điểm sửa đổi nhằm hạn chế quảng cáo,

không những trong thời gian diễn ra các đợt vận động bầu cử và các cuộc vận động tiến hành trưng cầu dân ý. Tháng 8-1992, Tòa án Tối cao đã thừa nhận dự luật này là không có hiệu lực.

Các chuẩn mực đạo đức và tính khách quan của báo chí Ôxtrâyli là một trong những chuẩn mực cao nhất thế giới. Những năm gần đây người ta thấy tình trạng quan ngại ngày càng tăng về tình hình tài chính của nền báo chí Ôxtrâyli. Tuy nhiên, điều đó không cản trở nhiều tờ báo tiến hành cạnh tranh trên thị trường quốc gia, mặc dù, đương nhiên, đa số các địa phương trong nước chỉ có một tờ báo chủ yếu. Sự tăng cường tập trung các phương tiện thông tin đại chúng và một cá nhân sở hữu nhiều phương tiện thông tin đại chúng khác nhau có thể phần nào giảm đi do áp dụng những điều khoản chống tởrott ghi trong Đạo luật về hoạt động thương mại và những điều khoản về chính sách phát thanh - truyền hình.

Mặc dù báo chí ở các khu vực khác nhau trên thế giới thường có những xu hướng phát triển chung, song ở từng nước lại có những đặc điểm riêng của mình.

Những xu hướng phát triển tiếp theo của các phương tiện thông tin đại chúng ở Mỹ cũng như ở châu Âu có đặc trưng là: chuyển những thông tin kinh doanh và nhanh nhạy vào các mạng

lưới máy tính, tăng tỷ lệ các ấn phẩm phân tích, bình luận và dự báo trong tổng số các bài vở, chuyển trọng tâm sang loại hình báo chí cá nhân (thể hiện qua hiện tượng tăng số lượng bài vở và chương trình phát thanh, truyền hình) có tên tác giả và sự đa dạng về thể loại...

Quá trình phát triển của các phương tiện thông tin đại chúng ở các nước châu Phi xích đạo có đặc trưng là cơ sở hạ tầng kém phát triển và sự lạc hậu về kinh tế của các nước phía nam sa mạc Xahara, các quá trình chính trị - xã hội diễn ra phức tạp và cơ cấu đã hình thành từ trước của các phương tiện thông tin đại chúng. Sự phát triển của công nghệ báo chí bị kìm hãm bởi tình trạng mù chữ trong dân cư và một nhân tố có ý nghĩa không kém quan trọng nữa là trong khu vực này có nhiều ngôn ngữ địa phương. Các báo và tạp chí thường được in bằng các thứ tiếng châu Âu. Việc xuất bản báo và tạp chí thường bị đặt dưới sự kiểm soát ngặt nghèo của nhà nước. Giấy và thiết bị in ấn đều nhập khẩu, còn truyền thống truyền miệng thì coi việc đọc sách báo là những hình thức hoạt động "bàn giấy". Sau năm 1990, các đài phát thanh - loại hình phương tiện thông tin đại chúng phát triển nhất ở châu Phi - bắt đầu ít chú ý hẳn đến các chương trình phát thanh bằng ngôn ngữ địa phương, nhưng vẫn tiếp tục phát triển với nhịp độ nhanh chóng.

Truyền hình và các công nghệ máy tính vẫn còn ở trong trạng thái sơ đẳng.

Trong điều kiện ngày nay, các phương tiện thông tin đại chúng ở khu vực châu Á - Thái Bình Dương đang trải qua thời kỳ phá bỏ một ngăn cách căn bản giữa những quan hệ cố hữu, tiếp thu kinh nghiệm của những nước chủ đạo trong lĩnh vực thông tin (đặc biệt là của Mỹ). Các phương tiện thông tin đại chúng của Trung Quốc, Đài Loan, Nhật Bản và Hàn Quốc đã bước vào thời kỳ “phương Tây hóa” nội dung, chủ yếu thuộc loại hình kiểu Mỹ. Đã xuất hiện các thể loại mới, chưa từng được biết đến, chẳng hạn, bút chiến một thể loại không phải là truyền thống của các nước này; sự sụp đổ của các quy tắc đạo đức đã có thời được xem là những quy tắc bất di bất dịch. Tất cả các nước trong khu vực đều tích cực áp dụng kỹ thuật tối tân nhất, hơn nữa, nhà nước tăng cường vai trò điều tiết. Ở mỗi nước trong khu vực, quá trình ấy diễn ra theo những cách khác nhau, nhưng định hướng thì hoàn toàn rõ ràng: dân cư hóa và hiện đại hóa diễn ra đồng thời với tăng cường vai trò của nhà nước đối với các phương tiện thông tin đại chúng.

Sự đa dạng về các hình thức và các phương pháp của hoạt động báo chí sáng tạo - đặc trưng cho các khu vực và những nước khác nhau - làm phong phú thêm cho nền văn hóa thế giới. Vì

vậy hiện nay, ở một loạt nước, xu hướng hiện hữu muốn đồng nhất các nền văn hóa theo khuôn mẫu của Mỹ đang vấp phải sự kháng cự, đặc biệt thể hiện qua hiện tượng bảo lưu các thể loại truyền thống và các quy tắc hành nghề mang tính truyền thống trong hoạt động của các nhà báo.

KẾT LUẬN

Các phương tiện thông tin đại chúng là trung tâm chú ý của các nhà nghiên cứu Nga, cũng như các nhà nghiên cứu nước ngoài. Hiện nay người ta đặc biệt chú ý đến những xu hướng phát triển của báo chí. Trong điều kiện như vậy điều có ý nghĩa quan trọng, có tính nguyên tắc là phương pháp luận - khoa học trong việc nghiên cứu các phương tiện thông tin đại chúng và các quá trình đang diễn ra của nó. Rất nhiều học thuyết và luận thuyết của báo chí nước ngoài đã phản ánh những đặc điểm tồn tại của xã hội hiện đại và tính đa diện của những quan điểm khoa học đối với việc phân tích hiện tượng phức tạp này.

Những hướng nghiên cứu ấy rất hiếm khi thể hiện ra dưới dạng thuần khiết. Những hướng ấy bổ sung cho nhau và làm phong phú thêm cho nhau, tùy thuộc vào lập trường của tác giả hoặc tùy thuộc vào những điều kiện lịch sử cụ thể. Những quan điểm dân chủ hiện đại (quan điểm dân túy, đại chúng, v.v..) thường biểu hiện ra như là những biến thể của thuyết đa nguyên. Những quan điểm này đã được các nhà khoa học Nga và các nhà khoa học thế giới nghiên cứu đầy đủ và vẫn được tiếp tục lưu tâm đến.

Để đảm bảo quyền lực thực sự của nhân dân thì cần phải thực hiện đồng bộ những nguyên tắc dân chủ, trong đó nguyên tắc tự do báo chí có một ý nghĩa quan trọng không nhỏ. Vì trong xã hội hiện thực các giai cấp, các nhóm và các tầng lớp nhân dân muốn giành lấy chính quyền hoặc duy trì chính quyền lại không ở trong những điều kiện hoàn toàn không ngang nhau, và mức độ kiểm soát các phương tiện thông tin đại chúng có ý nghĩa hàng đầu. Người ta đề ra và tích cực áp dụng (đặc biệt trong thời gian diễn ra các cuộc vận động bầu cử) các công nghệ chính trị đủ loại, trong đó chiếm vị trí quan trọng bậc nhất là các phương tiện thông tin đại chúng. Ngoài việc các nhóm đối nghịch sử dụng các phương tiện thông tin đại chúng một cách đúng đắn (tuân thủ các quy tắc tiến hành những cuộc tranh luận chính trị, tuân thủ những quy định và những bộ quy tắc đạo đức đã được đề ra và chính thức được thừa nhận ở một số nước; việc giám sát các phương tiện thông tin đại chúng dưới dạng ẩn phẩm và dưới dạng điện tử, v.v.), thì người ta còn sử dụng rộng rãi các phương pháp không tốt đẹp, gây sức ép với các nhà báo và các nhà xuất bản, sử dụng “nguồn lực hành chính” và nhiều thủ đoạn khác nữa. Phần lớn những phương pháp ấy được đề ra và đem thử nghiệm ở nước ngoài, nhưng giờ đây những phương pháp ấy được tích cực sử dụng ở Nga.

Các phương tiện thông tin đại chúng ở nhiều nước đã bị người ta sử dụng một cách có ý thức để đạt được những mục tiêu địa - chính trị (xin tham khảo về các chiến dịch tuyên truyền của Mỹ, đặc biệt là nhằm chống lại Irắc và những nước khác), cũng như để thực hiện chính sách đối nội của nhà nước vì lợi ích của giới cầm quyền. Hơn nữa, trong một số trường hợp người ta còn áp dụng các phương pháp tuyên truyền thao túng tư tưởng.

Trong bối cảnh của sự giao lưu và đối thoại quốc tế ngày nay, với việc sử dụng rộng rãi trao đổi thông tin quốc tế, thì những vấn đề như các quyền cơ bản và các quyền tự do của con người, trật tự trao đổi thông tin quốc tế, các quá trình chính trị trong nước liên quan đến các phương tiện thông tin đại chúng và nhiều quá trình khác đã trở thành đối tượng đấu tranh gay gắt ở cấp quốc tế. Các nhu cầu của xã hội về thông tin được các phương tiện thông tin đại chúng thỏa mãn ở mức độ và với khối lượng đặc trưng cho một nước cụ thể nào đó trong những điều kiện lịch sử xác định.

Việc phân tích các xu hướng phát triển của báo chí trên thế giới cho thấy rằng toàn cầu hóa thông tin đã buộc người ta phải xét lại và hiện đại hóa các chiến lược của cộng đồng thế giới trong lĩnh vực phổ biến thông tin. Sự kết hợp thông tin toàn cầu và “lợi ích khu vực” làm cho

hoạt động của các phương tiện thông tin đại chúng trở nên hữu hiệu hơn và có hiệu lực hơn, xét từ góc độ hình thành công luận và thao túng công luận. Vẫn tiếp tục sâu thêm hố ngăn cách giữa các nước “giàu” và các nước “nghèo”, tạo ra mối đe dọa thực tế đối với các quyền cơ bản và các quyền tự do của con người, trong đó có quyền tự do ngôn luận và tự do báo chí.

Ở tất cả các nước trên thế giới người ta thấy có mối quan hệ ngày càng chặt chẽ giữa báo chí và kinh tế. Trong những năm gần đây diễn ra sự thay đổi về cơ cấu kinh tế của các phương tiện thông tin đại chúng. Quảng cáo ngày càng có ý nghĩa to lớn như là nguồn thu tài chính chủ yếu. Ở nhiều nước, nhà nước tài trợ trực tiếp cũng như gián tiếp cho các phương tiện thông tin đại chúng: dành cho những ưu tiên, những điều kiện ưu đãi, cung cấp đơn đặt hàng quảng cáo cho chính phủ, v.v.. Việc các phương tiện thông tin đại chúng nhập vào các tập đoàn công nghiệp - tài chính cho phép đạt được sự ổn định tài chính của các phương tiện thông tin đại chúng.

Sự phân loại và chuyên môn hóa báo chí tạo điều kiện nâng cao hiệu lực hoạt động của báo chí, đài phát thanh và truyền hình, sử dụng một cách có hiệu quả nhất các nguồn đã có.

Trong hoạt động thực tiễn của báo chí các nước ngoài có thể nhắc đến nhiều đổi thay, trong đó có thể nêu lên một số xu hướng: xu

hướng “nhân dân”, xu hướng tiêu dùng, xu hướng nghiên cứu và điều tra, báo chí “mới” và những xu hướng khác. Dĩ nhiên những khuynh hướng ấy nhằm nâng cao hiệu quả của các ấn phẩm báo - tạp chí, các chương trình phát thanh và truyền hình. Đồng thời, những khuynh hướng ấy còn phản ánh những đòi hỏi của thị trường. Thị trường ngày càng có ảnh hưởng đến báo chí.

Sự phát triển rất nhanh chóng của khoa học và kỹ thuật có ảnh hưởng quan trọng đến các phương tiện thông tin đại chúng hiện đại, đến những hình thức và phương pháp hoạt động của các nhà báo. Vai trò của nhà nước tăng lên. Chính sách cạnh tranh của nhà nước quyết định rất nhiều tương lai của các phương tiện thông tin đại chúng. Logic nội tại của sự phát triển khoa học và kỹ thuật dẫn đến những thay đổi nhanh chóng trong việc tạo ra những thiết bị ngày càng mới để thu thập, xử lý, bảo quản và phổ biến thông tin. Đến lượt nó, điều này dẫn đến những hệ quả xã hội mà ý nghĩa của những hệ quả ấy thì khó có thể dự đoán trước được. Trong những điều kiện như vậy người ta thấy ngày càng tăng vai trò điều chỉnh của nhà nước. Thông qua chính sách cạnh tranh có suy tính kỹ, thông qua luật pháp và những biện pháp khác, nhà nước có thể thúc đẩy phát triển hơn nữa các phương tiện thông tin đại chúng và ngăn ngừa những hệ quả xã hội không mong muốn (nạn

thất nghiệp do áp dụng những quy trình công nghệ cao, “tư tưởng ý lại thông tin”, v.v..).

Như đã thấy qua sự phân tích trên đây, sự khác biệt của những hệ thống pháp luật hiện hành trên thế giới tạo ra những khó khăn nhất định cho hoạt động của các phương tiện thông tin đại chúng trong điều kiện tồn tại một không gian thông tin toàn cầu. Bên cạnh đó, thực tiễn chung của từng quốc gia thúc đẩy sự phát triển của luật pháp quốc tế (trong đó có luật thỏa thuận) vì thực tiễn bắt nguồn từ sự cam kết pháp lý và có thể làm xuất hiện quy định của luật pháp quốc tế thông thường hoặc luật pháp địa phương. Sự tồn tại thực tiễn chung của các nước tham gia hiệp ước quốc tế có thể góp phần đưa đến một cách giải thích thống nhất về các điều khoản trong hiệp ước. Những đặc điểm pháp lý trong hoạt động của các phương tiện thông tin đại chúng ở các nước thuộc hệ thống luật pháp khác nhau không làm giảm tính thời sự của yêu cầu hài hòa các bộ luật quốc gia, mà càng nhấn mạnh sự cần thiết phải có sự hài hòa đó.

Sự điều chỉnh các dòng thông tin có thể thực hiện bằng cách dành cho chúng những quyền hết sức rộng rãi, những quyền tự do và những ưu đãi bên cạnh hệ thống tự điều chỉnh được xây dựng một cách chi tiết, cũng như bằng biện pháp hành chính ngặt nghèo trong điều kiện tồn tại một cơ chế tự điều chỉnh yếu ớt của báo chí.

Các tổ chức báo chí quốc tế giữ vai trò tích cực trong việc bảo vệ tự do ngôn ngữ và tự do báo chí, bảo vệ lợi ích nghề nghiệp của các nhà báo và những điều kiện lao động của các nhà báo. Hiện nay, nhiều tổ chức báo chí quốc tế đang xét lại các cơ sở hoạt động của mình.

Sự đa dạng về các hình thức và phương pháp trong hoạt động sáng tạo báo chí là đặc trưng của những khu vực khác nhau và các nước khác nhau trên thế giới. Sự đa dạng này làm phong phú nền văn hóa thế giới. Còn ở một số nước xu hướng hiện hữu muốn nhất thể hóa các nền văn hóa theo khuôn mẫu Mỹ đang vấp phải sự kháng cự, đặc biệt được thể hiện qua hiện tượng bảo lưu những thể loại truyền thống và những quy tắc nghề nghiệp trong hoạt động của các nhà báo.

Xuất phát từ những điều đã dẫn ra trên đây, có thể đề ra một số khuyến nghị thực tiễn với những người làm công tác thông tin đại chúng và các nhà chính trị học.

Thứ nhất, việc tính đến những lý thuyết và những luận thuyết báo chí hiện hành ở nước ngoài sẽ cho phép tiếp cận một cách có cân nhắc hơn đối với việc phân tích các quá trình đang diễn ra ở một nước nào đó.

Thứ hai, sự phát triển của các phương tiện thông tin đại chúng và của báo chí - với tư cách là một thiết chế chính trị đặc thù - gắn hết sức

chặt chẽ với những điều kiện chính trị - xã hội hiện hành ở một nước nào đó. Tiếp tục nghiên cứu hơn nữa những điều kiện hoạt động của các phương tiện thông tin đại chúng sẽ cho phép đưa ra một sự dự báo chính xác hơn về sự phát triển của các phương tiện thông tin đại chúng.

Thứ ba, không thể thực hiện được công tác giáo dục văn hóa chính trị cho dân chúng nếu không có văn hóa chính trị của các phương tiện thông tin đại chúng. Do vậy, cần xác định những ưu tiên trong phát triển các phương tiện thông tin đại chúng xét trên góc độ nội dung và sự đáp ứng với những giá trị đạo đức hiện hành trong xã hội. Để có được điều đó cần đề ra những bộ quy tắc đạo đức của báo chí, của lĩnh vực phát thanh và truyền hình, phải áp dụng những hình thức tự điều tiết tiên tiến của các phương tiện thông tin đại chúng.

Thứ tư, cần áp dụng mạnh hơn vào thực tiễn thường nhật của các phương tiện thông tin đại chúng những thành tựu mới nhất của khoa học và kỹ thuật. Điều đó sẽ cho phép nâng cao hiệu quả và chất lượng hoạt động của các nhà báo. Ngoài ra, sự tụt hậu về khoa học và kỹ thuật có thể đẩy đất nước vào sâu sau trong lĩnh vực thông tin.

Thứ năm, hợp lý hóa và hài hòa hóa các quan hệ giữa các phương tiện thông tin đại chúng và các cơ cấu chính quyền, nghĩa là chính quyền

không đàn áp báo chí, còn báo chí thì đưa ra những tư tưởng mang tính xây dựng.

Thứ sáu, đề ra những cơ chế cản trở hành vi của các phương tiện thông tin đại chúng nói chung và các nhà báo nói riêng sử dụng những công nghệ chính trị không tốt đẹp, làm ảnh hưởng xấu đến lòng tin của quần chúng đối với các phương tiện thông tin đại chúng và đối với các cơ cấu chính quyền.

Việc biết cách áp dụng những kinh nghiệm tiên tiến của báo chí hiện đại ở nước ngoài và ở các khu vực khác nhau trên thế giới sẽ cho phép giảm thời gian nghiên cứu đề ra những cách tiếp cận mới đối với báo chí.



MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
<i>Lời Nhà xuất bản</i>	5
 Chương I	
BÁO CHÍ VÀ XÃ HỘI	7
I. CÓ NHIỀU LÝ THUYẾT TRÊN 23 TRANG GIẤY	8
II. CÁC PHƯƠNG TIỆN THÔNG TIN ĐẠI CHÚNG VÀ ĐỊA - CHÍNH TRỊ	40
III. BÁO CHÍ: CÁC QUYỀN VÀ CÁC QUYỀN TỰ DO. DÀNH CHO AI?	78
 Chương II	
NHỮNG XU HƯỚNG PHÁT TRIỂN CỦA BÁO CHÍ TRÊN THẾ GIỚI	121
I. TOÀN CẦU HÓA THÔNG TIN	122
II. BÁO CHÍ VÀ KINH TẾ	167
III. TẬP TRUNG VÀ ĐỘC QUYỀN HÓA	219
IV. QUÁ TRÌNH PHÂN HÓA VÀ CHUYÊN MÔN HÓA	238
V. THỰC TIỄN: SỰ ĐA DẠNG VÀ NÉT CHUNG	275
VI. BÁO CHÍ VÀ KỸ THUẬT	293

Chương III
LUẬT PHÁP VÀ SỰ TỰ ĐIỀU CHỈNH
CỦA BÁO CHÍ 331

- I. CÁC PHƯƠNG TIỆN THÔNG TIN ĐẠI CHÚNG
Ở CÁC NƯỚC CÓ HỆ THỐNG LUẬT PHÁP
KHÁC NHAU 334
- II. SỰ TỰ ĐIỀU CHỈNH CỦA BÁO CHÍ 359
- III. PHONG TRÀO BÁO CHÍ QUỐC TẾ 397

Chương IV
NHỮNG ĐẶC ĐIỂM DÂN TỘC
TRONG SỰ PHÁT TRIỂN CỦA BÁO CHÍ 409

- I. NHỮNG ĐẶC ĐIỂM TRONG HOẠT ĐỘNG
CỦA CÁC PHƯƠNG TIỆN THÔNG TIN ĐẠI CHÚNG
Ở CHÂU ÂU VÀ MỸ 410
- II. LỤC ĐỊA CHÂU PHI: "QUY LUẬT CON LẮC" 425
- III. BÁO CHÍ CÁC NƯỚC BẮC PHI VÀ CẬN ĐÔNG
TRONG NHỮNG ĐIỀU KIỆN HIỆN NAY 452
- IV. CÁC PHƯƠNG TIỆN THÔNG TIN ĐẠI CHÚNG
Ở CÁC NƯỚC THUỘC KHU VỰC CHÂU Á -
THÁI BÌNH DƯƠNG 476
- KẾT LUẬN** 509

**BÁO CHÍ HIỆN ĐẠI NƯỚC NGOÀI:
NHỮNG QUY TẮC VÀ NGHỊCH LÝ**

Chịu trách nhiệm xuất bản:
Vũ Quốc Khánh

Biên tập:
Nguyễn Cường Dũng
Vũ Kim Hải

Trình bày bìa:
Nguyễn Tuấn

Sửa bản in:
Nguyễn Ngọc Bích
Văn Chiến Thắng

In 1.500 cuốn, khổ 13 x 19 cm.

Giấy ĐKKHXB số 201/XBTT/421/XB-QLXB cấp ngày
7/4/2004. In tại Công ty in Giao thông.
In xong và nộp lưu chiểu tháng 10-2004.

BỘ SÁCH NGHIỆP VỤ BÁO CHÍ

Xuất bản đợt II

- Báo chí hiện đại nước ngoài:
những quy tắc và nghịch lý
- Công nghệ phỏng vấn
- Chúng tôi làm tin
- Báo chí điều tra
- Các thể loại báo chí
- Báo chí truyền hình
- Giao tiếp trên truyền hình:
Trước ống kính và sau ống kính camera
- Nghề quảng cáo
- Các thể loại báo chí phát thanh
- Nghệ thuật thông tin
- Cơ sở lý luận của báo chí
- Nghiệp vụ báo chí: Lý luận và Thực tiễn
- Phóng sự báo chí hiện đại

NHÀ XUẤT BẢN THÔNG TIN: 11 Trần Hưng Đạo - Hà Nội
Điện thoại: (04) 9332278 / 9332279 * Fax: (04) 9332276
CHI NHÁNH PHÍA NAM: 120 Nguyễn Thị Minh Khai - Q3 - TP HCM
Điện thoại: (08) 9302826 * Fax: (08) 9306471

Báo chí hiện đại nước ngoài
**NHỮNG QUY TẮC
VÀ NGHỊCH LÝ**



Giá 58.000đ